

Bùi
Ngọc
Tân



Viết về bạn

Tập chân dung
văn nghệ sĩ



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Viết về bè bạn

BIỂU GHI BIÊN MỤC TRƯỚC XUẤT BẢN DO THU VIỆN KHTH TP.HCM THỰC HIỆN
General Sciences Library Cataloging-in-Publication Data

Bùi Ngọc Tấn, 1934-

Viết về bè bạn : tập chân dung văn nghệ sĩ / Bùi Ngọc Tấn. - T.P. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2014.
632 tr. : tranh ảnh ; 20 cm.

1. Bùi Ngọc Tấn, 1934-. 2. Nhà văn Việt Nam -- Thế kỷ 21. 3. Văn học Việt Nam -- Thế kỷ 21.
4. Văn nghệ sĩ -- Việt Nam -- Thế kỷ 21.

1. Bùi Ngọc Tấn, 1934-. 2. Authors, Vietnamese -- 21st century. 3. Vietnamese literature -- 21st
century. 4. Artists --Vietnam -- 21st century.

895.9228034 -- dc 23
B932-T16

Bùi
Ngọc
Tân

Viết về bè bạn

Tập chân dung
văn nghệ sĩ

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Lời đầu sách

Hồi còn trẻ, đọc những hồi ký của các nhà văn lớn viết về mình, viết về nhau, về cuộc đời văn chương của họ, tôi cứ ao ước đến khi nào già (còn lâu lắm!) cũng sẽ viết hồi ký về bản thân, về bè bạn. Đến lúc ấy hẳn sẽ có bao nhiêu chuyện để kể và cánh trẻ hẳn sẽ thích thú khi đọc mình như bây giờ mình mê đi khi đọc hồi ký của các bậc lão trượng. Thời ấy viết hồi ký phải có hai điều kiện: Một là phải già (thì sau này chắc chắn tôi sẽ già). Hai, phải là những cây đa cây đề (thì bây giờ mới hai mươi tuổi chả lẽ năm mươi năm nữa, mình lại không là một cái cây... gì đó tỏa bóng mát).

Thời gian đã chứng minh những suy nghĩ của tôi là không đúng. Năm mươi năm sau, quả là tôi đã già. Thế nhưng tuy già, tôi vẫn chỉ là một cây gai, cây ké mọc ở bên lề đường văn học. Cũng may cuộc sống đã dân chủ hơn: Quyền được viết và in hồi ký, kể lại cuộc đời mình và bè bạn không còn là của riêng một tầng lớp nào. Mặc dù vậy nhưng tôi không có ý định hồi ký về tôi. Bởi vì tôi còn mãi mê đuổi theo những công việc khác. Hơn nữa nhìn lại cuộc đời toàn những thất bại của mình, tôi thấy nó mệnh mông bề Sở, khó mà ôm cho hết. Lực bất tòng tâm. Với lại có được hồi ký về những thất bại không nhỉ?

Tập **Viết về bè bạn** mà các bạn đang có trong tay là ngoài dự định của tôi. Nó được hình thành một cách ngẫu nhiên. Bắt đầu là một lời xui giục để rồi có những trang về Nguyễn Hồng. Và một đơn đặt hàng viết kịch bản phim về Lê Đại Thanh. Rồi hôm nay nhớ về người bạn này, tháng sau nghĩ về người bạn khác. Các bạn tôi là tuổi trẻ của tôi, là một phần của cuộc đời tôi. Bao giờ nghĩ về họ tôi cũng thấy chúng tôi đã sống đẹp làm sao, dù khó khăn đến đâu cũng cứ sống, cứ yêu đời, cứ làm việc. Họ là các nhà văn, nhà báo, họa sĩ, nhiếp ảnh gia, tức là những nghệ sĩ, mà người ta nói rằng nghệ sĩ là tiêu biểu của nhân dân cũng như nói hiền tài là nguyên khí quốc gia vậy.

Thôi thì trong khi chưa hồi ký được về mình hãy **Viết về bè bạn**. Nhưng các bạn tôi hầu hết là những người chịu nhiều vất vả, kể cả đắng cay, những người lận đận, không

thành đạt. Đành có sao viết vậy. Đây không phải tập sách viết về những ngôi sao sáng mà phần lớn là những ngôi sao mờ mịn vẫn vũ bão giông, một tập sách viết về những người luôn vượt lên, không đầu hàng số phận.

Tôi viết về họ như những người mang nghiệp chương trong mình. Tôi viết về sự nhếch nhác trần ai của họ, của những người làm nghề mà các tập chân dung văn nghệ sĩ khác chưa nói tới hoặc chỉ nói qua. Viết về cái chông gai và cả hiểm nguy của người nghệ sĩ, đặc biệt là với nghề văn để các bạn trẻ suy nghĩ kỹ trước khi bước vào nghề, dấn thân vào cuộc phiêu lưu với nghệ thuật ngôn từ. Tôi muốn có bóng dáng thời đại chúng tôi đã sống trong những trang sách của tôi, tôi cũng hiểu được rằng viết chân dung, viết hồi ký là phải trung thực nếu không muốn mình là kẻ bịp bợm.

Cuối cùng tôi muốn nói với các bạn đọc, đặc biệt các bạn đọc trẻ rằng viết hồi ký thật vui nhưng cũng thật buồn. Vui như tôi đã nói ở trên. Còn buồn vì khi cầm bút viết hồi ký là mình... sắp đến cõi rồi...

Ngã Sáu 6/2003

Bùi Ngọc Tấn

PHẦN THỨ NHẤT

Rừng xưa xanh lá

Tôi là bạn của ông Dương Tường

Chuyện ở thành phố Hồ Chí Minh:

Một lần Dương Tường đưa nhóm họa sĩ 5 người (gang of five) từ Hà Nội vào thành phố Hồ Chí Minh mở triển lãm. Nguyễn Quân mời tất cả tới khách sạn chiêu đãi. Dương Tường đi xích lô, tay cầm tờ Vietnam News cẩn thận, bước vào khách sạn. Người gác cửa khách sạn to lớn, mặc đồng phục nắm chặt vai anh, đẩy ra vỉa hè:

- Không được bán báo ở trong ấy! Đi ra ngoài kia mà bán!

Chuyện ở Hà Nội:

Một ngày giáp Tết, nghe mấy họa sĩ trẻ rủ rê, Dương Tường đi chợ hoa với họ. Vào chợ, họ tản mát khắp nơi để chọn bằng được một cành đào ưng ý. Lơ ngơ một mình giữa chợ, Tường mua đại một cành đào, vác ra ngoài cổng chợ đứng chờ. Đang cầm cành hoa mới mua, xo ro trong mưa dầm gió bắc, bỗng một bàn tay nắm lấy vai anh, đẩy anh vào trong chợ:

- Không được bán hoa ở đây! Mang vào trong chợ mà bán!

Đó là người bảo vệ chợ.

Đứng ở trong bị đẩy ra ngoài. Đứng ở ngoài bị đẩy vào trong. Người ta nhầm Dương Tường là người bán báo, người bán hoa. Nhưng học theo cách nói của Nguyễn Tuân, tôi nghĩ chưa ai nhầm Dương Tường là nhà thơ, nhà văn hóa cả...

Buổi biểu diễn kết thúc, đèn bật sáng trong những tràng vỗ tay ran và khán giả đứng dậy ra về, gặp tôi trong hành lang nhà hát, lối thông lên sân khấu, bà Lorelle Browning vẫn giữ nguyên nụ cười trước thành công của buổi diễn. Thấy tôi, bà tiến sĩ người Mỹ này dừng lại, chắp hai tay trước ngực, xá tôi một xá và cúi đầu chào tôi một cách rất phương Đông:

- Chào ông. Tôi là bạn của ông Dương Tường.

Tất nhiên bà phát âm lơ lớ, kiểu phát âm của một người ngoại quốc đang tập nói những câu giao tiếp tiếng Việt. Và một trong những câu đầu tiên bà học để có thể tự nói bằng tiếng Việt là câu nói trên. *Tôi là bạn của ông Dương Tường*. Trong câu chuyện giữa chúng tôi đó là câu duy nhất bà nói không phải qua phiên dịch. Còn cứ là phải nhờ “phiên dịch” Thu Hà, một nữ nghệ sĩ sân khấu xinh đẹp, người vừa từ sân diễn trong vai một phu nhân lộng lẫy quyền quý của *Giấc mộng đêm hè* bước xuống.

Hồi chiều, khi đoàn kịch nói Việt-Mỹ (tôi cứ tạm đặt tên như vậy) vừa từ Hà Nội về Hải Phòng, còn đang nhận phòng tại khách sạn Hòa Bình trước cửa ga, tối thăm nữ nghệ sĩ Thu Hà, tôi đã gặp bà Lorelle Browning tại đó. Bà cùng ông chồng ở phòng gần bên. Thu Hà giới thiệu tôi với bà một cách vắn tắt nhất:

- Nhà văn Bùi Ngọc Tấn, bạn của nhà thơ Dương Tường.

Bà reo lên:

- A!

Và đứng thẳng người, chấp hai bàn tay trước ngực, xá tôi một xá:

- Chào ông. Tôi là bạn của ông Dương Tường.

Đó là một cách nói: Tôi với ông là bạn. Bởi chúng ta cùng có một người bạn chung: Ông Dương Tường. Nó cũng đồng thời như một chứng chỉ bà là người bạn của nghệ thuật Việt Nam.

Chúng ta còn nhớ năm 1999, một đoàn kịch nói Việt Nam đã sang Mỹ diễn *Hôn Trương Ba da hàng thịt*. Một tháng rưỡi đoàn lưu diễn ở các trường đại học. Diễn tiếng Việt nhưng phụ đề màn hình bằng tiếng Anh. Tưởng như sẽ khó khăn cho việc tiếp nhận nghệ thuật, cho việc giao lưu tình cảm giữa sàn diễn và người xem. Nhưng kết quả có thể nói là vượt sự mong đợi. Dư luận Mỹ rất hoan nghênh. Hoan nghênh về nghệ thuật. Hoan nghênh về một hình thức giao lưu văn hóa mới, về sự hiểu nhau thêm giữa hai dân tộc. Mặc cho một số Việt kiều quá khích ở Los Angeles biểu tình phản đối, những buổi biểu diễn của đoàn kịch Việt Nam vẫn cứ đầy ắp người xem. Diễn xong khán giả còn đứng dậy hoan hô (đứng dậy hoan hô là một hình thức hoan nghênh đặc biệt tại Mỹ).

Một năm sau, năm 2000, chương trình hợp tác sân khấu Việt Mỹ lại có những sáng kiến mới. Không chỉ là đoàn kịch nói Việt Nam sang Mỹ như trước, hay ngược lại, một đoàn nghệ sĩ sân khấu Mỹ tới biểu diễn ở Việt Nam, mà là các diễn viên Mỹ và Việt Nam cùng diễn chung một vở, diễn viên Việt nói tiếng Việt, diễn viên Mỹ nói tiếng Anh, tất nhiên là phải dùng đến phụ đề trên màn hình vi tính. Vở được chọn là *Giấc mộng đêm hè* của Shakespeare. Và *Những con thú thủy tinh* (*The glass menagerie*) của Tennessee Williams, Mỹ. Tôi gặp bà Lorrelle trong dịp đoàn về Hải Phòng công diễn hai vở trên trước khi bay vào thành phố Hồ Chí Minh. Bà

Lorrelle là chủ nhiệm chương trình. Diễn ở các thành phố lớn Việt Nam rồi sẽ sang Mỹ biểu diễn. Chắc chắn chương trình giao lưu nghệ thuật này có tác dụng góp phần vào việc nhân dân hai nước hiểu nhau hơn, một bước tiến trong quá trình hai dân tộc cùng nhau hướng tới tương lai.

Nhưng thật ít người biết được rằng sáng kiến gây tiếng vang này lại nảy sinh trong một buổi trò chuyện về sân khấu giữa Dương Tường với bà Lorrelle. Là tiến sĩ văn khoa, giảng dạy ở trường Pacific University, bà tới Việt Nam giảng dạy về Shakespeare ở trường Đại học Huế và trường Đại học Tổng hợp Hà Nội. Những lúc rỗi rãi, bà muốn có người trò chuyện. Một hôm, bà nghĩ ấy với cô Diana, một người nước ngoài làm phóng viên cho tờ *Vietnam News*: Giá có ai ở Hà Nội mà nói chuyện về Shakespeare được thì thích quá nhỉ?

Cô Diana tươi cười bảo bà:

- Có chứ. Sao lại không?

Cô Diana đưa bà Lorrelle Browning đến nhà Dương Tường, 3B Phan Huy Chú. Thế là chuyện dứt không ra. Rất tâm đầu ý hợp. Tường nói cho bà biết Tường đã dịch Shakespeare, sân khấu Việt Nam đã từng dựng Shakespeare: Romeo và Juliet, vua Lear. Othello thì đang dựng dở... Bà Lorrelle nói về Shakespeare bên Mỹ, về những nhà hát đã công diễn Shakespeare, về sự mãi mãi say mê của công chúng Mỹ đối với nhà viết kịch vĩ đại...

Bỗng nhiên Tường hỏi:

- Sao bây giờ chúng ta không làm một cuộc trao đổi sân khấu giữa Việt Nam và Mỹ nhỉ?

Đó là một ngẫu hứng, một ngẫu hứng “*nhiều khi không phải xuất phát từ những kế hoạch định sẵn, mà nảy ra từ sự gặp gỡ giữa con người với con người cụ thể*” như một bài báo đã viết về anh.

Lorrelle Browning im lặng. Bà suy nghĩ và như đang cân nhắc những vấn đề gì đó. Rồi bảo:

- Tôi phải xem sân khấu Việt Nam thế nào đã.

Dương Tường đưa bà khách Mỹ, một chuyên gia về Shakespeare của nước Mỹ tới gặp những người có trách nhiệm trong Hội Nghệ sĩ sân khấu. Trọng Khôi, Nguyễn Đình Nghi vốn từ lâu đã là những người bạn của anh. Đôi bên thống nhất trước tiên hãy cử một đoàn nghệ sĩ Việt Nam sang Mỹ công diễn một vở kịch Việt Nam, tất nhiên là diễn bằng tiếng Việt. Bà Lorrelle đề xuất sáng kiến khắc phục rào cản ngôn ngữ bằng phụ đề. *Hồn Trương Ba da hàng thịt* của Lưu Quang Vũ được chọn. Nhạc sĩ Xuân Oanh dịch kịch bản. Dương Tường hiệu đính. Tường cùng Trọng Khôi làm dự toán. Bà Lorrelle không biết mỗi mét trong việc chạy thủ tục, chạy kinh phí. Cuối cùng ông Oscar người Thụy Điển đại diện Quỹ Ford tại Việt Nam đồng ý tài trợ cho cả chuyến đi.

*

Dương Thu nói Dương Tường là người của giao tiếp. Vợ con anh bảo anh ham vui, thích lang bang nơi này nơi khác. Ngay từ thập kỷ 60, thời gian rất căng thẳng, mặc dù đã bị công an thẩm vấn nhiều lần, mỗi bước đi đều bị giám sát chặt chẽ, anh vẫn cứ lang bang. Anh tin rằng rồi người ta sẽ hiểu anh, anh chỉ đến với nghệ thuật và như vậy chẳng có gì để sợ. Với lại cảm giác “*nhôn nhột sau gáy*”, anh đã quen rồi. Như anh quen với việc một số người, trước đây từng là bạn, lảng tránh anh. Những người anh đến chơi cũng đều là những người đã quen “*giật mình một cái vồ vai*”¹ như quen với sự hiện diện của anh. Thế giới giao tiếp của anh thật đa dạng. Từ ông chủ tịch Hội Nghệ sĩ sân khấu tới các diễn viên trẻ, từ những ông tổng biên tập báo tới các phóng viên mới vào nghề, từ những họa sĩ còn hàn vi, vẽ tranh bảo hộ lao động kiếm sống đến những nhân vật tiếng tăm như Nguyễn Tuân, Sĩ Ngọc, Bùi Xuân Phái, Dương Bích Liên... Anh chơi thân với Văn Cao, với Trịnh Công Sơn. Nhà anh giống một câu lạc bộ. Câu lạc bộ đa ngành đa nghề. Trong đám khách ngồi im lặng ký họa trên tầng gác mới xây thêm ở Mai Gallery ngõ số 3B Phan Huy Chú ta dễ dàng bắt gặp nhóm họa sĩ trẻ Hà Trí Hiếu, Đinh Quân, Đặng Xuân Hòa, Đỗ Phấn... Cũng có khi là một đám khách “tạp” nhiều ngành nghề uống bia chuyện gẫu: Hoàng Cẩm, Nguyễn Quân, Bảo Ninh, Dương Thu

¹ Thơ Hoàng Hưng

Hương. Và đoàn xe nổ máy âm âm đang ngoặt vào nhà anh mời anh đi ăn cơm cá bống kho phở Lò Đúc kia là Nguyễn Thanh Sơn, nữ phóng viên báo *Tuổi Trẻ* Thuý Nga vừa từ thành phố Hồ Chí Minh ra, Ngô Hà Thái và Phạm Xuân Nguyên. Lại nữa, một ông già tuổi trên 90 nhưng còn rất nhanh nhẹn, khỏe mạnh và cả vui tếu nữa: họa sĩ Hoàng Lập Ngôn đang dán mũi vào một tập tranh in. Vợ chồng Đỗ Minh Tâm, Vũ Bích Thủy về nhà “chú Tường” như về nhà mình. Hoàng Đăng Nhuận từ Huế xuống ga Hàng Cỏ tới thẳng nhà Tường, quăng ba lô trèo lên giường ngủ vùi, ngủ như chưa bao giờ được ngủ. Ở Sài Gòn anh có không biết bao nhiêu bạn: Cao Xuân Hạo, Nguyễn Thanh Bình, Lưu Công Nhân, Trịnh Cung, Trần Tiến, Hồ Thu Hồng, Tường Vân... Tôi nhớ vào buổi sáng sau khi bế mạc Đại hội Nhà văn một ngày, Nguyễn Thị Minh Thái và con gái lại nhà Dương Tường kéo chúng tôi đi ăn sáng tại một nhà hàng trên đường Lý Thường Kiệt và gặp Phú Quang ở đó, Phú Quang mời Dương Tường vào thành phố Hồ Chí Minh dự một chương trình biểu diễn ca khúc của anh, Dương Tường nhận lời và hôm sau bay cùng Phú Quang tấp lự.

Châu Diên đã viết một bài về Dương Tường mà ngay đầu đề cũng đã nói đúng cái chất Dương Tường: **Rồng rắn lên mây... Ông Tường có nhà không?** “*Với ông Tường thì cần thận réo lên như thế cũng không thừa. Vì ông... không bao giờ có nhà, ông vắng nhà ngay cả khi ông có nhà theo cái nghĩa dung tục đời thường. Ông đang ở*



Bùi Ngọc Tấn và Dương Tường. Ảnh: Nguyễn Đình Thi.

vẫn đâu đó... Ta cứ việc réo lên rồi ta cứ xộc đến với ông. Ông không từ chối ai hết.

Giờ đây người ta đã hiểu toàn bộ con người anh là thuộc về nghệ thuật. Câu nói hơi có vẻ to tát này chỉ để nói một điều: *Đã bớt đi những câu hỏi đặt ra về sự giao du phức tạp, đáng ngờ của anh và sự phức tạp đáng ngờ của chính bản thân anh.* Bớt đi thôi vì ngoài những người “có vấn đề” lại còn *cánh tây đằm* cứ ra vào nhà ông Tường toi tới. Luôn có những người châu Âu châu Mỹ, cao mét tám, hai mét, tóc vàng, tóc bạch kim, mắt xanh, mũi lõ, quần bò, quần soóc, váy dài, váy ngắn, đàn ông, đàn bà khoác ba lô, mang túi đi từ ngõ vào, hỏi những người trong ngõ

bằng một giọng lơ lớ mà chỉ về sau mới quen, mới hiểu còn lúc đầu nghĩ mãi không ra:

- *Tôi hơi nha ôn duôn tuôn.*

Vào nhà ông Tường một lúc. Rồi ra. Chẳng biết chuyện với nhau những gì. Chỉ biết khi vào, tay xách một gói vuông vắn. Khi ra tay không. Xóm phố nhìn anh bằng cặp mắt soi mói ngỡ vực. Anh được mời ra đôn làm việc. Và không quên phải cầm theo cái gói nhỏ người nước ngoài tặng anh: Một gói sách.

Đầu năm 1990 Joren Gerhart, nhà nhiếp ảnh người Thụy Điển từ Hong Kong tới Hà Nội và tìm đến Dương Tường do nữ phóng viên Shelly Goll giới thiệu. Chàng trai (bằng tuổi Hải Âu con trai anh) cao một mét chín tám này làm ảnh cho một số tạp chí của Hong Kong, trong đó có chuyên mục chân dung nghệ sĩ cho tờ *Asian Art News*. Anh ta nghĩ muốn được chụp ảnh một số văn nghệ sĩ Việt Nam. Rất vui vẻ, Tường kéo anh ta đi ăn cơm bụi, đi chơi, đến nhà những người bạn của anh ở Hà Nội, toàn những người Gerhart sẽ phải chụp ảnh. Anh chàng phóng viên nhiếp ảnh rất phấn khởi:

- Shelly Goll đã đúng. Cô ấy bảo cứ đến ông là gặp đủ mọi người.

Trần Phương Mai, con gái anh đưa Gerhart đến những địa chỉ phải đến. Chỉ ít ngày sau, Gerhart đã có trong tay chân dung những văn nghệ sĩ nổi tiếng của Hà Nội. Rồi Mai đưa Gerhart vào Huế gặp Bửu Chỉ, Hoàng Phủ Ngọc

Tường, tổ chức chụp ảnh các văn nghệ sĩ Huế. Chưa hết, Mai còn đưa Gerhart vào thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả chuyến đi của Gerhart là collection ảnh những văn nghệ sĩ tiêu biểu của Việt Nam và... Mai Gallery. Chính Gerhart gợi ý với anh là nên mở phòng tranh. Đến nhà Dương Tường, đi cùng hai bố con anh, hiểu được kiến thức của anh đối với hội họa nói riêng và nghệ thuật nói chung cũng như sự quen biết rộng rãi của anh và bằng con mắt của một người am hiểu sinh hoạt văn hóa khu vực Đông Nam Á, Gerhart cả quyết Gallery không chỉ giải quyết những khó khăn về kinh tế của gia đình anh mà còn giới thiệu được hội họa Việt Nam ra thế giới.

Mai Gallery ra đời.

Rồi Stephen Mac Guinness chủ Gallery Plum Blossoms được Trịnh Cung và Thi Uyên đưa từ thành phố Hồ Chí Minh ra Hà Nội đến thăm anh. Lại một phút giây xuất thần lóe sáng: Dương Tường, Trịnh Cung cùng Nguyễn Quân làm việc với Gallery 7 Hàng Khay (do Việt Hải phụ trách) và Stephen, đề xuất một kế hoạch giới thiệu có hệ thống hội họa Việt Nam ra nước ngoài. Thế là năm 1991 lần đầu tiên hội họa Việt Nam được giới thiệu với một quy mô lớn ra quốc tế. Gallery Uncorked Soul (có nghĩa Tâm hồn bộc bạch) Hong Kong đã giới thiệu và trưng bày tranh Bùi Xuân Phái, Nguyễn Tư Nghiêm, Lê Công Thành, Phạm Việt Hải, Trần Lưu Hậu, Trịnh Cung, Nguyễn Trung, Hoàng Đăng Nhuận, Đỗ Thị Ninh, Bửu Chỉ, Nguyễn Quân, Nguyễn Thân, Bùi Suối Hoa, Đặng

Xuân Hòa, Trần Trọng Vũ... Để đạt kết quả trên, Nguyễn Quân, Trịnh Cung, Dương Tường đã làm việc không mệt mỏi. Tường tập hợp cánh họa sĩ để họ chọn tranh. Nhà Tường lúc nào cũng đông họa sĩ. Jeffry nhà phê bình hội họa Mỹ được Plum thuê sang Việt Nam giám định tranh. Lúc đầu không có Trần Trọng Vũ. Tường đưa Plum đến nhà Trần Dần. Jeffry quyết định chọn Vũ. Lần đầu tiên, tác phẩm của Vũ được ra nước ngoài. Cùng với triển lãm, một catalogue được phát hành. Đó là một cuộc triển lãm mang tính đột phá trong quá trình hội nhập của hội họa Việt Nam.

Ở Hong Kong sau này có một gallery chuyên giới thiệu tranh và bán tranh của họa sĩ Việt Nam: Gallery Lã Vọng. Chủ gallery, bà Shirley Hui, một tiến sĩ người Mỹ gốc Hoa tới Việt Nam và đến Dương Tường. Gallery Lã Vọng là kết quả của những lần anh dắt bà Hui đến chơi Đặng Xuân Hòa, Nguyễn Tư Nghiêm, nhóm 5 người (gang of five). Trong tập sách đầu tiên của Gallery Lã Vọng có đoạn viết: “Ông này (Dương Tường), nhà thơ và nhà phê bình lỗi lạc đã soi sáng cho tôi rất nhiều khía cạnh của văn hóa Việt Nam” (*The latter, eminent poet and critic, has enlightened me greatly on many aspects of Vietnamese culture*). Bà Shirley Hui còn kéo thêm bà Judith Day cộng tác và sau này khi bà Judith Day rời Hong Kong về Mỹ, chưa có điều kiện mở gallery, bà lập salon tranh, triển lãm tranh Việt Nam ở Chicago, New York và vài nơi khác.

Khi David Thomas, cựu chiến binh, giáo sư họa sĩ trường đại học Emmanuel, người đầu tiên tổ chức triển lãm mỹ thuật Việt-Mỹ mang tên “*Nhìn từ hai phía*” sang Hà Nội tìm đến Dương Tường, cảm phục sự nhiệt tình và kiến thức sâu rộng của anh đối với hội họa đã tới Hội đồng Văn hóa châu Á (Asian Cultural Council) xin tài trợ để có thể mời anh cùng với Nguyễn Quân, Đặng Xuân Hòa sang Mỹ, dự triển lãm thứ hai do David tổ chức với tên gọi “*Cách nhau một đại dương*”. Đó là vào năm 1995. Hộ chiếu đòi hỏi nhiều thủ tục không đơn giản. Một trong những thủ tục bắt buộc: anh phải là người của Hội Nghệ sĩ tạo hình. Mà Tường thì chưa ở trong bất kỳ một hội nghệ thuật nào (cho đến tận bây giờ anh vẫn chưa có chân trong Hội Nhà văn). Anh phải làm đơn xin vào Hội Nghệ sĩ tạo hình, ngành lý luận phê bình. Hội đồng lý luận không giới thiệu anh lên ban chấp hành, mặc dù đơn của anh được Trần Lưu Hậu, chủ tịch Hội đồng nghệ thuật và Thái Bá Vân, nhà lý luận hàng đầu, ký tên giới thiệu. Mà thời hạn đi Mỹ đã gần kề. Bà Vũ Giáng Hương khi đó là Tổng thư ký Hội biết chuyện phát biểu:

- Anh Dương Tường viết những bài phê bình, giới thiệu hội họa rất có chất lượng, và viết nhiều hơn số đông nhà phê bình chuyên nghiệp. Hai anh Thái Bá Vân, Trần Lưu Hậu đã giới thiệu. Nếu cần tôi xin là người thứ ba giới thiệu anh Dương Tường.

Dương Tường được kết nạp vào Hội Nghệ sĩ tạo hình. Anh được cấp hộ chiếu đi Mỹ với tư cách là nhà phê bình nghệ thuật.

*

“Tường đã sang thăm Hoa Kỳ, đã tới Boston - Châu Diên viết như vậy - đã đi nhiều ngả, đã đến bên đài kỷ niệm có tên *Bức tường Việt Nam*. Một ngày cuối tháng chạp năm 1995, Tường ngồi thụp xuống chân đài kỷ niệm viết vội những dòng thơ bằng tiếng Anh, vẫn như mọi lúc, không bao giờ có ý định công bố, thơ viết vội cho chính mình, đơn giản là thơ, thể thơ. Tuy chỉ là ghi vội cho mình, song bài thơ đã lọt vào mắt xanh một chuyên san Đại học Yale. Nữ nhiếp ảnh Ellen Kaplowitz đã xin phép viết bài thơ lên một tấm pa-nen lớn đặt ngoài cửa ra vào triển lãm của chị. Còn họa sĩ Rodney Dickson thì in bài thơ của Tường vào thiệp mời triển lãm của mình có tên là *Life~Death* (Sống~Chết) đầu tháng 2 - 2001 ở New York”.

Tên Dương Tường cùng ngôi nhà của anh đã trở thành quen thuộc với nhiều người làm văn hóa nghệ thuật ở nhiều nước. David về Mỹ nói với bạn bè:

- Gia đình Hà Nội của tôi là nhà Dương Tường.

Anh được Cộng đồng Pháp ngữ mời sang Pháp. Anh sang Đức trong Festival *Gặp Việt Nam* của Đức. Tôi nói đùa với Dương Tường:

- Chỉ vì ham vui mà ông làm được khối việc ra đấy. Có thể gọi ông là Vụ văn hóa đối ngoại nghiệp dư. Được không? Dù lúc đầu có hơi phiền phức, nguy hiểm.

Tường cười:

- Cũng là do cái tính của mình.

Báo *Lao Động* cũng đã phỏng vấn anh về đề tài này, tất nhiên không như chúng tôi đùa bỡn cùng nhau. Bài báo viết: ... *không thể là ngẫu hứng, nó là kết quả của những tình bạn thâm giao với các văn nghệ sĩ tài năng từ lúc họ còn hàn vi, đến các họa sĩ trẻ thời mở cửa được “lãng xê” một cái là lên như diều... Ông được tiếng là người chu đáo tận tình với bạn bè. Và Tường đã bộc bạch: “Tôi yêu quý các nghệ sĩ, ở thế hệ đàn anh, đó là phẩm chất mà người Pháp gọi là “intégité morale”, tức là một sự toàn vẹn “nguyên khôi” hết mình, trung thực không thể chê trách. Nguyễn Sáng, Nguyễn Tư Nghiêm, Bùi Xuân Phái, Trần Dân là những người như thế. Đáng buồn là những con người như thế ngày càng ít. Với thế hệ trẻ, tôi “sống” lấy cái sống của họ: Không mặc cảm, không ràng buộc, với người đi trước họ không đập đổ, vẫn kính trọng nhưng không bị dè... Tôi yêu văn hóa Việt Nam, nghệ thuật Việt Nam. Và tôi yêu tấm lòng đối với văn hóa Việt Nam của những người nước ngoài đến với Việt Nam, đến với tôi, một cô họa sĩ Hà Lan tôn thờ Trần Trung Tín của mình còn hơn Van Gogh, một David Thomas lặn lội gõ cửa các nơi để giới thiệu “Bảy cột trụ hội họa Việt Nam” cho dân Mỹ.*

Nói Tường ham chơi, ham vui là một cách nói yêu. Anh là người lao động nghiêm túc. Anh đã dịch hơn 50 đầu sách từ tiếng Anh, tiếng Pháp ra tiếng Việt. Đó là những tác phẩm nổi tiếng của văn học thế giới, những tác phẩm luôn gợi mở cho những người cầm bút Việt Nam những suy nghĩ mới mẻ về sáng tác, những tác phẩm mà Nguyễn Quang Thân nói *đọc xong thay đổi cả nhận thức* như *Anna Karenina* (Lev Tolstoi), *Alexis Zorba* (Nikos Kazantzaki, Hy Lạp). Và *Đất dữ* (Jorge Amado, Brazil), *Cuốn theo chiều gió* (Margaret Mitchell, Mỹ) *Đôi gió hú* (Emily Brontë, Anh), *Cội rễ* (Alex Haley, Mỹ), *Con đường xứ Flandres* (Claude Simon, Pháp), *Bức thư của người đàn bà không quen* (Stefan Zweig, Áo), *Người đứng* (Albert Camus, Pháp), *Truyện ngắn Tchekhov*, nhiều vở kịch của Shakespeare như *Othello*, *Anthony và Cleopatra*, *Đêm thứ 12* v.v... Hiện Tường đang đánh vật với tiểu thuyết *Trống thiếc* của Gunter Grass, nhà văn Đức, Nobel văn học 1999.

Không chỉ chọn sách dịch, Tường luôn cố gắng hết sức mình để đạt được một chất lượng chuyển ngữ tốt nhất. Những bản dịch của anh đọc thật sướng. Rất nước ngoài nhưng cũng rất Việt Nam. Và đặc biệt, rất Dương Tường. Anh quan niệm dịch văn học như sau: “*Tôi muốn người dịch là đồng tác giả, làm sao vượt lên định kiến “dịch là phân”, bản dịch phải là kết quả trong đó có 100 phần trăm tác giả và 100 phần trăm dịch giả, làm sao có thể ký tên (nói cho vui) Nguyễn Du - Dương Tường dưới bản dịch*”

Truyện Kiều. Nói cách khác, bản dịch phải thể hiện cá tính của dịch giả trong từng chữ. Điều đó cũng tựa như trong âm nhạc, biểu diễn nhạc là “dịch” một tác giả theo cách của mình; cũng là Chopin, nhưng Chopin do Ashkenazy đánh là ký tên Ashkenazy, Chopin do Đặng Thái Sơn đánh là ký tên Đặng Thái Sơn... Tôi thích làm cái khó, làm cái gì hơn mình một tí, như người kiễng chân từng milimét. Tôi muốn mình phải dịch những gì có thể tác động đến văn học Việt Nam, đến người làm nghề văn thì mới bỏ. Đối với văn học đương đại, vấn đề không phải là viết khó hay dễ, mà cần phải biết có bao nhiêu con đường khác nhau, đó là gợi ý để mình thám hiểm. Đừng ăn sẵn, dù là ăn sẵn của ông cha hay ăn sẵn của thiên hạ, phải phẳng những con đường mới”.

Một trong những tác phẩm tiêu biểu cho những điều anh nói trên là tập *Những con đường xứ Flandres* của Claude Simon, Nobel Văn học. Tường nói với tôi:

- *Những con đường xứ Flandres* chưa đến 400 trang mà tôi dịch lâu gấp đôi *Cuốn theo chiều gió* dày cả ngàn trang. Tôi dịch vì nghĩ đến anh em viết mà chưa được đọc quyển này thì thiệt quá. Nhiều lúc rất mệt nhưng cố.

Trong lời giới thiệu in đầu sách, Tường viết: *Tôi dám khẳng định: cuốn sách này sẽ chỉ có một công chúng hạn hẹp. Nó không dành cho những người tìm khoái thú dễ dàng ở một cốt truyện nhiều tình tiết ly kỳ hay éo le hấp dẫn theo cách thông thường. Chúa chứng giám là tôi tuyệt*

nhiên không có ý làm nản lòng độc giả, mà quả thực là ngay cả ở Pháp, quê hương của tác giả, thái độ của nhiều trí thức trung bình đối với sách của Claude Simon cũng chỉ “kính nhi viễn chi” mà thôi.

Song tôi lại dám nói những ai tìm đến cuốn sách này với lòng ham muốn khám phá đích thực sẽ như bị bùa mê và sẽ đọc lại nó chỉ ít vài lần nữa.

Lời giới thiệu này dành cho loại độc giả đó. Hy vọng nó sẽ cung cấp được một số đường dây khả dĩ giúp họ tìm được lối trong mê cung kỳ thú trong thi pháp tiểu thuyết của Simon.

Những con đường xứ Flandres đúng là một mê cung. Mê cung đối với người đọc, mê cung đối với người dịch vì nó là mê cung ngay cả đối với Claude Simon, người viết ra nó. Chính tác giả đã làm việc tám tháng ròng trên từng đoạn nhỏ, trên từng dòng lẫn lộn không phân biệt, đến nỗi ông phải dùng những sợi chỉ màu đánh dấu mới có thể định hướng được trong cái mê cung do chính ông tạo ra. Đánh giá đúng công sức cố gắng của anh chuyên ngữ mê cung *Con đường xứ Flandres*, Hội Nhà văn đã trao giải thưởng về văn học dịch cho anh.

Tổng kết về Dương Tường, Phạm Xuân Nguyên viết:

Ông là nhà báo? dịch giả? nhà phê bình văn học? nhà phê bình mỹ thuật? nhà phê bình âm nhạc? nhà phê bình sân khấu? nhà thơ?

Đúng cả.

Sau khi dẫn chúng về nhà báo, nhà dịch thuật của Dương Tường, Phạm Xuân Nguyên chứng minh anh là nhà phê bình văn học:

“Hãy nghe ông Tường giải một nỗi buồn của Nguyễn Tuân: *“Xưa nay, người ta ưa nhìn Nguyễn Tuân như một mặc khách không ngừng bị ám ảnh bởi nỗi khát khao xê dịch, luôn luôn thèm đi, cuống đi. L’invitation au voyage- mà anh dịch rất hay là Thịnh Du- đó là một khúc nhạc quyến rũ nhất đối với lòng chàng lãng tử họ Nguyễn. Nhưng những năm cuối đời, những chuyến đi xa dường như không cảm dỗ anh nữa. Phải chăng nỗi cuống đi đã nguội lạnh trong anh? Tôi, tôi nghĩ thế này: Có lẽ, như Celine làm cuộc viễn du đến tận cùng đêm, anh cũng thấy cần dành thời gian còn lại để hoàn thành cuộc viễn du đến tận cùng lòng mình. Và chẳng, theo tôi, cuộc hành trình lớn nhất, dài nhất trong đời anh- mà anh chưa đi hết- đó là cuộc hành trình chữ. Với anh, mỗi lần động bút là một chuyến phiêu du- du lịch trên địa đồ chữ nghĩa”*. Còn đây, ông viết về Raymond Carver - một Tchekhov của nước Mỹ hậu hiện đại: *Truyện ngắn của Carver tựa như những mẫu giáo khoa về phân hủy. Làm thế nào để đánh hỏng đời mình và đời người khác, để nảy sinh hằn thù điên loạn và tội ác? Carver đã tạo ra một thế giới thiếu vắng tình yêu, thiếu vắng đến độ dã man. “Chúng tôi nói gì khi bàn về tình yêu” là đầu đề một kiệt tác ngắn của ông. Thật kỳ lạ, từ lâu lắm rồi người ta đã quên hẳn không còn biết*

nói gì, nói thế nào về tình yêu. Trái tim bị xâm thực bởi quá nhiều tham vọng nhỏ nhoi đã trở nên khô héo cần cỗi không còn biết đến nhịp đập yêu thương”.

Cùng với Phạm Xuân Nguyên, tôi dẫn ở đây một Dương Tường phê bình hội họa bằng những gì tôi có trong tay: Một trích đoạn anh viết về Nguyễn Quân trong Hành trình vào cái không nhìn thấy:

(..). Những tác phẩm gần đây của Nguyễn Quân vẫn lúta túta hình sắc, vẫn ươm những mảng màu mát rượi như da thịt người con gái vừa tắm, song có phần u trầm hơn, vẫn chan chứa nhục cảm song chín mọng tịch lặng hơn. Xem tranh Quân, có lúc tôi tự nhủ: Này đừng mắc lừa! Lật cái lớp sum suê rục rờ bên trên, ta sẽ thấy ở tầng sâu cái mà các nhà hiện tượng học hiện sinh gọi là “cô đơn bản thể”. Nói cách khác là cái tâm thái bơ vơ lạc lõng mà vì nó, người nghệ sĩ cần đến nghệ thuật để hòa nhập trở lại vào âm dương vũ trụ...

Và những dòng anh viết về Hà Trí Hiếu: Hà Trí Hiếu có nỗi đam mê vừa cuồng nhiệt vừa e ấp, thể hiện ở độ ào ạt của màu sắc và sự tinh tế của ánh sáng dường như được cổ vũ bởi sức sống bao lâu bị nén lại nay bỗng một lúc vọt trào: những bộ mặt không có nét với những cái hốc trắng thay vì miệng từ đó cất lên những khúc ca im lặng. Những con bò có khi dài ngoằng mà vẫn gọi một cảm giác vuông vức, thường là một màu đất trầm tĩnh như cuộc đời người nông dân. Ở Hiếu, dạt dào cái trữ lượng đồng quê của

một tâm hồn thôn dã chưa kịp thành thị hóa. Bút pháp và mảng màu ngày càng thiên về xuất biểu của họa sĩ, nghịch lý thay, chẳng những không đối chọi mà còn bổ sung cho cái trữ tình của những Quê Việt, Khúc ca quê, Thôn nữ và Bò, cái trữ tình ngăn ngắt xanh trong đó lời ru của Mẹ quyện với giếng nước lũy tre làng và trăng ca dao tưới sâu lên nỗi tủi phận của những cô gái lỡ thì.

Dương Tường là nhà báo (hẳn rồi vì anh là phóng viên Thông tấn xã Việt Nam) là nhà dịch thuật, là nhà phê bình hội họa, Phạm Xuân Nguyên còn khuyên chúng ta hãy lắng cùng Tường Văn Cao và *xung động Icare*, để thấy anh là một nhà phê bình âm nhạc, hãy nhìn cùng anh *Vua Lear n chiều* để thấy anh là nhà phê bình sân khấu. Và chắc chắn Dương Tường còn là một nhà thơ. Báo *Lao Động* đã phỏng vấn anh: *Liệu có quá nhiều “nhà” trong một ông Dương Tường? Hay dùng một hình ảnh trong câu thơ ông (được bạn bè sửa đi một chữ): “những ngón tay mưa, Dương Tường trên mái”, ông thích nhất ngón tay nào của mình?* Dương Tường đã trả lời: *Thích nhất là ngón tay... thơ.*

Thơ. Đấy mới là điều chủ yếu. Đấy mới là nghiệp chính của anh. Ngay từ những năm 60 tôi đã thấy thơ anh khác lạ. Rõ ràng anh luôn tìm tòi, *phăng những con đường mới:*

Rười rượi xanh mà ai xui em bùng khói tóc

Để tôi sai nhịp tôi tiếng tiêu buồn thổi vào đêm mọc

Hay:

*Tôi cần phải tên em
lòng chiều bội thực gió mùa*

Và:

*Những ngón tay mùa
dương cầm trên mái
Những ngón tay mùa
kéo dài tai quái
một nỗi nhớ siêu hình
nhạc nhòe đường xanh đêm lập thể*

Một bài thơ một câu của anh (**Để ghi trên mộ chí sau này**) tôi đã nghe nhiều người đọc như một tuyên ngôn của chính họ:

Tôi đứng về phe nước mắt.

Vâng. Dương Tường là rất nhiều “nhà”. Dù đã nhiều “nhà” như thế, tôi vẫn muốn thêm vào ở anh một nhà hoạt động văn hóa đối ngoại và một nhà văn xuôi nữa. Văn xuôi của anh tràn đầy chất thơ. Những người đọc sách anh dịch bao giờ cũng rất thú vị khi đọc những trang in ngả của anh viết lời giới thiệu ở đầu sách. Một tập tạp văn dày 500 trang của Tường đang chờ để ra mắt công chúng: *Ai đầu tiên gọi chích chòe là chích chòe*. Tên sách là tên một bài tiểu luận của anh, trong đó anh nói lên quan niệm của mình về thơ:

Một trong những đặc thù của cái đẹp nơi chữ thơ, tôi nghĩ, là sự lên ngôi của con âm thay vì con nghĩa. Hãy một lần nữa nghe bà cô tổ Hồ Xuân Hương của chúng ta biểu âm sự nứt ra của một động Hương Tích:

Bày đặt khen ai khéo khéo phòm

Cái động từ phòm (hình như chỉ được dùng hai lần trong thơ Hồ Xuân Hương, ngoài ra không gặp ở đâu khác) cũng thuộc loại từ “bịa” phi ngữ nghĩa mà biểu năng trực cảm của nó kỳ diệu đến nỗi ai cũng hiểu tác giả định nói gì. Không có khả năng như tạo hóa “bịa” ra, chẳng hạn, một động Hương Tích thì nhà thơ “bịa” ra chữ! Những chữ tinh khôi tự nhiên như bản thân sự sống, vừa ra đời đã trở thành những thực thể.

Thi sĩ, tôi quan niệm, là kẻ đầu tiên kéo thế giới ra khỏi vũng khuyết danh. Mà khuyết danh có nghĩa là chưa tồn tại. Thi sĩ cho sự vật một cái tên mà trước đó nó chưa có - tức là đưa nó vào tồn tại. Ai đầu tiên gọi chích chòe, khi nó còn khuyết danh, là chích chòe, người ấy đích thị là một nhà thơ. Loài chim ấy ắt đã có từ rất lâu trước đó, người ta hẳn đã nhiều lần thử đặt cho nó một cái tên nhưng không đậu và chỉ đến khi ai đó, trong một lóe chớp thần hứng, bật thốt ra hai âm tiết chích chòe trúng pấp không gì thay thế nổi, thì nó mới thực sự tồn tại, thêm cho trời đất một cái gì không chỉ đơn thuần là một loài chim.

Văn xuôi của anh là như thế đấy. Một thú văn xuôi khi đọc, không cần xem tên tác giả cũng biết ngay là của Dương Tường!

Phạm Xuân Nguyên thốt lên: *Tôi lạ lắm ông Dương Tường.* Nguyên mới quen Tường, lạ đã hẳn. Tôi chơi với Dương Tường nửa thế kỷ rồi mà cũng vẫn cứ lạ về anh. Người bạn nhỏ thó của tôi lấy đâu ra sức lực và tích tụ từ bao giờ những kiến thức cũng như khả năng làm việc như vậy? Lại càng lạ khi Mạc Lân nói với tôi rằng chính Dương Tường là người dắt Lân vào con đường bán máu. Chỉ tới cuối năm 2001, khi hai chúng tôi vào thành phố Hồ Chí Minh, rồi rãi thời gian, trò chuyện tôi mới vỡ lẽ ra được một số điều về anh.

Vợ chồng tôi vào thành phố Hồ Chí Minh chơi với con gái và con rể tôi sống ở trong ấy. Tôi điện ra mời Dương Tường vào. Vốn “ham vui” anh mua vé máy bay vào ngay. Đó là những ngày nghỉ tuyệt vời. Chúng tôi để cả nửa ngày trời câu cá ở nhà Dương Thụ. Tường câu được một con cá quả bằng cái chuôi liềm, mặt cứ tái đi vì xúc động, vì đã câu được một con cá to như thế, vì nó giãy dựa đầu cần, vì sợ nó vuột khỏi lưỡi câu rơi xuống ao mất. Đó là con cá đầu tiên anh câu được trong đời. Rồi chúng tôi đi Long Hải chơi trò phóng máy bay trực thăng với Nguyễn Thanh Bình. Chúng tôi ăn sáng với vợ chồng nhà báo trẻ Tường Vân. Đến nhà Hoàng Hưng dự một bữa cơm do cháu Ly Hoàng Ly, con gái anh trở tài nấu nướng... Những giây phút thư giãn, hoàn toàn không lo lắng suy

ngĩ. Chắc sẽ khó có được một lần thứ hai như thế, một lần thứ hai cả hai chúng tôi cùng vào Sài Gòn nghỉ ngơi.

Tường kể về tuổi trẻ của anh, về những ngày anh học lớp *sixième* hệ *secondaire* trường Louis Pasteur ở Nam Định. Rồi bỏ học theo bố mẹ lên Me, Vĩnh Yên vì gia đình vỡ nợ. Tham gia tổng khởi nghĩa ở Me. Rồi về Hà Nội học trường tư thục Phan Chu Trinh do Đặng Thai Mai mở. Tường cười:

- Kháng chiến mình ra học ở vùng tự do. Học nhảy lớp đệ tứ. Mình thi trung học phổ thông ba lần không đỗ. Như bây giờ là chưa tốt nghiệp hệ lớp bảy. Năm 1950, 18 tuổi mình đi bộ đội.

- Thế ông lấy đâu ra vốn ngoại ngữ như vậy?



Dương Tường thắt cravate làm MC trong buổi Bùi Ngọc Tấn nói chuyện tại Viện Goethe Hà Nội (5-2004)

- Ông quên mất trận đánh đồn Hói Đào tôi đã kể cho ông à? Chiếm được đồn, anh em tìm chiến lợi phẩm. Còn mình tìm sách. Vợ được quyển *À l'Ouest rien de nouveau* (Phía Tây không có gì lạ) thế là đọc. Ông có biết không, khi thấy *Phía Tây không có gì lạ* ở phòng thẳng đồn trưởng mình mới hiểu vì sao đánh cái đồn này dễ thế.

Tường cười, nói tiếp:

- Đánh đồn nào mình cũng tìm sách. Trong ba lô bộ đội bao giờ cũng có hai quyển từ điển nặng trĩu, một tiếng Anh, một tiếng Pháp, dù hành quân mang nặng đến đâu cũng không vất bỏ. Vừa đánh nhau vừa đọc vừa học. Thế là mình nâng dần được trình độ. Về nhạc, họa, sân khấu cũng là do mình chơi với Văn Cao, Bùi Xuân Phái, Nguyễn Đình Nghi, với bè bạn các ngành. Chơi và học họ. Rồi suy nghĩ, đọc thêm sách...

Vậy là bí quyết của anh quá giản đơn: Không ngừng học. Học trong sách vở. Học trong bè bạn anh em. Học cả đời. Tường đã nói Tường *muốn làm việc khó, làm cái gì hơn mình một tí, như người phải kiễng chân từng milimét để nâng trình độ mình lên.*

Sực nhớ đến Mạc Lân, tôi hỏi:

- Ông Lân ông ấy bảo tôi là chính ông...

Tường hiểu ngay điều tôi định nói:

- Chuyện bán máu ấy à? Tôi là thằng bán máu đầu tiên trong số anh em mình. Không ai giới thiệu cả.

Tình huống những năm 64, 65 ông biết là khó khăn thế nào rồi. Tôi còn nhớ giỗ ông nội tôi mà cả nhà chỉ còn tiền mua rau, không thể nào kiếm được mấy lạng thịt chui làm giỗ. Đang bí thì gặp ông Ngô Quốc Hạnh, bạn mình. Hạnh làm giám đốc Sở Công Thương thành phố Hà Nội. Hạnh cho một cái phiếu mua vịt. Mừng quá đem về đưa Trinh. Thế là có giỗ. Ông bố mình lúc bấy giờ còn sống. Cụ cứ cảm ơn Hạnh mãi. Cả năm sau vẫn thấy cụ nói: Anh Hạnh tốt thật đấy. Thì giỗ bố cụ, cụ không nhớ ơn sao được. Tình thế mỗi ngày một căng. Khó khăn quá. Tôi có nghe người ta nói chuyện bán máu. Nghĩ hay là cứ thử xem sao. Tôi vào bệnh viện Việt Đức tìm hiểu. Đứng vào cái hồi tôi xuống ông, gặp ông Vũ Thư Hiên cũng đưa cả gia đình xuống, rồi chúng tôi đi nghỉ Đồ Sơn, sau đợt ấy về là bắt đầu đấy. Tôi đội cái mũ sùm sụp để không ai nhận ra mình. Vào bệnh viện quan sát. Thấy cũng không có gì ghê gớm, mình làm được. Thế là hôm trước thăm dò, hôm sau vào đăng ký bán máu luôn. Hôm bán máu phải nhịn ăn, chỉ uống cà phê sữa thôi. Máu của tôi thuộc nhóm máu O, nhóm máu xã hội chủ nghĩa được chuộng lắm. Số cân của tôi chỉ được bán 150 cc thế mà đề nghị bán 200 cc cũng gật đầu ngay tấp lự. Được tiền và được nhiều phiếu lắm. Thịt, đường, sữa, đậu. Ra cổng các ông bà *phe* xúm lại hỏi mua phiếu. Ông Lân bán phiếu chứ mình không bán. Mình cầm về đưa cho bà Trinh mà chưa biết giải thích nguồn gốc mấy cái phiếu ra sao. Sức nhớ đến Ngô

Quốc Hạnh đã một lần cho phiếu mua vịt, mình bảo: “Anh Ngô quốc Hạnh cho phiếu đây này”. Lần sau cũng lại anh Ngô Quốc Hạnh cho phiếu đây này. Ngô Quốc Hạnh biến thành tiên, thành bụt ở nhà mình. Ông bố mình càng nhắc chuyện năm nọ không có anh Hạnh cho cái phiếu mua vịt thì nguy, mấy bố con không làm nổi cái giỗ cho cụ. Đưa tiền cho bà Trinh để hơn đưa phiếu, cứ nói đại là tiền nhuận bút, mặc dù đạo ấy có được in gì đâu mà có nhuận bút. Về sau những lúc khó khăn quá bà ấy cứ giục mình: “Anh đến anh Hạnh xin ít phiếu đi”. Có lần bí quá mà còn hai tuần lễ nữa mới đến kỳ bán máu, tôi than thở với Lê Phát. Ông có nhớ Lê Phát không nhỉ. Lê Phát đài *Tiếng nói Việt Nam* cùng dịch Tchekhov với tôi. Lê Phát bảo: “Thằng trưởng phòng huyết học là bạn tôi. Để tôi viết thư cho nó”.

Tường cười. Anh vừa cười vừa thuật lại câu chuyện “đáng buồn cười” cách đây non nửa thế kỷ ấy. Tối hôm ấy anh cầm thư giới thiệu của Lê Phát tới nhà ông trưởng phòng huyết học. Đọc thư tiến cử của Phát, ông trưởng phòng gật đầu xởi lời:

- Được. Sáng mai anh đến. Tôi sẽ bảo chúng nó ưu tiên lấy nhiều cho anh.

Đó là lần Tường bán được nhiều nhất: 280cc! Đại thắng trở về đài phát thanh *Tiếng nói Việt Nam*. Lê Phát đã đứng chờ ở cổng, hồi hộp:

- Được không?

Tường ăn mừng thắng lợi với Phát bằng một bữa bia hơi Cổ Tân. Phát hai vại. Tường một vại. Uống xong, bốc, Phát nói một câu xanh rờn làm các bàn bia khác cùng quay cả lại:

- Hôm nay tao uống máu thằng Tường!

Bán máu thành công, Tường nghĩ ngay đến Mạc Lân. Mạc Lân bán được. Bán đều. Thừa thắng xông lên, Tường kéo Châu Diên đi. Nhưng đến Châu Diên thì thất bại. Máu Châu Diên không đông. Mới chọc kim lấy máu để thử, rút mũi kim ra máu đã chảy đầy bấp tay, chảy xuống nền nhà lênh láng đỏ lôm. Mọi người nhìn vào đều sợ. Châu Diên hoảng, vớ vôi nắm bông băng chạy vào nhà vệ sinh cho khuất rồi băng ở trong ấy.

Thế là chúng tôi chuyện về Mạc Lân, về Châu Diên, về những công việc phải làm sau khi ra Bắc. Tường bảo:

- Kỳ này về phải tập trung làm cho dứt điểm cái *Trống thiếc*. Đạo này tốc độ làm việc không được như trước. Chậm đi. Sức khỏe yếu rồi.

Bảy mươi, sắp bảy mốt rồi. Lại qua bao gian khổ. Làm gì không yếu đi. Làm được thế đã là tốt lắm. Tôi muốn nói với Tường như vậy. Nhưng tôi bảo anh:

- Ủ. Cố lên. Mình thấy ông đánh vật với nó cũng lâu rồi đấy.

Tôi biết để có thể ngồi dịch Grass, Tường đã mất biết bao thời gian. Anh làm việc với nhà xuất bản, anh liên hệ với Grass, với đại sứ quán Đức tại Việt Nam. Anh xin

tiền tài trợ để có thể trả bản quyền cho Grass theo đúng luật xuất bản, một số tiền vài trăm *Đê Mác* hoàn toàn mang tính tượng trưng. Và anh dịch. Anh cặm cụi trước cái máy vi tính xách tay Dell mới tinh giá 2500 đô mà Nguyễn Thanh Bình gửi từ thành phố Hồ Chí Minh theo đường bưu điện ra tặng anh. Công việc trôi chảy. Nhưng nhà anh quá nhiều khách, quá nhiều bạn. Nên làm cứ bị ngắt quãng. Thế là Trọng Khôi, chủ tịch Hội Nghệ sĩ sân khấu cảm cái tình anh đã đóng góp với hội về “cái vụ sân khấu Việt-Mỹ”, kéo anh lên Tam Đảo dự trại sáng tác kịch bản sân khấu để anh... dịch Grass. Anh là người trại viên nghiêm túc nhất, lúc nào cũng ngồi trước máy vi tính. Cả trại nhiều khi kéo nhau đi dã ngoại, chỉ có một mình anh xuống nhà ăn với một suất cơm. Một tháng trời, được thêm 200 trang. Bế mạc trại, anh về nhà. Lại kém hiệu quả...

Tường bay ra trước tôi. Khi về Hải Phòng, gọi điện lên cho anh, tưởng anh đang ở Hà Nội thì đầu dây bên kia tiếng Trinh, vợ anh:

- Anh Tấn đấy à. Anh Tường em đi lên trại sáng tác Đại Lải rồi. Đi từ mồng một đầu tháng cơ. Giáp Tết mới về.

Tôi biết vào cái tháng chạp ta rét đại hàn chi cực này chắc chắn Hội Nhà văn không mở trại sáng tác. Anh nộp tiền ăn và tự giam mình cô đơn một mình một bóng trong một căn buồng ở Đại Lải, dốc sức làm việc. Dù giáp Tết, người ta tất bật, đăm sắp đập ngựa với bao công

việc lo toan. Dù nhiệt độ xuống từ 8 đến 13 độ kéo dài cả tháng. Với lại cho dù có ở nhà vị tất anh đã giúp vợ con được việc gì. Anh là người lơ lửng trên mây, ngu ngơ vụng về với mọi thứ của đời thường, là người của một thế giới tinh thần, nói đúng hơn luôn đắm mình trong nghệ thuật, “đi vắng ngay cả khi đang có ở nhà” như Châu Diên nói. Tôi biết vợ anh đã phải sắc thuốc bắc cho anh, để anh tăng thêm sức khỏe, để anh im lặng đánh vật với từng con chữ. Dịch cả ngàn trang sách đâu phải dễ dàng gì. Một công việc cực nhọc. Tường luôn làm những cái gì *hơn mình một tí*. Anh lại đang *kiểm chân từng milimét*. Từ bôn tập hành quân, đeo thêm quyền từ điển đi hết chiến dịch này tới chiến dịch khác thời chống Pháp cách đây hơn nửa thế kỷ. Đến thập niên 60 hòa bình nhưng còn căng thẳng hơn thời chiến tranh, đe dọa cả an toàn cuộc sống. Và trong sáng tác, dịch, phê bình nghệ thuật. Ngay bán máu cũng cố bán vượt chỉ tiêu một ít *xê xê*. Bây giờ là vượt lên sức khỏe, tuổi tác. Vượt lên. Phương châm sống của cả đời anh.

Cho nên chơi với anh đã nửa thế kỷ, lúc nào tôi cũng rất sung sướng khi nói:

- Tôi là bạn của ông Dương Tường.

Như bà Lorrelle Browning đã nói cùng tôi.

Mùng 3 Tết Nhâm Ngọ

13/2/2002

Thời gian gấp ruồi

*Ngày nay ngày nay
Chuyện đẹp qua đi
Thời gian gấp ruồi...*

Quang Dũng

Trong một lần tới thăm Nguyễn Khải tại thành phố Hồ Chí Minh, đang vui câu chuyện, tôi hỏi anh có biết Mạc Lân không. Hỏi để mà hỏi. Hỏi vì câu chuyện đang xoay quanh thế hệ những người cầm bút chúng tôi trước và sau hòa bình 54. Tôi không nghĩ rằng Khải biết Lân, vì Lân chưa một ngày ở *Văn nghệ Quân đội*. Và cái tên Mạc Lân chỉ xuất hiện duy nhất có một lần trong một tập sách

mỏng mà từ lâu người ta đã quên nó. Thật không ngờ, Nguyễn Khải trả lời:

- Biết chứ. Sao không biết. Mạc Lân. Lê Mạc Lân. Con cả Lê Văn Trương. Chí lớn và tính nết ngang tàng lắm. Khi anh ấy ở quân khu tôi còn đang ở tỉnh. Anh ấy phải hơn tuổi tôi. Không biết dạo này ra làm sao. Có khỏe không.

Tôi kể cho Khải nghe những thông tin mới nhất về Lân. Có một chuyện vui:

- Lâu lâu không thấy tôi gọi điện lên, ông Lân ông ấy lại gọi xuống tôi, ông ấy bảo: Sao ông không gọi điện cho tôi, ông sợ đau hào à. Tôi bảo không phải sợ đau hào đau mà chán lắm ông ơi. Tôi có cảm giác ai đó đang nghe câu chuyện của chúng mình nên tôi không muốn gọi. Ông ấy gắt: Ai nghe. Ông cứ thần hồn nát thần tính. Đ. mẹ thằng nào nghe trộm. Đấy. Tôi chửi rồi đấy. Ông cứ nói đi.

Chúng tôi cùng cười. Khải bảo:

- Tính nết vẫn y như thế.

Tôi thống kê những bệnh tật Lân mang trong người. Nhồi máu cơ tim hơn 20 năm, từ năm 1982 đến nay, sỏi thận, tiểu đường, hai lần gãy chân nhưng lại phải mổ ba lần... Khải lắc đầu sợ hãi. Không chỉ Nguyễn Khải. Ai biết bệnh của Lân đều sợ. Nhưng Lân là người kiên cường. Rất kiên cường chiến đấu với bệnh tật cũng như kiên cường sống. Đến nhà Lân, một căn hộ cấp 4 ở khu tập thể ngoại thành, nhìn anh nặng nề ngồi dậy, nặng nề cà nhót

cà nhắc ra bàn nước pha nước, tôi không thể không nhớ đến những ngày chúng tôi mới quen nhau, những ngày sau hòa bình 54, khi tôi 20 tuổi còn Mạc Lân 26 tuổi. Một Mạc Lân trẻ trung, cao to, sôi nổi, yêu đời, huy hiệu Điện Biên sáng ngực áo. Một Mạc Lân kể chuyện văn công lên Điện Biên phục vụ trận chiến hào, con Hồng Ngọc nó hát bài *Qua miền Tây Bắc* như thế này này. Và cao hứng Lân hát. Lân bắt chước cô văn công Hồng Ngọc nào đó hát. Cái giọng thuốc Lào, ống bơ gì của Lân rề rề cố bắt chước cô Hồng Ngọc làm chúng tôi không nín được cười. Hôm nay nhìn ông già ngoài bảy mươi tuổi bạn tôi nét mặt sáng ngời lên vì có bạn đến thăm, tôi hiểu được thế nào là thời gian, thế nào là cuộc đời. Tôi đọc Mayakovsky, những vần thơ thời tuổi 20 chúng tôi thường hay đọc để nói về nhau:

*Dáng anh đi cao lớn thiên tài
Từng bước một trong đầu em nổi sấm*

Và Lân đọc tiếp với giọng hào hùng của một chàng trai ngày trước:

*Nhưng vẫn vô công không tài nào
anh cướp được em đi
Ông vua An-be đã mất mọi thành trì
Cũng nhiều của hơn tôi nhiều lắm*

Một cách đọc của Lân. Vẫn là Maya. Nhưng anh đã lấp đoạn này vào đoạn khác. Có hề chi. Miễn là những

vẫn thơ ấy làm chúng tôi trẻ lại, làm chúng tôi sống lại quãng thời gian đẹp nhất của chúng tôi. Hơn nữa nếu bây giờ mà có một ông vua An-be bất hạnh nào đó đã mất mọi thành trì thì đúng là ông ta cũng vẫn giàu hơn Mạc Lâm rất nhiều. Tôi nói cho Lâm nghe những đêm ít ngủ của tuổi già, tôi nằm tổng kết lại cuộc đời mà thấy rằng những ngày chúng tôi ở báo *Tiền Phong* với nhau là những năm tháng đẹp nhất. Lâm cũng đồng ý với tôi như vậy:

- Nhớ lắm ông ạ. Một cảm giác đau như nhớ lại những ngày thơ ấu.

Đúng là một cảm giác đau. Ngày ấy tôi mới bước vào đời. Tôi mới 20 tuổi...

Sau tiếp quản Thủ đô, khoảng tháng 12 năm 1954, đơn vị thanh niên xung phong chúng tôi có ba người được chuyển về báo *Tiền Phong*: Vũ Lê Mai, Lê Thị Túy và tôi. Ít ngày sau từ bộ đội lại chuyển về ba người nữa: Mạc Lâm, Tất Vinh và Vũ Lê. Rồi tiếp theo là Nguyễn Trí Tình, Vũ Công Luận, Mai Cát, Văn Kim Kim, Phan Mai... Tất cả đều còn rất trẻ. Đội ngũ phóng viên *Tiền Phong* lúc đó chưa ai tới 30. Chỉ có Mạc Lâm là lớn tuổi nhất: 26 tuổi. (Tôi không kể Vũ Lê, vì chỉ nửa năm sau, khi hoàn tất việc tập kết quân đội 300 ngày, miền Bắc hoàn toàn giải phóng, Vũ Lê chuyển về Hải Phòng, nhóm bộ đội chỉ còn Mạc Lâm, Tất Vinh). Đó là một lớp thanh niên tuyệt vời, có học thức, có khát vọng, có

lý tưởng, có nhiệt tình, sẵn sàng hoàn thành mọi nhiệm vụ và tràn đầy niềm vui sống, niềm vui làm việc. *Tiền Phong* là một tờ báo có uy tín lúc đó và phóng viên *Tiền Phong* luôn được bạn đồng nghiệp các báo kính nể. Ở *Tiền Phong* tôi đã được hưởng niềm sung sướng của người lần đầu tiên được đọc tin của mình viết in trên báo, sự xúc động đến lặng người khi giờ báo ra thấy bài phóng sự của mình chạy dài ba cột, chiếm cả góc trang báo. Chúng tôi không được dự một lớp đào tạo nghiệp vụ nào. Chúng tôi học nghề chủ yếu qua những buổi sinh hoạt rút kinh nghiệm trong nội bộ cơ quan, phân tích ưu khuyết điểm hằng tháng hằng quý. Riêng tôi, tôi đọc thêm. Đọc báo và đọc cả truyện. Không chỉ đọc. Tôi còn đóng một quyển sổ, ghi chép, phân tích những sáng tác mình đang đọc.

Khi mới về báo *Tiền Phong*, thấy trong tủ sách cơ quan có một tập truyện viết về Điện Biên Phủ, lập tức tôi chiếm giữ nó, cất trong ngăn kéo. Đó là tập *Bảo vệ đường lên mặt trận* của Hồ Phương, Mạc Lân, Đại Đồng, tập sáng tác duy nhất cho đến lúc đó viết về Điện Biên, một tập sách được giải thưởng trong cuộc thi sáng tác về Điện Biên Phủ, gần như cùng với quân đội ta tiến vào tiếp quản Thủ đô, bởi vì lúc đó Trần Dần còn chưa viết dòng đầu tiên của bộ tiểu thuyết *Người người lớp lớp*. Tôi ghi chép, tôi phân tích, tôi ghi vào sổ tay những điều sẽ giúp ích cho tôi trên con đường làm báo và sáng tác sau

này. Để hiểu rằng khi Mạc Lân về cùng làm phóng viên, tôi thân thiết và quý trọng anh ngay. Một tình bạn có thể gọi là vong niên được, dù cùng trong tuổi 20. Giờ đây khi đã trên dưới 70, chênh nhau 6 tuổi chẳng đáng kể gì, nhưng ngày ấy một người 20 và một người 26 tuổi, khoảng chênh lệch quả là rất lớn. Hơn hẳn một phần ba thời gian mình đã sống đâu phải chuyện đùa. Mà không phải chỉ là năm tháng. Hơn tôi 6 tuổi, có nghĩa Lân bắt gặp cách mạng đúng vào tuổi trưởng thành. Khi tôi còn ở Nhi đồng cứu vong hội, còn đang đeo súng gỗ, đánh trận giả, đánh trống cà rùng và hát *Nhanh bước nhanh nhi đồng* thì anh đã tham gia cướp chính quyền ở Thủ đô, đã đi Nam tiến, người anh đã nhuộm mùi lửa đạn. Trong tập *Chi đội 3 Giải phóng quân Nam tiến* của Viện Lịch sử quân sự Việt Nam do Nhà xuất bản Quân đội Nhân dân xuất bản năm 2000 có một đoạn viết về một trận đánh ở Phan Rang như sau:

Kế hoạch tiến công nhà Công sứ, dinh lũy cuối cùng của bọn Nhật lúc bấy giờ nghe có vẻ quy mô:

Toàn bộ lực lượng vũ trang và phục vụ các nơi dùng trống, chiêng, thùng, chậu... gây tiếng động lớn để uy hiếp tinh thần địch, đồng thời đẩy “đại bác” vào chiếm lĩnh trận địa, ngắm thẳng vào tường chính diện tòa Công sứ. Dự kiến bắn khoảng 20 phát, tạo một lỗ hổng to rồi lăn hai phuy xăng vào phóng hỏa, tạo điều kiện cho quân ta xung phong.

Một vài cán bộ và chiến sĩ suy nghĩ và lo lắng kế hoạch khó thực hiện nhưng không ai có chiến thuật, thủ đoạn chiến đấu nào hay hơn, vũ khí cũng chỉ có vậy.

Ngày bao vây tòa Công sứ cuối cùng, Lê Văn Lân (tức Thuận Lân) một chiến sĩ của trung đội Nguyễn Tiệp đang bắn kiểm định thì tiểu đội trưởng Lê Văn Cử (tức Thái) phái đi dỡ cọc rào có chằng dây thép gai, để chuẩn bị cho đơn vị có đường xuất kích. Bọn Nhật từ trên cao phát hiện. Một tràng liên thanh bắn làm cho Thuận Lân bị thương. Nhanh như cắt, Lê Chân, một chiến sĩ cùng tổ đã xông ra vác bạn trên vai, chạy ẩn vào mép tường. Các đồng chí Phấn và Hạnh, hai nữ cứu thương, băng bó cho Lân và đưa về hậu phương, sau đó về bệnh viện nơi sơ tán ở gần Cầu Mống (nay thuộc phường Bảo An) gần Tháp Chàm.

Mấy phút sau Cử vào “lỗ” bắn của Thuận Lân, mới bắn được một phát đã bị bọn Nhật bắn trúng mắt và khiêng về bệnh viện thì hy sinh. (Sách đã dẫn, trang 121, 122). Cũng sách trên ở trang 122 có chú thích như sau: Thuận Lân tức Lê Văn Lân hiện ở nhà A5, phòng 102, khu tập thể Liên Cơ Dịch Vụ Hà Nội. Lê Văn Lân chính là Mạc Lân. Đó là tên khai sinh của anh. Lớn lên, anh thay chữ Văn đệm giữa bằng tên người anh yêu quý. Thuận là tên một cô bạn học mà anh yêu vụng nhớ thắm suốt thời gian anh cấp sách tới trường. Ngày ấy anh là Lê Thuận Lân. Sau này vào bộ đội, một đồng đội thân thiết của anh tên Mạc hy sinh, anh có tên Lê Mạc Lân. Trận Thuận Lân bị

thương vừa kể là trận đánh tại Phan Rang, tháng 11 năm 1945, thời cách mạng còn đang trứng nước. Đơn vị Nam tiến của anh đã sớm có mặt tại mặt trận Sài Gòn, đánh địch ở cầu Bình Lợi, Xuân Lộc, Phan Thiết, Phan Rang, Nha Trang, Buôn Ma Thuột...

Bị thương, Lân trở về Hà Nội, thành phố của thời thơ ấu, của tuổi học trò, thành phố anh đã gia nhập đoàn Thanh niên Cứu quốc, tham gia tổng khởi nghĩa, cướp chính quyền. Hà Nội khi Lân từ Phan Rang trở ra giống như một thùng thuốc súng. Ngọn lửa chiến tranh có thể bùng phát bất cứ lúc nào và cuối cùng đã bùng phát. *Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta đã nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng thực dân Pháp càng lấn tới vì chúng quyết tâm cướp nước ta một lần nữa. Không, chúng ta thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ...* Lân tham gia bộ đội Thủ đô với chức vụ tiểu đội trưởng. Anh lại cùng đồng đội đào giao thông hào, dựng chướng ngại vật và cầm súng chiến đấu giữ từng góc phố, từng mét vỉa hè Hà Nội. Đánh nhau ở phố Huế, Ô Cầu Dền, đê Thanh Lương. Chiến đấu ở Trại Vệ quốc đoàn trung ương (trước cửa rạp Majestic). Đánh vào tòa Đại sứ Pháp, lúc đó là nhà đại tá La mi, trưởng phái đoàn Liên kiểm Pháp, viên sĩ quan Pháp có vinh dự được có mặt trong một bài thơ Việt Nam, bài *Hải Phòng 19-11-1946*, kiệt tác của Trần Huyền Trân:

*Nổ súng rồi! Nổ súng rồi!
Hải Phòng ộc máu phun ra bể
Nước mặn từ nay thêm máu người!*

Và:

*Miệng La mi ngọt bên tiếng súng
Bao nhiêu bơ sữa reo cười*

Đầu năm 1947, quân ta rút khỏi Thủ đô, bắt đầu cuộc trường kỳ kháng chiến. Lân đã là cán bộ trung đội. Anh được kết nạp Đảng và đi học lớp bí thư chi bộ. Rồi được thăng cấp cán bộ đại đội làm phó viên kiểm tra của ban kiểm tra thuộc phòng chính trị bộ tư lệnh quân khu. Năm ấy anh mới 20 tuổi. Đồng chí phó viên kiểm tra này không chỉ quá trẻ, mà còn có tác phong lính tráng xuề xòa, hay kể chuyện tiểu lâm, hứng lên còn kể cả chuyện cô đầu Khâm Thiên, theo nhận xét của trên rõ ràng không thích hợp với công tác kiểm tra. Ông Văn Phác bảo Lân:

- Thôi, cậu về làm báo.

Thì làm báo. Đó cũng là nguyện vọng của anh. Về từ *Vệ quốc quân khu 2*. Gặp Yên Thao, Văn Thân, Nguyễn Phúc Nghiệp ở đó. Ít lâu sau khu 2 sáp nhập với khu Tả Ngạn thành Liên khu 3, Lân về báo *Quân Bạch Đằng* của quân khu 3. Liên miên những ngày đi chiến dịch: Quang Trung, đường 6, Hà Nam Ninh... Và vào địch hậu. Rồi theo một đơn vị pháo binh lên Điện Biên phủ. Tập *Bảo vệ*

đường lên mặt trận là kết quả của bao ngày đêm cùng đơn vị pháo ăn bom trên đèo Lũng Lô, mưa dầm cơm vắt, mịt mù khói lửa, cái sống cái chết chỉ trong gang tấc...

Chiến dịch Điện Biên kết thúc thắng lợi. Một nửa đất nước hoàn toàn giải phóng. Cha anh, nhà văn Lê Văn Trương di tản vào Sài Gòn. Cái gánh nặng lý lịch anh mang suốt thời gian kháng chiến giờ đây càng nặng nề hơn. Cấp trên mời anh lên nói anh sẽ được xuất ngũ. Trần Dần biết tin ấy, nhắn gọi Lân về phòng Văn nghệ Quân đội, nhưng Lân không về. Chính anh cũng muốn rời quân ngũ dù phải phục viên như người bạn Tạ Phương Hiến “*tuổi hăm ba treo ấn từ quan*” cũng được. May sao ông Trương Công Cẩn, chính ủy sư đoàn là người có trách nhiệm và thông cảm với anh em văn nghệ sĩ, viết thư cho ông Nguyễn Lam khi đó là bí thư trung ương đoàn Thanh niên Cứu quốc: “Đây là những đồng chí có công nhưng cấp bậc thấp vì chính sách đối với văn nghệ sĩ của chúng ta chưa rõ ràng, nhờ đồng chí giúp đỡ tạo điều kiện cho các đồng chí ấy công tác bên đoàn thể, dân sự..”. Thế là Mạc Lân, Tất Vinh, Vũ Lê về báo *Tiền Phong*, Dương Tường về Việt Nam Thông tấn xã. Những bộ quân phục cùng với những huy hiệu Điện Biên của các anh làm sáng cả cơ quan báo, càng thêm sức hút đối với những thông tin viên, cộng tác viên khi họ đến tòa báo. Cũng xin nói thêm một chút về những bộ *quần áo đại quân* này. Chỉ có Mạc Lân, cán bộ đại đội (anh ở cái cấp

bạc này suốt gần 8 năm trường kỳ kháng chiến, từ năm 1947 tới năm 1954) là có áo bốn túi, hai túi trên ngực và hai túi dưới vạt. Còn Tất Vinh, Vũ Lê cán bộ trung đội, Dương Tường cán bộ tiểu đội thì áo chỉ có hai túi ngực và vai áo can vá thêm hai miếng để mang vác áo vẫn bền, không rách, loại áo Phùng Quán đã viết thành thơ:

*So với ông cha tôi có kém gì đâu
Cũng có gan cời áo tặng nhau
Nhưng áo tôi nàng không mặc được
Áo lính vá vai xanh màu quân phục*

*

Ngày mới về *Tiến Phong*, Lân được làm trưởng ban Văn nghệ nhưng phải nói rằng cái chức ấy chẳng có sức hấp dẫn chúng tôi, kể cả chính Lân. Điều hấp dẫn chúng tôi là lao vào cuộc sống, lao vào thực tế, vừa viết được những bài đặc sắc cho báo vừa tích lũy cho sáng tác văn chương sau này. Vũ Lê Mai đi sâu vào công nghiệp, Nguyễn Trí Tình rục rủa anh hùng sẵn sàng đến tất cả những mũi nhọn của công cuộc xây dựng. Văn Kim Kim với vốn Trung văn giàu có, áp cập kính cận xuống những tạp chí Trung Quốc, dịch, lấy tài liệu viết về những hỏa tiễn, những loại máy bay đời mới và mục Khoa học và Tuổi trẻ của anh bao giờ cũng hấp dẫn bạn đọc. Tôi đi về nông thôn, hết *nghiêng sông đổ nước vào đồng* (chống hạn) lại

ngiên đồng đổ nước ra sông (chống úng). Nhà báo già nhất cơ quan khi đó, anh Vương Mộ Thanh, bố họa sĩ Đỗ Phấn sau này (ngày ấy Đỗ Phấn bé tí hin, tôi hay bế Đỗ Phấn đi chơi và dạy Phấn những điều ba lằng nhằng nhất, như chân thì gọi là đầu, đầu thì lại là đất, và tên cháu là gì? là Ông Bách Khoa, khiến anh chị Mộ Thanh phải van các chú, các chú đừng dạy cháu như thế nữa) cũng như trẻ lại với chúng tôi. Mạc Lân, Tất Vinh cùng ở tổ văn nghệ. Dễ hiểu rằng các anh phải cáng đáng những phần việc nặng nề nhất cho những số đặc biệt, nhất là số báo Tết: Thơ và truyện ngắn. Thơ cũng không khó. Tất Vinh có thể đi đặt được. Vỡ kế hoạch thì chính anh sáng tác. Nhưng không chỉ có vậy. Còn tùy bút, còn điểm thơ. Và Mạc Lân còn phải đẻ ra truyện ngắn. Chúng tôi, cánh trẻ mới vào nghề nhanh chóng hoàn thành nhiệm vụ của mình cho số báo Tết một cách rất nghiêm túc và nộp bài cho biên tập. Và khi đường phố đã lác đác hoa đào, mậu dịch đã xe về cửa hàng những mút, những rượu, những lá dong, gạo nếp và lòng người ai cũng náo nức cả lên, thì trong bữa cơm tập thể, đồng chí tổng biên tập nói lời cuối cùng: Tất cả bài đã đầy đủ, chỉ còn thiếu của tổ văn nghệ. Tối nay cứ làm ma kết và đầu giờ sáng mai, hai đồng chí ban văn nghệ phải có bài. Đây là thời hạn chót.

Đồng chí nói vẻ nghiêm khắc nhưng không có ý gì bực bội. Ai cũng biết sáng mai tổ văn nghệ sẽ nộp đủ bài. Ai cũng biết “hai ông tướng văn nghệ” là cứ phải nước đến đất mới viết được ra.

Đêm ấy Lân, Vinh thức khuya, hẳn rồi. Tôi chong đèn ra sân chơi bóng bàn. Đã khuya, anh em đã mệt, đi nghỉ cả, tôi ghé lên gác nhìn hai anh đang miệt mài cặm cụi. Cả hai cùng quay mặt vào tường im lặng viết, nhưng khi tôi lên các anh biết ngay. Mạc Lân quay ra nhìn tôi cười. Anh gọi Tất Vinh:

- Vinh. Nghỉ đã. Đi uống cà phê.

Tất Vinh đứng lên, khoái chí ngâm nga mấy câu thơ cửa miệng tả vẻ đẹp của người con gái bằng những món ăn phổ thông dễ gọi cảm nhất: *Môi em mộng đỏ cà chua. Mắt em ngọt kẹo vừng kẹo lạc. Em cười giòn phàn xôi, phá sa.*

Đó là dấu hiệu các anh đang làm việc có kết quả. Ba chúng tôi đi bộ ra phố Huế. Ra phố mới thấy rét. Gió đã hẳn. Còn sương. Đường phố vắng. Lá khô lăn dưới lòng đường, trên vỉa hè. Chúng tôi ôm lấy nhau đi. Ba chàng phóng viên *Tiền Phong* chưa vợ cảm thấy cuộc đời sao đáng yêu đến thế. Chúng tôi uống cà phê vỉa hè. Ông cà phê vỉa hè ngã tư Hàm Long phố Huế hình như bán hàng suốt đêm. Hàng ông lúc nào cũng đông khách. Càng rét càng đông. Bởi vì các quán cà phê vỉa hè khác người ta thường pha *cà phê bí tất* nghĩa là cho cà phê vào túi vải rồi đem ninh lên. Còn ông, ông pha phin theo kiểu Pháp. Cốc đựng cà phê đặt vừa trong một cái ống bơ sữa bò có nắp đậy, có quai dây thép quấn vải cầm cho đỡ nóng. Khách hàng mỗi người một phin, một ống bơ,

quanh quanh cái bếp lò than quả bàng. Chung quanh bếp và ngay trên những hòn than miệng bếp, chen sát nhau là những ống bơ đen khói đựng nước lúc nào cũng sôi sùng sục để làm nóng cà phê theo lối cách thủy. Ngồi dưới sương rơi buốt vai, buốt lưng nhưng da mặt ửng hồng, rát lên vì lửa, hươ hươ hai bàn tay quanh bếp, xì xụp thứ cà phê nóng bỏng đậm đặc bắt môi bắt lưỡi, vai chen vai dù không quen biết, dù rì rầm câu chuyện hay yên lặng, khách hàng cũng hoàn toàn hiểu nhau. Nhắc lên đặt xuống cái ống bơ, lấy kẹp gấp một hòn than đặt đúng chỗ cho ngọn lửa lên vừa phải, cho ống bơ của mình không bị cập kênh, lấy một cái đóm giấy lách vào khe than hồng rồi mỗi lên điều thuốc, im lặng nhả khói, mọi người cùng hưởng những giây phút thư giãn tuyệt vời quanh bếp lửa. Ông chủ hiệu cũng hoàn toàn yên lặng. Ông chỉ nói khi phải tính tiền với khách. Và giọng nói của ông đúng là giọng nói của người quanh năm ngồi bên bếp lửa. Nó có mùi khói. Nó ngàn ngạt khê khê, ấm áp vô cùng. Ba chúng tôi đứng lên. Rời xa bếp. Rét. Chúng tôi lại khoác vai nhau. Vẫn im lặng. Chỉ có tiếng lá khô gió thổi lẩn dưới lòng đường, lẩn trên vỉa hè. Bỗng Lân reo lên:

- Tao nghĩ ra được cái kết của truyện rồi. Cô gái sang dò về đến đầu làng thì trời đã tối. Cô leo lên bờ đê và thấy sao đã mọc. Càng nhìn lâu càng thấy nhiều sao. Những ngôi sao như những hạt ngô mẹ tẽ ra phơi nắng ngày mùa.

Cái truyện ngắn số báo Tết ấy cũng như tất cả các bài báo khác của Mạc Lân đều ký tên Hoàng Hoan. Hình như đó là cái tên đã được đặt trước cho con anh dù nó chưa sinh, dù nó là trai hay gái. Về *Tiền Phong* ít lâu Mạc Lân lấy vợ. Sinh cháu gái Hoàng Hoan. Mặc dù Lân đã chạy sang hàng ngũ có vợ có con nhưng cánh chưa vợ chúng tôi vẫn cứ coi anh như một thành viên. Chúng tôi xem vợ chồng anh tắm cho cháu. Chúng tôi quây quanh Hoàng Hoan reo hò động viên Hoàng Hoan tênh tênh. Bất cười khi thấy Lân với cái cù địa bột chạy theo cháu ép cháu ăn và cần nhân:

- Tao nuôi mày thế này mà mày ngày sau lại cứ em yêu nhất anh.

Và khi cháu bốn năm tuổi, chúng tôi có xoa đầu vuốt tóc Hoàng Hoan thì Hoàng Hoan hất tay chúng tôi ra, nói với giọng con nít gần như nhăn nhó:

- Đầu để nghĩ. Không phải để xoa.

Tất cả chúng tôi cười âm. Hoàng Hoan cũng cười toe toét. Mạc Lân sung sướng xốc con lên vai đi quanh phòng:

- Đúng. Đầu để nghĩ! Con gái bố giỏi lắm.

Đầu để nghĩ. Mạc Lân muốn con bé con có cái đầu không phải để xoa, mà có cái đầu để nghĩ. Và tất nhiên, cái đầu của anh cũng là để anh suy nghĩ. Nói đúng ra kiểu

dạy con như vậy là đùa chơi nhưng cũng chỉ có Lân dạy con kiểu ấy. Đó là phản ứng của anh với tình trạng có những cái đầu chỉ nghĩ theo những điều mà những cái đầu khác đã nghĩ sẵn cho mình.

Chẳng phải vì là bạn với Trần Dân, Phùng Quán mà anh tán thành những quan điểm của báo *Nhân Văn*. Không chỉ trong suy nghĩ anh còn phát biểu thành lời. Tất nhiên anh không được tin tưởng nữa. Đang là trưởng ban Văn nghệ, anh sang làm trưởng ban bạn đọc, rồi xuống làm phóng viên. Lương từ bậc 11 hạ xuống còn bậc 7. Nhưng điều đó có hề gì. Anh vốn không thích ở nhà duyệt bài, giữ gôn, mà muốn đi cơ sở. Bắt đầu cuộc chiến tranh leo thang Johnson. Miền Bắc mới được 10 năm im tiếng súng và đang tận lực chi viện cho miền Nam giờ đây phải trực tiếp chiến đấu. Những nơi chiến sự ác liệt nhất đều có Mạc Lân. Cơ quan cử anh đi vì anh là người xông xáo, không ngại hiểm nguy, nắm bắt vấn đề nhanh, viết bài nhanh, hơn nữa trước đây anh từng là phóng viên mặt trận. Yên Vực, Hàm Rồng, Nam Ngạn, Đò Cắm, Cầu Hồ, Cầu Vắn... đều có anh. Những địa danh giờ đây không gợi một ý niệm gì nhưng ngày ấy là lương tâm của toàn dân tộc. Đó là quyết tâm của một bên là khoa học kỹ thuật hiện đại tối tân nhất, sức mạnh quân sự hùng hậu nhất của Mỹ và đồng minh với một bên là ý chí gang thép, của quân và dân miền Bắc giữ vững mạch máu giao thông đưa người và súng đạn của cải vào

miền Nam chiến đấu. Đòi làm báo của Mạc Lân từ đó là những chuyến đi đột xuất tới những vùng lửa đạn, vất vả, gian khổ, nhin đói, đêm hôm, nguy hiểm. Lân đã tận mắt chứng kiến nhiều chuyện. Những chiếc cầu bị đánh sập. Những chiếc máy bay bị bắn đứt ngang đâm thẳng xuống gần trận địa. Những trận địa pháo bị trúng bom, những cô gái đi thăm chồng là pháo thủ bỗng trở thành những người tiếp đạn trên trận địa, ẩn hiện trong khói lửa, quần áo, da tóc khét mùi thuốc đạn. Trận chiến đấu kết thúc, sau khi thay phiên trực chiến, sau khi đã xuống sông tắm gội và ăn uống, nghỉ ngơi, hai vợ chồng người chiến sĩ nọ tràn đầy tình yêu bước vào căn buồng của riêng họ: căn buồng hạnh phúc. Lân kể lại chuyện ấy cho tôi nghe trong một lần anh xuống Hải Phòng (tôi đã từ báo *Tiền Phong* chuyển về báo *Hải Phòng* hồi cuối năm 1959) viết về những con tàu mở đường mòn trên biển. Anh sôi nổi:

- Giá ông nhìn thấy hai vợ chồng người chiến sĩ nông dân chân chất ở trận địa cầu Hàm Rồng. Buổi chiều còn toi bởi khói lửa, gần như không phải con người bằng xương bằng thịt nữa mà là sắt thép, cái sống cái chết liền nhau mà buổi tối thì trẻ trung tươi tắn thế. Cô cậu ngượng chưa muốn vào *nhà hạnh phúc* ngay, còn đi la cà buồng nọ buồng kia nhưng đi đến đâu cũng bị xua đuổi. Người ta không muốn cô cậu mất thì giờ vì họ. Thời gian quý lắm. Nhất là thời gian giữa hai trận đánh.

Và gật gù:

- Tôi sẽ viết một cái truyện ngắn về *cái lực Việt Nam*. Về một đôi vợ chồng chiến sĩ như tôi vừa kể cho ông. Chiến đấu suốt buổi chiều, đến tối, khi cửa phòng hạnh phúc khép lại, chị vợ hỏi chồng: *Một thể anh có chiều em được không?* Anh chồng cười: *Được chứ, sao lại không? Nhưng anh chiều ít hay chiều nhiều?* Chiều nhiều.

Chẳng thể nào diễn đạt được hai tiếng *chiều nhiều* Lân nói. Quai hàm xương xấu bên dưới trạo đi. Vừa âu yếm vừa nũng nịu mà chỉ Mạc Lân mới có.

Tôi không biết anh đã đặt bút viết cái truyện ngắn ấy chưa. Ý tưởng về truyện ngắn này nảy sinh trong lần về trận địa Hàm Rồng nhưng nó bắt nguồn từ những suy nghĩ sâu xa hơn. Ngày ấy người ta sợ viết về tình yêu trai gái. Ngày ấy những con người chiến đấu được giảm lược đi đến mức tối đa. Lân nói: Bọn Liên Xô sang đây nó bảo nhân vật của các anh không có bộ phận sinh dục à? Cứ đọc sách của mấy ông viết thì đúng như thế thật. Nhưng tôi cam đoan với ông rằng trong Nam đang chiến đấu gay go như thế nhưng người ta vẫn yêu nhau, vẫn ghen tuông, vẫn ngoại tình, vẫn ngủ với nhau. Cuộc sống ông ạ. Không có gì dập tắt được cuộc sống. Chỉ có chúng ta dập tắt nó trong sách thôi.

Những suy nghĩ kiểu như vậy ngày ấy cũng là lạc lõng, cần phải uốn nắn. Lân biết rằng thật khó mà viết được một cái gì đó chân thực. Nhưng anh vẫn đi. Vẫn đến với những nơi nguy hiểm nhất. Những tấm gương chiến đấu

của quân dân ta ở tuyến lửa động viên anh. Khi bom Mỹ đánh trúng trại huấn luyện Quỳnh Lập, anh đang ở khu 4. Lấy xe đạp đạp suốt đêm tới Trại huấn luyện, lấy tài liệu viết bài ngay. Nghĩ tới anh em trong tòa soạn đang ở Hà Nội, Lân tự thấy mình là “ghê”, nhưng ý nghĩ ấy biến mất ngay khi anh đến phòng mổ của các bác sĩ: Vi trùng huấn luyện Hansen lây bằng đường máu mà các bác sĩ mổ cho những người huấn luyện bị trúng bom không có gắng tay!

Đến những mũi nhọn trong chiến đấu, đó là lương tâm - và cũng có thể là tự ái nghề nghiệp - của anh, là máu mê của anh nữa, chứ anh hoàn toàn không tin là anh sẽ được lãnh đạo báo tin tưởng. Cho nên mỗi khi thấy lãnh đạo tươi cười với anh là anh cảnh giác. Như một hôm, một ủy viên biên tập thân mật vỗ vai anh, anh hiểu ngay là sắp có nhiệm vụ đột xuất. Quả nhiên, người ủy viên biên tập nói với anh:

- Nó đánh Nam Định rồi.

Thế là ba lô xe đạp giương suốt đêm về Nam Định viết *Thành phố dệt nổ súng*.

*

Năm 1967, Mạc Lân rời khỏi báo *Tiến Phong*. Lê Bầu sau khi đi học phiên dịch ở Trung Quốc, công tác ở ngành bưu điện đã xin chuyển được về Hội Văn nghệ Hà Nội. Bầu kéo Lân về đó. Lân về Hội Văn nghệ Hà Nội vì

hai lý do: Anh không thể ở báo *Tiền Phong* được nữa mà Hội Văn nghệ Hà Nội lại có báo, có nhà xuất bản, nghĩa là có *đất dụng võ* như lời tán của Bầu.

Nhưng cái *đất dụng võ* ấy đâu có phải là của Mạc Lân mà cũng chẳng phải của Lê Bầu. Có một ý kiến (hay chỉ thị) không thành văn nhưng mạnh hơn văn bản mà tất cả các báo, các nhà xuất bản đều thực hiện rất triệt để và nghiêm chỉnh là không in bài của Mạc Lân, Lê Bầu. Nếu hãn hữu có in cũng không được ký tên hai người. Người ta thực hiện triệt để tới mức tập *Người Hà Nội* có bài của Mạc Lân, Lê Bầu thế mà tên không được in đã hẳn, nhuận bút cũng không có nốt. Túng thiếu. Mà phải có tiền. Phải sống.

Đang loay hoay với kế mưu sinh thì Dương Tường đến. Nào ai ngờ được chính anh chàng lơ ngơ này lại là người giải quyết cho Mạc Lân vấn đề cực kỳ khó khăn ấy: Đi bán máu. Lân tròn xoe mắt, sững sốt và bất ngờ. Bán máu? Bán ở đâu? Bán như thế nào? Ai mua? Ông lại sáng tác ra chuyện gì nữa thế? Không phải chuyện sáng tác, hư cấu. Người thực việc thực một trăm phần trăm. Chuyện của chính tôi. Chính tôi đã đi bán rồi đây ông ạ. Có mà trời tin. Đừng bịp nhau. Người một tay xách nặng như ông mà đi bán máu. Trông thấy ông người ta cũng đủ ngán rồi. Ông không tin thì thôi. Bốn hai cân như tôi mà bán được máu đấy. 200 cc đàng hoàng. Ông ăn chắc mỗi kỳ 250 cc. Thế thì đúng rồi. Nhưng bán ở đâu? Thủ

tục ra sao? Lân mừng như người chết đuối vớ được cọc. Thế là Tường giảng giải. Và để kết luận, Tường bảo: “Tôi sẽ đưa ông đi”.

Lân không nhờ Tường đưa đi. Anh tự đi. Tường động viên: Cũng nhiều chuyện phức tạp, lồi thòi lắm, chứ không đơn giản đâu. Không biết gan của ông có vấn đề gì không. Có vi trùng sốt rét không. Ở bộ đội thàng nào chẳng sốt rét. Thôi cứ đi. Được hay không thì cũng là một lần tổng kiểm tra sức khỏe. Từ bé đến giờ chúng mình đã kiểm tra sức khỏe bao giờ đâu.

Nghe lời Tường dặn, Lân mua nửa cân chè Thái đến gặp phó phòng huyết học bệnh viện Việt Đức như một cái lễ ra mắt. Anh được khám, được X quang tim phổi, thử máu, thử nước tiểu không mất tiền. Không bệnh truyền nhiễm. Không viêm gan. Không có vi trùng sốt rét. Lại còn được nghe giảng về huyết học. Cho đến bây giờ anh mới biết thì ra hồng cầu ba tháng chết một lần, và cũng cứ ba tháng tùy sống lại sản sinh ra một thế hệ hồng cầu mới. Hồng cầu chết nằm trong lá lách. Đó là nghĩa địa hồng cầu. Máu thì có bốn nhóm tất cả. A, B, O, AB. Nhóm máu AB là *nhóm máu ích kỷ*, rất ít người có nên bệnh viện không mua, khó bán. Nhưng khi cần người ta đến tận nhà mua và lại bán được đắt. Còn nhóm máu O được gọi là *nhóm máu xã hội chủ nghĩa*, tiếp được cho các nhóm máu khác. Nhóm máu của Lân thuộc nhóm B, chẳng ích kỷ cá nhân chủ nghĩa mà cũng chẳng xã hội



Bùi Ngọc Tấn (phải) và hai *lính me* quá đất Mạc Lân (giữa), Dương Tường (trái).
Ảnh : Công Nam

chủ nghĩa. Lấy máu theo trọng lượng cơ thể. Tường chắc mỗi lần bán chỉ được 150 cc. Lấy 200cc có thể do cảm tình gì đó. Lân 60 ki lô mới được lấy 200cc.

Về sau những lần cần tiền Lân đeo thêm chì vào người để đạt trọng lượng 70 ki lô và bán được 250, 300cc, anh nghĩ chắc Dương Tường cũng giờ trò gian lận này. Lấy xong máu, cầm biên nhận đến tài vụ lĩnh tiền, nhận phiếu bồi dưỡng. Tiền tính theo *xê xê* còn tem phiếu thì đồng loạt. Mỗi người được lĩnh tem 2 cân đường, 4 cân đậu phụ, 2 kí thịt, 2 hộp sữa. Thế là mất đi một ít máu nhưng túi nặng nặng tiền và tem phiếu. Cho nên những ngày đi bán máu rất vui. Con người mình bỗng nhiên tăng thêm giá trị trước gia đình và trước bao cặp mắt của cánh phe vé, bỗng nhiên mình được bao bọc quấn quít giữa những

cái nhìn trù mẫn, tình cảm, hò hẹn của đám đàn ông đàn bà chuyên sống bằng buôn bán tem phiếu lúc nào cũng có mặt ngoài cổng bệnh viện. Đội ngũ phe vé cũng đông xấp xỉ đội ngũ những người bán máu. Giá cả dễ thống nhất. Giá làng. Người trao tiền, người trao phiếu là xong. Điều gay go nhất là tiêu chuẩn bồi dưỡng còn được một bát phở tái bò, nhưng phải xếp hàng ăn ngay tại hành lang bệnh viện. Những lần đầu đứng ngối xi xụp bát phở ngoài hành lang ngượng lắm. Cắm mặt mà và, mà xụp xoạp cho nhanh. Nhưng rồi quen. Nghĩ mình lương thiện. Quá lương thiện. Lương thiện gấp trăm lần những người khác. Chẳng có gì mà xấu hổ. Thế là dần dần cứ ăn bình tĩnh nhẩn nha. Chẳng nuốt vội nuốt vàng như trước. Để thấy chất bổ ngấm vào người, vào máu. Để thấy mình đang hồi phục. Để thấy máu mình lại đang nảy nở sinh sôi. Bán máu êm ả là thế mà nhiều lúc vẫn giật mình. Ví như đang ngối nhìn cả vào người y tá chờ gọi tên mình thì người ấy bỗng bật ra những cái tên bất ngờ nhất:

- Chính Yên!

- Phan Kế Bảo!

Hay đang bưng bát phở lên ăn, nghe tiếng gọi giật giọng:

- Phương Nam!

Toàn những người quen. Toàn những trí thức. Ngượng nghịu nhìn nhau. Rồi cũng quen dần. Lương thiện thì rõ ràng là lương thiện rồi. Nhưng nó tố cáo

bước đường cùng. Người bán máu nuôi con đi học. Người lương hưu ít ỏi không đủ sống. Quần áo chần chu. Tóc chải gọn gàng. Mặt mũi sáng sủa, đi lại rón rén nhẹ nhàng chỉ trông cũng biết là người có học. Đây là một loại. Loại này đông nhất. Loại thứ hai ít hơn: Những nam nữ thanh niên còn rất trẻ, quần áo *bít dít* cười nói trò chuyện ồn ào. Đó là cánh đua đòi ăn chơi tung tẩy rủ nhau đi bán máu lấy tiền mua nhẫn vàng mua đồng hồ quần bò áo phông. Còn dân bán máu chuyên nghiệp lại khác. Giống cánh trí thức. Ít nói. Có nói cũng rất khẽ. Khuôn mặt đầy lo lắng ưu tư. Họ có nhiều số, bán ở nhiều nơi. Có khi lên cả Sơn Tây, Thái Nguyên. Về cả Thái Bình. Họ chưa đến hạn được bán. Họ sợ máu họ loãng. Họ sợ bệnh viện nhận ra sự gian dối của họ. Dân chuyên nghiệp bán máu xong là đổ xô đi mua viên sắt, uống nước cua sống. Hy vọng như vậy sẽ có đủ huyết sắc tố cho đợt bán sau. Dân chuyên nghiệp vén ống tay áo lên nhìn biết ngay. Chằng chịt vết kim. Lân bán máu sau Tường. Nhưng Lân là người theo đuổi cái công việc này lâu nhất. Khi kẻ viết bài này lang thang từ các trại tù miền rừng núi trở về, sẵn có *nghe* trong tay, Lân đi bán máu đợt xuất, chiêu đãi y một bữa bún chả, ăn trong căn buồng hẹp nhà Lê Bầu phố Phùng Hưng. Một bữa ăn vĩnh viễn nằm trong trí nhớ.

*

Năm 1971 Mạc Lân xin nghỉ hưu non. Tình thế bắt buộc, mặc dầu anh không muốn. Thật không ngờ: Nghỉ hưu, anh lại có nhiều việc để làm. Cái chuyện anh không được viết, hoặc được viết nhưng không được in hay được in nhưng không được ký tên cũng không được nhận nhuận bút cả bàn dân thiên hạ đều biết. Và nhiều người tìm đến anh. Đó là những người đang đi vào con đường viết lách, những cộng tác viên của một vài tờ báo, những người đang muốn có một cái truyện ký đầu tiên, hay cũng đã có một hai cái tin đăng báo và giờ đây đang giao du với những cán bộ biên tập các nhà xuất bản, những người đã có một vài sáng tác được in và đang muốn được kết nạp vào hội văn nghệ địa phương, kể cả hội nhà văn, rất cần bản thảo như một chứng chỉ. Hoặc muốn vây vo với một em nào đó. Để chinh phục. Để có thể yêu, và không loại trừ cả chuyện hôn nhân. Cũng nhiều khi đơn giản chỉ là một cách kiếm ăn, phe phẩy, nhận việc, không phải làm mà vẫn có tiền tiêu, hơn nữa có tiếng tăm. Thời ấy mọi đơn đặt hàng đều là truyện ký. Một thứ người thực việc thực được văn nghệ hóa, có tả cảnh, tả tình, có đối thoại, một thứ văn chương tổ đội. Cái khoản ấy Lân rành. Chẳng cứ Lân rành. Bầu cũng rành. (Và cả tôi nữa. Cũng rành). Bầu và Lân làm thành một tổ viết văn chui. Nghĩa là viết văn không cho người khác biết, trừ người đặt hàng mình. Việc nhiều khi không có. Nhưng cũng có lúc làm không hết việc. Do người ta tự tìm đến. Mà cũng do bè bạn khơi nguồn, tìm việc mang đến cho anh, anh

chỉ việc viết mà không biết người sẽ đứng tên sách anh viết, người sẽ phải trả tiền cho anh là ai. Đủ các đề tài. Chuyện chiến đấu trong Nam. Chuyện nhà máy, cải tiến kỹ thuật, mỗi người làm việc bằng hai, chuyện chăn nuôi trong hợp tác xã nông nghiệp. Chuyện phong trào hai tốt (dạy tốt, học tốt) ở các trường học. Đề tài gì cũng được. Nhưng các ông phải cung cấp tài liệu. Bọn này chỉ biết có viết thôi. Đảm bảo đúng thời hạn, đúng số trang số chữ, đảm bảo chất lượng. Hợp đồng chỉ thảo miệng như vậy. Còn nữa. Nhuận bút chia đôi. Cũng là thống nhất miệng. Nhiều khi gặp khách hàng rần quá, Lân nhận theo tỷ lệ bốn mươi, sáu mươi. Người đứng tên sách ăn sáu, còn Lân ăn bốn. Chung quanh cái việc viết văn chui của Lân thật nhiều chuyện li kì. Có những người nhận nhuận bút rồi nhưng định quịt, không thanh toán tiền cho kẻ viết. Đi lại nhiều lần. Ngọt nhạt. Mềm mỏng. Căng thẳng. Người ta cũng không định quịt của mình. Chẳng qua là vì quá bốc với “tác phẩm đầu tay”, lỗ liên hoan hết cả tiền nhuận bút. Cuối cùng đành phải tháo đồng hồ Poljot đưa Lân. Làm ăn phải giữ cái mối chứ nhiều lúc nhục lắm ông ơi. Anh chồng bảo cô vợ thế này: Anh Lân anh ấy túng quá, anh thuê anh ấy chép bản thảo, tạo điều kiện cho anh ấy thêm tí thu nhập, em đến xem anh ấy chép xong chưa cầm về cho anh, nhà xuất bản họ giục. Tiền nong cứ kệ anh. Anh sẽ thanh toán với anh ấy sau. Chị vợ phục tấm lòng ăn ở của chồng sát đất. Chồng mình quan tâm đến bạn như thế chứ còn gì nữa. Một tấm lòng

vàng! Thật may cho cái số của mình... Chị vợ đến gặp mình nói lại ý kiến của chồng. Mình khát. Nói rằng mấy hôm nay tôi bận quá chưa chép được. Chị về nói lại với anh họ. Chị vợ lại hỏi: Chữ anh ấy nhà tôi khó xem lắm đấy. Tôi đọc còn khó, anh có đọc được không. Mình vội bảo: Tôi đã công tác ở tòa soạn chị ạ, chữ viết kiểu gì tôi cũng đọc được. Lần đầu tiên vui vẻ. Lần thứ hai bà vợ đến mình vẫn chưa *chép* được, bà ta đã có vẻ bực nhưng cố nén. Và lần thứ ba cũng vẫn *bận quá chưa chép được cho anh* thì bà vợ không chịu được nữa. Dắt xe ra cửa còn nói đồng: “Đã đói còn lười. Người ta thông cảm giao việc cho làm mà không chịu làm”. Lân cười. Kể đến đây Lân cười. Rồi anh nghiêm mặt quát lên với tôi: “Những công việc ấy làm sao viết trước, viết sẵn được. Ông cũng viết văn ông còn lạ gì. Cứ là phải nước đến đít rồi mới nhảy!” Và nhắc lại chằm ngôn anh đã nói cùng tôi: “Làm ăn phải giữ lấy cái mối. Đành chịu. Họ muốn nói thế nào tùy họ”. Bỗng cười phá lên: “Nhưng anh chồng là người tuyệt vời. Cuối cùng thì bản thảo cũng xong. Sách in trước Tết. Nhuận bút có trước Tết. Ông cũng biết Tết mà có nhuận bút thì tuyệt như thế nào. Mình đến nhà anh ta. Hí hửng sẽ mang được tiền về cho vợ. Nhưng chị vợ anh ta cũng có nhà. Hai thằng chỉ *nhìn nhau mà không nói*. Không có cách nào đưa tiền được. Truyện trò giữa hai thằng tri kỉ gượng đến chín giờ tối thì mình rút. Nhưng thật không ngờ. Mười giờ bà vợ đạp xe tới nhà mình:

- Anh Lân có mất cái gì không?

Mình ngỡ ngác:

- Không. Không mất gì cả chị ạ.

Chị vợ rút ra một xấp tiền đưa cho mình:

- Anh đánh rơi tiền ở nhà tôi đây này. Khi anh về, nhà tôi thấy ở gầm ghế anh ngồi chỗ tiền này, hỏi tôi tiền nào đây. Chồng không mất, vợ không mất. Anh ấy bảo thế thì chỉ có tiền anh Lân đánh rơi thôi.

Mình hiểu ngay tất cả. Sáng kiến ứng xử thông minh của ông chồng, sự thông cảm của ông ta đối với thói xấu cần tiền của mình trong những ngày giáp Tết. Mình giả vờ lục túi quần và reo lên: “Chết rồi. Đúng rồi. Tiền vợ tôi nó vừa lĩnh họ đưa cho tôi lúc chiều. May quá. Cám ơn anh chị”.

- Nhưng sao toàn thấy bà vợ đến nhà ông mà ông chồng không đến?

- Ông ấy bị đau chân. Đi làm sao được.

Như mọi thứ hợp đồng khác, hợp đồng viết thuê của Lân có nhiều chuyện phát sinh. Chẳng hạn chuyện Lân viết (ký tên người khác) bỗng dưng lại ăn một cái giải thưởng nào đó. Như có một năm ba truyện ngắn Lân viết cho ba người được giải thưởng (của Hà Nội và của Tổng công đoàn). Người ta có thể quên hẳn Lân. Nhưng những người trúng giải thưởng là những người rộng rãi biết điều. *Lộc bất khả hưởng tận*. Ba cái giải thưởng ấy Lân đều được chia 50 phần trăm. Trần Dẫn, Phùng Quán

đem tiền đến cho Lân. Hai người này nhận việc cho Lân. Người nhận giải chẳng biết Lân là ai. Họ chỉ biết có ông Dẫn, ông Quán.

Có một điều Lân lấy làm lạ là cái người chỉ đứng tên cho văn bản mà không hề viết lấy một dòng khi sách đã được in, gặp Lân là người đã viết ra nó lại cứ trò chuyện với Lân theo cái kiểu như chính anh ta là người đã sáng tác ra nó, chính anh ta là tác giả. Hoặc nói một cách rất bề trên: “Đoạn ấy viết được. Mình đi đến đâu người ta cũng khen. Dư luận tốt lắm”. Anh lắc đầu: Cũng nhiều lúc muốn tống một quả đấm vào mặt họ nhưng lại cố nén. Rồi cười: Làm ăn phải giữ lấy cái mối.

Nghề viết thuê có nhiều lúc nhục nhưng cũng có lúc vinh. Ấy là cái lần Lân đi viết lịch sử đảng bộ Thuận Hải, tên gọi chung cho hai tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận thời còn đang sáp nhập làm một. Chưa bao giờ anh có một công việc quy mô như vậy. Nó hứa hẹn với anh nhiều tháng có công ăn việc làm và do đó thu nhập cũng khá hơn. Người dặt mối cho anh là Tạ Văn Bảo, trưởng ban công nghiệp báo *Tiền Phong* vào cái hồi anh làm trưởng ban văn nghệ. Tạ Văn Bảo đã vào biên ủy báo rồi chuyển sang làm giám đốc nhà xuất bản Thanh Niên. Khi đó nhà xuất bản Thanh Niên đang có một chương trình liên kết kinh tế gì đó với tỉnh ủy Thuận Hải. Biết tỉnh ủy Thuận Hải muốn có một bộ lịch sử đảng bộ tỉnh, Bảo đã đưa từ Hà Nội vào một cây bút có tin nhiệm để viết. Nhưng bản

thảo đồ. Không đạt. Mà không thể không có bản thảo, không thể không xuất bản tập lịch sử Đảng bộ. Bảo nghĩ đến Lân, một người chắc chắn sẽ có bản thảo, hơn thế, một bản thảo tốt. Lân nói với Tạ Văn Bảo:

- Nhưng ông cũng biết rồi đấy. Tôi không phải đảng viên, viết lịch sử Đảng có được không? Với lại tôi chỉ viết giai đoạn từ khi thành lập Đảng tới Tổng khởi nghĩa thôi đấy.

Bảo nói không có vấn đề gì, thu xếp vào trong ấy càng sớm càng tốt. Vợ chồng Lân vay giật được 200 đồng. Hằng, vợ Lân khâu vào mỗi cái quần lót của Lân một cái túi con, để cho tiền vào đó, miệng túi cài ghim bằng cẩn thận. Mùa hè năm 1982 Lân vào Phan Thiết với 200 đồng, 200 điều thuốc lá cuốn, một quyển sổ tay, vài cái bút bi, anh gặp các đồng chí trong tỉnh ủy. Lân thấy cần trực tiếp nói rõ nhân thân của mình với tỉnh ủy:

- Trước đây tôi là đảng viên, nhưng từ lâu tôi không sinh hoạt Đảng nữa. Các anh xem tôi có đủ tiêu chuẩn làm việc không. Và tôi cũng báo cáo với các anh là tôi chỉ viết lịch sử Đảng bộ từ năm 45 trở về trước thôi. Nói rõ như vậy để các anh quyết định...

Đồng chí đại diện tỉnh ủy nói với Lân:

- Việc đó là của chúng tôi. Không phải việc của anh. Việc của anh là viết. Còn lại là việc của tỉnh ủy.

Chỉ đến khi công việc chắc chắn rồi Lân mới dám mở ghim bằng lấy tiền cất trong quần lót ra tiêu.

Hắn là bản thảo tốt nên khi hoàn thành, tỉnh ủy hỏi Lâm về giá cả, Lâm rụt rè nói con số mười lăm nghìn đồng, một con số mà chính anh cũng hoảng lên nhưng anh còn nhận được số tiền cao hơn thế: hai mươi nghìn đồng! Tỉnh ủy còn nói sẽ có một tặng phẩm cho Lâm. Lâm nghĩ ngay đến vợ. Anh mạnh dạn đề nghị cái tặng phẩm mà tỉnh ủy ưu ái dành cho anh sẽ là một suất tàu khứ hồi Nam Bắc để vợ anh có thể vào Sài Gòn, tới Phan Thiết cùng với anh. Vấn đề quá đơn giản. Đề nghị của anh được chấp nhận ngay. Ít ngày sau Hằng vào Sài Gòn, ra Phan Thiết. Hai vợ chồng sống như những cặp vợ chồng nhân cư đi du lịch. Đó là anh trả cái ơn, cái nghĩa đối với vợ mà nếu không có chuyện đi viết này anh sao làm được.

Ôi! Một khi cái vận nó đã đến thì như vậy đấy. Cứ tự nó đến thôi. Khi nó không đến thì muốn cũng chẳng được. Vừa hoàn thành công việc với tỉnh ủy đã lại có công việc mới: Ký hợp đồng viết lịch sử tỉnh đoàn. Chưa xong lịch sử tỉnh đoàn đã gấp nghề lịch sử huyện đoàn. Cứ như vậy mà thừa thặng xông lên.

Nhưng cuộc đời luôn dành cho anh nhiều vố. Khi anh đã hút hết 200 điếu thuốc lá cuộn, khi Hằng đã trở ra Hà Nội, khi anh đang ngồi viết lịch sử tỉnh đoàn, anh bỗng thấy như có ai đánh rất mạnh vào ngực. Mặt mũi xây xẩm. Choáng váng như muốn ngất. Ngực thắt lại, đau nhói. Nghẹt thở. Có một cái gì cứ cản trong lồng ngực... Cơn nhồi máu cơ tim đầu tiên của anh mà anh không biết. Từ Phan Thiết, anh trở vào thành phố Hồ Chí Minh

khám bệnh ở bệnh viện Gia Định. Huyết áp 170 trên 100. Bác sĩ bảo đối với người già, huyết áp như vậy bình thường. May sao anh gặp Vấn, một bác sĩ bạn anh từ hồi còn ở Hà Nội. Vấn khám, kết luận anh nhồi máu cơ tim và đưa đến bệnh viện Điện Biên Phủ (Saint Paul cũ). Thở ô xi. Truyền máu. Tiếp nước. Các bà xơ rất tận tình phục vụ nâng giắc đêm hôm. Quý ngài xa gia đình, mắc bệnh hiểm nghèo, chúng tôi xin được chăm sóc. Bảy ngày sau Hằng mới có mặt tại bệnh viện. Hai vợ chồng bay ra Hà Nội bằng chuyên cơ của Thủ tướng Võ Văn Kiệt. Cũng là trúng số hên. Lân nằm bệnh viện với giấy giới thiệu của tỉnh ủy Thuận Hải gửi tới T78, nghĩa là Văn phòng Trung ương Đảng phía Nam. Chuyên cơ của Thủ tướng còn thừa hai chỗ. Hai chỗ ấy được dành cho vợ chồng một người bệnh nặng thuộc T78!

*

Đầu năm 2002 tôi gọi điện cho Lân. Chúng tôi duy trì cách liên lạc này để vẫn biết tin về nhau, được nghe giọng nói của nhau, dù nó hơi *đau hào*, bởi vì có bao giờ nhắc máy mà chúng tôi nói với nhau dưới năm phút đâu. Mà lương hưu của hai vợ chồng tôi sau bao kỳ tăng - mỗi kỳ 25 phần trăm - đều không quá 250 nghìn, nghĩa là vừa đủ cho hai cái đám cưới và một cái đám ma. Mà ở tuổi chúng tôi, con bạn lấy vợ lấy chồng nhiều, còn bạn thì cũng đã có hiện tượng lần lượt nằm xuống.



Bùi Ngọc Tấn và Mạc Lân

Tiếng của Lân qua ống nghe áp vào tai tôi đã khác trước nhiều. Giọng nói của anh qua mỗi lần điện thoại một khác. Thều thào, mệt mỏi. Lần này lại càng mệt mỏi. Đút quăng, nghe cả tiếng thở dốc. Nghe mà lo mà thương cho anh. Vụ rét cuối năm Tân Tỵ đầu năm Nhâm Ngọ này khủng khiếp quá. Tám đến mười lăm độ kéo dài cả tháng.

- Tôi lại mới bị viêm thực quản, viêm môn vị. Phiền quá. Bệnh này khiến mình cứ phải ở nhà không đi đâu được. Chứ không thì cũng cố bỏ ra mười nghìn đi xe ôm đến ông Bầu, đến chỗ ông Tường chơi.

Lại thêm bệnh mới. Nghe tiếng anh tôi lo. Anh mệt mỏi lắm rồi. Anh là người kiên cường chiến đấu với tật bệnh.

Năm 1982, lần đầu tiên bị nhồi máu cơ tim, bác sĩ đã nói riêng với chúng tôi có cầm cự giỏi lắm cũng chỉ được từ năm năm đến bảy năm, mà anh đã chiến đấu với nó, đã cầm cự hai mươi mốt năm rồi. Đâu có phải chỉ nhồi máu cơ tim. Còn bao bệnh khác, bệnh nào cũng là trọng bệnh.

- Tôi định vào bệnh viện nhưng bệnh viện hết giường rồi. Với lại cũng không có người trông nom. Bà Hằng nhà tôi còn phải đi làm. Không đi lấy gì mà sống.

Tôi lên Hà Nội thăm Lân. Qua nút cổ chai Cầu Giấy đang được giải tỏa, nơi trước đây Lân bị tông xe và bị gãy chân lần thứ hai. Rẽ vào nhà Lân. Anh đang nằm trên chiếc giường một, chặn đệm đầu người. Một cháu gái xinh xẻo tóc xõa đang ngồi trước bàn với những trang giấy để mở. Tôi biết cháu. Đó là một sinh viên khoa báo chí trường đại học Khoa học xã hội và Nhân văn. Cháu ở gần nhà anh. Những lúc rỗi rãi cháu sang cơm nước, phục vụ anh và anh đọc cho cháu chép tập sách anh đang viết, tập sách của đời anh. Thấy tôi, cả hai bác cháu reo lên. Cháu gái xếp bản thảo vào trong một cái cặp, đi pha nước. Lân hất chăn đệm ra, ngồi dậy bảo cháu:

- Hôm nay có bác Tấn, chúng ta nghỉ làm việc. Cháu ra ngoài kia mua cho hai bác thứ gì ăn trưa. Hai ổ bánh mì này, mấy quả táo này. Ông uống gì nhỉ. Bia à. Còn tôi nước ngọt.

Cháu cầm tiền ra đi và một lát sau đã quay lại với những thứ đó trong túi ni lông. Cháu lấy cốc lấy đĩa bày

các thứ ra bàn nước và lễ phép chào chúng tôi, ra về. Chỉ còn hai chúng tôi. Vừa ăn vừa nhìn nhau. Lần nào lên Hà Nội gặp Lân tôi cũng cứ sờ sợ rằng đây là lần cuối cùng tôi nhìn thấy anh dù tôi biết bệnh tật có xúm lại vật được anh cũng còn lâu. Tôi bỗng nhớ đến một câu của Pautovsky mà tôi đã đọc khi còn độ tuổi hai mươi: “Tôi viết cho bạn bè tôi và vào tuổi này họ đang ít dần đi”. Đến bây giờ tôi mới ngấm câu nói ấy. Lân xếp xếp chống bàn thảo đã được làm vi tính, cất vào hộp tủ:

- Cũng được một nửa rồi ông ạ. Mình định viết bốn cái truyện vừa độc lập. Nhưng khi ghép lại với nhau nó thành một quyển tiểu thuyết...

Mắt anh ánh lên một nỗi khát khao. Giọng anh lại vang vọng sắc thái ngày nào. Tôi cầu mong anh hoàn thành dự định. Nhưng phải gấp lên Lân ơi. Mà không chỉ Lân. Cả mình, cả Bầu, cả Tường, cả Bảo... Tất cả anh em mình. Thời gian gấp lắm rồi.

Ngã Sáu 29/1/2002
Mùa rét năm Tân Ty

Lê Bầu

Người hiểu giá trị của thời gian

Càng già càng ngại đi xa. Lên Hà Nội thôi cũng ngại. Vì bè bạn ở Hà Nội toàn nghèo. Nhà cửa chật chội. Rất ít tiện nghi. Tuổi già lại sinh lắm thói quen xấu. Như cái gối không đúng độ cao quen thuộc là khó ngủ rồi. Như hay dậy sớm. Như hay tiểu đêm. (Nói bóng bẩy theo kiểu Nguyễn Tuân là yếu cái chân thận). Như hơi bị lạnh là hắt hơi. Dù không gây nguy hiểm như cái hắt hơi trong *Cái chết của viên công chức* của Tchekhov nhưng cũng là phiền. Còn vợ bạn. Con bạn... Cho nên có việc lên Hà

Nội tôi hay ở nhà Lê Bầu. Anh sống độc thân. Lại trung tâm thành phố: Số 105 Phùng Hưng. Đó là một di tích lịch sử đã được xếp hạng. Ở mảng tường sát cửa ra vào có gắn một tấm biển đá khắc chữ vàng: *Nơi đây là trụ sở Báo Tin Tức, cơ quan của Đảng trong thời kỳ mặt trận Bình Dân năm 1936-1939*. Một căn nhà hai tầng mặt tiền, mỗi tầng chỉ có một buồng, do Sở Văn hóa Hà Nội quản lý. Buồng tầng trệt ngăn đôi. Buồng trên gác không ngăn. Bên trên bốn cán bộ ở. Bốn chiếc giường cá nhân đặt bốn góc theo kiểu nhà tập thể. Cả bốn người đã hưu, đã về quê, khóa cửa để đầy, mỗi tháng chỉ ra một lần họp chi bộ và *giải quyết gạo dầu thịt mắm* theo cách nói của Lê Bầu, nghĩa là mua các thứ định lượng trong phiếu theo giá cung cấp. (Từ khi xóa bỏ tem phiếu, bốn ông không ra Thủ đô nữa, căn buồng ấy các ông cho thuê lại). Buồng trệt chỉ có hai người ở trong hai nửa đã ngăn đôi, tiêu chuẩn dành cho những người sáng tác. Một là Lê Bầu. Một là ông *Lúa tháng năm kén tầm vàng* ông Huyền Tâm. Lốp cốt ngăn ngày càng cũ, càng xộc xệch, bên này thờ mạnh bên kia cũng nghe thấy. Căn buồng vốn hẹp ngăn ra lại quá hẹp. Nó như một cái ống, mỗi bên chỉ có một cửa sổ và một nửa cửa ra vào. Để có thể đi lọt nửa cái cửa ra vào ấy, người ta đã phải chữa lại, làm lại cái sống giữa hai cánh cửa cho nó hơi thụt vào bên trong. Làm như vậy khi hai cánh cửa hai buồng (thực ra là hai nửa buồng) cùng đóng thì tạo ra một góc tù chứ không thành một mặt phẳng. Mỗi cánh cửa của một hộ độc thân nhờ

đó rộng ra được một ít *xăng ti mét* tính theo hệ đo lường Pháp hay mấy *inh sơ* tính theo hệ đo lường Ăng lê.

Buồng hẹp như vậy nên khi còn đi làm (Lê Bầu là biên tập viên Nhà xuất bản Hà Nội), được cơ quan thưởng một cái quạt căn Trung Quốc, anh không có cách nào sử dụng được nó. Quạt cao, cánh rộng, để trong nhà thì nó quạt gió ra vỉa hè, chỉ những người đi trên vỉa hè qua cửa nhà anh mới mát, nên anh làm ngược lại: Dem nó ra vỉa hè, đặt nó ở chỗ bậc lên xuống giữa nhà ông Huyền Tâm với nhà anh. Nó cứ đứng ở vỉa hè, lênh khênh, ngạo nghễ như của một gia đình thừa mứa của cải mà quạt, mà lùa gió qua cái cánh cửa van vát chênh chếch đã được cải tiến vào nhà. Nhà Lê Bầu chỉ có thể tiếp được một người khách là đã hơi chần chật. Thế nhưng khách đến nhà anh đâu chỉ một người. Khi một, khi hai, khi ba, khi bốn. Những bậc lão thành như Ngọc Giao, Thanh Châu, những lớp cùng tuổi như Mạc Lân, Hứa Văn Định, như tôi. Lại những thế hệ sau như Hòa Vang hay như những ai mà tôi không biết. Tôi nhớ một tối đi cùng Bùi Viên, đạo diễn truyền hình đến nhà anh thì đã thấy nhạc sĩ Nguyễn Đình Phúc ngồi đấy. Hai người ngồi bàn về nhạc cho phim *Số đỏ* mà Hứa Văn Định sắp chuyển thể lên màn ảnh nhỏ. Nguyễn Đình Phúc nói phải đưa những nét nhạc gợi một thời như *Trong cơn mê thì đặc ông hoàng. Mớ đến túi thì túi không xu*. Tôi lễ phép chào nhạc sĩ bằng tay. Nguyễn Đình Phúc trở mắt không hiểu. Lê Bầu bảo:

- Nó cũng học Hàn Thuyên đấy.

Tôi nói rõ hơn:

- Thầy có về trường Hàn Thuyên kéo violon cho chúng em nghe bài *Phiên chợ Ba Tư*. Và thầy dạy chúng em làm nhạc không son phe. Thầy có hát cho chúng em nghe một bài hát của một anh bộ đội sáng tác vo, không son phe mà thầy bảo là rất hay. Thầy còn nhớ không?

Thầy Phúc không nhớ. Dù thầy bảo là rất hay nhưng thầy không nhớ. Tôi hát. Hát một mình. Được vài câu Lê Bầu đã nhớ ra, hát theo.

*Trên cao một ánh nắng vàng soi xuống
Dưới một đoàn lính siết tay bóp cò*

Đến cuối bài thì chính thầy Nguyễn Đình Phúc bật lên hát theo thành một tam ca:

*Ngắm điểm đen chụm ba viên một
Anh bóp cò nín thở đồng chinh không rơi
Hoan hô! Hoan hô!
Anh hùng xạ kích nêu gương
Nay mai ra chốn chiến trường
Đạn anh tìm tới quân thù
Quân thù tung xác lên...*

Bị lây cái kích thích của hồi ức về một thời đã qua gian khổ nhưng tràn ngập niềm vui, Bùi Viên yêu cầu rệu.

Rượu thì lúc nào Lê Bầu cũng có. Rượu quê. Anh không biết uống nhưng (hay chính vì vậy) trong nhà lúc nào cũng có rượu. Dành cho những giờ phút thăng hoa như thế này. Chúng tôi uống và đồng ca tiếp bài hát Nguyễn Đình Phúc tiến cử làm nhạc nền cho phim *Số Đố*:

Đi đặng xinh thì đi che tàn

Đi xuống xóm thì xách va li...

Bỗng một vị khách nữa ghé vào. Trời! Tôi vốn có một thói xấu là giữa lúc mình đang vui với những người mình hiểu mình quen mà lại có một *thành phần lạ* nào xuất hiện thì rất chi là ngán ngẩm. Nhưng Bầu reo:

- A! Vào đây! Vào đây!

Tôi đã quên tên người khách mới đến này. Chỉ nhớ anh ta ở mãi đâu khu Cao Xà Lá¹), mới đi Hòa Bình về. Anh kể biết bao nhiêu chuyện về nông trường chè trên ấy, về cái sự khoán, về nhiều chị em công nhân nông trường nay là chủ vài đôi chè khoán, nhớ thì quá lúa cứ muốn giữ anh lại trong vương quốc của họ để biến anh thành ông hoàng vương quốc. Ông hoàng ấy suốt ngày cơm rượu và chỉ có mỗi nhiệm vụ giúp họ sản xuất ra một đàn con. Nhưng anh không dám ở lại. Anh sợ vợ. Với lại anh cũng không có lực. Bởi vì nếu ở lại thì anh không thể chỉ là ông hoàng của một vương quốc. Còn

¹ Khu công nghiệp Cao su, Xà phòng, Thuốc lá.

nhiều vương quốc lân bang lắm, mà anh lại là người cả nể. Sợ không kham nổi. Câu chuyện bắt đầu chan hòa, lại một ông khách nữa đến. Cảnh khách như thế này không phải hiếm nên nhiều lúc tôi tự hỏi không biết Bầu viết vào lúc nào?

Bầu có một sức khỏe phi thường để ngồi tiếp khách. Người ta đến Bầu vì lòng quý mến, vì đây là nơi có thể thổ lộ những ý nghĩ nghiêm túc nhất về thời cuộc, về nghề nghiệp, hay ngược lại là một chỗ tạt vào uống chén trà, nghỉ ngơi tí chút rồi lại lang thang đường phố Hà Nội. Có thể nhiều người đến Lê Bầu vì đang nhức đầu nhức óc do một chuyện gì đấy, và cũng như tôi, coi Lê Bầu là một thứ aspirin, paracetamon hay một loại thuốc gì tương tự. Quả thật, nghe chuyện Bầu kể, nghe tiếng Bầu cười, tự nhiên những mệt mỏi phiền muộn, thậm chí cả bực bội nữa cũng biến đi đâu hết, ít ra điều đó là có thật với tôi.

Chuyện Bầu kể phần lớn là chuyện vui, chuyện cười. Có những thông tin làm ta bực mình, những thông tin đáng buồn nào đó thì ngay sau những thông tin mà anh đang lấy hết vẻ nghiêm trọng ra mà nói, ta vẫn thấy như có nụ cười đang ẩn đằng sau làn da căng thẳng, đôi môi đang mím, cặp mắt đang nhú lại kia. Bởi vì những điều gay go nhất đã đến với anh từ những năm nào kia rồi. Hay chí ít anh cũng đã quen với những loại chuyện ấy rồi. Anh không còn ngạc nhiên với bất cứ điều gì và cái

chuyện anh đang kể ra đây chẳng có gì là lạ. Cuộc đời tất yếu nó như vậy. Ví như anh kể về nhà thơ T.H., một nhà thơ cũng được nhiều người biết đến:

- Để tôi kể cho ông nghe. Ông xem có thằng nào như thằng T.H. không. Đầu năm 1968 thời gian ông đang rất gay go, còn tôi ở Hội Văn nghệ Hà Nội cũng đang điêu đứng vì bị nghi vấn có dính líu đến một vụ gián điệp, bị gọi hỏi nhiều lần, không được viết, không được in. Chỉ làm thủ quỹ, hàng tuần xách bị đi căng tin mua bánh kẹo cho anh em. Trong cơ quan có hai ông nằm điều dưỡng ở Quảng Bá là ông T.H. và ông Huỳnh Tâm. Ông Huỳnh Tâm là tổ trưởng sáng tác bị dân phế quản, không bao giờ ra khỏi cổng trạm điều dưỡng vì quá lo cho sức khỏe. Thế mà hôm ấy dù mắc thêm bệnh viêm kết mạc, đau mắt nặng vẫn lù lù từ Quảng Bá về đến Ngọc Sơn, nói với tôi: “Bố cậu T.H. bị ô tô kẹp chết ở Hải Phòng. Ông là thủ quỹ. Ngày mai mang tiền thay mặt anh em xuống viếng”. Sau đó chánh văn phòng Hội Văn nghệ cũng chính thức giao nhiệm vụ cho tôi về Hải Phòng. (Nhân vật này đã đưa một bài thơ của tôi sang công an, tôi sẽ nói với ông sau). Cơ quan từ chính quyền tới Đảng, công đoàn đều rối việc. T.H. lại là người rất gần có thể nói là xoắn xuýt với lãnh đạo, sắp được kết nạp Đảng. Thế mà không ai đi. Lại cử tôi. Tôi hiểu ngay. *Điều hổ li sơn* đây. Người ta cần tôi đi. Để khám buông tôi ở. Làm gì có chuyện bố thằng T.H. chết. Nếu chết thật thì đã chẳng đến lượt tôi

đi viếng. Sáu giờ chiều thằng T.H. lại dẫn xác đến đền Ngọc Sơn. Nó bảo nó đến ngủ với tôi để sáng mai cùng đi một thể. Chà chà! Không cho mình xoay xở cái gì mặc dù chẳng có gì cần đổi phó xoay xở. Sáng hôm sau chúng tôi lên tàu về Hải Phòng. Rồi đi bộ về nhà thằng T.H. Đến cửa nhà nó thấy bố nó đang ngồi tiện gỗ ở sân. Tôi bảo nó: “Bố mày không chết đâu T.H. ạ. Thôi tao đi đây”. Mặt nó tái đi. Ông dừng nghĩ nó tái mặt vì bố nó vẫn sống, nó ngưỡng với mình. Không đâu. Nó tái mặt vì mình về Hà Nội ngay trong khi chưa khám xong nhà mình thì thành ra nó chưa hoàn thành nhiệm vụ. Mình bảo: “Bình tĩnh. Mai tao mới về Hà Nội. Tao còn ở chơi Hải Phòng đã. Cứ yên tâm”. Thế rồi tôi đến nhà ông.

Anh cười giong tan. Cuộc gặp gỡ với Lê Bầu đầu năm 1968 ấy tôi không nhớ được. Chỉ biết rằng đó là thời gian thật gay go của chúng tôi. Tôi cũng không được làm báo nữa. Mà là cán bộ cải tiến quản lý hợp tác xã. Một bước đi cũng bị theo dõi, đi đâu cũng có hai *đuôi* bám, cả ngày lẫn đêm. Nghỉ ở nhà tôi một ngày đêm, sáng hôm sau Bầu về Hà Nội. Bước vào căn buồng của anh trong đền Ngọc Sơn, Bầu biết ngay là nó đã bị khám.

- Ông biết không. Khi thằng T.H. chưa đến ngủ, tôi đã kịp đóng một cái đinh nhỏ một phân ở bên trên bậu cửa phía trên cửa ra vào, treo một cái rá vào đấy. Cái rá hơi chồm xuống một cánh cửa. Trên cái đinh ấy tôi đóng một cái đinh năm phân to. Khi tôi về nhà thấy cái rá không

treo ở chiếc đỉnh nhỏ nữa mà treo ở cái đỉnh năm phân. Nghĩa là đã có người đẩy cửa vào nhà, làm rơi cái rá và lại treo lên. Vì cái đỉnh nhỏ rất khó nhìn thấy nên ai chả treo cái rá lên cái đỉnh to phía trên.

Anh cười, rất khoái về chi tiết có vẻ Sherlock Holmes ấy. Và anh đã cao tay hơn người khác.

- Còn cái này nữa. Tất cả sách mình xếp đều quay gáy vào trong. Vì gáy sách toàn dán hồ, sợ gián cắn. Với lại sợ mất cắp. Thế mà khi từ nhà ông về, các gáy sách đều quay ra ngoài! Thì ai xếp sách lên giá mà chả quay gáy ra ngoài!

Anh lại cười giòn tan. Và nhảy sang một chuyện khác cũng mệt mỏi không kém, nhưng vẫn cứ là với một giọng rất vui:

- Về sau mình không được làm thủ quỹ nữa mà được giao nhiệm vụ đi Chèm sưu tầm văn học dân gian. Hàng ngày đi đi về về hai mươi kilômét. Thực chất là một sự đẩy ải. Nhưng ngày nào cũng đạp xe hai mươi kilômét, mình khỏe ra. Sức khỏe mình bây giờ tốt có lẽ cũng một phần là nhờ những ngày tập luyện ấy. Ngày nào cũng đi qua cầu Thăng Long đang xây dựng, mình mới xin cơ quan cái giấy giới thiệu để tham quan công trường. Xin rồi, được rồi, dứt túi đem về nhà rồi, định sáng hôm sau đi. Nhưng ngay buổi chiều hôm ấy cơ quan cho người đến thu giấy lại. Mình nhờ ông cán bộ đến thu giấy nói với cơ quan là sáng mai và cả chiều mai mình sẽ lên công trường cầu Thăng Long. Mình sẽ báo cáo thu hoạch với

cơ quan sau. Sáng hôm sau tôi đến công trường gặp Giáp cận. Ông có nhớ Giáp cận không nhỉ. Nó học lớp tôi và làm trưởng phòng lao động tiền lương công ty cầu. Nó đưa đi. Buổi chiều thì cán bộ phiên dịch Thanh Vân cùng học lớp phiên dịch với tôi đưa đi. Tham quan xong mình cũng đến cơ quan báo cáo thu hoạch như đã hứa.

Lại cười. Sảng khoái cười. Cười cho cái sự mình cứ nhơn nhơn ra mà sống, nhơn nhơn ra mà yêu mà ghét, mà xót xa, nhơn nhơn ra mà làm việc. Ngay chuyện cái tên của anh thôi. Đạo ấy anh đã ký Lê Bầu trên các báo, kể cả cái tin mấy chục dòng trên báo *Nhân Dân* viết về gương cứu nạn sập hầm máy bay Mỹ. Nhưng bài của anh in trên những ấn phẩm của nhà xuất bản Hà Nội, nghĩa là ngay cơ quan anh, cái tên *Lê Bầu* bao giờ cũng bị giám đốc xóa đi, và viết vào đó một cái bút danh khác của anh, bút danh anh dùng trong thời gian khó khăn nhất: *Phan Hà*. Giai đoạn *thay tên đổi họ* đã qua rồi. Sao vẫn...? Anh nghĩ vậy và hỏi thẳng giám đốc. Giám đốc đầy thân ái và thông cảm: “Bọn mình có muốn làm thế này làm gì đâu. Đây là chỉ thị của Thành ủy”. Anh im lặng. Và hỏi phó giám đốc vào một lúc khác. Vốn thẳng thắn hồn nhiên, phó giám đốc bảo: “Làm chó gì có chuyện ấy”. Bầu bảo ông phó giám đốc: “Anh cho phép tôi đưa chuyện này ra cơ quan có được không? Anh cũng biết rằng đây là chuyện rất hệ trọng đối với tôi. Nhưng nếu anh thấy không nên đưa thì tôi sẵn sàng

thôi, không có ý kiến gì”. Vẫn hồn nhiên thẳng thắn như bản chất của mình, ông phó giám đốc trả lời: “Đưa thì đưa. Sợ chó gì”.

- Thế là hợp cơ quan tôi trình bày lại sự việc và nói: “Như vậy trong hai ông giám đốc và phó giám đốc cơ quan ta có *một thằng nói dối*”. Hớ. Hớ hớ.

Lại tiếng cười của Lê Bầu. Tiếng cười sáng khoái ngay khi đang vận hạn. Càng sáng khoái khi vận hạn nguy hiểm đã qua.

*

Trong một lần đi dạo trên đường phố Hà Nội, Vũ Bảo nói với tôi về Lê Bầu:

- Khốn nạn. Đã rách. Đã phải vào ban chấm thi để kiểm com. Cuộc thi đã phát động. Các nơi gửi truyện về. Ban giám khảo đã đọc, đã chấm xong. Chọn được giải rồi. Nhưng kế hoạch xin tài trợ bị vỡ, không đạt như dự kiến ban đầu. Tiền thưởng rút xuống một nửa. Tiền bồi dưỡng ban sơ khảo, ban chung khảo có nguy cơ không có. Mình bảo: Ban giám khảo ai không có cũng được. Chứ đừng để Lê Bầu không có. Cái đầu máy hơi nước này cổ lỗ từ hồi đầu thế kỷ nhưng phải kéo 11 toa. Không có cho nó là gay lắm.

Những trường hợp như Vũ Bảo nói không phải là cá biệt. Tiền thù lao thường xuyên bị đe dọa. Có. Nhưng ít.

Và muộn. Cuộc thi truyện ngắn của báo *Người Hà Nội* (mà Vũ Bão được giải nhất với truyện *Trầu têm cánh phượng*) thù lao cao nhất: Mỗi thành viên ban giám khảo được một triệu rưỡi. Nhưng nửa năm sau mới có. Cuộc thi của báo *Người cao tuổi* tưởng không có thù lao. Sau được một triệu một người. Cũng là phải chờ đợi tháng này sang tháng khác.

Bầu làm mọi việc để nuôi sống gia đình. Tôi đã thử một con tính, thấy Vũ Bão cộng nhầm. Danh sách những người Bầu phải nuôi hoàn toàn hoặc phải chi viện thường xuyên (mẹ, vợ, con dâu, con gái, cháu nội, cháu ngoại) lên tới 12 người.

Anh ra sức kiếm tiền và chi tiêu thật tiết kiệm đến nỗi về cuối đời có người bảo anh: Hãy tập tiêu tiền cho mình đi ông Bầu ạ. Anh viết báo. Anh sáng tác. Anh vào ban sơ khảo, giám khảo các cuộc thi. Anh dịch sách, dịch báo. Để có tiền nuôi mẹ, giúp vợ con, nuôi cháu. (Có lẽ cũng nên ghi ở đây một câu chuyện vui. Một hôm, vào dịp cuối năm, tôi gọi điện lên cho Lê Bầu: “Tháng 11 âm rồi! Mình đang viết báo Tết! Làm báo Tết đi Bầu ơi!” Và đầu dây bên kia, tiếng Bầu không một chút hài hước: “Mình làm báo Tết quanh năm! Được sáu cái rồi!” Tôi cười vang về cái chuyện quanh năm làm báo Tết của Bầu. Thấy tôi cười, anh giải thích một cách rất nghiêm chỉnh: “Mình đọc. Thấy truyện nào có thể đăng báo Tết được là dịch luôn để đấy. Cuối năm cứ việc tung ra thôi”).

Anh nấu lấy ăn. Nấu một bữa ăn hai bữa. Thức ăn phần nhiều là một món nửa xào nửa canh. Anh dễ ăn. Anh ăn ngon miệng. Món quà trời phú cho anh. Anh tiết kiệm cả ruy băng máy chữ, xin mực in về nhuộm lại khi nó nhạt màu. Anh dùng giấy người ta đã dùng một mặt, bỏ đi. Có ram bơ luya mới nào, anh nâng niu cất đi để dành. Đôi khi cũng bị nhiều vố: Những ram giấy tốt anh cất đi ấy làm mối cho mối. Anh chỉ hút thuốc lá rẻ tiền: Thăng Long, Thủ đô, những thứ thuốc oanh liệt một thời nhưng giờ đây đứng cuối bảng giá. Còn bao ba số Vũ Bảo cho, đút túi để dành lại rơi đầu mất.

Anh tham gia các tổ cộng tác viên của các ngành kinh tế, đặc biệt là ngành giao thông vận tải (đường sắt, đường bộ, hàng không) cùng với các danh nhân khác: Vũ Bảo, Ngô Văn Phú, Phạm Ngọc Cảnh... Để có thể đi mà không phải mua vé, không phải mất tiền. Để có thể đến được nhiều nơi trên đất nước.

Nhận lời mời của xí nghiệp Đầu máy xe lửa Vinh, anh đã vào đó viết bài. Đi một mình. Không ngại xa. Thu xếp mọi công việc đi đến nơi mời. Đang là mùa đông, mưa dầm gió bắc anh cũng chấp.

Tới nơi, anh viết và gửi đăng báo *Đường Sắt* một bài ký về những tác giả một đề tài khoa học đã được giải thưởng. Ông Sen giám đốc xí nghiệp, ông Chơi trưởng phòng kỹ thuật, anh Hiến phụ trách thi đua rất quý anh. Một thời gian sau, ông Sen lại cho anh Hiến thi đua ra

Hà Nội mời Lê Bầu. Kết quả của lần đi thứ hai này là hai bài báo của anh được in. Một đăng số Tết. Một đăng số thường. Có phong bao. Có đồng nhuận bút. Việc tương cũng chỉ đến thế. Bỗng một hôm Lê Bầu nhận được thư của ông giám đốc Sen. Không phải thư cảm ơn về hai bài báo của Bầu. Mà là thư bày tỏ muốn được giúp đỡ Bầu trong việc thu xếp việc làm cho thằng cháu đích tôn 16 tuổi của anh. Không hiểu sao ông Sen lại biết ngọn ngành tình cảnh nhà anh như vậy. Anh viết thư cảm ơn về dự định giúp đỡ tốt đẹp của ông giám đốc.

Ngay sau đó anh thi đua Hiến có mặt ở Phùng Hưng, nơi Lê Bầu ở.

- Anh Sen cho em ra gặp anh để nói với anh: Từ nay đến sau Tết, bất kỳ lúc nào anh đưa cháu vào cũng có việc làm ngay. Anh Sen cũng nói: Tổng cục chỉ thị giảm 15 phần trăm biên chế, nhưng anh Sen sẽ làm việc với Tổng cục về trường hợp cháu. Giấy tờ anh Sen lo hết. Anh đừng ngại. Cứ đưa cháu vào.

Đến lúc ấy anh mới biết ông giám đốc Sen có nhận được một bức thư của ai đó (anh không thể nào biết ai là tác giả nhưng chắc chắn đó là một người bạn tốt) nói đại ý: Anh Lê Bầu không muốn nhờ ai cái gì, nhưng gia đình rất khó khăn. Hiện có một thằng cháu đích tôn chưa có việc làm...

Bầu về Bắc Giang. Nói chuyện với con dâu (con gái anh đã mất). Hỏi thằng đích tôn năm ấy 16 tuổi. Nhấn mạnh về tương lai tiền đồ, công ăn việc làm của cháu.

Trách nhiệm của cháu với mẹ với các em. Phân tích khó khăn. Rồi thuận lợi. Hỏi đích tôn mấy lần, đích tôn đều đồng ý.

Thế là hai ông cháu vào Vinh. Tàu đêm. Giường nằm ngang hoàng. Dù tốn kém. Vì đây là chuyến đi lịch sử: Ông đưa cháu đi lập nghiệp, xây dựng tương lai.

Tối Vinh là năm giờ sáng. Hai người vào nhà khách nguyên là nhà chuyên gia Bỉ ở, rất sang trọng. Giám đốc Sen nói với hai ông cháu:

- Anh đừng lo lắng gì thủ tục giấy tờ. Tôi bao hết. Công việc của cháu thì thế này: Mấy tháng đầu làm lao động phổ thông cái đã. Không phải một lúc mà bố trí việc này việc kia ngay được. Ba tháng sau chuyển cháu làm bảo vệ. Nhàn thôi. Nhưng cháu phải đi học bổ túc, kiếm lấy cái bằng phổ thông. Bác sẽ cho cháu đi học lái tàu. Đồng ý như vậy thì để ông cháu về. Cháu ở đây.

Hôm sau Hiến và trưởng phòng hành chính gặp Bầu, khuyên anh nên gặp Long, trưởng phòng tổ chức. Lời khuyên có lý. Anh tìm Long. Không gặp Long mà lại gặp giám đốc. Giám đốc bảo:

- Anh về phòng tôi. Để tôi bảo Long đến gặp anh.

Ba người ngồi. Bầu trình bày vấn đề và đề nghị trưởng phòng tổ chức giúp đỡ. Long bảo anh:

- Xí nghiệp em chưa nhận ai không biết một nghề gì. Anh đưa cháu về học bất cứ nghề nào cũng được. Học xong em nhận ngay.

Đang ngồi ngả người trên ghế, Sen chồm nhoai lên bàn:

- Long ạ. Việc này là mình xin anh Bầu chứ không phải anh Bầu xin mình đâu.

Và ra lệnh cho trưởng phòng tổ chức: Sáng nay làm xong giấy tờ. Chiều cho cháu học nội quy an toàn lao động. Sáng mai bố trí công việc.

Bầu đi theo Long nhận những tờ khai. Long bảo:

- Trường hợp của anh là trường hợp thứ ba. Hai trường hợp trước là con hai ông thư ký công đoàn và giám đốc đã về hưu.

Sáng hôm sau xong giấy tờ, động viên dặn dò cháu đâu đấy, Bầu về Hà Nội bằng vé của xí nghiệp. Anh rất cảm động về lòng tốt tuyệt vời của những người bạn thành Vinh. Và mừng vì đã gửi được cháu vào những nơi tin cậy. Nghĩ và tin rằng nó sẽ được học tập, rèn luyện và trưởng thành.

Đêm hôm sau đang ngủ, có tiếng gõ cửa. Anh ra mở cửa: Ông cháu đích tôn! Ông cháu đích tôn lù lù giữa cửa!

- Cháu về. Cháu không làm ở đấy nữa.

Và dù đang mùa rét cũng nêu một lý do hoàn toàn xác đáng:

- Cháu sợ gió Lào!

Ôi! Thằng đích tôn của anh có *tâm nhìn xa* đến thế!

*

12 toa tàu chia thành nhiều cấp độ khác nhau: Nuôi hần, chi viện thường xuyên, chi viện theo chu kỳ, chi viện đột xuất. Đâu phải chỉ có vậy. Còn bao việc khác. Thay cái cột nhà bị mọt. Lợp lại cái mái. BẮC ống nước. Lắp công tơ điện. Rồi còn hiếu, còn hỷ, còn lúc ốm lúc đau. Khi mẹ anh bị tai biến mạch máu não còn bệnh viện, thuốc men. Lại phải coi cho cụ cái buồng riêng...

Bầu làm việc như một con ngựa. 15 năm liền anh giữ một chuyên mục cho tuần báo *Độc Lập*, mãi tới khi báo đình bản. Đó là khối lượng công việc của riêng một phóng viên chuyên nghiệp. Các báo *Văn nghệ*, *Tiền Phong*, *Lao Động*, *Tuổi Trẻ*, *Tuổi Trẻ cười*, *Kiến Thức ngày nay*, *Hàng Không*, *Du Lịch*, *Đường Sắt...* nghĩa là gần như tất cả các báo trong Nam ngoài Bắc đều đã đăng các bài của anh viết hay dịch. Vũ Bảo xếp anh nằm trong Ngũ HỔ: Năm nhà văn nhà thơ viết báo khỏe nhất Hà Nội: Lê Bầu, Nguyễn Hà, Bằng Sơn, Tạ Hữu Yên, Phong Thu. (Thực ra Vũ Bảo đứng đầu Ngũ HỔ. Nhưng do khiêm tốn nên có ai nhắc, anh chỉ cười: Năm người thôi. Mình vào đó thì thành ra Lục Súc chứ đâu còn là Ngũ HỔ nữa).

Trong cái nghiệp dịch của Lê Bầu, cùng với những sáng tác văn học có giá trị của Kim Dung, Giả Bình Ao,... anh đã dịch hai tác phẩm đã được dựng thành phim nhiều tập và được công chúng Việt Nam rất yêu thích: *Ô sin* và *Tể tướng Lưu gù*.

Ô sin dịch theo đặt hàng của nhà xuất bản Hà Nội. Khi đó phim Ô sin đã được chiếu cả tháng trời trên màn ảnh nhỏ. Nhà xuất bản yêu cầu phải có sách bán trước khi phim kết thúc. Và càng có sách sớm càng tốt. Anh dịch theo bản tiếng Trung Quốc nghĩa là những tên Nhật đã được Trung Quốc hóa. Không thể dịch những tên ấy theo âm Hán -Việt. Nếu vậy Ô sin sẽ thành A Tín như Hugo sẽ thành Vũ Quả, Simonov sẽ thành Tây môn nhược phu, Fidel Castro sẽ thành Phi đắc nhĩ kha tư đặc lạc vậy. May. Anh có nội công. Chị Hương Liên phát thanh viên đài truyền hình Việt Nam đã phô tô một bản tên nhân vật giúp anh.



Những giây phút thư giãn của đôi bạn Lê Bầu - Bùi Ngọc Tấn tại trại sáng tác Đại Lải.

Mê Linh, Vĩnh Phúc, ngày 28/04/2002.

Theo quy định, cứ vài ngày nhà xuất bản lại cho người đến lấy những trang mới dịch đi làm vi tính. Chỉ ít ngày sau khi anh dịch xong, *Ô sin* đã được bày bán trong các hiệu sách. Hàng ngàn quyển hết veo. Vì phim *Ô sin* vẫn còn đang chiếu tiếp. Vì Vũ Bảo, một người sợ biến thành Lục Súc nên nhất định không chịu đứng trong Ngũ Hồ đã viết một bài rất ăn khách trên báo *Tiền Phong* và *Thế Giới Mới* với cái tít giật gân: *Ô sin đã dọn về phố Phùng Hưng* để quảng cáo cho công việc của Bầu, quảng cáo cho tập sách và cũng là để kiếm tiền sao cho xứng với một người... đứng ngoài Ngũ Hồ.

*

Mỗi khi đến 105 Phùng Hưng lấy những trang *Ô sin* mới dịch, anh cán bộ nhà xuất bản Hà Nội không thể vào nhà mà chỉ đứng dưới lòng đường gọi để Lê Bầu mang bản dịch ra. Bởi vì trước cửa nhà Lê Bầu là quầy bán vải. Đó là thời gian chợ Đồng Xuân bị cháy lần thứ hai. Lê Bầu ngồi dịch sách giữa những cây vải chất đống bên cạnh, chất đống sau lưng. Cô hàng vải nhìn chủ nhà làm việc không còn chỗ dựa quây, đi mua bánh cuốn, bún hoặc bánh mì về cho bố ăn sáng.

Hai lần cháy chợ Đồng Xuân, hai lần nhà Lê Bầu thành kho vải, thành sạp vải, hai lần Lê Bầu gạt hái.

Lần cháy chợ đầu tiên tôi đến nhà Lê Bầu, rất bực bội vì phải dắt xe đạp chen lách từ mãi đầu Cửa Nam lại, khi

dưới lòng đường, khi trên vỉa hè. Đến nơi thì không có chỗ để xe, không có chỗ lên chân vào nhà. Tôi cần nhân:

- Đến nhà ông khổ quá. Bao giờ cho hết cảnh này.

Bầu giã nảy:

- Ấy chết ông ơi. Tôi mong cảnh này kéo dài vĩnh viễn. Chợ không họp ở đây nữa là tôi đói đấy.

Anh giảng cho tôi cái gốc cây sũa trước cửa nhà anh giống ở vỉa hè, sát lòng đường cũng là tiền đấy. Hai mét chiều ngang mặt tiền của anh bỗng nhiên có giá. Cháy chợ Đồng Xuân, hàng vải dọn về Phùng Hưng. Mỗi tháng *cụ* cứ ngồi viết, đọc sách hay đạp xe đi đâu đó cũng đút túi ba trăm ngàn đồng, nghĩa là một chỉ vàng (vàng lên ba trăm rưỡi, *các con* giả lên ba trăm rưỡi, không để *cụ* thiệt). Một chỉ vàng ngày ấy có giá trị lớn lắm, không như một chỉ vàng bây giờ. Vàng còn đang là mặt hàng được săn lùng, ít có trong tủ các gia đình.

Có tiền là Bầu mua vàng. Tiền cho thuê ruộng làm kho. Tiền bán vỉa hè trước mặt. Tiền thưởng ba lợi ích và tiền lao động ở cơ quan. Bầu gọi việc mua vàng là *chống lạm phát*. Phải chống lạm phát vì còn phải dự trữ phòng khi ốm khi đau đột xuất. Phải chống lạm phát vì anh chưa mang tiền về nhà ở Bắc Giang ngay được. Phải chống lạm phát vì lạm phát đang phi mã. Trong đợt chống lạm phát dài ngày này, anh mua được bao nhiêu vàng không ai biết nhưng chắc chắn có chiếc xe đạp nội hóa Viha, do đó chiếc xe đạp Thanh Niên số khung 00012A, biển đăng

ký BN 928 mua đầu năm 1959 được nghỉ hưu sau khi đã phục vụ anh một thời gian non nửa thế kỷ.

Hơn một năm sau chợ Đồng Xuân mới đã xây xong.

Chợ vải lòng đường Phùng Hưng giải tán.

Bạn bè tới tập chia buồn với Lê Bầu.

Thì chợ Đồng Xuân lại cháy. To hơn trước. Trụi hơn trước.

Nghe tin chợ Đồng Xuân cháy ai cũng nghĩ tới Lê Bầu. Anh sẽ lại có nguồn phụ thu nhưng là chính thu quan trọng. Người ta còn nói: Khéo chính Lê Bầu đốt chợ. Không ai bảo ai, bạn bè trong Nam ngoài Bắc đều gọi anh là “*kẻ đốt chợ Đồng Xuân*” mặc dù cuộc điều tra cho biết cháy chợ là do chập điện.

Lần cháy chợ sau Bầu thắng lớn hơn nhiều.

Một cái vỉa hè nhưng chia làm hai dãy. Một dãy sát mép cống ngói quay mặt vào. Một dãy ngói sát tường quay mặt ra. Giữa là lối đi. Đứng là tắc đất tắc vàng. Bầu cười. Ôi! Nụ cười của anh mới *hãnh diện* làm sao!

- Ông ạ. Khi chợ vải sắp chuyển về, bọn đầu gấu ngõ Hàng Hương căng dây chiếm dãy phía ngoài. Mấy cậu thanh niên nhà bên bảo tôi: Chú phải bảo thằng Đ đi. Chú không nó chiếm mất của chú. Tôi mới gặp nó. Cháu ơi. Chỗ gốc cây sưa để lại cho chú. Chú có lời với cháu như vậy. Rồi sau cháu tính thế nào thì tính. Nó rất lễ phép: Vâng. Chú yên tâm. Cháu biết chỗ ấy rồi. Chỗ ấy là

của chú. Bảo là nó nghe ngay. Hình như nó sợ nghe viết văn của mình hay sao ấy!

Lại cười. Hớ hớ.

Tháng đầu tiên trong đợt cháy chợ lần thứ hai Lê Bầu đút túi hai triệu (dạo ấy to lắm, bây giờ cũng vẫn to). Giáp tường là một triệu ba. Giá gốc cây là bảy trăm nghìn. Thật may. Anh mới nghỉ hưu. Thu nhập đang kém.

Nhưng chỉ được một tháng đầu thôi. Tháng sau công an dẹp cái dãy phía gốc cây quay mặt vào.

- Thôi thì con cứ gửi ông một triệu. Những tháng sau con lần dần được ra con gửi ông thêm.

Lê Bầu bỗng nhiên có xe máy. *81 chót chét kim vàng giọt lệ*. Vua chiến trường ngày ấy. Xe máy của vợ chồng người bán vải nhưng đúng tên Bầu. Hóa ra anh ta người Hà Đông, “xin ông cái tên” để có biển đăng ký 29 đèo hàng cho dễ.

- Con muốn nhờ ông đứng tên cho con cái đăng ký kinh doanh.

Hóa ra chị ta không có đăng ký ở chợ Đồng Xuân. Cũng là ghé vào chỗ nào trong chợ. Cháy chợ thì giạt ra Phùng Hưng.

- Ông đứng tên kinh doanh, khi chợ xây xong chúng con còn được vào chợ.

Bầu lắc đầu:

- Đứng tên xe máy thì được. Đứng tên đăng ký kinh doanh thì ông không đâu. Ngộ nhớ anh chị kinh doanh

có gì trục trặc hay thua lỗ, vỡ nợ, trốn thuế, ông phải ra tòa à. Ông không đâu. Ông cứ nói thật.

Sự thành thật của ông có lý. Chị vợ cũng thành thật với ông:

- Con thuê của ông là vải của con không phải đánh dấu. Con thuê nhà xích lô bên kia, đánh dấu mà cũng mất bao nhiêu là vải.

Biết ông không ăn cắp vải nên anh chị buôn vải cứ có hàng nào đẹp lại mang vào tận bàn viết của ông:

- Ông xem. Vải này ông có ưng không? Con xé biểu ông để ông đi may.

Ông lắc đầu. Ông cứ ngồi dịch. Ông cứ ngồi viết. Sáng nào cũng phải chờ đến tám giờ, con dọn vải ra sạp xong ông mới làm việc được. Rồi đang làm việc lại ngừng vì con nhập vải. Ông dịch, ông viết và những lúc mệt quá ông lại ư ử mấy câu của Quản Trọng thời Đông Chu liệt quốc:

Nhất niên chi kế

Mạc như thụ cốc

Thập niên chi kế

Mạc như thụ mộc

Bách niên chi kế

Mạc như thụ nhân¹

¹ Có nghĩa là: Kế hoạch một năm không gì bằng trồng lúa. Kế hoạch mười năm không gì bằng trồng cây. Kế hoạch trăm năm không gì bằng trồng người.



Lê Bầu khi dịch *Tể tướng Lưu gù*.

Trong căng thẳng mưu sinh, Lê Bầu vẫn hoàn thành những việc phải làm. Chỉ kể những sáng tác gần đây của anh: Tập truyện *Những năm tháng trôi qua*, tiểu thuyết *Ngã ba cô đơn*, tập truyện được giải thưởng của Hội Văn nghệ Hà Nội *Hai người buông bên kia*, rồi *Gương mặt buồn*, *Dòng sữa trắng*... Và dịch: *Nỗi hoài hương dằng dặc*, *Thị trấn Phù Dung*, *Ô sin*, *Giã Bình Ao*, *Tể tướng Lưu gù*... Riêng cái ông *Tể tướng gù lưng Lưu Dung* này làm hàng triệu người mê thích nhưng cũng làm anh ngất xỉu và phải nằm bệnh viện khi đang đọc lại những trang cuối cùng.

*

Lần đầu tiên trong đời, tôi dự một trại sáng tác tập trung. Trại sáng tác quân đội Đồ Sơn, mùa đông năm 1999. Hơi trái khoáy về thời tiết. Nhưng chỉ về mùa đông trạm điều dưỡng quân khu Ba mới có buồng trống cho chúng tôi ở không tính tiền.

Cùng dự trại với tôi có Lê Bầu.

Chúng tôi ăn cùng nhau. Mua hai bát rượu nếp ngổi trên ban công, vừa ăn vừa nhìn mặt trời lên trên mặt sóng. Những ngày nắng ấm hiếm hoi, chúng tôi rủ nhau đi tắm biển. Biết bao nhiêu chuyện. Từ thời còn cùng nhau học Hàn Thuyên. Chuyện thầy cũ bạn cũ. Chuyện bây giờ. Mới ngày nào còn cấp sách đến trường, hôm nay đã là những ông lão cả rồi.

Khi đợt rét đầu mùa ập đến, Lê Bầu đi chợ Đồ Sơn mua quần áo “sida”.

Cái áo đầu tiên mua về giá hai mươi ngàn đồng, anh định cho tôi, nhưng bị đại tá Nam Hà mua lại ngay trong bữa cơm vì tôi đã có áo rét rồi. Lần thứ hai anh mua cái quần cũng hai mươi ngàn đồng, “người mẫu” Đình Kính mặc thử và không rời ra nữa.

Lần thứ ba anh mua bộ com-lê, giá sáu năm ngàn. Phải nói bộ này rất đẹp, mặc vào ai cũng khen:

- Cứ thế này đi họp Đại hội Nhà văn được rồi.

Bầu cười:

- Nhưng còn xem có trúng đại biểu không đã chứ.

Lê Lựu bảo:

- Thế là com lê có rồi. Chỉ còn chờ được bầu là đi Đại hội Nhà văn thôi.

Rồi Lê Lựu hỏi:

- Anh Bầu cao bao nhiêu nhĩ?

- Một mét sáu tư.

- Đưa đây xem nào.

Vừa nói Lựu vừa cầm lấy bộ quần áo Bầu mới cởi ra.

Lê Lựu mặc vừa như hàng may đo. *Sur mesure!*

Và không ai có thể cởi được bộ com-lê Lê Lựu mới mặc vào người. Lựu rút ra tám mươi nghìn đồng đưa cho Bầu. Đây. Giả cả lái nhé. 65 nghìn vốn này. 3 nghìn xích lô này. 12 nghìn lãi này. Em biểu không anh cái quần cũ em vừa mặc nữa đây này...

Nói vậy thôi chứ quần cũ của Lê Lựu ai mà dám mặc. Lê Bầu lại phải đi mua quần áo chống rét (một thứ tập tiền tiền cho chính mình). Lần này có tôi đi tháp tùng. Đến lúc ấy tôi mới biết đi mua quần áo hàng thùng là lâm vào một tình thế rất gay. Ba cô bán hàng liến nhau. Treo ba dãy quần áo liến nhau. Cô nào cũng trẻ đẹp. Cô nào cũng chèo kéo mời chào. Vào hàng này là có lỗi với hàng khác. Vào hàng này cứ lăm lét nhìn sang hàng khác như người ăn vụng bị bắt quả tang. Cô bán hàng đưa áo cho Bầu xem, nói toạc móng heo:

- Anh nhìn vào cái áo này này. Không phải vừa xem áo vừa nhìn sang bên ấy.

Chúng tôi mang áo về còn nghe một cô rửa sả sau lưng:

- Mua với bán. Ngủ ấy có lấy ba vợ nó cũng bỏ.

Tôi và Bầu phá lên cười.

Càng về cuối trại, càng rét. Có cái áo mới mua, Bầu yên tâm ngồi viết.

Và những ngày chủ nhật, anh chị em về hết, cả trại chỉ còn hai người. Một là trưởng trại. Một là Lê Bầu. Bởi vì như Vũ Bảo nói:

- Ông Bầu thì cứ có ai nấu cơm cho ông ấy ăn là ông ấy ở. Rồi ở đâu có nhà tắm là ông ấy không rời ra được nữa.

Đúng là ở 105 Phùng Hưng phải tắm giếng ngoài sân. Đúng là ở 105 Phùng Hưng phải nấu lấy ăn. Nhưng cũng không hoàn toàn như vậy. Anh ở lại trại và làm việc. Ít trại viên ngồi lì (với cái máy chữ) được như anh.

Hơn ai hết, Lê Bầu hiểu giá trị của thời gian.

Đỗ Sơn, 11/1999

Vũ Bảo

Một tiếng cười - một dòng cười

Điện thoại. Tôi nhắc máy. Đầu kia tiếng Dương Tường:

- Vũ Bảo chết rồi.

Tôi bàng hoàng. Lặng đi. Một lúc sau, Tường:

- Ông ấy theo một tòa báo đi Quảng Ninh, dự họp long cầu Bãi Cháy. Ô tô về đến Uông Bí thì bị...

Vẫn giọng trầm khàn của Tường:

- Đưa về nhà lạnh Việt Xô rồi. Buồn quá. Bè bạn đi nhiều quá. Mạc Lân rồi Cao Nhị rồi Vũ Bảo...

Cái chết thật đột ngột. Không thể nghĩ bạn mình đã chết. Không thể nghĩ Vũ Bảo *đi* bất ngờ thế. Nhanh thế. Hai tuần trước tôi còn gặp Vũ Bảo. Trong đám tang Mạc Lân. Vẫn như những lần trước gặp nhau. Khỏe mạnh. Nhanh nhẹn. Hải hước. Và vẫn đẩy áp các dự định. Cũng bởi Văn Chinh nói với tôi: “Bây giờ chúng em chỉ có thể mời anh đi nhậu, chứ anh Vũ Bảo là không dám mời nữa rồi” nên tôi hỏi thăm sức khỏe anh. Anh cười: “Nó nói thế là có lợi cho mình, chứ đi nhậu quá là sợ”. Rồi anh khoe với tôi vừa hoàn thành một quyển tiểu thuyết khoảng 300 trang viết về một người bán thịt chó. Anh này đến một đất nước nào đó và mở cửa hàng thịt chó. Món thịt chó của anh đã chinh phục cả nước anh cư trú. Từ cụ già tới em bé, từ đàn ông tới đàn bà, từ triều đình tới thảo dân, tất cả đều mê mọt món thịt chó khoái khẩu của anh. Đến mức người ta tôn anh lên hàng đệ nhất thế gian. Chuyện anh chủ hiệu thịt chó *lên ngôi* mới lắm sự túc cười...

Tôi không thể không cười và bái phục trí tưởng tượng bất kham của người bạn *ngót tám chục* của tôi. Chỉ Vũ Bảo mới có thể nghĩ ra những điều phi thường như vậy. Và bỗng nhớ lại một chi tiết *bất kham* khác của anh trong một bản thảo anh đưa tôi đọc từ những năm 50 của thế kỷ trước: Một ông nông dân muốn có một cái ảnh thờ, trong ảnh ông phải có râu. Để kiểu râu gì là điều ông băn khoăn nhất. Nằm ngửa, nhìn lên mái nhà suy nghĩ, ông

bắt gặp nhiều ảnh chân dung các lãnh tụ có râu và không có râu: Marx, Engel, Lenin, Stalin, Mao Trạch Đông. Ngắm nhìn từng bức ảnh, chưa tìm được cho mình một bộ râu thích hợp thì bỗng nhiên ông đứng trước một phát hiện: Lãnh tụ thế giới mỗi ngày một ít râu đi. Và một câu hỏi tiếp theo: Vì sao thế nhỉ?

Thế là ập về những ngày tuổi 20 của cả bọn. Cả cuộc đời trước mặt. Khi chúng tôi còn đang nhặt nhạnh chất chiu ki cóp từng chút kiến thức, từng chi tiết cuộc sống để xây dựng cho mình một cái gì đó thì Vũ Bảo đã là người nổi tiếng, quá nổi tiếng. Anh đã cho xuất bản hai tập truyện ngắn *Làm giời* và *Phá đám*. Tiếp theo là *Sắp cưới*, tập tiểu thuyết đưa anh lên vị trí hàng đầu. Cho đến nay, Vũ Bảo đã in hàng chục đầu sách mà những chữ đầu tên tác phẩm phủ gần kín bảng chữ cái: *Anh cả và em út*, *Bố con là đàn bà*, *Cô búp bê tóc mây*, *Dòng tim*, *Đừng gọi tôi là em....* cho đến *Sắp cưới*, *Thời gian không đợi*, *Vũ đài Olympique*, *Xe tăng ta*, nhưng theo tôi, tác phẩm quan trọng nhất của anh là *Sắp cưới*. Hãn Xuân Sách cũng có nhận định giống tôi nên trong *Chân dung nhà văn* khi viết về Vũ Bảo, anh đã bắt đầu bằng *Sắp cưới*:

*Sắp cưới thì có thằng phá đám
Nên ông chửi bố chúng mày lên
Đầu chày đít thót ông đầu ngón
Không viết văn thì ông viết phim*

Không chỉ là quyển tiểu thuyết đầu tiên của anh, *Sắp cưới* còn là thử thách lớn nhất, ảnh hưởng đến cả cuộc đời viết văn của anh. Giờ đây biết bao vấn đề mới mẻ đặt ra cũng như có nhiều tác phẩm viết về cuộc sống đương đại, *Sắp cưới* lại không được tái bản nên nó chỉ được nhắc đến như một chuyện sai lầm về lãnh đạo văn nghệ của một thời cách nay nửa thế kỷ. Tôi mong muốn các nhà xuất bản, các công ty văn hóa hãy in lại *Sắp cưới*, bởi không chỉ là một trang của ký ức dân tộc không thể thiếu, *Sắp cưới* vẫn còn nguyên giá trị, vẫn đang nói với ta những gì về cuộc sống hôm nay. Văn chương đích thực là như vậy. Nó chịu được thử thách của thời gian.

Theo tôi biết (mong sao sự biết của tôi là không đúng) cho đến nay *Sắp cưới* mới chỉ được xuất bản hai lần. Lần đầu vào năm 1957 với số lượng 4000 bản như mọi cuốn sách được in thời đó.

Tôi vẫn nhớ những chữ đề tặng anh ghi trên trang bìa lót: "*Tặng Bùi Ngọc Tấn và một người nữa*". "Người nữa" đây là vợ tôi bây giờ. Ngày ấy vợ tôi còn là một cô học sinh trường trung học Lý Thường Kiệt, chúng tôi mới quen nhau và hình như đã bắt đầu yêu. Bản tặng lần in đầu tiên ấy không còn nữa. Khi chiến tranh leo thang (máy bay Mỹ bắn phá miền Bắc theo từng vĩ tuyến), nhà tôi ở gần Cảng, được coi là tuyến nguy hiểm, tôi đã đem gửi hết sách ở nhà một người quen và 5 năm sau, khi từ nhà tù trở về, toàn bộ số sách tôi gửi (trong đó có *Sắp cưới*) không còn nữa.

Tôi có lại *Sấp cưới* trong thời gian đang làm thi đua ở Quốc doanh đánh cá Hạ Long. Khi chiếc xích lô chở sách về thư viện xí nghiệp, tôi giúp anh Minh thủ thư, một người tuyệt đối đáng yêu, xếp sách vào giá, và bỗng giật mình: Một tập sách có tên *Sấp cưới*. *Sấp cưới* nào? Được tái bản rồi ư? Nhìn đầu trang bìa: Vũ Bảo. Đúng rồi! *Sấp cưới* của Vũ Bảo đây rồi. Lại được tái bản rồi! Cẩm tập sách mà như gặp lại bạn. Như gặp lại quá khứ, tuổi trẻ, gặp lại những ngày tươi đẹp nhất.

Chắc là đọc được những gì tôi đang nghĩ, Minh nói:

- Anh cất đi, mang về nhà đọc. Của anh đấy.

Tập sách in trên giấy rơm, vàng vàng một thời khó khăn gian khổ. Hội Văn học Nghệ thuật Thái Bình xuất bản tháng 7 năm 1988. Chịu trách nhiệm xuất bản Bút Ngữ. Chịu trách nhiệm bản thảo: Đỗ Vĩnh Bảo. Vẽ bìa: Hoàng Minh Tường. Số lượng in 15.000 bản. Vậy là sau 31 năm. 31 năm sau, *Sấp cưới* lại “tái xuất giang hồ”. 15 nghìn bản. Một con số bất kỳ nhà văn nào cũng ao ước.

Tôi nhìn lại trang cuối cùng: 166. 166 trang. Một quyển tiểu thuyết mỏng. Tôi không ngờ *Sấp cưới* chỉ có 166 trang. Bằng vào những gì nó đã tạo ra trong cả một giai đoạn của đời sống văn học, tôi cứ nghĩ nó phải dày hơn. Dù vẫn biết văn hay đâu cứ phải viết dài.

Mấy tháng sau, một buổi chiều, có tiếng chân người lên thang gác nhà tôi và tiếng gọi: Bích ơi! Bích ơi! Tôi quay ra Vũ Bảo! Vẫn sôi nổi như hơn 30 năm trước, anh

giơ chai bia Hữu Nghị ra: Đem cho Bích chai bia đây. Về họp ở Ủy ban, có chiêu đãi. Suất bia của mình, mình không uống, đem về cho các cậu. Và rút tiếp trong túi xách ra *Sấp cưới*. Tôi chìa quyển *Sấp cưới* của tôi lấy từ trong ngăn kéo ra:

- Minh có đây rồi. Cất quyển của ông đi. Mình vẫn chờ một ngày như thế này mà.

Ý tôi muốn nói trong những ngày khó khăn nhất, chúng tôi vẫn không đánh mất niềm tin *Sấp cưới* sẽ được tái bản. Chúng tôi cùng cười lớn. Dù sự chờ đợi là quá lâu. Niềm vui không chỉ đối với một quyển sách đã từng bị cấm. Nó còn là niềm vui đã có sự cởi mở hơn trong lãnh đạo văn nghệ.

Đỡ quyển sách của anh từ tay tôi, Vũ Bảo viết trên trang bìa lót: *Yêu mến tặng Tấn-Bích. Những dòng chữ trung thực đang tiếp tục cuộc hành trình. 20-10-1988*

Vâng. *Sấp cưới* là một quyển tiểu thuyết trung thực. Tất cả sáng tác của Vũ Bảo đều là một cuộc hành trình chữ trung thực. Nhưng không chỉ trung thực. Đó còn là những dòng chữ tài hoa.

Chỉ với 159 trang (trừ 7 trang bìa lót và lời giới thiệu) *Sấp cưới* đã khái quát được một giai đoạn của nông thôn sau chiến thắng Điện Biên Phủ, hòa bình đã lập lại sau 9 năm kháng chiến, cuộc sống còn nhiều khó khăn nhưng lòng người biết bao hy vọng và mừng vui đón nhận cuộc sống mới. Kết nạp vào nông hội, vào Đoàn thanh niên

Lao động là những sự kiện đáng tự hào. Mơ ước của con người cũng thật giản đơn: đi thanh niên xung phong, đi làm hộ lý bệnh viện, học y tá hay đi công trường. Tối nào cũng họp, hò hát, bầu chủ tịch, bầu thư ký. Chủ tịch Xuân ngồi bên thư ký Bưởi, miệng nói *thao thao bất tuyệt*, còn tay đùn mảnh giấy con con về phía Bưởi. Bưởi liếc mắt đọc vội: “Gốc sung”, rồi viết chữ “Vâng” vào bên cạnh. Chủ tịch Xuân cầm mảnh giấy con con đó hớn hờ như hồi lên sáu được mừng tuổi đồng xu đồng mới tinh.¹

Tan họp hai cô cậu gặp nhau ở gốc sung như đã thống nhất, cái địa điểm thần tiên của hai người đang yêu, hai người sắp cưới. Trên đầu họ sao Nam Tào uy nghi bệ vệ tận góc trời đằng nam đang soi thiên lý kính để giữ an ninh cho đám hội sao mở từ hàng triệu năm rồi. Chỗ này, chỗ kia, từng chùm sao tùm tùm lại. Có những ngôi sao sáng vai nhau thủ thủ, người con gái đang chớp mắt suy nghĩ về lời thề thốt của người con trai. Ngôi sao Ba còn dửng dăng như cô con gái có hai người yêu cùng đến tỏ tình một lúc. Con rô cũng tiếc, con giếc cũng ham, hàng triệu năm nay, cô ta vẫn còn so sánh. Máy ngôi sao khác vây quanh cái đám tình duyên khó xử đó, ai nấy ngó cổ chờ xem ai là kẻ được hưởng hạnh phúc, người thì nháy mắt ra hiệu cho cô nàng chọn chàng bên phải, người thì gọi khe khẽ nhắc cô chọn chàng bên trái tốt đời hơn. Góc đông, góc đoài, góc nam, góc bắc cũng còn nhiều ngôi sao e lệ như những cô

¹ Những chữ in ngả là trích trong *Sắp Cưới*

mới đi trẩy hội lần đầu cứ thập thò thập thò làm cho nhiều chàng sao nóng ruột chờ không cầm lòng được nữa phải lấy sức băng qua dòng sông Ngân để đến bên nàng mà trách nàng đã quá thờ ơ với lời hẹn ước. Chòm sao con vịt chống phao câu trông như con đò bị khê đang ghéch đầu lên bãi cát, anh lái nghịch ngợm đã cầm đò đi xui cô bạn gác gấu sông bên bờ vực và cả đôi không biết đã chạy biển đi tận nơi nào; chỉ có cụ Thần Nông là mãi mê ngó xuống trần xem thiên hạ cày cấy, mặc đàn trẻ đàn đúm sau lưng cụ. Họ cứ vui, họ cứ chơi, tận hưởng những ngày đầy hoa hồng của đám hội, chưa ai nghĩ đến ngày rã đám.

Trên trời thì như vậy, dưới gốc sung, đôi trai gái cùng hát bản tình ca, câu chuyện quanh đi quẩn lại chỉ có thể mà họ có chán bao giờ đâu.

- Sao tối nay Bưởi về muộn thế?

- Em về đã họp đâu?

- Bốn lần kèng rồi đấy.

- Sao anh Xuân không họp đi?

- Khốn nhưng không về, nhớ lắm. Sao đi lâu thế?

- Đừng làm thế anh Xuân ạ, ai biết người ta cười cho. Anh Xuân tính một mình em gánh năm yến thóc đi suốt từ Sở về đây. Em cứ tưởng về đến cầu Chùa thế nào anh Xuân cũng ra gánh đỡ.

- Sao không dặn. Ai biết đâu. Thương nhĩ.

- Thương cái xương chẳng còn.

(.....). Tiếng nói thì thào qua những chùm lá áp mặt vào nhau đưa tiếng cười rúc rích của đôi trẻ lọt tới nhà trên. Bà Khuyến liền kẹt cửa đi ra:

- Bưởi ơi, con liệu xem đồng rằm thế nào, không có sáng mai chạy khắp xóm xin lửa thì nửa ngày không được bữa cơm đâu.

Cả hai lại im lặng chờ tiếng guốc bà Khuyến lệt sệt vào tới cửa buồng. Chân quay cánh cửa kêu kèn kẹt nhắc đôi trai gái thả cửa chuyện trò.

Cho đến khi gió đưa vầng trăng khum khum gọng vó bay bổng khỏi ngọn tre, tiếng bà Khuyến từ trong buồng vọng ra:

- Bưởi ơi, con xem con lợn sao cắn chuồng thế này.

Bưởi định thưa, Xuân ghì chặt lấy Bưởi ra hiệu thôi. Bưởi giãy ra nói nhỏ:

- Bu gọi em là bu biết em ở đây rồi. Không vào bu chửi chết. Bu gọi thẳng sợ hàng xóm biết đấy.

Đúng là một tình yêu nông thôn thuở ấy. Một tình yêu mới đẹp làm sao. Thế rồi đội cải cách ruộng đất về làng...

Sắp cưới chỉ 160 trang nhưng cầm trên tay thấy nặng. Sức nặng của kiếp nhân sinh. Sức nặng của hiện thực được chưng cất cô đọng. Sức nặng của chữ, của ngòi bút tài hoa và trách nhiệm.

Các nhân vật của anh không thể trộn lẫn, tính cách rất riêng biệt, chỉ với vài chi tiết. Từ ông Thủy phó cối từng đến các xã đã cải cách, rất chịu nghe, lúc chẻ dăm, lúc nện đất, lúc đánh đai, nhập tâm tất cả; khi trở về làng cái gì cũng biết, giảng giải cho vợ con rằng không thể cười Bưởi cho Xuân con trai ông được vì nhà bà Khuyến có thể là địa chủ:

- Bây giờ thì hỗn độn thế, nay mai Đội về thì ra rông rông. Lắm thú địa chủ lắm: Địa chủ đầu sỏ, địa chủ cường hào gian ác, địa chủ kháng chiến, địa chủ thường, địa chủ ngoan cố, địa chủ công thương, địa chủ cá biệt. Đội người ta tinh lắm, chẳng thế mà dân Hà Nam vẫn ca tụng: Nhất Đội nhì gười. Ai dám ra mà cãi với Đội.

Và đây đội trưởng cải cách ruộng đất Độ:

- Kinh nghiệm bốn đợt trước trung ương đã tổng kết rồi, số hộ địa chủ phải chiếm ít nhất là năm phần trăm số hộ toàn xã. Ở Trung Quốc nhiều xã lên tới sáu phần trăm mà khi phúc tra còn truy được địa chủ lọt lưới...

Độ luôn nhớ những điều cách đây hai năm, anh cán bộ đội đã bồi dưỡng cho Độ làm và lặp lại i xì:

- Nào. Tôi xin hỏi bà con hôm nay ta họp gì?

Tất cả trả lời ran một tiếng:

- Họp nông dân lao động.

- Thế có họp với đứa bóc lột không?

Ba bốn chục tiếng “không” đáp lại.

- Nếu có đứa bóc lột ngôi đây thì bà con tính sao?

Ai nấy tỏ rõ ý chí kiên quyết đấu tranh của mình:

- Thì tống cổ nó ra.

- Thì bắt.

Ông Thủy phó cối giơ cao tay:

- Đấu luôn!

- Teo! Để nghị đội cho teo.

Thế là mẹ con bà Khuyển cả đời lao động, gia đình liệt sĩ bị đuổi ra khỏi cuộc họp mặc cho bà kêu:

- Nhờ đội hỏi lại ông bà nông dân xem, mẹ con con chân lấm tay bùn...

Đội quát:

- Im! Ra ngay!

- Có ra ngay không?

Rồi Đội đứng lên:

- Ai có khổ với nhà Khuyển thì cứ tố. Tố thật mạnh mới vạch hết được tội nó ra. Bà con không sợ gì cả. Có Đội ở đây, kẻ nào ngăn cản, Đội sẽ trấn áp! Nào bà con ta tố đi nào, tố khỏe đi nào, tố cho rầm rộ đi nào!

- Tố lên, bà con ta tố lên, mỗi lời tố khổ là một viên đạn bắn vào đồn lũy quân thù!

Đội luôn tâm niệm những lời dạy của cấp trên: ở đâu có ta là có địch, là phải bắt bọn tổ chức cũ, tóm hết bọn bí thư, chủ tịch, xã đội còn đang lù lù như cái boong ke thì

mới phát động được quần chúng, không cần luật, cứ lập trường mà giải quyết...

Bên cạnh Độ, Bưởi, Xuân, bà Khuyến, “rể thối” Viên, *Sắp cưới* còn có Lý, “thợ đầu”, cặp bài trùng với Đội Độ, người đầu tiên đứng lên tố khổ bà Khuyến mẹ Bưởi, tình địch với Bưởi và khi Đội Độ liếc mắt cho Lý rồi hát hàm về phía Xuân như một câu ướm hỏi, một sự ghép đôi thì Lý thích quá phải giả vờ e thẹn ù té chạy ra sân, miệng ngoác ra:

- Anh cứ “lói” thế chứ. Em còn phải chờ thống nhất Bắc Nam đã.

Viết tiểu thuyết, tạo được nhân vật rất khó, tạo được không khí cũng khó không kém. Vũ Bảo đã thành công trong việc ấy ở *Sắp cưới*.

Chỉ một tối diễn kịch thôi mà đầu buổi diễn vui biết bao với mấy lời thoại của đám thanh niên bàn tán về sắc đẹp của Bưởi, rồi cũng với mấy dòng thoại Vũ Bảo viết về sự hiện diện của Đội nói lên một không khí sợ sệt dù vẫn còn khá hỗn nhiên:

Chợt bên dưới có tiếng xì xào, Xuân ghé cổ ra nhìn xuống thì thấy một người đội mũ lưỡi trai vải vàng, ngoài khoác áo bông xanh, cái xà cột da đeo qua vai trông to như cái thớt, tay phải cầm đèn pin, tay trái giơ giơ ra phía trước để tìm đường, ánh sáng đi đến đâu người dạt ra đến đó:

- *Đội ạ.*

- Thừa Đội ạ.
- Đội đi xem ạ.
- Đội mới về.

Và rồi sự sợ hãi đã được nâng cấp bao trùm lên mọi gia đình theo từng bước chân im lặng của Đội:

Nhìn thấy Đệ mặt lấm lấm như người đau bụng kinh niên, hai túi áo, hai túi quần “phăng” phình phình hàng thụt giấy một, sực nhớ hôm xưa Văn hối hả về Đoàn, chiều nay lại thấy Đệ về thẳng nhà Lý, không vào nhà Viên, gần tối có mấy người ở xóm Nam, xóm Bắc sang họp riêng với Đệ và Lý; bà con trong xóm Đông mang máng thấy có chuyện chẳng lành.

Sắp cưới không chỉ ghi lại được bộ mặt nông thôn trong một giai đoạn tăm tối nhất, nó còn là một trong những tiểu thuyết viết về vẻ đẹp nông thôn thành công nhất. Bên cạnh những trang tả trời sao đã trích ở trên, tôi chép lại đây mấy dòng viết về một mảnh sân của gia đình bà Khuyến, cái sân ở nông thôn luôn là cái gương soi mặt nhà mình:

“Cái sân ấy trước kia và ngày nay vẫn chỉ nhỉnh hơn mười sáu chiếc chiếu đậu. Từ dạo mười lăm, mười tám tháng, Bưởi đã bỏ lê la, bốc đất bốc cát trên cái sân ấy. Chị Đào, chị Mận, anh Cậy, anh Hồng và Bưởi nữa, năm anh em nô đùa bao nhiêu năm trên cái sân ấy. Trước kia chỉ là cái sân đất nện, đằng đông còn có cái bàn ăn quan của Bưởi. Bưởi và Lựu đánh ăn quan với nhau suốt buổi. Bưởi

vụng tính nên thua luôn, không ngày nào là không phải 'bán ao' cho Lựu. Hồi tháng ba đói, bao nhiêu rau sam rau má ở vườn cao hết rồi, thầy Bưởi và anh Cây đã cuốc sân lên giống năm luống khoai lang. Tháng đầu bút ngọn, sang tháng thứ ba cả nhà bới củ ăn dần, nên cũng có cái ăn cầm hơi, đợi hột. Giỡ xong khoai lang lại giống luôn mỏng tơi, rau đay, rau ngót. Mãi sang đầu năm 1947, nhờ được liền ba vụ lúa, thầy Bưởi tính chuyện lát sân. Hàng gạch đỏ tươi đã che khuất những ngày túng đói khi xưa. Từ đó Bưởi được coi lúa ở nhà, không phải sang sân chùa nữa. Bưởi cứ việc ngồi trên hè mà đánh chuyền. Quả cà tung lên, đôi ngón tay xinh xinh nhón từng cặp chuyền một. Đôi tôi. Đôi chị. Đôi quai bị. Đôi hành hoa. Đôi sang ba. Rồi ba lá đa... tư củ từ... năm rau răm... Bưởi cứ đánh chán đánh chê mới phải chạy xuống sân rũi lúa”.

Phải hiểu, phải nặng lòng với tam nông (nông nghiệp, nông thôn, nông dân) lắm mới viết được những dòng như vậy.

Đội về, nông thôn không còn là nông thôn thanh bình êm ả, của tình làng nghĩa xóm nữa. Làn khói bếp cũng khác. Con đường cũng khác. Khói bếp tỏa ra từ các mái tranh trong xóm đang quai trước cơn gió nhẹ. Trên mặt đường những vết xe đạp chi chít trườn lên vệt lốp ô tô khác nào những vết roi đã rớm máu in lằn trên lưng một người bị nhục hình. Và tiếng lạy van của bà Khuyển khi bị đấu:

- Con không bóc lột, con không phải là địa chủ, ông bà nông dân quy cho con thành phần khác.

- Con cần rơm cần cỏ lạy đội xét cho, mẹ con con chưa hề bóc lột ai.

Đội đã vậy. Đồng chí bí thư Đoàn ủy về làng càng khốc liệt hơn. Cán bộ đội ngồi vây quanh đồng chí bí thư Đoàn ủy. Mỗi khi một cán bộ báo cáo xong lý lịch một người thì đồng chí này nhúu đôi lông mày, ngón tay trở lại đâm xuống mặt bàn để đánh nhịp cho tiếng “bắt” được thêm phần kiên quyết:

- Chủ tịch xã à? Bắt!

- Xã đội à? Bắt!

- Bí thư chi bộ à? Bắt! Thế này thì đã ăn thua gì! Các đồng chí có biết các xã đợt bốn bây giờ ra sao không? Có xã vào loại A, các cậu ấy đánh địch đã cù mà đội kiểm tra về còn xúc được một bá hai địa và gần hai chục quốc dân đảng(..).

... Sắp cưới, Vũ Bảo là những cái tên luôn được bạn đọc nhắc đến trong những thập kỷ 50, 60 của thế kỷ trước. Sắp cưới với Vũ Bảo cũng giống như như Bỉ vỏ với Nguyễn Hồng những năm 30 vậy. Chỉ có điều khác là Nguyễn Hồng được tôn vinh, còn Vũ Bảo thì bị vùi dập, sự vùi dập có thể làm cho ai đó chết hẳn nhưng lại tạo cho anh sức bền vật liệu mà một nhà văn chân chính phải có. Không chỉ một quyết định thu hồi mà cả một phong trào phê phán, lên án tác phẩm với những ngôn

từ một thời ấu trĩ mông muội, đao to búa lớn, quy chụp của những người tin rằng mình là chân lý và cả những kẻ ăn theo, muốn biểu diễn lòng trung thành, bước lên bậc thang danh vọng trên cuộc đời người khác. Không chỉ lên án tác phẩm mà còn lên án chính bản thân tác giả. Giờ đây tôi vẫn nhớ câu kết bài viết của nhà văn nổi tiếng N. K.: “Hãy im đi, đồ giả dối!”

Trong nhiều thập kỷ không ai in cho anh. Cũng như đối với Mạc Lân, Lê Bầu,... ngay lập tức tất cả các nhà xuất bản đều hiểu mình phải làm gì với những bản thảo của Vũ Bảo.

Không ai dùng anh thì anh “*tự dùng... gắng sức góp phần nhỏ bé của mình khơi dậy cho người đọc niềm tin vào một ngày mai tươi sáng: Cơm no áo ấm sẽ đến với mọi nhà, mọi người đều bình đẳng trước pháp luật, mọi người đều được hưởng thụ ngang tầm số lượng và chất lượng sản phẩm của mình đã cống hiến cho cuộc đời nhằm đảm bảo công bằng xã hội*” như thư anh viết cho một bạn đọc. Mỗi khi đến chơi với chúng tôi ở báo *Tiền Phong*, tiếng cười của anh vẫn cứ giòn vang và cho dù đang đạp xe trên phố, nghe tiếng rao *bi ngoong ngoong, bi doòng doòng bi ngọt ngọt* đây là thế nào anh cũng dừng xe mua lấy chục viên kẹo bi, mỗi thằng ngậm một viên, còn đâu đút túi.

Không biết bao nhiêu năm sau nhà xuất bản Phụ Nữ mới in cho anh tiểu thuyết *Mãi cũng tới bờ*. Tặng tôi sách, anh nói:

- Ông Fidel có câu *Tổ quốc hay là chết*, tao có câu *Mãi cũng tới bờ!* Cứ viết, mãi cũng phải được in chứ.

Nghe mà cười, mà xót xa cho bạn. Tôi kính trọng Nhà xuất bản Phụ Nữ đã dám in sách cho anh, bỏ nhất cuộc đầu tiên phá cái bờ ngăn dòng sông sáng tạo đầy ắp của anh để dòng nước Vũ Bảo chảy đến với cuộc đời, cũng như tôi cảm ơn các nhà xuất bản Hội Nhà văn, Hà Nội, Hải Phòng mấy chục năm sau, dù chịu nhiều áp lực, đã in sách cho tôi.

Trong tù, tôi vớ được cuốn *Xe tăng ta*. Biết anh đã đi B. Mừng cho anh xông pha nơi khốc liệt mà vẫn trở về lành lặn an toàn, viết sách. Đâu biết anh đi vào bom đạn mà khó khăn đến thế. Người ta không tin anh. Anh hiểu rằng cái vốn liếng chính trị của anh chỉ là con số âm. Nhưng anh không quan tâm. Sống mà cứ để ý xem người ta nghĩ về mình như thế nào, cứ phải đón ý người khác không phải là cách sống của anh. Anh vẫn tìm mọi cách để đi, để viết. Chỉ đến khi nhà văn thiếu tướng Hồ Phương đứng ra bảo lãnh, anh mới được dẫn thân tuyển lửa.

Trong giai đoạn in *tăng hai* này, nhiều tiểu thuyết của anh được công bố, nhưng tôi nghĩ điều đáng nói hơn cả là truyện ngắn. Với truyện ngắn, anh đã một mình làm nên một dòng cười. *Nợ đời*, *Phó tiến sĩ không hữu nghị*, *Bút bi hết mực*, *Ông khóc tôi cũng khóc*, *Bó cỏ dưới mõm ngựa*, *Người vãi linh hồn...* Trí tưởng tượng được

thả tung. Một ông cán bộ không biết làm một việc gì, xây dựng đề án nhập thể thao vào y tế thì người ta lại tách y tế với thể thao. *Bởi một thằng sợ gió quây màn ở trong buồng thì làm sao ở cùng phòng với một thằng mặc quần đùi chạy như hóa đại ngoài bãi được, kho thịt thì thịt cháy, nấu cơm thì còn nguyên gạo.* Cho đến khi được một cô tổng tình bằng túi hến, ông cũng không biết nấu canh hến như thế nào. Đi tìm một tiến sĩ sinh vật bạn ông làm bên Viện Dinh dưỡng thì được ông tiến sĩ cho biết hến thuộc dòng trai bị thoái hóa, dù thể tích nhỏ hơn trai, nhưng cứ lấy trai làm chuẩn thì mỗi ki lô cung cấp bao nhiêu chất kích thích tuyến hóc môn, bao nhiêu vitamin.... Đến với người bạn nguyên là cấp dưỡng đơn vị bộ đội cũ thì ông này đã lên phó giám đốc khách sạn, chuyên về những món ăn Tây. Rồi được giới thiệu gặp một giáo sư cũng là bạn ông chuyên đi giảng dạy bên Pháp, bên Mỹ, rất giỏi về trống đồng Ngọc Lũ, mũi tên đồng Cổ Loa, bởi vậy “hến không thuộc tầng nghiên cứu vĩ mô của moa, nhưng moa vẫn có thể giúp toa được” và viết giấy giới thiệu ông sang gặp bà giáo sư trông coi thư viện cổ... Kết quả ông nhận được rất nhiều sách: Kịch bản điện ảnh *Nghêu sò ốc hến*, kịch bản tuồng, kịch nói, cùng các bài báo phê bình *Nghêu sò ốc hến*, *Thuật bày cỗ Việt Nam*, *Bếp đồ lửa*, *500 món ăn thông dụng*... Cuối cùng ông phải trả lại túi hến đã bốc mùi cho cô gái khát tình có biệt danh “Xe Công-ai đến trước đi trước, ai đến sau đi sau” (*Bút bi hết mực*).

Nhà trẻ không có bộ kể chuyện một trung tâm thông tin thuộc Viện nghiên cứu sao Hỏa chuyên cung cấp thông tin mới nhất về khoa học kỹ thuật. Nhân viên toàn những thanh niên nam nữ vừa du học ở nước ngoài về, chỉ uống nước, hút thuốc và thông báo cho nhau giá đô la, giá vàng, giá Deutschemark ở Berlin, giá vòng bi, giá tủ lạnh ở Moskva, giá blu-dông da nai ở Mông Cổ, giá quần bò ở Bangkok... Cái nhà trẻ ấy vẫn tồn tại vì các cậu đều thuộc diện 5 C, *con cháu các cụ cả*, đều đã đến tuổi trưởng thành đã biết tự tìm toa lét nên không phải dùng bộ. Hơn nữa “bố cô Tuyết là em ông viện trưởng, mẹ cô ta vẫn duyệt cấp phát vật tư cho viện ta, mẹ cậu C phụ trách ngân hàng, tiền mặt cơ quan ta rút lệ như thế là nhờ mẹ nó đấy. Bố cháu Thịnh phụ trách ủy ban đối ngoại của ủy ban chinh phục vũ trụ. Mỗi suất đi Tây của anh em ta đều phải qua tay bố nó ký ruồi vào góc tờ trình”.

Bó cỏ dưới mồm ngựa là một truyện ngắn đặc sắc của anh, kể lại chuyện một tiền đạo Vua Chiến trường, trung phong Lê Doãn. Anh là sát thủ của bất kỳ đội bóng nào. *Tạp chí Sức Trẻ đã bỏ cả “hoa, lá, cá, gái, chim” in ảnh Lê Doãn đang đi bóng vào bìa một, Trong hai ngày bốn vạn số bán hết veo.* Ba giải vô địch bóng đá toàn quốc, ba lần Lê Doãn đoạt giải Đồi Giày vàng. Ba cái Tết liền, ông chủ tịch tỉnh đánh xe Toyota mới tinh đến xông nhà anh, mừng tuổi cho vợ con anh. Lê Doãn có hai cuốn sổ bìa

dày bọc nhưng đỏ mỗi trang một sơ đồ sút thùng lưới đối phương. 197 trang. 197 bàn. Anh nghĩ đến 3 bàn còn lại để đạt con số tròn 200 bàn thắng, một kỳ tích không ai làm được ngoài anh. Sẽ thực hiện trong ba trận. Một quả chân trái. Một quả chân phải. Một quả đánh đầu! Nhưng Doãn không biết rằng sau khi đứng trên đỉnh cao với hào quang sáng chói, cuộc đời anh đã trượt xuống triền dốc bên này. Lực bất tòng tâm. Cay cú, càng đá càng dở, Doãn đã làm hỏng cuộc chơi của đồng đội. Bàn thắng thứ 200 mãi mãi là bó cỏ treo trước mõm ngựa. *Con ngựa gồng vó, nghển cổ nghênh đầu đến mấy, bó cỏ vẫn giữ cự ly ghiệt ngã đúng có một đốt ngón tay...*

Hãy biết rút lui đúng lúc
hỡi các nhà! Nhà thể thao,
nhà văn, nhà báo, nhà họa
và những nhà gì gì nữa.
Xuất hiện đã khó. Rút lui
còn khó hơn nhiều. Bằng
một giọng hóm hỉnh, hài
hước, Vũ Bảo nói với chúng
ta như vậy.

Tôi muốn nhắc đến một
truyện ngắn nữa: *Người vãi
linh hồn*, một truyện ngắn
mang tính dự báo của anh.
Một anh lính đánh đồn



Vũ Bảo

sợ vải đái ra quần cuối cùng lại được quay phim, chụp ảnh đứng xoạc chân giơ cao cờ chiến thắng trên nóc bốt, cả tiểu đội chia nhau đứng hai bên, súng giơ cao, miệng gào giữa trời bởi khói lửa, bức ảnh phóng to bằng cái chiếu treo ở phòng truyền thống sư đoàn, tấm ảnh được vẽ lên hàng triệu con tem, được in hàng vạn bì lịch. Không những thế người vải linh hồn còn được sang Anh *bốc phét về chuyện cấm cờ để quảng cáo cho bộ phim “Máu và hoa”* của đạo diễn Martin Smith quay về trận đánh.

Ở bên Anh làm sao người ta biết được nó đã vải linh hồn trong trận bốt Chè. Cái quần trong phim là cái quần khác đấy.

Mỗi lần đọc câu cuối truyện này, tôi cứ có cảm giác anh đang gọi vọng sang đất nước Ăng lê, để những khán giả xem phim, những người đang nghe bốc phét bên ấy biết được sự thực.

Tôi khen anh bằng một lời tán phục:

- Chịu ông bịa giỏi.

Cho đến khi chuyện xe tăng 390 húc đổ cánh cổng Dinh Độc lập trưa 30 tháng 4 năm 1975 bị thay bằng xe tăng 843 vỡ lở, lời dự báo của anh đã biến thành sự thật, Vũ Bảo viết thư cho tôi: “Tấn ơi! Chúng mình chỉ là những thằng bịa hạng bét! Cuộc sống luôn bỏ xa chúng mình”.

Vũ Bảo là người sinh ra để cười. Mỗi tế bào trong người anh đều muốn được cười. Cười trong tác phẩm. Cười trong cuộc đời. Cười như một đứa trẻ. Và cười như một ông lão lỗi đời giễu tất cả. Nhớ về Vũ Bảo là nhớ buổi giao lưu giữa Hội Nhà văn Hà Nội và Hội Văn nghệ Hải Phòng. Các nhà thơ hai thành phố thay nhau hào hứng đọc thơ đối đáp. Thật khó mà cất được niềm thi hứng đang bùng bùng dâng lên ấy. Vũ Bảo đứng dậy, mặt mũi rất rụt rè khiêm tốn:

- Thưa các bạn. Tôi là người viết văn xuôi, không có thơ để đọc. Vậy tôi xin đọc một truyện ngắn. Trong khi tôi đọc nếu có bạn nào không chú ý nghe là tôi xin phép đọc lại từ đầu.



(từ trái qua phải) ?, Nguyễn Khải, Vũ Bảo, Bùi Ngọc Tấn, Nguyễn Thị Ngọc Hải. Tháng 04/2000. ("Ảnh này không rõ tên người đang ghé vai vào Nguyễn Khải". - Bùi Ngọc Tấn)

Tất cả cười âm và ngay lập tức tiết mục đối đáp thơ chấm dứt.

Nhớ về Vũ Bảo là nhớ đến một tối hậu tù, lang thang phố Bà Triệu (Hà Nội) tìm lại kỷ niệm xưa, bỗng gặp Vũ Bảo đạp xe ngang qua. Tôi hỏi đi đâu đấy? Anh bảo đến Hội Nhà văn. Tôi kêu lên: Sao tích cực thế? Chín mười giờ đêm còn đến Hội Nhà văn. Anh chỉ vào chiếc bao tải buộc sau poc ba ga, bật mí: Đến Hội Nhà văn không phải để viết văn đâu mà là đèo xỉ về đóng gạch pa panh. Bây giờ xỉ mới nguội. Mới xúc vào bao được.

Nhớ về Vũ Bảo là nhớ đến khuôn mặt nghịch ngợm của anh khi anh đưa tặng tôi bức ảnh anh chụp trên một đường phố Đà Nẵng mang tên Vũ Bảo và hùng hồn tuyên bố:

- Tao là nhà văn duy nhất được đặt tên đường ngay khi còn sống!

Như chỉ cố gắng được đến thế, anh cười:

- Cái ông Vũ Bảo này nghe đâu như một anh giao thông, chở đò gi đó trong thời gian chống Mỹ.

Nhớ về Vũ Bảo là nhớ đến một bữa ăn trưa giữa mấy anh em chúng tôi: Dương Tường, Vũ Bảo, Xuân Khánh, Lê Bão, Châu Diên, người nọ chờ người kia, quá trưa vẫn chưa đông đủ, tất cả nằm dài trên chiếc giường nhà Vũ Huy Cương phố Bà Triệu, nghe bụng réo sôi. Bỗng Vũ Bảo ngồi nhồm dậy, công bố phát hiện mới của mình:

- Chúng mình không tuyệt thực được các cậu ạ.

... Là nhớ đến những bức thư điện của anh. Không biết Vũ Bảo thó ở đâu mà lăm giấy điện báo in sẵn của bưu điện đến thế. Cũng đủ cả những dòng chữ ghi giờ phát, giờ nhận, họ tên địa chỉ người nhận, họ tên địa chỉ người gửi (cần chuyển đi thì ghi, không thì thôi)... Ở những chỗ trống, anh đánh máy vào đấy những điều cần nói. Bức *điện dờm* nào của anh cũng chỉ chút những chữ “stop” cho nó có vẻ *điện thật*. Thì cái dờm nào chẳng thế! Chẳng làm giống y như thật, giống hơn cả thật! Rồi anh cho vào phong bì dán tem gửi theo đường bưu điện cho tôi. Anh thích tập tiểu thuyết tôi mới in, và liên tiếp gửi những bức điện dờm nói về tập sách ấy bởi anh luôn coi thành công và thất bại của bạn là của chính mình. Lá thư điện nào của anh cũng làm tôi rất vui và cười mãi không thôi:

Bức thư-điện dờm ngày 19 - 2 - 2000. 7giờ 45:

Đã nhận được sách tấn gửi tặng stop anh em khen sách viết bạo tay stop có văn stop chúc mừng thành công của bùi ngọc tấn stop chúc tấn viết không mỏi tay stop

vũ bảo 247 thanh nhàn hà nội

Bức điện thứ hai ngày 22 - 2 - 2000. 21 giờ:

Dàn nhạc Mộng Du đã chơi bài ouverture¹ stop sắp

¹ mở đầu

tôi sẽ chơi tiếp chương hai và chương ba stop anh em vẫn tiếp tục khen Mộng Du stop mình đã đọc qua điện thoại cho Kiều Duy Vĩnh nghe những trang Bùi Ngọc Tấn viết về Kiều Duy Vĩnh stop chúc mừng thành công của Bùi Ngọc Tấn stop dù sao bản nhạc đã đến với người nghe stop.

Bức “thư điện” đề ngày 25 - 2 - 2000 “phát lúc 7 giờ 30” thì ngay ngoài phong bì cũng đã lạ: Họ và tên người gửi Vừ A Páo. Họ và tên người nhận: Pui Ngoc Tsinh 10 Tien Pien Phu Hai Phong. Thế mà bưu điện vẫn chuyển đến nơi:

Tsinh à stop thủ ngõ mẩu kếng là chà stop cỏi trâu hầu tắc kin mìn nhị xập xây tìm tũ háy cái lấu phổ stop tiểu muội leng leng stop hảo lớ stop

Vừ A Páo

Tsinh à thì dù ngôn ngữ gì cũng là *Tấn ơi* rồi. Tiếp theo là nguyên văn một câu trong tiểu thuyết của tôi nên tôi biết nó có nghĩa là *cải tạo tốt được gặp mặt hai bốn tiếng ngủ với vợ*. Câu cuối Vũ Bảo viết thêm vào, tôi tạm dịch: *Em gái xinh xinh. Tốt lắm*. Còn *Vừ A Páo* chắc phải dịch là *Vũ Bảo*.

Duy nhất có một bức thư thật là thư, nghĩa là anh không dùng giấy điện báo thó được của bưu điện, mà là cả một tờ giấy khổ A4, không có một chữ stop nào dù vẫn viết trên máy chữ:

Bùi Ngọc Tấn thân mến

Hôm nay Hội Nhà văn Hà Nội chúng mình tổ chức hội thảo văn xuôi trong thập kỷ 90. Trong lời mở đầu hội thảo, ông Phó tổng thư ký - vì khiêm tốn không tiện nói tên ra đây¹ đã nhấn mạnh: Đây là sinh hoạt thường kỳ của Hội Nhà văn Hà Nội không nhằm mục đích chào mừng sự kiện nào mà chỉ chào mừng các nhà văn Hà Nội kiểm kê hành trang bước vào thiên niên kỷ mới. Nghĩa là chúng tôi - Hội Nhà văn Hà Nội này không hội thảo để chào mừng Đại hội Nhà Văn Việt Nam lần thứ sắp tới. Đấy, nhà văn Hà Nội như thế đấy, không biết “lịnh” vì thế mới có hai thăng giới thiệu nhà văn dám viết Chuyện kể năm 2000 vào Hội Nhà văn² và dám đọc từng chương viết chuyện tù cho người tù ra trại nghe qua điện thoại.

Họp xong đáng lẽ ra về, chúng mình còn ngồi lại bàn về Chuyện kể năm 2000 của Bùi Ngọc Tấn. Không biết ở cái ngõ số 10 phố Điện Biên tác giả có hắt hơi không. Theo sự phán đoán của mình thì Tấn phải hắt hơi đến nửa tiếng. Tất cả anh em ngồi lại đều đã đọc Chuyện kể năm 2000. Anh em đều khen có văn chứ không như tập sách ghi lại lời ông gì ấy bị giam ở Côn Đảo, người đọc chỉ nghe thấy tiếng đòn khiêng giáng vào thân tù những “ích hự” là “ích hự”.

¹ Chính là Vũ Bảo

² Hai người giới thiệu Bùi Ngọc Tấn vào Hội Nhà văn là Vũ Bảo và Lê Bầu

Nhiều chương cảm động. Đặc biệt nàng Trần Thị Trường còn khen: Đây là những trang viết về những chuyện có thật, do một người “có chữ” ghi chép, nhận xét. Ngay trong buổi hậu tiệc ngồi ấy, anh chị em gọi nhau bằng những cái tên ở trong Chuyện kể năm 2000 như chúng ta vẫn gọi nhau trong quán trà Thiều Châu trước kia.

Vài dòng cho Tấn biết tin về đứa con để rút ruột của mình.

Dù đã liên tiếp đánh điện chào mừng thành công của Bùi Ngọc Tấn mình vẫn kết thúc là thư này bằng lời chào mừng thành công của Tấn. Chúc bà Bích vui vẻ, mạnh khỏe. Vinh quang thay bà Bích đã có một ông chồng ra chồng.

Thân ái

Vũ Bảo

23 - 2 - 2000

Cho đến tháng 5 năm 2000, khi Lê Bầu vào bệnh viện Hữu Nghị mổ thoát vị, Vũ Bảo lại gửi thư điện cho tôi, lại rất nhiều stop:

Điện báo 2 - 5 - 2000. 11 giờ

Nhà văn Bùi Ngọc Tấn 10 Điện Biên Phủ Hải Phòng stop ngày 1 - 5 - 2000 để bảo vệ tiểu thuyết của bùi

ngọc tấn nhà văn lê bàn¹ đã làm lễ tiểu hara kiri² tại phòng 4 khoa ngoại nhà số 5 bệnh viện hữu nghị stop mặc lân hòa vang vũ bão đều có mặt trong buổi lễ trang trọng đó stop hôm nay 2 - 5 - 2000 sức khỏe nhà văn lê bàn được mô tả là ổn định huyết áp 120-80 stop có tin tức gì sẽ báo sau stop kiểu duy vĩnh hện sẽ xuống thăm bùi ngọc tấn stop

(Viết đến đây, tôi bất chợt nhận ra cả bốn người bạn của tôi có mặt trong bệnh viện hôm ấy đều đã qua đời, Mạc Lân, Vũ Bão, Lê Bầu và cả Hòa Vang, người kém tôi một giáp. Cuộc sống là thế đấy. Xuất hiện. Lo toan. Vật lộn. Rồi biến mất).

Tôi đã thống kê nhiều cái đầu tiên của Vũ Bão (tính từ Cách mạng tháng Tám đến nay):

Người đầu tiên có tiểu thuyết bị cấm.

Người đầu tiên đưa chuyện kinh nguyệt của phụ nữ vào văn học. (Biết con gái mình, cô Bưởi có người yêu, nhưng thấy tháng nào con gái cũng giặt giũ đều, bà mẹ cũng đỡ lo).

Người đầu tiên nói trong văn chương những chuyện tranh công, những nhầm lẫn, bất công trong việc tuyên dương công trạng.

¹ Lê Bàn: Hóa thân của nhà văn Lê Bầu trong tiểu thuyết của Bùi Ngọc Tấn.

² Hara kiri: Mổ bụng theo nghi lễ võ sĩ đạo (Nhật Bản)

Cái lần gặp nhau cuối cùng trong đám tang Mạc Lân, tôi bảo anh:

- Không nói gì nhiều. Chỉ riêng tên truyện *Người vãi linh hồn* của ông giờ đây trở thành câu cửa miệng của mọi người đã đủ sướng rồi. Bây giờ ai cũng nói *sợ vãi linh hồn, vãi cả linh hồn...*

Vũ Bảo đã một mình làm nên một dòng riêng. Anh ra đi, bè bạn mất một tiếng cười, văn học mất một dòng cười. Dòng cười Vũ Bảo.

Ai rồi cũng phải ra đi. Vũ Bảo “*ra- đi- tức- thì*”, giống Nguyên Hồng ra đi. Giống cha tôi ra đi. Và cũng giống cha tôi, giống Nguyên Hồng, sống không đầu hàng, không để bị bẻ gãy, “trước khi chết vẫn bận bịu với công việc và đến bây giờ vẫn tưởng mình còn đang làm việc”.

Một cuộc sống, một cái chết nhiều người mong ước.

2006 - 2011

Một mơ ước về kiếp sau

CÂY XẤU HỔ

*Chiều lặng ngồi trên cây xấu hổ
Lá thẹn thò sau đám cỏ rối bời
Hãy ngoảnh lại đây
Có gì mà mắc cỡ
Chỉ mình ta bầu bạn với ta thôi.*

*N*guyễn Thị Hoài Thanh ngồi một mình ở Đồng Xoài, chờ người ta thu hoạch lạc xong thì vào mót. Cô đơn ở xứ người, để giết thời gian, để quên đi nỗi lo kiếm sống, chị trêu chòng và trò chuyện với cây xấu hổ. Thế rồi thơ đến.

Khi ở tù ra hầu như tôi chỉ còn một nhóm bè bạn, trong đó có Nguyễn Bình, người không bao giờ bỏ tôi trong những lúc gian lao nguy hiểm đói nghèo nhất. Anh vẫn đến chơi nhà, nói dăm ba câu chuyện hoặc nô đùa với các con tôi. Chẳng dám trách ai. Bởi cái ống ngắm hiển nhiên là đang nhắm vào tôi. Chẳng ai lại muốn mình hiện hình trong vòng ngắm. Đừng có đem sinh mạng mình, đời sống gia đình vợ con mình ra đùa cợt.

Thế mà trong những ngày ấy tôi lại có thêm một người bạn mới: Nguyễn Thị Hoài Thanh. Chị thường xuyên đến nhà. Nói chuyện với tôi. Bàn chuyện làm ăn sinh sống với vợ tôi. Dạy hai đứa con gái tôi cách thêu may bô đê để kiếm sống.

Tôi và Nguyễn Thị Hoài Thanh trước đó chỉ biết nhau chứ chưa hề chào nhau dù gặp nhau trong một cuộc họp, lại càng chưa một lần đối thoại. Tôi ấm lòng khi thấy chị lên nhà, ân cần, thân mật, cởi mở như một người bạn thân của cả gia đình và hoàn toàn chiếm được niềm tin, tình cảm của vợ chồng tôi. Chị như một chỗ dựa tinh thần, một sự động viên vợ tôi trong những ngày tháng gian lao ấy.

Lúc đó tôi mới biết rằng chị làm ở Quốc doanh đánh cá Hạ Long, một xí nghiệp tôi cũng từng quen, đã xuống lấy tin viết bài, nơi sản sinh ra anh hùng lao động Hồ Xuân Tuyên mà Dương Tường đã viết trong *Thuyền Trưởng*. Chị mách chúng tôi một cách kiếm sống: Làm nước mắm.

Ngày ấy nước mắm rất khan hiếm, cắt theo phiếu, theo tiêu chuẩn thang lương. Có nhà khoa học còn nghiên cứu làm nước mắm dất, nấu từ con dất, một loại sinh vật biển họ trai hến nhưng chỉ nhỏ bằng cái cúc áo. Để tài nước mắm dất được đăng ký cấp quốc gia hay cấp thành phố tôi không nhớ. Nhà ai chẳng phải ăn nước mắm. Nước mắm đang lên ngôi. Chúng tôi bị thuyết phục ngay. Nguyễn Thị Hoài Thanh giảng cho chúng tôi nghe về con nước, về chợ chiều, cá ươn, cá ế, về loại cá rế cau, như con chạch nhưng đỏ, không ai ăn, mua về làm chượp, và điều quan trọng là khi nấu mắm xong đừng lọc chắt ngay mà cứ để nguyên như vậy cho đến khi nguội hẳn vì trong quá trình ấy đạm vẫn từ bã thôi ra nước. Rồi chị giới thiệu cho tôi biết những chợ nào người ta hay bán cá rế cau. Rồi tính toán tiền cá, tiền muối, một cân cá được bao nhiêu nước mắm loại một, nước mắm loại hai... Nhưng lấy gì mà ngâm chượp? Lại cũng chị Thanh. Tối hôm ấy vợ tôi vác xe đi. Chuẩn bị cả *dây co* nghĩa là dây cao su, cả bao tải. Lại mất điện. Vợ tôi đi trong bóng tối hun hút xuống nhà chị. Một khu tập thể không tên gọi, không số nhà. Cũng may, ban ngày Nguyễn Thị Hoài Thanh đã đưa vợ tôi xuống để vợ tôi thuộc những góc gác ngoắt ngoéo mà dù cho có tối tăm, mất điện, lại toàn những mái nhà lô nhô như bát úp ở một khu đất trước đây là trận địa pháo cao xạ mà về sau khi tôi xin được việc làm ở Quốc doanh đánh cá Hạ Long, mới biết nó có tên là khu Bãi Cát, vợ tôi vẫn có thể tìm đến tận nơi.

Khi chiếc loa ngã sáu phát chương trình *Quân đội nhân dân*, nghĩa là khoảng chín giờ, nghe tiếng gọi của vợ tôi dưới cầu thang. Tôi vội chạy xuống. Trong bóng tối tôi thấy vợ tôi đang giữ chiếc xe đạp ở chân thang, và ở pooc ba ga, một đồng gì gỗ cao đen sì. Tôi đặt tay lên đó. Chiến công của vợ tôi. Sự giúp đỡ tận tình của Nguyễn Thị Hoài Thanh. Niềm hy vọng của chúng tôi. Nó căng. Cứng. Và cong cong. To nữa. Cái bao tải to thế mà căng phồng.

- Chị Thanh đưa em qua cổng bảo vệ chứ không cũng không mang được về nhà đâu.

Đó là một bình gốm chuyên dùng, miệng nhỏ, có nắp vặn xoáy được để đựng a xít. Bình dày nên tuy to nhưng chưa chắc đã đựng được nửa thùng nước.

Tài sản ban đầu của chúng tôi để tự kiếm sống là như vậy. Chúng tôi dội nước đầy bình cho a xít thôi ra trước khi ngâm chượp. Rồi đi mua cá rế cau cá ươn cá ế ở chợ. Chẳng mấy chốc mà đầy hũ. Không dám để hũ dưới nhà. Sợ mất. Chúng tôi bê lên gác, đặt ngoài bệ cửa sổ. Sốt ruột mong nó phân hủy, để nó thành chượp, nấu lên thành nước mắm mang đi bán.

Trong khi chờ đợi có nước mắm bán cả nhà vẫn cứ phải ăn. Nguyễn Thị Hoài Thanh hiểu được điều ấy. Chị đến dạy vợ tôi và hai đứa con gái còn chưa đến tuổi dậy thì *bô đê*.

- Cái này là làm cho mấy bà buôn ở chợ Sắt.

Nhìn những mẫu bô đê của chị tôi mới nhớ ra rằng ở những gấu quần xa tanh, gấu áo phin nồn của những người sang trọng luôn có những hoa văn đục thủng ra rồi viền lại như vậy.

Tôi không hiểu chị học bô đê ở đâu mà đẹp thế. Hay chị học ở trường mồ côi? Mà chị có mồ côi và học ở trường mồ côi như người ta vẫn nói thật không. Rồi lại còn cái chuyện Nguyễn Cao Kỳ (tư lệnh không quân rồi phó thủ tướng chính quyền Sài Gòn) là anh ruột chị nữa. Nói chung là chung quanh chị có nhiều “huyền thoại”, những “hiện thực huyền ảo” giết người. Dường như biết có những dư luận rất bất lợi cho mình và mọi người nhìn mình bằng con mắt nghi kị xa lánh nên chị không chủ động thân thiết gần gũi với một ai. Chỉ đến khi tôi đi tù về chị mới đến nhà tôi. Người khác có thể sợ chứ chị thì không. Chị nghĩ mọi cách giúp gia đình tôi kiếm sống. Chị nuôi ngan và bàn với tôi việc nuôi ngan. Chị bảo chị đã nghiên cứu và tìm ra thủ phạm của việc làm ngan chết hàng loạt là những con giun móc chui vào lỗ tai ngan vì vậy trong lúc trời mưa, tuyệt đối không được cho ngan sục nước. Chị vẽ ra một viễn ảnh sáng ngời: Tôi mang trên vai một chiếc cuốc nhỏ, lùa đàn ngan ra bãi Máy Tơ...

Nhưng tất cả kế hoạch của chị cũng chỉ hoàn toàn là kế hoạch của một nhà thơ. Hoặc kế hoạch mang tính khả thi đấy nhưng không thực thi được vì người thực hiện lại

là tôi. Tuy nhiên về một mặt nào đấy những kế hoạch của chị cũng mang lại tác dụng. Nó làm chúng tôi ấm lòng. Nó giúp chúng tôi có thêm nghị lực sống, vượt qua được những ngày nào cũng dài đằng đẵng¹ ấy. Chúng tôi vẫn có những người bạn để chia sẻ. Điều đó giúp chúng tôi bền gan hơn trong tồn tại.

Thế nào mà khi được đi làm trở lại, tôi lại về Quốc doanh đánh cá Hạ Long, nghĩa là về cùng xí nghiệp với Nguyễn Thị Hoài Thanh. Ông Hoàng Hữu Nhân nguyên bí thư thành ủy Hải Phòng, khi đó là tổng cục trưởng tổng cục Thủy sản đã cứu tôi, quyết vượt qua mọi trở ngại, những mưu toan ngấm ngấm công khai của những người có thể lực khác tìm mọi cách không cho tôi trở lại với cơ quan xí nghiệp nhà nước.

Tôi làm văn phòng. Còn chị Thanh làm ở phân xưởng, tổ ắc quy, ngành điện. Trong sổ tay tôi còn ghi lại một buổi sáng xuân, tôi đứng trên mũi một con tàu đang xảm lại mặt boong. Trời xuân, không mưa bụi nhưng mát mịn da mặt. Phía bên kia sông, những cây sù lá xanh thắm. Chân trời, những đám mây xuân tầng tầng lớp lớp. Và gió. Gió từ biển thổi vào, không mạnh, chỉ đủ giục già lên đường. Người thuyền trưởng đứng sau tôi. Anh ôm tôi, nhắc bồng tôi lên. Rồi lại đặt tôi xuống mặt boong.

Từ phía đầu cầu cảng chạy vào một chiếc xe rùa, một loại xe chạy bằng ắc quy, êm không một tiếng động. Trên

¹ Tên một tác phẩm của K. Simonov

xe, mấy cô công nhân tươi cười rạng rỡ. Thuyền trưởng bỗng rời vòng tay ôm tôi, nhao ra lan can: “Cô Thanh ơi, chúng tôi thay ác quy đấy nhé”. Lúc bấy giờ tôi mới để ý là Nguyễn Thị Hoài Thanh đang ngồi trên xe. Quần áo bảo hộ lao động rộng thùng, chiếc mũ lưỡi trai, khuôn mặt chị ngời ngời giữa những món tóc bị gió thổi bay dập dờn trên mặt trên má trên miệng cô công nhân ngồi đằng sau chị. Chị nói như hét:

- Chưa thay được cho anh đâu.

Chiếc xe vẫn giữ nguyên tốc độ, vượt qua chỗ chúng tôi. Thuyền trưởng kêu to:

- Sao lại chưa ?

Chiếc xe đã ngoặt về phía cổng cảng. Vọng lại một câu trả lời của chị nhưng nghe không rõ. Chiếc xe đã biến mất. Nó lướt qua không một tiếng động. Như chưa hề đi qua đây. Một thủy thủ nói:

- Cô Thanh được đẩy thuyền trưởng ạ

Thuyền trưởng cười:

- Già rồi.

Anh thuyền viên kêu to với đám thủy thủ đang trầu cáp, chuẩn bị cho một chuyến biển mới:

- Thuyền trưởng chê cô Thanh già các cậu ơi!

- Tớ già chứ không phải cô Thanh. Hiểu chưa ?

Tất cả cười giòn.

Năm ấy Nguyễn Thị Hoài Thanh còn đang tuổi ba mươi. Thời con gái chị vốn xinh đẹp. Nhất dáng nhì da. Chị được cả hai. Nhưng hồng nhan đa truân. Hai lần kết hôn, hai lần li dị. Vẻ đẹp của tuổi ba mươi đang chín. Cái sắc đẹp không chủ đã gây cho chị biết bao khó khăn, nhiều khi cả nguy hiểm nữa.

- Người ta cứ coi tôi là con mụ Hến anh ạ.

Chị nói vậy và cười hồn nhiên:

- Ngày ấy mình còn màu mỡ.

Sau này khi đã lục tuần, ngồi ôn lại cuộc đời, chị nói với tôi như vậy. Và cũng như cô Hến, cái đám Nghêu, Sò cũng toàn là các hàng chức sắc nên rất nguy hiểm. Thời gian chị còn làm thợ điện ở công ty X, chỉ vì không chịu bắt tay ông trưởng phòng của chị mà chị không được chấm công, không có lương, dù ngày ngày vẫn đi làm với các đội, dù chị đã lấy đầy đủ xác nhận của các đội sản xuất. (Bắt tay là chuyện bình thường, nhưng đây lại là một kiểu ra đụng vào chạm, một kiểu lợi dụng của ông trưởng phòng mà chị biết quá rõ). Và sự việc không dừng ở đấy. Chị ở tập thể, nghĩa là một nửa gian phía ngoài, còn nửa gian phía trong là kho dụng cụ (toàn cuốc xẻng). Một trưa đi làm về, chị thấy buồng chị bị khóa. Bé Đan, con gái chị đang ngồi khóc ở cửa. Người ta giải thích cho chị hiểu rằng không phải người ta khóa buồng chị mà người ta khóa kho dụng cụ, bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa. Chị gặp người này gặp người khác. Chị đấu

tranh. Khi cứng rắn. Khi mềm dẻo. Lúc pha cả hài hước. Mãi khuya ông trưởng phòng mới hạ lệnh mở khóa cho chị vào buồng.

Thế rồi khi ông chủ nhiệm công ty cũng muốn đến với Hến và bị Hến cự tuyệt thẳng thừng mới thật gay go. Lại một chiều đi làm về, vừa bước vào khu tập thể, bé Đan đã mếu máo chạy ra:

- Mẹ ơi. Nhà mình toàn bàn ghế thôi, con không nấu được cơm đâu.

Chị đứng lặng. Cái ô con con hai mẹ con vẫn chui ra chui vào cửa vẫn mở nhưng chặt cứng bàn ghế. Chị đã hiểu. Người ta quyết không cho chị ở mấy mét vuông này. Chị thì thảo với con gái:

- Mẹ con mình khiêng sang nhà bác chủ nhiệm nhé. Thật khế. Đùng để ai biết.

Lúc đó đã tối. Giờ ăn cơm của cả khu tập thể. Bụng đói, bé Đan cùng mẹ khiêng từng chiếc bàn chiếc ghế sang nhà ông chủ nhiệm. Nhà ông ta rất rộng. Sân. Gian ngoài. Gian trong. Hai mẹ con đặt những đồ mộc ấy ở gian ngoài. Năm chuyển. Sáu chuyển. Bảy chuyển. Đói. Im lặng. Thở. Như một trò tinh nghịch. Nghe rõ tiếng trò chuyện từ gian trong. Ngửi cả mùi cơm trộn mì, mùi canh dưa chua ngào ngọt bốc ra. Khiêng gấn xong thì bị lộ. Ông chủ nhiệm quăng bát cơm chạy ra. Gầm lên:

- Cô Thanh! Làm trò gì thế này?

- Tôi sẽ lập biên bản. Cô đúng là một người quá thể. Không còn coi ai ra gì!

Ông hét không thành tiếng. Cả khu tập thể vốn dĩ đói nghèo sự kiện, đói nghèo trò giải trí, bỏ dở bữa cơm đồ xôi tới. Mọi người trong gia đình ông kêu thét âm ỉ. Như một dàn đồng ca.

Nguyễn Thị Hoài Thanh tươi cười lễ phép:

- Báo cáo chủ nhiệm, tôi đi làm về thì thấy sổ tài sản xã hội chủ nghĩa này trong nhà tôi. Tôi không hiểu ai vất vào. Đây là bàn ghế chứ ngộ nhờ thuốc phiện thì có nguy hiểm cho tôi không. Cho nên tôi phải trình với chủ nhiệm. Hai mẹ con tôi dù chưa ăn, bụng đói cũng cố động viên nhau khiêng sang. Chả lẽ lại vất ra ngoài sân. Tài sản xã hội chủ nghĩa không thể thế được. Phải bảo vệ. Nên chỉ còn mỗi cách khiêng sang nhà thủ trưởng.

Hoài Thanh thẳng. Thẳng oanh liệt. Sau trận thẳng chị hiểu rằng không thể nào ở lại công ty được, phải tìm cách chuyển thôi. Trong lúc giao thời thất nghiệp ấy, một người bạn rủ chị đi bán than cùng ông ta. Mừng như bắt được của. Không phải “*một gánh càn khôn quấy xuống ngàn, hỏi rằng chi đó gửi rằng than*” mà là mua than của mậu dịch rồi xe đổ cho các nhà. Thứ than cám đã nháo bùn để người ta *chim chim* lại cho và bếp lò. Than trộn bùn ướt nặng như đá. “Ông Hạp ơi! Khiêng hộ tôi lên bàn cân với!” “Ông Hạp ơi! Đẩy hộ cái xe vào đây!” Tiền thì chia đôi mà chốc lại ông Hạp ơi, ông Hạp ơi. Xe than

đi đổ cũng lắm chuyện bi hài. Chuyển xe đầu tiên thế nào lại quành đúng vào khu nhà tập thể của chị. Chị lo lắng: “Ông Hạp ơi. Đổ cho nhà ai thế này?” Hóa ra đổ cho nhà ông chủ nhiệm. Chính vợ chồng ông chủ nhiệm cũng ngạc nhiên. Cô Thanh bây giờ đi làm cái này à? Vâng. Báo cáo chủ nhiệm, việc gì tôi cũng làm để có tiền nuôi mình nuôi cháu. Hắn ông chủ nhiệm cười thâm trong lòng: Chiến thắng là thế đấy hử cô Thanh? Cứ chiến thắng nữa đi. Chị không xấu hổ về tư thế chiến thắng của chị, cái tư thế nhếch nhác đầy vẻ thất bại của chị. Chị biết thừa câu nói không thành lời của chủ nhiệm: Cô đã thắng tôi. Nhưng cô đã thấy cái giá phải trả cho chiến thắng của cô là thế nào chưa? Chị chỉ tự hỏi: Ông chủ nhiệm hả lòng hả dạ hẳn rồi, nhưng không biết ông có còn chút lòng trắc ẩn?

Thật ra tự đáy lòng, chị cảm thấy ngượng. Không chỉ trong lần xe than đổ cho ông chủ nhiệm. Còn nhiều lần khác. Hôm đầu tiên đến bãi than phố Đà Nẵng với ông Hạp chị đã ngượng rồi. Hôm ấy chị đi đôi giày da cũ của một người bạn cho chị, đôi giày rõ ràng là quá rộng. Cánh thanh niên có mặt ở bãi thấy một phụ nữ trẻ trung xinh đẹp đẩy xe vào bãi, reo hò:

- Chào em gái xinh đẹp.
- Anh đã bảo em cứ ở nhà rồi anh mang tiền về, sao em còn ra đây làm gì? Nhớ anh quá hả?
- Ái chà! Lại đi giày bốt tin!

Lại một hôm đang đẩy đàng sau, thấy ông Hạp cầm cang nguyệt vào nhà một cô bạn, chị vội đội lên đầu cái khăn mặt tùy thân đen nhem cho nó phủ kín trán, kín hai gò má và kéo sụp nón xuống che hết mặt. Chị bạn quát:

- Xe đổ vào góc trong cùng ấy. Góc bên phải cơ mà. Không nhìn thấy gì à? Bẩn hết bếp rồi. Mấy tạ đấy?

Nguyễn Thị Hoài Thanh không nói một lời đến nỗi chị bạn gắt lên: “Câm đấy à?” Chị bạn không nhận ra chị vì chị đúng là “một con mụ bán than đen thui thúi” từ nón đến giày bốt tin!

Vừa xe than, chị vừa đi tìm việc. Nhưng khi chị tìm được việc làm bên Quốc doanh đánh cá Hạ Long, người ta lại không cấp giấy giới thiệu cho chị mặc dù họ bảo chị nghỉ việc để liên hệ chuyển công tác. Chị, chẳng quen ai, không biết trông cậy vào ai, đi lên sở lao động tìm gặp bằng được ông phó giám đốc. Ông phó giám đốc ủng hộ chị. Có áp lực của sở lao động, chị được cấp giấy giới thiệu, được đi làm bên Quốc doanh đánh cá Hạ Long. Nhưng người ta lại vin vào việc chị đã chuyển công tác để trục xuất chị khỏi khu tập thể. Một cuộc họp lãnh đạo công ty với khu tập thể có mời cả công an hộ tịch dự. Lập biên bản. Ra nghị quyết...

*

Hình như Nguyễn Thị Hoài Thanh sinh ra là để gặp những rắc rối, chịu đựng những rắc rối và vượt qua những rắc rối khó khăn. Chịu đựng và vượt qua một cách thân nhiên bình tĩnh, không kêu ca như cuộc đời vốn là như vậy.

Tốt nghiệp trường công nhân kỹ thuật Hải Phòng, chị ghi vào mục nguyện vọng: Tình nguyện đi bất cứ nơi nào trừ Hà Nội, Hải Phòng. Bởi vì lúc đó chị vừa li dị và mới sinh cháu gái đầu lòng. Bà mẹ trẻ tuổi hai mươi ấy không muốn gặp lại người chồng cũ và chỉ mong được yên tĩnh ở một nơi nào đó. Cầu được, ước thấy. Chị được về Cẩm Phả, coi một trạm điện đầu trục 2 thuộc mỏ Lộ Trí. Chị và cháu gái mới sinh ở ngay trạm, liền với *nhà để bê rộng* thênh thang, *nhà để bê* đã có người chết ở đó. Ngày ấy nơi đây là chim kêu vượn hú. Ngày ấy hai mẹ con suốt đêm nghe gió thổi qua mái *nhà để bê*, nghe mưa rơi, nhìn nước đổ như thác cuốn cuộn bên ngoài trạm...

Thế rồi từ Cẩm Phả chị lại về Hải Phòng khi sóng gió trong lòng đã dịu. Rồi chị sang Kiến An. Chị về Vĩnh Bảo. Có biết việc gì không trải qua. Hãy kể những việc chính: Công nhân xi măng, thợ điện Hải Phòng Điện khí, thợ điện công ty xây lắp, công nhân bóc lạc công ty xuất nhập khẩu, đứng máy bào cuốn xí nghiệp gỗ Trương Công Định, công nhân công ty xếp dỡ, cấp dưỡng công ty vật liệu kiến thiết, súc sặc ác quy Quốc doanh đánh cá Hạ Long... Đó là chưa kể còn đi giao bánh rán, bánh mì,

kẹo lạc, làm và bán nước mắm... Đồng lương không đủ nuôi mình mà chị còn phải nuôi con. Cuộc sống tưởng chừng không có thời gian để thở, đó là chưa kể những chấn thương tinh thần sau hai lần li dị, ấy thế mà Nguyễn Thị Hoài Thanh vẫn làm thơ.

Cô gái ngay từ nhỏ đã có khí chất con giai này thực chất là đa cảm. Năm 13 tuổi bài văn xuôi đầu tiên được in trên báo *Thế Kỷ*. Năm 16 tuổi gửi thơ lên báo. Bài thơ không được in vì không chịu sửa theo ý biên tập. Bài thơ đầu tiên của chị được in trên báo *Văn học*, cơ quan của Hội Nhà văn là bài *Lán Mông Giăng* (1961). Đắm mình trong những vất vả khó khăn của công việc, của một mình nuôi con nhỏ, của mối tình đầu tan vỡ, chị nghĩ tới một khung cảnh đầm ấm có vợ có chồng và trong khi chị đang nằm ở lán Mông Giăng này, có một người ngoài kia nghĩ về chị và nói với mọi người *xin chớ ồn ào, để em tôi ngủ*.

Em tôi nào ngủ được. Bởi cô đơn. Bởi hoang vắng. Bởi nhà để bê tối om từng có người chết ở liền bên. Bởi những tia chớp rạch trời thoát hiện những khóm lau chìm trong bóng tối. Bởi bỗng một cánh tay đen sì từ nhà để bê thò vào cửa sổ (một công nhân lò Lộ Trí lên gọi điện thoại báo tin máy hỏng). Bởi bé Đan viêm họng sốt cao. Không ngủ được thì cứ nằm mơ ước...

Nguyễn Thị Hoài Thanh làm thơ như một nhu cầu nội tâm. Chị làm thơ để trang trải nỗi lòng. Có một điều ngạc

nhiên: Cuộc đời chị biết bao sóng gió mà thơ chị hồn nhiên trong trẻo thế. Chị có tài nhìn trong đổ vỡ để thấy được một cái gì vẫn là ấm áp như trong bài *Bão tan*:

*Cây trụ lá màu chiều say sắc trắng
Hàng giậu xô làng xóm xích gần nhau*

Ngày tháng để dưới bài thơ này là năm 1967, nghĩa là lúc *Thị Hến* đang lâm nạn đuối nhà.

Có lẽ đó không phải là cái tài của chị, mà chính là tâm hồn chị. Độ lượng, tha thứ, chịu đựng, vượt qua mọi gian lao và lúc nào cũng hướng về cái đẹp. Đọc lại những bài thơ của chị in rải rác trên các báo và tạp chí *Văn học*, *Văn nghệ*, *Văn nghệ Quân đội*, *Cửa Biển* và một vài tuyển tập, tôi lại có một “phát hiện” mới: Chị yêu Hải Phòng biết bao! Một Hải Phòng với những thành kiến, những trù dập, những nhọc nhằn kiếm sống, một Hải Phòng với những cuộc li hôn. Nhưng cũng là một Hải Phòng của thời thơ ấu, của những kỷ niệm không quên với bạn bè, của khát vọng vươn tới cái đẹp. Hải Phòng có bốn chiếc cầu ở bốn cửa thành phố thì hai chiếc đã nằm trong thơ Nguyễn Thị Hoài Thanh: Bài *Cầu Xi măng* và bài *Chợ Cầu Rào*.

Bài *Cầu Xi măng* như một bức thư gửi người anh trai đang sống ở Mỹ, ông Nguyễn Xuân Vinh. (Cũng không sợ lạc đề nếu nói ở đây rằng ông Vinh là một nhà bác học lớn của NASA mà báo *Lao Động* đã viết một bài dài

giới thiệu, ông đã từng chủ trì nhiều hội nghị không gian toàn thế giới. Trong cuốn tùy bút *Theo ánh tinh cầu* của ông có đoạn: “Cuốn sách tôi viết nói về quỹ đạo thu hồi một cách an toàn những phi thuyền không gian. Nhà xuất bản trước khi nhận in đã đưa bản thảo để lấy ý kiến của nhiều nhà khoa học. Tất cả đều đồng ý đây là cuốn sách độc nhất, với trình độ khoa học cao nhất viết về đề tài này”. Không sợ lạc đề vì ông Vinh là nguyên nhân gây ra cái dư luận Hoài Thanh là em ruột Nguyễn Cao Kỳ).

Anh đã xa cầu xi măng

Ba mươi năm từ đó

Xa con sông quê nước lợ

Anh có mơ một lần

sóng vỗ giấc mơ anh

Cầu xi măng ơi cầu xi măng

Thuở bé em nhìn sang bên sông

Trời đất một vùng chim bay chim lượn

... Mẹ ơi cầu có tự bao giờ ? em hỏi mẹ

Mẹ bảo tuổi cầu cùng với tuổi anh...

Còn đây là bài *Chợ Cầu Rào* chị khóc người em trai Nguyễn Xuân Đăng mai táng ở nghĩa trang Ninh Hải (từ thành phố Hải Phòng phải đi qua Cầu Rào mới tới).

Em nằm bên kia sông

Chợ Cầu Rào chiều hôm nắng tái

*Qua chợ dùng dằng
nửa muốn đi nửa toan ghé lại
Định mua quà cho em nhưng nào biết mua chi*

*Em nằm ở bên kia
Bên đây chợ lao xao kẻ mua người bán
Chỉ một thứ chẳng ai cần bán mua là nước mắt
Em mặc cả với đời mang nó đi theo*

*Em nằm bên kia sông
Chợ Cầu Rào chiều hôm nắng tái
Đến thăm em chẳng cần vội vã
Ở nơi đó bao giờ cũng có thể có em
Đến thăm em rất cần vội vã
Ở nơi đó bao giờ cũng không thể có em*

Bài thơ chị làm trên đường sang nghĩa trang trong buổi sáng một ngày sau khi mai táng mà ta gọi là đi *quơ* mộ.

Không phải chỉ những cây cầu dính dáng đến những người thân mới làm Nguyễn Thị Hoài Thanh xúc động. Hải Phòng là thành phố của hoa phượng. *Tháng năm rợp trời hoa phượng đỏ* (Hải Như). *Hoa như mưa rơi rơi* (Thanh Tùng). Tôi nghĩ bài *Hoa Phượng* của Nguyễn Thị Hoài Thanh là một trong những bài đặc sắc nhất về đề tài này:

*Hoa rong chơi từ mùa thu năm ngoái
Hôm nay nghe phố gọi rủ nhau về*

*Gió đã mở nắng đã vàng đã chín
Hồn đã say chân đã bước đĩnh ninh
Trong ngất ngây như có ai cuối phố đợi mình
Ai hát nữa điều gì thao thức lạ*

*Hoa khờ dại cháy mình trong nắng hạ
Để thu về tan tác cả lòng ai*

Hình như một kỷ niệm đang trở về cùng chị. Hoa phượng đã làm chị nhớ lại.

*Trong ngất ngây như có ai cuối phố đợi mình
Ai hát nữa điều gì thao thức lạ
Lại nghĩ đến hai câu thơ của Thi Hoàng:
Một đầu đường không có ai trông ngóng
Một buổi chiều không biết cất vào đâu*

Để thấy những ngày Hoa Phượng ấy của Nguyễn Thị Hoài Thanh là như thế nào. Rồi chị thương hoa khờ dại cháy mình. Và lại thương ai. Tôi cứ nghĩ rằng chị tự thương mình. Chị thương chị. Hình như chị đã yêu, tình yêu chỉ tồn tại có một mùa hoa phượng. Nó đã qua rồi. Cùng phượng. Tôi lặng người khi đọc những vần thơ của chị viết về nỗi cô đơn:

Sau hồi kể tan ca

Tôi ngã vào vòng tay lạnh lẽo của mùa đông

Tan ca. Ra về. Chỉ lạnh lẽo một mùa đông chờ đợi. Bởi vậy khi có người hẹn đến chơi, niềm vui tràn lên đầu lưỡi, không có ai để chia sẻ, mà không thể không trò chuyện. Thì *Nói chuyện với mèo:*

Mèo ơi! Mèo có biết

Có người sắp đến thăm ta

Thời gian đợi bạn không phải là thời gian vắn đến và vắn đi nữa:

Ngày phập phồng như thể có tâm hồn

Đêm trần trọc đợi mặt trời thở gấp

Bạn đến. Bạn tâm sự. Rồi bạn đi. Ngay cả con mèo chị nuôi vẫn quanh quẩn bên chị cũng nhảy sang nóc nhà hàng xóm với bạn nó. Thì chị tâm sự với mình. Với cây. Với hoa. Điều ấy chị đã quen rồi. Chị thương yêu tất cả. Chị thương cả con bò người bạn chị dắt đi trên đường phố. Chị chào người bạn chăn bò vất vả để thêm vào đồng lương hưu ít ỏi rồi chị trò chuyện với bò. Chào bò bằng một cái nhìn nhưng bò chẳng nhìn đáp lại:

Có lẽ chú tưởng tôi là gốc cây

Với tâm hồn gỗ

*Hay ngỡ tôi là cột điện
Trái tim sỏi trộn xi măng*

Chị thương móng chân bò dẫm trên đường nhựa,
thương đôi tai bò không được nghe tiếng hát cỏ xanh. Và
không chào bò bằng mắt nữa, chị cất thành lời:

Chú bò ơi!

Chú đi như tù binh

Đi về đâu

tới lò sát sinh hay ra đồng ruộng

Đi về đâu

tới ngã ba đường tôi với chú chia tay

Đi về đâu

tôi biết rồi đấy nhé (..).

Người rủ rỉ tâm tình là thế. Nhưng bò vẫn đi. Vẫn không chịu tham gia vào cuộc đối thoại với người.

Người đi. Mèo đi. Bò đi. Có chân là đi. Chẳng chịu nghe chị, trò chuyện với chị. Thì chị trò chuyện bầu bạn với những gì không đi được. Từ ngày chuyển về Quốc doanh đánh cá Hạ Long, làm việc súc sặc ắc quy (một công việc rất độc hại) chị có một người bạn mới: Sông Cẩm, dòng sông có “những cánh bướm nâu không địa chỉ”:

*Sông Cấm ơi! Sông như người bạn mới quen
Thân thiết thế mà sao không hiểu được
Chiều tan ca tôi đi bên dòng nước
Sông với tôi với bóng là ba
Bóng tôi nghiêng với bao la
Sông mang về biển
Bóng tôi còn nguyên vẹn không sông ?*

(Xin mở một ngoặc đơn: Mong ước mình là mình, điều ấy là của nhiều người. Nhưng mong ước cái bóng của mình còn nguyên vẹn khi dòng sông đã mang ra biển thì có lẽ chỉ có Hoài Thanh).

Hơn mười năm sau, vẫn cái nhìn ấy với sông, với cây và với phố. Lần đầu tiên thân gái dặm trường, bước chân vào cao nguyên Đắc Lắc, tối rồi, chưa có chỗ nghỉ lại không một người quen, chị đã có ngay một người bạn mới: Một phố nhỏ giữa cao nguyên hùng vĩ. Không những thế chị còn nhận diện được người bạn này, nó giống ai, bao nhiêu tuổi:

*Phố như con của mùa Đông
Vừa mới sinh ra ban nãy*

Chị tới cao nguyên tìm đường đưa con gái và cháu ngoại vào sinh sống. Cũng như chị ngày trước, con gái chị đã li dị. Chị đi nhờ xe vào “trình sát” rồi ra Hải Phòng trông cháu cho con gái vào gây dựng cơ sở. Tôi chép lại

toàn bộ bài *Cháu Liên Chi* để thay cho những lời dài dòng của tôi về thời gian chị đã làm bà:

*Bố mẹ chia tay từ đó
Về đây cháu ở với bà
Hai gian chông chênh đầy gió
Sớm chiều bà cháu vào ra*

*Đêm gối tay bà cháu hỏi
Mẹ sao đi mãi đi đâu
Thương cháu lựa lời bà nói
Thương bà cháu vuốt tay đau*

*Cha cháu giờ này ở quán
Mắt ngầu be rượu chênh chao
Tình thương cạn kiệt đáy cốc
Môi khô triết lý khô theo*

*Mẹ cháu miền Nam xa lắc
Suất tàu dành cả đời bà
Nửa đêm nhọc nhằn tráng bánh
Sáng còn đi chợ đường xa*

*Bao giờ mẹ cháu gửi ra
Suất tàu cho hai bà cháu*

*Bấy giờ lại được ra ga
Tay xách làn tay dắt cháu
Bóng bà bóng cháu nương nhau*

*Miền Nam có thương thì đợi
Tuổi bà mới ngoài năm mươi*

Năm ấy chị mới ngoài năm mươi. Năm nay chị đã ngoài sáu mươi rồi. Không thể tay xách làn tay dắt cháu, bóng bà bóng cháu nương nhau được. Một tai nạn ô tô đã làm chị tàn phế một tay. Tai nạn xảy ra ngay Ngã Sáu, gần nhà tôi. Chị nằm ngất trên đường mưa dầm ngày Tết, mặt đường nhựa sên sệt một thứ nước bùn hoa. Cánh tay dập nát, xương gãy. Nhưng không thể bó bột vì bùn hoa dính vào thịt gây nhiễm trùng dẫn đến hoại thư. Hàng ngày bác sĩ làm vệ sinh vết thương bằng nước, bằng ô xi già và lấy kéo cắt đi những mẩu thịt nhiễm trùng. Chị cắn răng chịu đựng. Lại còn nhớ đến một truyện ngắn của Nguyễn Công Hoan khi nghĩ rằng mình bị tàn tật cả đời: *Cái vốn để sinh nhai*. Nhớ lại để cười. Bởi vì từ nay chị cũng có cái vốn như người tàn tật ấy.

Chị bảo người nhà xin cho người tài xế đã gây ra tai nạn khỏi bị truy tố “vì người ta không cố ý, người ta cũng khổ như mình”. Chị gần như không nhận tiền nong quà cáp của bè bạn, của những người thân. “Bởi vì anh ạ, nợ ân tình làm sao tôi trả được”. Ban đêm chị

tự phục vụ dù một tay đã dập nát. (Hai đứa con gái, một mới sinh, một sắp ở cữ, chị bắt chúng phải về nhà). Chị bảo chúng mang cho chị mỗi ngày ba cặp lồng cơm và muối vừng để chị ăn vào ba bữa sáng, trưa, chiều. Nằm gần như bất động, chị xúc từng thìa. Ăn như một nhiệm vụ, như một người cần hồi phục, cần phải sống. Như một cái gì phải vượt qua. Những cô con gái nhăn nhó hỏi mẹ:

- Con hỏi bác sĩ rồi. Mẹ không phải kiêng gì cả. Sao mẹ lại cứ ăn vừng ?

- Mẹ thích ăn vừng. Chị nói vậy. Bởi chị biết các con chị đang rất khó khăn. Chị thương chúng. Chúng là cuộc sống của chị. Ngày chúng còn thiếu nữ, nhìn chúng cắp sách đi học hay nằm ngủ bên nhau, một nỗi sợ trào lên trong lòng chị khi chị nghĩ đến một ngày chúng mồ côi mẹ:

*Rồi mai đây khi mẹ vắng ít ngày
Các con ơi đêm mùa thu gió lạnh
Ngủ nhớ đắp tấm vỏ chăn cho ấm
Cửa sổ mở ra cho thoáng gió nghe con
Biết bao lo âu lòng mẹ ngày đêm
Từ khi các con còn là giọt sương trong lòng mẹ
Nếu như mẹ ra đi khi chưa kịp làm bà
Thì đêm đêm mẹ vẫn ru những đứa cháu ra đời
trong giấc mộng*

Tình thương lớn không thể đo bằng năm tháng (..).
(..). Đừng khóc con ơi!

Mẹ ra đi như đêm tối
Bước lặng thẫm như thể bóng đêm trôi
Mẹ lại về trong tiếng chim rơi
Trong làn khói cơm thơm lửa reo bếp nhỏ
Lời mẹ chuyện trò lao xao trong lời gió
Bóng mẹ ra vào trong bóng lá xanh tươi
Có những món nợ nần mẹ phải trả bằng đời
Một bài thơ về cầu xi măng
Chiếc cầu tuổi thơ đưa mẹ qua con sông nhỏ
Một cây muống con trồng
ngọn trườn lên cửa sổ
Lá tay xinh quấn quít song tre...

Thật may. Chị nghĩ. Bánh xe chỉ lăn qua bắp tay. Nếu nó lăn thêm một chút nữa sẽ đè dập ngực chị. Chị sẽ chết. Và nếu vậy các con chị thừa hưởng những gì ở chị?

Không có gia tài để lại cho con
Chỉ có nước mắt rơi và ngày vui chưa trọn
Và thơ cười
đi suốt những đêm đau

*

Nguyễn Thị Hoài Thanh đã xuất viện. Chị vẫn sống. Vẫn vào Nam đi mót. Vẫn ra Bắc nâng giấc phụng dưỡng mẹ già chín mươi tuổi bằng một tay duy nhất còn lành lặn. Chị sống dai dẳng. Hài hước. Khỏe mạnh. Và vẫn làm thơ. Đời Nguyễn Thị Hoài Thanh chưa lúc nào yên tĩnh. Tuy vậy chị vẫn có thời gian nghĩ đến *Kiếp sau*:

Kiếp sau nếu được làm chim

Tình thương dang dở bay tìm nơi nơi

Giương cung

đừng nhé người ơi

Vết thương thở trước luân hồi còn đau.

14-1-1999

Quyển sách tặng Đình

Có những lúc không muốn gặp bất kỳ ai, kể cả những người bạn đã từng chia sẻ mọi chuyện vui buồn. Và hình như bạn cũng vậy. Gặp. Nhìn. *Những cái nhìn cày nát cả mặt nhau.* Như thơ Thanh Tùng. Còn nói? Nói gì? Vốn đều rất trung thực nên lại càng không thể mở miệng. Thậm chí hỏi thăm tình hình vợ con bạn sinh sống ra sao cũng không muốn. Hỏi làm gì? Thừa biết sống khó khăn. Hỏi làm gì khi không thể giúp được nhau. Vật chất đã hằn. Một câu động viên thôi cũng không thể cất thành lời. Bởi vì bạn cũng như mình đều quá hiểu, quá thuộc những cụm từ loại ấy.

Riêng tôi một thời gian dài khi lên Hà Nội còn ngại gặp bạn vì một lý do khác nữa. Nhà các bạn tôi trên ấy bao giờ cũng là nơi lui tới của những người làm báo, những người viết văn, những đạo diễn, diễn viên, những người làm nghệ thuật, nghĩa là những văn nhân tài tử. Câu chuyện của họ, giữa họ hoàn toàn xa lạ với tôi và nếu vẫn có một liên hệ gần gũi nào đó thì ở chỗ nó chỉ rõ cái chết của tôi, tôi chỉ còn là một cái xác biết ăn uống đi lại...

Ở nhà Hứa Văn Định nhiều lần tôi đã ngồi im trên chiếc ghế đặt lạnh ở một nơi nghe họ nói. Những câu chuyện về nghệ thuật, những câu chuyện về những người làm nghệ thuật, toàn những điều cao siêu.

Họ nói và hoàn toàn không để ý đến sự có mặt của tôi dù Định đã giới thiệu tôi với họ. Cái tên tôi, cái địa danh Hải Phòng chẳng gợi một ý niệm gì. Tên người, tên đất ấy đầy tính vô danh tinh lẻ. Sự có mặt của tôi cũng chẳng hơn một củ khoai trong đồng khoai mới rở ở đồng đất Thái Bình người ta mang lên tặng Định.

Tất nhiên tôi buồn. Ý nghĩa của sự tiêu diệt thật thấm thía, trọn vẹn, hoàn hảo. Chắc chắn Định biết những gì tôi đang nghĩ. Anh vẫn tiếp chuyện những khách của anh sôi nổi vui vẻ và thỉnh thoảng lại đưa mắt về phía tôi như muốn nói: Chịu khó ngồi một tí nữa nhé. Thông cảm với mình. Khi khách ra về, Định đối với tôi thật ân cần dịu dàng. Anh lấy rượu Tây ra mời tôi, anh kéo tôi đi chơi phố, vào hiệu giải khát hay ăn cơm tiệm.

Nhà Định ở ngay Cửa Nam, đầu đường Điện Biên Phủ, thuộc trung tâm Hà Nội. Nói cho đúng đó là nhà của bố mẹ vợ anh, trước đây anh vẫn sống trong một phòng của cái biệt thự ấy, chung với cả nhà. Nhưng giờ đây anh đã có một gian riêng cho mình. Một gian xây trên ô đất ngăn cách đường phố với tường nhà, một ô đất chạy ngang đầu hồi ra tới tường bao làm cho ngôi nhà trở thành biệt thự. Ngăn mới xây ấy ngay đầu cổng, hoàn toàn riêng biệt. Đặt một bộ xa-lông song mây với nhiều ghế con để có thể chứa thêm, tiếp thêm, mời ngồi thêm những người mới đến, những người đến sau... Một cái giường liền đó, rồi một cửa hậu đi ra một mảnh sân rộng hơn chiếc chiếu còn nguyên một cây cổ thụ. Và cuối cùng là một cái toa-lét rất hẹp. Dù nước cực kỳ khan hiếm, Định cũng không cho tôi đánh răng rửa mặt ở nơi công cộng phía trong. Anh chịu khó hắt nước, xách nước từ vòi nước chung trong ngôi nhà đang trĩu xuống vì tải trọng các hộ, các khẩu, cái vòi nước rỏ từng giọt lúc ban ngày và chỉ về đêm mới có nước chảy, xách từng xô vào cái toa lét sơ sài cho tôi dùng. Một kỳ công.

Vốn là người giao tiếp rộng, lúc nào cũng có chèn móc câu cũng như thuốc lá và nhiều khi cả Johnnie Walker nữa nên nhà Định rất ít khi vắng khách. Anh là chủ cái vương quốc riêng biệt ấy. Chị Hòa, vợ anh chỉ xuất hiện như một cái bóng khi cần tiếp thêm nước sôi, hay pha vài cốc nước mát. Hoặc bưng mâm lên cho chồng ăn cùng

với khách. Chúng tôi có nói lời cảm ơn về sự chăm sóc của chị đối với chúng tôi, hoặc trêu chòng chị, chị chỉ cười. Tôi ít thấy nụ cười nào hiền hậu đầm ấm đến thế như nụ cười của chị.

Ngày ấy Hứa Văn Định in nhiều. Nhưng anh không tặng tôi sách và cũng không đưa cho tôi xem bản thảo. Anh biết tôi không thể nào đọc được dù là sáng tác của anh. Chỉ bắt đầu từ *Sống trên điểm chết* anh mới tặng sách tôi đều đặn. Hình như anh biết tôi đã *tập đọc* trở lại. Tôi đọc một mạch hết quyển truyện. Với tôi đó là một trong những quyển tiểu thuyết hay nhất những năm 80, một trong những thành tựu xuất sắc trong thời kỳ bắt đầu đổi mới, nó báo hiệu rằng sẽ có những *Nỗi buồn chiến tranh*, *Mảnh đất lắm người nhiều ma*, *Bến không chồng*. Thời gian ghi khi Định hoàn thành quyển tiểu thuyết: 1986. *Sống trên điểm chết* được nhà xuất bản Giao thông vận tải in lần đầu với số lượng 15.000 bản, một *tirage* bây giờ nằm mơ cũng không thấy. Đã lâu lắm rồi văn chương Việt Nam mới có một quyển tiểu thuyết nói về chiến đấu, về đời sống, về quan hệ giữa người với người một cách chân thực đến thế.

Quyển tiểu thuyết viết về những cô gái thanh niên xung phong đảm bảo giao thông trong chiến tranh chống Mỹ ở Trường Sơn. Và những ngày hòa bình sau đó. Những cô gái hy sinh. Những cô gái còn sống khi gặp một chàng lái xe rú nhau lảng đi *cho con Tuy kiếm tí*. “*Nhưng mà đây*

chúng em gọi là hạnh phúc. Hạnh phúc của những người biết hạnh phúc chẳng bao giờ đến với mình nữa, kiếm lấy đứa con để sau này dựa vào nó mà sống..”. Và ít ngày sau cái cô Tuy ấy reo lên: “Hoa ơi. Tao tắt kinh rồi... Liệu trước đi, chú ngộ nhờ sống được, đến lúc về già lại chỉ trở một mình thì khiếp lắm. Mà chưa biết nổi cái cảnh quá lứa chúng tao..”.

Nhưng quyển truyện đâu phải chỉ có các cô gái. Còn một xã hội phía sau. Những đại tá Tỷ có biệt danh là đại tá nường quân, nịnh hót bợ đỡ, vu cáo thiếu tướng chỉ huy hủ hóa để mình thế chân, đeo quân hàm thiếu tướng. Lần đầu tiên có một quyển tiểu thuyết đề cập đến những vấn đề nhức nhối của xã hội. Một ông bí thư huyện ủy, chủ tịch huyện đồng thời cũng là một Lý Thông. Anh vạch ra cái sức mạnh đồng tiền nó chi phối những suy nghĩ, hành động, thậm chí cả chiếc ghế của những cán bộ cao cấp. Chúng ta đã nghe nói thành vân thành về về bốn người đàn bà, bốn mệnh phụ Hà Nội buôn lậu vàng, kim cương, đô la xuyên quốc gia. Những điều *nhất nọ nhì kia tam này tứ ấy* được mô tả trong *Sống trên điểm chết*. Đành rằng cho đến hôm nay đã có nhiều truyện ngắn truyện dài đề cập đến những tệ nạn xã hội, nhưng hãy nhớ rằng *Sống trên điểm chết* được viết năm 1986. Và lại cái hay của tác phẩm không phải ở đề tài. Nó nằm trong những trang thấm đẫm tình người, chủ nghĩa anh hùng cách mạng trên một mảnh đất nhỏ giữa Trường

Sơn, nơi tám trăm chín mốt người đã ngã xuống, nó đặt ra bao điều suy nghĩ về cuộc sống, một cuộc sống hôm nay ta đang đối diện mà Hứa Văn Định đã gióng lên hồi chuông cảnh báo từ non hai mươi năm trước.

Tôi lật bìa bốn quyển truyện. Kín bìa bốn là những gạch đầu dòng với những tên sách đã xuất bản, tên kịch bản đã được dựng thành phim của Hứa Văn Định. Đến lúc ấy tôi mới biết Định đã in nhiều đến thế. Gặp lại tôi khi tôi đã đọc xong tập sách, biết rằng đây là lúc thuận tiện nhất để nói, anh khuyên tôi:

- Ông viết đi. Tôi nói thật, ông không viết là một sai lầm.

Tôi cười:

- Mình sẽ viết. Đọc ông mình lại muốn viết.

Câu trả lời của tôi làm anh cười đắc thắng:

- Tôi đã nói mà. Thế nào ông cũng lại viết mà. Ông bỏ làm sao được.

Đã nhiều lần Định khuyên tôi viết. Tôi chỉ cười trừ hoặc lắc đầu. Có lần tôi còn khùng lên với anh:

- Thằng gàn. Đất nước này không cần đến văn chương mà cần sự thay đổi.

Định im lặng. Tôi cảm thấy mình có lỗi với bạn:

- Sau những gì đã trải mình không thể đọc được. Đừng nói viết.

Định thở dài:

- Ông hơi cực đoan. Tôi hiểu sự cực đoan của ông. Nhưng ông không thể không viết. Rồi ông xem tôi đúng hay sai.

Cho đến bây giờ, thời gian càng chứng tỏ Định hiểu tôi hơn tôi. Anh nhìn rõ những gì đang chảy trong huyết quản của tôi. Và anh kiên trì thuyết phục nhắc nhở tôi về món nợ đời tôi phải trả. Khi anh xuống Hải Phòng hoặc tôi lên Hà Nội, gặp nhau, thỉnh thoảng anh lại nói gần nói xa tới chuyện tôi phải viết và lần nào anh cũng tìm được lúc thích hợp nhất để nói. Sự rụt rè tế nhị của anh làm tôi cảm động.

Định đánh giá cao khả năng sáng tác của tôi, một sự đánh giá theo tôi, cao hơn thực tế. Nhiều người viết văn, làm thơ Hải Phòng lên Hà Nội đến nhà Định chơi đều được nghe những lời Định nhận xét tốt, thậm chí có phần hơi quá mức về tôi. Họ nói lại với tôi tất cả. Tôi thâm cảm ơn bạn và hơi ân hận về những lời lẽ đôi khi gay gắt của tôi khi cùng anh bàn luận văn chương.

Định muốn tôi viết lại hình như còn vì anh mang một cái gì giống như sự phẫn uất thay tôi. Sự phẫn uất mỗi khi thấy tôi ngồi lãnh ra trên cái ghế ở góc nhà anh, im lặng nghe người ta sôi nổi tranh luận về những điều cao siêu của nghệ thuật. Anh không muốn tôi bị khuất chìm trong bóng tối. Sự phẫn uất mà anh đã một lần bộc lộ ngay ở nhà tôi. Đó là thời gian cuối những năm 70, tôi đã ở tù ra, và nhờ ông Hoàng Hữu Nhân, tôi được đi làm

ở xí nghiệp đánh cá. Chiến tranh đã kết thúc. Hòa bình đã lập lại, đất nước đang đi đến thống nhất (tất nhiên về mặt hình thức, còn nội dung đã thống nhất lâu rồi). Thời gian *miền Nam nhận họ miền Bắc nhận hàng* ấy, phương tiện, thủ tục đi lại giữa hai miền Nam Bắc rất khó khăn, tốn kém. Xí nghiệp tôi làm lúc đó - Quốc doanh đánh cá Hạ Long có vài chục con tàu đánh cá suốt hai miền Nam Bắc, nên thỉnh thoảng lại có người đến nhà tôi nhờ tôi về chuyện đi lại, mỗi khi họ biết có một con tàu sắp vào khai thác tại vịnh Thái Lan hay tới Sài Gòn tiếp dầu nhận cá từ những con tàu bạn.

Hôm ấy Định xuống chơi nhà tôi và anh đã chứng kiến cảnh hai ông khách đến gặp tôi để tìm cách đi nhờ tàu cá. Đó là một người làm thơ đã có thơ đăng báo và một anh thợ ảnh. Anh làm thơ thì biết tôi từ trước, hiểu tôi là một kẻ thất thế đã xa rời văn chương và thật phúc tổ lại được đi làm lợ mợ ở một nơi toàn mùi tanh của cá nên tranh thủ trong câu chuyện xã giao, nói với tôi những chuyện thời sự trong văn chương nghệ thuật khiến tôi rất kính nể và đánh giá anh cao chứ không như hồi trước. (Khi mình bị hất ngã, người ta vẫn cứ tiến. Mình trở thành lạc hậu, đời đúng là như vậy). Và trong chuyện nhờ vả, anh vừa có vẻ tôn trọng vừa có vẻ bề trên, đại loại như thế nào anh Tấn nhỉ, tất nhiên là chúng tôi sẽ có đủ thủ tục, giấy tờ của nhà trường (anh làm thơ là một giáo viên) giấy của chi hội văn nghệ. Anh khâu đầu mối bố trí cho

chúng tôi trực tiếp gặp giám đốc thì rất cảm ơn anh, coi như chúng tôi đi thực tế dưới tàu, thế lại hay đấy anh ạ. Chắc chắn chúng tôi sẽ có thơ, có cả ảnh đăng báo nữa...

Anh thợ ảnh với vẻ của một người khai hóa, giảng cho tôi vì sao các anh lại muốn đi tàu cá. Không phải vì sợ tốn kém hay không lấy được vé, đi tàu thủy Thống Nhất hay đi tàu hỏa cũng được thôi. Nhưng...

Anh rít lên một thứ âm thanh the thé:

- Chúng tôi văn nghệ sĩ mà. Điều ưa thích nhất đối với văn nghệ sĩ chúng tôi là thoải mái mà.

Tôi rất hoang mang sợ hãi. Những tiếng *văn nghệ sĩ mà, thoải mái mà* của anh ở cung bậc cao làm tôi nổi da gà:

- Vâng. Vâng. Các anh có xuống tàu cá thì cũng không phải là hành khách, mà là người nhà. Chỉ riêng chuyện không phải trông nom hành lý cũng đã thoải mái rồi.

Anh thợ ảnh, phải, đúng là một anh thợ ảnh xịn, một thợ ảnh *trăm phần trăm* (sau này tôi đã thấy anh hành nghề ở vườn hoa và một vài cái đám cưới tôi có được mời cũng như đám ma tôi đến viếng), anh thợ ảnh mặt dãn ra khi thấy tôi sớm nắm bắt được cốt lõi của vấn đề, việc khai tâm của anh lại nhanh chóng đạt kết quả như vậy, hẳn là tên đánh cá này sáng dạ:

- Chí phải. Chí phải. Chúng tôi cần nhất sự thoải mái. Văn nghệ sĩ mà...

Đến đây dường như nhà thơ thấy cần chen vào câu chuyện. Anh nói to nhắc anh thợ ảnh:

- Anh Bùi Ngọc Tấn đấy!

Cái tên ấy chẳng là cái đình gì với anh thợ ảnh. Nó quá bình thường. Anh thợ ảnh vẫn tiếp tục giảng cho tôi về những phẩm chất rất khác thường, rất đặc biệt của văn nghệ sĩ đó là sự tự do thoải mái, *điều không thể thiếu được là sự thoải mái, chúng tôi văn nghệ sĩ mà*, khiến anh làm thơ vội nói một cái tên khác của tôi:

- Anh Tân Sắc đấy!

Tân Sắc là tên tôi vẫn ký khi làm báo. Cái tên này nghe có vẻ hơn, nhưng anh thợ ảnh nào có biết Tân Sắc cũng như Bùi Ngọc Tấn là ai nên vẫn tiếp tục bài giảng về phẩm chất của văn nghệ sĩ.

Hứa Văn Định đột ngột đứng dậy. Tôi vội đưa mắt nhìn anh. Tôi sợ anh văng ra một câu gì đó. Tôi muốn nói với anh: Định ơi. Cứ ngồi yên. Những chuyện như thế này mình quen rồi. Thậm chí có người nhờ vả mình lại thấy vui, vì người ta vẫn nhớ đến mình và mình vẫn được coi là có ích. Hình như Định cố nén một cái gì đó trong họng. Anh chỉ làm ra vẻ sốt ruột đi đi lại lại trong buồng, một cái buồng hẹp lúng củng những giường bàn ghế... Chỉ riêng bộ xa-lông gỗ gỗ tôi mới nhờ anh em thủy thủ mua ở Hồ Nai sáng trưng cả căn phòng cũng đủ làm những người đến nhờ tôi tin rằng họ đã đến đúng nơi cần đến. Đi lại một lúc Định lại ngồi xuống. Cũng như ở nhà anh

tôi ngồi riêng ra một chỗ, Định ngồi một mình trên chiếc giường ba xà, không tham gia vào câu chuyện.

Anh nhà thơ dường như cũng hiểu tình trạng trở trêu khi bạn anh cứ tiếp tục bài giảng về phẩm chất văn nghệ sĩ cho tôi nghe, và để kết thúc câu chuyện, với giọng nài nỉ, anh nói: anh cố giúp tôi, nói với xí nghiệp cho chúng tôi đi nhờ, lấy vé tàu Thống Nhất vừa tốn vừa chầu chực suốt ngày đêm mà chưa chắc đã lấy được. Bao nhiêu vé vào tay *con phe* hết, còn lấy vé chui thì chúng tôi không đủ tiền... Thế là anh thợ ảnh lại nói:

- Chúng tôi nghèo lắm. Văn nghệ sĩ mà. Lấy đâu tiền mua vé chui.

Tôi hoàn toàn thông cảm với anh điều ấy:

- Vâng. Văn nghệ sĩ thì nghèo rồi.

Anh nhà thơ lại cau mặt nhìn anh thợ ảnh. Khi hai anh ra về chúng tôi phá lên cười. Định bỗng nghiêm mặt và bưng bưng phần nộ:

- Ông vẫn có những ông khách như thế này đấy à?

- Còn hơn thế. Đây dù sao vẫn là những người tôn trọng mình. Dù sao người ta cũng đến nhờ vả mình. Có những người chỉ hăm dọa bóng gió và đặt điều vu cáo mình nữa cơ.

- Cái ông *văn nghệ sĩ* ấy là ông gì?

Tôi nói cho Định biết đôi điều về ông thợ ảnh, người tôi đã thuê in tráng cuộn phim tôi tập chụp bằng máy

ảnh Conika tự động của xí nghiệp để hoàn chỉnh cho nghề thi đua cờ đèn kèn hoa của tôi.

- Còn ông kia?

Tôi nói tên nhà thơ.

Định gật gù:

- Minh có đọc một hai bài của nó in trên báo. Minh nghe nói thằng này toàn ký tên học sinh để dễ được đăng. Thơ của nó cũng đạt dưới mức khu phố trên mức tiểu khu đấy.

- Nó biết mình nên không đến nỗi như ông chụp ảnh.

- Nhưng cũng phải nói thẳng với nó rằng nó không được phép dặt những thằng như thế đến gặp ông. Trước khi đến, chúng nó phải biết rằng sẽ đối thoại với ai chứ!

Định nổi đóa lên thực sự. Tôi biết anh thương tôi, anh đang đau nỗi đau của tôi. Nổi đáu trước việc tôi đã mất chỗ đứng dưới mặt trời, tôi đã chìm vào bóng tối.

*

Tôi quen Hứa Văn Định khi anh từ bộ đội chuyển về nông trường bông Gia Lâm, nông trường đầu tiên của miền Bắc sau chiến tranh chống Pháp kết thúc. Đó là vào khoảng mùa đông năm 1955. Tôi, khi ấy làm phóng viên báo Tiền Phong về đó viết bài. Chuyển đi có ba ấn tượng tôi không quên được:

1- Chiếc máy cày với hàng lưỡi cày sáng loáng vật đất lên phá băng những bờ ruộng ngăn cách, tư hữu của nông dân ngàn đời cá thể, biến những ô ruộng nhỏ manh mún tiểu nông thành cánh đồng bao la của một nông trường mà chỉ hai tiếng *nông trường* thôi cũng đã đồng nghĩa với khát vọng đã biến thành sự thật, một thiên đường đang đến. Trên cánh đồng nông trường mới hình thành, tiếng máy cày gọi nông dân quanh vùng kéo đến phấn khởi nô nức như một ngày hội lớn. Họ đến để xem, để nhìn tương lai của họ.

2- Những chị công nhân nông trường cấp ngang sườn những cái rá đựng một thứ gì mang một màu trắng tinh khiết. Đó là phân đạm. Các chị bốc từng nắm, vung tay vãi trên cánh đồng đất vừa cày. (Một kiểu bón phân chẳng khoa học tí nào, sau này tôi mới biết như vậy). Lần đầu tiên tôi trông thấy một thứ phân không có mùi hôi thối, trắng như đường kính, sạch đến thế, vắn mịn đến thế, tinh chất nhẹ nhàng đến thế. Thôi nhé! Vĩnh biệt những gánh phân bắc ủ đất ủ tro, những gánh phân chuồng lẫn bao rơm rạ trĩu vai kịu kịt...

3- Ấn tượng thứ ba là cuộc đối thoại giữa tôi và Hứa Văn Định, anh cán bộ kỹ thuật của nông trường. Chung quanh anh là những đĩa hạt bông đang lên mầm, dài ngắn khác nhau. Anh cùng một số người nữa cũng trẻ như anh, cũng mặc quần áo bộ đội như anh, đang cầm

những con dao nhỏ, mảnh, bổ tách những hạt bông đen và ngấm nghĩa cái lõi xanh xanh của nó.

Tôi tự giới thiệu và xin được làm việc với anh, nói rõ phần viết về anh là dành cho cái kết: Những người lính rời tay súng bước sang mặt trận mới, mặt trận kinh tế, mặt trận khoa học kỹ thuật, những người xây dựng nông trường đầu tiên trong cả nước.

Định từ chối thẳng thừng đề nghị của tôi:

- Mời anh lên làm việc với trưởng phòng.

Tôi vẫn lễ phép:

- Thưa anh. Chính đồng chí trưởng phòng giới thiệu tôi đến gặp anh.

Định rất thành thật:

- Thế thì trưởng phòng nhầm rồi. Trước tiên là tôi không biết kỹ thuật. Tôi làm việc này hoàn toàn bắt đầc dĩ. Một bước đệm khi ra khỏi bộ đội thôi. Thật mà.

Cuộc phỏng vấn không thành. Ít ngày sau tôi sang bộ Nông Lâm làm việc (tôi là phóng viên nông thôn báo *Tiền Phong*, hay sang đây nắm tình hình và gặp các cộng tác viên Dương Hồng Hiên, Lã Xuân Đĩnh,... những kỹ sư đồng thời là thủ trưởng của những vụ chủ chốt ở bên ấy đặt bài) và gặp Hứa Văn Định ở tòa soạn báo *Nông Nghiệp* có trụ sở ngay trong bộ. Anh đã làm phóng viên ở đấy.

Thế là chúng tôi cùng là đồng nghiệp. Và kết bạn. Rồi thân nhau. Vì cùng chí hướng, cùng khát vọng. Vì tuổi

trẻ. Tôi và Định có những việc xảy ra trong đời gần như trùng nhau. Chúng tôi cùng yêu vào một thời gian. Cùng cưới vợ một năm. Cùng sinh con đầu lòng một năm. Thời gian yêu thắm câu thơ Lê Đạt:

*Có yêu nhau mới thấy phố phường là bé
Đi đâu cũng gặp người quen*

Thật may, Định có một cái gác áp mái trên cầu thang tầng thượng một căn nhà ở phố Lò Đúc, chẳng biết thuê lại của ai. Đó là thiên đường gặp gỡ giữa Định và Hòa. Và những khi hai người không hò hẹn nhau ở đây, Định giao chìa khóa cho tôi. Nó trở thành thiên đường của hai vợ chồng tôi thời còn đang yêu, thời còn chưa cưới. Để tới được thiên đường, chúng tôi phải đi qua cửa một căn buồng rộng, tiêu chuẩn hóa ở tầng hai trước khi lên thang, cái cầu thang dẫn tới gác áp mái. Chủ căn buồng là một phụ nữ đã có tuổi sống độc thân rất quý chúng tôi cũng như quý Định và Hòa: Bác Thế. Chúng tôi bên nhau *đôi lứa thân tiên suốt một ngày* (Huy Cận) trên cái gác xép của Định. Chúng tôi kéo xuống phòng bác Thế, nghe bác kể chuyện thời bác còn là nữ sinh trung học, ăn bánh su sê bác làm. Món quà quý nhất là toàn bộ tập *Một nghìn một đêm lẻ* in thời Hà Nội tạm chiếm mà bác cho chúng tôi mượn đọc. Lần đầu tiên tôi được tiếp xúc một cách trọn vẹn với tinh hoa ấy của văn hóa nhân loại. (Cũng xin mở một ngoặc đơn rằng tôi

cứ đình ninh bác Thế đã mất từ lâu mà không biết rằng bác vẫn còn sống. Định chết, bác biết tin nhưng đã yếu, không thể đến thắp hương ở bàn thờ Định được). Cũng có khi cả bốn chúng tôi, nghĩa là Định, Hòa, tôi và vợ tôi bây giờ cùng tụ tập trong căn buồng áp mái chật chội của Định và mời bác Thế lên liên hoan, ăn bánh mì bít Tết, uống nước ngọt do vợ tôi và Hòa chuẩn bị.

Định cưới trước tôi. Hôm ấy tôi đang ở Thái Bình. Kết thúc sớm đợt đi lấy tài liệu viết bài, tôi đạp xe một lèo (ô tô thời đó rất hiếm) về Hà Nội, kịp dự bữa cỗ cưới tổ chức vào buổi tối ở nhà Hòa, vợ Định.

Sau khi cưới, Định về ở nhà Hòa, ngôi nhà phố Điện Biên hiện nay. (Tôi không hiểu cái ngách áp mái phố Lò Đúc anh bàn giao cho ai, bởi vì ít ngày sau tôi cũng kết hôn và không cần tới thiên đường ấy nữa).

Đó là quãng thời gian đẹp nhất của chúng tôi. Chúng tôi còn trẻ. Chúng tôi làm việc. Chúng tôi mơ ước. Chúng tôi tin rằng mình sẽ vẽ nên diện mạo mới của văn học Việt Nam. Hứa Văn Định đi mở. Anh viết về cuộc đình công ở mỏ năm 1936. Và đi các tỉnh. Tôi chuyển về Hải Phòng, bám chắc lấy Xi măng, Duyên Hải. Đi các đảo, các nhà đèn. Dù Định ở Hà Nội, tôi ở Hải Phòng nhưng chúng tôi luôn gặp nhau. Tôi hay lên Hà Nội. Lên giao dịch với các nhà xuất bản. Lên năn nỉ xin tạm ứng. Khi những bức thư lâm li gửi Phan Xuân Hạt, Nguyễn Trí Tình nhà *Thanh Niên*, Nguyễn Gia Nùng nhà *Lao Động*,

Nguyễn Kiên nhà *Văn học*, Trần Cận nhà *Phổ Thông* có hồi âm lộ ra hy vọng hay thất vọng thì cũng cứ phải lên để tác động thêm. Và tôi đều ghé nhà Định. Cũng như mỗi khi Định đi tỉnh nào có thể tạt qua Hải Phòng là anh không bỏ lỡ. Cả khi cuộc chiến tranh bắn phá của Mỹ đã leo thang ra quá vĩ tuyến 20, Sở Dầu đã cháy, Ngã Sáu đã bị bắn rốc két. Nhà chật. Vợ con tôi nằm cả trên chiếc giường độc nhất. Tôi và Định nằm dưới sàn gỗ. Suốt tối báo động. Tôi bọc bóng đèn tròn bằng giấy báo. Ngọn điện hắt những đốm vàng mờ nhạt đu đưa nhẹ nhàng lên trần. Định bảo: “Cái ánh sáng này rất xi-nê-ma ông ạ”. Khi đó Định đã chuyển về Cục Điện ảnh. Anh đã kéo tôi lên trại sáng tác kịch bản phim. Đề cương của tôi được nhà biên kịch Xuân Tùng, tác giả kịch bản *Chung một dòng sông* và cục trưởng Phạm Tuấn Khánh thông qua với những nhận xét tốt và tôi được ký hợp đồng, được tạm ứng gần một nghìn đồng, món tiền khổng lồ ngày ấy.

Cái ánh sáng xi-nê-ma trên trần nhà tôi nhiều khi cũng tắt nốt. Hoàn toàn tối đen. Xuống cầu thang càng tối. Định nắm áo tôi mò mẫm lần từng bậc thang trong tiếng còi báo động rền rĩ và tiếng máy bay rầm rầm trên trời:

- Đồng chí. Đồng chí đưa tôi đi đến đâu đấy đồng chí?
- Báo cáo đồng chí. Tôi đưa đồng chí đến hầm trú ẩn.

Liền đó là những tiếng pháo, tiếng đại liên và cả những tiếng súng trường đơn lẻ. Bầu trời sáng lên những đường đạn đỏ lù.

Một lần Định một mình với một lái xe trên chiếc UAZ đến tôi. Chưa bao giờ anh đi với tiêu chuẩn cao như vậy. Thì ra anh đang làm phim ở Hải Dương. Anh đang là thượng khách ở trên ấy. Anh xin xe về Hải Phòng đón tôi lên ăn món đặc sản tỉnh ủy chiêu đãi mà anh rất thích: Ba ba. Ăn xong, rượu xong, ngà ngà say, chúng tôi ngủ ở nhà khách Tỉnh ủy. Sáng hôm sau, đang đánh răng rửa mặt, cả hai chúng tôi bỗng dừng lại lắng nghe: Đài *Tiếng nói Việt Nam* truyền đi thông cáo về hội nghị lần thứ 9 Ban chấp hành Trung Ương Đảng Lao Động Việt Nam.

Định bảo tôi:

- Một buổi sáng lịch sử.

Đúng là một buổi sáng lịch sử vì đó là buổi sáng công bố chính thức quan điểm của Đảng về phong trào cộng sản quốc tế, về những mâu thuẫn, chia rẽ trong phong trào và thái độ của Đảng.

Chúng tôi đón buổi sáng lịch sử đó không phải ở Hà Nội, không phải ở Hải Phòng mà ở Hải Dương. Hình như một buổi sáng có gió heo may, thứ gió đánh thức tình yêu cuộc sống.

*

Tôi đã ngừng viết hơn hai mươi năm, ngừng in gần ba mươi năm. Mặc bạn bè thúc giục. Mãi tới năm 1990 tôi mới cầm bút trở lại. Các bạn tôi mừng vì chuyện ấy.

Không chỉ mừng vì tôi không bỏ nghề, mà còn vì *sức khỏe tinh thần* của tôi như cách nói của Dương Tường. Nét mặt Định tươi rói:

- Tôi đã nói sớm muộn thế nào ông cũng viết. Ông bỏ là ông thua.

Tôi bảo:

- Thật ra chẳng hay ho gì cái nghề này. Nhưng chúng mình đã trót rồi. Với lại bây giờ là lúc viết được.

Định ký tặng tôi kịch bản phim *Số Đỏ* do anh chuyển thể. Anh tặng tôi tập thơ *Cung Trăng*...

Tôi vốn không thích nói về những gì sẽ viết. Nên Định cứ gặng:

- Bao nhiêu chuyện chờ ông đấy.

Định giục tôi viết về những ngày tôi đi lang thang, những ngày tôi sa vào vòng lao lý. Tôi ướm thử:

- Ông thấy *Papillon* của Henri Charrière thế nào?

Định xuýt xoa:

- Khá quá. Quyển ấy khá quá.

Tôi bảo Định:

- Chuyện tù của Charrière dễ viết. Nó có nhiều sự kiện. Nó ly kỳ. Chuyện tù của mình gần như không có sự kiện gì đặc biệt. Nó đều đặn, phẳng lì, ngày nào cũng giống ngày nào...

Định bảo tôi:

- Mình biết có một người đi tù về rồi cứ ra sân đào bới một cái gì đó.

Và vỗ lên đầu:

- Anh ta bị hỏng cái này.

Tôi gật đầu:

- Mình cũng suýt bị hỏng cái đầu đấy. Mình sẽ viết với hết sức mình. Nhưng không phải chỉ có chuyện ấy.

Thỉnh thoảng gặp nhau, Định hỏi:

- Ông viết đến đâu rồi?

Tôi cười: “Mình đang viết”.

Nói vậy để Định yên lòng. Viết trở lại đâu dễ. Tôi đang đánh vật với chính tôi. Dù có bao chuyện để viết. Văn ôn vũ luyện. Lâu lắm không cầm bút. Lại gần như không đọc. Lại có biết bao người không muốn mình viết. Tôi chẳng ham hố. Chẳng không cay cú. Tôi viết để chơi. Viết để cân bằng sinh thái, cân bằng đầu óc, để tập thể dục cho trí não. Tôi viết ít. Và chỉ viết những gì tôi thấy là cần thiết. Những gì tôi sợ rồi sẽ bị lãng quên đi.

*

Khoảng cuối năm 1994 sức khỏe Định có vấn đề. Sang năm 1995 thì suy giảm rõ rệt. Vốn là người mập nhất “hội” anh sút cân rất nhanh. Mỗi lần gặp, anh một gậy. Gậy trông thấy. Anh bị suy tim. Đi đứng chậm chạp.

Nhưng vẫn mắt sáng và vẫn những suy nghĩ sắc sảo về nghề nghiệp. Vẫn những cách nói riêng biệt của anh, sâu và khinh bạc. Và vẫn không ngừng thúc giục tôi, lần này là một đề tài khác:

- Ông phải viết về đánh cá. Ông ở đây bao nhiêu năm rồi. Ông viết về những thuyền viên bị biển vây quanh, không biết dùng thời gian vào việc gì, vùi đầu vào bài bạc...

Định kéo tôi đi ăn tiệm. Bia. Chim tần. Từ khi anh bệnh, tôi lên là anh kéo tôi đi ăn nhà hàng, không ăn ở nhà nữa. Bữa ăn cuối cùng giữa hai chúng tôi là bữa cơm niêu tại đường Điện Biên Phủ (Hà Nội) gần nhà anh. Anh đã yếu lắm. Tóc bạc xõa vai. Anh chậm chạp nhấc chiếc xe Mifa qua bức tường phân cách giữa lòng đường. Chậm chạp đạp xe ra giữa lối. Hơi loãng choạng. Rồi giữ vững tay lái. Mặc cả đoàn xe ô tô nối đuôi bóp còi giục giã, bực tức. Cứ từng vòng chậm chạp.

Chỉ mình tôi ăn. Anh ngồi nhìn, thỉnh thoảng mới nhắm nháp ngụm bia và bảo:

- Ăn ở đây chứ bắt bà Hòa nấu làm gì. Mà bà Hòa bà Bích không làm được món rau cải này đâu. Ông ăn xem nào. Có đúng là còn nguyên mùi cây rau vừa nhổ ở vườn lên...

Đó là thứ rau cải non mọc chưa đầy gang tay, để cả cây, chần vào dầu sôi. Xanh ngắt. Giòn. Tươi hăng. Nhưng đã chín tới. Ăn ở nhà hàng nhưng cứ có cảm giác đang ở giữa vườn rau như Định nói.

Anh sung sướng nhìn tôi ăn.

Ngày ấy chưa bao giờ tôi nghĩ Định cũng như bọn tôi bắt gặp cái chết. Chúng tôi đã sống được mấy đầu. Dù cách đó ít lâu chính tôi đã điện lên cho Định về cái chết của Minh Đà. Nhưng Minh Đà bị ung thư, một căn bệnh vô phương cứu chữa. Còn tim mạch như Định chúng tôi lại coi là bình thường. Mạc Lân đấy. Nhồi máu cơ tim cả hàng chục năm có sao đâu.

Hôm nay tiếng Định như vẫn còn bên tai tôi, với âm sắc rất riêng biệt của anh trong lúc anh ngồi nhìn tôi ăn:

- Ông đã bắt đầu viết. Tôi mừng cho ông. Cái truyện *Người ở cực bên kia* của ông trên *Văn nghệ* được. Tôi chỉ muốn ông viết khỏe khoắn, không những không than vãn mà còn hài hước. Hãy kể những chuyện đau bằng cái giọng hài.

Dương Tường đã khuyên tôi như vậy. Và bây giờ là Định. Nhưng *u mua* đâu dễ. Tôi khoe với Định tôi đã hoàn thành một tập hồi ký. Và đưa cho Định xem bức thư của Vương Trí Nhàn, biên tập viên nhà xuất bản Hội Nhà văn viết cho tôi, những nhận xét tốt của Nhàn về tập hồi ký ấy.

- Ông còn bản phô tô nào không?

Tôi bảo nhà xuất bản Hội Nhà văn đang in, anh sẽ có sách trong một ngày gần đây thôi. Định bảo:

- Ông phải viết tiểu thuyết. Tôi tin ông sẽ có những thành công rất đặc biệt. Trách nhiệm của ông nặng lắm.

Tôi hiểu lời Định nói. “Quyển tiểu thuyết của đời tôi” cũng đã hoàn thành. Tôi viết quyển tiểu thuyết không phải chỉ vì Định và bè bạn khuyên mà còn vì nhiều lý do khác nữa. Tôi mong tập hồi ký của tôi sớm được xuất bản.

Mùa đông năm 1995, nghĩa là nửa năm sau đám tang Minh Đà, tập sách mới được in xong. Đỗ An Bình mang từ Hà Nội về cho tôi mười tập sách bản quyền. Tập *Một thời để mất* do nhà xuất bản Hội Nhà văn ấn hành. Lâu lắm mới được in sách nên tôi hơi ngạc nhiên: Sách bản quyền chỉ có mười quyển chứ không phải hai mươi quyển như trước.

Mười quyển sách “mới ra lò” tinh khôi xếp chồng lên nhau, không một vết bẩn, không một vết nhàu, chưa từng có ai lật giở dù chỉ một trang. Mười quyển sách còn hoàn toàn nguyên sơ, trình tiết của tôi chờ tôi lật giở!

Tôi nhìn tên mình in trên bìa sách, một bìa sách rất trang nhã do Trần Vũ trình bày. Tôi lật bìa 4. Cái ký họa của Nguyễn Hồng Hưng vẽ tôi trong năm phút đầu tiên chúng tôi vừa gặp nhau, còn chưa biết tên và nghề nghiệp của nhau. Tôi lật trang bìa lót. Rồi trang đầu in chữ ngả mà chúng tôi gọi là *italic*. Một cái rùng mình gai gai khe khẽ chạy suốt dọc người tôi. Không. Tên tôi đã được in trên nhiều bìa sách. Nhưng đây là tập sách sau 27 năm. 27 năm chết. 27 năm sau tôi lại được đứng dưới mặt trời. Từ thế giới bên kia, 27 năm

sau tôi trở lại thế giới này. Tôi sống lại. Ngay khi mới bước vào nghề, nhìn tập sách đầu tiên của mình được in cũng không xúc động như vậy. Lúc đó chỉ đơn giản là *sống*. Là **vui sống**. Còn bây giờ là **sống lại**. Là **chết đi sống lại**.

Tập sách tôi viết về Nguyễn Hồng, về tôi, về Nguyễn Bình, Dương Tường, Hứa Văn Định, Mạc Lân, Lê Bầu, Vũ Thư Hiên, Thi Hoàng, Nguyễn Văn Chuông... Tôi đề nghị nhà xuất bản chuyển tất cả nhuận bút của tôi thành sách. Để tặng bạn. Để các bạn tôi thấy tôi đã chính thức xuất hiện trở lại. Tôi đề tặng các bạn tôi. *Tặng Định & Hòa. Để hai bạn biết rằng mình lại viết. Rằng mình vẫn còn thoi thóp chứ chưa chết hẳn.*

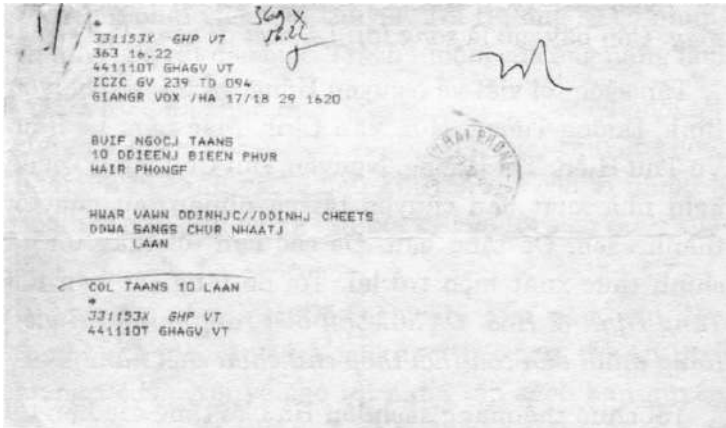
Tôi chưa thể mang sách lên Hà Nội tặng các bạn tôi trên ấy được.

Vì Nguyễn Bình.

Nguyễn Bình từ Hà Nội về mở một lớp huấn luyện ngắn ngày cho tôi và mấy người bạn khác về khí công động, về cách khai mở các luân xa, về mạch đốc, cách thờ bốn thời kỳ... Khóa học bảy ngày. Đã được bốn. Thì chiều hôm ấy đi học về tôi thấy vợ tôi đứng trong con hẻm ngay trước cửa nhà, tay cầm một tờ giấy nhỏ, nhìn ra đầu hẻm ngóng tôi.

Thấy tôi, vợ tôi mếu xệch, oà lên:

- Anh Định chết rồi.



Điện của Mạc Lân, dấu chấm hết cuộc đời một người bạn.

Rồi đưa cho tôi tờ giấy. Điện. Điện của Mạc Lân. Tôi giữ bức điện ấy cho đến hôm nay như giữ dấu chấm hết cuộc đời một người bạn: *Hứa Văn Định chết. Đưa sáng chủ nhật. Lân.* Dấu bưu điện Hải Phòng: 29-12-1995. Tôi kiểm xe lên Hà Nội ngay lúc đó. Lại là ô tô của Đỗ An Bình. Tất cả sách đã ghi tặng bạn đều để lại. Bởi vì dù sẽ gặp rất đông các bạn trong đám tang nhưng không thể tặng sách trong một ngày như vậy. Chỉ mang lên một quyển tặng Định. Dù đã muộn rồi. Chẳng thể đưa cho Định được nữa.

Ngay đêm hôm đó tôi và Đỗ An Bình có mặt ở nhà Định. Vừa kịp cùng Hòa và những người khác khâm liệm anh. Hôm sau chúng tôi đưa tiễn Định tới nghĩa

trang. Lại qua Lò Đúc. Căn buồng áp mái của Định bên trên nhà bác Thế, thiên đường thần tiên của bốn chúng tôi ở chỗ nào tôi không nhận ra.

Lại qua Phà Đen. Và Vĩnh Tuy nơi anh yên nghỉ cũng là nơi tôi và vợ tôi vẫn ngồi trên bãi cỏ khoác vai nhau nhìn sao trời còn đang yêu. Tôi bỗng hiểu ra một điều đơn giản: Cuộc đời thật ngắn ngủi và thế hệ chúng tôi đã bắt đầu sự kết thúc kiếp phù sinh của mình. Tất cả chúng tôi sắp đi qua hành tinh này mà không để lại một vết xước nào.

Trời rét. Tôi cho tay vào túi áo bông sờ nắn quyển *Một thời để mất* tặng Định.

Chờ mọi người lên xe ra về tôi mới rút tập sách ra. Chỉ còn tôi và anh. Tôi thì thầm với Định mấy câu. Cầm quyển sách vái Định. Rồi xé từng tờ. Bật diêm đốt trước mộ anh phủ kín những hoa tươi.

Ngã Sáu 22/12/1999

Rằm tháng 11 Âm ngày thay áo cho Định

Nguyễn Bình với Cô gái mồ côi và hòn đảo

Những lúc ép mình ngồi viết sao mà mong tiếng chân lên thang gác của Nguyễn Bình đến thế. Để có thể vắt hết giấy bút đi mà chuyện gẫu. Mà rủ nhau đạp xe đi nhong. Và thật buồn cười, thật thú vị là khi sang nhà Nguyễn Bình, thấy Bình đang cặm cụi ngồi bàn, anh ngừng mọi công việc quay ra cười toe toét:

- Rất khốn nạn! Tao vừa viết được vài dòng đã chỉ mong mày đến. Thì cầu được ước thấy. Mày đến thật!

Tôi làm ra bộ ta đây:

- Thôi. Mà viết đi. Tao về đây.

Lời hù dọa của tôi không làm anh nao núng:

- Ủ. Về thì về. Về cho tao làm việc.

Chúng tôi cùng cười. Anh thừa biết tôi chẳng thể về. Còn tôi cũng quá rõ rằng anh muốn tôi ngồi lại để ngừng cái công việc khổ sai phút nào hay phút ấy.

Thế là uống trà. Trà cám thôi. Nhưng không phải lúc nào cũng có. Thế là đi chơi. Đạp xe rong phố. Hoặc lên tạt Đền Bà vào một hiệu trà có trà Thiết Quan âm, hiệu *Tối tối phá* mà Tất Vinh dịch là *Thơm đời đời*, quán trà chính Tất Vinh phát hiện ra, mặc dù anh vẫn làm phóng viên báo *Tiền Phong* tít trên Hà Nội, thỉnh thoảng mới về công tác tại Hải Phòng.

Tôi và Nguyên Bình có thể nói với nhau mọi chuyện. Có những chuyện giấu bố mẹ vợ con anh em đồng chí nhưng vẫn nói được cùng nhau. Anh là người bạn thân nhất của tôi ở Hải Phòng. Thành công của người này cũng là thành công của kẻ kia.

Trong những năm tháng *hậu-goulag*, để dùng lại chữ của Dương Tường, nặng nề dài dằng dặc sau đó, tình bạn của anh đã nâng đỡ tôi sống, nó nói rằng cuộc đời đối với tôi dù sao cũng chưa đến nỗi. Không phải chỉ tình bạn giữa tôi và anh. Mà là tình cảm của cả gia đình anh. Vợ anh. Hai đứa con anh. Làm ở ngành mậu dịch, chính xác là ở công nghệ phẩm, nghĩa là một thành viên của ngành *thương*, chị T vợ Bình có điều kiện hơn

người đôi chút (vì chị chỉ là nhân viên) để có thể duy trì cuộc sống gia đình ở mức tối thiểu và thỉnh thoảng giúp đỡ tôi. Như cho tôi cái phiếu mua 50 ki lô dầu cận ở một cửa hàng bán chất đốt phố Trần Khánh Dư, dầu rằng biến những dòng chữ nguệch ngoạc trên giấy thành những lít dầu ma dút cận trong can là cả một kỳ công, chờ đợi, vật lộn, xếp hàng, chen lấn, vét váy, dón dịch, đong đo, bán thiu nhưng cũng là một điều *trên cả tuyệt vời* vì mua về một lúc được nửa tạ dầu cận mà không phải phiếu. Vài tháng không phải lo chất đốt! Hay những lúc gạo hết, chị T xúc cho tôi dăm bơ gạo *viện trợ không hoàn lại*. Miếng khi đói, gói khi no. Lại có những bữa anh chị mời tôi sang ăn cơm để bồi dưỡng riêng tôi. Chỉ mình tôi! Và là thượng khách! Cơm có một món: Xương lợn ninh xu hào. Thêm đĩa dưa chua. Và một *be*, gọi theo cách của Nguyên Bình, nghĩa là một chai rượu trắng con con. Phải nói xương ra xương. Thịt bám dày. Cẩn ngập răng. Anh ninh khá nhừ. Gặm cái chỗ đầu xương ống cứ mềm sệt rồi nghiền toi như bột. Thành ra xương thì nhiều, nhưng các thứ nhè ra mâm rất ít. Bình chỉ vào chất bột toi toi mà chúng tôi đã hít hết các chất béo bổ, giải thích:

- Thưa ông. Thứ này cũng không vớt đi đâu ông ạ. Để nuôi gà. Gà đánh chén rất mạnh.

Thằng con anh nói thêm:

- Gà ăn món này để rất đều bác ạ.

Không biết đã bao nhiêu năm rồi tôi mới được ăn thứ xương như vậy. Thi thoảng vợ tôi đi mua một khúc xương ống về ninh nấu bột cho con thì rất một loại xương trắng hếu, nhẵn bóng như được lọc bằng *manh xơ lam*. Tôi biết món xương tôi đang ăn khoái khẩu đây là loại xương đặc biệt, chỉ dành cho nội bộ *ngành thương*, nhưng cũng cứ hỏi ở đâu ra loại xương ghê gớm như vậy. Nguyên Bình trừng mắt quát lên với tôi như với một kẻ ngu si đần độn:

- Xương mậu dịch viên! Không biết à? Xương. Mậu. Dịch. Viên!

Chúng tôi đã có với nhau biết bao kỷ niệm. Những trưa hè, rủ nhau đạp xe ra cửa hàng mậu dịch giải khát gần ngã tư Trần Phú - Cầu Đất uống cà phê đá. Người đông nghìn nghịt. Vì chỉ ở đây mới bán cà phê đá. Mỗi khách hàng được phục vụ một cốc vại, thứ cốc thối ở các lò thủy tinh thủ công có màu xanh lơ và đáy bột, bên trong chứa một lượng đường đủ để làm ngọt lừ cốc cà phê. Trong tình huống mỗi người một tháng được mua một lạng đường vàng Cuba thì đây quả là một lực hút khách ghê gớm. Đó là chưa kể một mặt hàng khan hiếm khác: Một bát ô tô nước đá đập nhỏ kèm theo. Hơn nữa cà phê lại rất chất lượng: Mỗi người một phin pha theo kiểu Pháp. Trên miệng mỗi chiếc cốc đựng đường kính trắng là một phin cà phê đang rỏ những giọt đặc quánh. Những giọt cà phê thẫm đen ngấm vào đường như nước mưa hút vào cát trong sa mạc. Khi nước trên phin cạn hết thì đường trong cốc cũng xâm xấp. Đến lúc ấy

cái phin được nhấc ra để trên bàn. Khách hàng bắt đầu một công đoạn mới, công đoạn mà Dương Tường trong những lần về Hải Phòng đi uống cà phê cùng chúng tôi đã nói rất chính xác là *lao động cà phê*. Nghĩa là lấy cù đĩa đánh cho tan đường. Cũng cần phải nói về cái cù đĩa này. Nó nhỏ. Nó đúng là thìa cà phê nhưng cán dài, dài hơn chiếc cốc vaj và đều được đục thủng một lỗ tròn ở giữa lòng. Nghĩa là cái phần khum khum để xúc đưa lên miệng ấy có một lỗ thủng đục bằng đinh. Vì đục bằng đinh nên nó có ba via. Ba via có thể làm chảy máu lưỡi, nhưng cũng may là nó đã mòn cả vì sử dụng lâu ngày. Rõ ràng cái cù đĩa không dùng để uống. (Tất cả các cửa hàng mậu dịch đều có chung một loại cù đĩa đục thủng như vậy. *Tất tần tật*. Để chống lại những vị khách hay thò cù đĩa đút túi. Ôi! Vô quít dày có móng tay nhọn vậy thay!) Hàng trăm “ấm khách” chen nhau vai sát vai cầm cù đĩa đánh cho cà phê hòa tan đường như người đánh trứng đường. Nghiêng người đi đánh. Mím môi lại đánh. Cong lưng đánh. Ngồi xổm lên đánh. Kẹp chặt cốc giữa hai bàn chân đánh. Đánh như vậy rất thú. Hình như tất cả đang lên một cơn sốt đánh. Tiếng cù đĩa chạm vào thành cốc. Tiếng cù đĩa và thành cốc nghiêng đường. Vì là cùng đánh nên tự nhiên tất cả các cánh tay cùng quay tròn một nhịp, tất cả những cái đầu lắc lư một nhịp. Như một cuộc lên đồng tập thể. Tất cả các tiếng động đều giống nhau và cùng một nhịp. Đánh hăng. Đánh say sưa. Đánh cho đến khi nước cà phê nâu

thăm bị ly tâm, nhọt ra, trắng ra, sủi bọt, lên kem như một thứ ca cao pha loãng. Không ai thấy mệt. Mệt gì mà mệt! Ngồi dưới quạt trần quay vù vù, chờ *cô mậu* bưng ra những bát đá đập nhỏ chỉ trông cũng đã mát ruột mát gan để rồi cho vào cốc, lấy cù đĩa xọc xọc cho đá tan hòa lẫn thứ nước thơm thơm ngọt lừ ấy là một hạnh phúc. Ở nhà làm gì có quạt. Ở nhà làm gì được uống một thứ nước thơm như thế, ngọt như thế, mát như thế, mát lạnh tim lạnh phổi. Mà ngoài kia trời đang nóng chảy nhựa đường. Chen chúc xếp hàng mua được *tích kê* - một miếng sắt sơn có đập chữ nổi - đã là một thắng lợi rồi. Dù có nóng bức đến đâu chúng tôi cũng chỉ được uống cà phê đá là thứ cao cấp nhất. Kem thì đừng hòng. Chúng tôi chẳng thể nào chen được với các cháu thiếu nhi.

Thế mà nhiều khi thèm kem quá, chính xác hơn là nhớ mùi vị kem, cái cảm giác đưa que kem lên ngang miệng mà cắn, trong những lần đi nhong như vậy, mặc dù đang gió mùa đông bắc, áo bông xo ro, mũ bông bịt tai, tôi và Nguyên Bình cũng rủ nhau vào hiệu kem Tam Hoàn đầu phố Phan Bội Châu, gần nhà hát thành phố mua kem ăn. Vì chỉ đến những lúc ấy chúng tôi mới mua được kem. Nhất là những ngày đại hàn, mưa dầm, *mưa dầm để dai dẳng*. Hiệu kem không có một ai.

Người ta chỉ bán kem que và phải ăn ở ngoài đường. Chúng tôi đứng ngoài vỉa hè chén kem. Run. Run lập

cặp. Đầu gối đánh vào nhau. Răng đánh vào nhau. Nhìn nhau cười tím tái. Rồi kéo nhau vào một góc khuất phía ngoài nhà hát thành phố, sau mấy cây sanh khá kín đáo, nơi khách bộ hành thường ghé vào làm cái việc “giải thoát cho cái bong bóng”, để tránh gió mùa, tránh mưa phùn. Khai mù. Nhưng chúng tôi không lấy thế làm khó chịu mà vẫn cứ là vừa ăn kem vừa nhìn nhau cười. Và vẫn là cười tím tái. Ngày ấy chúng tôi còn chưa đến ba mươi tuổi.

Cùng làm báo *Hải Phòng Kiến thiết* (nay là báo *Hải Phòng*), cùng trong một tổ phóng viên do Đinh Chương làm tổ trưởng, lại cùng một chí hướng máu mề viết văn và nhất là cùng một tính cách, tôi và Nguyễn Bình rất thân thiết gắn bó. Ngày nào cũng gặp nhau. Gặp ở cơ quan rồi lại gặp tại nhà. Đến bây giờ cũng chẳng nhớ được chúng tôi đã chuyện với nhau những gì mà qua được nhiều năm tháng thế.

Và thật phần khởi biết bao khi Nguyễn Bình lên thang gác, nói với tôi bằng một giọng bí mật:

- Sang bà T bảo cái gì.

Thế nghĩa là có món đây. Nghĩa là được chị T sai đến một cửa hàng nào đó, mua bằng phiếu hoặc bằng giấy giới thiệu một món hàng theo giá mật dịch rồi đem bán lấy lời. Nhưng Nguyễn Bình không dám nói thẳng ra điều ấy. Anh sợ. Anh bảo:

- Tao dính đến cái gì là hỏng cái ấy.

Và anh làm một bản tổng kết về cái số đen, cái vận rủi của anh. Càng ngày bản tổng kết càng dài.

- Tao đi phà thì phà chết máy, trôi xuống tận Cảng chính, nửa ngày không qua được bến Bính. Đi ăn giỗ ở Hà Nội thì trên ấy làm giỗ rồi. Mọi năm vẫn làm vào ngày chủ nhật nhưng năm ấy lại giỗ đúng ngày. Đi ô tô lên Hà Nội, người ta đi không sao. Mình đi ba lần nổ lốp. Sáu giờ sáng có mặt ở bến Niệm Nghĩa, tám giờ xe chạy mà mãi tối mịt mới đến bến Nứa. Đi tàu hỏa thì tàu hỏa hết hơi. Thật mà. Không đủ hơi leo dốc đầu cầu. Lên được nửa dốc lại trôi xuống.

Bảng thống kê rủi ro của anh còn thêm một chuyện mới nhất: Chạy vạy xin được cho vợ đi làm thuê ở Cộng hòa dân chủ Đức thì Cộng hòa dân chủ Đức tan. Nhưng điều rủi ro ấy lại hóa thành may. Do phải về nước trước khi kết thúc hợp đồng, vợ anh được bồi thường một khoản *đê mác* kha khá, làm dẫn vốn cho cái gia đình nhỏ bé ấy sinh sống.

Sang bà T bảo cái gì. Tôi đạp xe sang. Nhận tờ giấy giới thiệu của một cơ quan nào đó xin mua một tút thuốc lá, đã có chữ ký phê duyệt của cửa hàng trưởng. Nhận cả tiền. Đi mua. Rồi cầm tút thuốc Tam Đảo hoặc Điện Biên đi bán. Đi mua hàng tôi đi một mình. Đi *đổ hàng* tôi bắt Nguyên Bình cùng đi cho đỡ ngượng. Hai đứa ra ga. Rồi lại quành lại. Lượn vè vè quanh mấy hàng nước ở phố Ga, tút thuốc lá trong túi xách hơi thò lên để người ta dễ nhìn thấy. Lượn đi lượn lại mãi, chẳng có bà hàng nước

nào chú ý đến chúng tôi. Chợt một anh xích lô đang nằm ghéch chân trong lòng xe gằn đó gọi to:

- Có gì bán đấy?

*Khen cho con mắt tinh đời!*¹ Vừa sung sướng vừa ngỡ ngàng vì anh ta gọi to quá, chúng tôi xuống xe, bước tới, nói rõ mặt hàng. Ngã giá nhanh. Dù có rẻ một hai giá. Bởi vì chẳng thể cứ lượn xe mãi như vậy được. Anh xích lô dắt chúng tôi đi ngoắt ngoéo vào một khu tập thể.

- Vợ tớ làm công nhân nhà máy Len. Tối nó bán thêm cái này. Biết nhà rồi, hễ có cứ cầm đến đây nhé. Gặp tớ cũng được. Gặp vợ tớ cũng được.

Thế là yên tâm. Từ nay có chỗ đổ thường xuyên. Nhưng thuốc đầu mà đổ. Năm thì mười họa hễ có là chúng tôi lại mang đến đấy.

Băng đi lâu lâu, tôi và Nguyễn Bình đang đạp xe trên phố thì có tiếng gọi giật giọng:

- Này! Hai cậu! Đi đâu đấy?

Chúng tôi quay lại. Anh bạn xích lô. Anh cởi trần, rướn xích lô tới. Chiếc áo may ô trắng đến lóa mắt càng làm nổi tấm thân chắc lẳn ngăm đen của anh. Sau này, “hồi ký cách mạng”, ôn lại chuyện cũ, cứ nhắc đến anh là tôi và Nguyễn Bình lại chuyện về cái áo may ô ấy. Đúng là *áo anh trắng quá nhìn không ra*².

¹ Khen cho con mắt tinh đời / Anh hùng đoán giữa trần ai mới già (Nguyễn Du)

² Áo em trắng quá nhìn không ra (Hàn Mặc Tử)

Anh dùng xe bên chúng tôi, rất cởi mở:

- Minh vừa bị cái hạn.

- ...?

Anh vén chiếc áo may ô trắng lóa mắt lên:

- Đây này.

Một vết sẹo rúm lại ở mạng sườn.

- Nằm bệnh viện mất nửa tháng. May mà vết thương không sâu. Tổn gần trăm bạc đấy hai cậu ạ.

Cũng cần phải nói thêm rằng anh chỉ trạc tuổi chúng tôi mà cứ *cậu cậu tớ tớ* ngọt xớt dù mới quen nhau. Rồi anh than thở cái điều có lẽ anh đã nói với nhiều người:

- Mình có làm gì vợ nó đâu mà nó đâm mình...

Chúng tôi bấm bụng để khỏi phì cười. Mãi đến lúc đó chúng tôi mới hiểu đầu đuôi câu chuyện.

- Bà ấy có nói gì không?

- Mới đầu nó bỏ mặc mình nằm khô ở bệnh viện, rồi sau nó cũng vào chăm nom.

Chúng tôi chia tay anh, chẳng biết động viên anh thế nào. Đó là lần cuối cùng chúng tôi gặp nhau. Lần nào đi qua phố Ga cũng để ý tìm anh mà không thấy. Có thể anh đã chuyển nhà? Đã li dị? Hay đã chết bom B52?

Thế rồi một lần khác Nguyên Bình lại đến. Lần này thì: “Đi với tao”. Không phải “sang bà T. bảo cái gì” nữa. Lại giục: Đi ngay không lờ. Rồi cho tôi biết nhiệm vụ mới: Hai thằng sang cửa hàng mậu dịch bên Hạ Lý, chia

hóa đơn ra, hóa đơn tao cầm đây rồi, mua một tạ cám, hai bao, mỗi bao năm mươi ki lô. Nh. bảo năm mươi ki lô cám nhiều đấy, bao to đấy, mỗi thùng đèo một bao, không cần dây, cứ đặt bao ở pooc ba ga, một tay giữ, đặt bao cho cân là không việc gì đâu. Đến trước cửa Đài Liệt sĩ, đầu đường Hồng Bàng chỗ bến Bính đi lên ấy, hất bao cám xuống đường. Rồi cứ đạp xe đi. Thế là xong. Đã có người đón sẵn ở đấy rồi. Lấy xe đi luôn không muộn mất giờ G.

- Guợm đã. Nhưng sao lại là Nh. Nh. là ai vậy?

- Mà quên Nh. rồi à? Nh. đã gặp mà ở cơ quan hôm nàng đến đưa bài ấy. Mà cứ khen là trông khá quá ấy.

Tôi đã nhớ ra cô gái ấy. Một thông tin viên của chúng tôi. Rất mê văn chương và thích viết văn. Phục Bình lắm. Có vẻ thích Bình mà linh tính của tôi chưa bao giờ nhầm trong chuyện này, còn Bình cứ nói vợ vào là *mê Bình như điên đảo*.

Bình lại bảo:

- À quên. Tiền đây. Lãi đây. Vốn nàng ứng. Nàng bán hộ. Lãi ba chục. Nàng đưa trước đây. Chia đôi. Mà mười lăm đồng. Thôi đi ngay không muộn.

Trời ơi! Sao có người tuyệt vời đến thế. Mười lăm đồng là một phần tư tháng lương của chúng tôi. Chúng tôi phải nhặt nhanh ky cốp, lăn ra mà viết, đủ các thể loại, cho các báo, các nhà xuất bản nhưng vẫn chẳng thế nào đủ sống.

Từ lúc ấy tôi hoàn toàn tin lời Bình nói. Rằng cô ta mê Bình như điên đổ.

Chúng tôi thực hiện tốt kế hoạch cô thông tin viên đề ra. Có điều trước cửa Đài Liệt sĩ là nơi họp chợ, một cái chợ vỉa hè mà người bán là bà con nông dân từ Thủy Nguyên sang, từ An Hải đổ về, rất đông kẻ bán người mua. Tôi và Bình hiệp đồng tác chiến chính xác đến từng giây. Khi tới chỗ ngang với gốc cây gạo, đúng như quy định, chúng tôi hất hai bao tải cám xuống lòng đường rồi vẫn bình thản đạp xe đi, như người đang đi đánh rơi mà không biết. Đúng lúc đó một chiếc xích lô từ phố Khách lao ra. Anh xích lô nhanh nhẹn bốc hai bao cám lên xe, phóng đi rồi ngoặt vào đường ra bến Bính và biến mất. Tôi thoáng thấy cô Nh. đứng ở đầu phố Khách, nơi anh xích lô vừa từ đấy lao ra, nở nụ cười mãn nguyện.

Cả chợ nhìn theo chúng tôi, không hiểu chuyện gì xảy ra. Nhất định không ai nghĩ đó là một phi vụ mua bán. Không ai mua bán như vậy. Tôi tin rằng cô Nh. trẻ trung tươi tắn xinh đẹp ham thích viết văn và tuyệt vời kia có tiềm năng hoạt động và chỉ huy biệt động trong lòng địch. Chỉ vì không có điều kiện phát huy nên khả năng ấy bị mai một mà thôi. Cô đã nghĩ ra một kế hoạch ly kỳ hấp dẫn để kích thích chúng tôi tham gia như một trò chơi, để có thể giúp đỡ chúng tôi gần như từ A đến Z, bởi vì Bình cũng như tôi đều không biết bán cám ở đâu và nhất định không chịu làm cái việc đi bán cám.

Ở báo *Hải Phòng*, tôi, Nguyễn Bình và cả tổ trưởng Đinh Chương nữa gần như một ốc đảo riêng biệt. Tất cả cơ quan nhìn chúng tôi bằng con mắt khang khác, đầy nghi kỵ. Nguyên nhân là cả ba chúng tôi đều ham thích viết văn và đều có những sáng tác được in thành sách. Nguyên nhân là cả ba chúng tôi có mặt ở cơ quan chỉ để nộp bài, họp và lĩnh lương, không la cà trà dư tửu hậu phòng này phòng khác. Ba cái bàn, đặc biệt là hai cái của tôi và Nguyễn Bình gần như không được dùng đến. Nguyên nhân là chúng tôi viết bài có khá hơn các phóng viên khác đôi chút dù đều là *thấy ký nhật trình tình xếp* và lương thấp hơn họ. Nguyên nhân là chúng tôi không phụ họa vào dàn đồng ca chửi phim *Bài ca người lính*, *Số phận con người* và ngược lại còn luôn khẳng định đây là những kiệt tác của điện ảnh Xô Viết. Nhưng chúng tôi vẫn được dùng, vẫn được giao viết những bài phong cho những số báo đặc biệt. Chúng tôi bám chắc cơ sở. Đến với cơ sở như những người bạn. Có giao thừa nào tôi không ngồi tít trên bệ bùn nhà máy xi măng, ra máy búa rồi xuống nhà tháo bụi mù mịt để làm một cái *ghi nhanh* về bao xi măng đầu tiên lúc giao thừa. Và Nguyễn Bình thì ra Cảng. Cũng lại *ghi nhanh* về mã hàng đầu tiên trong năm mới. Tất cả đều *ghi nhanh* và đều nộp cho tổ trưởng Đinh Chương. Bài đăng trang nhất. Còn nói chúng tôi sao được. Cũng có những lúc ham chơi. Tôi ham chơi.

Nguyên Bình còn ham chơi hơn tôi. Hẹn giờ nộp bài hay họp tổ, anh thường đến muộn. Đinh Chương gắt:

- Ông này buồn cười nhỉ. Sao bây giờ ông mới đến? Tôi có quản lý ông gò bó tám giờ vàng ngọc ở cơ quan đâu, nhưng đã hẹn thì phải đúng giờ chứ!

Nhiều lần như vậy, Bình đều nhận khuyết điểm, nhận rất thành khẩn nhưng không bao giờ sửa. Rồi anh nghĩ ra một mẹo khác. Đáp lại sự gắt gỏng cầu nhàu của Đinh Chương, anh cầu nhàu lại:

- Tôi đến từ nãy, chờ anh mãi, vừa đi quanh một tí...

Đinh Chương ngờ ra:

- Ờ ờ... Tớ chờ cậu không thấy, cũng vừa đi quanh tí thôi.

Té ra Đinh Chương cũng đến muộn. Cái trò *contre-attaque* ấy, Bình sẽ còn sử dụng nhiều lần. Cũng chỉ vì ham chơi, *mãi vui quên hết lời anh dặn dò* mà khi Đinh Chương giao cho Bình đi viết một bài về hợp tác xã Thăng Lợi ở Quán Trữ (Kiến An), nước đến chân mới nhảy, anh bỏ nháo bỏ nhào đạp xe lên Quán Toan, trên đường đi Hà Nội, thế nào mà cũng có một hợp tác xã mang tên Thăng Lợi. Tổ trưởng Đinh Chương khi duyệt bài cũng không để ý đến cái hợp tác xã Thăng Lợi ấy ở Quán gì. Về sau Nguyên Bình còn làm cả một cái thống kê các hợp tác xã nông nghiệp có những tên giống nhau. Như Thủy Nguyên có 4 hợp tác xã mang tên Thống Nhất,

An Hải 5. Vĩnh Bảo 3. Tiên Lãng những 7 cơ mày ạ. Tên là Đoàn Kết: Thủy Nguyên 6. Vĩnh Bảo cũng 6. An Hải ít thôi... Anh cười khì khì:

- Minh có viết sai một tí thì thằng nọ cứ tưởng mình viết về thằng kia.

Tôi bảo:

- *Cả làng Vũ Đại ai cũng nghĩ chắc nó chùa mình ra.*

Cũng như những người viết văn trẻ khác, chúng tôi đều viết về con người mới, ca ngợi chủ nghĩa anh hùng cách mạng, và khao khát được viết thật hơn, không chỉ có những thuận lợi mà còn những khó khăn, không chỉ những người trung thực mà còn những kẻ quan liêu, những tên nịnh hót. Cái truyện ngắn *Người chết không cô độc* của Nguyên Bình được viết ra với những ý nghĩ như vậy. Nó đã làm anh gay go. Gay go cả đến tôi. Trong xà lim, người ta hỏi tôi rất nhiều về truyện ngắn đó. Nó làm người ta chú ý, lo ngại. Chỉ vì cái tên thôi. Cứ như là chuyện một người hy sinh, chết vì một cái gì đó, nhưng anh ta không cô độc, có nhiều người đứng bên anh. Tôi đánh giá nó là một truyện trên trung bình, một truyện ca ngợi con người mới không xuôi chiều, có một chút ngẫm ngợi riêng, thế thôi.

Thế mà đã gây ra dư luận cảnh giác, lên án dù chưa in cũng như chưa ai đọc.

*

Nguyên Bình đã có một thời gian dài nằm bệnh viện tâm thần, *đi Đông Khê* như người ta thường nói. Quả là một đạo thần kinh anh quá căng thẳng, nhưng không đến nỗi phải xuống Đông Khê. Cũng như Nguyễn Văn Chuông, cũng như Nguyên Hồng, anh mắc phải bệnh sợ người ta hãm hại. Mỗi bước đi, anh đều thấy nguy hiểm rình rập ở đâu đó. Anh luôn chờ đợi tai họa và sẵn sàng đón nhận tai họa, thậm chí còn mong nó đến ngay đi để chấm dứt những ngày chờ đợi. Trong những giờ phút tỉnh táo anh quyết định *xuống Đông Khê*, dù phải vận động chạy chọt, để được sống trong một thế giới riêng, hoàn toàn yên tĩnh, an toàn tuyệt đối như anh nghĩ.

Có những người điên cực kỳ nguy hiểm, những người điên phải trói chặt chân tay, những người điên nhốt trong cũi sắt, nhưng cũng có những *người điên hiền lành, người điên gạch nói*¹. Anh chuyện trò với họ, nô đùa với họ. Anh làm ngựa cho những đứa trẻ điên cười và cười lên lưng những người điên tình nguyện làm ngựa cho anh. Có một anh cán bộ đoàn bị điên đang chuyện như những người tỉnh táo nhất, bỗng nhiên hoảng hốt, nghiêm sắc mặt, người gồng lên, chuyển thể trung bình tấn. Anh vận hết nội công, nội lực xuống hai chân, ghì giữ lấy vết nứt của quả đất đang toác ra ngay dưới chân anh. Vết nứt ấy mỗi lúc một bừa rộng ra, toang hoác, đen ngòm. Tất cả cuộc sống của loài người, của muôn loài đang phụ thuộc

¹ Tên những bài thơ của Hoàng Hưng

vào anh, nếu anh không đem hết sức bình sinh ra giữ, vết nứt ấy sẽ cứ to mãi to mãi cho đến khi quả đất vỡ đôi ra như người ta tách quả bưởi vậy. Thế là hết. Là tận thế. Không chỉ giữ vết nứt, anh còn phải bằng sức mạnh đôi chân, kéo khếp dần vết nứt lại, cho nó hàn khẩu, cho quả đất trở lại bình thường.

Anh cán bộ đoàn nghiên răng xuống tấn, khuôn mặt xương xẩu nổi cục gân cốt, tóc dựng đứng, móng tay cào bần cắm vào lòng bàn tay chảy máu, mắt trừng trừng nhìn vào vũ trụ. Không ai có thể kéo được anh ra chỗ khác. Không ai có thể xô ngã được anh. Anh như một thú Tù Hải chết đứng. Vì anh đang thực hiện một nhiệm vụ lớn lao mà số phận đã giao phó: Cứu trái đất. Cứu nhân loại. Khi thấy vết nứt giữa hai chân, dưới háng đã khếp lại, mím lại, liền lại, anh ngồi bệt xuống đất thổ, mặt nhợt ra trắng bệch như tờ giấy, người đẫm mồ hôi, mềm nhũn rồi đổ kênh bất tỉnh.

Nguyễn Bình kết bạn với một anh giáo viên dạy sử bị điên. Đang vui câu chuyện, thỉnh thoảng anh lại im bật, nhìn ngó chung quanh và hét lên:

- Kẻ xấu đã lộ mặt!

Hoặc đứng yên, xếp giấy cầm trên tay, hơi áp vào ngực như đứng trên bục giảng, nói với những học trò vô hình đang im phăng phắc chờ nuốt từng lời bài giảng của anh:

- Tiếng Phạn. Hôm nay thầy dạy các em về tiếng Phạn cổ...



Ảnh trên: Không chỉ viết văn và vào nhà thương điên, Nguyên Bình còn chụp ảnh. Ông đã chụp ảnh vợ con Bùi Ngọc Tấn khi ông lang thang ở những miền rừng núi. Trong ảnh (ngồi từ phải sang): Vợ nhà văn Nguyễn Thị Ngọc Bích, các con Bùi Quang Dũng, Bùi Thị Giáng Hương, Bùi Thị Hải Yến, Bùi Ngọc Hiến. Ảnh chụp năm 1971 tại hiên nhà các cụ thân sinh nhà văn Bùi Ngọc Tấn tại Thủy Nguyên.

Nằm ở Đông Khê (cũng là nơi Nguyên Hồng viết tập tiểu thuyết đầu tay *Bỉ vỏ*) Nguyên Bình đã khỏi hẳn triệu chứng sợ người ta hăm hại. Anh trò chuyện với những người điên và ghi chép. Ở Đông Khê chỉ có hai bệnh nhân viết. Đó là Nguyên Bình và người thầy dạy sử. Một hôm người giáo viên kia ôm một bọc ni lông giấy tờ khá nặng ra định đốt. Nguyên Bình vội chạy tới. Người điên hiền lành nhìn anh cười. Que diêm đã bật cháy. Anh ta

vẫn nhìn Nguyên Bình và vẫn cười. Nguyên Bình cười lại. Que diêm cháy rồi tắt giữa hai ngón tay, anh ta cũng không biết đau. Anh giáo viên sử hất hàm về phía đồng giấy và hất hàm về phía Bình. Thế nghĩa là có lấy không? Tờ đốt bây giờ đây này. Được lời như cời tấm lòng, Bình gật. Có đến mười ki lô giấy các loại, chi chít chữ viết bằng bút chì, mực tím, mực xanh, mực đỏ. Viết ngoáy cả hai mặt giấy, gần như không thể nào đọc được.

Trích *Cô gái mở cõi và hòn đảo* (Tiểu thuyết của Nguyên Bình):

Có thể vì tò mò, cũng có thể chưa biết làm gì trong mấy ngày trước mắt, người đeo kính đen kiên trì thật đáng khâm phục tìm ra trật tự trong cách sắp xếp rối loạn của mớ giấy. Nói đúng hơn, ông đã tìm cách đọc được lúc thì những tư tưởng mạch lạc, lúc thì vài đoạn văn lẻ tẻ nhưng sáng sủa, sắc sảo đến bất ngờ. Ông lọc riêng những đoạn ấy ra, cố sắp xếp thành hệ thống nhưng không làm nổi.

Trong tay người đeo kính đen bây giờ có tập văn bản được xếp theo ý người chọn. Ông chất tất cả vào một tờ bìa gấp. Ngoài bìa đã có sẵn dòng chữ kẻ to của chính người viết. Ông mỉm cười khi đọc những dòng chữ ấy: BẢN DỊCH NGUYÊN VĂN TỪ TIẾNG PHẠN CỔ. Trong cả chồng giấy chất ngất loại ra không có dấu hiệu nào của văn bản tiếng Phạn hay một thứ tiếng nào khác. Có thể người dịch đã mang sẵn thứ tiếng ấy trong trí nhớ di truyền. Biết đâu. Nhưng điều đó không quan trọng. Chính người dịch đã có

một câu rất hay dường như để giải đáp cho ai đó có thể nêu nghi vấn cả về bản dịch, cả về nội dung: **Hãy bác bỏ được tôi rồi hãy phủ nhận.** Người đeo kính đen viết dòng chữ ấy vào một tờ giấy trắng, đặt lên trang đầu bản thảo.

Những tư tưởng của người giảng viên khoa sử đặt ra từ phía ít ai ngờ nhất. Người đeo kính đen nghiên ngẫm rất lâu những dòng bàn về thuyết luân hồi, linh hồn của đạo Phật và những câu kết luận: Con người không chỉ chịu trách nhiệm về cuộc sống trước mắt mà hàng vạn năm sau vẫn gánh hậu quả của thiện - ác.

Tôi đã trích gần trọn hai trang 98, 99 quyển tiểu thuyết thứ ba của Nguyên Bình, quyển *Cô gái mồ côi và hòn đảo*. Bởi vì anh chính là người đeo kính đen trong truyện.

Nguyên Bình hoàn toàn quên bản mình đang trong nhà thương điên. Anh đang đi du lịch vào một thế giới bí hiểm, hấp dẫn, lần đầu tiên anh đặt chân tới, mà mỗi bước đều hứa hẹn một điều mới lạ, mới lạ đến kinh ngạc. Anh quên hẳn mọi lý do đã xô đẩy anh tới đây. Có lẽ nhờ thế mà anh khỏi bệnh. Đúng là một cách chữa bệnh tuyệt vời. Anh sùng sốt đọc những dòng anh điên luận về người điên:

Người điên là gì? Đó là món quà hồi tố. Con người sơ khai sống bản năng ra sao, người điên như thế. Không lễ nghi, không lệ thuộc vào những quy ước nhiều khi làm méo mó bản tính. Đó là những người sống thật tình nhất, đúng

bản tính nguyên thủy nhất. Muốn nghiên cứu loài người buổi bình minh, hãy nghiên cứu người điên.

Nguyễn Bình viết:

Trong vùng mung lung của ánh sáng trí tuệ đan xen với bóng tối bản năng, những phút lóe sáng của người bệnh tâm thần thật đáng kinh ngạc. Người giảng viên khoa sử này nghiền ngẫm về tất cả, quan sát tất cả. Anh viết về những đứa trẻ mồ côi: Chúng lên năm, lên ba, mười ba hay mười lăm? Không. Chúng không có tuổi. Chúng là con của mọi thời đại, mọi dân tộc. Chiến tranh, tai ương là bố mẹ chúng. Chúng là phần bất hạnh nhất của nhân loại, đi cùng nhân loại từ khai sinh tới tận hôm nay.

Nguyễn Bình đang đọc thì người điên vào. Ôi! Cái Nhật ký người điên này mới hấp dẫn và mê ly làm sao!

Người điên ngồi xuống giường, ý tứ uống từng ngụm nhỏ chén nước được mời. Hết, người điên xin chén nữa. Lại chén nữa. Nhưng vẫn uống chậm rãi. Biết thưởng thức thứ hương vị nước chè từ lâu không được uống. Rồi rụt rè hỏi Nguyễn Bình về những trang viết của mình. Nguyễn Bình thành thật:

- Những trang đọc được tôi rất khâm phục.

Người điên thành thật không kém:

- Như thế là công bằng. Có phải công trình của mình tôi đâu. Của nhiều đời. Nhưng sao anh lại nói những đoạn đọc được. Chỉ những phần cần giữ bí mật tôi ghi bằng ký hiệu. Tất cả đều đọc được.

Rồi người điên nói mỗi lúc một nhanh như sợ không kịp nói những điều cần nhất:

- Con người là đối tượng của một cuộc thử nghiệm tồn tại với tư cách là một vũ trụ nhỏ, gắn bó hữu cơ với vũ trụ lớn và vũ trụ vi mô, theo chương trình đã được vạch sẵn cho nhiều triệu năm. Đến lần thứ n nào đấy, chương trình được làm lại từ đầu nhưng ở mức phát triển cao hơn:

Rồi lại vội vàng hơn, nhanh hơn:

- Trẻ mồ côi và chính quyền không có trong chương trình. Loài người nên nhớ rằng ở bất cứ xó xỉnh nào của trái đất, có thêm dù chỉ một đứa trẻ mồ côi là họ đã tạo ra khả năng làm rối loạn cuộc thử nghiệm.

Đang nói hăng say, chợt người điên đứng lên hất tấm chăn phủ người xuống, hét to như cảnh báo:

- Kẻ xấu đã lộ mặt!

*

Tôi đã chép lại nhiều dòng trong *Cô gái mồ côi và hòn đảo*. Ý nghĩ cho rằng loài người chỉ là một chương trình thử nghiệm của người giáo viên dạy sử đến hôm nay tôi lại bắt gặp trong những trang tiểu thuyết của Kundera, *Sự bất tử*. Nhân vật Agnes nghĩ: “Thay cho Chúa ở đây là một chương trình được thực hiện không sai lệch cho dù vắng Người, đồng thời không ai có thể thay đổi chút gì trong chương trình đó (...). Tất cả những việc còn lại, theo quan điểm của tạo hóa, không có chút ý nghĩa nào cả mà

chỉ là một trò chơi của một chương trình tổng thể đã được định trước, chương trình đó không phải là sự tiên đoán thấy trước tương lai...

Khác với Agnes (hay chính xác hơn, khác với Kundera) người điên trong *Cô gái mở cõi và hòn đảo* (hay Nguyên Bình cũng vậy) muốn đưa ra một lời kêu gọi con người hãy hướng tới điều thiện. Anh viết: *Con người không chỉ chịu trách nhiệm về cuộc sống trước mắt, mà hàng vạn năm sau vẫn gánh hậu quả của thiện - ác.*

Với tôi, *Cô gái mở cõi và hòn đảo* là một quyển tiểu thuyết hay. Hay hơn *Hương* của anh. Hay hơn *Những ngày đã qua*, quyển tiểu thuyết được giải A của Hội Nhà văn và Tổng công đoàn của anh. Và tất nhiên hay hơn nhiều quyển tiểu thuyết xuất bản thời gian đó. Nó rơi vào im lặng. Người ta không khen nó đã hẳn. Người ta cũng không phê phán nó và làm như không có nó.

Trong *Cô gái mở cõi và hòn đảo*, anh bắt những kẻ xấu phải lộ mặt. Những kẻ xấu mới gian manh quỷ quyệt làm sao! Chúng đều nấp sau cái vỏ đạo đức, chúng đều nhân danh đạo đức, nhân danh những người đang làm điều thiện trong khi chúng dồn mấy đứa trẻ mở cõi cả cha lẫn mẹ (bị chết dưới bom đạn Mỹ) phải thôi học, phải về một nơi “nghỉ ngơi”, thực chất là một thú tù giam lỏng. Đây là một cách đánh vợ con của chú Hạng, chú ruột em gái mở cõi: *Khi cơn giận đã làm tím mặt, chú cấu đứt thịt vào bất cứ chỗ nào, tát hoặc đấm. Chú làm việc đó một cách kín*

đáo không để người ngoài thấy. Dù sao chú cũng có bằng đại học. Người bị đánh, bị sỉ nhục càng đau, nét mặt chú dần dần càng trở lại hòa nhã, lịch sự.

Mọi cách đánh người của những kẻ xấu trong tiểu thuyết đều là như vậy. Tất nhiên không đánh đập cấu véo da thịt như chú Hạng. Mà đánh vào cuộc đời người khác một cách rất dã man dưới cái vỏ đạo đức. Nhưng Nguyên Bình đã bắt chúng phải lộ mặt.

Cô gái mồ côi và hòn đảo không chỉ có những kẻ xấu, không chỉ có triết lý của chương trình thử nghiệm. Nó có cái ly kỳ và sự tưởng tượng bay bổng của *Đảo giấu vàng*, nó có Thénardier nhưng cũng có Jean Valjean, có tình thương yêu đùm bọc của những đứa trẻ mồ côi, có những trang cảm động về đám giỗ bố mẹ mà lũ trẻ làm trong trại, về cô bé Thu mồ côi cả cha lẫn mẹ, lần đầu tiên trở thành thiếu nữ, thấy máu trong người nhỏ giọt cứ nghĩ mình sắp chết. Anh rất kiệm lời nhưng vẫn làm ta phải mỉm cười một mình khi đọc những nhận xét của anh về con chó Bim, về những sinh hoạt của trẻ nhỏ, bởi vì chúng mồ côi nhưng vẫn là trẻ nhỏ. Và những trang viết về nông thôn, cái tình của anh khi nhìn thấy cánh đồng, thấy con sông đang chảy, ngửi mùi rơm rạ phơi giã nắng, bởi vì như anh đã tổng kết: Mỗi người dù xa quê nhiều đời, vẫn có trong ký ức di truyền hương vị quê hương.

*

Gò Đống Đa 1987

C4 Thanh Xuân Bắc 1989

Đó là thời gian và nơi Nguyễn Bình viết *Cô gái mở cõi và hòn đảo*, được ghi sau dòng cuối cùng.

Anh đã *về hưu non*. Tôi phải gạch dưới những chữ này để trả về cho nó ý nghĩa ban đầu, bởi vì gần đây ba từ *về hưu non* được dùng để chỉ những vị sáu bảy mươi còn chưa muốn rời ghế làm việc, vẫn còn muốn tiếp tục phục vụ nhân dân cho đến hơi thở cuối cùng.

Anh cũng đã chuyển về Hà Nội, bỏ lại tôi một mình ở Hải Phòng, khiến tôi lâm vào cảnh *không còn nơi nào để mà đi đến nữa*. Chưa bao giờ tôi nghĩ *Cô gái mở cõi và hòn đảo* là tập sách cuối cùng của anh, chưa bao giờ tôi nghĩ anh lại bỏ bút. Bởi vì hơn ai hết tôi biết anh còn bao dự định, bao điều muốn nói, những điều mà cú đấm trong lòng sẽ vón cục lại như một khối u. Nhất là giờ đây việc viết và in đã cởi mở hơn trước rất nhiều, làn gió dân chủ dù còn những khó khăn nhưng đã là một xu thế xã hội, khiến tôi đã *cai viết* gần ba mươi năm cũng đã cầm bút trở lại. Đó là chưa kể anh đang hưu trí an nhàn, có nhiều thời gian rảnh rỗi.

Thế nhưng chính vào lúc anh đang hưu trí an nhàn ấy, chính vào lúc tôi viết trở lại ấy, Nguyễn Bình gác bút, không viết thêm một dòng nào nữa. Anh dứt hẳn với văn chương khi anh chưa đến 50 tuổi, đang độ chín, chín trong nghề nghiệp, chín trong cuộc sống. Anh không viết

nữa giữa lúc anh có nhiều thời gian rảnh rỗi, có nhiều điều để viết, khi anh đã là hội viên Hội Nhà văn và tổ chức được cuộc sống gia đình có thể tạm gọi là ổn định.

Đã có lần Nguyễn Bình nói về tình bạn giữa hai chúng tôi đại ý: Dù chúng tôi có xa nhau bao lâu, khi gặp lại cũng vẫn như mới chia tay nhau hôm trước, câu chuyện giữa chúng tôi vẫn chỉ là nối tiếp câu chuyện dở dang lúc chia tay. Không có khoảng cách nào cả về không gian, cả về thời gian có thể làm chúng tôi không hiểu được nhau.

Thế mà giờ đây cái điều đáng buồn đã xảy ra: Chúng tôi không đối thoại được cùng nhau.

Không có sự hiểu lầm nào. Không có mâu thuẫn nào giữa chúng tôi. Tôi đến anh. Vợ chồng anh, hai cháu gái Tùng Cương, Tùng Ngọc coi tôi là người ruột thịt trong nhà. Anh xuống Hải Phòng với tôi, vợ con tôi reo lên:

- Chú Phú!

Phú là tên khai sinh của anh. Chúng tôi đến nhà nhau, lúc nào cũng thấy thoải mái như đang ở nhà mình.

Bia hơi. Món nem trạo ưa thích, vừa rẻ tiền, vừa khoái khẩu. Nhưng cái mệt đến sau những giây phút đầu tiên gặp gỡ ấy, sau những bữa ăn ấy. Cơm xong, chúng tôi kéo nhau lên phòng nhỏ trên tầng ba trò chuyện. Một căn phòng anh mới xây thêm cho riêng anh, một thứ chuồng câu cao và xinh xắn. Ngày, anh đi với những học sinh của anh, những người bệnh của anh. Tối, anh lên đây ngủ.

Chỉ một mình anh. Hình như là để tiếp nhận linh khí của trời đất. (Chà! Cái người rất chăm chỉ trong chuyện chăn gối này đã quên hẳn chuyện chăn gối). Và trong khi tôi mới viết văn trở lại có bao điều muốn nói cùng anh thì anh chỉ nghe tôi như một chủ nhân lịch sự đang tiếp khách. Rồi đến lượt anh nói. Anh nói về những khả năng kỳ diệu của con người, về phương pháp tinh công ý thức, những thuật ngữ tôi chỉ nghe cũng đã rối tinh đầu óc. Anh sôi nổi: Mà tập đi. Cái này hay lắm mà mà không tập thì phí quá. Tao đi vào cái này và nghĩ đến bạn bè, tất nhiên là nghĩ đến mà trước tiên. Anh nói về linh khí, linh địa, về những khả năng tiềm ẩn của con người, về linh hồn bất diệt, về những lập trình của tự nhiên, con người từ đâu đến, chúng ta là ai, chúng ta đi đến đâu. Tôi căng hết trí não ra nghe. Và gật gù cười cười tán thưởng. Bỗng anh hạ một câu chính xác, trúng tim đen:

- Nói chuyện với mà thà nói chuyện với đầu gối còn hơn.

Tôi cười âm:

- Quả thật tao không hiểu gì hết, nhưng cứ phải cố làm ra vẻ thể thôi. Rất chi là hoang mang.

Nguyễn Bình cũng bật cười:

- *Anh hoang mang khi chưa nắm tình hình. Nắm tình hình rồi tình hình rất hoang mang.*

Đó là hai câu thơ trong truyện ngắn của Hồng Hoang mà cả hai chúng tôi cùng thích. Bình lại nói:

- Trong các lớp học, tao giảng cho học viên nghe, đến những chỗ tao biết là rất găng, tao hỏi: Thế nào? Hoang mang lắm phải không? *Anh hoang mang khi chưa nắm tình hình. Nắm tình hình rồi tính hình rất hoang mang.* Bây giờ học viên ai cũng thuộc hai câu thơ ấy.

Bình nói anh có thể định được giờ anh ĐI. Khi ấy tao sẽ gọi các con tao lại và bảo bố *đi* đây. Thế là tao *đi*. Rồi lại sôi nổi thiết tha, thúc giục:

- Mà tập đi. Cái này tốt lắm. Mình biết nó rất hay, muốn phổ biến cho bè bạn mà bè bạn không nghe thì tiếc lắm.

Gần như áp đặt, anh xuống Hải Phòng mở một lớp học ngắn ngày. Dạy chúng tôi cách thở. Cách khai mở các luân xa. Chúng tôi tập ngồi, tập thiền. Anh cho tôi xem các hợp đồng với các bệnh viện, các cơ quan khoa học về thí điểm tập cho người mù biết đọc, xem ti vi được, nhìn được. Tất nhiên cái ánh sáng anh đem đến cho người mù không phải là thứ ánh sáng vật lý thông thường. Và anh cho xem cả những biên bản về những cuộc kiểm tra kết quả bằng cách đưa những người mù học viên của anh đến những công viên Hà Nội nhiều cây cối để họ đi trong công viên như những người bình thường, không phải giơ tay ra sờ soạng dò đường.

Anh có nhiều học viên. Người ta đón anh vào thành phố Hồ Chí Minh. Anh giảng ba ca liên tục trong nhiều ngày đến mức thời gian đó tôi cũng ở trong ấy với con tôi

mà anh quên mất lời hẹn, không lại chơi cũng như không gọi điện, còn tôi chẳng biết anh ở đâu để mà điện thoại để mà tới thăm.

Một lần lên Hà Nội, tới nhà một người bạn là cán bộ trung cấp trong quân đội ở khu Nam Đồng, tôi thấy rất nhiều các sĩ quan quân đội đang tập trung chờ *thấy* đến. Rồi *thấy* đến. Tôi ngạc nhiên và vui mừng biết bao vì người *thấy* tiên phong đạo cốt ấy là Nguyễn Bình. Quả là tiên phong đạo cốt: Minh gầy vóc hạc, tóc bạc, lông mày bạc, râu bạc, dù ngày ấy anh mới ngoài năm mươi tuổi.

Bạn bè ở Hà Nội nói với tôi: Thăng Nguyễn Bình là bậc đại sư rồi.

Tôi không biết tài năng chữa trị của Bình đến đâu, và quả thật tôi cũng chưa tin những điều Bình nói về khả năng gần như vô tận của con người, về cái tuổi thọ con người lẽ ra được hưởng, nhưng tôi có chứng kiến một sự việc nhân tiền. Chị Tường, vợ anh bị thiếu năng tuần hoàn não nặng. Đi lại khó khăn. Không thể ra khỏi cửa. Đã đến các bệnh viện, dùng đủ các thứ thuốc đắt tiền. Mà đâu vẫn hoàn đấy. Vẫn đi lại khó khăn. Vẫn không ra khỏi cửa. Bình đã chữa cho vợ. Không phải dùng thứ thuốc nào. Chị đã trở lại khỏe mạnh. Đã đi xe máy được giữa phố phường đông đúc Hà Nội.

Đó là một việc có thật. Nhưng tôi vẫn hoang mang. Càng hoang mang hơn khi anh rủ rì:

- Mà tập đi. Mà tập đến một độ nào đấy thì sẽ không muốn viết nữa.

Tôi giã náy:

- Không. Không. Tao đang muốn viết lắm.

Tôi không hiểu và tin rằng mình không thể hiểu được những điều Bình đang theo đuổi. Chỉ lờ mờ rằng đạo của anh - nếu có thể nói được như thế - có một cái gì rất gần với đạo Phật và cũng rất gần với những suy nghĩ của anh trong *Cô gái mồ côi và hòn đảo*. Nó bắt nguồn từ những ngày xa xưa, từ những ngày anh chữa bệnh ở Đông Khê, gần gũi những người điên. Hay nói theo cách của anh: Sự chuyển hướng của anh đã được mã hóa, đã được cài đặt trước. Đến tháng ấy năm ấy, Nguyên Bình sẽ làm những việc như thế, thành một người như thế. Anh muốn tôi theo anh, từ bỏ những việc trần tục tôi đang làm để đi với anh tới những gì rộng lớn hơn của kiếp người. Anh muốn tôi thiền. Nhưng tôi là người nặng nợ. Tôi còn phải viết. Tôi cũng được mã hóa rồi.

Cứ gặp nhau là anh thuyết phục tôi. Về thuyết luân hồi. Về cái vòng đời của chúng ta không dài hơn vòng đời một con ruồi dấm. Rồi lại những khả năng vô tận của con người, rồi ba dạng tồn tại của vật chất: Vật chất thô, vật chất tinh hoa, vật chất trung gian...

Và bất chợt nhận ra vẻ mặt ngây ngô của tôi:

- Không hiểu phải không? Hoang mang lắm phải không?

Không ai bảo ai, ngay lập tức cả hai chúng tôi đều song
tấu rất nhịp nhàng:

- *Anh hoang mang khi chưa nắm tình hình*

Nắm tình hình rồi tình hình rất hoang mang.

1/2/2000

26 Tết Canh Thìn

Một ông già sống cho đến khi chết

Khi cái chết đến với một con người thì cũng từ đó một cuộc sống mới nảy sinh. Ý nghĩa lớn nhất của cuộc sống vẫn tiếp tục sau cái chết có lẽ là sự công bằng, điều cả loài người mong ước như một khát khao hướng thiện.

Nhà thơ, nhà giáo, nhà hoạt động cách mạng Lê Đại Thanh đang sống cuộc sống thứ hai đó trong mỗi chúng tôi, những người dân thành phố Hải Phòng, thành phố của hoa phượng, của xi măng, của Ao Than, Quán Nải, Máy Chì, Máy Tờ, Ca rô, Xac rích ngày xưa, của Duyên

Hải, tổ đá nhỏ ca A vang bóng một thời, của những khu công nghiệp tập trung trong thời đổi mới hôm nay. Và Hải Phòng của biển, của những hồi còi tàu cất lên chào bến cảng.

Hải Phòng từ lâu đã là một thành phố của giai cấp, của phong trào, của công nghệ. Nhưng Hải Phòng không chỉ có thế. Hải Phòng còn là một địa chỉ của Văn Hóa, một ngọn nguồn văn nghệ với những người đã góp phần to lớn vào dòng chảy của dòng sông văn nghệ Việt Nam: Thế Lữ, Khái Hưng, Lan Sơn, Lê Đại Thanh, Nguyễn Hồng, Trần Tiêu, Lê Thương, Hoàng Quý, Phạm Ngũ, Canh Thân, Đoàn Chuẩn, Văn Cao, Nguyễn Đình Thi, Đỗ Nhuận...

Giữa những tên tuổi ấy, Lê Đại Thanh là một trong những người đi trước. Và trong số ấy cũng chỉ có Lê Đại Thanh với Nguyễn Hồng là gắn bó cả đời với Hải Phòng. Cuối cùng, theo phép rút gọn chỉ còn một Lê Đại Thanh là duy nhất đã sinh ra, lớn lên, sống và chết ở Hải Phòng theo cả nghĩa đen.

Mảnh đất mặn phù sa nước mắt Hải Phòng đón nhận ông. *“Chết là trở về với tinh thể sao trời. Trả trái đất những gì vay mượn trước”* như thơ ông viết.

Linh hồn ông đã trở về với trời sao. Thể xác ông từ đất lại trở về với đất. Vậy là ông đã sạch nợ nần với vũ trụ. Không những thế, ông còn trả cả lãi. Đó là món nợ với con người, là những gì trong nghệ thuật ông để lại

cho chúng ta, thú “thập loại chúng sinh” còn sống, chưa “xuống ga đời” chưa “trả lại vé quê hương”.

Ông làm chúng ta vui lên, ông làm chúng ta yêu đời, ông làm chúng ta có thêm nghị lực sống.

Ông là sự hấp dẫn hãy hiến dâng trọn đời cho nghệ thuật, cho cái đẹp, nhưng cũng là lời cảnh báo cho những ai muốn bước vào con đường nghệ thuật, hãy xem xét lục lợi hành trang của mình: Có đủ tình yêu và lòng dũng cảm hay không? Và đừng bao giờ coi nghệ thuật là đồ trang sức. Càng không thể chơi trò chơi văn nghệ.

Sinh năm 1907, mất năm 1996, Lê Đại Thanh đã cống trên lưng gấu trọn thế kỷ 20, một thế kỷ mang trên mình

Bao nhiêu mầm ung độc

Bao nhiêu nụ hoa đời

như Huy Cận đã viết.

Trong bản lý lịch hội viên Hội Nhà văn Việt Nam, Lê Đại Thanh viết: “Mẹ tôi đẻ tôi sau những năm Nga - Nhật chiến tranh trên bờ sông đào Hải Phòng. Thế giới của tôi là cái thành phố công nhân mới tạo lập đầy những đầm ao, đầy những tiếng ếch, tiếng ễnh ương, tiếng hát của Tây say, của đám lính thủy Pháp đổ bộ vào các nhà chùa. Tôi yêu tha thiết cái thế giới nhỏ bé của tôi. Đó là trường học do ông Thông Vôi lập ra ở phố Cầu Đất”.

Mười hai tuổi Lê Đại Thanh mồ côi mẹ. Sau này nhớ lại nỗi đau ngày ấy Lê Đại Thanh nghẹn ngào:

Mẹ xa con năm mẹ ba mươi tuổi

Tôi như người chết đuối

giữa dòng đời

Và

Tôi là con chim se sẻ lạc giữa rừng người

Mỗi gà gáy canh năm ai đánh thức tôi?

Ai đưa tôi ra trường học

Tôi đói trọn đời một hương hoa ngâu ướp

sưởi tóc

Không còn người mẹ “áo mớ ba mớ bảy”, sưởi tóc ướp hoa ngâu, gánh chiếu hoa đi chợ bán, kinh tế gia đình gặp khó khăn.

Bù lại, “con chim se sẻ lạc giữa rừng người” cậu học sinh nghèo Lê Đại Thanh học rất giỏi.

Hai mươi tuổi, tốt nghiệp cao đẳng, khoa sư phạm, ông đã được bổ nhiệm chính ngạch và được đặc cách dạy lớp Nhì, lớp Nhất tại trường Jules Ferry (Nam Định). Học trò ông ở đây có nhà văn Nam Cao, nhà cách mạng Đỗ Đức Dục. Ngày ấy Nguyễn Hồng cũng học ở Jules Ferry nhưng ở lớp khác.

Bốn năm sau do kết bạn với những người cách mạng, những thanh niên có tư tưởng tiến bộ mà nhà nước bảo hộ liệt vào loại thành tích bất hảo như Ngô Gia Tự, Đỗ Ngọc Du, Nguyễn Công Mỹ, Bùi Đình Đồng... ông bị chuyển lên mạn ngược, dạy ở trường Nước Hai (Cao

Bằng). Ở đây một loạt học sinh của ông sau này trở thành các tướng lĩnh: Bằng Giang, Quang Trung, Nam Long... Và cũng ở đây, những người bạn của ông như Ngô Gia Tự, Bùi Đình Đồng... vẫn đến thăm ông.

Chắc chắn ông không chỉ dạy học trò cách cộng trừ phân số, quy tắc tam suất hay học thuộc lòng lịch sử Pháp bằng tiếng Pháp theo chương trình bắt buộc “*Nos ancêtres sont des Gaulois*” (Tổ tiên chúng ta là người Gaulois). Thầy giáo Lê Đại Thanh đã thổi vào tâm hồn học sinh của mình lòng yêu nước, lòng tự hào dân tộc, tình yêu nhân dân đang rên xiết dưới ách thống trị của thực dân đế quốc.

Rồi ông được chuyển về làm đốc học ở trường Hàng Kênh thuộc huyện Hải An, tỉnh Kiến An. Chánh mật thám Hải Phòng, tri huyện Hải An đã nói thẳng với ông đốc học cao lớn, đẹp trai, một nhà thơ trẻ thuộc nhiều thơ Pháp, một võ sĩ judo, một võ sĩ quyền Anh nghiệp dư là Lê Đại Thanh rằng ông không được đi quá Hải Phòng - Kiến An 30 kilômét mà không xin phép Kiểm học.

Chỉ tới năm 1941 khi Lê Đại Thanh về dạy trường Bonnal, tức trường phổ thông trung học Ngô Quyền ngày nay, lệnh ấy mới được nói lỏng. Ông được phép đi tới Hà Nội và cũng chỉ tới Hà Nội mà thôi.

Những cán bộ thay mặt Đảng phân công ông hoạt động hợp pháp, công khai trong hai phong trào: Truyền bá quốc ngữ và thể dục thể thao (do Du Courois khởi xướng). Ông đã quyền tiền mua súng cho cách mạng.

Là một người nổi tiếng, các đảng phái lôi kéo ông. Nguyễn Tường Tam tức nhà văn Nhất Linh, bạn văn của ông nhiều lần bàn bạc rủ rê ông hoạt động cho Quốc dân đảng. Ông từ chối.

Đại Việt quốc gia liên minh, một đảng thân Nhật hứa dành cho ông chức thị trưởng Hải Phòng. Ông từ chối.

Tháng 5 năm 1945, ông bị hiến binh Nhật bắt. Biết trước tin này, nhưng dựa vào tính hợp pháp của mình, ông không rút vào bí mật. Nhật bắt ông khi ông đang diễn thuyết ở hội quán AFA. Đỗ Đức Phin đã đưa hiến binh Nhật đến. Ít lâu sau Phin bị bắn chết. Người thi hành bản án này là Văn Cao, bạn ông.

Cách mạng tháng Tám thành công, ông được đề cử làm phó chủ tịch ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời thành phố, nhưng ông chỉ nhận chức ủy viên tuyên truyền phù hợp với ông.

Trong giai đoạn cách mạng còn đang trứng nước, dựa vào thế lực Tàu Tưởng sang tước khí giới, giải giáp quân đội Nhật, Việt Nam Quốc dân đảng đã bắt ông.

Đích thân ông Lê Quang Đạo, lúc ấy là bí thư thành ủy, sau này là chủ tịch quốc hội, chỉ huy cuộc đấu tranh đòi chúng phải thả ngay Lê Đại Thanh và hai cộng sự của ông. Hàng nghìn người đứng chật quảng trường Nhà hát lớn. Súng đã nổ. Máu đã chảy. Một số người bị thương trong cuộc đấu tranh này.

Trước sức mạnh ấy của quần chúng, Việt Nam Quốc dân Đảng đã phải trả tự do cho ông.

Ông lại trở về với nhân dân, với cách mạng.

Kháng chiến toàn quốc bùng nổ, ông vào bộ đội, tự nguyện làm chiến sĩ trung đoàn 42. Làm báo *Quân Bạch Đằng* của quân khu Ba. Tham gia chiến dịch Trần Hưng Đạo. Rồi làm báo *Cứu Quốc*.

Hòa bình lập lại, ông được điều về biên tập thơ cho báo *Văn nghệ*. Cùng với Hữu Loan, Quang Dũng, Trần Lê Văn...

Năm 1958 ông trở về Hải Phòng, thành phố chôn nhau cắt rốn sau khi đã in dấu chân trên bao nẻo đường kháng chiến.

Sống. Học. Đọc. Làm thơ. Viết truyện. Viết kịch. Trường ca. Hồi ký. Cho đến cuối đời.

*

Chắc chắn cuộc đời Lê Đại Thanh sẽ rẽ sang một hướng khác nếu ông không mắc phải hội chứng thi ca. Có thể ông đã tiến bước vững chắc trên quan lộ. Có thể ông chỉ là thầy giáo bình thường.

Và như vậy hôm nay chúng ta chẳng có gì để nói về ông.

Và như vậy hôm nay Hải Phòng chẳng có một Lê Đại Thanh thi sĩ. Hải Phòng sẽ nghèo đi, mất đi một nét độc đáo của mình.

Trong những tán lá cổ thụ của khóm rừng văn học nghệ thuật Hải Phòng, chỉ có hai người: Ông và Nguyễn Hồng mang tính cách riêng đến thế.

Ông như dãy quán hoa trước cửa Nhà hát thành phố, chỉ Hải Phòng mới có.

Ông như sông Lấp, sông Tam Bạc chỉ Hải Phòng mới có.

Ông như phố Cầu Đất chỉ Hải Phòng mới có.

Ông như Nguyễn Hồng chỉ Hải Phòng mới có.

Chúng ta quen nhìn ông đi trên đường phố Hải Phòng, cao gầy, quần áo nhàu nát, ca vát xộc xệch, mũ phớt, tóc bạc xõa, khuôn mặt nhăn nheo khắc khổ, đôi mắt sáng, bước những bước chậm rãi trên đường, như mộng du lại như *dẫn nhừ từng cây số* theo cách nói của Mayakovsky.

Chúng ta đã quen nghe giọng ông, chất giọng tuyệt vời của một giáo viên, một diễn viên, trầm ấm sang sảng trong những buổi gặp mặt cùng ông.

Chúng ta đã quen nghe những bẻ bộn giải bày của ông về sáng tác, về học ngoại ngữ.

Lê Đại Thanh làm thơ được đăng báo từ những ngày còn đi học.

Tài năng văn nghệ của ông khá đa dạng: Làm thơ, viết văn xuôi, hoạt động kịch nói trên cả ba phương diện: Sáng tác kịch bản, diễn viên, đạo diễn.

Tập san *Sân Khấu* đã viết về ông:

“Gác bỏ những lĩnh vực hoạt động khác thì trong bước phôi thai của kịch nói hình thành để rồi tự khẳng định là một loại hình sân khấu, ông Lê Đại Thanh có đóng góp của mình.

Mãi mãi còn đó một ban kịch Anh Vũ của Thế Lữ và kịch sĩ Lê Đại Thanh đã từng thủ vai nhà tư sản Trần Thiết Chung trong vở Kim Tiền của Vi Huyền Đắc. Thời ấy những việc làm đó có giá trị lớn của sự tiếp nhận và giao lưu và thiếu gì cả những ý nghĩa của sự khai tri”.

Cũng thời gian ấy vở kịch *Hai người thợ học* của Lê Đại Thanh được giải thưởng Tự lực văn đoàn cùng với *Bỉ vở* của Nguyên Hồng, một giải thưởng như Kim Lân nói, *rất uy tín vì không ủy viên chấp hành nào trúng cả.*

Vở *Ông giáo Mỹ* của ông được công diễn liên tục tại Nhà hát lớn Hà Nội.

Ban kịch Lan Sơn-Lê Đại Thanh là ban kịch sáng giá của cả nước.

“Những năm kháng chiến, sinh hoạt kịch ngắn, độc tấu như một sở trường của Lê Đại Thanh. Năm 1994, vở Nàng tiên cóc của ông được Sài Gòn Audio-Video thực hiện và còn dang dở đó kịch bản Người thi sĩ lấy nữ thần mặt trời và hài kịch triết học Sác lô lên trời¹”

Lê Đại Thanh kịch sĩ, Lê Đại Thanh văn xuôi, Lê Đại Thanh nhà giáo, Lê Đại Thanh nhà cách mạng, nhưng trên tất cả, chúng ta có một Lê Đại Thanh thi sĩ.

¹ Tập san *Sân Khấu*.

Cũng như mọi hoạt động nghệ thuật khác của ông, chúng ta hiện nay có trong tay rất ít thơ ông.

Mà ông lại sáng tác rất nhiều. Dường như có cả hàng chục năm ông không in dù ông viết ngày đêm. Bởi đã có một thời gian ông làm người ta sợ.

Tại nạn ập đến khi những bạn bè ông lập ra tờ báo *Nhân Văn*. Trên tờ báo đó, người ta thấy trong mục Hộp thư có tên ông. Và có tên ông trong danh sách những người ủng hộ tiền cho báo, một số tiền nhỏ vào thời điểm đó: 20.000 đồng.

Đang là biên tập viên báo *Văn nghệ*, ông được cử đi thực tế Hải Phòng.

Hết đợt, ông có quyết định ở lại Hải Phòng, công tác tại sở Văn hóa mà không về Hà Nội nữa.

Tại đây ông được giao những việc lật vật. Lúc là biên tập cho mấy tờ bướm về chăn nuôi, về thủy lợi. Lúc xuống nhà in sửa mo rât. Lúc dựng kịch cho các huyện. Việc rất ít. Khi có khi không.

Ông không thể không làm việc mà vẫn cứ lĩnh lương. Ông cần thời gian để viết trong khi hàng ngày phải đến nhiệm sở làm những việc để mà làm hoặc không làm gì cả.

Mọi người dần dần xa lánh ông.

Năm năm như vậy là quá đủ, quá dài. Năm 1963 ông làm đơn xin nghỉ hưu non.

Năm ấy ông mới 56 tuổi và còn đang rất khỏe. Nếu chia tỷ lệ với cái tuổi 90 khi ông qua đời thì còn đang độ tuổi tráng niên.

Đã có những đêm ông thức trắng.

Đã có những đêm ông ngồi một mình rất lâu trước bức tranh của Levitan *Trên sự yên tĩnh đời đời*.

Ông ghi vào nhật ký: “Tôi nghĩ đến cái chết như một chuyến đi xa”.

Đã có những phút mềm yếu, những lúc chán nản. Và ông đã vượt qua. Phùng Quán viết về mình:

*Có những lúc ngã lòng
Tôi lại vịn câu thơ đứng dậy*

Lê Đại Thanh cũng vậy. Ông lại vịn câu thơ đứng dậy.

Ông viết. Học tiếng Nga để đọc Lermontov trong nguyên bản. Học tiếng Anh. Học tiếng Đức. Và viết. Viết như một lẽ sống. Như một cứu cánh. Như một người bị dồn đến chân tường.

Nhưng người ta im lặng trước những sáng tác của ông. Bởi vì dưới những bài thơ, những truyện ngắn ấy ký một cái tên Lê Đại Thanh. Ba tiếng Lê Đại Thanh ngày ấy đồng nghĩa với ba tiếng *có vấn đề*. *Có vấn đề* không là gì cả nhưng lại là tất cả.

Ba tiếng Lê Đại Thanh còn làm chính những người trong gia đình ông lo âu, sợ hãi.

Ngày ấy các con ông đều bỏ đi chữ *Đại* ở giữa.

Lê *Đại* Châu đổi thành Lê Minh Châu.

Lê *Đại* Chúc thì bỏ hẳn chữ *Đại*. Chỉ còn Lê Chúc.

Lê *Đại* Chúc cũng chỉ là Lê Chúc.

Hình như các con ông không xuất thân từ dòng họ Lê *Đại*. Bởi vì có những dấu hiệu bệnh *có vấn đề* mang tính di truyền.

Lê *Đại* Thanh hoàn toàn cô đơn. Một người cô đơn ngoài ý muốn. Đúng hơn, một người bị bỏ quên giữa cuộc đời này. Mà ông cần biết bao một người chia sẻ. “*Bạn*” là khát vọng của ông.

Bạn là một nửa bản thân tôi

Nửa da thịt

nửa trái tim

khối óc

Bạn là núi

Tôi là cánh bướm mây đờ rục

Hoàng hôn vàng nồng nhiệt tới buồng neo

Hơn ai hết, ông biết khi có bạn, ý chí, sức mạnh con người vừa tăng theo cấp số cộng, vừa tăng theo cấp số nhân:

Bão tố cuộc đời, tôi không còn e sợ

Tôi có bốn cánh tay ngăn sức gió

Tôi được nhân lên khi bạn cộng với tôi

Tôi mạnh hai lần

Bạn giàu gấp đôi.

Khát vọng đơn giản ấy làm sao có được. Một mình ông, ông phải có bốn cánh tay ngăn sức gió, ông phải mạnh gấp hai lần. Và ông đã mạnh gấp hai lần.

Năm 1965, mặc dù còn đang hoàn toàn khỏe mạnh, ông vẫn thấy cần làm bản tổng kết cuộc đời và cần để lại di chúc. Không phải di chúc cho con cháu phân chia của cải mà là di chúc với đời. Bản *Di chúc* mới thanh thản làm sao.

Chết là trở về với tinh thể sao trời

Trả trái đất những gì vay mượn trước

Chào những bộ hành tuổi xanh xuôi ngược

Tôi xuống ga đời gửi lại vé quê hương

Thanh thản vì cái chết là quy luật. Thanh thản vì cả đời ông gắn bó với cách mạng. Vì cả đời ông gắn bó với thi ca, nghệ thuật, gắn bó với cái đẹp. Và thanh thản vì cả đời ông không làm hại một ai. Ông luôn nghĩ tốt, đối xử tốt với mọi người.

Cuộc sống là một hành trình có hạn. Chúng ta ai cũng mong có được tấm lòng thanh thản như ông khi lìa đời, khi *trả lại vé quê hương*.

Năm 1965 đang là thời gian khắc nghiệt nhất của ông. Tuy nhiên ông vẫn thốt lên: *Hạnh phúc làm sao được sống mãi làm thơ.*

Chưa bao giờ Lê Đại Thanh là một người bất mãn, một kẻ chán đời. Sống, làm thơ với ông là một hạnh phúc. Dù thế nào chẳng nữa.

Bài *Di chúc* không được in, tất nhiên. Nhưng nhiều người đọc, rồi lại đọc cho người khác. Chép rồi lại chép cho người khác. Bài thơ có tên tác giả. Rồi không có tên tác giả. Không biết nó đã bay đến tận những phương trời nào.

Nhà thơ Tế Hanh thuật lại vào giữa thập kỷ 80, khi ông đang đi trên bờ hồ Thiền Quang (Hà Nội) một thanh niên đã lễ phép hỏi ông hai câu thơ “*chào những bộ hành tuổi xanh xuôi ngược, tôi xuống ga đời gửi lại vé quê hương*” có phải của Tagor (nhà thơ Ấn Độ đoạt giải Nobel) không. Ông đã trả lời: “Tôi không biết có phải của Tagor không. Nhưng chắc chắn đó là hai câu trong bài *Di chúc* của Lê Đại Thanh”.

Lại thêm một minh chứng về sức sống của thi ca dù không được in ấn, không được đề cao, không được các phương tiện thông tin đại chúng giúp đỡ.

Lê Đại Thanh sáng tác rất nhiều. Ông sáng tác để thỏa mãn nhu cầu sáng tạo của bản thân. Việc in ấn không đặt ra. Chỉ cần đọc cho một người bạn. Chỉ cần một người nào đó hiểu ông.

Có lẽ trong đời làm thơ của ông, duy nhất có một bài thơ được in, được phổ biến rộng rãi đến thế. Đó là bài *Chương Dương hành khúc* dài đúng 100 câu, đọc vận.

(..). *Nam nhi!*

Nam nhi!

Đêm nay trăng tỏ soi trăm dặm

Lau kiếm trường vĩnh biệt thê nhi

Ngày mai đi giữa rừng thương giáo

Hành quân mắt đôi bóng kính kỳ

Đường lên Ái Bắc quanh co khuất nẻo

Đường vào Chiêm Thành gầy khúc chữ chi

Giặc kìm kẹp ta giữa hai mũi sắt

Đất nước giục già đầu ta cũng đi

Thăng Long bị chiếm triều đình chuyển dịch

Lê dân rời thành lệ ướm hàng mi...

Bài thơ tràn đầy tinh thần quật cường dân tộc như một bài hịch được đọc trong những buổi hội họp, được in 3000 bản và phân phát như một thứ truyền đơn trong những ngày sục sôi cách mạng trước và sau Tổng khởi nghĩa.

Nhưng ngày ấy đã qua lâu rồi. Giờ đây còn lại tuổi già và sự cô đơn. Mà lòng ông thì không nguội được. Không bao giờ nguội được.

Lê Chúc hản đã rất hiểu bố mình nên thường vẽ ông trong trang phục màu đỏ, một gam màu nóng.

Trong một bài thơ gửi họa sĩ Thọ Vân, Lê Đại Thanh viết:

*Tôi một hỏa diệm sơn ngàn ngạt
Nhìn quanh chân mình những dòng sông lửa
lưu huỳnh*

Và trong bài *Thời gian* ông viết:

Tôi đang suy nghĩ về em với trái tim núi lửa

Trái tim ông như vậy. Một núi lửa tình yêu. Nó là nỗi đau. Nhưng cũng lại là sức mạnh.

Ngón đòn của số phận có thể làm ai đó gục ngã. Nhưng Lê Đại Thanh thì không. Trái tim ông đã cứu ông. Hay đúng hơn, chính nàng thơ, nghiệp chướng của đời ông đã cứu ông. Trong tấm áo choàng rực rỡ huyền ảo mỏng manh của thi ca, Lê Đại Thanh là bất khả xâm phạm. Không một ngọn roi nào chạm được tới người ông. Vòng kim cô không xiết được đầu ông vì trong đó đầy ắp thi ca, đầy ắp tình yêu cuộc sống.

Ông yêu đời, ông yêu người, ông yêu thơ. Trong thơ, nhiều lần ông nói thẳng ra điều ấy mà không dùng hình tượng, không cần dùng một cách diễn đạt bóng bẩy nào. *Tôi yêu chuyện cổ tích nước tôi. Tôi yêu cô hát*

chèo răng nơn hoa cau. Tòì yêu dải đất... Hệt như khi mình thổ lộ với người mình yêu. Phải nói ra những điều chất chứa trong lòng một cách đơn giản nhất. Ông không để ý tới con số phần trăm bậc lương hưu cán sự 2¹ mà ông hưởng cho đến lúc chết. Việc ông không được công nhận lão thành cách mạng, không được huân chương, và tất nhiên không có những khoản phụ cấp kèm theo cũng không làm ông bận tâm suy nghĩ. Ta có thể biết chắc điều ấy. Bởi vì khi đó có một học trò của ông làm phó bí thư thường trực Thành ủy. Một người học trò khác làm trưởng Ban tổ chức chính quyền thành phố. Mà đường đi từ nhà ông tới những nơi ấy chỉ 20 phút đi bộ, nhưng ông chưa một lần đến để đề nghị, để trình bày. Ông không mặc cảm. Ông cũng không quá tự trọng. Đơn giản là ông không có thời gian cho suy nghĩ ấy, cho công việc ấy dù là để sửa chữa những bất hợp lý cho chính bản thân ông. Ông có thể dành cả buổi sáng viết thư trả lời một bạn làm thơ trẻ về thi ca, nhưng viết một lá đơn ông lại không làm.

Không phải ông quên quá khứ hay cố tình quên quá khứ.

Quá khứ vẫn sống trong ông, nhưng không thể chạy chọt để được công nhận quá khứ. Càng không thể lấy quá khứ đánh bóng cuộc đời, đánh bóng thi ca.

¹ Thang lương cán bộ. Bậc 1 là bậc khởi điểm, thấp nhất.

Lê Đại Thanh là một nghệ sĩ đích thực, một nghệ sĩ “đến tận móng tay đầu sợi tóc”¹. Thế giới của ông là thế giới thi ca. Nơi ông tới khi ông đi ra khỏi nhà là tới những người làm nghệ thuật.

Ông ra ngõ chỉ để mua điều thuốc, nhưng nhiều ngày sau mới trở về. Bữa cơm đã dọn nhưng ông xách xe đi như người mộng du. Ông có thể sống với chỉ một mẫu bánh mì trong túi như một bữa ăn lưu động trên đường.

Những người làm thơ Hải Phòng ai chả từng một lần được ông tới nhà, nhiều khi bất ngờ nhất.

Một nhà thơ ở vùng ven thành phố kể lại rằng vào một đêm mưa bão bố đến. Bố đội mưa, vượt ba kilômét đến nhà. Bố đọc cho nghe bài *Vua sư tử và mặt trời*. Rồi bố nói về tầm vóc thi ca Việt Nam phải có và sẽ có. Người ta không thể nào quên được những lần ông tới nhà, gương nghịu rụt rè lấy trong túi ra nào đường, nào cà phê và cả phin lọc pha cà phê:

- Pha đi. Bố con mình uống.

Thương ông. Ông cần chia sẻ. Ông cần đối thoại. Lại càng thương vì ông biết mình đang làm phiền người khác nhưng không thể nào khác được. Người ông đẩy áp. Ông đang cần vợ bớt được mình đi.

Giờ lại những sáng tác ít ỏi của Lê Đại Thanh còn đến được tay chúng ta, thấy rõ một điều: Ông gắn bó

¹ Thơ Dương Tường

với những chuyện cổ tích, những Tấm Cám, những Sơn Tinh Thủy Tinh, Tù Thúc, Thánh Gióng, những cô tổ nữ trong tranh Đông Hồ, ông nhớ những ngày xưa *phiên chợ cuối năm mua tờ tranh đám cưới chuột*, và

*Mặt vách nhà tôi mỗi ngày Tết đến
Chú cóc cầm roi dạy học nghiêm trang
Chú ỉn lưng xanh
Anh ỉn khoanh vàng
Đúng đỉnh khoe màu giữa lòng đêm tối*

Ông gắn bó với những đêm hát chèo. Ông gắn bó với quê hương, quê hương có một người em gái:

*Em buồn em vui em mãi nhớ tôi
Tôi giận tôi hờn tôi không em được*

Quê hương có những trò chơi ngày tết bé:

*Tuổi trẻ đời tôi vui lá cỏ
Cánh vành khuyên chú đế mèn nâu*

*Thế giới của tôi lộng lẫy sắc màu
Thân cá mại cờ vẩy lưng óng ánh
Em đánh bò qua môi cười gió lạnh*

Đọc những bài *Đám cưới chuột đỏ xanh*, *Tôi yêu chuyện cổ tích nước tôi*, *Hát chèo*, *Quê hương*, *Những trò*



Thi sĩ Lê Đại Thanh (1907-1996) bên cạnh chân dung của mình do con trai, họa sĩ Lê Đại Chúc vẽ. Sài Gòn, 1994.

chơi bao ngày tám bé, ta thấy tiếng vọng của đồng quê, của thời thơ ấu, của truyền thống, của cội nguồn, điều những người làm văn hóa hôm nay nhắc nhau: Không được phút giây sao lãng.

Lê Đại Thanh sống và làm việc tới năm ông 90 tuổi. Thử tìm bí quyết sống lâu của ông ta thấy một điều dễ nhận. Đó là sự kiên trì tập luyện. Thuở trẻ ông là một võ sĩ judo, võ sĩ quyền Anh. Về già, ông tập yoga. Kiên trì ngày này sang ngày khác, năm này sang năm khác.

Khi thị lực giảm, đi đâu ông cũng mang theo chiếc gương để tập thói miên cho mắt sáng trở lại. Và sở dĩ

ông sống đến 90 tuổi vì trong đầu ông không có chỗ cho những ý nghĩ bi quan trầm uất. Hơn nữa chỉ lạc quan yêu đời thôi chưa đủ, còn phải trẻ trung. Chúng ta ngạc nhiên biết bao khi đọc bài *Ngây thơ* ông viết năm ông gần 70 tuổi:

Ú tim

Em đi tìm

Tôi đi nấp

Chân lý bên này bên kia trái đất

Ta yêu con người ta mãi tìm nhau

Sân gạch: Đại dương

Xếp đá làm cầu

Ú oà

Tôi đi ra

Em vào bóng tối

Mười ngón tay mảnh mảnh đan vội

Em nhìn thấy tôi em vẫn đi tìm

Tôi biết em mở mắt mà tôi không nói

(..).

Và đây, bài đồng dao *U mặc* ông sáng tác ở tuổi 83:

Muôm muôm đội mũ mấn xanh

Khóc chồng không khóc khóc anh cào cào

Bọ ngựa chém chém đôi đao

Chém lia. Chém lịa. Toàn vào bạn thân

*Kiến vàng kéo lê đôi chân
Giận con bọ ngựa bắt nhân bắt nghì
Muồm muỗm đội mũ mấn đi
Nhớ cào cào vẫn tí ti khóc ngấm...*

Lê Đại Thanh luôn trẻ trung hóm hỉnh. Nhưng thời gian vẫn là thời gian. Với những bậc sống gần thể kỷ như ông, thời gian đồng nghĩa với sự kết thúc. Nhưng ông không ngán. Ông vẫn ca tụng thời gian, người khai sinh vĩ đại và kẻ hủy diệt vĩ đại. Dù thời gian làm cho

*Em có mặt hôm nay để tương lai không còn nữa
Tôi vẫn viết bài thơ ca tụng thời gian
Người gieo hạt vàng trên trái đất
Người đô vật quật ngã các khổng lồ
Người thẩm phán vô tư
Quyết định các giá trị bất tử*

Ông tự nhủ:

*Nghệ thuật không được già
Thời gian đi liên tục
Như người gieo hạt hoa*

Khi về già người ta thường trở đi trở lại với những suy ngẫm về thời gian, về vũ trụ, về kiếp người, về bản thân. Lê Đại Thanh đã có những định nghĩa về mình vừa thơ lại cũng vừa triết học:

*Tôi là mâu thuẫn của tôi
Tôi là núi lửa đồng thời núi băng
Tôi là con mọt nghiêng răng
Gặm thời gian gặm mặt trăng mặt trời*

Con người ông với bao nhiêu nghịch lý:

*Tôi nghèo như một ông vua
Tôi nhanh như một con rùa ngụ ngôn*

Ta bỗng thấy Lê Đại Thanh đã nói hộ những gì ta chưa biết về ta. Ta bỗng thấy ta nghèo nhưng cũng lại rất giàu, ta vừa nhanh lại vừa chậm, ta là con mọt nghiêng răng gặm thời gian và gặm cả vũ trụ. Những bài thơ về kiếp người của ông thật gần gũi, thấm đượm tinh thần triết học phương Đông, con người hữu hạn trong cái mênh mông của vũ trụ, cái vô tận của thời gian, con người đáng thương, đáng yêu, rất cần được chia sẻ:

*Tâm hồn tôi là một lâu đài đá đỏ
Mà trái tim là chiếc chuông treo ở ngõ
Hãy giật chuông đi vào, đi rất nhẹ người ơi
Đừng dừng chân trước ngưỡng cửa con người.*

Van nài hay kêu gọi? Sao thiết tha đến thế! Ta thấy như mình đã mắc lỗi cùng ông. Và tự nhủ từ nay không bao giờ được dừng chân trước ngưỡng cửa con người. Hãy giật chuông đi vào. Hãy đi rất nhẹ.

Ông hiểu rằng con một nghìn rặng là ông đã gặm gân hết phần thời gian, phần mặt trăng mặt trời của mình rồi. Thì có sao đâu. Điều quan trọng là phải biết sống. Trong bài *Vua sư tử và mặt trời*, ông viết:

Hãy trân trọng những ngày người sống

Hãy gặm lên thức động núi dài

Hư danh là chuyện chiếc gai

Hôm nay vàng dát ngày mai đất bùn.

Tiền bạc, danh vọng, địa vị, tất cả đều là hư vô. Còn sống ngày nào hãy sống hết mình với cuộc đời, với nghệ thuật.

Bài *Thi sĩ và Thần Chết* nằm trong số di cảo của ông chứng tỏ ông quyết chinh phục bản thân cái chết. Bài thơ kể chuyện hai lần Thần Chết cưỡi ngựa ô, cầm lưỡi hái đến gõ cửa đòi tính mạng của thi sĩ. Nhưng thi sĩ còn đang viết dở dang bản trường ca cuộc sống. Lần thứ ba, trên đường đi đòi mạng sống của nhà thơ, Thần Chết bỗng nghe trên làn sóng điện bản trường ca ấy và bỗng thềm sống trở lại.

Trên mặt hành tinh có những người như thế đó

Họ viết về cuộc sống

bắt Thần Chết ngồi im trên lưng ngựa

*

CON CHIM VÀ CÁI LƯỚI

I

Đời là sa mạc lửa thiêu
Tôi khao khát một tình yêu cháy lòng

Em

con chim nhỏ

lượn vòng

Tôi quây lưới nhốt

giữa

lông

tim

tôi

Nhưng tôi thiếu

năng

mặt trời

Thiếu rừng cây với núi đồi tặng chim

II

Tình yêu một phút nhen lên
Một giây lại tắt trong đêm

tối mù

Con chim vỗ cánh

bay vù

Trả chim cho gió tôi thu lưới về

Người thơ mãi mãi si mê

Cái bay đi

cái không về

cái trôi

Chiếc lông là cuộc đời tôi

Em con chim én của trời... tự do...

Chúng tôi giới thiệu trọn vẹn bài thơ này của Lê Đại Thanh không phải vì đây là một bài thơ tiêu biểu của ông, không phải vì nó nói được tình yêu và sự bất lực trong tình yêu cuộc đời của trái tim thi sĩ. Mà bởi lẽ ra bài thơ này không đến được với chúng ta. Ông đã viết ra. Ông đã đọc cho nhiều người. Người nghe nhớ. Còn ông thì quên nó. Trong buổi chúc thọ ông 80 tuổi, người đọc một câu, người đọc hai câu, chắp nối lại, thế là bài thơ đã nguyên vẹn hình hài, đã được phục sinh. Có biết bao thơ Lê Đại Thanh đang cần được phục sinh như vậy để trở về với cuộc sống. Cảm xúc đến, ông có thể viết trên bất cứ cái gì: Vỏ bao thuốc lá, mảnh giấy xi măng, cả một tờ crô-ki. Và đọc cho người khác chép. Chính ông đã kêu lên:

Con chim thơ của tôi bay

Đời ơi còn trả nợ này nữa thôi?

Chắc chắn những di cảo đang tản mát bốn phương ấy sẽ có rất nhiều dị bản mà dị bản nào cũng là chính bản,

bởi vì ông không ngừng suy nghĩ. Không ngừng hoàn thiện, không ngừng lao động để đạt tới cái hoàn mỹ. Nguyên Hồng sửa cả khi công nhân nhà in đang sắp chữ. Còn Lê Đại Thanh, thơ đã in rồi, đã xuất bản rồi, ông vẫn còn sửa chữa.

Trên tờ *Wall Street Journal*, nhà báo Úc Barry Wain thuật lại buổi gặp gỡ với Lê Đại Thanh tại một quán cà phê đông đúc ồn ào: “Cầm điệu thuốc tôi đưa, ông Thanh nói: ‘Đây là một điệu tốt, nó sẽ gây hứng cho thơ của tôi.’ Ông rút vào một góc để viết, quên hết mọi người, mọi thứ trong vài giờ đồng hồ sau đó”.

Lê Đại Thanh có thể quên hết mọi người, mọi thứ. Năm đã ngoài 80 tuổi từ nhà một người bạn già ở Hà Nội, ông xách chiếc xe mi ni chỉ định đi chơi phố nhưng rồi mãi đuổi theo trong đầu những ý thơ, ông không biết mình đã đi cả trăm kilômét đường 5 và bỗng thấy mình ở Hải Phòng. Khi ông tắm rửa xong, cả nhà tưởng ông sẽ mệt nhoài nằm trên giường ngủ, nhưng không, ông lại lấy xe đi.

Ông có một sức khỏe làm tất cả mọi người thèm muốn. Có lẽ vì ông ca ngợi thời gian và thời gian đã nhẹ tay với ông.

Hơn thế, thời gian đã ủng hộ ông.

Thơ, văn xuôi của ông đã được các báo sử dụng. Đời vẫn nhớ đến ông. Năm ông tròn 80 tuổi, tập *Những ngôi sao biển*, tập thơ đầu tiên của ông đã được in và phát

hành. Hải Phòng đã in cho ông. Hải Phòng không quên người con dút ruột đẻ ra của mình. Một tập thơ non trăm trang với 33 bài. Thế đã là quý lắm. Vì đó là tập thơ duy nhất của ông. Hãy nhớ rằng đó là tập thơ duy nhất của một người làm thơ 90 tuổi, với một đời thơ kéo dài trên 70 năm.

Đố kỵ như nghệ sĩ. Người Pháp nói vậy. Nhưng Lê Đại Thanh thì ngược lại. Với những bạn bè cùng trang lứa, ông rất chân thành và vui mừng trước thành công của bạn. Ông còn tổng kết những cái hay cái tốt của bè bạn để học tập. Ông tôn Xuân Diệu là ông hoàng của ngôn ngữ. Ông gọi Thế Lữ là thầy. Một bài văn xuôi của ông nằm trong sổ di cáo được công bố khi ông qua đời là bài *Ba đức tính của Nguyễn Hồng*.

Đọc một bài thơ hay, ông xuýt xoa:

- *C'est terrible!* (Thật khủng khiếp!)

Ông thực sự sung sướng khi có một nhà thơ trẻ nào đó mới xuất hiện. Ông viết thư, ông tìm gặp tác giả. Ông phổ biến bài thơ ấy, ông nói về tác giả... Trong một vài trường hợp lời khen của ông có phần bông bột, cái bông bột của ông già đang bước vào tuổi 90 thật cảm động.

Và dù sắp 90 tuổi, ông vẫn cả tin, vẫn là người nhẹ dạ. Ông vẫn nghĩ ai cũng tốt như mình. Ngoài hàng chục lần bị lừa về tiền bạc, ông còn bị lừa hai chiếc xe đạp, một cái tủ chè gia truyền của dòng họ và cả cái máy chữ cộc cạch! Khi biết mình bị lừa, ông chỉ cười:

- Thế là khi viết đã có sẵn nhân vật, không phải đi tìm đầu nữa.

Trong cuộc sống, Lê Đại Thanh bao giờ cũng vẫn là một đứa trẻ, một đứa trẻ sống gần trăm tuổi.

Đầu tháng 7 năm 1996 ông ngã bệnh. Những lúc tỉnh táo, nhìn thấy vợ con, bè bạn đứng bên giường, ông lại nói về thơ, về kịch, về bản trường ca đang viết dở, về Yessenin, về thơ lãng mạn Pháp và một câu cửa miệng:

- *C'est terrible!*

Ngày 17 tháng 7 năm 1996 ông vĩnh biệt chúng ta. Hàng nghìn người tiễn đưa ông như ngày nào hàng nghìn người tập trung ở quảng trường Nhà Hát đấu tranh bắt bọn Quốc dân đảng phải trả tự do cho ông. Và chỉ đến lúc ấy tất cả mới hiểu rằng đời vẫn mến yêu ông đến thế.

Ông ra đi để lại một khối lượng di cảo không nhỏ trong nhà và một khối lượng di cảo còn lớn hơn nhiều đang tản mát ở đâu đó.

Đọc những di cảo của ông, những dòng chữ to nhọn hoắt như gai của ông bằng các thứ bút, các thứ mực khác nhau trên nền giấy các màu các khổ to nhỏ khác nhau, với đủ các thể loại truyện ngắn, hồi ký, trường ca, thơ... lòng ta trào lên nỗi niềm kính phục và thương cảm. Ông viết trong khi mắt mờ tay run nhưng trí óc vẫn không ngừng hoạt động. Cuộc đời ông là cuộc đời của một người sống và chết vì nghệ thuật như một bậc tử vì đạo.

Trong một sáng tác của Hemingway viết về nội chiến Tây Ban Nha, một nhân vật đã nói:

- Ta là một ông già sống cho đến khi chết.

Lê Đại Thanh hoàn toàn có thể nói về mình như vậy.

Sống chứ không phải là tồn tại.

Ngã Sáu 22/5/1997

Cuộc phiêu lưu màu trắng

16/12/1972

Kim Anh thân!

Tớ vừa đi dã ngoại 16 ngày về, mệt lử. Ba tớ gửi thư và tập ảnh của K.A. lên. Cám ơn K. A. nhé. Cảm tập ảnh tớ lại có cảm giác thích thú như hôm tớ mua. Tập tượng Tây Phương cũng vậy. K.A. vẫn có thì giờ ra hiệu sách đấy chứ?

Công tác thế nào rồi? Sao K.A. không viết thư cho tớ. Ngày 24 này bọn tớ lại đi dã ngoại 8 ngày nữa. Vất vả. Nhưng cũng phải “rèn” thôi.

Hà Nội bây giờ vui lắm nhỉ. Hoặc là vừa vui vừa buồn chẳng?

Đang viết cho Kim Anh thì tiểu đội giục đi ngủ. Buồn không?

Thôi tớ chẳng biết viết gì nữa. Chúc K.A. làm việc tốt, vui.

Nhớ viết thư cho bọn tớ.

Kim Anh thông cảm là tớ viết quấy quá nhé! Vì nhất nhất là lệnh, như thầy Thiệp là nhất nhất theo kèng ấy mà.

Bạn

Đó là bức thư của chàng tân binh 18 tuổi Nguyễn Thanh Bình viết cách đây đúng 30 năm, trước chiến dịch Điện Biên Phủ trên không mấy ngày, gửi cho một người bạn học. Khi đi tàu vào Nam chiến đấu anh đã cho vào phong bì ném nó qua cửa sổ toa tàu. Mặt trước phong bì anh ghi phiên hiệu đơn vị, địa chỉ cô bạn gái. Còn mặt sau là những dòng chữ nhờ cậy đầy chất lính mới, phô bày khí phách nam nhi: *Ai nhật được lá thư này xin bỏ hộ bưu điện - Cám ơn! Lính tôi đi chiến đấu. Mọi người thông cảm.*

Có người nhật được. Người ta bỏ vào thùng thư. Người bạn gái đã nhận thư. Sáu năm sau, khi “lính tôi đi chiến đấu” trở về, cô bạn đưa cho Bình xem bức thư anh gửi như cùng nhau ôn lại kỷ niệm một thời thơ trẻ, hồn

nhiên bước vào đời, đi vào chiến tranh cũng phơi phơi như đi đến nơi hò hẹn. Cả hai cùng thấy mình đã trưởng thành lên rất nhiều. Và đều nghĩ hình như cái thời đẹp nhất đã qua đi cùng chiến tranh rồi. Giờ đây mỗi người đều nhìn cuộc đời nghiêm khắc hơn, thực tế hơn.

Cầm trong tay chiếc phong bì đã ngả vàng cùng những dòng chữ rất học sinh của mình, Bình nhớ lại tất cả. Đang học năm cuối trường Cao đẳng Mỹ thuật, có một đợt tuyển tân binh tại trường, Bình trúng tuyển. Điều đáng nói ở đây là Bình là con một cán bộ cao cấp. Anh có thể ở lại, tiếp tục học. Bố anh, ông Nguyễn Thanh Hà, hàm thứ trưởng, đại sứ ở nhiều nước, một trong những cánh tay đắc lực của Thủ tướng Phạm Văn Đồng khi Thủ tướng mới chỉ là bộ trưởng Bộ Ngoại giao, hai người đã đặt những nền móng đầu tiên cho ngành ngoại giao nước ta. Nhưng bố mẹ anh, nhất là mẹ anh không bao giờ có ý định dành cho con cái mình bất cứ một sự ưu tiên nào. Hơn nữa, mẹ anh còn nói thẳng: Chấn quan trường dễ làm hư người lắm. Bốn người con, ba trai một gái, bà đều có một lời khuyên: Đừng làm chính trị. Hãy học thật giỏi. Có một chuyên môn vững vàng thì sẽ không ai bắt nạt được mình. Bà dạy các con theo hướng ấy. Bốn anh em Bình đều có thể vào học Trường Ngoại giao không phải qua thi tuyển, nhưng ba anh em trai đều qua bộ đội, và bây giờ anh con trai cả Nguyễn Thành Công từ học sinh phổ thông công nghiệp Đống Đa đã có bằng kỹ sư chế

tạo máy bay, Nguyễn Thanh Bình là họa sĩ, người con trai thứ ba Nguyễn Thanh Khiết kỹ sư viễn thông, còn cô gái út Nguyễn Thanh Hương là kiến trúc sư. Họ đều là những chuyên gia có tài. Đúng như mong muốn của bà mẹ: Không làm chính trị và đạt tới trình độ cao trong lĩnh vực mình theo đuổi.

Bình đi bộ đội giữa năm 1972. Huấn luyện ở Thái Nguyên. Cuối năm đi B. Từ Thái Nguyên viết trước một lá thư cho Kim Anh cô bạn cùng học, để khi qua Hà Nội thì gửi. Cả đơn vị hành quân về Hà Nội. Giày mới, quần áo mới, mũ tai bèo, cờ giải phóng hai màu xanh đỏ, bước trong tư thế hành tiến hiên ngang trên đường phố Thủ đô, mặt lạnh tanh trước bao con mắt của nhân dân thành phố, như những tráng sĩ một đi không trở lại. Nhưng rồi Bình không thể lạnh tanh được. Vì đường hành quân qua vườn hoa Con Cóc, sát ngay nhà Ngân hàng, nơi mẹ anh làm việc. Đại đội anh hơi bị rối loạn hàng ngũ: Nguyễn Thanh Bình tách khỏi hàng. Mũ tai bèo, quần phục mới tinh, anh chạy. Xông vào Ngân hàng, gọi toáng lên:

- Mẹ ơi! Hôm nay con đi B!

Bà Phi (tên mẹ anh) ngỡ ngàng. Bà ôm lấy con trai. Đứa con bằng xương bằng thịt. Bà hiểu có thể đây là lần cuối cùng bà gặp con trai. Có thể nó mãi mãi không trở về. Nó sẽ nằm lại một góc rừng nào đó. Đứa con mà bà đã mất nhiều công nuôi nấng dạy dỗ uốn nắn để nó biết cách sống làm người. Từ những chuyện nhỏ nhất. Chẳng

hạn như ngày còn bé, bà đưa cho nó hai cái bánh và bảo: Nó và bạn nó mỗi đứa một chiếc. Nó đã làm như bà bảo, nhưng chiếc đưa cho bạn, nó lại cắn một miếng. Bà biết không phải nó ăn tham mà không muốn bạn cũng được như mình. Không mắng mà chỉ nói: Của mình ăn là hết. Của cho người khác là của còn. Chỉ nói thế nhưng nó hiểu... Con bà mới ngốc nghếch làm sao! Hồi học tiểu học, ở trường về, phấn khởi khoe với bà:

- Mẹ ơi. Ở lớp chúng nó gọi con là thằng ngố.

Bà nghiêm mặt bảo con:

- Thế là nó bảo con ngu đấy.

Nuôi nấng dạy dỗ một con người biết bao vất vả khó khăn. Nuôi con bằng sào bằng gậy, bây giờ là lúc nó đi vào bom đạn. Có thể nó sẽ bị giết chết khi nó còn chưa được sống, chưa hiểu thế nào là cuộc đời. Ai dám bảo đảm điều ấy không xảy ra. Chiến tranh đâu phải một trò chơi. Bà nhìn con. Bà hiểu cái gì chờ đợi nó. Chỉ cần bà với tay nhắc máy điện thoại nói một câu là con bà sẽ được ở lại. Bà đã định với tay về phía ấy. Nhưng bà vẫn ngồi im. Rồi biết phải làm gì trong lúc này:

- Nào, các chị các cô. Ai có tiền cho tôi vay nào.

Tất cả vét túi. Được hơn 5 đồng. Cho con.

Vừa vào đến chiến trường, Bình đã nhận được thư mẹ. Thư mẹ đuổi theo Bình. Hình như mẹ muốn nói với Bình những điều chưa kịp nói. Mẹ viết mẹ xót thương Bình. Nhưng không muốn để Bình trong tháp ngà. Con người

ta sao con mình vậy. Không thể có chuyện con người này phải xông pha bom đạn, còn con người khác lại được bình yên. Bình hiểu mẹ. Bức thư mẹ viết ngay sau khi chia tay Bình là mẹ thương Bình lắm, mẹ muốn Bình đừng trách mẹ. Bình càng thương mẹ.

*

Trên đường hành quân vào chiến trường đã là bắt đầu cuộc chiến đấu. Tây Trường Sơn. Qua Lào. Bom, đạn. Mưa. Vết. Biệt kích. Thảm sát. Có lần Bình đi tụt lại. Lạc đơn vị. Hai người. Bình và Bảo, cũng dân Hà Nội, nhà Quan Thánh. Trục Tây Trường Sơn nhiều đường, nhiều lối lắm. Như mạng nhện. Thế là lạc. Thấy một xe ô tô, vẫy đi nhờ. Ô tô của đơn vị pháo. Họ chở về đơn vị họ. Anh nuôi được lệnh nấu một nồi cơm và xách ra một hăng gô mỡ đái hai chàng tân binh Hà Nội. Đang đói, Bảo và Bình cứ rưới mỡ lên cơm đánh chén hết bát này sang bát khác. Chủ nhân không ăn. Anh em pháo binh râu ria, xanh màu lá cây, tươi tắn vì chiến trận, vì sốt rét rừng, và cả vì đói khát thiếu thốn nữa, ngồi quây thành vòng tròn xem hai vị khách ăn. Ngắm hai vị khách quần áo mới tinh, mắt trong veo, má đỏ hồng, phơn phớt lông tơ, như ngắm những mỹ nữ trong một cuộc thi hoa hậu. Một người bật lên:

- Hai thằng đẹp quá.

Một người có dáng chỉ huy nói:

- Hai em. Anh nói thật. Đẹp như chúng mày vào đây chết phí đi. Có xe đây, anh cho xe chở chúng mày về Hà Nội, chỉ ba ngày đêm là tới. Anh sẽ xác nhận các em lạc đơn vị.

Hai ông khách cảm ơn. Nhưng không thể trở về như những kẻ đào ngũ. Cơm no lại lên đường.

Bình mắc tật hay nói. Nghĩ sao nói vậy. Thẳng băng. Ví như cán bộ phổ biến chặng đường hôm nay để đi, đường băng, chỉ ba bốn tiếng là đến, nhưng trời mưa, tối mịt mới tới nơi, thế là Bình bảo: Cán bộ đánh lừa. Cũng vì vậy mà trải qua sáu năm quân ngũ chiến đấu anh dũng, không mắc sai lầm khuyết điểm gì, Bình vẫn không được kết nạp vào Đảng, vẫn chỉ là trung sĩ. Cán bộ tổ chức nhà trường xem lý lịch của Bình hỏi Bình:

- Hay tại mày *tọtọt*?

Cũng có thể vì hay nói mà sau ba tháng hành quân vừa vào đến Tây Nguyên, Bình được biên chế vào đơn vị chiến đấu ngay. Bình là người duy nhất trực tiếp cầm súng chiến đấu trong số những tân binh là học sinh trường Mỹ Thuật năm ấy. Bộ binh. Giữ đại liên K 67. Đánh Kon Tum. Tham gia giải phóng Buôn Mê Thuột, đánh chiếm Nha Trang, Tân Sơn Nhất. Cho đến bây giờ, anh vẫn mang một mảnh đạn ở lưng. Còn mảnh đạn xé rách tai găm ở thái dương thì đã lấy được ra. Đúng là đạn tránh người. Có lần đang bắn đại liên, thước ngắm ngay trước mặt bỗng biến đi đâu mất: Một viên đạn bay sát mắt anh, tiện ngang thước ngắm.

Trận đánh kinh hoàng nhất với anh là trận đánh ở đồi Bàn Chân. Ngày ấy vùng ta và vùng quân đội Sài Gòn kiểm soát xen nhau theo thể da báo. Đồi bên đều cố gắng mở rộng vùng kiểm soát. Trong một trận đánh lấn chiếm của quân đội Sài Gòn, đơn vị của Nguyễn Thanh Bình bị trúng pháo bầy. Kon Tum. 1973. 60 người chỉ còn 18 người. Toàn dân Hải Phòng, Thái Bình, Vĩnh Phú. Tổ ba người của Bình chạy, nhào vào chiếc hầm cối của ta trước mặt. Thắng chạy trước. Bình ở giữa. Thông chạy sau cùng. Nhưng đạn nhanh hơn người. Thắng bị đạn phạt mất trán, đổ vật. Bình bị thương ở lưng, ở thái dương. Thông: Nát gối, khuyụ ngay cửa hầm. Bình bò ra kéo Thông vào hầm, xé bao gạo bẻng cho Thông, nhưng máu chảy nhiều quá. Thông ngượng dần. Bình nhìn Thông chết dần dần mà không làm sao được. Thông cũng chỉ 18, 19 tuổi, cao lớn, đẹp trai lạ thường. Khuôn mặt ấy, dáng người ấy tạc một pho tượng chẳng thua kém bất cứ pho tượng cổ điển nào. Bình vượt mắt cho bạn rồi kéo xác bạn vào sâu trong hầm. Anh cũng định lợi dụng đêm tối mò ra kéo xác Thắng nhưng đó là công việc rất nguy hiểm, chúng bắn suốt đêm, hơn nữa, cứ để Thắng nằm ngoài ấy lại hơn, vì trong này chỉ một xác Thông đã quá nặng mùi.

Đồi Bàn Chân. Người ta đặt tên như vậy vì nó giống hình một bàn chân người. Bình ở gót chân. Còn tốp lính Sài Gòn ở ngón chân. Không biết một tốp hay cũng chỉ một người như anh. Cứ sáng ra khi ánh nắng

chiếu lên sườn đôi van vát là từng đàn nhặng bay vút vào hầm. Nhặng mỗi ngày một đông vì mùi của Thông mỗi ngày một nặng. Nhặng bay vào là Bình xách súng ra miệng hầm. Nấp sau bao cát, giương súng ngắm về phía hầm bên kia. Cũng chỉ thấy những bao cát. Thấp thoáng bóng mũ sắt lom khom. Điểm xạ ngắm. Bên kia trả lời. Như những lời thăm hỏi. Rất chi lịch thiệp. Cứ như vậy anh lính miền Bắc và anh lính miền Nam rình giết nhau. Khi họ bắn anh trước. Khi anh bắn họ trước. Ngày này sang ngày khác. Rồi họ không bắn nữa. Bình cũng không bắn nữa. Hình như đôi bên đều nghĩ rằng chẳng thể giết được nhau. Điều anh mong là họ không điều cốt tói. Không thể bò ra ngoài, vượt vòng vây. Anh nuôi mang cơm đến, bị bắn chết ngay gần hầm. Thế là bên ngoài, hai xác đồng đội. Bên trong một xác. Không biết đã bao ngày rồi. Anh sống bằng nắm cơm của anh. Rồi anh lấy nắm cơm của Thông mà anh đã cẩn thận treo ngay ngoài cửa hầm khi Thông còn sống, khi anh băng bó cho Thông. Cơm thiêu. Nhưng vẫn ăn. Ăn dè. Lấy dao gọt lớp ngoài ăn trước, lớp trong ăn sau. Gọt vào đến lõi, có tí mầm kem mặn chát. Thì ăn luôn cho hết. Ăn hết. Và uống hết. Uống hết cả hai bi đồng nước. Của anh và của Thông. Cũng là uống dè. Nhắm nháp để miệng và môi khỏi bật máu tươi. Rồi nằm. Trước còn tỉnh táo. Sau thêm thiếp. Thêm thiếp chờ điều kỳ diệu đến.

Hình như anh đã chết. Và cũng không biết mình đã chết bao lâu. Khi địch rút, anh em lên, Bình chỉ còn là một cái xác. Mọi người tưởng Bình đã chết. Nhưng Bình lại thở. Lại sống lại.

Trong những năm tháng chiến tranh khùng khiếp, cái sống cái chết liền kề ấy, có một người đã đoán trước tương lai cho Bình. Đó là ông Bào trưởng ban cơ yếu. Khi ấy Bình đã được chuyển làm vệ binh. Trong một chuyến đưa ông Bào đi họp ở Ngã ba Ba biên giới, ông Bào đã nói đến tương lai của Bình. Suốt chặng đường đi, về như vậy ông chỉ nói với Bình ba câu. Dân cơ yếu vốn ít nói. Trưởng ban càng ít nói. Dọc đường ông Bào làm mọi việc. Là một người sống trong rừng nhiều năm, ông biết cách xử lý các tình huống khó khăn. Ví như trời mưa, ông rút luôn quai dép ra nấu cơm ăn. Nói chung ông rất giỏi trong những tình huống như vậy. Từ đơn vị đến quân đoàn ba ngày đi bộ, ông không nói với Bình một câu. Chỉ thỉnh thoảng nhìn Bình chăm chú. Khi tới Bãi Khách (nơi khách căng võng nằm nghỉ - như nhà khách bây giờ) mất gói thuốc lào, loay hoay không thuốc hút, ông nói một mình:

- Không có thì xin. Lại lấy.

Ý trách Bình ăn cắp thuốc. Câu thứ hai là lời xin lỗi Bình vì đã nghi oan. Có một anh công vụ nào đó, giở gói thuốc lào ra hút, ông nhận ra đúng là thuốc của ông ta. Và câu thứ ba là lời đoán trước tương lai Bình:

- Số mày sau này rất sướng. Giàu có. Nổi tiếng quốc gia, nổi tiếng quốc tế nữa đấy.

Bình cười. Tất cả những điều ấy, Bình không nghĩ đến. Sung sướng, giàu có, nổi tiếng. Nó xa vời như một câu chuyện cổ tích. Lúc này là phải chiến đấu, chiến thắng và sống sau cuộc chiến. Rồi trở về trường. Học tiếp đại học Mỹ thuật. Bao giờ đến ngày ấy? Bao giờ trở về Hà Nội, gặp lại bố, mẹ, anh em, bè bạn?

*

- Em học không giỏi đâu. Năm mới vào hệ sơ trung trường Cao đẳng Mỹ thuật học kém là khác. Không có năng khiếu. Vẽ bậy thì được - Bình cười - Cuối năm 1978 được ra quân, về Hà Nội, mới biết bạn bè đã ra quân hết từ bao giờ kia rồi. Chỉ còn mỗi mình em. Em ôn thi, thi vào trường Đại học Mỹ Thuật. Không đỗ. Phải học dự bị một năm (79-80). Đến năm 1981 chuyển vào thành phố Hồ Chí Minh, em mới học năm thứ nhất.

Bình là người rất chân thật. Học kém thì nói là học kém. Thi không đỗ nói là thi không đỗ. Sự thật thà của anh có sức hấp dẫn người khác rất lớn. Mới quen anh, nhưng tôi bị chinh phục ngay bởi tính cách ấy của anh. Giờ đây là một họa sĩ quá nổi tiếng nhưng khi nghe tôi nhắc đến tên một họa sĩ bình thường khác, anh xuýt xoa:

- Bà ấy là người ảnh hưởng rất lớn đến em đấy.

Đọc tôi, dù không quen, anh cũng gửi từ thành phố Hồ Chí Minh ra Hải Phòng tặng tôi tập tranh in của anh và một vật dụng nhỏ màu vàng mà tôi không hiểu công dụng. Hỏi anh, anh giải thích:

- Cái kẹp giấy, đánh dấu trang sách ấy mà.

Tôi khen đẹp, anh bảo: Cái em tặng anh cũng thường thôi. Người ta còn tặng em một cái bằng vàng thật cơ.

Làm sao có thể không yêu một người như thế.

Bức tranh đầu tiên anh bán là khi còn đang theo học trường Mỹ thuật. Khách mua là bà Pennis, người Pháp, vợ giám đốc ngân hàng Indo-Suez. Bà khuyên Bình:

- Mà phải học tiếng Anh. Và phải tìm được cái gì riêng của mình. Chỉ là của mình. Đừng lẫn với ai.

Đó là những lời khuyên chân tình. Anh hiểu là mình phải biết tối thiểu một ngoại ngữ. Như buổi tiếp bà khách hàng người Pháp vừa rồi. Nghe bà ta nói như vẹt nghe sấm. Chỉ hiểu khi lái xe phiên dịch lại... Anh tìm thấy học tiếng Anh. Ngày ấy học tiếng Anh trần ai gian khổ. Không có lớp như bây giờ. Tự học là chính. Bình rất nghiêm khắc thực hiện thời khóa biểu tự đề ra cho mình. Rồi học sử dụng máy vi tính... Ngày ấy những thứ này còn là của lạ, một thứ viễn vông. Bạn bè ai cũng bảo Bình là đồ hâm, là lảm cẩm. Vẽ không vẽ, học tiếng Anh, học vi tính làm gì. Nhưng chỉ đến bây giờ mọi người mới thấy thèm muốn trình độ ngoại ngữ, trình độ sử dụng vi

tính của anh. Đã có người hỏi anh bí quyết thành công. Anh trả lời đơn giản: Bí quyết là biết lắng nghe. *Cái tôi lớn* thì không biết nghe người khác. Anh nghe. Nghe bà Pennis học tiếng Anh. Nghe Nguyễn Thanh Khiết em trai anh, học vi tính, “thế nào cũng có ứng dụng”. Thu nhập, tích cóp tiền được vài ngàn là lại thuê máy học. Anh nghe một Đại đức, học thêm sơn mài và đến sơn mài Thành Lễ học, chính Đại Đức Thích Đức Minh dạy anh. Đại đức còn khuyên anh nên sửa chữ ký. “Anh ký như vậy không có tiền đâu”. Chữ ký của anh bây giờ là chữ ký đã sửa theo lời khuyên của Đại Đức.

Ai làm nghệ thuật cũng hiểu phải có một cái gì đó của riêng mình. Phải tạo ra thế giới nghệ thuật của mình, của riêng mình không giống bất kỳ người nào khác. Như Picasso là Picasso. Gauguin là Gauguin mà không thể lẫn với Van Gogh, Matisse hay một bậc thầy nào khác. Cũng như Bùi Xuân Phái rất Bùi Xuân Phái còn Sĩ Ngọc rất Sĩ Ngọc vậy. Nhưng điều ấy đâu dễ dàng gì. Với những thế hệ đến sau, dường như có bao nhiêu ý nghĩ, bao nhiêu trường phái, bao nhiêu sáng tạo người ta đã thực hiện hết cả rồi. Lời khuyên của bà vợ ông giám đốc ngân hàng chẳng có gì mới nhưng thực hiện mới khó khăn làm sao. Mà không định hình bản sắc của riêng mình nghĩa là mình không tồn tại trong nghệ thuật. Như mọi họa sĩ trẻ khác, Nguyễn Thanh Bình miệt mài làm việc, miệt mài tìm tòi, một giai đoạn mà sau này anh gọi là *lẩn mò, quờ*

quang. Anh đọc không biết bao nhiêu sách. Rồi anh đem cho tất cả những quyển sách quý báu ấy:

- Đọc thế đủ rồi. Tao không đọc sách nữa. Sau này người ta sẽ viết sách về tao.

Lời tuyên bố như đùa ấy ẩn chứa một quyết tâm và một sự tự tin. Mặc dù anh vẫn đang tìm tòi. Lập thể. Ấn tượng. Rồi trừu tượng v.v... Không chỉ không có gì riêng như anh mong muốn mà còn không phải là anh. Anh biết muốn riêng biệt được phải là chính mình. Anh là thế nào nhỉ? Anh là người thích sự cô đọng, tinh giản đến mức tối đa. Như thơ Đường. Như thơ haiku. Anh đặc biệt thích màu trắng. Anh cứ suy nghĩ mãi về *cái màu trắng của anh* trong tâm tưởng. Anh đã định vẽ một cảnh trong phòng mổ, các bác sĩ, y tá và cả bệnh nhân nữa toàn một màu trắng. Nhưng rồi lại thay đổi ý định. Đó là một buổi chiều anh đứng lặng nhìn các em nữ sinh tan học ùa ra cổng trường. Còn gì có thể đẹp hơn cảnh ấy. Những tiếng gọi, những tiếng cười, những khuôn mặt tươi sáng xinh đẹp, ngây thơ, trong trẻo thiên thần, áo dài trắng, quần trắng thướt tha. Với anh đó là những người đẹp nhất thế giới, bộ đồng phục nữ sinh Việt Nam là bộ đồng phục đẹp nhất thế giới. Anh hiểu rằng màu trắng, cái màu trắng anh tìm kiếm đây rồi. Anh như đã nhìn thấy con đường nghệ thuật của mình. Và anh vẽ. Thất bại. Cái màu trắng anh nhìn thấy, cái màu trắng anh suy nghĩ không hiện ra trên mặt vải. Dưới cây cọ của anh là màu trắng của vôi, là màu trắng cứng đờ loang

lồ. Không thể vội vã, không thể ăn xổi. Chỉ nguyên bút vẽ không sạch thôi cũng làm hỏng tất cả. Anh luyện màu như người ta luyện chưởng. Kiên nhẫn, tìm tòi, tin tưởng. Anh tuyên bố với các bạn:

- Minh sẽ làm một bức tranh chỉ có màu trắng.

Cả bọn cười cho là Bình hâm. Nhưng Bình như đã nhìn thấy trước tất cả. Anh sẽ *một mình làm nên một dòng toàn trắng*. Anh nói với Trịnh Cung, người bạn vong niên là sẽ vẽ một xê ri tranh toàn đàn bà, *một trăm người đàn bà chờ đợi*. Trịnh Cung rất hoan nghênh và khuyến khích ý định táo bạo mới mẻ ấy của anh.



Bức *Thiếu nữ*, Nguyễn Thanh Bình vẽ tặng nhà văn Bùi Ngọc Tấn

Từ bấy trở đi, cuộc đời nghệ thuật của Nguyễn Thanh Bình là một cuộc phiêu lưu với màu trắng. Không chỉ phiêu lưu với màu trắng, anh còn phiêu lưu với không gian. Trong các tác phẩm của Bình, không gian chiếm gần hết mặt vải, bố cục được xem là điểm quan trọng nhất. Trong tranh có rất ít nhân vật và sự vật. *Nguyên nhân là tôi muốn cho người xem ý thức được sự mạo hiểm của người nghệ sĩ luôn luôn là một cuộc phiêu lưu đơn độc.* Bên cạnh việc luyện màu như luyện chương, anh bắt đầu tinh giản đến mức tối đa trên cả hai phương diện: màu sắc và đường nét. Bức *Dàn đồng ca* (1,1m x 1,45m) là thành công đầu tiên của anh. Trên một nền vàng chảy rờn rờn là một khung chữ nhật trắng. Đó là những cô gái mặc áo trắng đứng cạnh nhau. Hai hàng khuôn mặt, hai hàng đầu tóc thiếu nữ cách điệu tinh giản. Không có tiếng hát nhưng cứ như nghe thấy đâu đây *tiếng vọng trong trẻo của một bầu thiếu nữ đồng ca* (I. Ehrenburg). Bức tranh làm anh hài lòng đến mức suốt đêm nhìn ngắm nó, không ngủ được. *Dàn đồng ca* của Nguyễn Thanh Bình được treo cạnh tranh của Matisse trong một triển lãm hội chợ mỹ thuật Hong Kong dành cho các galerie và sau đó được bán với giá mười bốn nghìn đô la.

Sau *Dàn đồng ca* là *Hoa Nhài*. Trên nền ghi nhạt, một cô gái khoả thân cách điệu. Tranh chưa kịp treo, một người Đài Loan đã mua.

Năm 1987 Nguyễn Thanh Bình mở triển lãm đầu tiên cùng với Hoàng Tường, Nguyễn Trung Tín, Nguyễn Hoài Hưng. Nhưng chỉ đến khi anh triển lãm riêng tại Galerie Lã Vọng (Hong Kong) 15 bức màu trắng thì thế giới mới biết đến anh như một sự phát hiện. 15 bức tranh toàn nữ sinh màu trắng. Có những bức nền cũng trắng. (Gần chục năm sau, nhớ lại cuộc triển lãm ấy, Bình nói với tôi: Đúng là một cuộc chơi màu trắng). Có lẽ đến lúc ấy người ta mới hiểu màu trắng có thể làm nên những điều kỳ diệu như vậy. Báo *South China Morning Post* để cả một trang nói về triển lãm của Nguyễn Thanh Bình. Buổi tối, đi uống cà phê ở Câu lạc bộ Báo chí Quốc tế Hong Kong, Bình trở thành người hùng. Ian Findlay Brown, tổng biên tập báo *Asian Art News* nhiệt liệt chúc mừng thành công của Bình và hỏi anh vì sao vẽ trắng. Bình trả lời màu trắng của Bình là riêng vì nó là màu chủ đạo trong khi những người khác chỉ coi như một thành phần. Với anh, màu trắng có thể diễn đạt được mọi cung bậc tình cảm. Hơn thế màu trắng còn rất dễ thay đổi theo tâm trạng của anh từng lúc. Màu trắng lung linh. Màu trắng chuyển nhanh. Màu trắng chuyển từ từ. Chuyển nhẹ nhàng. Chuyển rất mạnh. Màu trắng ngọt. Màu trắng gắt. Trên cùng một bức tranh. Hiệu quả rất lớn. Màu trắng giống như một thứ nhạc chùm ba, gam thứ. Êm đềm. Buồn dịu. Thấm sâu.

Ý định vẽ *100 bức tranh phụ nữ đợi chờ* của anh đã đạt được từ lâu. Tranh của Nguyễn Thanh Bình có mặt gần như khắp thế giới, kể cả A Rập Xê út. (Cái ông khách

vùng Vịnh râu dài kín ngực này đến nhà khiến Bình cứ nghĩ đến Bin Laden và hơi sờ sợ). Cả ngàn tranh của anh đang được treo ở các bảo tàng, các công sở các gia đình khắp năm châu. Chỉ riêng Galerie Vĩnh Lợi đã bán cho anh trên 500 tranh rồi. Bức *Mẹ con* của anh được tạp chí *Jama* (một tạp chí y học Mỹ) in bìa và đã trở thành kinh điển. Không biết bao nhiêu người đã tới gặp, đã *meo*, khấn khoản “ông vẽ cho tôi một bức *Mẹ con*”. Và nhiều bức *Mẹ con* ra đời sau đó với những cách thể hiện khác nhau. Bức *Nhạc trưởng* cũng lâm vào hoàn cảnh như vậy.

Nhạc trưởng được vẽ ở Hong Kong. Vẽ ngay sau khi từ Trung tâm văn hóa Hong Kong (bên Cửu Long) nghe dàn nhạc Ý biểu diễn nhạc cổ điển trở về khách sạn. Khung cảnh Trung tâm văn hóa mới xây sang trọng lộng lẫy, dàn nhạc đông tới mấy trăm người, ông nhạc trưởng người Ý, cô đánh trống chính người Trung Quốc, tiết tấu bản nhạc ngân vang... tất cả làm người Bình nổi gai lên. Vốn yêu nhạc cổ điển từ bé, anh xúc động đến phát khóc vì hạnh phúc tuyệt vời anh vừa được hưởng. Trở về khách sạn, anh vẽ ngay khi cảm xúc còn đang tràn ứ tới tận đầu ngón tay anh. Chưa đầy một tiếng đồng hồ sau, bức tranh đã hoàn thành. Trên nền nâu sẫm của một không gian mênh mông, một không gian nhạc cổ điển, người nhạc trưởng mặc quần áo đen, cổ cồn trắng được vẽ bằng dao như đang bay lên cùng tiếng nhạc. Nhân vật nhỏ, càng tạo hiệu quả.

Nhạc trưởng được treo ở đại sảnh khách sạn Péninsula thuộc tập đoàn Hilton ở Thái Lan. Nhiều du khách chỉ định đến Thái Lan nhưng rồi lại sang Việt Nam vì bức tranh ấy. Người ta đến Péninsula, người ta biết bức tranh được mua từ Galerie Lã Vọng, người ta điện hỏi Lã Vọng, biết được địa chỉ tác giả, người ta tới thành phố Hồ Chí Minh gặp tác giả đặt mua *Nhạc trưởng*.

*

Ông Bào trưởng ban cơ yếu đã nói đúng. Bình giàu có và nổi tiếng. Các báo đã viết anh là một tỉ phú. Khách đến nhà anh, thăm xưởng họa của anh không thấy một bức tranh nào, ngoại trừ một vài bức đang vẽ dở. Tranh của anh chưa vẽ đã có người đặt mua rồi. Anh vẽ không kịp bán. Vì sao người ta thích tranh Bình đến thế? Tôi xin nhường lời cho những người có thẩm quyền, những nhà chuyên môn đã được tận mắt ngắm Nguyễn Thanh Bình trong nguyên tác chứ không như tôi chỉ được xem những bức sao chụp lại.

Tôi biết, người ta thường nói rằng, trong hội họa, trắng (và đen) không phải là màu sắc.

Nhưng tôi lại thấy trên tranh của Nguyễn Thanh Bình có cái gì bí mật và kỳ thú ở những người con gái, đàn bà hiện lên trong những tương quan phong phú và ẩn giấu như thói miên của trắng, có cái tinh tiết không mua chuộc được, như

một vẻ đẹp hướng về cái lý tưởng, vừa tôn giáo, vừa nhục cảm bởi những bóng đặc ngân nga thì thâm nơi thân thể.

Ở đây, màu trắng của Nguyễn Thanh Bình như ra khỏi đời sống thực tại, ôn ào và khắc nghiệt với máy móc của nền văn minh cơ khí. Hình tượng hội họa của Nguyễn Thanh Bình không ngả về thế giới khách quan mà là hướng nội. Ở đây có chút hơi thở phương Đông, phảng phất chốn ẩn náu của tâm hồn con người, khi đã hài hòa được cái chung và cái riêng để nhìn thấy một thế giới nơi chân trời xa của tâm linh đại ngã. Có lẽ đó là ước mơ của người nghệ sĩ trẻ này. Và khi ta thấy hội họa của anh đây đó có nhuốm màu tượng trưng hay siêu thực, thì ta cũng không ngần ngại gì mà không nghĩ tới tiền kiếp của nó đã có trong nghệ thuật Pháp với P. Gauguin, O. Redon, E. Bernard, M. Laurencin... ở chất thơ êm đềm. Hoặc khi ta mãi cảm với cái vô bờ của màu trắng ở đây như ở đằng xa chân trời, biển khơi, với một xúc cảm buồn buồn cô quạnh dấy lên từ đó, thì tôi cho rằng đó là sự thật lâu dài và vinh hạnh không nên từ chối ở đời người.

Màu trắng của Nguyễn Thanh Bình muốn ám thị nội hàm tâm tưởng đó.(..).

Nhà phê bình hội họa Thái Bá Vân đã viết về anh như vậy. Và đây Ian Findlay Brown viết trên tạp chí *Asian Art News*:

Họa sĩ Nguyễn Thanh Bình, tiếp tục truyền thống tạo hình của những thế hệ trước, hầu như chỉ vẽ để tài phụng

nữ. Sự say mê của anh đối với đề tài này gợi nhớ Franc Marc (trường phái biểu hiện Đức), người mà việc xử lý hình và màu là trọng tâm của tác phẩm. Đối với Bình, “tư duy và cảm hứng” là những khía cạnh quan trọng nhất trong tranh của anh. Thoạt nhìn, tranh anh bộc lộ yếu tố tình cảm. Tuy nhiên xem kỹ người ta thấy tranh của anh được chăm chút tỉ mỉ, được quán xuyên chặt chẽ. Sự thanh thoát trong những tác phẩm chân thật của anh như Đợi chờ (1996), Khoảnh khắc riêng tư (1996) đã được màu sắc lãng mạn chứ không còn là trữ tình nữa.

Rõ ràng cái quyến rũ Bình không chỉ là một khía cạnh của sự vật mà là tất cả sự tinh tế tạo nên cái tổng thể. Điều này rất đúng với Bình khi anh giải quyết hình người. Anh cố vươn ra khỏi diện mạo bên ngoài của y phục, của một cơ thể người khoả thân để hướng đến “cái bên trong” để khi vẽ anh có thể “tái sắp xếp” sự vật nhằm làm cho người xem không chỉ hiểu “diện mạo bên ngoài”. Những nhân vật trong tranh anh gợi nhớ tác phẩm của Gustav Klimt nhưng sự biểu hiện và phẩm chất hoàn toàn mang tính chất Việt Nam.

Bình rất riêng biệt. Bình rất Việt Nam. Bình rất hiện đại. Và về một mặt nào đó, Bình cũng lại rất cổ điển. Xem tranh Bình giống như đọc thơ Nguyễn Nhược Pháp. Xem tranh Bình tôi chìm đắm vào những ngày xưa.

Không phải ngày xưa của Nguyễn Duy *thuốt tha áo trắng nói cười / để ta thương nhớ một thời áo nâu / tóc hoe*

hoe cháy trên đầu / ta và bạn gái cưỡi trâu học bài. Mà một ngày xưa còn xa hơn thế nữa, một ngày xưa xa hơn cả tuổi thơ ta, một ngày xưa khi ta còn chưa ra đời, bình yên tốt đẹp vẫn chảy trong máu của ta và thấp thoáng trở về với ta cùng những lời ru của mẹ.

Bình tâm sự:

- Tôi thích sự đơn giản, màu sắc thô thúc, bố cục đơn giản. Tôi không thích tranh có nhiều màu. Đây là cách của tôi. Cuộc sống có nhiều vấn đề và mỗi người trước đây đều có nỗi buồn vì chiến tranh dai dẳng. Tôi muốn thể hiện trong tranh nỗi buồn trong tâm hồn người Việt.

Bình nói tiếp:

- Cấu trúc trong tranh tôi nói với người xem nhiều điều khác với diện mạo bên ngoài. Hướng của tôi là cô đọng việc miêu tả, không bao giờ có nhiều nhân vật xuất hiện trong tranh tôi. Tôi muốn đề tài cực nhỏ nhưng ý tưởng cực lớn như haiku của Nhật hay thơ Đường. Tôi không gặp mấy khó khăn khi làm công việc đơn giản hóa. Nhưng tôi lại cần thời gian vẽ. Có tranh tôi vẽ vài ngày, có tranh vài tuần, có tranh mấy năm mới xong.

Bình cần thời gian vẽ. Anh ngủ rất ít. Chập tối anh đi ngủ. Nửa đêm thức dậy. Vẽ. Chỉ nghỉ khi đi ăn hoặc bè bạn đến chơi. Cà phê đặc là thứ không thể thiếu. Anh uống cà phê như người ta uống nước. Anh bảo: Đời ngắn lắm. Ngủ nhiều làm gì.

Có người đã nói khuynh hướng thương mại đang nảy sinh trong anh. Với tư cách một người bạn lớn tuổi, tôi hỏi anh về chuyện ấy. Anh nghiêm chỉnh trả lời:

Làm hàng là mất khách. Tám năm qua, em vẫn vẽ không kịp bán. Áp lực vẫn không hề giảm. Thế nghĩa là người ta vẫn thích tranh em. Những bức như *Mẹ con*, *Nhạc trưởng* và nhiều bức khác em đã phải từ chối rất nhiều người. Nhưng có những người mình không từ chối được...

Bình đã giải thích kỹ càng hơn về điều này trong bài viết cho triển lãm *Looking Back* như sau:

“Cảm xúc thì khó lặp lại, điều đó có vẻ như một nguyên lý, nhưng điều gì cũng có hai mặt của nó, tôi nhanh chóng nhận ra rằng có thể nuôi dưỡng nó bằng cách đẩy nó đi đến tận cùng bằng đòi hỏi của những người hâm mộ, biến sự nhàm chán bằng một nỗ lực kiên trì... rèn luyện cho mình sự tập trung cao độ, huy động trọn vẹn khả năng tư duy hướng vào một điểm duy nhất. Biến màu trắng vốn không phải là màu, phải ngân lên ở mọi cung bậc của màu sắc, biến khoảng trống đơn điệu, tẻ nhạt thành không gian menh mông hoặc sâu thẳm tùy theo trí tưởng tượng của người xem... Khó khăn nảy sinh ở mâu thuẫn giữa sự tiết kiệm tối đa về kỹ thuật với ý muốn diễn đạt của chủ đề, giữa khoảnh khắc vô cùng ngắn ngủi của cảm xúc với đòi hỏi vô tận của những người hâm mộ trên khắp thế giới..”

Đến nhà Bình, bất ngờ lớn nhất của tôi là những chiếc máy bay trực thăng. Trừ lầu một làm phòng ngủ, tầng trệt và tầng hai ngôi nhà có diện tích cộng lại gần 200 mét vuông này đặt kín những chiếc máy bay trực thăng điều khiển từ xa. Những chiếc máy bay mới mua về chưa lắp ráp, những chiếc đang sử dụng, chiếc hỏng, chiếc đâm xuống đất gãy, vỡ, cần được sửa. Không biết bao nhiêu loại máy bay. Chiếc 3000 đô, chiếc 500 đô. (Chắc chắn anh là một trong những người Việt Nam đầu tiên thực hiện mua bán trên mạng). Ngổn ngang khắp nhà là tước vít, kim, mỏ lết, kính lúp (khi sửa Bình phải dùng kính lúp) ê tô, bánh xe, trục gãy, trục mới đặt hàng người ta sản xuất... Đi lại trong nhà Bình luôn phải nhìn xuống đất. Rón rén từng bước chân. Cơ khí máy móc là thích thú thứ hai của Bình sau vẽ tranh. Ngày chủ nhật, ngày của trực thăng, bất khả xâm phạm. Tôi đã đi chơi trực thăng một lần với Bình. Bờ biển Long Hải. Phải có một khoảng không gian đủ rộng. Chiếc máy bay khởi động rồi từ từ bốc lên lao ra biển, lượn vòng dưới sự điều khiển của Bình. Mọi người xúm cả lại. Bình vừa điều khiển vừa “nói tiếng Anh như gió” trả lời những câu hỏi của các ông Tây lớn Tây con. (Bình biết bốn ngoại ngữ: Anh, Pháp, Nga, Trung Quốc).

Lê Bích Hạnh, vợ Bình hoàn toàn thông cảm với chồng. Hạnh chịu đựng tất cả những thiệt thòi mà vợ một nghệ sĩ phải chịu. Thật bất ngờ và thú vị khi tôi được biết Hạnh

là con đại tá Lê Trọng Nghĩa, Cục trưởng Cục Quân báo thời chống Pháp, người chúng tôi vẫn nhìn thấy đứng cạnh Đại tướng Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp trong những phim tài liệu về Điện Biên Phủ.

Bình sinh năm 1954, sau tôi đúng 20 năm. Chúng tôi mới gặp nhau có một lần. Bình, Hạnh đọc của tôi. Tôi xem tranh của Bình. Mà như đã biết nhau từ bao giờ rồi. Đó là điều chỉ nghệ thuật mới làm được.

Để kết thúc bài viết này, tôi xin trích dưới đây những dòng Nguyễn Thanh Bình ngắm ngợi về công việc của mình:

“Gần hai mươi năm đã trôi qua... Tôi vẫn đang đi vì biết mình chưa tới, nhưng đôi khi, giống như người lữ khách dừng chân, ngồi dưới tán cây vệ đường, trong gió chiều hiu hiu, nghĩ lại đoạn đường bao nhiêu thăng trầm, biến cố đã qua... vẫn giữ lòng mình nhẫn nại, với một gam màu dịu dàng, thể hiện cuộc đời với con mắt yêu thương... một bờ vai, một dáng lưng ong chỉ bằng một nét vẽ cũng đủ tạo ra không gian, đơn giản mà hàm súc như những vần thơ haiku... và một sự nghiệp với hàng ngàn tác phẩm có cùng một chủ đề mà không giống nhau... Đôi khi ta thấy thời gian như ngừng lại.

Thế đấy, cuối cùng thì tôi đã làm được, với một phong cách không trộn lẫn”.

Tháng Trung Thu Nhâm Ngọ 2002

Thời trai trẻ đã qua

*Gi*ữa năm 1994 Vũ Tín mở triển lãm ảnh cá nhân. Đây là triển lãm cá nhân đầu tiên của anh khi anh đã ngoài sáu mươi tuổi.

Báo Lao Động: *Những tấm ảnh đó là những khoảnh khắc một đi không trở lại, là chứng nhân trước những sự kiện lịch sử dân tộc và thấm vào lòng người xem bằng cái tinh tế mượt mà của ánh sáng, của đường nét tạo hình qua con mắt và trái tim của một nghệ sĩ, chiến sĩ.*

Báo Nhân Dân: *21 năm không cầm máy, nhưng vẫn không nguôi nỗi khát khao được đi lại đó đây để ghi lại*

những hình ảnh đẹp của đất nước. Trước khi về hưu, với tấm lòng yêu nghề và phấn đấu cao, Vũ Tín đã vượt lên sự nghiệt ngã của thương tật. Được sự giúp đỡ của cơ quan Thông Tấn xã Việt Nam và của vợ anh, Vũ Tín đã đi một cung đường dài dọc theo đất nước để thể hiện ý đồ từng ấp ủ.

Báo Quân đội Nhân dân: Phòng triển lãm lần đầu của Vũ Tín tại bảo tàng Quân đội có hai mảng rõ rệt. Mảng thứ nhất là những tư liệu khá đắt thời ông chưa bị thương kể cho đến bức ảnh chụp nam nữ giao liên Trường Sơn trước ngày ông lao vào thành cổ Quảng Trị năm 1972. Phần thứ hai là phong cảnh, hội hè, là đất nước, con người mới chụp gần đây. Xem phần này thấy rõ là bác yêu đời và say sưa cảm máy đến thế nào. Lạng Sơn, Bát Tràng, Hà Nội, Sóc Trăng, Bến Tre... Cuộc hành quân nghệ thuật của bác sau này là trên đôi nạng gỗ, và luôn luôn có bác gái đi cùng.

Báo Thời trang trẻ: Trở về TTXVN, Vũ Tín làm công tác biên tập. Đạo ấy ông ít đi sáng tác và có vẻ buồn. Một thời gian sau, máu nghề nghiệp đã chiến thắng sự khủng hoảng tâm lý. Vũ Tín lại vác máy lên đường. Ông mất một chân chứ đâu mất cái đầu nghệ sĩ.

Báo Tuổi trẻ Thủ đô: Xem triển lãm ảnh nghệ thuật của Vũ Tín ta thấy mỗi bức ảnh là một tác phẩm nghệ thuật xứng đáng. Trong mỗi tác phẩm của anh, người xem như nghe thấy âm thanh của thiên nhiên, tiếng nói của cuộc đời, nó như hướng về mọi điều thiện ở thế gian.

Còn nhiều báo nữa. Gần như tất cả các báo trong Nam ngoài Bắc đều nói đến anh và triển lãm của anh.

Tôi cũng quen Vũ Tín. Nói vậy là nói sự thật chứ không phải một kiểu thấy người sang bắc quàng làm họ...

Tôi quen anh từ đầu thập niên 60, chính xác hơn là vào năm 1960, khi tôi chuyển từ báo *Tiền Phong* về báo *Hải Phòng*, một sự chuyển công tác chẳng biết là may hay rủi, bởi vì nói theo kiểu *Tái ông mất ngựa*, trong cái may có cái rủi, trong cái rủi có cái may, họa phúc khôn lường.

Thời ấy xã hội được quản lý theo kiểu bao cấp. Khẩu phần tinh thần, khẩu phần vật chất đều được tiêu chuẩn hóa và phân phối. Phim này những ai được xem. Tin này loại lương bao nhiêu, chức vụ gì được biết. Ai được mua mỗi tháng mấy lạng thịt, bao nhiêu gạo, bao nhiêu muối, nước mắm, mua vào những ngày nào. Tôi còn nhớ những tối đi chơi phố (ở Hải Phòng và cả ở Hà Nội) khắp ngang cùng ngõ hẻm, đầu thành phố cuối thành phố, đến đâu cũng ngửi thấy mùi cá tàu. Cả thành phố được mua cá. Cả thành phố ướp trong mùi ngào ngọt ấy. Dù kho dưa, dù rán hay nấu riêu, nghĩa là dù có những “biến tấu” khác nhau, vẫn nhận ra ngay cái vị ung ủng cơ bản của con cá vỡ bụng, con cá ướp đá sóng dồn lắc lâu ngày.

Giờ đây khi cuộc sống đã có những chuyển biến quan trọng sang nền kinh tế thị trường, nhớ lại những ngày ấy,

nhiều nhà văn còn bảo nhau: Sao chưa thấy ai viết về thời bao cấp cả nhỉ?

Đúng là chưa có ai viết về thời này. Một thời mà mỗi khi nhớ lại, bỗng nhiên thấy mình đã là những người anh hùng, đã vượt qua một quãng đời tưởng như là bịa đặt, không thể nào tin được. Và thế hệ hôm nay càng chẳng thể quan niệm nổi.

Ký ức của tôi còn lưu giữ những lần theo Vũ Tín đi mua thịt tiếp khách. Nhà tôi nhiều khách. Căn buồng của chúng tôi ở Hải Phòng như một cái túi đón khách, đón bạn bè.

Phải nói thật rằng ngày ấy thấy bố mẹ ở quê ra chơi cũng đã lo rồi. Lo và cả sợ. (Kính mong bố mẹ tha thứ cho con). Tôi nghĩ không chỉ mình tôi có mối lo này. Nên cũng cứ mạnh dạn thú thật bằng mực đen giấy trắng. Tất nhiên là vui nhưng không thể không lo. Bởi vì vợ chồng con cái chen chúc trong một căn buồng rộng trên dưới hai mươi mét vuông. Bởi vì gạo sang kỳ cứ lùi lại mãi. Bởi vì mỡ hết cả tuần rồi. Bởi vì rau mậu dịch ôi dập thật đấy nhưng cũng không đến lượt chúng tôi. Xe rau vừa hạ xuống ven đường, người không biết từ đâu đã vòng trong vòng ngoài đen đặc như một cuộc mít tinh. Chen lấn xô đẩy vào được sát xe mỗi người cũng chỉ được mua hai mớ. Nhưng cũng có những người ôm từng ôm, bê từng sào. Các vị ấy là người nhà, hay đã móc ngoặc với mậu dịch viên. Các vị ấy ngã rau ra vỉa hè cạnh đó mà bán lại. Các vị ấy đem rau về nhà băm nuôi lợn...

Cũng may tôi có Vũ Tín. Khiến có thể tự an ủi rằng mình cũng không đến nỗi thiệt, vẫn còn gỡ gạc được tí chút trong chế độ phân phối theo tem phiếu này. Ngược lại, còn có lúc cảm thấy hơn người. Hình như cảm giác hơn người này ai cũng có, ai cũng cảm thấy dù chỉ một lần, nếu không, thật là khó sống.

Ngày ấy Vũ Tín là phóng viên ảnh của *Thông tấn xã Việt Nam* thường trú tại Hải Phòng. Trong tay anh có hai máy ảnh. Một Rolley. Một Exakta. Hai máy ảnh cùng với chức năng chụp hoạt động các ngành kinh tế văn hóa xã hội và chiến đấu khiến anh có thể quen mọi người cần quen. Tất nhiên có cả các cô mậu dịch viên, từ cô bán gạo tới cô bán thịt, cô bán than, cô bán dầu hỏa, bán công nghệ phẩm mà anh mà vợ anh gọi bằng cái tên chung đầy âu yếm: *Dì Hai*. Ngày ấy ảnh còn là một mặt hàng quý giá cao cấp dù chỉ là ảnh đen trắng. Mấy ai có tiền đi chụp ảnh. Mà ngắm nhìn ảnh của mình bao giờ cũng là điều thích thú. Huống hồ lại là *cửa độc*: Ảnh chụp mình ngay nơi làm việc! Một anh thợ mộc ở một xí nghiệp gỗ quốc doanh cảm động vì tấm hình anh đang cửa bào trong xí nghiệp do Vũ Tín chụp được đăng trên báo Nhân Dân, đã kỳ công dùng những mảnh gỗ vụn mà mỗi lần đạp xe từ xí nghiệp về nhà, anh lại buộc vào póc ba-ga một mảnh để qua mắt bảo vệ (thời ấy không ai có thể có gỗ tấm - nó quý gần ngang với ngà voi) đem về nhà ghép lại, đóng cho Vũ Tín một cái tủ buýp phê mà mỗi khi đóng cánh cửa tủ, Tín bắt tất cả những ai có mặt trong

thời khắc thiêng liêng đó phải im lặng lắng nghe. Rồi anh quay lại hỏi mọi người:

- Có nghe thấy tiếng *pho oòm* không?

Anh cả quyết có tiếng *pho oòm* ấy. Đó là tiếng của không khí bị nén thành gió trào ra ngoài khi cánh tủ đóng lại. Cái tủ của anh mộng mỵ như vậy đấy.

Vũ Tín đã giúp tôi rất nhiều trong khâu hậu cần tiếp khách. Cả những khi không có khách như những lúc vợ đau con ốm. Tín có rất nhiều *Di Hai*. Anh cười hể hể giảng cho tôi về quy trình chụp ảnh và mua thịt của anh. Hôm chụp ảnh. Một lần mua. Tất nhiên rồi. Mấy hôm sau cho xem phim. Cầm phim soi soi lên giời. Một lần mua. Lần thứ ba. Xem ảnh in thử, khổ 3x4. Lại mua. Lần thứ tư là lần đem tấm ảnh 6x9 nghiêm chỉnh đến. Và nếu khéo tán tỉnh, *Di Hai* bốc lên đồng ý: Phóng to cỡ 13x18 hay 18x24 (*Di Hai* hoàn toàn không phải trả tiền) để làm một cái *xú ve* thì được mua đến lần thứ năm. Riêng lần này có thể mua mộng sấn hay mỡ lá, những thứ cực kỳ quý hiếm.

Mỗi khi bí quá tôi lại cầu cứu Vũ Tín. Anh vui vẻ dắt xe đi ngay. Tôi đạp xe theo anh, rụt rè theo anh tiến vào sát quây. Những câu chào hỏi thân mật, nhạt nhẽo tùy theo tình thân của anh với *các cô mậu*, tùy theo tấm ảnh anh chụp đã đến công đoạn nào. Bà bán thịt chợ Sắt chào anh một câu mới khiếp. Bà reo to giữa chốn chợ búa đông vui:

- Chào ông thông gia chó đéo!

Tôi phục anh. Thương anh. Ái ngại cho anh. Còn anh thông cảm với khó khăn của tôi.

Để tạo thuận lợi cho tôi, để tôi khỏi lằng nhằng bám theo anh, anh quyết định *bàn giao* cho tôi cô bán thịt cửa hàng Mi sô, cửa hàng cung cấp đặc biệt, một *Dì Hai* thân nhất, quan trọng nhất của anh. (Trước đó anh cứ đe là sẽ *nhượng lại* bà bán thịt Chợ Sắt *thông gia* làm tôi sợ hết hồn). Cô mậu dịch viên Mi sô xinh đẹp thủy mị này đã đến nhà Vũ Tín và được con anh chào bằng cái tên chung vẫn dùng sau lưng các cô:

- Cháu chào Dì Hai!

Ôi! Những tiếng chim non! Chủ khách cùng ngỡ ngàng. Nhưng không sao. Chuyện con trẻ ấy mà. Càng chứng tỏ cô được cả nhà quý mến. Cô mậu dịch viên Mi sô cùng Vũ Tín đến nhà tôi. Cô rất đáng yêu. Trông giống những cô gái ngoại thành con nhà nền nếp trong tiểu thuyết của Nhất Linh, Khái Hưng vậy. Thật khác hẳn những cô bán thịt khác. Tôi pha cà phê. Ba người uống. Vũ Tín cố gắng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ *mối mai*. Nhưng ngay lúc đó tôi hiểu rằng cái ý định tốt đẹp muốn *tác thành Dì Hai* của anh cho tôi không thực hiện được, dù đó là cô bán thịt Mi sô, một cửa hàng chuyên bán cho phiếu C và *những người ở chuồng dê*, nghĩa là những người có phiếu loại D (riêng *chuồng dê* này lại còn chia ra *dê non*, *dê cụ*, là hai loại phiếu D khác nhau của hai bậc lương khác nhau)

thuộc những bậc lương cao nhất thành phố. Chỉ Vũ Tín thao thao. Còn chúng tôi không biết nói gì với nhau. Cô là khách. Lại là con gái. Im lặng đã hẳn. Còn tôi. Muốn nói lắm. Nhưng nói cái gì? Chẳng lẽ lại nói với cô về các yếu tố của tin tức, về báo chí vô sản, về hiện thực xã hội chủ nghĩa, về tính Đảng, tính giai cấp, tính nhân dân trong văn học? Hay quầy hàng sạch sẽ? Vui lòng khách đến vừa lòng khách đi? Không sợ thiếu chỉ sợ không công bằng? Để rồi hôm sau ra cửa hàng tới quầy thịt thì thắm: “Chị ơi. Nhà có khách. Bí quá... Chị linh động..”

Những câu như vậy tôi chỉ có thể nói với Vũ Tín để Vũ Tín *tái bản* với các cô mậu dịch. Quả thật Vũ Tín là người dũng cảm tuyệt vời. Anh có khả năng nói to rất tự nhiên những câu tôi chỉ dám đỏ mặt thì thắm. Và đối với tôi, anh mới tốt làm sao!

Bởi vậy nên tôi cực kỳ hoang mang khi một lần sang anh nhắn nhó nhờ anh mua cho tí thịt hay chỉ vài bìa đậu thôi cũng được, có bà mẹ vợ từ Hà Đông xuống chơi thì anh từ chối thẳng thừng: Đang chết đây. Thăng Minh Trường xuống cũng chỉ có rau muống tần thôi đây. Không dám vác mặt đi gặp *Dì Hai* nữa đây.

Mãi sau tôi mới vỡ lẽ ra rằng *Dì Hai* ở cửa hàng Mi sô, nguồn thực phẩm chủ lực mà cứ có gì đột xuất anh lại tới đó, *Dì Hai* xinh đẹp thùy mị mà anh có ý định *tác thành* cho tôi đã đi lấy chồng. *Dì Hai* lấy chồng thì Vũ Tín phải đi chụp ảnh trong ngày cưới rồi. Một cơ hội lập công

tuyệt vời không thể bỏ qua. Cũng như có Vũ Tín, *Di Hai* hoàn toàn yên tâm về phần ảnh, dành tâm trí tập trung lo những việc khác.

Hôm ấy Vũ Tín chụp thì khiếp lắm. Chụp trước, trong và sau lễ cưới ở cả hai họ, nhưng chủ yếu ở họ nhà gái, tất nhiên. Cô dâu trang điểm. Cô dâu đứng một mình trước bàn thờ. Cô dâu cùng chú rể đứng trước bàn thờ. Tiệc cưới mặn. Cô dâu cùng chú rể đi các bàn chào hỏi. Cô dâu cùng chú rể lên xe hoa. Rồi hội trường. Phong cưới có hai con chim câu tung cánh trên một nền lô nhô những tháp Ai Cập, xứ sở của Aladin và cây đèn thần, của người thủy thủ Sinbad, nổi lên là hai chữ cái đầu tên hai người lồng vào nhau. Ông chủ hôn cầm mi cờ rô. Rồi cha mẹ đôi bên. Lại cô dâu chú rể đi chào từng bàn tiệc trà. Gia đình chụp với cô dâu ở hội trường (riêng chủ đề này đã có bao nhiêu kiểu rồi). Rồi cũng như vậy nhưng thay bằng bè bạn. Đều là đứng trước những ngọn tháp Ai Cập, những chim câu tung cánh, những chữ cái lồng vào nhau. Lại theo về nhà gái. Vào tận phòng tân hôn dàn dựng những pha trong buổi the... Không tiếc phim. Không tính toán. Hết cuộn này tới cuộn khác.

Đám cưới kết thúc. Vũ Tín lao ngay vào buổi tối tráng phim. Cuộn đầu tiên giơ lên soi thử. Trắng toát. Không được một pô nào. Hoảng quá. Hoang mang cực kỳ. Phim còn tốt. Còn *đát*. Đã để đúng số *đin*. Vì sao? Làm vội cuộn thứ hai. Không khác gì cuộn đầu. Trắng

toát. Và những cuộn sau. Cũng đều như vậy. Vẫn là trắng toát. Không thể diễn đạt được sự hoảng loạn của anh. Phim tốt. Máy tốt. Thôi chết rồi! Giết người rồi! Khốn nạn thân tôi rồi! Trong lúc phấn khởi vì được *lập công dang Di Hai*, anh đã cắm ắc quy vào lỗ đèn ma-nhê trong khi lẽ ra phải cắm vào đèn flash. Cả lễ cưới, trước, trong và sau, không được một pô! Còn mặt mũi nào gặp *Di Hai* nữa! Gặp cũng không dám chứ đừng nói đến chuyện mua thịt!

Vũ Tín thành thật đau đớn ân hận nhận hết tội lỗi của mình. *Di Hai* khóc. Khóc ghê quá. *Di Hai* không thể tưởng tượng nổi. Một phóng viên nhiếp ảnh nhà nghề, có hạng, được nhiều giải thưởng trong nước và quốc tế mà chụp ảnh đám cưới của cô cũng không xong. Không có một tấm nào ghi lại ngày trọng đại ấy của cuộc đời cô. Mà đời người chỉ cưới có một lần!

Vũ Tín đau khổ không kém cô, nếu không nói là hơn. Nhiều tuần, nhiều tháng anh không dám bén mảng tới Mi sô. Không dám gặp *Di Hai*. Thất thu. Thất thu đến cả tôi. Cũng phải nói thêm ở đây rằng trong thời gian bị thất thu lây ấy, tôi đã cố gắng tự lực cánh sinh được vài lần. Như hôm bà mẹ vợ xuống thăm tôi đã nói. Không còn lối thoát, bị dồn đến chân tường, từ nhà Vũ Tín đi ra, tôi liền phóng xe một mạch đến nhà máy Cá hộp Hạ Long, một xí nghiệp có phong trào thao diễn kỹ thuật sôi nổi mà tôi hay xuống lấy tin, xông thẳng vào phòng giám

đốc. Thật may, giám đốc kiêm bí thư đảng ủy Đồng Văn Nhâm đang *ngồi một mình* trong phòng làm việc. Vâng. Ngồi một mình chứ không phải đang họp, hay ngồi với nhiều người khác. Việc xin xỏ của tôi sẽ dễ dàng hơn. Ông Nhâm rất quý tôi, tươi cười:

- Chào nhà báo.

Tôi lí nhí:

- Hôm nay tôi đến gặp thủ trưởng không phải để làm việc đâu, mà...

Chỉ nhìn nét mặt tôi, ông Nhâm đã hiểu tất cả. Ngay tức khắc, ông viết cho tôi giấy bán cho tôi một ki lô đầu gà, da gà. Tôi đến phòng tài vụ đưa giấy, nhận hóa đơn, nộp tiền, rồi đến phòng cung tiêu nhận một ki lô thực phẩm quý hơn vàng. Đó là những cái đầu gà trống, đầu gà mái với đủ loại màu còn nguyên lông các màu tía mặt, hoa mơ, vàng, đen, nâu... ướm dầm nước phủ xuống cái gáy bị cắt cụt, những miếng da gà bằng bao diêm đầy những tổ mò.

Dem chiến công về, tôi và vợ tôi đun nước, vặt lông, tuốt lõi và nặn những con mò tròn nhỏ li ti như hạt kê, lặn chìm khoét sâu vào những miếng da...

Rồi xào xào nấu nấu, ninh với khoai tây, lại thêm tí cần tỏi, mùi xúp gà thơm lừng, mỡ vàng béo ngậy. Hai vợ chồng tôi, hai cháu Bùi Ngọc Hiến, Bùi Thị Giáng Hương cùng mẹ vợ tôi quay quần quanh nồi xúp gà sang trọng.

Trong không khí đầm ấm hạnh phúc ấy, tôi cảm thấy được chân giá trị của mình. Đây là tài tháo vát của chính tôi, chính tôi xuất tướng vượt qua được khó khăn tưởng không thể nào vượt nổi.

Nhưng đâu như cũng chỉ oanh liệt được vài lần. Tôi rất mong Vũ Tín sớm lập công chuộc tội với *Di Hai* để tôi có phận nhờ. Nhưng là công gì? Công gì bây giờ đây? Chờ *Di Hai* li dị, lấy chồng khác ư? Chờ đám cưới lần thứ hai của *Di Hai* để chụp ảnh và nhớ không lấp ắc quy vào lỗ đèn ma-nê ư? Thật là bế tắc.

Nhưng rồi một cơ hội cũng đến. (Không phải *Di Hai* lấy chồng mới. *Di* sống rất hạnh phúc). Đinh Thuý, phó chủ nhiệm phân xã nhiếp ảnh của Thông tấn xã Việt Nam, sếp của anh xuống Hải Phòng làm việc. Đinh Thuý có mang theo máy ảnh màu và phim màu - một thứ cực kỳ sang trọng quý hiếm thời đó, một công cụ sáng tác và cũng là *một thứ vũ khí hủy diệt*.

Vũ Tín thú thật với cấp trên của mình tất cả. Anh nhờ thủ trưởng cứu vãn tình thế. Ông phó chủ tịch phân xã nhiếp ảnh nhận thức được tình hình là nghiêm trọng: Không thể chụp hồng ảnh đám cưới một cô mậu dịch viên bán thịt được!

Thế là Vũ Tín đạp xe đến cửa hàng Mi sô. Lâu lắm mới dám vác mặt đến cửa hàng. Đã quen rồi nổi thất vọng vì ảnh đám cưới hồng hoàn toàn, *Di Hai* nhìn Vũ Tín nhăn nhó nhăn nhó từ xa đến mà thấy thương thương:

- Anh Tín cần gì không?

Chao! Những miếng thịt lợn để trên quầy trông đến hoa cả mắt. Nhưng anh lác đầu:

- Em có muốn chụp ảnh màu không?

Dì Hai còn chưa hiểu. Vũ Tín trợn mắt:

- Đẹp lắm. Em không hình dung được đâu.

Và anh giảng cho *Dì Hai* về sự cực kỳ quý hiếm của máy ảnh màu, phim màu, về kỹ nghệ tráng rửa, in phóng ảnh màu. Cả Thông tấn xã chỉ có vài người được chụp. Mỗi khi chụp phải lên nội dung, thuyết minh để lãnh đạo duyệt. Phần lớn là chụp ảnh lãnh tụ, những hội nghị, những buổi tiếp khách quan trọng của Đảng và Nhà nước. Cả nước cũng chỉ có một nơi in phóng được ảnh màu là Thông tấn xã... Khó khăn như thế nhưng lần này vẫn có thể chụp cho *Dì Hai* vì đích thân ông phó chủ nhiệm phân xã nhiếp ảnh xuống làm việc với anh và sẵn sàng chụp...

Lời đề nghị có vẻ li kỳ hấp dẫn. Thái độ chân thành của một người muốn chuộc lại lỗi lầm. *Dì Hai* bằng lòng.

Thế là những tấm ảnh màu chụp *Dì Hai* áo dài quần trắng tha thướt đứng giữa vườn hoa Hạ Lũng ra đời. Cả ảnh chồng *Dì Hai* đại cán tể chính tặng hoa *Dì Hai*... Nhận thư của Đinh Thuý, Vũ Tín lên ngay Hà Nội mang ảnh về. Chúng được lồng khung treo ở nhà *Dì Hai*. Ai đến cũng phải trầm trồ xuýt xoa. *Dì*

Hai không khóc nữa. Dì Hai lại còn cười. Và những lúc khó khăn, Vũ Tín lại có thể đến Mi sô mua thịt hay đậu, hoặc vùng lạc, đỗ tương... Cho mình và cho bè bạn.

*

Ngay trong những năm 60 ấy Vũ Tín đã là một nhà nhiếp ảnh nổi tiếng. Bức ảnh *Bên dòng Tam Bạc* của anh đã được giải nhất trong cuộc triển lãm ảnh toàn quốc. Đó là toàn cảnh nhà máy xi măng nằm ở vị trí hợp lưu của hai dòng sông Tam Bạc và sông Cẩm chụp từ góc độ cao.

Khi đặt chân về Hải Phòng, ngay lập tức nhà máy xi măng đã cuốn hút, ám ảnh anh. Anh đã được xem nhiều bức ảnh bạn bè chụp nó. Nhưng đứng trước một nhà máy xi măng “bằng xương bằng thịt” anh thấy những bức ảnh ấy chưa nói được vẻ đẹp hùng vĩ nên thơ, lại thấm đẫm mồ hôi nhọc nhằn vất vả của cảnh và người, một đặc trưng của Hải Phòng, thành phố công nghiệp lâu đời, thành phố lớn thứ hai miền Bắc đang bước vào kế hoạch 5 năm lần thứ nhất.

Anh đã nghĩ nhiều về nó. Anh đã đạp xe quanh nó nhiều lần. Và anh đã chọn cho mình một vị trí tuyệt vời để bấm máy. Đó là tháp nước của nhà máy bê tông đúc sẵn mới xây dựng bên này cầu treo xi măng.

Toàn cảnh đã hiện ra trong ống kính Rolley. Bắt đầu là chiếc cầu bắc qua sông Tam Bạc đang cất lên nhịp giữa cho tàu thuyền xuôi ngược. Giữa dòng, chiếc tàu kéo đang đập nước kéo theo những chiếc xà lan rầm rạn. Phía cuối dòng, trên bờ sông, cần cầu vàng trên bệ cao há miệng gầu khổng lồ vục xuống một chiếc sà lan đổ bến, cạnh đó là băng chuyên đá. Phía trong là ngang dọc đường đi lối lại, với ô tô, xe goòng, với biết bao nhà xưởng. Nhà máy điện, công trình xi lô, nhà tháo. Và lơ lửng với những ống khói vươn lên tỏa khói trắng trên nền trời xanh. Xa hơn nữa dòng sông Cẩm xoay xoay hội với dòng Tam Bạc ở một vị thế gần như vuông góc, mang nước ra khơi...

Đứng trên tháp nước nhà máy bê tông đúc sẵn, anh tin rằng sẽ có một bức ảnh đẹp, diễn đạt đúng những suy nghĩ của anh về cuộc sống. Tất cả chờ anh bấm máy. Nhưng anh còn phải trèo lên trèo xuống tháp nước nhiều lần. Bởi vì vẫn chưa hội tụ đủ điều kiện. Lúc có thủy triều lại không có ánh sáng. Lúc ánh sáng đẹp lại không có thủy triều. Khi thủy triều và ánh sáng đều như ý thì gió lại thổi ngược khói xi măng về phía ống kính.

Khi bức ảnh được đăng báo lần đầu tiên (một bức ảnh nói được không khí của đất nước sau thời gian khôi phục kinh tế đang bước vào giai đoạn công nghiệp hóa, vừa trĩu tình lại vừa mang vẻ hùng tráng của sự nghiệp công nghiệp hóa trên một mảnh đất ven sông của tổ

quốc ta tươi đẹp) đồng chí Hoàng Hữu Nhân, bí thư thành ủy kiêm chủ tịch ủy ban hành chính thành phố mời anh tới gặp. Đồng chí khen bức ảnh và tặng anh mấy bao thuốc lá:

- Anh mới về Hải Phòng thôi nhưng anh hiểu Hải Phòng đấy. Người Hải Phòng có câu *Hải Phòng có bến Sáu Kho. Có sông Tam Bạc có lò xi măng*. Ba đặc điểm tượng trưng cho Hải Phòng anh đã chụp được hai. Còn bến Sáu Kho nữa thôi.

Lời khen của đồng chí bí thư kiêm chủ tịch thành phố đã khích lệ anh. Đồng chí chỉ nói vậy nhưng anh hiểu rằng anh có trách nhiệm chụp nốt đặc trưng thứ ba của Hải Phòng: Bến Sáu Kho.

Vũ Tín suy nghĩ về bức ảnh anh sẽ thể hiện. Cũng như nhà máy xi măng, Cảng đã có nhiều người chụp. Nhưng đều chụp từ phía trong ra, phía cầu ra. Có những bức ảnh đẹp. Nhưng gợi và gây ấn tượng thì không được là bao. Anh quyết định chọn góc độ chụp khác: Chụp từ phía sông vào. Một ngày liền anh qua phà Bính, đạp xe về mãi Tân Dương. Ở đó từ chiều đến đêm và nhìn ngược trở lại. Ban đêm bến Cảng nhìn từ phía Thủy Nguyên mới đẹp làm sao. Một thành phố nổi trên mặt nước. Điện. Một rừng điện chi chít. Điện trên những cần cầu cao ngất. Điện trên boong. Điện sáng trong các ô cửa ca bin tầng tầng lớp lớp. Và điện in thành một dải vàng nháy trên dòng sông Cẩm gờn gợn sóng. Anh đã đi đến một quyết định. Tắm

ảnh về bến Sáu Kho của anh sẽ có *hình bóng* những con tàu tung bùng ánh điện. Những con tàu chỉ còn là những cái bóng không có chiều dày nổi lên trong ánh chiều tà. Và trên cái bóng của những con tàu trong giờ khắc giữa ngày và đêm giao nhau ấy là những ánh đèn. Ánh điện từ thân tàu, từ đằng mũi đằng lái, từ trên cần cầu và trong các ô tròn, vuông, chữ nhật của các cửa cabin tàu nọ nối tiếp tàu kia như những người anh em, bên dưới là dòng sông lấp lánh ánh vàng mai miệt trôi... Phải hai lần bấm máy. Lần thứ nhất vào lúc hoàng hôn. Lần thứ hai khi trời tối hẳn, khi ánh điện trên các tàu là độc tôn trên nền trời. Anh đã làm như vậy. Lắp tripod (chân chống), tính khẩu độ. Bấm máy. Rồi chờ. Để nguyên máy trên chân chống. Chờ. Chờ trời tối hẳn như đã định trước. Lại bấm. Chụp những ngọn đèn. Chụp ngày hội ánh sáng trên những con tàu mờ mờ trải dọc bến cảng.

Ngay lúc bấm máy lần thứ hai anh đã biết rằng thất bại rồi. Trong hai tiếng đồng hồ chờ trời tối hẳn để ánh sáng điện là độc tôn trên trời ấy, triều đã xuống. Dây tàu đậu san sát ở cầu ấy đã xuống thấp rồi. Đèn ấy đâu phải của những con tàu anh đã chụp.

Tấm ảnh đầu tư nhiều công sức, nhiều suy nghĩ thất bại. Mãi mãi anh không chụp được đặc điểm thứ ba của Hải Phòng, hoàn chỉnh bộ sưu tập của anh.

Cuộc đời là như vậy. Có những sáng tác công phu vất vả, đặt vào đó rất nhiều hy vọng lại thất bại. Ngược lại có

sáng tác không hề lưỡng lự, không hề nghĩ đến, như trên trời rơi xuống, như vó được lại thành công.

Những năm 60 ấy Vũ Tín hay đi xa. Nông thôn, nông nghiệp vừa nằm trong lĩnh vực công tác của anh, vừa hấp dẫn anh. Không chỉ đi các huyện ngoại thành, anh còn lang thang tới cả các làng xã thuộc Hải Dương, Hưng Yên. Trong một chuyến đi như vậy, anh đã bắt gặp ở Hưng Yên một cảnh đập lúa trên một sân kho hợp tác rộng gần như là mênh mông. Đó là một chiều mùa đông không có nắng. Người, thóc, lúa, rơm đầy sân. Bụi thóc, bụi rơm rạ mờ mờ. Tất cả chăm chú vào công việc, vào khâu lao động cuối cùng trong thu hoạch, kết thúc những ngày tháng chân cứng đá mềm, cày bừa, cấy hái, chăm bón, trông đợi, hy vọng... khâu lao động cuối cùng để mỡ hôi thành lúa gạo, để rơm lên đồng thóc vào bồ. Không ai chú ý đến anh. Không trông thấy mặt một ai. Chỉ có những người đang làm việc. Chỉ có những chiếc nón quây tròn. Anh bấm máy. Rất nhanh. Như một thứ ảnh tân văn¹. (Sau này khi tấm ảnh gửi đi dự thi ảnh quốc tế, ban giám khảo phân tích: Tác giả đã sử dụng kỹ thuật vòng tròn. Những người đập lúa đội nón tròn, quây lại thành những vòng tròn, những đồng lúa tròn, những đồng thóc tròn, những đồng rơm tròn... Tôi không phải là nhà nhiếp ảnh, nên không nhận ra cách bố cục ấy. Nhìn tấm ảnh của bạn tôi Vũ Tín, tôi chỉ nghĩ thấy mùi rơm tươi đập nát, mùi

¹ ảnh mang tính chất thông tin.

thơm cơm mới. Tôi nghe thấy tiếng lửa reo trong bếp. Và tôi nhìn thấy đất đai..).

Ít ngày sau đó, qua ngôi đình một làng thuộc tỉnh Hải Dương, anh lại chụp được một tấm ảnh khác: Một lớp bình dân học vụ. Lớp học ban ngày cho những bà mẹ, những người chị sau những giờ lao động trên đồng ruộng.

Hai bức ảnh cùng với nhiều bức ảnh khác được chọn đi dự thi ảnh của tổ chức Nhà báo quốc tế OIJ. Kết quả thật tuyệt vời! Tuyệt vời cho Vũ Tín và tuyệt vời cho cả Việt Nam nữa. Bức ảnh *Ngày mùa trên sân hợp tác* của anh đoạt giải nhì. Còn bức ảnh *Xóa nạn mù chữ* đoạt giải ba. Một cuộc thi Việt Nam chiếm liền hai giải, Vũ Tín chiếm liền hai giải.

Giải thưởng là một chiếc cúp pha lê có khắc hình một phụ nữ ở trần đứng trong một cái hộp lót nhung, có cánh mở ra mở vào như cánh tú. Không có tiền kèm theo. Hơi gay là vậy. Bạn bè trong thành phố chúc mừng. Bạn từ các tỉnh khác đến chúc mừng. Đoạt hai giải thưởng quốc tế cùng một lúc, Vũ Tín không thể đón bạn chỉ bằng chè cám và thuốc lá Trường Sơn. Phải làm một bữa liên hoan. Phải đi ăn hiệu. Nhưng tiền đâu? May sao gặp Tạ Đình Đề khi đó đã chuyển về Tổng cục Đường sắt, phụ trách thể dục thể thao. Ngắm cái cúp, ông Tạ Đình Đề mê tít.

- Bán cho tao. Tao mang về làm cúp thể thao luân lưu cho ngành đường sắt.

Bên cần bán. Bên muốn mua. Ngã giá 150 đồng. Một món tiền kha khá ngày ấy. Bữa liên hoan đầu tiên đã hết 35 đồng. Chị Tuy, vợ Tín đòi giữ số tiền còn lại. Tín dùng dằng không đưa ngay. Chị Tuy dỗi. Tín... thua.

*

Từ Hà Nội, Vũ Tín biệt phái xuống Hải Phòng. Vợ chồng anh tá túc trong một gian buồng xếp gần nhà bếp cơ quan tới khi ấy có tên gọi là báo *Hải Phòng Kiến thiết*. Nhưng chỉ một mình Vũ Tín có hộ khẩu, nghĩa là có các tiêu chuẩn, các định lượng được quy định bằng tem phiếu để có thể duy trì cuộc sống. Vợ anh và hai cháu bé thì không. Nhập hộ khẩu thành phố hoàn toàn không đơn giản.

Để hình dung những khó khăn về kinh tế, sinh hoạt, cơm áo gạo tiền của gia đình anh. Thế nhưng anh vẫn lao vào công việc, lao vào sáng tác. Thế nhưng anh vẫn cứ mang tới khi cần phải đến với các *dì hai*.

Ngày ấy Vũ Tín sống được một phần nhờ các *dì hai* và một phần nhờ Đức Hậu. Đức Hậu lo cho anh từ cái hòm đựng quần áo, cái thùng đựng gạo và cả gạo, thịt, đường, sữa nữa. Đức Hậu thì gần như không quen ai ở các cửa hàng, nhưng lại công tác ở sở Thể dục Thể thao. Mỗi năm thế nào chả có vài lớp tập huấn vận động viên, người đến trước, người đến sau, người học dở chừng, các

tiêu chuẩn thế nào chẳng còn thừa lại. Đúc Hậu chịu khó xin những tem gạo, tem thịt, đường sữa còn thừa ấy và đưa cho Vũ Tín.

Ngày ấy sống mới nhẹ nhõm làm sao! Con người không bị những tiện nghi, những vật chất níu kéo. Vũ Tín với cái xe đạp Alfa deluxe Tube Peugeot tòng tọc *mọi bộ phận đều kêu trừ có cái chuông* lang thang khắp nơi. Anh đã tổ chức thành công triển lãm ảnh đầu tiên của thành phố sau giải phóng khi trong tay không có lấy một cái khung ảnh, một đồng kinh phí. Không hiệu ảnh nào thoát khỏi cuộc viếng thăm của anh. Và không hiệu ảnh nào không cho anh mượn khung ảnh để làm triển lãm.

Tài sản giá trị nhất của anh ngày đó - một tài sản mà chúng tôi đều thèm muốn - là chiếc áo va-li-de trắng của anh. Cái áo va-li-de thật thần kỳ biết bao. Chúng tôi xúm lại xem anh biểu diễn với cái áo. Anh cởi cái áo va-li-de đang mặc trên người. Ngâm nước. Vò xà phòng. Giữ. Rồi cứ cầm cái áo ướt đẫm ấy mà quay vun vút. Vừa quay vừa cười hề hề:

- Có muốn vắt cũng không vắt được. Cứ quay thế này là khô.

Quay một lúc anh lại mặc cái áo vừa cởi ra giặt trước con mắt thán phục thèm thuồng của chúng tôi.

Trong những ngày lâm vào vòng lao lý, lang thang các miền rừng núi, tôi hay nhớ đến Vũ Tín với khuôn mặt xương xương hai má hóp, với cái áo va-li-de của anh.

Rồi được đọc báo, xem ảnh đăng trên báo, biết anh đã đi B. Mãi đến khi ra tù mới biết anh đã để lại một chân trên chiến trường Quảng Trị. Bè bạn kể cho tôi nghe về anh như sau: Không thuốc men, tải thương khiêng anh vượt bom đạn, nằm hầm, lội suối, vượt sông sang bờ Bắc. Tới bệnh viện dã chiến đầu tiên, bác sĩ tháo băng cho anh, không tin ở mắt mình: Vết thương của anh đã lên da non. Anh được bà chủ tịch Hội Nghệ sĩ nhiếp ảnh Cộng hòa Dân chủ Đức mời sang lắp chân giả. Người anh hùng nghệ sĩ nhiếp ảnh Việt Nam ấy là thượng khách ở Berlin. Trước khi ra sân bay về nước, anh vô cùng hồi hộp và cảm động khi thấy bà chủ tịch đến trao tặng anh một va li to đùng. Anh đỡ cái va li. Nặng. Lòng anh rộn lên. Một va li tặng phẩm nặng. Tặng phẩm cho anh chắc chắn là những gì liên quan đến nghề nghiệp. Một chiếc máy ảnh tối tân kèm theo những phụ tùng, những ống kính chụp xa, những ống kính chụp gần, có thể chụp được từ con vi trùng bé tí tới sao Bắc Đẩu, và những trepied, những đèn flash, những trang bị buồng tối. Toàn những thứ anh ao ước. Anh sẽ có những phương tiện nghề nghiệp không ai có để mà sáng tác, để mà kiếm sống, trị giá không biết bao nhiêu là tiền bạc. Anh sẽ đổi đời từ đây. Nên người từ đây. Từ cái va li này. Chờ bà chủ tịch ra về, anh cài trái cửa, cố nén hồi hộp mở va li. Thật bất ngờ. Không máy ảnh. Không ống kính tê lê, không máy phóng. Không giấy ảnh, thuốc ảnh. Trong va li là một cái chân giả giống hệt cái chân vừa lắp. Một cái chân giả xơ-cua!

Chuyện thật li kì và cười ra nước mắt. Nhưng hóa ra không phải thế. Đó chỉ là tin vịt. Đó chỉ là *huyền thoại* của những người yêu anh bịa đặt về anh. Bởi vì chính tôi đã gặp Vũ Tín và hỏi chuyện anh.

Biết tôi đã trở về, Vũ Tín xuống Hải Phòng thăm tôi. Với một cái chân giả, anh đã đèo chị Tuy từ Hà Nội về Hải Phòng thăm tôi trên một chiếc xe Java, không phải loại Java to đùng kênh cang, mà là loại xe bé hơn cả xe Babetta, loại xe Nguyễn Bình đã được thưởng khi đoạt giải nhất văn học viết cho công nhân của Tổng Công đoàn và Hội Nhà văn, Bình đã không dám đổ xăng vào mà cứ thế dắt thẳng ra chợ gùi để *bán được với cái giá xe chưa đổ xăng*. Cái chân giả của Vũ Tín lên thang kêu cọt két cọt két ghê người. Anh cười hể hể, điệu cười quen thuộc, lâu lắm mới lại được nghe tiếng cười ấy.

- Bao nhiêu năm rồi. Sắt thép cũng phải mòn chứ. Chỉ có xương người là chịu được thôi ông ạ.

- Nhưng mà ông có một cái chân xơ-cua cơ mà.

- Ai bảo? Ai bảo?

Vũ Tín hỏi gần như sùng sộ. Rồi lại cười hể hể. Tiếng cười của anh lúc nào cũng hỗn nhiên quỵến rũ. Rồi anh kể cho tôi nghe chuyện đi B của anh. Khi đó anh đã về Hà Nội và được đề bạt phó trưởng ban nông nghiệp của Thông tấn xã Việt Nam. Lương 96 đồng, nghĩa là còn thiếu 6 đồng nữa thì được vào Việt Xô chữa bệnh. (Vũ Tín nhấn mạnh với tôi như vậy. Và cười. Gặp nhau dù

hoàn cảnh như thế nào chúng tôi cũng vẫn cứ cười). Thì một hôm Đỗ Phượng, phó tổng giám đốc Thông tấn xã mời lên bảo:

- Tôi biết đồng chí sức yếu, các cháu lại còn nhỏ. Nhưng phải có người đủ năng lực vào trong B để tập hợp, tổ chức chuyển ảnh chiến trường về Hà Nội. Đồng chí có đi được không?

Vũ Tín thuộc diện sức khỏe yếu ở cơ quan, lúc đó cháu Hà, đứa con gái lớn của anh lại đang ốm. Nhưng anh đáp không ngần ngại:

- Tôi sẵn sàng.

Thế là được phát ngay ba lô, quần áo giải phóng, mũ tai bèo. Ba hôm sau anh từ biệt vợ con, từ biệt cơ quan lên đường. (Rất ít người như Vũ Tín, đi vào Nam chiến đấu, đi có thể không có ngày về mà chỉ được ba ngày để chuẩn bị, bàn giao công việc, sẵn sóc và từ biệt vợ con, chia tay bè bạn). Nhìn Vũ Tín khoác ba lô vào B, Minh Trường tuyên bố: Trong cơ quan này Vũ Tín đi B được thì không ai không đi B được.

Bắt đầu những cuộc hành quân. Vượt hàng rào điện tử McNamara. Những trận bom tọa độ.

Trong chiến trường, Vũ Tín ở với ban chỉ huy mặt trận B5. Anh nhận phim của các phóng viên mặt trận, tổ chức tráng phim, soi phim làm ảnh, duyệt và phát tê-lê phô-tô về Hà Nội. Địa điểm đặt máy phát thay đổi hàng ngày để tránh máy bay địch phát hiện. Nhiệm vụ của anh là như

vậy. Nhưng anh không thể không chụp ảnh. Đã vào chiến trường mà không có ảnh chiến trường của mình còn ra làm sao nữa. Anh báo cáo với cục chính trị mặt trận xin được làm thêm nhiệm vụ chụp ảnh ngoài trận địa. Lãnh đạo mặt trận đồng ý. Thế là Vũ Tín với chiếc máy ảnh có mặt khắp nơi. Máy bay địch bay vè vè trên đầu. Pháo nổ không dứt. Tai ù đi. Điếc đặc. Quen rồi. Chỉ những lúc im tiếng súng, im tiếng máy bay mới làm mình lơ đãng. Vũ Tín len lỏi trong Trường Sơn “*theo bước chân giao liên*”¹. Gặp “*Trung đoàn 56 nguy hiểm chiến*” và ghi lại *phút lịch sử của chính phủ Cách mạng lâm thời miền Nam Việt Nam tiếp nhận những người con lầm đường lạc lối quay về với cách mạng*². Vào thành cổ Quảng Trị chụp các chiến sĩ ta chốt trong thành cổ. Đến nhà thờ Ái Tử chụp trận đánh vừa kết thúc còn nồng mùi thuốc đạn và mùi máu. Đó là giai đoạn quân đội Sài Gòn mở chiến dịch tái chiếm Quảng Trị, những ngày đẫm máu nhất trong quá trình cuộc chiến 30 năm của dân tộc. Sau khi đã hoàn thành nhiệm vụ của người phụ trách trạm truyền phát ảnh, sáng nào Vũ Tín cũng chuẩn bị máy, phim và mặt nạ lên đường.

Buổi sáng hôm ấy đang đánh răng, tự nhiên thấy họng khô khốc và loa loa trước mắt như chớp lửa hàn, anh vội chụp mặt nạ phòng hơi độc và chui xuống hầm. Không

¹ Tên những bức ảnh của Vũ Tín

² Báo Sài Gòn giải phóng (Vũ Tín - Ảnh và đời)

thấy người chỉ huy mặt trận, người luôn cùng anh bên nhau, ăn ngủ nằm hầm, người vừa cùng anh chui ra sau giắc ngủ ban đêm, anh gọi to:

- Anh Đồng ơi!

Có tiếng gì như tiếng rít, tiếng khoan vào gió và lại loa loa như chớp lửa hàn. Trời nhợt ra theo từng nhịp co giắt của không khí và hình như cát trên trần hầm rơi xuống. Lại thấy nhói ở chân. Anh lao ra cửa tìm Đồng. Còn nghe người cần vụ của Đồng thét lên:

- Anh Tín!

Sau đó là hỗn mang. Không còn không gian. Không còn thời gian. Ngực bị gió đập mạnh. Lưng bị đẩy ép ngược trở lại. Sáng lòa. Rồi tối sẫm. Khói. Cát bụi. Mùi mịt. Anh ngã quật xuống. Hình như anh đã vùng đứng lên ngay. Và nhìn chung quanh. Tất cả thành bình địa. Nhìn lại mình: Không một mảnh vải che thân. Anh sờ nắn các bộ phận thân thể. Tất cả bình thường. Nhưng cào gót chân thấy đau...

Hàng chục năm sau, ôn lại cái ngày ghê gớm ấy, Tín bảo tôi:

- Cũng còn may ông ạ. Cái hầm của bọn tôi phủ ba bao cát, nhưng bom rơi đạn nổ nhiều nó tụt đi đâu mất một bao nên chỉ còn hai. Nếu là ba lớp bao cát thì tôi chết rồi. Bởi vì ba lớp bao cát thì sẽ có độ dày 80 phân. Hai lớp bao chỉ dày chưa đến 60 phân. Mà bom bi phải khoan 80 xăng ti mét thì kim hỏa mới chạm vào ngòi nổ. Mới

khoan 60 xăng ti mét nên gập gót chân tôi nó tiếp tục khoan, khoan thêm trên 20 xăng ti mét nữa mới nổ. Thì tôi đã ra đến ngoài cửa hầm rồi.

Vũ Tín dần dần cảm thấy đau. Trần như nhộng, anh lò cò qua những hàng rào dây thép gai mà những người dân Quảng Trị căng như một thứ bờ rào. Cái chân có gót bị bom khoan vướng vào một khúc thép gai nhọn. Đứng vững trên một chân, anh xoay người lại, gỡ chân ra. Anh thấy có người đỡ lấy anh, buộc dây cao su vào chân làm ga-rô cho anh. Còn nghe thấy nói Đồng đã hy sinh. Rồi ngất đi.

Khi tỉnh lại thấy mình đang nằm trên một chiếc giát giường đặt trong một vườn ổi. Anh biết tất cả thương binh đều không được vào nhà dân. Anh cử động chân tay và chỉ đến lúc ấy mới biết rằng tứ chi mình đã bị trói chặt. Nhìn lên lại thấy trên cành ổi treo hai túi ni lông đựng thứ nước gì màu vàng nhạt, có những ống nhỏ dòng xuống người mình. Rồi có những người đến. Anh nhận ra là các bác sĩ và y tá. Họ tiêm thuốc tê (Novocain) cho anh. Tiêm chung quanh đầu gối và tháo khớp. Thuốc tê không đủ ngăn chặn cái đau. Mỗi nhát dao, anh gào lên những tiếng không phải là tiếng người nữa. Một người không biết từ đâu nhảy ra đứng sững trước mặt, chỉ tay vào anh, quát to:

- Không được kêu! Không được làm ảnh hưởng tới những thương binh khác! Đồng chí hãy giữ vững khí tiết

quân nhân! Hãy nêu cao tinh thần gương mẫu của người đảng viên cộng sản!!

Tín nghiêng chặt răng. Quai hàm bạnh ra. Không kêu. Không kêu nữa lời. Chỉ có tiếng phì phì của hơi thở trào qua hàm răng nghiêng chặt. Mắt như lồi ra. Và lại ngất đi.

Tỉnh dậy anh thấy mình đã mất một chân, từ đầu gối trở xuống. Người ta tháo khớp cho anh để phòng hoại thư. Nước thấm qua bông băng nhột như dầu lynn.

Vũ Tín được khiêng ra Bắc. Các o nữ dân công Thanh Hóa khiêng anh thỉnh thoảng lại cười rộ lên. Anh không hiểu họ cười gì. Mà làm sao lại có thể cười hỗn nhiên như vậy. Bởi vì OV 10 bay liên tục trên trời. Các cô đặt cẳng xuống đất chạy nấp. Nằm ngửa, anh thấy nó ném lựu đạn khói gần chỗ anh. Ngay sau đó là máy bay ném bom đến. Thả nhiều bom. Nhìn thấy bom dài là sống. Bom tròn là chết. May. Anh chỉ thấy bom dài.

Yên máy bay, các cô dân công trở lại. Vừa thấy anh họ đã xô chúi vào nhau, cười rúc rích. Bây giờ thì anh hiểu. Nằm trên cẳng, anh hoàn toàn trần truồng, chỉ đắp một mảnh vải tăng. Khi có gió (gió giời hoặc gió bom) mảnh tăng lại bay tốc lên, làm sao các em gái tỉnh Thanh không cười cho được.

Đến Vĩnh Mốc, một trạm quân y tiền phương, bác sĩ giữ anh lại để chuyển anh về bằng đường biển cho an toàn. Bệnh viện 48 làm nhiệm vụ tiếp nhận chỉ thấy tên anh trong danh sách mà không thấy người, tưởng anh

đã chết dọc đường. Tin đó bay về Hà Nội. Cả Hà Nội
âm lên tin Vũ Tín hy sinh. May sao Minh Trường, lại
Minh Trường, tới Vĩnh Mốc, phát hiện anh đang nằm
dưới hầm chữ A trên trảng cát. Trường bế xốc Vũ Tín lên
khỏi hầm. Nằm trong tay bạn, Vũ Tín nhìn trời, một bầu
trời xanh biết bao quyến rũ bởi vì không có những OV
10, những F 4U, những AD 6 đang lượn vòng ném lựu
đạn khói, cắt bom hay thả đạn.

Ngay ngày hôm sau một chiếc UAZ chở anh về Hà Nội
có một y sĩ đi kèm.

Tôi ngồi im nghe anh kể. Như mê đi. Và hỏi:

- Còn chuyện ông sang Đức lập chân giả?

- Ở Hà Nội tiêu chuẩn của mình là nặng. Mình nhớ
một hôm mặc quần áo giải phóng, đội mũ tai bèo, chống
nặng đi cạnh bà xã dắt cái xe Java bẹp lốp trên bờ hồ. Một
chiếc xe ô tô chở đầy tân binh đi qua. Họ đồng thanh reo
lên: “Vẫn đẹp! Vẫn đẹp!” Thế rồi một hôm...

Vũ Tín cười. Anh đang chìm đắm vào những ngày đã
qua ấy. Những ngày gọi là gian khổ khó khăn cũng được,
vui tươi quyết liệt cũng được. Thế rồi một hôm anh đang
chống nạng đứng trước cửa cơ quan thì một phóng viên
Thông tấn xã Cộng hòa dân chủ Đức (ADN) tới. Anh ta
biết anh. Hai người biết nhau. Và ít ngày sau ông Đào
Tùng tổng giám đốc Thông tấn xã Việt Nam nhận được
thư của bà tổng giám đốc ADN mời Vũ Tín sang lập
chân giả.

Vũ Tín không nằm trong số những người có tiêu chuẩn ra nước ngoài chữa bệnh. Thoạt đầu anh không được đi. Nhưng đã có một suy nghĩ lại. Một quyết định lại. Ông Hoàng Tùng người phụ trách cả khối báo chí tuyên truyền ngày ấy đồng ý cho Vũ Tín sang Cộng hòa dân chủ Đức lắp chân giả “*nhưng phải đi với tư thế của người chiến thắng, không được chống nạng!*” Thực hiện ý kiến cấp trên, người ta cấp tốc làm cho anh một cái chân giả. Trong một tháng anh đã làm quen với chiếc chân giả nội hóa. Anh đã *đi với tư thế của người chiến thắng* mà không phải dùng nạng.

Vừa sang đến Berlin, các đồng chí bạn đã vất chiếc chân giả ấy đi:

- Cái chân này làm đồng chí hỏng xương sống đấy!

Vũ Tín lại đi nạng. Và chờ. Chờ lâu. Không hiểu ra sao. Sốt ruột quá. Không ngủ được. Không ăn được. Mãi sau mới biết, thì ra thiếu mất chai rượu Lúa Mới.

Vũ Tín lại cười. Anh chìa cái chân giả ra:

- Có mỗi cái này thôi. Làm gì có cái xơ cua. Chỉ khéo bịạ.

Anh biểu diễn cặp chân vừa giả vừa thật của anh trong căn buồng hẹp sàn lát gỗ của tôi. Và cười. Rất tươi.

Nhìn Vũ Tín tôi lại nhớ đến Nguyễn Thụ một thời làm cục trưởng Cục Điện ảnh. Nhìn Thụ đi trên đường ít ai biết anh có một chân giả. Cái chân giả rất tốt tuy chẳng

thế nào bằng được cái chân giả sau này Jane Fonda tặng anh. Đạo mới tiếp quản Hà Nội, Thụ may một bộ quần áo nhưng kẻ màu đỏ. Chẳng biết dựa vào luận cứ khoa học nào, anh tuyên bố rất hùng hồn:

- Loại vải này muốn giặt cũng không giặt được. Hông ngay.

(Thật giống Vũ Tín tuyên bố về cái áo va-li-de *có muốn vắt cũng không vắt được*).

Cứ khoảng nửa tháng Thụ lại cởi bộ quần áo nhưng đang mặc ra, lấy hết sức quật vào các trụ, các cột. Bụi mù mịt. Ngày ấy Nguyễn Thụ hay ngủ lang ở cơ quan báo *Tiến Phong* chúng tôi. Anh cởi quần dài, tháo chân giả dựa vào tường, lên giường nằm. Chúng tôi đều biết anh bị cắt chân trong chiến dịch Điện Biên nhưng không biết cắt đến đâu. Không ngờ anh bị cắt cao đến thế. Tất Vinh, trùm ở bản báo *Tiến Phong* nhưng lại có nhiều sách in ở nhà xuất bản Y học và Thể dục Thể thao từ giường bên nhôm dậu, bước tới ngắm nghía cái chân cụt của Thụ đây về thềm thuổng:

- Thằng này sướng thật. Khi tắm mà chỉ phải kỳ có một chân thôi.

Hôm nay tôi muốn ôn lại cùng Tín câu chuyện ấy, nhắc lại với Tín câu nói ấy. Nhưng không được. Cái thời trai trẻ đã qua rồi! Cái thời lãng mạn đã qua rồi!

15/4/1999

PHẦN THỨ HAI

Một thời để mất

Anh Vương Trí Nhàn, một người bạn mới quen khi tôi cầm bút trở lại đã mấy lần giục tôi viết riêng một tập sách về Nguyên Hồng. Tôi đoán anh có đọc và thích mấy bài đã in của tôi viết về nhà văn này. Qua đó anh tin ở tôi. Ở những tư liệu của tôi, ở cái tình của tôi với Nguyên Hồng. Và hình như anh còn tin ở cuộc đời ba chìm bảy nổi của tôi nữa. Anh cho rằng tôi có thể có một tập sách kha khá về nhà văn đã được “phong thánh” này.

Lời khuyên của Vương Trí Nhàn có sức thuyết phục tôi còn ở lẽ tôi đánh giá cao bài viết của anh về Nguyên Hồng Một cuộc đời sáng tạo trong đau khổ. Tôi nghĩ đó là bài nghiên cứu về Nguyên Hồng hay nhất cho đến lúc đó. Vương Trí Nhàn đã hiểu Nguyên Hồng và phát biểu về Nguyên Hồng đúng như trong thực tế.

Tôi tin Nhàn thành thật, thiện ý khi khuyên tôi viết. Thế nhưng tôi chỉ cười. Một kiểu xã giao. Như một câu nói không thành lời:

- Cám ơn các ông đã tin tôi. Nhưng...

Về Hải Phòng tôi quên ngay những lời gợi ý ấy của Nhân. Cuộc đời còn bao thứ phải bận bịu lo toan, hơn nữa tôi không thích đào bới những người đã nằm yên dưới mộ, “vào đội cải táng” như cách nói của Vũ Bảo.

Một năm sau, vào mùa thu năm 1993, khi vụ “Đào Hiếu - Nổi Loạn” đã tới cao trào¹ tôi lên Hà Nội thăm Nguyễn Kiên.

Ở tỉnh lẻ - vâng, dù Hải Phòng là thành phố lớn thứ ba toàn quốc và đầu mối giao thông lớn nhất miền Bắc thì Hải Phòng vẫn là tỉnh lẻ với sự chính xác nhất của ngôn từ, tỉnh lẻ về bầu trời, về địa lý hành chính, tỉnh lẻ trong sự dèm pha tâng bốc,... ở cái tỉnh lẻ cô em nằm xem kiếm hiệp² này, chẳng biết mô tê răng rứa ra làm sao, nghe đồn và đọc báo thấy Kiên đang bị lôi thôi, chúng tôi, nghĩa là tôi và vợ tôi hay nhắc đến Kiên và thương Kiên đang chịu trận. Thế trận tôi đã từng chịu cách đây một phần tư thế kỷ, khốc liệt và cay đắng hơn nhiều.

Kiên quê Vạn Phúc. Vợ tôi người Tả Thanh Oai. Gọi là cùng quê. Kiên biết vợ tôi từ thời con gái, khi chúng tôi còn chưa lấy nhau.

Tôi bảo vợ tôi:

- Anh phải lên Hà Nội đây. Lên chỗ anh Kiên.

¹ Tiểu thuyết *Nổi loạn* của Đào Hiếu do Nhà xuất bản Hội Nhà văn bị cấm. Nguyễn Kiên, Giám đốc nhà xuất bản bị đe dọa truy tố.

² Thơ Yến Lan.

Vợ tôi mở tủ dúm cho tôi 100.000 đồng:

- Anh hỏi anh Kiên chuyện vợ con anh ấy nữa nhé. Em không hiểu chuyện gia đình anh ấy ra làm sao. Nhớ đấy. Các ông gặp nhau thì chỉ văn chương, chữ nghĩa.

Tôi đi nhờ cái Toyota mới tinh, còn chưa hết thời gian chạy rồ ã lên Hà Nội thăm Kiên. Thăm ông giám đốc nhà xuất bản Hội Nhà văn đang lâm nạn. Kiên định tiếp tôi ở nhà xuất bản. Nhưng tôi rủ Kiên:

- Đi uống bia đi. Mình có tiền.

Kiên hiểu rằng chúng tôi cần được yên tĩnh, chỉ có hai người với nhau.

Hà Nội, thu, sắp đến ngày 10 tháng 10. Ngày tiếp quản Hà Nội. Tôi vào Hà Nội sớm. Từ mùng 3 tháng 10 năm 1954. Theo đường số 6. *Rue numéro 6*. Giấy vào Hà Nội của Ban Liên hợp đình chiến Bắc Bộ tôi còn giữ đến bây giờ. Đại tá Galibert ký. Trung tá Đoàn Thế Hùng ký. Hà Nội ngày ấy như một điệu kỳ diệu mà cuộc đời dành sẵn cho chúng tôi. Như một bữa tiệc để chúng tôi say men cuộc sống rồi từ đó chỉ có chuyện bay bổng.

Hết đợt tiếp quản tôi về báo Tiền Phong. Kiên về Trung ương Đoàn sau tôi. Kiên đã kết thúc những ngày đi lưu động¹.

Đường Nguyễn Du. Những cây sũa cao vút, thon thả rải thành hàng, im lặng như những trang giấy xếp liền

¹ Tên một tác phẩm của Nguyễn Kiên.

nhau, như có thể lần giở ở đó từng trang kỷ niệm. Tôi bỗng hiểu ra rằng mình không chỉ lên thăm Kiên, mà còn thăm Hà Nội. Gặp lại Hà Nội. Trò chuyện với Hà Nội. Để Hà Nội lại ngấm vào mình cho dù Hà Nội không còn là Hà Nội ngày xưa nữa. Để có thêm cái chất Hà Nội vào người, bớt đi một ít phần trăm tính lễ mà mình mang không tự giác.

Sau đủ mọi chuyện gia đình con cái, văn chương chữ nghĩa thế sự vui buồn, tôi và Kiên trở về nhà xuất bản. Lại gặp Vương Trí Nhàn. Nhàn với vẻ niềm nở rất dễ thương đưa cho tôi 60 ngàn đồng:

- Nhuận bút của anh đấy. Cả tập được 480 ngàn. Anh một phần tám đấy. Những người khác chỉ hai, ba chục ngàn thôi.

- ...

- Anh nhớ tên sách là Nguyễn Hồng - Cát bụi và ánh sáng. Bài của anh in ở trong ấy. Chúng tôi không có quyền nào cả. Anh về Hải Phòng xem có thì mua.

Và thanh minh là in ở thành phố Hồ Chí Minh, họ chưa gửi sách bản quyền ra.

- Nhưng anh cho tôi xem mặt tập sách có được không?

Nhàn nhanh nhẩu xuống nhà, cầm lên một quyển:

- Sách này tôi mượn của chị... đây. Chính tôi cũng không có.

Kiên xen vào câu chuyện với cương vị giám đốc:

- Không được. Phải đưa anh Tấn quyển sách tác giả chú. Anh ấy ở Hải Phòng lên cơ mà. Rồi nhà xuất bản tìm mua giả chi... sau.

Cám ơn Kiên. Tôi lật tìm bài của tôi. Đó là bài đầu tiên tôi viết khi cầm bút trở lại. Nguyên Hồng thời đã mất in trên tạp chí Cửa Biển của Hội Văn nghệ Hải Phòng nay lại được các anh đưa vào tập sách.

Nhàn lại động viên tôi viết về Nguyên Hồng. Cả Kiên nữa. Lần này lời xui của các anh làm tôi xiêu lòng. Tôi đã quyết định viết. Không. Không chỉ chuyện Nguyên Hồng. Chuyện tôi. Cái lớp tôi. Lê Bầu, Mạc Lân, Dương Tường, Vũ Thư Hiên, Nguyễn Bình, Vũ Bảo...

Chuyện một thời tin tưởng

Một thời bay bổng

Một thời hạnh phúc

Và cả một thời nhảm nhí của chúng tôi nữa.



Nguyễn Hồng. Tranh: Phan Kế An

Tôi chịu không nhớ được lần đầu tiên mình gặp Nguyên Hồng. Cũng như không nhớ được lần đầu tiên gặp biển. Mặc dù tôi rất yêu biển, có thể im lặng nhìn biển hàng giờ.

Thế mà lần đầu tiên gặp các nhà văn, nhà thơ khác, tôi lại nhớ.

Ví như với Tô Hoài.

Chúng tôi nhận ra Tô Hoài ngay khi ông đang uống cà phê ở ngõ Bà Triệu. Một ngõ cụt, vắng, trồng những cây me tơ, gần cơ quan chúng tôi. Tôi nói chúng tôi vì hôm ấy đi uống cà phê có tôi và Vũ Lê Mai, người có số phận khác tôi và sau này khi tôi đi tù, anh là một trong những người giữ những vị trí quan trọng trong ngành điện ảnh.

Nhà cửa sau tiếp quản chưa ổn định. Có thể kể những số nhà báo *Tiên Phong* đã đặt trụ sở làm việc hoặc cho anh em ở tập thể: 64 Bà Triệu, 57 Hàm Long, 45 Hàm

Long, 11 Ngô Văn Sở, 167 Phùng Hưng, 3 Hồ Xuân Hương, 133 Bà Triệu...

Là phóng viên trên dưới 20 tuổi, chúng tôi gặp nhau, thân thiết với nhau và thống nhất ở hai điểm chính: Rất khao khát với việc viết văn, muốn trở thành nhà văn lớn và cũng muốn mình già. Thật không ưng ý chút nào những khuôn mặt phơn phớt lông măng, bầm ra sữa của chúng tôi. Nguyễn Tiên Phong sau này trở thành bí thư Trung ương Đoàn, nhưng được chúng tôi biết đến nhiều hơn vì anh là anh ruột của vợ Hữu Loan, người đàn bà chết sớm, người đàn bà nguyên cốt nội dung của một bài thơ tuyệt vời bất tử mà hồi đó chúng tôi chỉ dám đọc khẽ cho nhau nghe, bài *Màu tím hoa sim*, Nguyễn Tiên Phong đã có một nhận xét rất đúng:

- Ở cái Trung ương Đoàn này thật lạ. Những anh trẻ muốn mình già đi. Còn những anh già lại cố làm ra trẻ.

Chúng tôi cố làm ra già. Chúng tôi để ria mép. Chúng tôi đi sóng đôi, đếm bước trên đường Bà Triệu, xuôi xuống Văn Hồ. Tư lự, bàn bạc, trang nghiêm.

Trong một buổi đi dạo như vậy, tôi và Vũ Lê Mai vào quán cà phê ngõ Bà Triệu. Tô Hoài đang ngồi một mình ở đó.

Rất cởi mở và tự tin, tôi cùng Vũ Lê Mai bước tới:

- Xin lỗi anh. Anh là nhà văn Tô Hoài?

Và chúng tôi ngồi xuống bên anh.

Tô Hoài lúc đó đã đọc một truyện ngắn của tôi gửi tham gia cuộc thi truyện ngắn của tạp chí *Văn nghệ*. Truyện *Chị Trúc*. Tô Hoài khen và cho biết cùng với *Chiếc cán búa* của Võ Huy Tâm, *Chị Trúc* sẽ là truyện ngắn được in đầu tiên, trình diện, mở đầu cho cuộc thi này. *Chị Trúc* viết về nông thôn. *Chiếc cán búa* viết về công nghiệp. Nhưng rồi *Chị Trúc* không được in cũng không được giải vì nó nói tới những mất mát của chiến tranh hơi quá liều lượng (?). Tô Hoài sau mấy ngậm cà phê, nheo mắt hóm hình nhìn tôi:

- Anh chưa có vợ phải không?

Tôi ngỡ ngác không hiểu vì sao Tô Hoài biết tôi chưa có vợ và lại hỏi tôi câu hỏi ấy. Như đoán được ý nghĩ của tôi, Tô Hoài giảng giải:

- Nếu anh có vợ rồi anh không viết vợ chồng xa nhau nhớ nhau như vậy. Nỗi nhớ vợ chồng có mùi da thịt, có mùi sinh lý.

Tôi chịu ông vì quả thật cho đến lúc ấy tôi chưa biết nỗi nhớ nhưng vợ chồng nó như thế nào. Nhưng liền ngay đó, Tô Hoài nói một câu làm tôi tỉnh người:

- Văn anh đẹp lắm.

Và cười, nhìn hai chúng tôi: “Các anh trẻ đến là vui”.

Đúng là chúng tôi vui. Chúng tôi đọc. Chúng tôi suy nghĩ, bàn bạc. Chúng tôi không ngừng khắc phục những điểm yếu của chúng tôi: Vốn sống và kiến thức.

Tôi cũng nhớ lần gặp gỡ đầu tiên với Xuân Diệu. Thời ấy cuộc kháng chiến chống Pháp đang ở giai đoạn gay go quyết liệt nhất. Thác Huống bị ném bom. Nước sông Cầu dâng lên cuộn cuộn trôi xuôi suốt một ngày trời và sau đó là cạn đến mức có thể lội qua sông sang bên kia. Những con sông máng của cả một vùng Phú Bình, Yên Thế tưới nước cho hàng vạn héc ta nằm trơ đáy. Không chỉ là hệ thống thủy nông, dòng sông máng còn là hệ thống giao thông thuận lợi. Đêm đêm những con thuyền hoàn toàn do người kéo, im lặng chở sắn, gạo, muối mỏ, măng tươi, củ nâu, vải vóc, thuốc men, hàng hóa quân nhu, dân dụng ngược xuôi trên những dòng sông máng, chững lại ở những cửa ải, chờ bơm nước để lên hay xuống một bậc thang cho thẳng bằng với mớn nước mới. Nó cũng giống như tàu bè phải leo dốc qua kênh Suez. Ba-ra Tắc Cun¹ vỡ, những dòng sông máng trở thành những dòng sông chết. Ban đêm vắng những tiếng người gọi nhau, những tiếng thở, những dáng người gò lưng kéo, những tiếng cọt két của bánh lái, của dây chèo miết vào trụ thuyền. Ban ngày vắng hẳn tiếng máy bay, những chiếc Kingcobra cổ ngỗng màu én bạc, những chiếc Hellcat cổ rụt màu xám tuần tiểu dọc sông, quần thảo những vụng thuyền ẩn nấp. Tiếng máy bay xé gió và tiếng đại liên nổ từng tràng.

¹ Đập Thác Huống

Những dòng sông chết kéo theo cái chết của những cánh đồng. Từ vùng Lang Tà, Đức Lân ngược lên Thái Nguyên, xuôi về Đức Thắng, Hiệp Hòa, sang vùng Yên Thế chỉ một màu đất bạc trắng. Mặt ruộng nứt nẻ toang hoác. Phải đào giếng lấy nước tưới cho hoa màu. Hạt thóc quý như hạt vàng. Tìm khắp nhà không có lấy một hạt thóc nhỏ lông nách.

Tình hình rất bi đát. Nhưng chúng tôi chẳng suy nghĩ gì nhiều. Chúng tôi vui vẻ vượt qua những khó khăn. Chúng tôi ăn đói. Về mùa nóng chúng tôi đem nong ra đặt giữa đường làng và ngủ ở đó để đón chút gió hút giữa hai rặng tre. Sáng sớm những đàn trâu đi làm đi thả, bước qua người chúng tôi, móng gõ lộp cộp. Chúng tôi choàng tỉnh và vội lặn người tránh được dòng nước của một chú trâu tơ dừng lại tè xối giữa mặt. Về mùa rét chúng tôi rải ổ, đắp chiếu và dè thêm cái chõng tre lên người để chống cái rét cắt ruột, *rét Thái Nguyên rét về Yên Thế*¹. Chúng tôi đi học đêm xa bảy cây số. Chúng tôi đọc *Viếng bạn* của Hoàng Lộc, *Làng* của Kim Lân, *Thư nhà* của Hồ Phương, *Thời gian ủng hộ chúng ta* của Ilya Ehrenburg và ký sự Ngụy Ngụy. Chúng tôi đồng ca: “*Nông dân là quân chủ lực, đội quân hùng hậu. Không có nông dân thì kháng chiến ta không thể thành công.*”.. Chúng tôi băng qua không biết bao nhiêu cánh đồng đất ải về Đức Thắng, Trại Cờ để xem phim *Chủ*

¹ Thơ Tố Hữu.

tịch nông trường của Liên Xô, *Bạch Mao nữ* của Trung Quốc. Chúng tôi mơ tới ngày độc lập, mơ tới những thành phố từng bùng ánh điện, chúng tôi cùng vợ con chúng tôi làm việc, chung sức với mọi người xây dựng cuộc sống mới.

Trong thời gian kháng chiến khốc liệt và vui tươi đó, Xuân Diệu về trường chúng tôi. Anh nói chuyện thời sự. Anh nói về xã hội thối nát của Pháp và Mỹ, về những đảng 3K, những điệu nhảy hula hoop, rock 'n roll. Xuân Diệu trợn tròn mắt: Các đồng chí có biết bên ấy chúng nó mặc quần áo bằng gì không? Bằng ni lông! Quần áo ni lông!

Chúng tôi ào lên. Thật không thể nào hiểu được cái bọn người khốn nạn ấy lại có thể lấy ni lông làm quần áo, thứ vải mưa màu cánh gián trong suốt mà chúng tôi mới được biết đến khi các anh tôi từ vùng địch hậu ra, có mang theo vài mảnh, vừa dùng để đi mưa, vừa dùng gói quần áo, lấy dây túm chặt làm thành một thứ phao bơi khi vượt sông ra vùng tự do. Thật là một lũ điên loạn, trụy lạc. Mặc quần áo như vậy có khác gì cời truông! (Mãi mấy chục năm sau khi may chiếc áo ni lông đầu tiên trong đời mà Nguyễn Hồng gọi là *pha lon*, tôi mới thấy loại vải ấy thật tuyệt biết bao).

Xuân Diệu bồi thêm:

- Còn quần áo may bằng vải thường các đồng chí có biết nó in gì lên đấy không. Không phải in hoa! Nó in cả

một tờ *Nữu Ước thời báo* với đầy đủ ảnh, mềng sét, tí lớn, tí nhỏ, tin ngắn, tin dài lên mặt vải. Cũng không phải in lên một bộ quần áo mà in lên cả hàng bao nhiêu cuộn vải rồi cứ thế mà cắt!

Không để chúng tôi kịp ngạc nhiên, Xuân Diệu tiếp luôn:

- Còn tổng thống ở bên Mỹ, khi hết nhiệm kỳ không làm tổng thống nữa, các đồng chí có biết nó đi làm gì không? Đi quảng cáo cho các hãng buôn kiếm tiền!

Chúng tôi lại ồ lên. Cái bọn người quái đản ấy cần được cải tạo. Chúng ta sẽ là người cải tạo chúng. Giai cấp vô sản, tầng lớp lao động, những người nghèo khổ bị bóc lột ở những nước ấy sẽ đứng lên.

Buổi tối hôm ấy Xuân Diệu gặp riêng mấy anh em chúng tôi ở một bìa rừng. Chúng tôi ngồi bệt trên cỏ. Những bụi sim mua thâm thấp giống như người ngồi mà những đêm tan học từ trường về, tôi cứ rợn hết cả người. Một bên là một khu rừng nhỏ. Rừng làng Phú Mỹ (Phú Bình). Một bên là cánh đồng hẹp rồi đến một rừng sau sau, loại cây nuôi một thứ sâu lấy cước trông giống hết những cây bu-lô sau này tôi được thấy trong những trang họa báo Liên Xô.

Phía sau rừng sau sau ấy là vụng Thanh Lang, đã có một thời ngày nào máy bay cũng tới nã đại liên vào các lùm cây, triệt những thuyền ẩn nấp.

Được ngồi cạnh một nhà thơ lớn thật là sung sướng. Được trực tiếp đối thoại với nhà thơ càng sung sướng hơn. Từ khi tôi lớn lên, khi tôi biết có tôi trên cuộc đời này, tôi đã biết có cánh đằm trước cửa nhà tôi, ngọn núi Đèo xa tít tắp, giới hạn của vũ trụ, như tầng trời ngày ấy... Rồi sau nữa tôi biết có Xuân Diệu, Huy Cận, Thạch Lam, Nguyên Hồng. Những vòm trời tài năng trí tuệ. Vòm trời ấy tồn tại mãi cho tới khi tôi trưởng thành, cho tới khi tôi cầm bút, tên tuổi những người ấy khuyến khích tôi, động viên tôi. Hình như lớp trẻ sau này không có những ý nghĩ ấy, tình cảm ấy. Vòm trời tuổi thơ của họ chỉ tồn tại trong tuổi thơ thôi. Hơn chúng tôi, họ biết đánh giá, họ biết tinh táo, không tôn thờ, không định kiến. Họ không có những thần tượng. Họ biết khơi dậy sức lực của chính họ. Có những người đã chọc thủng cả vòm trời. Đã đành họ có tài. Nhưng thế hệ chúng tôi không phải không có những người tài. Chỉ là vì quá tuân theo quy ước, ngay trong nội tâm đã không thẳng nổi mình.

Đêm ấy Xuân Diệu bình thơ. Anh phân tích bài thơ của một thiếu sinh quân:

... Đánh giấy vẽ không thì em giận

Chép cho em bài hát thiếu sinh

Mẹ ngồi mẹ nói một mình

“Để rồi phải kiếm cho anh một người”.

Anh giảng về bài thơ đã đi vào cổ điển của anh, bài *Lời kỹ nữ*, về câu thơ:

... *Trăng từ viễn xứ*

Đi khoan thai lên ngự đỉnh trời tròn.

Sau bốn từ không dấu *đi - khoan - thai - lên* diễn đạt trăng đang lên, đến từ *ngự* mang dấu nặng như một sự dừng lại vì trăng đã lên tới nơi cao nhất của bầu trời, và cuối cùng với ba từ *đỉnh trời tròn*, ta thấy vầng trăng tỏa khắp vũ trụ.

Không chỉ cái hay của thơ, giọng ngâm của Xuân Diệu hoàn toàn chinh phục chúng tôi. Lũ học sinh chúng tôi chỉ biết xuýt xoa. Tôi đề nghị nhà thơ hò Huế. Anh vui vẻ hò ngay. Lần đầu tiên tôi được nghe hò Huế.

Xuân Diệu là người có trí nhớ diệu kỳ. Chỉ gặp nhau lần ấy mà anh nhớ tôi. Mấy năm sau, khi hòa bình lập lại, tôi đã về báo *Tiến Phong*, đang đạp xe giữa dòng người xuôi ngược qua bến tàu điện bờ hồ Hoàn Kiếm, bỗng nghe tiếng người gọi:

- Tấn!

Tôi phanh gấp, quay lại: Xuân Diệu.

Xuân Diệu rất có trách nhiệm khi làm việc. Chính anh đã lục trong đồng bản thảo bị loại khỏi cuộc thi, đọc lại truyện *Sao* của tôi và truyện này được tặng giải khuyến khích của tạp chí *Văn nghệ*. Anh làm việc đó không phải

vì quen tôi. Truyện đó tôi lấy bút danh Lôi Động. Đó là tên làng mẹ tôi. Phải giấu biệt tên thật của mình. Cơ quan biết thì lòi thòi to. Tôi còn nhớ Lê Mạc Lân, người con cả của Lê Văn Trương nhưng không bao giờ nói về bố mình, không bao giờ muốn người ta biết mình chỉ với tư cách là con cả của Lê Văn Trương, người bạn hơn tuổi mà tôi rất thân, gọi tôi và Tất Vinh đi lên Phúc Châu uống chè. Lân bảo giọng nghiêm trọng:

- Chi bộ vừa họp quyết định: Trong chi bộ và trong cơ quan không được viết văn.

- Cấm viết văn? Chúng tôi hỏi lại.

- Nghị quyết ghi là tạm thời, trong thời gian trước mắt, để cải tiến, tập trung sức lực nâng cao chất lượng tờ báo. Tao đã phản đối nhưng hoàn toàn thiếu số.

Làm sao chúng tôi từ bỏ việc viết văn cho được. Dù mới tập viết, dù vốn sống còn ít ỏi, dù phải thức khuya, dù phải vụng trộm như đang làm một việc xấu xa. Trong một thời gian ngắn ở báo *Tiến Phong*, cơ quan ngôn luận của Trung ương Đoàn Thanh niên lao động Việt Nam này, tôi đã thấy có hai việc kỳ cục: Một là việc cấm viết văn trên đây, hai là cách đây hai năm, chi đoàn khai trừ tôi và một vài đoàn viên khác vì chúng tôi là thành phần lớp trên, rồi sau đó lại làm lễ kết nạp lại khi có chủ trương sửa sai.

Đinh Chương, *người của đoàn thể*, cũng khẳng định “tình hình căng lắm đấy các cậu ạ”. Rồi nghị quyết ấy được đưa ra cho toàn thể anh em thảo luận. Chúng tôi

nêu thắc mắc, chúng tôi đề nghị giải thích... Những người không có khả năng viết văn thì nhiệt liệt ủng hộ nghị quyết. Trong những cuộc họp ấy lần đầu tiên tôi được biết những kẻ cơ hội. Những người này cũng là phóng viên, *những người chân đất*, hình như cũng có tí chút máu văn chương, nhưng cái “ý thức phấn đấu” nhiều hơn. Hằng ngày họ chuyện trò, tâm sự với bọn chúng tôi về sáng tác, chiêm biếm những tổ trưởng, biên ủy kém năng lực, trong cuộc họp này họ nói uốn lượn cực kỳ. Đại loại như: sáng tác nhìn chung về lâu dài cần được khuyến khích. Nếu đặt vấn đề sáng tác từ góc độ cá nhân thì khác. Nếu đặt vấn đề sáng tác từ góc độ tập thể chúng ta sẽ thấy nó đơn giản đi nhiều...

Chúng tôi hiểu được rằng viết báo là để phục vụ cách mạng, viết văn cũng phục vụ cách mạng. Lãnh đạo báo, xuất phát từ lợi ích chung, từng thời gian sẽ có những chủ trương thích hợp nhằm huy động tối đa năng lực anh em vào sự nghiệp giáo dục thanh niên, một bộ phận rất quan trọng trong sự nghiệp cách mạng, vì thanh niên là cánh tay, là lực lượng hậu bị của Đảng.

Chỉ có cá nhân chủ nghĩa, đặt cá nhân lên trên tập thể mới sinh ra mâu thuẫn giữa viết văn và viết báo. Mâu thuẫn ấy không có ở những người toàn tâm toàn ý phục vụ tờ báo.

Thật đúng là chân lý.

Không thể tự mình tỏ ra là những phần tử cá nhân chủ nghĩa. Cũng không thể chống lại nghị quyết chi bộ. Việc thảo luận trong toàn cơ quan chỉ để chính thức hóa nó, pháp chế hóa nó. Vũ Bảo đạo ấy đang nổi tiếng với tiểu thuyết *Sắp cưới* và bị đánh tội tởm, hay qua lại chỗ chúng tôi, biết chuyện cấm viết văn ở báo *Tiền Phong*, nói với điệu hài hước rất quen thuộc của anh:

- Tiểu đoàn 2 phải rút về cánh đồng Chum thôi.

Thời đó tiểu đoàn 2 của ông hoàng Souphanouvong xây dựng cơ sở ở cánh đồng Chum để tiến hành cuộc chiến tranh giữa ba anh em cùng là Hoàng thân nước Lào.

Chúng tôi không có cánh đồng Chum của mình. Mà văn chương chỉ những ai đã mắc vào mới rõ: Không thể nào dứt ra cho được. Nó như ma túy. Nó lại ngọt ngào, cay đắng, sung sướng, thất vọng, đam mê, hết như tình yêu... Thế là bảo nhau: “Căn bản là phải làm báo tốt. Ít nhất phải bằng hoặc hơn những anh em chỉ viết báo, không viết văn”. Việc này không khó lắm. Vì cái máu văn chương làm chúng tôi lẩn lộn với cuộc sống. Lấy tài liệu kỹ. Ghi cả ngôn ngữ. Cả cảnh. Cả những chi tiết không phục vụ cho việc viết báo. Nguyễn Trí Tình suốt đêm đi làm với các anh các chị đổ thùng. Đón giao thừa với các anh lái xe lửa trên chuyến tàu Hà Nội - Lạng Sơn. Tôi thì lang thang ở vùng quê Ninh Bình, Hà Nam, tìm ra một anh Nguyễn Tê nào đó là cán bộ đoàn mà không chịu vào hợp tác xã. Báo *Tiền Phong* tổ chức thảo luận trên báo về

trường hợp anh Nguyễn Tề. Bài vở, ý kiến tới tấp gửi về. Đóng góp của tôi cũng gọi là tạm tạm.

Đó là chưa kể những chuyến đi về các mũi nhọn của nông thôn đầy gian khổ nhưng biết bao hào hứng khác. Để viết bài phản ảnh. Như chuyến về Lâm Động (Thủy Nguyên) lấy tài liệu ngày giỗ trận, cùng chi đoàn tát ao, bắt cá liên hoan. Rồi chuyến đi lên Ngũ Kiên (Phúc Yên) nơi đi đầu trong phong trào *cấy song long quá hải*, nuôi lợn bằng biện pháp cho lợn ăn cút trâu, cắt đuôi, cắt tai, cắt tuyến giáp trạng...

Lại như chuyến về Thanh Hóa, đạp xe tới nhà anh hùng lao động Trịnh Xuân Bái, người tôi đã quen ở đại hội anh hùng chiến sĩ thi đua toàn quốc tại Hà Nội. Vừa từ Liên Xô về, ấn tượng về Liên Xô, thiên đường trên trái đất, tương lai của Việt Nam, thủ đô của cách mạng thế giới còn đầy ắp trong đầu, anh hùng Trịnh Xuân Bái hào hứng đọc cho tôi nghe bài thơ mới sáng tác của ông về Liên Xô:

Liên bang Xô Viết

Thú tự do ao ước bấy lâu nay

Kìa hồng quân thuyền thợ với dân cày

Đệ nhất sướng hỏi rằng đây có phải

Rồi:

Này trường Lô-mô-nô-xốp

Này điện Cẩm Linh

*Ngước trông lên ai khéo họa hình
Cờ liềm búa long lanh như gấm dệt
Các Mác tinh thần bất diệt
Lê-nin sự nghiệp rất cao siêu
Càng nhìn chủ nghĩa càng yêu.*

Tôi ghi lại bài thơ mà không dám nói với nhà thơ Trịnh Xuân Bái rằng thi phẩm của ông bị ảnh hưởng Chu Mạnh Trinh quá rõ. Tuy nhiên giá trị phổ biến của nó thật ghê gớm. Khi tôi về tòa soạn, ngay lập tức bài thơ đã nhập tâm nhiều người, từ Lê Thị Túy, Nguyễn Trí Tình, Tất Vinh tới anh bạn nhiếp ảnh Mai Nam. Ngay cả đồng chí Tổng biên tập, những lúc cầm bát đũa xuống nhà ăn tập thể cũng ngâm nga:

*Ngước trông lên ai khéo họa hình
Cờ liềm búa long lanh như gấm dệt*

Ngoài chuyện viết báo, mọi chuyện khác cũng phải nghiêm túc. Ví như làm bích báo. Chúng tôi đều có bài. Nguyễn Trí Tình thuật lại chuyện đi phỏng vấn một chị dân lao động ở khu lao động Lương Yên cho số báo mỏng 1 tháng 5. Nguyễn Trí Tình vừa ngồi một lúc thì chị chủ nhà đi chợ về. Chị thả từ cái rọng ra một con chó con mới mua ở chợ. Con chó từ ngoài sân ngoe nguẩy cái đuôi ngắn ngủn, ngồng đầu hít hít và chạy thẳng vào trong nhà, tới chỗ Nguyễn Trí Tình ngồi, rồi cứ quẩn quít lấy

hai bàn chân đi bít tất của anh lúc ấy đã rút ra khỏi đôi giày ba ta. Anh hẩy nó ra. Nó lại sán đến, cái đuôi quay tít mừng rỡ. Tình khăng định giữa anh và con chó chưa có sự quen biết nào. Vì sao lại có tình bạn tuyệt vời này. Rồi anh chợt hiểu nguyên nhân của *mối tình tiền kiếp* đó: Chân anh, bít tất anh đi giày vải lâu ngày không giặt, có mùi quá nặng. Chính anh cũng nghĩ thấy cái mùi đặc trưng ấy.

Tất Vinh cũng góp những bài độc đáo. Anh viết về những nỗi khổ của tổ văn nghệ (Tất Vinh ở tổ văn nghệ) trong việc sử dụng thơ bạn đọc, có trích những câu thơ đại loại như những câu ca ngợi sự phát triển của ngành đường sắt, vừa khôi phục xong đường Hà Nội - Nam Quan đã lại thông đường Hà Nội - Lào Cai:

Phe ta càng mạnh càng to

Xit ta¹, Mao Trạch, Bác Hồ vinh quang.

Miền Bắc kiến thiết vững vàng

Nam Quan tàu chạy lại càng Lào Cai.

(Tôi muốn mở ngoặc đơn ở đây rằng Bút Tre không phải là người chế tạo ra trường phái Bút Tre. Trường phái này có từ trước khi Bút Tre làm thơ, Bút Tre chỉ là người đại diện ưu tú, tiêu biểu nhất mà thôi. Tất Vinh có kể cho tôi nghe hồi chống Pháp, khi còn trong bộ đội, anh đi các

¹ Stalin

tiểu đoàn mở lớp huấn luyện làm ca dao, thơ lục bát, câu sáu vần với câu tám ra làm sao. Tất Vinh đọc trước một câu sáu:

Con mèo là con mèo đen

Một chiến sĩ giơ tay đọc ngay câu tám như sau:

Cớ sao mèo ở trong đèn mèo ra?

Vần thì vần đấy nhưng thật chẳng ra làm sao cả).

Cũng có số báo Tất Vinh chỉ cho đăng một mẫu quảng cáo: “Nếu bạn và người yêu bạn cùng hơi bị võ thì hôn nhau như thế nào? Trong số báo sau bạn TD vui lòng giải đáp”.

Bạn TD là đồng chí tổng biên tập báo *Tiền Phong* của chúng tôi, hai vợ chồng đồng chí đều có hàm răng hơi hô. Tất nhiên đọc giả TD xem báo của chúng tôi chỉ có thể cười. Cười vô tư, thán phục một trò chơi tinh nghịch, “trẻ không tha, già không thương” mà không để bụng. Tôi nghĩ nếu bây giờ có nhân viên nào đùa thủ trưởng như vậy thì sau tiếng cười miễn cưỡng, hậu quả hẳn là sẽ khác. Thời ấy chúng tôi vừa cùng ở rừng về với nhau...

Thực hiện tốt những biện pháp giữ mình như vậy, chúng tôi cảm thấy yên tâm, khi nào không *nhịn* được viết văn, chúng tôi... cứ viết.

Tôi viết, ký tên Lôi Động, quê mẹ tôi và gửi dự thi ở tạp chí *Văn nghệ*. Cái tên ấy chỉ xuất hiện một lần. Có lẽ cũng vì vậy mà mới đây khi báo *Văn nghệ* làm thống kê về những cuộc thi truyện ngắn của báo, những truyện và những người được giải (kể cả giải khuyến khích) của báo không có truyện *Sao* cũng không có tên Lôi Động. Cái anh chàng Lôi Động đúng là không có thực.

Ngay lập tức tất cả mọi người trong cơ quan báo *Tiền Phong* đều biết Lôi Động là ai. Anh em viết văn thì chúc mừng, các đồng chí lãnh đạo cũng không quở trách. Chắc các đồng chí ấy nghĩ rằng chỉ nguyên việc tôi đổi bút danh (thời ấy khi viết báo, tôi ký tên Tần Sắc) cũng chứng tỏ tôi biết sợ, biết chấp hành nghị quyết. Tôi được mời đi dự tổng kết, trao giải thưởng, ăn tiệc. Tôi có trông thấy Xuân Diệu trong lễ trao giải. Nghe anh báo cáo về việc chấm thi tôi mới biết chính anh đã đọc lại truyện *Sao* từ đồng truyện ngắn đã loại ra...

Ít lâu sau tôi được mời đi dự hội nghị những người viết văn trẻ lần thứ nhất. Không thể bỏ cơ quan xuống ấp Thái Hà họp hai ngày. Cũng không thể xin phép đồng chí tổng biên tập. Như vậy là bắt đồng chí ấy chính thức công nhận việc viết văn. Tôi rất cảm ơn anh Đỗ Văn Thoan, người tổ trưởng nông thôn, sếp trực tiếp của tôi, khi anh nói:

- Coi như tôi phân công ông đi nông thôn công tác. Ông cứ đi đi. Đừng nói gì với ai cả.

Ở hội nghị hình như tôi không thu hoạch được gì về mặt viết lách.

Còn đọng trong tôi là cách phát âm cố làm ra nhà quê những tiếng nước ngoài như *A-léch-xít Tôn-tôi-y*, *Đốt-xi-tôi-ép-xi-ki* của Nguyễn Huy Tưởng và ấn tượng về rất đông những anh em viết văn trẻ cùng lứa tuổi tôi. Chúng tôi hăm hở. Chúng tôi quyết tâm. Chúng tôi tràn trề sức sống. Chúng tôi tự đặt cho mình những nhiệm vụ hết sức nặng nề. Bây giờ nghĩ lại trong lớp đồng nhện nhạo ấy, lớp tuổi tôi máu mê ngày ấy, hình như sự cay đắng vất vả nhiều hơn. Thành đạt cũng có (thành đạt khác thành tựu). Nhưng ít thôi. Trong số này phải kể đến Bùi Đức Ái (Anh Đức), Nguyễn Quang Sáng, Vũ Thị Thường, cả Nguyễn Kiên, rồi Nguyễn Quang Thân. Có thể đánh cái dấu chấm lửng ở đây.

Cùng một lứa bên trời lận đận. Những kẻ lận đận thật nhiều. Bùi Minh Quốc, chồng Dương Thị Xuân Quý, cô thông tin viên xinh xẻo của chúng tôi khi tôi còn ở báo *Tiền Phong*. Vũ Thư Hiên *đêm đêm mất ngủ*¹. Phù Thăng, thăng Phú, *chien de vie, vie de chien*². Châu Diên xin ra biên chế, về nhà máy xi măng làm công nhân, rồi chuyển hẳn sang làm hợp đồng cho ngành giáo dục. Tôi bị tù 5 năm. Vũ Bảo sau bao năm lao đao vì *Sắp cưới*, gương

¹ Tên một truyện của Vũ Thư Hiên.

² Trong một sáng tác của Phù Thăng, một nhân vật kêu ca cuộc đời con chó, và Phù Thăng bị phê là con chó cuộc đời.

lại được với phương châm chiến lược *mãi cũng tới bờ*¹, Nguyễn Trí Tình chuyển sang ngành thông tin, Tất Vinh phải đổi tên là Hồng Dương từ *phương án ba bông hồng*² định đi lên bằng chết đột tử. Cũng có thể đánh vài dấu chấm lửng ở đây.

Tôi về Hải Phòng, chuyển hẳn từ Hà Nội về Hải Phòng. Lẽ ra tôi không nên làm như vậy. Lẽ ra ở thủ đô rồi hãy cứ *sống mãi với thủ đô*³ thì cuộc đời tôi đã đổi khác rồi. Tôi đã tin như vậy và ngày càng tin như vậy.

Nhưng tránh không khỏi số. Bè bạn tôi nói thế. Tôi cũng tin như thế. Để có thể có một niềm an ủi. Hơn nữa chẳng phải một mình tôi. Nghĩ đến những bất hạnh của bè bạn, mình cũng thấy vui đi nỗi khổ của mình, để sống hơn.

Tôi về Hải Phòng vì đây là quê tôi, vì Hải Phòng là một thành phố công nghiệp, đầu mối giao thông vận tải lớn nhất miền Bắc, thành phố của giai cấp công nhân với truyền thống đấu tranh và đau khổ, thành phố xi măng, thành phố cảng nhìn ra biển. *Sinh ra tôi đã có Hải Phòng*⁴. Đảng kêu gọi chúng tôi hãy thâm nhập cuộc sống để viết. Cuộc sống anh hùng, sáng tạo, thay da đổi thịt

¹ Sau *Sấp cưỡi*, không nơi nào in cho Vũ Bảo nữa. Rất nhiều năm sau. Nhà xuất bản Phụ nữ đã mở đầu, in cho anh tập truyện *Mãi cũng tới bờ*, Vũ Bảo sung sướng kêu lên: *Mãi cũng tới bờ!*

² Tên một tác phẩm của Tất Vinh.

³ Tên một tác phẩm của Nguyễn Huy Tưởng.

⁴ Thơ Văn Cao

tùng giờ, ở đó những con người mới xuất hiện đang chờ chúng tôi miêu tả. Sholokhov sống cả đời ở một làng ven sông Đông. Gladkov viết *Xi măng*. Triệu Thụ Lý hẳn là một nông dân thực thụ. Đó là những vòm trời của tôi và của thế hệ tôi.

Từ biệt báo *Tiến Phong*, từ biệt Hà Nội, tôi về báo *Hải Phòng*. Châu Diên còn hăng hái hơn tôi. Anh xin ra biên chế, đi khỏi Hà Nội, xa vợ xa con, về Hải Phòng làm công nhân lò nung nhà máy xi măng. Khát vọng hẳn là lớn lắm.

Tôi đã sang xi măng nhiều lần. Nhà máy nằm trong phạm vi tôi theo dõi, đưa tin viết bài. Tôi đã tới lò nung, nơi Châu Diên làm việc. Những chiếc lò đang vận hành. Những chiếc lò tấp để sửa chữa. Gạch chịu lửa. Từng đống dây xích đang được anh em công nhân mắc vào ruột lò. Nhìn qua tấm kính xanh vào trong lò đang quay, lưỡi lửa phun dài cuộn cuộn. Cơ lạnh ke từng đống, rắn như đá, nhỏ và sắc cạnh.

Bao trùm lên tất cả là hơi nóng. Cái nóng ngàn độ từ các lò tỏa ra. Không ai có mồ hôi. Mồ hôi bốc hơi ngay khi vừa rịn trên da. Mặt ai nấy khô cong và quần áo thì giòn như bánh đa.

Tôi cố giấu vẻ ái ngại nhìn Châu Diên. Vóc người anh loẻo khoẻo. Da mặt sạm. Môi khô và như hơi tim tím. Tôi kính phục quyết tâm của Toàn (tên thường gọi của Châu Diên). Hơn ai hết, tôi mong, tôi hy vọng Châu Diên

sẽ có một tác phẩm lớn về xi măng, không hơn thì cũng phải bằng Gladkov. Tôi sợ rằng Châu Diên không chịu đựng được lâu hơn nữa. Nom anh càng gầy. Hình như anh buồn. Anh lại hay uống rượu.

Cho đến bây giờ tôi vẫn chưa thấy Châu Diên viết gì về xi măng. Có lẽ muốn viết phải đứng xa xa một chút chẳng. Châu Diên thì lại ở gần quá. Ngay trong đó. Ngụp lặn. Phải *télé-amour*¹ cơ. *Télé-amour* thì mới lãng mạn có cánh bay được.

Tôi về Hải Phòng và với cương vị một người làm báo, tôi đi nhiều nơi. Tôi không bị trói vào cái lò nung nóng trên ngàn độ như Châu Diên. Tôi *télé-amour*. Tôi lãng mạn có cánh bay. Tôi không hiện thực nghiêm khắc. Càng không hiện thực trần trụi. Và tôi càng yêu thành phố Hải Phòng, tình yêu ấy sẽ không bao giờ phai nhạt. Nó chỉ chín chắn hơn lên, trầm tĩnh hơn lên, thực tế hơn lên, nhiều mặt, nhiều vẻ, nhiều màu hơn lên, cho dù đời tôi có nổi chìm thế nào chẳng nữa.

Về Hải Phòng tôi đã gặp Nguyên Hồng, gặp biển. Và tôi đều quên cuộc gặp gỡ đầu tiên với cả hai. Nói cho đúng ra, về Hải Phòng tôi mới được gặp biển, còn với Nguyên Hồng tôi đã gặp từ lâu, một cách nói: trước đó tôi đã đọc *Những ngày thơ ấu*. Thật ra ngày ấy quyển truyện không để lại trong tôi ấn tượng gì sâu sắc lắm. Nhưng không hiểu sao cái câu “Hồng, mà

¹ Tình yêu từ xa. Chữ do Vũ Thư Hiên sáng tạo ra. Có thể dịch là viễn ái.

lên đây!” cứ vang mãi bên tai tôi. Sau này khi ngoài ba mươi tuổi, bị bắt giam trong xà lim, nhớ đến Nguyễn Hồng, tôi lại thấy vang lên câu nói ấy. Nó gắn liền với những ngày thơ ấu của tôi, thời vòm trời cũng khác, gió thổi cũng khác, cánh đồng trước cửa cũng khác. Trời xanh hơn bây giờ. Trăng đẹp hơn bây giờ. Mảnh vườn nhỏ là mệnh mỏng. Cây chay, cây nhẵn rợp tán lá như những cây cổ thụ. Chúng tôi vào bếp, nung dùi đỏ, dùi lỗ những thanh tre khói bốc ngùn ngụt để đóng những cái chuồng chim to rất đẹp rồi vặt những bông hoa dâm bụt đỏ chói bỏ vào lồng. Cửa lồng có gài bẫy. Chúng tôi treo lồng lên đỉnh cây khế, nơi lá khế thưa hơn, chim dễ nhận thấy những chùm hoa đỏ của chúng tôi hơn, và chờ chim vành khuyên bay tới. Chim vành khuyên hay đi đàn và bao giờ tiếng hót của chúng cũng bay tới trước.

Chúng tôi chum môi huyết, bắt chước tiếng hót chim khuyên. Bùi Đức Hạnh bắt chước như hệt. Đàn chim nghe tiếng hót gọi, lại nhìn thấy những bông hoa đỏ, sà xuống ngay. Chúng sa bẫy. Thật là những giờ phút tưng bừng. Nấp ở những cây gần đấy, chúng tôi tụt xuống, chạy tới gốc khế, leo lên... Những con chim vành khuyên nhỏ nhoi, bóng mượt, màu vàng ngả màu lá mạ, có những tròng mắt rất đẹp được chúng tôi vô cùng yêu quý và chăm nom hết sức mình. Mặc dầu vậy, chúng đều có một kết cục bi thảm giống nhau: cái chết.

Chúng tôi lại giăng bẫy một mẻ khác. Rồi chúng tôi chơi chu chi chu chít, đi trốn đi tìm, chui nấp cả trong cây hương mà anh tôi cả quyết đã có lần trông thấy hai vợ chồng con rắn có mào. Chúng tôi mò hôi nhể nhại đá bóng bằng quả bông rụng trong sân. Và chúng tôi đọc sách.

Tủ sách còm cõi của chúng tôi. Bố tôi có công việc sang Phòng¹ thường không quên mua cho chúng tôi quyển sách. Những chuyến đi hiểm hoi nên những quyển sách cũng hiểm hoi. Tôi còn nhớ tên từng quyển sách. Loại sách Hồng như *Lên cung trăng*, *Hạt ngọc*. Rồi *Con chó đai đầu*, *Những thâm kịch bên kia dãy núi Trường Sơn*. *Truyện ngụ ngôn* của La Fontaine. *Chuyện kể của Pe-rôn*. Chúng tôi ngốn cả sách trinh thám, kiếm hiệp. *Đôi mắt thần*, *Lệ Hằng phục thù*, *Long hình quái khách*. Riêng quyển *Long hình quái khách* chúng tôi đọc tập thể. Cứ đến đoạn Long hình quái khách xuất hiện, tất cả cùng rên lên: “Long hình quái khách xuất hiện ư ư ư”. Dễ hiểu rằng *Những ngày thơ ấu* chẳng gây được một ấn tượng gì đặc biệt trong đầu óc quá non nớt của một cậu bé con còn ham chạy nhảy nghịch ngợm như tôi.

Thế mà cái câu *Hồng, mày lên đây!* mà tôi vẫn đinh ninh là *Hồng*. *Lên đây tao bảo!* lại cứ còn mãi trong tôi. Đó là sự thật.

¹ Hải Phòng. Cách gọi của những người dân ngoại thành.

Khi tôi ở báo *Tiền Phong*, *Bỉ vô* được tái bản. Rồi tôi được đọc lại *Những ngày thơ ấu*. Những tên sách tôi được nghe nói đến rất nhiều. Những quyển truyện, những sáng tác đã trở thành một bộ phận khăng khít của nền văn học Việt Nam. Không thể hình dung nền văn học nước ta lại không có nó.

Vẫn cùng một quyển sách nhưng mỗi thời gian ta đọc, ta lại cảm thấy nó khác nhau. *Những ngày thơ ấu* khi tôi đọc ở báo *Tiền Phong* đã hoàn toàn chinh phục tôi. Cho đến bây giờ tôi vẫn giữ ý kiến cho rằng đây là tác phẩm hay nhất của Nguyên Hồng. Một tác phẩm như Thạch Lam đã nói: “*ghi lại những rung động cực điểm của một linh hồn trẻ đại*”. Và Vũ Ngọc Phan thì cho rằng khi viết quyển truyện này, Nguyên Hồng đã “*trút bỏ hết những thành kiến*”, “*đặt mình lên trên tất cả dư luận*”. Còn một nhà phê bình thì nói rằng với *Những ngày thơ ấu*, Nguyên Hồng “*đã đạt tới cái tâm chân thực mà thường chỉ các nhà văn Anh hay nhà văn Nga mới đạt tới. Làm sao các đồng nghiệp đương thời khỏi sững sốt về cái khả năng chân thực ghê gớm mà cũng là cái gan góc tự do kiểu ấy? Các thế hệ sau còn sững sốt nữa!*”. Nhân đây cũng xin phép được nói lạc đề một suy nghĩ của tôi. Hình như “*cái khả năng chân thực ghê gớm*”, “*cái gan góc tự do kiểu ấy*” của Nguyên Hồng về cuối đời ít dần đi, cả trong con người lẫn trong tác phẩm.

Tôi đọc *Bỉ vô* lần đầu cũng vào thời gian ấy. Quyển truyện làm tôi sững sờ. Cuộc sống thật khốc liệt. Đáng

thương biết bao những kẻ ăn cắp, những tên anh chị, đâm chém người không ghê tay. Nhân chi sơ tính bản thiện. Nhưng vì hoàn cảnh xô đẩy, nó có thể trở thành dã thú.

Tôi cũng sờ vì tập tiểu thuyết đó được viết khi Nguyễn Hồng mới mười sáu tuổi. Đó thực sự là nhà văn của những người đau khổ. Mười sáu tuổi, Nguyễn Hồng đã có cái nhìn thấu đáo vào nguyên nhân tội ác, là trạng sư bào chữa cho lớp người cặn bã, bị khinh bỉ, bị lên án, làm đảo ngược những nhận định của xã hội về họ, những nhận định đã thành quy tắc, thành luân lý. Nguyễn Hồng quả là nhà văn của những người dưới đáy. “Đóng góp có ý nghĩa của tác phẩm trước hết là đã vạch ra được một cách đúng đắn những nguyên nhân xã hội đã đẩy những người dân nghèo ngày trước vào con đường lưu manh hóa. Tám Bính, một cô gái quê trong sạch, hồn nhiên, sở dĩ trở thành một gái điếm, một *Bỉ vò* là do tính chất lang sói đều giả của bọn cường hào ở thôn quê, bọn nhà giàu thành thị, do chế độ cảnh sát bắt công vô lý liên kết với nạn buôn thịt bán người được dung túng khắp nơi trong xã hội cũ. Nhưng chủ đề *Bỉ vò* không chỉ có thế. Tư tưởng nhân đạo sâu sắc của tác giả còn thể hiện ở chỗ qua nhân vật Tám Bính, khẳng định những phẩm chất tinh thần cao quý của người phụ nữ lao động cho dù thể xác có bị đẩy đọa vào giữa bùn lầy, rác rưởi”.

Tổng tập Văn học Việt Nam đã nhận định như vậy. Tôi nghĩ có lẽ cần bổ sung: Những bài học của *Bỉ vò*

vẫn còn nguyên giá trị thời sự. Nguyên Hồng vẫn là nhà văn của hôm nay. Nguyên Hồng còn là nhà văn của ngày mai nữa. Nguyên Hồng hôm nay vẫn đang nói cùng ta, “cái văn Nguyên Hồng vẫn còn rên rĩ” (Xuân Diệu). Mà không chỉ *cái văn*, trái tim Nguyên Hồng vẫn còn rên rĩ.

... Vậy là tôi có Nguyên Hồng, một Nguyên Hồng mà trong lần gặp đầu tiên, Pierre Abraham, chủ nhiệm tạp chí *Châu Âu* đã gọi là *Người Của Đất*. Nguyên Hồng trở thành một phần cuộc sống của tôi. Tôi quen với *Bỉ vỏ*, *Những ngày thơ ấu*, tôi quen với tác giả của nó, một người xuể xòa, da nâu, đậm đậm, cặp mắt tinh anh, nheo lại mỗi khi có một ý tinh nghịch, hóm hỉnh nào đó mới nảy sinh và sắp nói cùng tôi.

... Vậy là tôi có biển, biển làm tôi mê hoặc bởi sự vô cùng, bởi màu xanh đậm đặc, bởi công việc vĩ đại mà biển làm hàng triệu năm không mỏi mệt, không ngừng nghỉ: Nổi sóng.

Về Hải Phòng, tôi đi biển nhiều lần. Với tôi đó thực sự là những ngày hội cho dù có lần đã gặp cả bão tố. Đỗ An Bình, người có tên An Bình mà chẳng mấy an bình trong đời tư cũng như trong công tác, ngày ấy vừa tốt nghiệp trường kỹ thuật giao thông, về làm bí thư đoàn ty Hải đăng, sau này đổi tên thành ty Bảo đảm hàng hải, từ một cộng tác viên đã nhanh chóng trở thành người bạn thân thiết của tôi.

Tôi cứ đặc ý mãi về việc tôi chuyển hẳn về Hải Phòng chính là ở điểm này. Hải Phòng là miền Bắc thu nhỏ. Hải Phòng có nông thôn, có công nghiệp nặng mà tiêu biểu là nhà máy xi măng nổi tiếng và duy nhất trên miền Bắc, Hải Phòng có cảng, có biển, có tàu, có những cây đèn biển...

Không như khi còn làm phóng viên báo *Tiền Phong* ở Hà Nội, hàng năm trời mới trở lại địa bàn công tác cũ, tại đây tôi duy trì thường xuyên sự liên hệ với các cơ sở, tôi xây dựng một tình bạn thực sự với những người đang lăn lộn ở các cơ sở. Tình bạn giữa tôi với Đỗ An Bình trải qua bao sóng gió, ngày càng bền vững. Khi tôi bị bắt, anh cũng bị gọi hỏi nhiều lần.

Trong việc trả lời cơ quan an ninh, anh luôn trung thực. Nhà tôi lúc đó ai cũng sợ hãi xa lánh, nhưng khi vợ tôi đẻ, anh vẫn mang thịt đến cho. Một ki lô thịt lợn ba chỉ giờ đây chẳng ai mang cho bà đẻ, nhưng ngày ấy là nguồn động viên tinh thần, là sự bồi dưỡng sức sống. Thịt ăn hết đã lâu, nhưng tình còn đó cho đến tận bây giờ.

Ngày ấy Bình đã hiểu ngay lực hấp dẫn của biển đối với tôi lớn như thế nào. Anh bố trí cho tôi đi ra các nhà đèn luồng Nam Triệu. Tôi đã ở nhà đèn A roay ô, tôi ra đèn A van. Tôi nhìn về cây đèn Cút. Phùng Văn Bằng bắt cá làm mỗi câu cá song, cá tráp. Đúng là thời ấy con cá cũng sẵn. Chúng hóng mỗi chỗ nước quần ngay cạnh đồng đá hộc đổ dưới chân nhà đèn. Chỉ một loáng đã được dăm

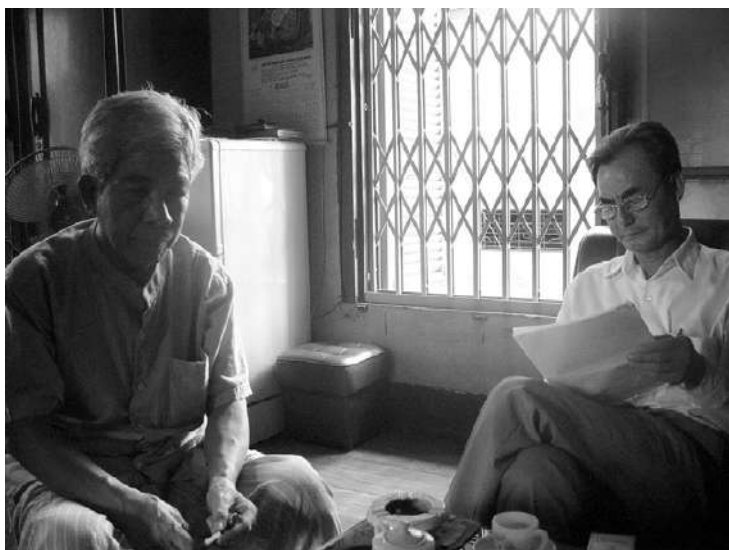
con cá to quật mình trên sàn bê tông. Bằng hỏi tôi: “Đủ bữa rồi đấy nhỉ?” Và đi mổ cá.

Chiều chiều chúng tôi nhìn về phía biển khơi. Chờ những ánh đèn lóe ra từ tí chân trời xa ấy, từ chỗ mù mịt trời biển gặp nhau ấy. Đó là ánh sáng Long Châu, cây đèn xa nhất. Lúc ấy biển xám dần. Chân trời hoàng hôn đỏ. Những con sóng phía tây gợn gợn màu vàng yếu ớt kia gợi nhớ một cánh đồng chiêm, khói lam quện cùng sương, một bữa cơm lên đèn sum họp...

Bằng ngồi bên tôi. Anh nhìn về phía chân trời. Về mặt anh khắc khổ. Ngôi sao hôm hiện trên bầu trời. Anh không nhìn những cánh buồm đang rong ra khơi. Anh không nhìn những con sóng vẫn đều đều một nhịp quanh nhà đèn. Còn biển phía xa thì phẳng lại vì không nom rõ những gợn sóng nhấp nhô. Anh cũng không nhìn những ngôi sao nhỏ khác đã bắt đầu lấp lánh. Hình như anh đang tìm một cái gì không có ở đây. Một cái gì không có ở biển.

Anh đang nghĩ gì? Tôi không dám hỏi. Cho đến khi ánh đèn Long Châu chớp lóe, anh lẩm bẩm một mình như không có tôi ở đó: “Long Châu sáng rồi!”

Và anh vào nhà sắt nối dây điện vào hai cực ắc quy. Chúng tôi cùng ngửa mặt nhìn lên chiếc bóng đèn thủy tinh hình mang cá trên nóc nhà sắt đang tỏa ra những làn ánh sáng còn chưa rõ hình khối trong lúc nhập nhoạng.



Bùi Ngọc Tấn và Đỗ An Bình - Thịt ăn hết lâu rồi nhưng tình còn đó cho đến tận bây giờ.

Chiều nào Bằng cũng đắm đắm nhìn về phía Long Châu bắt đầu tỏa sáng. Và tôi cũng nhìn về đấy. Nhìn về cây đèn cách bờ non trăm hải lý. Tôi hiểu rằng đối với những người gác đèn trong này, Long Châu luôn là nguồn động viên khích lệ. Những người gác đèn tìm về ánh sáng Long Châu như tìm về những điều tốt đẹp nhất của lòng mình.

Thế rồi Đỗ An Bình lại tổ chức một chuyến đi tới Long Châu. Đã bao đêm tôi ngắm nhìn ánh sáng Long Châu xa vời vợi. Giờ đây được gặp. Con tàu thẳng hướng ra khơi. Biển chuyển màu, tím sẫm. Vùng biển có độ mặn cao. Sóng dựng. Núi đá Long Châu uốn lượn như một chiếc

khuyên vàng mà chỗ xuống chúng tôi vừa mới vượt qua chính là cái kẽ hở bấm vào vành tai thiếu nữ.

Một mặt hồ phẳng như gương hiện ra trước mắt tôi. Một mặt hồ phẳng như gương giữa vách đá dựng thành, chung quanh biển luôn cồn sóng. Viền quanh hồ là một dải cát trắng phau, nổi bật giữa màu xanh tươi trẻ của nước biển và màu xanh tuổi tác nghiêm nghị của đá rần.

Tôi đặt chân lên con đường dốc rải toàn san hô dẫn tới trụ đèn cao vời vợi, bụng nghĩ: Chính ở đây chứ không phải một nơi nào khác đã phát ra những tia chớp sáng mà ở trong kia mình đã bao chiều nhìn ngắm, chờ đợi. Và cũng lúc ấy, lúc đang leo dốc, ngược nhìn tháp đèn Long Châu sừng sững trước mặt, tôi nghĩ đến Nguyên Hồng. Cuộc gặp gỡ của tôi với Long Châu sau bao chiều từ Nam Triệu nhìn ánh sáng của nó cũng giống như tôi gặp Nguyên Hồng, sau khi đã đọc *Bỉ vỏ*, *Những ngày thơ ấu*, *Buổi chiều xám*, *Người đàn bà Tàu*, nay được gặp nhà văn bằng xương bằng thịt.

*

Tôi có thể khẳng định một điều là trong những năm tháng tốt đẹp ấy, lần nào về Hải Phòng, Nguyên Hồng cũng lại nhà tôi. Tôi nghĩ do nhiều nguyên nhân. Có thể anh quý mến vợ chồng tôi. Anh tìm thấy ở tôi một người đối thoại thuộc một thế hệ khác mà anh cần tìm hiểu. Vợ tôi lại sẵn sàng vui vẻ dọn một bữa rượu xoàng xĩnh

để anh vui. Có thể vì chúng tôi ở riêng, hai vợ chồng làm chủ một căn buồng thoáng mát rộng hơn hai mươi mét vuông mà anh lúc nào cũng là thượng khách. Có thể anh thấy tôi viết lách cũng tạm tạm, bè bạn tôi là những người đối thoại được cùng anh.

Đạo ấy Nguyễn Hồng vừa mất chức chủ bút tuần báo *Văn* mà Nguyễn Công Hoan làm chủ nhiệm. Sau *Nhân văn*, có hai người được tin tưởng sang trấn giữ hai cửa ải quan trọng nếu không nói là quan trọng nhất: Hà Minh Tuân làm giám đốc nhà xuất bản Văn học, Nguyễn Hồng làm chủ bút báo *Văn*, cơ quan của Hội Nhà văn. *Thuở ấy nào tôi đã biết gì!* Tôi chỉ biết báo *Văn* có nhiều lệch lạc. Đăng *Nhật ký người mẹ* của Lê Minh, *Một giọng đàn một dòng sông* của Hoàng Yến, *Lời mẹ dặn* của Phùng Quán, *Xiếc khi* của Quang Dũng, *Ông Năm Chuột* của Phan Khôi. Cả truyện *Đống máy* của ai đó nói máy móc để gỉ, để hỏng hàng đống ngoài trời!

Một tờ báo lớn đã nói rất hình ảnh: Trước chữ *Văn*, ta thấy chữ *Nhân* lộ ra.

Rất tình cờ may mắn, trong khi lục những tài liệu liên quan đến Nguyễn Hồng, tôi tìm được một tập sách xuất bản từ năm 1957² nói rất kỹ những sai lầm của báo *Văn* và của Nguyễn Hồng.

¹ Hai sắc hoa ti gôn – T.T.KH.

² Nguyễn Đình Thi, *Một số vấn đề đấu tranh tư tưởng trong văn nghệ*, Nhà xuất bản Văn Hóa, 1957.

Xin trích:

Trên báo Văn, một bài của Nguyễn Hồng viết trả lời Thế Toàn đã nêu lên một số phương hướng của tờ báo. Nguyễn Hồng viết: “Con người thời đại không phải là một hình ảnh khổng lồ vẽ ra. Phản ánh con người thời đại, xây dựng con người thời đại không phải là dẹt con người thành một trái tim khuôn sáo, dập xương thịt, tâm hồn và trí tuệ mọi người trong những cái trống rỗng, công thức, một chiều và máy móc”. Vẫn sôi nổi như thế Nguyễn Hồng đã nói về ý thức con người thời đại như sau: “Sự sáng suốt, khoa học của ý thức con người thời đại là ngay cả trong những hình thái sinh hoạt bình thường của cuộc sống cũng gạn chắt được những nét đậm đà thâm thiết, rút ra được ý nghĩa làm cho cuộc sống phong phú hơn, cần phải bảo vệ hơn, cần phải xây dựng tốt đẹp thêm”.

Tôi đây chúng ta đã đi vào chính giữa vấn đề.

(..). Trước hết tôi không thấy lúc nào Nguyễn Hồng đặt ra câu hỏi: Con người mới của thời đại là ai? Mà đây là vấn đề quyết định tất cả. Chắc rằng tác giả Bì vò, Những ngày thơ ấu, và tác giả Địa ngục, Lò lửa đồng ý với tôi như vậy. Con người, theo quan điểm của chúng ta, trước hết là con người lao động. Tất cả đời sống vật chất và tinh thần của nó là do lao động tạo nên.

Con người của thời đại chúng ta hiện nay là con người lao động mới, con người lao động lần đầu tiên đứng lên làm chủ đời sống, rũ bỏ tất cả những gì ăn bám vào lao

động và trói buộc lao động, giải phóng cho sức lao động vô cùng của loài người, về vật chất và tinh thần. Ý thức của con người mới ấy trước hết là ý thức lao động chủ động và tự giác, là ý thức luôn luôn sáng tạo, là luôn luôn phấn đấu để thay đổi đời sống chung quanh từ cái lớn đến cái nhỏ, làm cho đời sống tốt đẹp hơn, “người” hơn. Ý thức của con người mới là lòng yêu cuộc sống, yêu đất nước do lao động tạo nên, là lòng tin ở khả năng vô cùng của lao động và của những người lao động, và đó là ý thức cách mạng.

“Gạn chặt trong sinh hoạt bình thường những nét đậm đà thấm thiết”, con người mới của ta rất quý điều đó, rất trân trọng với mỗi cái đẹp của chính mình làm ra, nhưng trước hết con người ấy xắn tay làm việc để giành lấy sự sống và nhào nặn cuộc sống cho đẹp hơn, tốt hơn. Và theo tôi, nếu không góp sự khó nhọc của mình vào với mọi người để xây dựng cuộc sống mà chỉ ngồi gạn chặt lấy những nét đậm đà thấm thiết của cuộc sống không thôi thì đó lại là cách “sống” của bọn ăn bám cũ.

(..). “Gạn chặt trong sinh hoạt bình thường những nét đậm đà thấm thiết”, Nguyên Hồng nói như thế và đã lầm vì đó mà khen ngợi đề cao cả những sáng tác biểu hiện một con người không lao động phấn đấu mà chỉ đi tìm cách gạn chặt trong những sự ăn mặc, ngủ, yêu, đi chơi, giao thiệp với bè bạn, đối xử với vợ con v.v... đủ thứ “ý nghĩa” hoặc nét đậm đà thấm thiết nào, con người đi gạn chặt ấy cũng không thể tìm thấy những nét, những ý

nghĩa thực và lớn của đời sống được, mà xét đến cùng nó chỉ tự rút ruột ở sự gạn chặt “tâm hồn” “xúc cảm” riêng lẻ nhỏ bé của nó mà thôi. Đó là con đường nghệ thuật nào nếu không phải là con đường nghệ thuật cũ, rất cũ? Tôi không thể công nhận sự định nghĩa của Nguyễn Hồng về con người thời đại và ý thức con người thời đại, vì nó đã bỏ quên mất cái gốc của đời sống nghệ thuật. Nó lập lờ bào chữa và che giấu cho khuynh hướng tách rời lao động và những con người lao động, tách rời cuộc đấu tranh cách mạng và quần chúng cách mạng, tách rời cái sự thực và ý nghĩa căn bản nhất của đời sống con người. Chính cái quan niệm lẫn lộn của Nguyễn Hồng là chỗ nấp cho cái khuynh hướng đang làm cho khá nhiều sáng tác đăng trên báo Văn đi chệch đường”.

Xin bạn đọc lượng thứ cho tôi vì những dòng trích dẫn khá dài này. Tôi muốn thanh minh cho Nguyễn Hồng về việc anh quyết định bỏ tất cả, đời gia đình về Yên Thế.

Rất nhiều người sau khi lên ấp Cầu Đen (Yên Thế) thăm anh và sau khi anh mất, thăm gia đình anh, đều thương cảm về cuộc sống nghèo khó của gia đình anh. Đoàn Min, Thọ Vân mang tiền nhuận bút tái bản *Bỉ vô* lên. Cảnh nhà anh lại càng heo hút vì anh đã qua đời. Hai người ngồi chờ trong cảnh hoàng hôn của một vùng quê, cho tới khi con dâu anh đi làm về.

Tôi đã nghe nhiều người nói về sai lầm của anh khi anh đưa vợ con từ bỏ Thủ đô về Yên Thế. Nhưng tôi hiểu

được anh, hiểu cách xử sự của anh trong lúc đó. Một cách xử sự của kẻ sĩ mà thế hệ chúng tôi rất ít được chứng kiến và gần như không còn nữa.

Trong *Cát bụi chân ai*, Tô Hoài có thuật lại những ngày sóng gió ấy của Nguyên Hồng. “Nguyên Hồng ôm một chồng báo *Văn* từ số I đến các cuộc họp được tổ chức để phê phán anh. Nguyên Hồng từ từ, cẩn thận, trình trọng đặt tập báo trước mặt. Nguyên Hồng nói:

- Tôi làm báo không kể giờ giấc, không quản thức đêm thức hôm, tôi bỏ hết sáng tác, cố làm cho kịp. Suốt tuần, tôi bận bịu về nó hơn con mọn, bỏ ăn bỏ uống vì nó... thế thì làm sao tôi lại có thể sai... Tôi đấu tranh thực hiện đường lối văn học nghệ thuật của Đảng... Tôi hết tâm hết sức vì nó, tôi không thể, tôi không thể...

Như người ộp đống, không biết đường còn tỉnh hay đã mê. Nguyên Hồng để một tay lên chồng báo, to giọng đến bật khóc, vừa mếu máo vừa nói tiếp, nước mắt rùng rùng, hai tay mân mê xốt xa vuốt mép báo”.

Hết lòng vì báo thì không thể mắc sai lầm. Đúng là lý lẽ cùng đường. Nhưng có một điều Nguyên Hồng nói đúng: Anh đấu tranh thực hiện đường lối văn học nghệ thuật của Đảng, anh đấu tranh chống sự sáo rỗng một chiều, máy móc, anh muốn mọi người yêu cuộc sống từ những nét bình thường nhất của nó. Anh muốn báo *Văn* phản ánh chân thực xã hội, không chỉ có ánh sáng mà còn bóng tối.

Báo *Văn* đóng cửa. Nguyên Hồng mất chức. Nguyên Hồng đã đi đến một quyết định ghê gớm: Chuyển tất cả gia đình từ Hà Nội về Nhã Nam. Nguyên Hồng nói với Tô Hoài: “Ông đéo chơi với chúng mày nữa. Ông về Nhã Nam”.

Ở Hà Nội Nguyên Hồng đã có nhà. Vợ anh đi làm cho nhà nước, ở hiệu sách Nhân Dân. Các con anh đang học tại các trường Hà Nội. Gia đình đang được hưởng toàn bộ tem phiếu cung cấp. Rồi Hà Nội là mất tất cả.

Sau này khi quen Nguyên Hồng, biết được sự túng bấn ám ảnh anh, mang máng đoán được cuộc sống khó khăn của vợ anh, một phụ nữ gầy yếu, đàn con tuổi học trò xoay xoay trứng gà trứng vịt của anh, hơn một lần nghe anh thổ lộ niềm ao ước có sổ gạo cho cả gia đình, tôi vừa thương, lại cũng vừa trách anh. Nhưng tôi kính phục hành động ấy.

Trong tập *Nguyên Hồng - cát bụi và ánh sáng* có mục Niên biểu Nguyên Hồng sưu tầm rất công phu, chi tiết, năm nào bố mất, mẹ đi bước nữa, năm nào gặp Như Phong, gặp Tô Hiệu, năm nào phụ trách báo *Văn*, năm nào về thăm quê Nam Định... nhưng theo tôi, thiếu mất một điểm quan trọng, cần phải bổ sung đó là năm nào Nguyên Hồng dời cả gia đình từ thủ đô về Yên Thế. Nếu đó không là cái mốc quan trọng đối với nhà văn thì cũng mang một ý nghĩa về mặt quản lý kinh tế mà hiện nay chúng ta rất quan tâm. Nguyên Hồng, bằng hành động

của mình, một cách không tự giác, là nhà văn chống bao cấp đầu tiên ở nước ta.

Vợ con trở lại ấp Cầu Đen Yên Thế. Nguyên Hồng về nhà máy xi măng. Anh tìm sự yên ổn, sự động viên, lòng yêu đời, yêu cuộc sống ở nhà máy xóm thợ, ở Hải Phòng, thành phố đã khai sinh ra anh với tư cách nhà văn. Anh về Hải Phòng để nạp thêm năng lượng, chuẩn bị cho bộ *Cửa biển* anh hằng ấp ủ và hơn lúc nào hết anh phải thực hiện, bộ tiểu thuyết đồ sộ nhất của anh và cũng là bộ tiểu thuyết đồ sộ nhất của nền văn học nước ta. Bộ tiểu thuyết của đời anh, bộ tiểu thuyết thể Đảng, câu trả lời của anh với những kẻ cơ hội, lời thanh minh của anh về tấm lòng của mình đối với cách mạng.

Hải Phòng đã không phụ bạc anh. Chưa bao giờ Hải Phòng phụ bạc anh. Hải Phòng đón anh với tất cả tấm lòng. Hải Phòng lại tiếp sức cho anh.

Chắc chắn những nhân vật trong *Sóng gấm*, những cụ Ước, cụ Cam, Gái Đen, mẹ La, bố con Dâng... đã được nghiền ngẫm, định hình rõ nét hơn trong thời gian ấy.

*

Cơ quan tôi làm việc khi đó có tên là *Hải Phòng Kiến thiết*. Nhưng những người dân Hải Phòng ít khi gọi đúng tên ấy. Thường gọi tắt: *Báo Kiến thiết*. Cũng có khi gọi dài, nhưng gọi ngược, *Kiến thiết Hải Phòng*. Về thói quen

thích làm ngược lại những qui định này của dân, chú em họ tôi, một nông dân hay ra tỉnh đã tổng kết rất tài... “Dân ta thích làm ngược bác ạ. Chỗ nào để cấm họp chợ thì họ họp chợ. Chỗ nào để cấm đi thì họ đi...”

Làm báo *Kiến thiết* dạo đó rất vui. Vui vì thành phố có phong trào. Nổi lên như sóng cồn là nhà máy cơ khí Duyên Hải với hội thao diễn kỹ thuật đã trở thành “sóng Duyên Hải” trong công nghiệp, cùng với “gió Đại Phong” trong nông nghiệp, và phong trào “Ba Nhất” trong quân đội trở thành ba ngọn cờ thi đua của cả nước. Người gác đèn biển Phùng Văn Bằng được tôi thể hiện trong một bài ký dài với tất cả lòng yêu mến đăng trên báo *Kiến thiết*. Bài báo ấy được báo *Nhân Dân* đăng lại. Anh trở nên nổi tiếng và được tuyên dương anh hùng lao động. Tôi ngồi lia cho xong cái truyện ký về anh theo yêu cầu của Sở văn hóa Hải Phòng, để in cho kịp, có sách ra trong dịp bế mạc đại hội anh hùng chiến sĩ thi đua toàn quốc, thành phố tổ chức lễ đón anh hùng từ Hà Nội trở về.

Cái bàn viết của tôi không chỉ có mình tôi. Tôi ngồi đầu bàn bên này. Dương Tường ngồi đầu bàn bên kia. Dương Tường dạo ấy làm phóng viên Việt Nam thông tấn xã, bỏ ra nửa cái phép năm về Hải Phòng viết *Thuyền trưởng*, truyện ký về anh hùng lao động Hồ Xuân Tuyên, thuyền trưởng một đội tàu đánh cá. Chúng tôi mặc cả với nhau là không nói chuyện, chỉ được hút thuốc lá và uống chè. Nhưng quy định ấy luôn bị phá vỡ. Thấy Dương Tường

túm tùm cười một mình và đã mấy lần nhìn tôi, chờ tôi bắt chuyện, đại loại như một câu hỏi: Có cái gì mà thích thế? Là anh sẽ xỏ ra những ý nghĩ vừa đến trong đầu, hay những dòng mới viết, tôi lại làm ra bộ chăm chú vào bản thảo của mình. Dương Tường buông bút không viết nữa. Anh ngồi thẳng người trên ghế chêm thuốc lá, nhìn tôi và vẫn cứ mỉm cười một mình như vậy. Rồi không chịu được, anh giằng bút của tôi:

- Viết gì mà gớm thế. Để được năm chục trang rồi chứ ít à? Nghe tí đã. Tao vừa nghĩ ra được đoạn này đây.

Và anh đọc: “Anh Hồ Xuân Tuyên ơi! Có thể có những điều tôi đã nói quá lên khi viết về anh. Đấy cũng chỉ là do lòng tôi yêu mến anh mà thôi..”. Tường cười phá lên, rất khoái chí:

- Mà thấy không? Tao công khai nhận là tao bịa.

Thình thoảng Nguyên Bình sang. Anh nhìn hai chúng tôi đang chăm chỉ. Lặng lẽ rót nước. Hút thuốc. Rồi đứng giữa nhà, gân cổ ngửa mặt lên trời ca vọng cổ:

*“Em ơi! Ba mươi hai năm, ba mươi hai lỗ ố ối châng đưa
lầm lũi ơ ơ ơ ở ơ ơ ơ. Thời gian như một cái ơ ơ nhìn ơ
dà à à àng!”*

Cả hai chúng tôi đều phải buông bút.

Tôi đứng dậy ca tiếp:

Tôi dẫn phi - tôi, dẫn lạc lối goài...

Tường cười phá:

- Tuyệt thật!

Anh đã nhận ra đó là những câu thơ của anh, nói đúng ra là những ý thơ đầu tiên của anh, nó sẽ được hoàn chỉnh và có tựa đề *Sinh nhật*, mấy chục năm sau in trong tập 36 *Bài tình*, cùng với Lê Đạt, tập thơ gây khá nhiều dư luận khen chê:

Em ơi

Ba mươi hai năm

Ba mươi hai lối chân đưa

lầm

lũi

Thời gian như một cái nhìn vàng

Tôi vẫn phi - tôi

vẫn lạc lối hoài trong một im lặng trăm đa giác...

Sau này mỗi khi lên Hà Nội, rủ Nguyên Bình tới thăm Dương Tường, hai chúng tôi lại song ca vọng cổ bài này, lần nào cũng được Tường khen:

- Mùi mẫn thật. Mỗi ngày một mùi mẫn thêm lên.

Ngoài Nguyên Bình, còn có Vũ Tín cũng hay sang quấy rối. Vũ Tín là phóng viên nhiếp ảnh, cũng của Việt Nam thông tấn xã, nhưng anh thường trú tại Hải Phòng. Cả gia đình anh sống trong một căn buồng nhỏ ở khu tập thể cơ quan tôi, nghĩa là chỉ cách nhà tôi vài chục mét. Anh mở cửa, mắt lác lơ lác lác:

- Ngoài kia bán thịt không phiếu đấy. Ra mua đi.

Tôi vội quay ra:

- Thật không? Ở đâu?

- Ở cổng chợ Sắt cơ. Tớ vừa mua một cân xong. Vội sang đây bảo cậu. Nó chỉ bán cho mỗi người một cân thôi.

Tôi nhìn Tín nghi hoặc. Về mặt Tín nghiêm chỉnh nhất đời.

- Có đông người xếp hàng không?

Tôi vốn rất sợ xếp hàng. Nhưng Tín bảo:

- Lúc mình mua thì vắng thôi. Chắc người ta chưa biết.

Vậy là phải đi ngay. Phải ngừng mọi chuyện văn chương chữ nghĩa lại mà đi ngay. Tôi bảo Dương Tường:

- Ở nhà nhé.

Và xách túi đi. Chờ tôi ra đến cầu thang, Vũ Tín cười hề hề, gọi lại:

- Gỡm đã. Nhưng mà có ăn được thịt chó không đã. Ở đấy người ta bán thịt chó! Thịt chó không phiếu!

Tôi bóp cổ Vũ Tín. Anh giãy giụa, rên ư ư:

- Bỏ ra! Người ta nói có sai đâu! Đúng là bán thịt không phiếu mà lại!

Câu chuyện thịt không phiếu kết thúc. Nhưng Vũ Tín chưa chịu buông tha. Anh chỉ tay vào Dương Tường, người cùng cơ quan thông tấn xã của anh:

- Anh chàng kia! Có về ngay Hà Nội làm tin đi không? Tôi sẽ báo cáo giám đốc Hoàng Tuấn về anh đấy! Trốn cơ quan xuống đây viết văn hử?

Tôi pha trà mời Vũ Tín nhưng anh không uống:

- Thôi. Đi đây. Để các cậu còn viết.

Biết bên nhà tôi có “trại sáng tác”, anh chỉ ghé qua thăm một tí thôi. Chúng tôi cũng mất ít thời gian, nhưng đầu óc được thư giãn, sau đó làm việc tốt hơn.

Chúng tôi lia trong năm ngày. *Thuyền trưởng* in ở nhà Lao động, ký Nguyễn Trinh, tên vợ Dương Tường, cô em gái Tất Vinh. Quyển *Người gác đèn cửa Nam Triệu* của tôi được duyệt rất kỹ. Tôi và nhà thơ Lê Đại Thanh (người của Sở Văn hóa) đem xuống ty Hải đăng, đọc cho lãnh đạo ty cùng nghe. Tôi đọc mà toát hết mồ hôi. Chỉ sợ có điều gì trục trặc về “những điều tôi nói quá lên vì yêu anh mà thôi”. Nhưng may. Tất cả đều suôn sẻ.

Sở văn hóa in cấp tốc 4000 bản, phát hành đúng buổi mít tinh đón anh hùng vừa được tuyên dương từ Hà Nội về thành phố. Số phận tôi may mắn hơn Dương Tường. *Người gác đèn cửa Nam Triệu* sau đổi tên thành *Người gác đèn biển* được nhà xuất bản Thanh Niên tập hợp in chung với mấy truyện ký khác viết về những anh hùng lao động là thanh niên. Tên truyện của Châu Diên được lấy làm tên chung cho cả tập: *Sống giữa những người anh hùng*. Sách được Trung ương Đoàn Thanh niên phát động học tập trong cả

nước. *Sống giữa những người anh hùng* in ba lần liên tiếp với số lượng 15 vạn bản.

Tất nhiên là nhuận bút nhiều. Châu Diên nói đùa nhưng rất đúng sự thật: *Sống nhờ những người anh hùng*.

Thế rồi đồng chí tổng biên tập báo *Hải Phòng Kiến thiết* lại bảo tôi:

- Anh Nhân hỏi mình là ở báo có ai viết được văn xuôi không. Mình giới thiệu cậu. Anh ấy cũng có vẻ tin ở cậu. Hình như anh ấy có đọc truyện cậu viết về Phùng Văn Bằng. Mai, đầu giờ cậu sang trụ sở ủy ban. Anh Nhân gặp.

Tôi sang gặp đồng chí Hoàng Hữu Nhân, chủ tịch ủy ban kiêm bí thư thành ủy. Chúng tôi trò chuyện cởi mở, thoải mái về phong trào thi đua, về thành phố, về nhà máy cơ khí Duyên Hải, về những dự định sáng tác của tôi. Đồng chí khen loạt bài tôi viết về nhà máy cơ khí Duyên Hải và sau này trong một cuộc họp thường vụ thảo luận về công tác công đoàn trong xí nghiệp, đồng chí gọi điện mời tôi sang với cương vị là một phóng viên am hiểu tình hình trong các xí nghiệp.

Trong lần gặp gỡ đầu tiên ấy tôi được đồng chí giao viết truyện ký về nhà máy cơ khí Duyên Hải. Thật ra những chuyện, những người trong nhà máy đã nằm trong đầu tôi. Những Trần Đức Lục, những Phạm Duy Tăng, những Đào Xuân Súng, những Nguyễn Văn Chiến... mang rất nhiều tính chất tiểu thuyết theo như tôi quan niệm hồi đó. Tôi chỉ còn phải lấy thêm tài liệu, đi sâu hơn nữa, hệ

thống hóa hơn nữa mà thôi. Có hai thuận lợi: Thứ nhất, hẳn là có sự giao nhiệm vụ của đồng chí bí thư thành ủy, tôi được là thượng khách của nhà máy, hay nói đúng hơn tôi thực sự là người nhà của nhà máy, được các anh ở nhà máy dành cho những ưu tiên trong sự làm việc, lấy tài liệu. Thứ hai cũng là một điều vô cùng quan trọng: tôi được đồng chí Hoàng Hữu Nhân can thiệp với báo cho nghỉ hai tháng để sáng tác.

Hai tháng để sáng tác. Tôi chưa bao giờ có được một thời gian dài như vậy để chuyên tâm viết văn. Thường là viết tối, viết đêm, viết những ngày chủ nhật, những ngày nghỉ. Và bớt xén, ăn cắp thời gian chính quyền, thời gian làm báo để viết. Thì ra ở cơ quan báo chí nào người ta cũng có ác cảm với những kẻ viết văn. Thoát khỏi báo *Tiền Phong* cấm sáng tác, về báo *Hải Phòng Kiến thiết* này, viết văn bị coi như hành động ngoại tình đáng lên án. Cũng may, đồng chí tổng biên tập cũng ham sáng tác, và đã có một cái truyện ký được in. Về sau lại thêm chị Thuý Nga (mà chúng tôi gọi thân mật là bà Nga) vợ đồng chí Lê Duẩn, một ủy viên biên tập, người có tâm hồn văn nghệ, viết nhiều bài bút ký trên báo tươi mát và truyền cảm.

Chị Nga rất quý tôi. Chị đưa tôi đọc bản thảo những bài viết của chị để tôi tham gia ý kiến. Phụ trách tuyên truyền khối thương nghiệp, quen biết ngành này nhiều, chị hỏi tôi có cần số ưu tiên mua hàng không chị giúp, nhưng tôi không dám làm phiền chị. Hai vợ chồng tôi

chỉ có một cái xe đạp công của báo *Hải Phòng*, hàng ngày tôi đạp xe đưa vợ đi làm rồi lại đạp xe đi đón, một ngày bốn lần như vậy, lần nào cũng gặp chị trên đường từ văn phòng thành ủy (chị ở tập thể tại đó) tới báo *Hải Phòng* hoặc đi ngược lại. Chị cười rất tươi chào chúng tôi khi tôi đang gò lưng đèo vợ ngược chiều với chị trên đường phố Hồng Bàng (nay cũng gọi là phố Điện Biên). Một lần chị bảo tôi, giọng thật thân tình:

- Tắm hạnh phúc quá.

Tôi nhìn chị, không biết nói gì. Tôi hiểu chị ao ước cuộc sống của một người bình thường, vợ chồng đèo nhau đi làm, sớm tối có nhau, chia ngọt sẻ bùi. Cuộc sống ấy có những thi vị chính chúng ta không nhận thấy bởi chúng ta chỉ chú ý đến khía cạnh vất vả của nó thôi. Sau này khi thân với đồng chí Hoàng Hữu Nhân, bí thư kiêm chủ tịch thành phố, tôi cũng đã nói những ý nghĩ trên với đồng chí ấy:

- Anh không thể làm một người bình thường được. Đó là một thiệt thòi. Anh không thể đi bộ lang thang trên phố, ngồi uống một cốc cà phê đá giữa cửa hàng mậu dịch ồn ào hay ăn một bát phở vỉa hè. Tất nhiên chị hay người phục vụ có thể mua về cho anh ăn, nhưng đấy là phở của người ốm, ăn theo kiểu người ốm. Phải ăn ngay ở đấy cơ...

Như đã thấm thía điều này từ lâu rồi, đồng chí Hoàng Hữu Nhân gật đầu ngay tắp lự:

- Đúng, đúng. Bọn mình quá thiệt thòi.

Ít ngày sau tôi thấy đồng chí Hoàng Hữu Nhân đi tản bộ một mình trên hè phố Hoàng Văn Thụ. Biết mọi người nhìn cả vào mình, đồng chí đi cứng đờ, ngượng ngịu. Thành phố không chấp nhận đồng chí là một người bình thường. Đồng chí không thể trở thành người bình thường được nữa.

... Có hai biên ủy thích viết văn. Thật là thuận lợi. Tuy nhiên chúng tôi hiểu rằng mình vẫn bị tòa án dư luận của số đông lên án. Cái tòa án dư luận này có tên gọi là lòng đố kỵ. Cùng làm báo như nhau nhưng chúng tôi có sách ra, có truyện in trên báo *Văn nghệ*, có tiền lại có tiếng.

Bởi vậy, chúng tôi hết sức giữ gìn. Cũng những cách giữ mình kinh điển như ở báo *Tiền Phong* thời. Tham gia các phong trào ở báo. Ví như tập thể dục giữa giờ, tổng vệ sinh chiều thứ bảy, gửi tiền tiết kiệm, dù chỉ một, hai đồng, để công đoàn có một chỉ số phần trăm cao. Và làm báo tốt. Để không ai nói mình vào đâu được.

Có số báo Tết nào không có truyện ngắn của chúng tôi. Có số báo đặc biệt nào (kỷ niệm ngày thành lập Đảng, ngày Quốc tế lao động 1-5, ngày đấu tranh thống nhất 20-7, ngày Cách mạng tháng Tám, Quốc khánh 2-9, rồi Gagarin bay vào vũ trụ v.v..). không có bài của tôi. Tôi lẫn lộn với các nhà máy, các xí nghiệp. Đến đâu tôi cũng được coi như một thành viên của họ.

Một trong những điểm yếu của chúng tôi là chúng tôi bị coi là yếu kém về chính trị. Những kẻ chuyên

môn thuần túy. Có chuyên không có hồng. Mà bây giờ phải là hồng trước chuyên sau. Phần đầu vào Đảng nghe chừng rất khó khăn. Đồng chí bí thư chi bộ, một đại úy chuyển ngành, trực tiếp làm tổ trưởng của tôi (đồng chí còn ở trong biên ủy nữa) viết kém, cứ nhấn mạnh là chúng tôi chưa đem hết khả năng toàn tâm toàn ý phục vụ báo (ý nói chuyện viết văn của chúng tôi). Đó là cái án treo đối với chúng tôi. Đồng chí chỉ hơn chúng tôi cái mục hồng. Nếu chúng tôi cũng hồng, đồng chí chẳng còn cái gì hơn nữa cả. Ngày mới về báo, đồng chí đi một loạt cơ sở nghiên cứu rồi về họp tổ tuyên bố một câu xanh rờn:

- Trong nghề đúc, khó nhất là đúc chảo.

Tôi đã phản bác lại ý kiến ấy, một việc không nên làm chút nào, nhưng lúc ấy tôi đã không ngồi im được.

Không thể tranh luận, đặt vấn đề những bài báo của chúng tôi chính là phẩm chất chính trị của chúng tôi, việc ấy khó khăn hơn là nói mặt trời mọc ở hướng Tây. Nó lại còn nguy hiểm nữa. Chúng tôi chọn hướng khác, chúng tôi tìm đọc các sách chính trị. *Ba quy luật. Bốn mâu thuẫn. Phê phán cương lĩnh Gô ta. Chống Duy-rinh. Báo cáo chính trị tại đại hội Đảng toàn quốc lần thứ ba.*

Trong các cuộc học tập chính trị, nghị quyết, mọi người sững sốt thấy chúng tôi phát biểu những nguyên lý, những trích dẫn, kể cả đôi lần trích dẫn bịa đặt. *Lê-nin tuyển tập*, tập ba, nhà xuất bản Sự thật, trang 195, dòng

12 tính từ dưới lên. Chỉ cần khi ấy có quyển sách đó cầm tay, mở ra và cúi cúi xem xem, rồi ngẩng lên phát biểu. Ai cũng tin ráo trội.

Chúng tôi trích dẫn bịa cũng vụ lợi đấy nhưng không bao giờ phản bội, xuyên tạc tác giả. Mà ngẫm cho cùng cũng chẳng mang lại lợi ích gì vì không bao giờ chúng tôi được đánh giá là vừa chuyên lại vừa hồng. Chỉ được mỗi điểm chúng tôi không bị coi là chính trị non nữa.

Trở lại việc tôi được nghỉ hai tháng để viết, hai tháng, một thời gian tương đối đầy chú, hai tháng mình làm chủ thân mình, được viết mà không nơm nớp, không lo bài nộp cho biên tập. Lại được công khai sống với bà vợ bé của mình là văn nghệ (bao giờ vợ bé dấm dúi cũng đáng yêu hơn vợ cả đảng hoàng).

Nguyên Hồng đến chơi, thấy tôi đang ngồi bàn viết, cười vui:

- Lại lên ổ đẻ đấy phải không?

Nguyên Hồng gọi tôi là ả mái tơ đẻ sòn sòn, suốt ngày cục ta cục tác. Và cười rinh rích:

- Làm cho bà mái sể Nguyên Hồng cứ sốt cả ruột lên.

Ngừng một lát anh thêm:

- Lại có những bà mái sể, cứ nhảy lên ổ ấp bóng mới chết chứ. Thấy lũ mái tơ riu rít bà ấy ra vẻ ta đây cứ ấp. Ấp bóng. Ấp không có trứng. Rồi nhảy từ trên ổ xuống, cục ta cục tác, quang quác điếc cả tai.

Tôi hiểu đó là một cách anh động viên khen ngợi tôi. Và tôi cũng hiểu anh định nói những ai là những bà mái sẽ áp bóng.

Tôi muốn bốc lên nói với anh những điều thầm kín mà tôi không dám thổ lộ cùng ai.

- Anh là nhà văn của Hải Phòng cũ, Hải Phòng tăm tối và đau khổ. Hải Phòng nước mất nhà tan. Hải Phòng bắt công, lấm than, nô lệ. Hải Phòng ấy là của anh. Không ai thay thế được. Còn Hải Phòng hôm nay, Hải Phòng sang trang mới là của lớp trẻ chúng tôi và có lẽ là của chính tôi. Anh có tin được điều ấy không. Tôi sẽ làm và làm được. Tôi sẽ thể hiện Hải Phòng trong cuộc sống mới, Hải Phòng của những người nô lệ giờ đây đã đứng lên làm chủ xí nghiệp, làm chủ xã hội. Hải Phòng độc lập tự do hạnh phúc. Hải Phòng có Đảng, làm cách mạng và hưởng thành quả cách mạng.

Những ý nghĩ như vậy có trong tôi, tôi xin thú thật không giấu giếm. Tôi tự giao cho mình một nhiệm vụ: Kế tục sự nghiệp Nguyên Hồng. Nguyên Hồng là nhà văn của Hải Phòng hôm qua. Còn tôi là nhà văn của Hải Phòng hôm nay, Hải Phòng của cuộc đời mới mà Đảng đã đem lại cho mỗi con người. Tôi cảm ơn Đảng đã trao cho tôi cây bút, lại tạo dựng nên một hiện thực lớn lao để tôi viết, tôi tránh được những vết bùn của những nhà văn lớp trước chỉ loay hoay với cá nhân mình, để tôi đến với nhân dân, ghi lại hiện thực

kỳ diệu về sự chuyển mình của nhân dân mà Đảng là người đạo diễn.

Trong những ngày tháng ở Hải Phòng, Nguyên Hồng không dả động đến những gì anh vừa trải qua, vừa chịu đựng. Mãi đến khi Hà Minh Tuân bị đòn hội chợ, bị dính nhiều “chường” vì viết và in tiểu thuyết *Vào đời*, Nguyên Hồng nói với tôi, vừa nói vừa cười:

- Thế là lại đến lượt thằng Tuân.

Anh cười đấy nhưng tôi thấy đôi mắt anh đượm buồn.

Hà Minh Tuân, chính ủy trung đoàn, được tin tưởng giao trấn giữ cửa ải xuất bản, như Nguyên Hồng, nhà văn vô sản được trấn giữ báo *Văn*, cơ quan ngôn luận của Hội. Sau *Nhân văn*, đó là những thành trì đặc biệt quan trọng, cần phải giao cho những người hết sức tin cậy, những tướng tâm phúc. Nhưng chỉ sau một thời gian, cả hai đã lộ rõ là những kẻ dao động bấp bênh, nổi giáo cho giặc, đều bị cách chức và phê phán.

Sau trận ấy Hà Minh Tuân gục hẳn.

Nguyên Hồng không chịu gục.

Nhớ lại khi tôi mới chuyển về Hải Phòng, Nguyên Hồng hay dắt tôi đi các nơi như kiểu một ông bố cùng con về quê sau bao năm tha phương cầu thực, dắt con đi chào họ hàng. Đi yết kiến ông Bùi Đình Đồng, giám đốc nhà máy xi măng. Đến chào và hỏi chuyện ông Lê Văn Kỳ giám đốc cảng Hải Phòng... Tất nhiên những ông này đều biết Nguyên Hồng, quý mến và kính trọng Nguyên Hồng. Tôi,

một kẻ mới lớn, chỉ biết im lặng lắng nghe câu chuyện của các bậc huynh trưởng và thật sự khó chịu trước thái độ lịch sự quá mức, cung kính quá mức của Nguyên Hồng. Tôi nghĩ thầm: có thể có 100 ông Bùi Đình Đồng, 1000 ông Lê Văn Kỳ nhưng chỉ có một Nguyên Hồng mà thôi. Hình như đây là cách Nguyên Hồng giao tiếp với những người sơ, với người thân anh không như vậy.

Sau này có lẽ biết tôi là phóng viên theo dõi các xí nghiệp, Nguyên Hồng không dắt tôi đi chào họ hàng như thế nữa. Tôi đi chỉ là vì không muốn làm anh mất lòng, khỏi phụ lòng anh chứ những buổi yết kiến như vậy chẳng bổ ích gì. Tôi nhanh chóng hiểu rằng Nguyên Hồng rất quý tôi. Vì lý do gì tôi không biết. Cùng làm báo *Hải Phòng Kiến thiết* với tôi có anh Võ Lợi, em ruột vợ anh nhưng anh ít tới. Cứ về Hải Phòng là anh lại nhà tôi. Nằm chơi. Đọc sách. Chuyện gẫu. Nô đùa với con tôi. Uống rượu. Tôi thật sự cảm động khi một buổi chiều, Nguyên Hồng đến nhà có mang theo một cuộn giấy xi măng. Anh gọi tôi và cả vợ tôi lại. Vừa trang trọng, chậm rãi, cẩn thận, vừa cười rình rích như kiểu đi khoe một chuyện đáng lẽ cần phải giấu, anh giở cuộn giấy xi măng, trải ra trên sàn nhà gỗ lim lúc nào cũng được lau bóng. Sơ đồ nhân vật *Sóng gấm*. Những ô vuông. Những đường thẳng, đường chéo diễn tả quan hệ nhân vật. Những tên người. Thi San, Lão La, Gái Đen. Có một tên quen thuộc: Giáng Hương. Đó là tên cháu gái mới sinh của chúng tôi.



Bùi Thị Giáng Hương 3 tuổi rất thích mời bác Nguyễn Hồng uống rượu.

Ảnh: Vũ Tín

Cháu được bảy, tám tháng. Anh hay bế cháu lên lòng khi ngồi uống rượu. Cháu nhún nhảy trên đùi anh, vít bát anh xuống. Anh cười:

- Cái con này tợn tạo nhỉ.

Anh rất yêu cháu. Cháu bập bẹ: “Bác Ngan Hồng”.

Còn anh gơ tay:

- Giáng Hương của bác. Ra đây với bác nào.

Thế là cháu lẫm chẫm chạy tới. Hai bác cháu ôm chàng lấy nhau. Tình bạn giữa hai bác cháu phát triển theo thời gian. Khi cháu được ba bốn tuổi, nhìn qua cửa

sổ thấy Nguyên Hồng đạp xe vào, bao giờ cháu cũng reo to tên bác và mời bác.

- Bố mẹ cháu mời bác uống rượu đấy.

Cũng có khi chỉ vì lời mời ấy của bé Giáng Hương mà một bữa rượu sơ sài được tổ chức cập rập, bị động, ngoài dự kiến của chúng tôi.

*

Có lẽ Nguyên Hồng yêu mến tôi vì tôi và anh gặp nhau ít nhất ở một điểm: Chúng tôi cùng tha thiết yêu thành phố Hải Phòng. Cùng sống chết với nó.

Từ ngày đưa vợ con rời thủ đô về đây, mỗi ngày tình cảm của tôi với Hải Phòng một thêm sâu nặng. Tôi biết ở nhà máy xi măng kia có những ai đang làm việc. Tôi biết cần cầu vồng đã thấm mồ hôi của những ai. Bởi vậy mỗi khi có việc lên Hà Nội trở về, ngồi trên tàu hỏa, ngong ngóng thấy Sở Dầu là như đã bắt được tín hiệu của thành phố, và thật sự vui mừng, xúc động khi nhìn thấy làn khói nhà máy xi măng tỏa trắng. *Khói nhà máy xi măng tỏa trắng*. Câu ấy đẹp như thơ vậy. Đó là đầu đề bài bút ký đầu tiên của Nguyên Hồng khi anh rời báo *Văn* về nhà máy xi măng Hải Phòng. Bài bút ký ấy cũng giống như một bức thư gửi cho tất cả sau bước ngoặt của đời anh. Tôi cũng đã hiểu được ý nghĩa của chữ *tỏa trắng* Nguyên Hồng viết. Nhìn lên bầu trời xi măng,

thấy khói trắng, nghĩa là các lò đang làm việc, nhà máy đang sản xuất ra của cải, những người thợ đang đứng máy một cách bình thường. Nếu nhìn thấy khói đen, nghĩa là có lò bị cháy. Nghĩa là sản xuất giảm, kế hoạch bị đe dọa, phải dừng lò, phải chờ lò nguội rồi lao vào sửa chữa... Nhìn những làn khói trắng bình thản tỏa trên trời thật yên tâm biết bao. Tôi cũng đã có cái nhìn của người thợ xi măng. Một lần về Thủy Nguyên thăm bố mẹ trở ra, vừa nhô khỏi Núi Đèo, thấy giữa những làn khói trắng có một ống khói nhả khói đen, tôi kêu lên với vợ tôi đang ngồi sau xe đạp: “Lò 5 cháy rồi”. Tôi biết cả nhà máy đang xao động, các bạn tôi bên ấy đang vất vả lo lắng. Cũng như sau này khi ở tù ra, nhờ ông Hoàng Hữu Nhân, được vào làm ở một xí nghiệp đánh cá, kết bạn với những người vật lộn với biển cả, tôi có thói quen nghe bản tin thời tiết. Lúc đó các cháu phải im lặng. Đã nhiều lần chúng bị mắng vì một tiếng cười vô ý khi tiếng loa truyền thanh đằm ấm: “Sau đây là dự báo thời tiết biển đêm nay và ngày mai...”. Như những gia đình đi biển, tôi cũng có cái nhìn hướng về biển cả và tôi thật sự trách móc chị phát thanh viên đài *Tiếng nói Việt Nam* khi chị đọc hai tiếng “biển động”. Tiếng ấy chị đọc tròn trặn ngọt ngào, lăn vào lòng người. Nhưng với những người bạn của tôi là tất cả sự vất vả, dằn vặt, suy nghĩ. Tiếng ấy lẽ ra phải ầm ầm như sóng biển, kêu lên như tiếng xích neo đập vào mũi tàu lao xuống nước ở vị trí trú gió, căng thẳng như da đầu những lúc nằm

dài trong buồng nhìn sóng sôi ngay ngoài kính cửa húp lô và bảy ngày không đi ra được ngoài boong vì đấy là nơi sóng đổ nước đập vùi. Tôi không dối trá đâu khi nói rằng cho dù cuộc đời biến đổi xoay vần, tình tôi với Hải Phòng không bao giờ nhạt phai. Và Nguyễn Hồng cũng vậy.

Nguyễn Hồng thích thống kê các tên đất, tên nhà, tên phố Hải Phòng. Những tên Tây và những tên ta. Những Hôtel du Commerce, những ngõ Mộ Phu, Máy nước hai vòi, những Phụng Bớp, Trại lính Cát Dem, Sở thầu Tây Cụt, Vườn hoa đưa người. Các cụ mình cũng ác lắm chứ. Bến tàu Tây Điect, ở cái chỗ nhà Ngân hàng lên gần công ty Tàu cuốc bây giờ đấy. Mà cai trị tao, tao vẫn gọi mà là Tây điect vì mà điect. Mà điect thật. Ngồi khoanh chân xếp bằng tròn giữa sàn nhà, Nguyễn Hồng nghĩ ngợi và mỗi cái tên bật ra anh lại giơ ngón tay trở lên trời như bắn những phát đạn chỉ thiên.

- Nhà thờ Tây đen!
- Ngõ, ngõ ngõ - ông - Lý - Phình!
- Ngõ ngõ - ông Đồng - Lùn!
- Sở - Lục - lộ - Thủy! Đã lục lộ lại còn Thủy.
- Ngõ - Cô - Ba - Chìa!
- Phố - Kiến - Ốc - Cụt!

Im lặng một lúc lâu. Chúng tôi đã tưởng hết. Hết những cái tên rất đặc biệt của Hải Phòng. Nhưng ngón

tay trở của anh vẫn giơ lên khỏi đầu. Đôi mắt anh long lanh. Anh còn đang lục tìm trí nhớ. Và:

- Ngõ - Sau - Nhà - Lốp!

Cười. Cười giòn tan. Thế là đủ. Đủ cho tình yêu của chúng tôi đối với Hải Phòng. Đủ cho khát khao muốn viết một cái gì đó về Hải Phòng.

Những cái tên đó đi thẳng vào trí nhớ của tôi và đọng lại ở đó. Chúng là những hạt vàng, vì như Pautovsky nói trí nhớ là cái rây thần chỉ để đọng lại những hạt vàng.

Trong một buổi họp mặt anh chị em văn nghệ Hải Phòng, chuẩn bị cho việc thành lập chi hội Văn nghệ thành phố mà Nguyễn Hồng sẽ là chủ tịch, có đông đủ anh chị em các ngành nghệ thuật, có cả đồng chí Hoàng Hữu Nhân, bí thư kiêm chủ tịch thành phố (đồng chí nói đùa rằng hãy coi đây là một hợp tác xã văn chương nghệ thuật), được giao nhiệm vụ phát biểu ý kiến, tôi chỉ việc sắp xếp lại các tên đất, tên nhà, tên phố Nguyễn Hồng đã dạy cho tôi, thêm vào dăm ba ý kiến về sáng tác, thế là đã thành một bài phát biểu “đầy chất thơ” như có người đã nhận xét một cách nâng đỡ.

Không chỉ các tên gọi, đường phố Hải Phòng luôn hấp dẫn Nguyễn Hồng. Anh hay rủ tôi đi cùng anh.

Một buổi sớm, tôi còn đang ngủ, anh đã khe khẽ:

- Tẩn dậy chưa?

Tôi mở mắt. Nguyễn Hồng ngồi nhóm dậy thì ào:

- Đi chơi phố đi.

Chúng tôi khe khe mặc quần áo để khỏi làm thức vợ tôi lúc đó đang nuôi con mọn. Giấc ngủ với nàng thật quý báu. Lại tiếng thì thào:

- Chốc về đánh răng rửa mặt,

Tôi ngoan ngoãn đạp xe đi theo anh, bởi vì tôi cũng rất yêu những buổi sáng như thế này. Những bóng đèn đường chưa tắt nhưng không tỏa sáng nữa. Chưa tách bạch được những cành cây phượng vĩ, chỉ thấy những tán lá. Không gian thoáng mát, mờ ảo như những đêm trăng phương Bắc mà tôi được đọc và tưởng tượng ra.

Thình thoảng một cửa sổ tỉnh dậy. Một bóng đèn tròn bật sáng. Thấp thoáng bóng người trong khuôn cửa. Thành phố của tôi đang thức dậy dần dần như thế đấy.

Chúng tôi đạp xe đi và nhìn trời đất. Từ Ngã Sáu vòng qua phố Ga, rẽ xuống Cầu Đất. Trong ánh sáng trắng của đêm đang chảy đi, một thiếu nữ đang đứng lấy nước bên hè phố. Dáng người mảnh dẻ, nàng mặc quần áo ngủ nhàu nát. Tóc rối chưa chải. Như có mùi hương của căn phòng trinh nữ tươi mát đầu đây, trên hè phố Cầu Đất rộng và thoáng này.

Nàng khóa vòi nước công cộng, gánh nước trên vai nhún nhảy bước đi. Cả người con gái, cả gánh nước như không có trọng lượng trong không gian mờ sáng, biến vào một cánh cửa mở như trong mơ.

Tôi im lặng, không dám nói những quan sát của tôi về người con gái dậy sớm ấy. Nhưng chẳng có gì lọt qua mắt anh. Hẳn anh cũng nhìn người con gái gánh nước ấy và nghĩ ngợi. Chỉ sau vài lần guồng pê-đan, Nguyên Hồng thở dài:

- Vợ tôi gây quá anh ạ.

Không phải lần đầu tiên Nguyên Hồng nói với tôi điều ấy. Với tôi, anh hay nói to ý nghĩ của mình.

*

Một gia đình nhỏ mấy cũng cần ăn. Mayakovsky đã dạy như vậy. Đó là chân lý. Mà các cụ lại nói: Hai vợ chồng son, đẻ một con thành bốn. Cũng lại là chân lý dù nó không đúng với phép tính cộng số học.

Khi ở Hà Nội về Hải Phòng chúng tôi mới chỉ có một cháu trai. Thế nhưng mấy năm sau đã thêm cháu Giáng Hương, rồi lại cháu Hải Yến. Phải mượn một cô bé ở nông thôn ra trông cháu. Chẳng còn cách nào khác. Lương tôi cán ba, 64 đồng cộng thêm 2 đồng phụ cấp làm báo, vợ tôi 50 đồng cộng 5 đồng lương con. Tổng cộng hai đứa 121 đồng, trừ 6 đồng tiền nhà còn 115 đồng. Mà gia đình tôi lúc ấy đã 6 người, còn đâu là gia đình nhỏ nữa. Đó là chưa kể khoản bè bạn khách khứa, không phải ít. Bè bạn đi Quảng Ninh ngủ lại. Đi công tác Hải Dương xuôi xuống thăm. Nguyễn Kiên còn làm một cuộc xe đạp từ Hà Nội



Nhà văn Bùi Ngọc Tấn khi mới trở về và
vợ Nguyễn Thị Ngọc Bích

về thăm tôi. Khi Kiên dựng xe ở sân, tôi hoảng hốt gọi Kiên: “Cái xe đạp của Kiên, moay - ơ lòì cả bi ra ngoài”. Kiên xem và tươi cười giải thích cho tôi biết về cái *moay ơ pê lít xi ê pơ luyr* có nắp đậy. Anh đạp xe đường trường, nắp bật ra nên trông như nó nhè bi ra chứ chẳng làm sao. Lại một lần Phạm Hồng, biên tập viên của Cục Điện ảnh dẫn một đoàn diễn viên, đạo diễn về nhà tôi. Sau khi làm nhiệm vụ giới thiệu bè bạn với nhau, Phạm Hồng xuống thang và biến mất. Câu chuyện giữa chủ khách ngay đờ ra vì thiếu thành phần kết dính. Chúng tôi cùng trông ngóng anh, cùng chờ đợi tiếng chân anh lên thang. Phải đến hai

giờ sau tôi nghe thấy từ phía cầu thang tiếng quang quác trầm hùng của một con gà trống cỡ bự và cái đầu Phạm Hồng ló lên, cùng với cái đầu con gà trống hoa mơ mào nụ. Anh cười rất tươi, mặt mày rạng rỡ.

- Lúc vào đây thấy mậu dịch ngoài Ngã Sáu bán gà, tranh thủ ra xếp lốt, đưa giấy công tác ra, nói khó với các cô ấy, mua được một con.

Con gà trống rất to, cựa dài, nhọn hoắt, chân bự, xù xì, chân ấy phải đi giày số 42 theo cách nói của Nguyễn Bình. Chỉ tội hơi cao tuổi. Nhưng là tuyệt diệu. Cũng xin nói thêm ở đây là một lần Phạm Hồng từ Quảng Ninh về, ghé qua tôi vào buổi tối thì tôi đã bị bắt. Anh sững sờ. Vợ tôi đang học ở trường đại học. Các con tôi ở quê với ông bà. Cửa khóa. Vì tôi mới bị bắt nên chìa khóa còn do ông tổ trưởng dân phố giữ. Sau khi hỏi hàng xóm, Phạm Hồng đến gặp ông tổ trưởng, xuất trình giấy tờ, trình bày là bạn về chơi, không có chỗ ngủ. Mượn được chìa khóa, anh vào buồng tôi, căn buồng còn đọng chút hơi hương của tôi, ở một đêm, sáng hôm sau về Hà Nội. Đêm hôm đó, giữa căn buồng còn nguyên dấu vết của cuộc khám xét ngổn ngang bữa bọn tôi bị bắt ra đi, anh ngồi im lặng suốt đêm không ngủ. Rồi xuống nhà nhặt một mẩu gạch viết lên tường nhà tôi một bài thơ bốn câu. Năm năm sau tôi mới trở về. Bài thơ ấy không còn nữa.

Mãi mấy chục năm sau, trong một lần trở lại Hải Phòng, Phạm Hồng mới kể cho tôi nghe chuyện đó. Anh đã về hưu từ lâu và lập một trang trại ở Gia Lâm. Anh vừa

cho in truyện dài *Á Phù dung* và cũng vừa kết thúc một chuyến đi tìm vàng, đầu óc còn đầy ắp những chuyện phiêu lưu, những suối lũ, những vách núi, những hang động với những bộ xương người và chai lọ...

Giáng Hương con gái tôi làm một bữa cơm cá dứa mời anh. Ngủ lại nhà tôi hôm ấy, anh cứ trần trọc mãi. Rồi anh trở dậy lôi từ trong túi xách ra một cái quần trẻ con khai mù và cười khi khi:

- Tớ đi đâu cũng phải mang theo cái này. Ngủ với cháu quen rồi. Không có mùi nước đá trẻ con là không ngủ được.

Anh để cái quần khai ấy ngay cạnh gối. Chỉ một lúc đã thấy ngứa pho pho. Hóa ra anh là tộc trưởng một bộ tộc rất đông con cháu. Gần hai chục cháu nội ngoại, đứa nào cũng quần lấy ông, ngủ với ông.

Còn một kỷ niệm nữa về các bạn điện ảnh đến thăm tôi. Ấy là Trà Giang. Ăn cơm trưa xong Trà Giang rủ tôi đi bộ thăm thành phố. Đó là một sự tế nhị. Trà Giang muốn vợ tôi đang nuôi con nhỏ được nghỉ ngơi sau bữa cơm trưa.

Trời chớm hè. Những cảnh phượng phố Quang Trung lá non mầm. Khát nước, tôi và Trà Giang ghé vào một quán chè đồ đen ven đường. Trà Giang dạo ấy đã nổi tiếng. Phim *Chị Tư Hậu* vừa được chiếu rộng rãi. Các em nhỏ nhận ra Trà Giang ngay. Các em kêu: Chị Trà Giang! Có phải chị là Trà Giang không? Như không tin ở mắt mình nữa và xúm lại quanh người mà các em đã

thấy trên màn ảnh. Tất nhiên cô gái bán chè đồ đen vừa hè cũng nhận ra Trà Giang ngay và vô cùng thích thú. Cô vừa múc chè vừa quay lại nhìn Trà Giang. Cô đặt trước chúng tôi mỗi người một cốc chè có đá đập nhỏ. Thấy tôi chăm chú nhìn hai cốc chè và tủm tỉm cười, Trà Giang ghé sát tai tôi, thì thầm điều tôi sắp nói với Trà Giang:

- Sự nổi tiếng có ích lợi gì đâu. Cốc chè của em cũng đúng bằng cốc chè của anh, không hơn lấy một thìa.

Bè bạn về đồng, thật vui, nhưng cũng phải lo sao cho tương tất. Chẳng còn cách kiếm tiền nào khác, ngoài việc viết. Không từ một thể loại gì. Mỗi tháng tôi bảo đảm một trang thủ công nghiệp cho báo *Thời Mới* của ngài Hiền Nhân. Anh bạn phóng viên thường trú báo *Thời Mới* có thể hoàn toàn yên tâm về tinh thần trách nhiệm của tôi. Viết cho báo *Cứu Quốc*, nơi anh Xuân Thu, anh em chú bác ruột với tôi làm biên tập. Và cho Chính Yên báo *Nhân Dân*... Chính Yên chỉ đặt tôi viết những bài bút ký từ 400 - 500 dòng trở lên để đăng báo ra ngày chủ nhật. Lâu lâu không có bài là Chính Yên lại tổng thư về: “Ý thức của anh đối với báo Đảng ở đâu?”. Còn một nơi quan trọng: Đài phát thanh *Tiếng nói Việt Nam*, mục Tổ quốc ta tươi đẹp.

Đó là viết báo ăn ngay, lấy ngắn nuôi dài như Thủ tướng Phạm Văn Đồng khuyên anh em văn nghệ.

Song song với việc viết báo, tôi có nhiều việc phải làm cho các nhà xuất bản. Ở nhà Lao Động, tôi có Nguyễn Thế

Hội và sau này thêm Nguyễn Gia Nùng, Nguyễn Trí Tình đã sang Nhà xuất bản Thanh Niên (nhà xuất bản này tôi quen tất cả vì cùng một cơ quan Trung ương Đoàn với tôi khi tôi còn ở báo *Tiến Phong*). Nguyễn Kiên sau một thời gian về tỉnh đoàn Hà Đông định làm một ông Triêu Thụ Lý đã chuyển về Nhà xuất bản Văn học. Nhưng điều quan trọng nhất là ở Hải Phòng có nhiều gương điển hình tiên tiến. Hải Phòng có các anh hùng lao động Phùng Văn Bằng (Hải Đăng), Hồ Xuân Tuyên (Đánh cá Hạ Long), Nguyễn Khả Kính (Cảng), Nguyễn Hiền Việt (Xi măng), có Nhà máy cơ khí Duyên Hải, tổ đá nhỏ ca A, những lá cờ đầu trong phong trào thi đua toàn miền Bắc v.v...

Đạo đó các nhà xuất bản đua nhau in sách người thật việc thật, mà chúng tôi gọi là *văn chương tổ đội*. Trong *văn chương tổ đội*, tôi là một chuyên gia. Tôi viết những truyện ký có vẻ sạch nước cần. Tôi tự thấy mình có nhiều may mắn hơn những anh em cầm bút khác. Này nhé: Tôi là người phát hiện ra anh hùng lao động Phùng Văn Bằng, và qua Đỗ An Bình, tôi rất thân với Ty Hải Đăng (mà thời Tây có tên gọi là Lục Lộ Thủy). Tôi đã sống với Phùng Văn Bằng nhiều ngày, đã đi các đảo Long Châu, Hòn Dấu, Cô Tô, Con Gián, đã đến vịnh Sừng Sốt, hòn Bách Hợp... Mọi người đều thấy chẳng ai viết về Phùng Văn Bằng hơn tôi, lãnh địa ấy là của tôi.

Còn nhà máy cơ khí Duyên Hải cũng lại là của tôi, tôi đã bám nó hàng năm trời, tôi lại được đồng chí bí thư thành

ủy trực tiếp trao nhiệm vụ. Khi chiến tranh bắn phá, riêng mảng đề tài các đảo đèn trước bom đạn Mỹ đã vô cùng phong phú và hấp dẫn. Trong cuộc đọ súng đầu tiên với máy bay Mỹ ở Quảng Ninh ngày 5 tháng 8 năm 1964, bật lên tấm gương của Đồng Quốc Bình. Tôi không nghĩ rằng mình sẽ có một cái gì đó về người chiến sĩ trẻ tuổi đã hy sinh này. Nhưng anh là người Hải Phòng. Nhà xuất bản Thanh Niên lại đặt tôi viết (in chung với bài viết về Nguyễn Việt Xuân) và quyển này cũng có một *tirage* khá lớn. Lại còn những con tàu chở hàng vào khu vực cán gáo¹, âm thầm, thường xuyên giáp mặt với bom đạn và cái chết...

Tôi viết như bồ củi. Câu này là của tôi mà Vũ Bão đã dùng trong một sáng tác của anh, nay tôi thấy cần đòi lại bản quyền. Tôi còn viết thêm văn như lộn xích xe đạp. Tôi viết như người làm chủ một gia đình sáu người, *một gia đình nhỏ mấy cũng cần ăn*. Tôi tập trung sức vào quyển tiểu thuyết *Hải đăng*, quyển tiểu thuyết trình làng của tôi theo như tôi quan niệm hồi đó.

Nguyễn Kiên có nói vui với tôi rằng văn nghệ nó như cái đình ấy. Các ông Nguyễn Hồng, Nguyễn Tuân, Tô Hoài, Nguyễn Đình Thi đã ngồi chiếu giữa ăn cỗ nhất cả rồi.

Anh em mình đến sau, chẳng ai trải chiếu cho mình đâu. Phải tự kiểm lấy hòn gạch ngồi ghé vào đâu đó rồi cắm đầu mà viết thôi. Với *Hải đăng*, tôi hy vọng chỗ ngồi

¹ Khu bốn cũ.

của tôi trong ngôi đình văn nghệ sẽ rộng hơn hòn gạch, ít nhất cũng là manh chiếu... rách.

Thập kỷ 60 ấy thật gian khổ nhưng cũng rất vui tươi. Ít ra sự vui tươi cũng là đối với chúng tôi. Chúng tôi còn trẻ. Còn có thể tự đánh lừa mình về tương lai, về những gì mình sẽ làm trong tương lai.

Thanh Tùng, tác giả *Thời hoa đỏ* có những ý kiến xác đáng về chuyện thời gian còn lại. Anh hay gây sự với Nguyên Hồng.

- Bố bảo bố là nhà văn của những người đau khổ. Ngày xưa bố viết *Bỉ vỏ*. Con hỏi bố bây giờ có nhiều ăn cắp không? Sao bố không viết *Bỉ vỏ* tập 2 đi. Xã hội bây giờ còn *bỉ vỏ* hơn ngày trước đấy!

- Cụ khóc, Thanh Tùng kể. Sau nhiều lần như vậy cụ nói: “Bố sẽ viết một cái hồi ký. Nhưng khi sắp vào quan tài bố mới viết. Bố sẽ nói hết. Rồi mày sẽ biết bố”. Cụ chết. Cụ quá tin ở mình còn sống lâu anh ạ. Rút kinh nghiệm cụ, chúng mình phải luôn luôn nghĩ rằng mình sắp chết để mà làm việc. Nếu không thì rất nguy hiểm. Cái chết chầm dứt tất cả.

Những năm ấy chúng tôi mới tuổi ba mươi, dù có buồn cũng là cái buồn Quang Dũng ba mươi tuổi.

Lòng người trai ba mươi

Vui như trẻ lên mười

Yêu như tuổi mười bảy

Buồn như sắp năm mươi

Căn nhà tôi luôn tràn ngập tiếng cười. Có một câu của Nguyễn Tuân mà tôi rất thích: “Chúng ta vượt gian khó nhưng không khó đăm đăm”.

Bè bạn bao giờ cũng là nguồn động viên khích lệ. Chúng tôi nói cùng nhau những dự định sáng tác, kể cho nhau nghe những chi tiết thu lượm được, rồi đọc thơ. Tôi khi đó trí nhớ còn tốt. Quyển *Thi Nhân Việt Nam* của Hoài Thanh in từ thời Pháp thuộc mà sau này chính Hoài Thanh đã lên tiếng phủ nhận và phê phán nó, trong suốt một thời gian dài bị coi là quyển sách cấm, quyển sách có nội dung không lành mạnh, thật may mắn đã được bố tôi mua khi tôi còn nhỏ, trong một lần sang phố. Nó nằm gọn trong óc tôi từ bao giờ tôi cũng không biết nữa. Bên cạnh đó là những bài thơ trong sổ tay của bố tôi. Những *Khóc Dương Khuê*, *Vịnh chùa Hương Tích*, và những bài thơ do anh Xuân Thu tôi sưu tầm, những bài thơ do Đông Hoài đọc cho chép ở Thái Nguyên từ thời chống Pháp. Các bạn tôi chỉ biết Hoàng Lộc qua *Viếng bạn*, còn tôi có thể đọc cho bạn nghe một bài thơ khác của Hoàng Lộc nói về tình yêu của mình với thơ ca mà tôi không nhớ đầu đề:

*Thiên hạ đồn rằng em đẹp
Như người gái đẹp tình phương
Đêm đêm trăng ngủ đầu giường
Dịu dàng như tranh thủy mặc.*

*Thiên hạ đồn rằng em mặc
Áo trắng một màu tuyết sương
Đêm đêm trăng ngủ đầu giường
Sánh bên thiên thần Hy Lạp.*

*Ta biết em đời thêm hãnh kiêu
Thắm mơ em nào dám mơ nhiều
Chiêm bao cuồng loạn riêng lòng biết
Ta hỏi thăm em có phải Dáng Thơ.*

Thật thà mà nói, tất cả chúng tôi lúc đó đều không thể hiểu được những bài thơ hay như vậy tại sao lại không được phổ biến. Chúng tôi chỉ biết hình như nó thiếu lành mạnh, phải lên án vì nó tiểu tư sản, nó ủy mị, nó ru ngủ, nó không khỏe khoắn, nó không mang tính giai cấp, nó thiếu tính đấu tranh. Nhưng dù có cố học thuộc cũng không thể nào thuộc được *Tặng làng Còng* của Xuân Diệu, *Mẹ con đồng chí Chanh* của Nguyễn Đình Thi cũng như cố quên cũng không thể nào quên được *Vội vàng*, *Đất nước* của hai nhà thơ trên, *Màu tím hoa sim* của Hữu Loan, *Tây Tiến* của Quang Dũng. Nhưng chính nhờ sự cấm đoán ấy mà tôi thêm giá trị. Các bạn ngồi im lặng. Tôi đọc. Tôi tái bản mồm. Nhất là với những người như Vũ Lê Mai và một vài người khác kiểu Theodor Nett, bạn Mayakovsky “*toát hết mồ hôi mà không nhớ được một câu thơ nào cả*”.

Bạn cũ kéo thêm bạn mới. Có những bạn lần đầu đến thăm tôi, không cần ai giới thiệu. Một buổi tối tôi đang ngồi làm việc thì có tiếng gõ cửa. Mở cửa. Một khuôn mặt lạ hoắc. Người khách lịch sự hỏi thăm:

- Xin lỗi. Đây có phải là nhà anh Bùi Ngọc Tấn, nhà văn không ạ?

- Vâng. Tôi. Nhưng không phải nhà văn. Tôi mới tập viết thôi. Mời anh vào nhà.

Người khách cũng trạc tuổi tôi đứng ngay người cứng đờ như thấy núi Thái Sơn trước mặt, rồi đưa cả hai tay túm lấy tay tôi, lắc lắc:

- Dạ. Anh...

Chưa thấy ai khúm núm như thế. Người khách chấp hai tay trước ngực như kiểu tụng kinh và cứ xoa xoa mãi hai lòng bàn tay vào nhau, miệng xuyt xoa, vẽ kính cần hiện ra trong từng cử chỉ.

- Dạ. Thưa nhà văn. Tôi vẫn đọc tác phẩm của nhà văn. Tôi rất kính phục tài năng của nhà văn.

Tôi không còn hiểu ra làm sao nữa, chỉ biết trở mắt nhìn người khách đang ở đỉnh cao của sự xun xoe nịnh bợ. Người ấy vẫn ngắt ra từng câu:

- Những tác phẩm rung động lòng người. Những tác phẩm sống mãi với thời gian.

Hắn là bộ mặt của tôi lúc ấy trông rất ngộ và như cũng chỉ cố gắng được đến thế, khách cười phá lên:

- Đùa một tí. Tao là thằng Nguyễn Dậu đây mà.

Tôi cũng cười ầm ĩ. Tôi và Nguyễn Dậu cùng có những người bạn chung: Lê Bầu, Châu Diên...

Thế là chúng tôi đèo nhau đi chơi phố. Đến lúc ấy tôi mới biết Nguyễn Dậu cũng đã nhiều năm lẫn lộn ở Hải Phòng.

Lại một tối nữa. Một tối mùa xuân. Mưa dầm. Vợ tôi bị cảm, buông màn đi nằm sớm. Nhà hết tiền. Tôi ngồi bàn “cày cuốc”. Có tiếng gõ cửa. Người khách mặc áo mưa vải bạt ướt lướt thướt:

- Tôi là Trần Cảnh.

- Anh. Tôi có đọc thơ anh. Nay mới được gặp. Mời anh vào nhà.

Trần Cảnh cởi áo mưa vắt ngoài hành lang, xách cặp bước vào.

- Tôi đi Quảng Ninh công tác. Đêm nay ngủ lại Hải Phòng. Nghĩ rằng ở Hải Phòng mà không đến thăm anh là một thiếu sót.

Đó là một lời xã giao lịch sự và tế nhị. Tôi pha trà, chuyện một lúc về sáng tác, về kế hoạch in. (Trần Cảnh là biên tập viên nhà xuất bản Phổ Thông). Anh nhìn chung quanh nhà và nhìn cái màn đã buông. Tôi vội nói:

- Nhà tôi ồm, đi nằm sớm, không dậy chào anh được. Anh thứ lỗi cho.

Im lặng. Rồi khách bỗng chuyển giọng:

- Hình như ông đang túng phải không?

Tôi cũng nói theo giọng của anh, một giọng điệu giữa những người bạn thân quen từ cũ:

- Vâng. Vợ ốm mà không mua nổi hộp sữa.

Trần Cảnh sốt sắng:

- Thế thì phải chống túng ngay.

Anh mở cặp rút ra một xấp tiền:

- Đây. Anh cầm tạm hai trăm đồng. Cuối năm gửi cho tôi cái gì cũng được. Tôi đi Quảng Ninh đặt viết mà.

Trần Cảnh giải thích. Hóa ra cái cặp của Trần Cảnh là một cặp tiền. Tôi cho xấp tiền vào ngăn kéo. Anh ngăn lại:

- Ấy. Anh đếm đi. Đi đường tôi rút tiêu, không biết ở xấp nào.

Hai trăm. Một món tiền lớn. Một chiếc xe đạp Junior. Một tài sản. Y hẹn, cuối năm tôi gửi lên cho anh cái *Nhật ký xi măng*. In ngay. Đỗ An Bình có việc đi Hà Nội, rẽ vào nhận sách, nhận nhuận bút hộ. Vẫn còn được thêm bốn đồng nữa. Chưa hết. *Nhật ký xi măng* còn được Bộ Văn hóa tặng giải nhất văn xuôi năm đó.

Cuộc đời có những phút bất ngờ như thế. Bè bạn làm cho mình thêm yêu đời, yêu cuộc sống. Chỉ nghĩ rằng có những người bạn yêu quý mình, đặt niềm tin vào mình cũng đã thấy muốn làm việc. Cũng đã muốn làm việc tốt.

Mình cũng tin rằng mình sẽ làm được như mình mong muốn, như bạn bè mong muốn.

Những năm tháng nhà tôi hay có bè bạn lại chơi ấy là những năm nhà nước quản lý siêu vi mô. Toàn bộ cuộc sống con người đều trông vào mậu dịch. Khách đi công tác cầm theo những tem gạo 225 gam định lượng, và nếu quá giờ, các cửa hàng mậu dịch ăn uống đóng cửa thì chỉ có nhịn đói. Thành phần cá thể khi đó được coi là mảnh đất màu mỡ cho chủ nghĩa tư bản phát sinh, tất nhiên là đối tượng phải cải tạo, phải siết chặt. Ngay năm 1983 thôi, ông tổng biên tập báo *Hải Phòng* còn xuất tướng viết một loạt bài vạch 14 tội của bọn tiểu thương ký rõ tên ông, việc ký tên như vậy ít khi thấy trong hàng ngũ các ông tổng biên tập báo. (Ông tổng biên tập này là tổng biên tập thứ bao nhiêu rồi từ khi tôi mới chuyển về đấy). Ông lại còn tập hợp những bài báo kể 14 tội đó đưa đi xuất bản thành một tập sách lý luận. Nhưng việc không thành. Nhà xuất bản từ chối không chịu in.

Nói dài dòng đoạn này một tí để đi tới một ý là: Lùng mua một mớ rau muống vừa hè cũng khó và không thể đãi bạn *rau muống tần* được. Thật may. Tôi có những trợ thủ đắc lực. Những người thương quý tôi thực lòng. Trời ơi, sao mà lúc ấy thềm được “tình nghĩa” với một em gái bán thịt thề. Tôi chẳng thể nào quen được các em. Tôi chỉ quen tổ đá nhỏ ca A nhà máy xi măng, Nguyễn Hiền Viết lái cần cầu vàng, những công nhân nhà máy Cơ khí

Duyên Hải, nhà máy cơ khí mỏng 1 tháng 5... Tôi đến các xí nghiệp như về nhà mình. Tôi quen từ đồng chí bảo vệ tới giám đốc. Mà tôi chẳng thể nào quen nổi các em! Những mậu dịch viên tươi trẻ thiên thần, đứng sau quầy, trước mặt là những con lợn mót hàm “trắng như lợn cạo” đang được bàn tay xinh đẹp khéo léo của các em pha ra từng miếng. Tôi chỉ quen chị Mai, chị dâu tôi, cũng là mậu dịch viên, nhưng chị lại bán chè, thuốc lá và nếu có kiếm được tí chút cũng chỉ là chè thuốc mà thôi. Chị hay đặt hàng tôi viết bích báo cho chị. Thỉnh thoảng đi đâu về tới căn buồng gác hai của mình, mở cửa bước vào, thấy một tờ giấy luôn qua khe cửa, nằm trên sàn gỗ, tôi biết ngay là thư chị Mai. “Chú Tấn. Viết cho chị bài bích báo. Nội dung: Xây dựng tổ lao động xã hội chủ nghĩa. Vui lòng khách đến vừa lòng khách đi”. Dưới ký: *Lục Bát*. Nội dung thay đổi luôn. Ngoài vấn đề thường trực “vui lòng khách đến vừa lòng khách đi, quầy hàng sạch sẽ” còn những “kỷ niệm mỏng tám tháng ba, người phụ nữ mới”, “nêu cao tinh thần tương trợ đoàn kết”, “kỷ niệm Quốc khánh 2 - 9, phân phối đúng đối tượng”, v.v... dù bên trên nội dung gì, bên dưới cũng chỉ ký một cái tên *Lục Bát*.

Tôi biến thành máy sản xuất thơ lục bát. Cũng kiểu Bút Tre thôi. Như:

(..). Sao cho xứng đáng cờ đầu ngành thương
Chị em ta phải cùng tương

*Trợ thì cố gắng không vương vấn gì
Nếu mà vương vấn một khi
Có tư tưởng ấy là thì không nên
Thi đua ta phải vững bền...*

Nguyên Hồng và cả Châu Diên nữa thích bài thơ này lắm. Châu Diên còn xin bản quyền bài thơ ấy của tôi. Tôi đã đồng ý cho, nhưng không thấy anh dùng. Có lẽ vì sau đó mấy tập thơ Bút Tre liên tiếp phát hành. Ánh sáng của nó làm mờ tất cả.

Đem bài báo lên cửa hàng chị Mai thế nào tôi cũng được nhuận bút. Khi một bao thuốc lá Điện Biên khi bao Tam Đảo. Khoản nhuận bút thường hay được nhất là món chè vét thùng. Dù chè đóng gói rồi, nhưng khi xếp, khi bán, cánh chè vẫn rơi ra khỏi gói, dưới đáy thùng có hàng vốc chè. Loại 1 có, loại 2 có, loại 3 có, Hải Phòng có, Hà Nội có, Phú Thọ có. Tôi thích nhất khoản nhuận bút này. Vừa nhiều, vừa tổng hợp, nhiều hương vị: Thanh Hương, Hồng Đào, Ba Đình, Ngọc Sơn, Xuân Ba Nhất, Hà Giang, chè cám...

Chè thuốc như vậy cũng là thi thoảng, lại chỉ hoa lá cảnh thôi, không nuôi sống được người. Có khách tôi vẫn phải nhờ Vũ Tín. Vũ Tín, phóng viên Thông tấn xã Việt Nam thường trú tại Hải Phòng, giải thưởng lớn nhiếp ảnh quốc tế, với hai máy ảnh, một Rolley, một Exakta thì quen với tất cả. Anh đã chụp gần như một trăm phần

trăm các cô bán thịt và tới tận nhà chụp ảnh gia đình các cô. Anh giúp tôi, dẫn tôi tới các quầy hàng thịt mậu dịch mỗi khi tôi có khách.

Khi Vũ Tín chụp hỏng toàn bộ ảnh đám cưới một “cô mậu” bán thịt, một thời gian dài anh không dám bén mảng tới các quầy, thật may cho tôi, tôi có Bùi Đình Tịch. Anh là nhân viên phòng cung tiêu công ty vợ tôi. Cho đến bây giờ tôi vẫn chưa hiểu anh Tịch có tài gì mà cửa hàng nào cũng quen. Vũ Tín còn có mấy ảnh chứ anh chẳng có gì. Anh gầy lại rất cao, tiếng văn học gọi là Đông-ki-sốt, còn ngôn ngữ hiện đại gọi là một người dầy.

Với anh, không một mậu dịch viên nào có thể giấu được gì phía sau quầy. Nhón chân một tí là anh với tới những thứ người ta để ở tận gầm quầy. Và nếu anh đu đưa người, chân không chạm đất, có nghĩa là anh đang đứng một chỗ mà quơ sang những quầy bên cạnh.

Cô mậu dịch viên hét to:

- Không được. Cản thịt ấy là của khách hàng người ta gửi lại, tí nữa họ lấy. Em cắt phiếu của người ta rồi.

Tịch tỉnh bơ:

- Thì đã bảo cứ cắt cho người ta một nửa đây.

- Không được! Khách hàng đến lấy bây giờ, em nói với họ làm sao?

Tịch chép miệng như phải nói chuyện với một người quá ư chậm hiểu:

- Thì đã bảo cứ cắt cho người ta một nửa mà lại. Hôm nay người ta cần.

Cuối cùng cô mậ dịch viên cũng phải nhượng bộ. Tôi nhớ một lần gặp Tịch ở phố Cao Miên, tức là phố Đà Nẵng bây giờ, tôi trình bày với anh yêu cầu khẩn cấp về thực phẩm. Vẫn ngồi trên yên xe đạp, anh ngửa mặt nhìn lên những cành phượng vĩ, không nói một lời. Tôi hỏi:

- Nghĩ gì đấy? Có mua được cho người ta không?

Anh trả lời:

- Đang nghĩ xem đến cửa hàng nào gần.

Với những người như Vũ Tín, Bùi Đình Tịch, việc đó sao mà dễ. Trong mắt tôi, mậ dịch là nơi để người ta chen chúc, xếp hàng, nghe quát tháo, nghe giảng giải về tiêu chuẩn, định lượng. Nên tôi thực sự thông cảm với niềm vui của Nguyên Hồng khi anh mua được chai rượu chanh không phiếu ở cửa hàng Mi Sô (cửa hàng cung cấp đặc biệt). Vừa lên khỏi cầu thang, anh đã rút trong làn ra chai rượu chiến công ấy, vẻ mặt rạng rỡ.

- Có rượu đây rồi. Có rượu đây rồi. Không phiếu mới thú chứ. Tán mãi, nịnh mãi mới được đấy. Nay mai Tấn viết hộ mình một bài báo về cô mậ dịch. Để ông ngiên này mang đến. Gọi là tri ân, chứ không phải móc ngoặc đầu đấy nhé.

Rồi Nguyên Hồng suy nghĩ về cái điều anh chưa hiểu.

- Mình không có phiếu, thế ngộ nhờ trên người ta kiểm tra thấy hụt thì làm sao nhỉ.

Ở nhà tôi lúc đó có “chuyên gia” Bùi Đình Tịch. Anh giảng giải:

- Cửa hàng này chỉ bán cho những bậc lương 105 đồng trở lên. Phiếu của các cụ ấy là có cả ô rượu. Nhưng nhiều vị không biết uống, không mua. Nó thấy ông lượn vè vè quanh mấy chai rượu, nó thương tình nó bán cho ông. Giá thử trên có kiểm tra thì nó bảo hôm nọ nhà em có giỗ, em lấy một chai. Ai nói gì. Với lại cán bộ cửa hàng, cán bộ sở uống nhiều chứ nó uống mấy.

Nguyễn Hồng xác nhận những ý kiến của Bùi Đình Tịch:

- Đúng. Mình cứ đứng ở chỗ quầy rượu, giả vờ hỏi: Chị ơi. Rượu bán thế nào đấy hở chị? Bán phiếu bác ạ. Thế, thế không có phiếu có mua được không hở chị? Không bác ạ. Mình đi sang quầy khác rồi lại quay lại. Nhìn quầy rượu. Nhiều thật các ông ạ. Chai nọ sát chai kia. Mà làm sao lại có cả rượu cà phê các ông nhỉ. Cho người ta uống rượu cà phê là dã man. Cho người ta uống rượu cà phê thì thà rằng đừng cho người ta uống. Cà phê làm già hết rượu, uống bao nhiêu cho đủ. Đang đứng ngắm như thế thì cô mậu dịch gọi: Bác ơi. Bác có mang tiền đi không, cháu linh động bán cho bác chai rượu chanh. Có, có, tôi có mang tiền đi chị ạ. Thế là mua được chai rượu. Sao lại có người phúc hậu như thế nhỉ.

Nguyễn Hồng cười sung sướng. Tịch thêm:

- Chắc là lúc ấy cơn nghiêng của cụ lên. Nó trông cụ, nó thương.

- Thật là tiên chứ không phải người trần. Xinh đẹp, thương người, phúc hậu...

Nguyên Hồng lại cười. Tiếng cười lúc sáng khoái như thể này thường giòn tan.

Và anh cho chúng tôi biết một bí mật:

- Cửa hàng Tôn Đản trên Hà Nội, người ta đã tính: Phiếu của một vị bộ trưởng mà mua cho hết là vừa sạch lương của vị ấy. Thế mà có những bà bộ trưởng tháng nào cũng mua hết tiêu chuẩn, không sót một thứ nào. Lương ông bộ trưởng hết xoắn, không biết rồi gia đình bộ trưởng sinh sống ra sao.

Lại cười. Lần này cười giòn hơn lần trước. Tịch ngồi nhắm một số tiêu chuẩn chính và nói:

- Một cái phiếu ấy không cần mua hàng, cứ bán các ô, mỗi tháng cũng phải được mấy trăm. Mua tất cả rồi bán còn lời nữa.

Sau này khi được phiếu Tôn Đản, Nguyên Hồng cũng mua “gần hết” tiêu chuẩn. Nhưng không mua cả cho mình và cũng không mua bằng tiền của mình. Ai cần thứ gì, anh mua hộ. Có mỗi ô bất khả xâm phạm: Ô rượu. Anh em Hội Văn nghệ đều nhớ những buổi liên hoan bánh kẹo Tôn Đản do Nguyên Hồng mua mang về chiêu đãi.

Thanh Tùng vẫn nhớ một hôm Nguyên Hồng đến nhà hỏi:

- Vợ chồng mày có tiền không?
- Có. Cụ làm gì?
- Mua Tôn Đản.
- Mua hàng gì cơ?
- Bát.
- Nhà con có đủ bát rồi.
- Chúng mày không biết. Mua về bán. Lãi đấy.

Cái dạo ấy vợ chồng tôi chuyên làm nghề mua lại của mậu dịch viên bát, chén, cốc, ấm, cả chiếu nữa và đem “đổ” ở chợ Sắt. Tôi không ngờ Nguyên Hồng cũng bắt đầu sâu sát với “cuộc sống mới” như vậy.

Khách Nguyên Hồng đến nhà, không phải lo nhiều về khoản thức nhắm. Nhưng phải lo rượu. Đó là thứ không thể thiếu.

Rượu đã trở thành một trong những đặc trưng nổi bật của Nguyên Hồng. Giờ đây người ta đã viết rất nhiều về đặc trưng này mà tôi nghĩ rằng có nhiều chuyện đã được sáng tác ra, như kiểu Dương Tường *cũng chỉ do lòng quá yêu mến anh mà thôi*.

Hãy nghe Nguyên Hồng viết về lão La:

... Lão đói bụng đến đâu, cơm dẻo canh ngọt nóng sớt đến đâu, nhưng không có rượu thì lão vừa ăn vừa thấy như ăn cháo lá đa, càng ăn nhiều càng bã bời nhạt nhẽo.

Lão chỉ mong được hai hươu là hay nhất, không thì một hươu thôi. Cốt nhất là bữa chiều. Dù vất vả đôi cực đến đâu nhưng khi rửa cái tay lau vào chiếc áo cũ, chân chùi chùi vào chiếc chổi lúa, rồi ngồi vào mâm, chai rượu để sẵn rót ra cái chén móng, tộp một ngụm, nghe hơi men phào phào cồn lên trong người, nhón con rạm, bẻ mẩu bánh đa nhai lộp cộp¹...

Tôi ngờ rằng chính Nguyễn Hồng đã trải qua những cảnh ấy. Nguyễn Hồng lại bảo lò rượu nào được bộ xương của lão La mà cất thì đến mấy mươi đời cũng không phải mua men và không lò nào ngon hơn được. Nhưng chính Nguyễn Bình lại nói về bộ xương của Nguyễn Hồng y như thế, một thứ siêu men rượu.

Nguyễn Bình còn rất nghiêm túc nói thêm:

- Ai nói rượu hại trí nhớ cũng nên xem xét lại. Nguyễn Hồng là một phản biện. Cụ rất nhớ. Cụ nợ tao ba đồng lâu lắm rồi. Tưởng cụ quên. Nhưng khi nhận tiền thù lao đọc, cụ trả ngay. Cụ không quên. Chỉ túng thôi.

Nguyễn Hồng uống rượu nhưng không say đến mức xin theo cách nói bây giờ. Anh chậm rãi, ngâm nga, thưởng thức chất nước trong, cay, ấm. Anh tự gọi mình là “bợm rượu” cho vui. Anh rất biết chừng mực.

Cái xe thiếu nhi của anh mà anh đặt tên là Cún bao giờ ở pooc-ba-ga cũng có một cái làn con đan bằng ràng

¹ *Sóng gấm*, trang 305 (bản in 1992).

ràng được chằng chịt kỹ. Trong ấy linh kính báo, tạp chí, chai lọ, nhiều khi cả thức nhắm sẵn. Có lần anh còn móc trong túi áo một chai rượu con bèn bẹt, tí xiu, vắn nắp, rót cho tôi một nắp. Đó là rượu *Ap-xanh*.

Anh mang đến cho tôi tờ báo *Văn nghệ* (hay *Văn học*) có in một truyện ngắn nước ngoài. Truyện *Bên kia thế giới*. Đó là truyện một ông già lương thiện chết và được lên thiên đường. Thánh Pie, người giữ chìa khóa thiên đường tra sổ rồi mở cửa cho ông. Ông hỏi: “Hỡi vị thần có đôi cánh bé tí xiu kia ơi. Thiên đường có rượu không?” Khi được trả lời là không, ông già đã chết kêu lên: Không có rượu sao lại gọi là thiên đường được! Tôi không ở thiên đường đâu. Cho tôi xuống địa ngục. Thánh Pie cứ bắt ông vào thiên đường và động viên ông: Rồi sẽ quen đi. Ông đáp: Tám mươi tuổi rồi còn quen làm sao được.

Nguyễn Hồng cười giàn giụa nước mắt:

- Tám mươi tuổi còn bắt phải quen...

Anh bắt tôi đọc lại. Đến đoạn ấy anh lại cười vang:

- Tám mươi tuổi còn bắt phải quen thì ác thật!

Một hôm vào lúc nhá nhem tối, chúng tôi đi chơi phố về qua *Lục hải thông*, cái khách sạn nhìn thẳng ra *Vườn hoa đưa người* ngày trước. Ngồi trước cửa khách sạn, khuất vào chỗ tối, kín đáo là một chị bán hàng rong. Thế nhưng Nguyễn Hồng vẫn nhận ngay ra người ấy bán hàng gì. Anh xuống xe, dắt lên hè rồi dựa hẳn xe vào tường và cúi xuống gánh hàng. Chị bán hàng đơn đả:

- Bác xơi miếng nào em chặt.

Một chị bán hàng thịt chó. Nguyên Hồng kênh cái mẹt, có cả một cái đùi chó bóng loáng lên, vục tay vào tận cái thúng bên dưới. Anh lục lọi, bầu bầu, nắn nắn và lôi ra một tảng.

- Chị chặt cho tôi miếng nầm.

Nguyên Hồng cúi cúi xem gói thịt và gia vị:

- Chị cho tôi thêm mấy nhát riêng.

(Chữ *nhát* đúng là chữ của anh. Không chết như chữ *miếng*, chữ *nhát* gọi một động tác, một hình ảnh, một âm thanh, một quá trình..).

Về nhà, Nguyên Hồng cho thịt chó vào bát to, tráng nước phích và bắt tôi gọi vợ tôi dậy (trời rét, vợ tôi đã đi nằm sớm).

Cả hai chúng tôi đều không biết ăn thịt chó. Riêng tôi còn không ăn được mỡ. Nhưng không muốn làm anh mất vui, chúng tôi ngồi vào bàn, cùng ăn, cùng uống với anh. Tôi cứ nhai trệu trạo rồi nuốt. Vợ tôi cũng vậy. Đó là bữa thịt chó đầu tiên trong đời cả hai đứa. Chúng tôi ngồi tới khuya. Vợ tôi đi rán lại mấy miếng gan lợn trên cái lập là tí xíu và đập thêm vào đó mấy quả trứng làm kiểu ốp la. Nguyên Hồng thích màu sắc đỏ thẫm lên của lòng đỏ trứng ngay cạnh những miếng gan nâu hơi sém.

*

Mỗi người có thói quen viết của mình. Tôi dù thâm niên viết chưa nhiều, cũng có thói quen riêng.

Tôi thích viết về đêm. Từ sau mười giờ rưỡi trở đi cho tới khoảng một giờ sáng là thời gian làm việc kết quả nhất của tôi. Thói quen ấy được hình thành bởi những nguyên nhân sau đây:

Là một nhà báo, nghề nghiệp chính, công việc chính của tôi là viết báo. Tuy không phải gò bó tám giờ vàng ngọc tại cơ quan, nhưng những giờ phút tranh thủ bớt xen giờ chính quyền khó mà chủ động trước được. Cũng may, ngày ấy chúng tôi còn trẻ, mà hình như Pautovsky có lý khi nói rằng lúc còn ít tuổi người ta viết rất dễ dàng, sự dễ dàng ấy mất dần đi cùng với thời gian.

Tôi phải viết về đêm là chính. Buổi tối cũng làm việc được đấy nhưng còn cái loa phóng thanh, cái loa nón phải đến vài trăm oát kêu oang oang từ trước 5 giờ sáng tới 8 - 9 giờ, kêu suốt buổi trưa và buổi chiều làm một lèo từ lúc tan tầm 4 giờ rưỡi cho tới 10 giờ rưỡi đêm, cái loa Ngã Sáu cách cửa sổ buồng tôi, cái cửa sổ nhà Tây rộng gần kín một bức tường, một khoảng cách tiêu chuẩn để đạt tới độ cực đại của âm thanh. Phát thanh nhạc thể dục sớm, ca nhạc sớm, phát thanh nông thôn, phát thanh công nghiệp, bản tin thời sự, quân đội nhân dân, vì an ninh Tổ quốc, phát thanh văn hóa xã hội, buổi phát thanh lý luận, khắp nơi ca hát, Tổ quốc ta tươi đẹp, buổi phát thanh thanh niên, phụ nữ, ca nhạc theo yêu

câu thính giả, buổi phát thanh các nước xã hội chủ nghĩa anh em, lại còn có lúc *Hải Phòng công pô thôi*¹, rồi tiếp âm đài Mạc Tư Khoa, đài Bắc Kinh nữa. Cả nhà tôi, kể cả các cháu còn bé tí cũng thuộc lòng các khúc nhạc hiệu cho mỗi chương trình. Ví dụ như khi nghe tiếng chuông điện Kremlin ngân nga: *Bầu trời Âu Xô Liên là nơi biết bao người*, cháu Hải Yến mới lên hai tuổi giục tôi vì tôi đã hứa đèo cháu đi chơi:

- Đi! Bố! Đài Tư Hoa (Mạc Tư Khoa - cháu nói ngọng) rồi. Muộn rồi.

Một đêm Vũ Thư Hiên ngủ ở nhà tôi. Sáng hôm sau, tung chăn dậy, nhìn ra cửa sổ, nghe tiếng loa từ Ngã Sáu vọng vào, Hiên nhú mày bảo tôi:

- Hình như tao đã gặp buổi sáng như thế này ở đâu rồi.

Đúng là tiếng loa đã có từ lâu lắm rồi. Nó đã ngấm vào máu thịt, như là tiền kiếp vậy. Bao nhiêu năm chúng tôi đã nghe những bản nhạc hiệu ấy, những giọng nói đánh thép mở đầu ấy và cả những giọng điệu trong nội dung người viết người đọc nữa. Nó đã biến thành một phần của chúng tôi. Nhưng tôi nghĩ cuộc đời đâu chỉ có mỗi chuyện nghe phát thanh. Còn nhiều việc phải làm nữa chứ. Như chuyện các cháu học bài. Tiếng loa thường xuyên quấy rối các cháu. Thường xuyên ngày này sang ngày khác, năm này sang năm khác, nghe tất cả các buổi

¹ Buổi phát thanh tiếng Quảng Đông.

phát thanh với một cường độ âm thanh sung mãn nhất và chắc chắn cao gấp nhiều lần so với quy định cho thính giác, với tôi đó là tra tấn. Ấy thế mà có những buổi sáng trở dậy, thấy tĩnh lặng quá chừng, tôi không hiểu thiếu một cái gì, mãi mới biết là thiếu tiếng loa phát thanh, tôi lại thấy nhớ nhớ. Thì ra con người ta có thể nhớ cả sự tra tấn. Gần đây thành phố Hải Phòng đã cho ngừng hoạt động hệ thống loa công cộng trong nội thành. Tôi cho đây là một biểu hiện trong việc xây dựng thành phố văn minh, một bước nâng cao chất lượng cuộc sống.

Mười giờ rưỡi đêm kết thúc những buổi phát thanh đại loại như *Văn nghệ, Tiếng Thơ, Tổ quốc ta tươi đẹp...* Với hệ truyền thanh công cộng, đó là buổi phát thanh cuối cùng trong ngày. Không gian như sôi lên xèo xèo rồi rơi vào tĩnh lặng. Một thứ tĩnh lặng thoạt đầu gần như khó hiểu, gần như tuyệt đối. Tôi ngồi vào bàn làm việc và hiểu rằng đã đến lúc mình hoàn toàn là của mình, mình sẽ làm việc với kết quả tối đa.

Hình như thành phố dạo ấy ngủ sớm hơn bây giờ. Mười giờ rưỡi đã thấy yên tĩnh lắm. Hay chỉ là cái yên tĩnh do cảm giác tắt cả các loa truyền thanh trong thành phố vừa tắt tạo nên?

Ôi những đêm khuya hạnh phúc, im lặng tuyệt vời. Vợ con ngủ, một mình thức ngồi ở bàn làm việc, kéo cày. Ý thức về trách nhiệm người chồng, trách nhiệm người bố khi cả nhà ngon giấc, *có một người đêm khuya không ngủ.*

Stalin vĩ đại *thức canh cho thế giới hòa bình*¹. Mình thức làm việc, nuôi sống cái gia đình nhỏ bé của mình, nuôi sống những người mình yêu quý hơn cả cuộc đời mình. Mình viết về những gì mình yêu, những gì mình ghét, mình tái tạo cuộc sống tuyệt vời, những con người tuyệt vời mà gần họ bao giờ mình cũng thấy mình tốt hơn, giản dị hơn, muốn làm việc hơn.

Không có cả tiền mua một cái đèn bàn, hơn nữa mặt hàng đèn bàn năm ấy chưa được Ủy ban Kế hoạch Nhà nước đưa vào kế hoạch sản xuất, tôi có cách làm đèn bàn của riêng tôi. Cái bóng điện tròn ở giữa nhà, tôi nối dây dài ra một chút. Khi cái bóng điện được dùng làm bóng đèn buồng, tôi cuộn một đoạn dây điện lại, thả nó đứng vị trí giữa nhà.

Còn khi muốn nó là bóng đèn bàn, tôi chỉ việc thả đoạn dây điện ra cho nó dài thêm, kéo bóng về phía bàn, buộc nó vào một cái đinh đóng ở tường, rồi lấy tờ báo cuộn lại như hình cái búp bê, chặn bớt ánh sáng cho vợ con nằm ngủ. Thế là có một ngọn đèn bàn, một ngọn đèn viết. Thế là tạo ra trong căn buồng thứ ánh sáng mờ mờ chỉ có một ô sáng ở bàn tôi. Ô sáng chiếu vào khuôn giấy trắng giữa bàn, thiêng liêng trang trọng, kích thích tôi làm việc. Tôi viết. Im lặng. Ý thức được rằng mình đang làm một việc tốt đẹp nhất trong những việc tốt

¹ Thơ Chế Lan Viên: Có một người đêm khuya không ngủ. Thức canh cho thế giới hòa bình. Stalin ta đó.

đẹp. Ý thức về tài năng của mình, về sự non kém của mình. Ý thức về sự bất lực, về trách nhiệm và cứ muốn cưỡng lại những điều mình viết. Cuộc sống trên trang giấy sao mà gượng gạo, mờ nhạt. Vì tài năng. Và cũng vì cả những gì khác nữa.

Không hiểu các nhà văn viết như thế nào, tôi - một kẻ mới tập tọng vào nghề khi viết luôn có ở trước mặt một nhà phê bình, một nhà tuyên huấn và sau này có cả một nhà... công an nữa. Họ nghiêm khắc nhìn tôi.

Tôi đem điều ấy trao đổi với Nguyễn Hồng. Anh không nhận xét gì ý kiến của tôi. Nhưng anh nói:

- Mình lẩn lộn, mình nghiền ngẫm, mình đọc, có khi năm năm, chục năm mới xong một quyển sách, mấy ông phê bình đọc vài đêm xong sáng tác của mình, thế là các ông ấy phán. Nào là chưa sâu, nào là thiếu tính giai cấp, hiện thực bị phản ánh một cách phiến diện. Đến như *Những người thợ mỏ* của thằng Võ Huy Tâm mà cũng có nhà phê bình hạ một câu: “Có tư tưởng công đoàn chủ nghĩa”.

Anh tiếp sau một lúc suy nghĩ:

- Người phê bình phải hết sức thận trọng, không được quyết đoán. Thạch Lam khi nói về tôi cũng chỉ nói là *có lẽ, “có lẽ cái đặc sắc trong văn Nguyễn Hồng là màu sắc và sự rung động”*.

Tôi góp thêm:

- Cái kinh nhất là các nhà phê bình cứ đánh, cứ nói, còn các nhà văn không có chỗ nào để nói lại, để thanh minh...

Hôm ấy Dương Tường cũng có mặt ở nhà tôi. Đôi mắt cười sau cặp kính cận dày cộp. Tường bảo:

- Tôi đọc cái này cho anh Hồng với Tấn nghe nhé.

Tường giở cái túi vải tùy thân, rút ra tờ *L'Humanité* (*Nhân đạo* - cơ quan trung ương của đảng Cộng sản Pháp. Ngày ấy mang trong người tờ báo này cũng là nguy hiểm. Một hành động đầy nghi vấn, có hơi hướng của chủ nghĩa xét lại):

- Tôi đọc đoạn Yevtushenko sang Pháp cho các anh nghe. Thú lắm.

Và Tường đọc thẳng ra tiếng Việt:

- Đây là lời Yevtushenko - Tường nói - “Thế là tôi đến Paris, trong túi không một đồng franc, trong mồm không một câu tiếng Pháp. Ở Paris, một đêm tôi dạo chơi trên bờ sông Seine. Một đám người đang đi lại phía tôi, ca hát rất vui nhộn. Tay họ cầm những con dao bầu, dao nhọn, những cái kéo, những cái dùi, tất cả sáng loáng, đánh vào nhau xúng xoảng. Nhìn họ, tôi đinh ninh đấy là những nhà phê bình văn học. Mãi tới khi nói chuyện với nhau bằng thứ ngôn ngữ quốc tế, nghĩa là làm điệu bộ, tôi mới biết họ làm ở lò sát sinh”.

Tất cả chúng tôi cười phá. Cả ba cùng giàn nước mắt. Tôi nhận xét:

- Thì ra không riêng ta. Bên Liên Xô những người sáng tác cũng chẳng ưa gì các nhà phê bình.

- Đâu cũng vậy thôi. Bởi vì phê bình như thế ấy mà.

Nguyên Hồng chậm rãi nói giọng buồn buồn. Rồi anh lại cười khinh khích:

- Ông Tuân. Chúng nó cứ đe ông Tuân là khi ông ấy chết, chúng nó sẽ chôn bên cạnh một nhà phê bình, ông ấy sợ lắm. Đã có nhà phê bình nói văn Nguyễn Tuân chỉ để cho bọn ăn không ngồi rồi, bọn bóc lột, bọn tiểu thương đọc. Đó không phải là văn công nông binh. Tôi cũng chết vì bài *Phở* của ông ấy.

Nguyên Hồng lại cười. Khi hoạn nạn đã qua đi, người ta thường cười. Mấy năm sau Nguyên Hồng nói với tôi là trong bài tựa *Tuyển tập Nguyên Hồng* in ở Mạc Tư Khoa, Nguyễn Tuân có nói đến chuyện ấy, chuyện bài *Phở* của Nguyễn Tuân làm ông chủ bút báo *Văn* phải lòi thối. Đi Helsinki họp hội đồng Hòa bình Thế giới, ở cái xứ Phần Lan tuyết trắng, Nguyễn Tuân nhớ tổ quốc và nhớ... phở. Phở về mùa nóng ăn xong vã mồ hôi. Đứng chỗ luồng gió, mát tình người. Phở về mùa rét, ăn rồi đi ngủ như đắp thêm một cái chăn bông. Lại còn phở cho trẻ con chỉ có thịt, bánh, không có chanh, ớt, tuổi trẻ vội gì đã bắt chúng nếm vị chua cay. Và còn tía tót: Tên hiệu phở thường chỉ gọn một tiếng, phở Đất, phở Giời, nó như nhát dao ấn xuống miếng thịt bò chín, chẳng thấy có tên hiệu phở nào dài như Công Tôn Nữ Nhân Lan. Rồi đến

một thú mữ ai đội cũng không được, trừ ông hàng phở. Đó là mữ phở. Đố biết thế nào gọi là mữ phở... Chưa hết. Nguyễn Tuân còn lên án các loại phở ba ba, phở tắc kè v.v... nghĩa là loạn phở, phở nổi loạn¹.

Nhắc lại chi tiết này chúng tôi cùng bái phục Nguyễn là nhà tiên tri. Thực tế lúc đó đã vượt xa dự đoán của Nguyễn Tuân rất nhiều: Phở tép, phở rau, phở không người lái... Tất cả đều có tên là *phở cải tiến*.

Mấy năm gần đây, người ta đã đánh giá lại bài *Phở*. Không phải là đi vào những đề tài tụn mủn, vụn vặt của cuộc sống, tùy bút *Phở* nói về sự ăn uống, một đặc trưng văn hóa của dân tộc. Nó là bước kế tiếp *Hà Nội băm sáu phố phường* của Thạch Lam.

Thanh minh cho tác giả Nguyễn Tuân, cũng đồng thời là thanh minh cho chủ bút Nguyên Hồng. Chỉ tiếc Nguyên Hồng không còn nữa. Anh không biết rằng rút cuộc người ta đã hiểu anh, rằng anh chỉ muốn *ngay cả trong những hình thái sinh hoạt bình thường của cuộc sống cũng gạn chặt được những nét đậm đà thâm thiết, rút ra được ý nghĩa làm cho thấy cuộc sống phong phú hơn, cần phải bảo vệ hơn, cần phải xây dựng tốt đẹp thêm*².

¹ *Phở* của Nguyễn Tuân. (Tôi ghi theo trí nhớ). Trong lần tái bản này, tôi đã đọc lại *Phở* và thấy mình đã nhớ sai ít nhiều. Nhưng tôi vẫn không sửa lại. Chẳng qua chỉ muốn giữ nguyên tình yêu với Phở-bị cấm, Phở-không-được-đọc-lại. Phở-tưởng-tượng-thêm mà thôi.

² Báo Văn - Nguyên Hồng (theo trích dẫn của Nguyễn Đình Thi (Một số vấn đề đấu tranh tư tưởng trong văn nghệ - Nxb Văn Hóa).

Trong câu chuyện giữa chúng tôi, Nguyên Hồng hay nhắc đến Nguyễn Tuân. Ít thấy đôi bạn thân thiết nào lại khác biệt nhau đến thế. Một người phá đình phá chùa. Một người tô tượng đúc chuông¹. Khác nhau từ hình thức, cách ăn mặc, đi đứng, giao tiếp. Khác nhau từ thế giới nhân vật, văn phong. Một người là *Ấm trà trong sương sớm. Chém treo ngành. Một chút tiểu sử và một bản lý lịch, Chiếc lư đồng mắt cua*. Người kia là *Bỉ vỏ, Quán Nài, Địa ngục, Buổi chiều xám, Sóng gấm...* Khác nhau hoàn toàn về tính cách. Tính cách ngoài đời và tính cách trong văn chương.

Nguyễn Tuân kên kiệu, sang trọng. Nguyên Hồng thoải mái, giản dị. Tôi nhớ một lần Nguyên Hồng thoải thác được một bữa tiệc long trọng, hơn hờ dựng “Cún” ở cầu thang, lên gác:

- Nhà ăn chưa?

Tôi ngạc nhiên:

- Ăn rồi anh ạ. Sao? Sau hội nghị có chiêu đãi cơ mà. Để tôi bảo nhà tôi làm món gì anh ăn.

Anh không đồng ý và bắt tôi đi theo anh, “dừng hành bà ấy nữa”. Chúng tôi ra phố Ga. Anh dừng xe sà xuống một bà bán ổi ương. Cho ổi vào túi, chúng tôi đến một cửa hàng mậu dịch ở gần ga. Cái khách sạn Hòa Bình vừa tối vừa chông trơ những bàn granite vuông.

¹ Nguyễn Tuân nói rằng mình là người phá đình phá chùa, còn Nguyên Hồng là người tô tượng đúc chuông.

Anh mua bia và hỏi mượn cô mậu dịch viên một cái đĩa men.

- Đĩa không thôi chị ạ. Để chúng tôi đựng thức nhắm mà.

Chúng tôi mang ổi ra rửa ở vòi nước công cộng. Tay ướt đẫm, chúng tôi mang ổi vào để lên chiếc đĩa men. Cô mậu dịch viên tròn mắt nhìn món nhắm của chúng tôi. Chúng tôi uống bia. Hàm răng chắc của chúng tôi tách những miếng ổi kêu giòn. Anh ngả người trên ghế:

- Thế này có sướng không. Ở đây bây giờ đang nâng cốc, đang diễn văn đấy.

Quả thật, chúng tôi hoàn toàn là mình. Được hoàn toàn là mình sung sướng biết bao. Không ai biết chúng tôi là ai. Tôi đã hẳn. Còn ở các bàn bên, những khách ăn uống chẳng ai biết anh là Nguyễn Hồng, cái ông khách da nâu, quần áo nâu, quê mùa đang uống bia nhắm ổi ương kia!

Đó là chuyện Nguyễn Hồng ăn mà tôi được chứng kiến.

Còn đây là lời Nguyễn Tuân nói về Nguyễn Hồng mặc mà tôi được đọc.

“Trong cư xử Nguyễn Hồng xuề xoàng và càng xuề xoàng về ăn mặc. Một người bạn tôi, trước là chủ hiệu may và giờ là xã viên đứng đầu của hợp tác xã may mặc Hà Nội đã nói trộm với tôi về nhà văn Nguyễn Hồng mà ông ta thích đọc: ‘Nguyễn Hồng có tính lập dị không?’

Đi ra nước ngoài không biết mấy lần rồi mà sao giày, mũ, quần áo ông ta trông cứ như người mu dích Nga trước cách mạng tháng Mười ấy! Ai ở thủ đô mà cũng cứ quần áo như thế thì chúng tôi thất nghiệp hết sao. Không phải nhà văn phải mặc theo thời trang mốt nọ mốt kia, mà ý tôi muốn là được cắt cho ông ấy một bộ quần áo gọn gàng, ông nói ông ấy cứ đưa mấy thước hàng lại, tôi không tính tiền công may đâu, chính tay tôi đo lấy, cắt lấy, may lấy, gọi là tỏ cái tình của một người độc giả cũ ngày nay vẫn còn mê văn Nguyễn Hồng’. - ‘Thôi ông ạ, ông bạn đồng nghiệp của tôi không bận tâm về quần áo, mặc thế nào cũng xong, xuềnh xoàng quen đi rồi. Tính ông ta thế, tốt thực đấy, nhưng không nên đụng vào chuyện này’”.

Và Nguyễn Hồng đã kể lại cho tôi nghe những ngày Nguyễn Tuân ở Mạc Tư Khoa như sau: Viết lời tựa cho *Tuyển tập Nguyễn Hồng*, được nhuận bút, Nguyễn Tuân đi mua rượu uống với cha con Simonov và mua một cái áo măng tô Pháp may theo mốt Paris mới nhất hồi đó. Cả hai cha con Simonov đều khen Nguyễn là *nốp*¹, là *ê lê găng*², Nguyễn càng duyên dáng, tự tin và trí thức hơn bất kỳ lúc nào trong cái áo măng - tô mới.

Nguyễn Hồng rất yêu quý Nguyễn Tuân và cũng vì biết tôi yêu quý tác giả *Vang bóng một thời* nên trong câu chuyện với tôi, Nguyễn Hồng hay kể về Nguyễn Tuân.

¹ noble: quý tộc (tiếng Pháp)

² élégant: phong nhã (tiếng Pháp)

Chuyện một buổi chiều Nguyễn Tuân đi bách bộ quanh hồ Gươm, điều thuốc lá trên môi, không nghĩ ngợi, hết sức thanh thản, cảm thụ cuộc sống bằng tất cả mọi giác quan. Bỗng có một chàng trai đi ngược chiều, đưa tay lên rút điều thuốc Nguyễn Tuân đang ngậm. Thấy có người giật điều thuốc của mình ra khỏi miệng, Nguyễn Tuân sững lại, ngơ ngác, không còn hiểu chuyện gì xảy ra nữa. Anh thanh niên đứng dừng ngay trước mặt ông, mỗi lửa vào điều thuốc của mình, nhả khói và cầm trả lại điều thuốc lá của Nguyễn Tuân vào mồm Nguyễn Tuân, vẫn không nói một lời, đi thẳng. Không thể tiếp tục cuộc dạo chơi quanh hồ được nữa, Nguyễn Tuân về nhà nằm thẳng cẳng. Lại một chuyện khác: Nhân ngày 19 tháng 12 kỷ niệm toàn quốc kháng chiến, Nguyễn Tuân cùng Nguyễn Huy Tưởng và Nguyên Hồng rủ nhau vào một cửa hàng mậu dịch ăn uống, ôn lại những kỷ niệm về Hà Nội những ngày đầu kháng chiến, cô mậu dịch viên vắt lên bàn trước mặt ba người một nắm cùi dĩa, phóng sét “như người ta vắt xẻng cuốc ở công trường”.

Nguyên Hồng gọi Nguyễn Tuân là ông già quái quỷ.

- Tiếp Abraham (chủ nhiệm tạp chí *Châu Âu*), ông Tuân nhất định không nói tiếng Pháp. Cứ đòi phải có phiên dịch. Cuối cùng phải có một phiên dịch. Phiên dịch Nguyễn Đình Thi: Tổng thư ký Hội Nguyễn Đình Thi làm phiên dịch! Quái quỷ! Mà không chịu tiếp ở cơ

quan, khách sạn. Tiếp ở nhà! Không Martell, Napoleon. Rượu lậu! Rượu nếp lậu! Với bánh chưng, giò lụa, chả quế, hành nén. Vay tiền của Hội để tiếp. Trả sau. Bất Nguyễn Đình Thi dịch lại sự tích bánh chưng, về những nghệ nhân giã giò và nghệ thuật làm giò lụa, về miếng chả quế có lớp ngoài bong ra như lớp bì dính vào miếng thịt dất. Quái quỷ!

Thường cứ sau tiếng “quái quỷ” là một chuỗi cười dòn. Tiếng cười sáng khoái nhất của anh.

Lại còn chuyện Nguyên Hồng chơi cờ với Nguyễn Tuân mới thật là “quái quỷ”. Cho đến bây giờ mỗi khi ôn những kỷ niệm về Nguyên Hồng, Nguyên Bình vẫn còn nhắc lại với tôi chuyện ấy.

Ngày ấy tôi và Nguyên Bình hay chơi cờ với nhau. Ngày ấy chúng tôi còn trẻ, quỹ thời gian còn nhiều, chưa phải tính toán những ngày còn lại. Nên “bỏ bèn chi đối đôi ta phao phí một hai giờ” (Mayakovsky). Nhà tôi lại có bàn cờ tướng. Trình độ của chúng tôi kẻ tám lạng người nửa cân, nghĩa là đã qua được kiểu chơi cờ vô, cờ lừa, nên cuộc chiến thường rất gay go.

Ôi! Những phút giây suy nghĩ lao lung. Trí tuệ căng thẳng tập trung vào những quân cờ, không biết gì đến chung quanh. Tôi sắp bị mất xe, quân cờ mạnh nhất trong các hàng sĩ tốt, kết quả nước pháo tuần hà sở trường, hiểm hóc của Nguyên Bình và sự hắc lờ của tôi. Phải tìm cách thoát khỏi nỗi đau này.

Không có tình thế nào là tuyệt vọng. Tôi cố nghĩ kế thoát hiểm. Còn Nguyên Bình triển miên với thắng lợi, thừa thế tính những nước tiếp theo.

Bỗng một bàn tay của ai đó thò vào bàn cờ, nhắc quân tượng của tôi đi một nước để tránh thế pháo nổ chiếu bí. Chúng tôi quay ra: Nguyên Hồng! Anh đến từ bao giờ và đang im lặng xem chúng tôi đấu trí. Anh ngồi xồm, chòm râu thưa tì vào một cánh tay khoanh trên gối suy nghĩ, tay kia ngấp ngừng đưa trả quân tượng về chỗ cũ. Anh đã nhận ra cây xe của tôi đang là mối ngon cho cây xe của Nguyên Bình.

Nguyên Bình thở dài đầy thương cảm với tổn thất của tôi, một tiếng thở dài đầy chất đạo đức giả:

- Thế là mất cả xe cộ!

Chúng tôi toan dừng cuộc chơi để tiếp anh, nhưng anh xua tay, ý nói: “Cứ tiếp tục đi”. Anh ngồi chầu rìa, khi mách nước tôi, khi mách nước Nguyên Bình. Ván cờ kết thúc với thắng lợi của Nguyên Bình. Và Nguyên Hồng vào chơi thay tôi.

Té ra Nguyên Hồng đánh cờ rất dở. Anh thua Nguyên Bình chỉ sau hơn chục nước đi.

- Minh loại ruồi. Không chơi được với các ông. Võ sĩ hạng nặng.

Rồi:

- Minh chỉ chơi cờ với ông Tuấn được thôi.

Chúng tôi hiểu ngay rằng sắp được nghe một câu chuyện thú vị. Chuyện hai ông già đáng yêu đây cá tính ấy chơi cờ. Nguyên Hồng đọc được vẻ háo hức của chúng tôi. Anh kể:

- Chúng mình không chơi như các ông. Bàn bàn cờ xong đôi bên đều nhường nhau: Mời ông đi trước. Mời ông đi trước. Tất nhiên mình phải đi trước vì ông Tuân muốn thế, ông muốn nhường bạn một nước. Mình nghĩ. Nghĩ lâu. Và quyết định đi nước đầu tiên: Ấn tốt ba. Ông Tuân quả là sành cờ. Ông đánh giá đúng nước đi ấy và thán phục: Cao! Cao! Ông nghiêng ngả triển miên, thỉnh thoảng lại xuýt xoa: Cao, cao, khen nước tốt khai cuộc của mình. Ông Tuân rất sợ tốt. Các ông còn nhớ không nhỉ. Trong một sáng tác ông Tuân đã cho tốt lùi đấy. Ông rên rĩ: Con tốt này sắp sang sông đây. Mà nó sang sông là thành một con xe đây. Thành con xe nhưng nó vẫn là con tốt nên nó rất liều mạng. Cái đồ tiểu nhân đặc chí này. Nguy hiểm đây. Nguy hiểm lắm đây. Thế rồi ông ghềnh sĩ.

Đến lượt mình bật lên: Cao! Cao! Nước ghềnh sĩ rất hiểm. Để đưa pháo vào gọng sĩ đây. Rồi sau đó sẽ ký pháo cản tượng. Cao, cao. Ông Tuân nhìn mình, cười đầy thỏa mãn rồi chậm rãi nhồi một tẩu thuốc, ngâm nga. Ông biết mình có phá được nước ghềnh sĩ của ông cũng còn lâu. Tất nhiên là lâu. Nhưng rồi mình cũng nghĩ được. Chẳng còn nước nào khác, ngoài nước lên tượng. Thấy

mình vén tượng, ông Tuấn hoảng: Không thể đánh được với ông này. Cao, cao.

Chúng tôi cười bò. Nguyên Hồng cố nén cười, thuật tiếp ván cờ giả vờ ấy, cuộc đấu giả vờ ấy. Cả hai ông cùng ngồi xồm lên, suy nghĩ căng thẳng trước mỗi nước đi và luôn miệng khen nhau cao! cao! Cho đến khi mãn cuộc.

Nguyên Bình rên rí:

- Hai cụ chơi như vậy mà cứ luôn miệng khen nhau cao, cao thì thật là những bậc chí thánh.

Nguyên Hồng vừa lau nước mắt vừa nói:

- Cuộc chơi, cuộc vui các cụ tặng nhau thế còn được. Chứ cuộc đời, cuộc viết cũng tặng nhau như vậy, chỉ có ăn cảm hết.

Chúng tôi cùng xuýt xoa: Cao! Cao! Cả ba cùng cười vang. Và Nguyên Hồng lại cười - khóc.

Không chỉ kể chuyện Nguyễn Tuấn, Nguyên Hồng còn tặng tôi một kỷ vật về Nguyễn.

Một hôm, từ Hà Nội về, đến tôi, sau một tuần trà, Nguyên Hồng nói:

- Có cái này. Có cái này cho Tấn.

Đôi mắt anh long lanh, miệng tùm tùm cười, vẻ mặt đặc biệt sáng khoái. Rõ ràng anh rất biết giá trị món quà của mình, anh biết món quà của anh làm tôi vui.

Anh lục cặp, cái cặp chứa đầy bản thảo phồng căng, miệng vẫn cười cười, rút ra một cái phong bì đưa cho tôi

và cười ha hả. Tôi thật bất ngờ. Và sung sướng đỡ lấy cái phong bì. Nguyên Hồng trở lại im lặng. Cả hai chúng tôi lặng ngắm cái phong bì có nét chữ Nguyễn Tuân. Trong một cuộc họp Hội Nhà văn, thêm rượu, Nguyễn Tuân lấy của Nguyên Hồng một cái phong bì, vẽ trên đó một cốc rượu, dưới đề “à votre santé, monsieur Nguyên Hồng”¹.

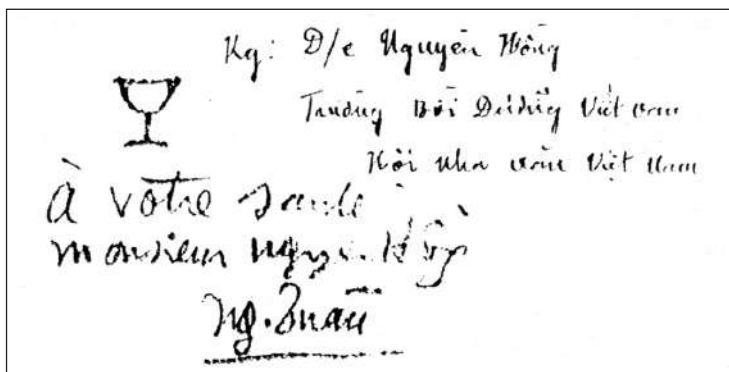
Trả lại cái phong bì cho bạn, Nguyễn Tuân nháy mắt, hất đầu ra phía cửa như muốn hỏi: Đi chứ? Cái phong bì đã cũ, mặt sau Nguyên Hồng ghi những việc phải làm trước khi đi công tác.

- Tìm lại bản hợp đồng và Bì vò.
- Cất buộc lại các sách tài liệu, đem đi một số.
- Cất chén, bát, cây, cột.
- Hỏi tin Trà.
- Đưa chùm chìa khóa cổng hội.
- Buộc lại chai lọ, rang lạc.
- Dặn dò các con.
- Khâu quần đùi.
- Để lại tem vải (..).

Rõ ràng cái phong bì anh không định cho tôi. Nhưng rồi anh đã cho.

Một cái phong bì nhưng tôi có được kỷ niệm của hai nhà văn lớn.

¹ Chúc sức khỏe ngài, ngài Nguyên Hồng.



Bút tích của Nguyễn Tuân gửi Nguyễn Hồng.

*

Cái phong bì Nguyễn Hồng cho tôi ấy là phong bì của nhà xuất bản văn học “Kính gửi đồng chí Nguyễn Hồng. Trường bồi dưỡng viết văn, Hội Nhà văn Việt Nam”.

Trong một thời gian dài Nguyễn Hồng phụ trách trường bồi dưỡng những người viết văn trẻ, tiền thân của trường Nguyễn Du ngày nay. “Ông đốc Hồng”, bè bạn gọi đùa anh như vậy, anh cũng tự nói đùa về mình như vậy.

Không hiểu anh dạy dỗ các bạn tôi ở trường như thế nào. Về với tôi, anh chỉ nói chuyện vui, chuyện đời, chuyện trong làng văn. Anh đọc cho tôi nghe mấy câu thơ lãng mạn của Huy Cận. Anh kể chuyện anh nhờ một cô gái đan cho anh một cái áo len để anh tặng người yêu, nhưng rồi chính cô gái anh nhờ đan áo ấy lại trở thành vợ

anh, chị Nguyễn Hồng bây giờ. Anh kể chuyện khi *Bỉ vớ* được giải thưởng, anh mới 17, 18 tuổi đi ngang qua Hôtel du Commerce, nay là khách sạn Hữu Nghị, các gái nhảy đã nhận ra anh và lôi anh vào bar như thế nào.

- Hồi ấy có hai người còn ít tuổi mà nổi tiếng. Đó là Xuân Diệu và tôi.

Nguyễn Hồng chỉ kích thích tôi làm việc chứ không dạy tôi nghề viết. Nói đúng ra, có một lần. Mà cũng chỉ là vui câu chuyện.

Khoảng 24, 25 Tết năm ấy, Nguyễn Hồng về nhà tôi. Anh mang theo bức tranh Tết vẽ những tiên đồng đầu để trái đào. Màu hoa đào, màu xanh lục của quần áo, những dáng bộ cách điệu, cây xanh mang trái hồng... Tranh in trên giấy dó. Anh ngắm nghía căn buồng của tôi, rồi dán bức tranh lên tường phía trên cái đôn bằng gỗ gụ có trạm nho sóc. Đó là vật duy nhất của nhà tôi trước cách mạng còn sót lại. Tây đã đốt hết cả.

Tôi chỉ thấy treo tranh Tết bây giờ hơi sớm. Vì còn những gần một tuần nữa mới đến Tết. Mọi người còn đang trong giai đoạn chuẩn bị, nghĩa là thời gian tất bật, vất vả nhất.

Chúng tôi ngồi uống rượu với chả mực.

Cô gái bên hàng xóm, sát vách nhà tôi xô vào chỗ vợ tôi (lúc đó đã ăn xong) thì thảo nhờ vợ tôi đan giúp một mảnh thân áo len để kịp mặc Tết. Đó là một cô giáo xinh xắn đang tuổi yêu và đã có người yêu. Mỗi lần thức khuya

để viết, nghe tiếng guốc cô lên thang muôn, tôi lại thấy trong lòng ngân nga thơ Quang Dũng:

*... Những lúc chơi giăng đũa gió trở về
Tiếng guốc lên thang gác lạnh canh...*

Cô giáo đứng dậy ra cửa và lúc ấy mới để ý đến bức tranh. Cô kêu lên:

- Nhà anh chị có vẻ Tết quá rồi nhỉ.

Nguyễn Hồng bảo tôi sau khi cô giáo đã về nhà:

- Tấn thấy không. Chi tiết là vô cùng quan trọng. Nhất là một chi tiết đặt đúng chỗ.

Lại có lần anh kể cho tôi nghe về một người viết văn trẻ. Anh này say sưa giới thiệu với Nguyễn Hồng quyển tiểu thuyết còn đang nằm trong đầu mình, nói theo cách nói của các nhà văn là đang thai nghén.

- Quyển này của tôi sẽ có chiều rộng của bối cảnh, chiều cao của tư tưởng, và chiều sâu của nhân vật.

Nguyễn Hồng nheo mắt hóm hình nhìn tôi:

- Chiều rộng, chiều cao, chiều sâu, nhưng phải có chiều tiêu nữa chứ!

Tác phẩm phải tiêu hóa được. Tiêu chuẩn ấy Nguyễn Hồng đặc biệt coi trọng. Đừng sống sít, đừng khô, đừng nhão nhoét. Có thể gây ra bệnh đường ruột, bệnh dạ dày. Nghĩa là phải bảo đảm “chiều tiêu”.

*

- Ngày xưa Hải Phòng có nhiều sân vận động. Sân Bonnal, sân Rơ-nô, sân Phong Đại Thành, sân Football Stars có mái che. Sân Bonnal là sân trưởng thành của tôi.

Danh thủ Nguyễn Danh Túc từng lấy một thời bồi hồi nhớ lại chuyện cũ. Tất cả bốn sân bóng đều không còn, nhưng Túc chỉ thấy nhớ sân Bonnal. Và Nguyễn Hồng cũng chỉ nhớ sân ấy. Bãi Bonnal là một dải đất chạy dài giữa trung tâm thành phố, một bên là phố Trần Phú, một bên là phố Quang Trung, đầu này giáp vườn hoa Nhà kèn đầu kia chạm tới quảng trường nhà hát thành phố. Nó chính là vườn hoa Nguyễn Bình Khiêm bây giờ. Bãi Bonnal là tên gọi chung cho cả hai sân bóng: Sân Máy Đền và sân Bonnal.

Nguyễn Hồng đã ngồi ở đó không biết bao nhiêu buổi chiều, kể từ khi mới từ Nam Định theo mẹ ra Hải Phòng, lúc kéo lê đôi guốc cùn đi xin việc ở các sở, hay khi dạy học ở xóm Cấm.

Nguyễn Danh Túc cả quyết:

- Nhà văn Nguyễn Hồng có đá bóng. Ông đá hậu vệ cho một đội bóng ở Nam Định đấy. Chỉ trực tiếp đá bóng mới hiểu hết các ngón nghề của anh em chúng tôi. Mới mê đi đến mức ôm chầm lấy những người bên cạnh mà hôn, không biết người ấy là phụ nữ như ông Nguyễn Hồng đã làm trong sân vận động Kharkov.

Phá sân Bonnal cả hai đều thấy tiếc. Đều thấy là một tổn thất cho phong trào thể thao, nhất là phong trào

bóng đá của Hải Phòng. Nhưng chẳng thể nào khác được. Phải biến sân vận động này thành cây xanh, nối tiếp với hai đầu cũng là cây xanh, liền một dải, thành lá phổi của thành phố ngày một đông đúc, ồn ào, bụi bặm. Bởi vậy Nguyễn Danh Túc chỉ biết thở dài, và Nguyễn Hồng im lặng.

Nguyễn Hồng hiểu sự cần thiết của dải cây xanh đó. Khi người ta dựng cột pha, chuẩn bị cho việc đổ cột, đổ mái bê tông trùm lên vỉa hè ngã tư Minh Khai - Hồng Bàng, biến khu bách hóa tổng hợp Minh Khai thành một thứ Gò-đa thu nhỏ thì Nguyễn Hồng cuống cuống lên. Anh cảm thấy người ta đang phá vỡ sự hài hòa của đường phố.

Anh viết thư lên ông bí thư Thành ủy, ông chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, anh viết thư gửi báo *Hải Phòng*, Sở Nhà đất, Sở Xây dựng... Ngày ấy cuộc sống của tôi đang cực kỳ khó khăn. Biết tôi không quan tâm đến một điều gì khác ngoài kiếm sống, Nguyễn Hồng vẫn không kìm nén được những điều cần thổ lộ.

- Đường Hồng Bàng là đường phố đẹp nhất Hải Phòng. Ngã tư Hồng Bàng - Minh Khai là ngã tư đẹp nhất. Người ta đang làm hỏng nó.

Rồi lại:

- Đường Hồng Bàng có thể sánh với những đường phố đẹp nhất Praha.

Khi phá sân Bonnal, chuyển nó thành công viên, anh không cuống cuống lên, mặc dù sân bóng với anh có biết bao nhiêu kỷ niệm...

“Sân Bonnal là sân trường thành của tôi”. Nguyễn Danh Túc nói vậy. Sân Bonnal còn là sân trường thành của bao danh thủ bóng đá Hải Phòng khác: Những Đức-tàu-bò, Dịp đè-người, Kính trâu, Mùi Phố, những Mạc, Giống, Chi...

Những trẻ em cù bơ cù bất, những trẻ bán báo, bán lạc rang, bán kem, đánh giày, đánh mũ, những học sinh tan học quẳng guốc, quẳng cặp vào một góc, lao vào sân tranh nhau quả bóng tròn. Hò hét, bụi bặm, mồ hôi, lẫn lóc nhưng biết bao sôi nổi, biết bao hào hứng. Chỉ một loáng người xem đã vòng quanh kín sân vận động. Đám khán giả cũng sôi nổi hò hét, bình luận, khen ngợi, chê bai, cũng ủng hộ đội này, dèm pha đội khác... Họ là những người tan tâm làm chiều, những anh đập xích lô, những ông già đi mua thuốc ho ghé ngang qua, những em trai đi mua phở cho mẹ ốm ở nhà, cứ xách cái cặp lồng đứng ngây ra nhìn người, nhìn bóng, những người đi dạo tìm nơi đông đúc ồn ào, những người nghiện bóng, những hooligan bóng đá...

Nguyễn Hồng bảo tôi:

- Chắc là ở Brazil phải có nhiều sân Bonnal lắm. Mình đoán vậy.

Có thể gọi sân Bonnal là sân Tình-Yêu-Bóng-Đá. Một cái sân ở ngay trung tâm thành phố, ngày nào cũng có người đá, ngày nào cũng có người xem. Sân ấy làm tăng lên mãi trong thành phố tình yêu bóng đá, môn thể thao của hành tinh.

Nguyễn Hồng với chiếc xe “cún” hay ngồi ở đó những buổi chiều. Dừng xe đập vào tường bao, bức tường chỉ thấp đến đầu gối, nghĩa là vừa bằng chiều cao của cái poóc-ba-ga xe cún, anh ngồi xếp bằng tròn trên mặt tường bao và poóc-ba-ga xe, cười nghiêng ngả. Có người biết anh nhưng làm như không biết, để anh được hưởng trọn niềm vui bình dị nhất của một người bình thường. Anh có thể tranh luận với bất kỳ ai về từng cầu thủ của các đội bóng, đặc biệt là đội bóng Hải Phòng. Tôi rất khâm phục kiến thức uyên bác của anh về mặt này. Anh có thể phân tích chiến thuật của từng đội trong từng trận, phẩm chất của mỗi cầu thủ như phân tích mặt mạnh yếu của từng tác phẩm, của mỗi nhà văn vậy.

Nguyễn Hồng đặc biệt yêu quý Nguyễn Danh Túc. Vì tài đá bóng của Túc. Và có lẽ còn vì cái quá khứ của Túc, nó rất gần với thế giới nhân vật của anh.

Ngày ấy ở đường Hồng Bàng (con đường mà Nguyễn Hồng coi là đẹp nhất Hải Phòng, có thể sánh với những con đường đẹp nhất Praha) chỗ gần đồng hồ Ba Chuông có một ông già bán cà phê, bánh mì sốt vang... thỏ. Dạo

ấy nào ai dám nghĩ đến thịt trâu, thịt bò. Nó là sức kéo, là sự phồn vinh của hợp tác xã, là ấm no của nông thôn. Sốt vang thỏ ông già nấu thật ngon, “thịt róc xương” như món thịt thỏ trong *Chuông nguyện hồn ai*¹. Cửa hàng ông có cái tên rất hay: *Cà phê - điểm tâm Bác Học*. Cũng chẳng có thêm chữ nghĩa kiến thức gì khi uống cà phê hoặc ăn sốt vang của ông. Ông tên là Học. Mọi người gọi ông là bác Học vì ông già, ít nhất là già hơn các cầu thủ bóng đá trong các đội tuyển Hải Phòng hồi đó. Thế là cửa hàng ông mang tên ông. Cửa hàng Bác Học. Ông Học gầy gò, má hóp. Cửa hàng ông như một cái ống hình hộp hẹp, dài và sâu. Tôi và Nguyễn Hồng thỉnh thoảng có lui tới đó. Điều lạ nhất là những chú thỏ. Chúng chạy nhảy trong cửa hàng, luôn dưới gầm bàn gầm ghế, quấn cả chân khách. Nguyễn Hồng vội co rụt chân lên ghế khi có một con thỏ nhảy vào góc chúng tôi ngồi: Quái quý! Ông Bác Học túm đôi tai dài của một chú thỏ giơ lên, lấy lòng bàn tay vỗ nhẹ vào gáy nó. Thế là thỏ nằm ngay đó. Ông đem cắt tiết và lột da, có lẽ không quá một phút đã xong một con.

Chúng tôi đến đó không phải vì món sốt vang thỏ, dù nó rất ngon và nổi tiếng. Điều hấp dẫn Nguyễn Hồng là ở khía cạnh thể thao. Ông Bác Học thực sự là một ông bầu của bóng đá Hải Phòng, có thể coi như ông Tapie của Olympique de Marseille hay Berlusconi của

¹ Một sáng tác của E. Hemingway (Nobel Văn học).

AC Milan. Tất cả tiền lãi của Cà phê - điểm tâm Bác Học, ông dành để nuôi đội bóng Hải Phòng. Anh em cầu thủ đi về đó như đi về nhà mình. Ăn uống xong là đi tập. Đi tập về lại ăn. Rồi thì tham gia giặt thỏ, pha cà phê, rửa bát... Túc không nhà không cửa ngủ luôn ở đấy. Ông coi Túc như con. Ông coi tất cả anh em cầu thủ như con. Đội bóng Hải Phòng đi đấu ở các nơi đều có mặt ông. Nếu đá ở Hà Nội ông đi lên bằng xe đạp. Ông Bác Học cùng với ông Đắc-ba-đầu-gối, trùm đua xe đạp Đông Dương, mỗi người một xe cuốc guồng dọc đường 5, tới chỗ đội nghỉ ngơi, động viên anh em, góp thêm ý kiến về chiến thuật, nhắc nhở từng cầu thủ (tất nhiên là chỉ góp ý, nhắc nhở ngoài rìa, khi không có huấn luyện viên) rồi đưa vé vào khán đài A hò hét đến khản cổ, cổ vũ đội nhà.

Ông Bác Học không biết người đi với tôi là Nguyên Hồng, nhưng Túc biết. Hai người biết nhau từ ngoài sân vận động. Nói đúng ra Nguyên Hồng biết Túc lâu rồi, nhưng Túc mới biết Nguyên Hồng sau trận ấy. Cái trận Công An Hải Phòng đá với Cảng Hải Phòng năm 1956. Túc và cả Đức tàu bò nũa đá cho đội Công An. Túc bay người đánh đầu vào lưới đội Cảng, mở tỷ số ở hiệp 1. Túc lộn mấy vòng và thấy nóng nóng ươn ướt ở mắt. Rách mắt. Phải ra sân. Túc lên ô tô vào bệnh viện khâu ngay. Hiệp 2 Túc đã có mặt trên sân. Nhưng dù có cố gắng đến mấy cũng không xoay chuyển được tình thế. Kết quả 3-2 nghiêng về đội Cảng.

Sau trận đấu, Túc vừa đau, vừa buồn. Có một người quần nâu áo nâu, đen đũi chen lách qua đám cầu thủ, bước tới kéo tay Túc:

- Đi. Đi. Uống rượu ăn thịt bò khô. Ngay đây thôi.

Túc nhìn người ấy, lắc đầu:

- Cám ơn bác. Mệt lắm.

- Hay ăn kem cốc? Ăn cốc kem cho nó mát. Cú Tết¹ tuyệt vời. Mặc dù mình ủng hộ đội Cảng nhưng cú Tết của cậu làm mình sững quá. Tết thế mới là Tết⁽¹⁾.

Túc kể người cổ động viên của đội Cảng, đi ăn kem cốc với người ấy. Mãi sau anh mới biết đó là Nguyễn Hồng, là nhà văn Nguyễn Hồng mà Túc đã đọc và thấy ông sao gần gũi.

Hai người quen nhau từ đấy. Nhưng phải đến năm 1958, Nguyễn Hồng mới hiểu hết tài năng của Túc. Sau khi thắng Thế Công 4-1, thắng đội tuyển Hà Nội có đầy đủ đội hình mạnh nhất, những Tí bố, Tông, Nghẽn, Thọ, Ve 4-0, đội bóng Bát Nhất (Trung Quốc) thừa thắng về Hải Phòng thi đấu với đội tuyển thành phố Cảng. Đội tuyển Hải Phòng thắng Bát Nhất 2-0. Cả hai bàn đều do Túc đưa bóng vào lưới. Phút thứ 20 hiệp 1 và phút thứ 40 hiệp 2. Đó là trận thắng giòn giã nhất của đội bóng chủ nhà với đội khách Bát Nhất.

Túc đá ở sân Bonnal từ năm lên mười tuổi. Túc mồ côi cha mẹ cũng từ năm ấy. Rời làng Hàng Kênh, Túc ra

¹ Đánh đấu.

thành phố bán báo: *Thời Cuộc, Lẽ Sống, Tia Sáng...* Cơm vĩa hè, tối bạ đầu ngủ đấy. Khổ nhất về mùa rét. Chui rúc gầm cầu, gió vẫn cú thông thống.

Bán báo đến trưa, chiều vào sân Bonnal. Đội bán báo đá với đội đánh giày. Đội đánh giày đá với đội bán kem. Nhiều khi chỉ đứng xem. Xem các đội đàn anh thi đấu. Đội Olympic, đội Thanh-niên Hải Phòng, đội Stars, đội Nam Sinh... Túc học được nhiều nhất cách đi bóng, cách che chắn bóng ở Túc Cầu Đại Vương trong đội Nam Hoa (Hong Kong).

Trận thất bại thảm hại của Túc và của đội tuyển Hải Phòng, tôi và Nguyên Hồng có được chứng kiến.

Lại cũng trên sân Bonnal. Lại cũng đông kín khán giả. Những khán giả khiêng bàn, xách ghế ở nhà ra tạo một chỗ ngồi. Những khán giả vất vẻo trên những cành cây cơm nguội vẩy quanh sân. Ngày ấy chưa có sân Lạch Tray mà người ta còn nhầm là sân Quần Ngựa. Đội tuyển Hải Phòng phơi áo trước đội Algeria 6-1. Tỷ số thật đậm.

Chỉ nhìn hai đội ra quân đã thấy thất vọng. Tôi ghé tai Nguyên Hồng:

- Ta thua mất rồi.

Đội Algeria với các cầu thủ cao mét chín, hai mét, nước da ngăm ngăm khởi động. Trông thật tiêu chuẩn hóa, trông thật tự tin, áp đảo, uy nghi. Các cầu thủ Hải Phòng chỉ đến vai họ. Chắc chắn họ có thể lực tuyệt vời,

quần nhau suốt chín mươi phút như không. Còn bên ta thì sao? Tôi như đã nghe thấy hai tiếng “thấm mệt” luôn được nhắc đến trong các buổi tường thuật tại chỗ, cũng như đọc trên các báo. Chúng ta quá nghèo, đến mức không nuôi nổi một đội bóng đủ sức đá 90 phút.

Nguyễn Hồng động viên tôi:

- Cao to là một lợi thế, nhưng ăn thua phải là kỹ thuật. Thời tạm chiếm ở sân Bonnal này, Túc đá với các đội bóng của Pháp, tất nhiên là lính thôi, nhưng chúng nó đá rất hay đấy. Nhiều cầu thủ chuyên nghiệp bị động viên vào lính. Đừng coi thường. Chính Túc cũng có một thời vào lính đá cho đội Ma-rin. Chúng nó kèm Túc rất chặt. Nhưng cứ bóng đến chân Túc là vào lưới. Mấy ông lính Tây cáu không đá nữa, đuổi đánh Túc. Dân phố thỉnh thoảng lại thấy một ông Việt Nam thấp bé chạy bán sống bán chết, đằng sau là mấy ông Tây cười trần, mặt đỏ gay hò hét đuổi theo. Không còn biết là chuyện gì nữa.

Chúng tôi cùng cười vì chi tiết thú vị ấy. Nhưng tâm lý thất bại vẫn cứ đè nặng. Tỷ số 1-0. Rồi 2-0. Rồi 3-0.

Mỗi khi bóng đến chân Túc, Nguyễn Hồng lại gào to:

- Túc! Túc! Cố lên! Túc!

Tôi than thở.

- Đội bạn cao thế Túc làm sao đánh đầu được!

Nguyễn Hồng quát lên:

- Nó đánh bằng tay đấy! Nó là chuyên *Tết* bằng tay đấy!
Tết - tay đi Túc!

Túc không đánh đầu bằng tay được. Các cầu thủ Algeria với chiều cao áp đảo đã hất bóng ra biên. Nguyên Hồng vẫn nhấp nhồm, nhấp nhồm, tay chỉ chỉ như muốn nói với Túc điều gì. Nhưng quả bóng đã được đá lên rồi.

Trận đấu kết thúc với tỷ số 6-1. Chưa bao giờ đội Hải Phòng thua đau đớn như vậy. Trên đường về nhà Nguyên Hồng mặt rầu rầu:

- Không còn Đức tàu bò, không còn Mùi Pố, không còn Te, Kính. Thua là phải thôi.

Với tôi, bóng đá chỉ là giải trí, tôi không cay cú như anh. Tôi nói giọng hài hước:

- Vấn đề là “học tập đội bạn” mà anh.

Anh lắc đầu:

- Mình thua Algeria là đúng. Nhưng đậm quá. Thi đấu mà cứ thua mãi thì buồn lắm. Nhục lắm. Cứ “học tập đội bạn” và “tình hữu nghị đã thắng” thì thi đấu làm gì?!

*

Nguyên Hồng đúng là người của chợ, vỉa hè, đường phố. Đồng chí bảo vệ cơ quan Hội Văn nghệ Hải Phòng nhiều lần đi chơi tối về thấy ông chủ tịch Hội, Nguyên Hồng trải báo nằm ở vỉa hè chờ mở cổng để vào nhà. Đồng chí bảo vệ tỏ ra ân hận vì về muộn, để anh phải chờ

đội thì nhận được câu trả lời thành thật nhất của Nguyên Hồng: “Không sao. Năm thế này cũng có cái thú của nó”.

Có rất nhiều dẫn chứng về chủ đề này. Thanh Tùng kể anh hay được Nguyên Hồng dẫn đi ăn cháo lòng ở chợ Sắt, “ăn ở đây mới nghe được nhiều chuyện mà viết”. Bà bán cháo lòng vẫn gọi Nguyên Hồng là cậu Hồng, thái độ rất thân mật, khiến Thanh Tùng nghi rằng đó là người tình ngày xưa của “cụ”.

Với tôi, Nguyên Hồng hay kéo đi chơi phố. Đi mà ngắm, mà nhìn, mà yêu cuộc sống. Đi thong thả trò chuyện và đi thong thả không trò chuyện. Một lần chúng tôi đi chơi vào buổi chiều hè, mặt trời đã lặn từ lâu, nhưng trời cứ sáng mãi không chịu tối.

Từ Ngã Sáu đi thẳng lên Hồng Bàng. Tới cầu Giổp, chúng tôi rẽ ra bờ sông Tam Bạc. Đây hình như là thế giới của anh. Đây là nơi Năm Sài Gòn, Tám Bính từng sống. Anh đi xe đạp chậm, rất chậm. Tôi hỏi anh sao không tái bản *Bỉ vỏ*. *Bỉ vỏ* được tái bản một lần, bán hết veo. Anh trả lời:

- Thôi. Phải làm cái khác thôi. Chẳng lẽ cứ bóc lột tô¹ Tám Bính mãi.

Những cảnh sinh hoạt gia đình bày ra trên đường phố bờ sông. Rửa rau, giặt giũ, nấu nướng. Ăn cơm mời chào đơn đả. Một thanh niên trên một chiếc sà-lan đang tắm.

¹ Một hình thức bóc lột của địa chủ ngày xưa: phát canh, thu tô (cho nông dân thuê ruộng, đến mùa lấy thóc)

Bọt xà phòng trắng xóa từ đầu đến chân, trông anh ta như đang ở trong một vỏ kén xốp, gió thổi mạnh bay đi từng mảng.

Nguyễn Hồng cười mãi:

- Yêu không hở Tấn?

Quành qua phố Bắc Ninh, chúng tôi về nhà hát thành phố. Thật bất ngờ: Quảng trường rộng, chật ních người. Nguyễn Hồng kêu lên:

- Cái gì thế, Tấn nhỉ?

Chúng tôi phanh xe, dừng lại ở vòng ngoài cùng. Thoạt đầu chúng tôi tưởng là những người tới nghe một buổi hòa nhạc nào đó, những người mê âm nhạc đến trước cả giờ biểu diễn. Nhưng khi nhìn thấy mấy cái máy quay đặt ở phía cửa nhà hát, chúng tôi biết đó là những người dự quay xổ số.

Tôi cũng có hai vé trong túi. Tôi muốn dừng lại, theo dõi vận may của mình.

Nhìn lớp lớp đầu người đang hướng về máy quay, im phăng phắc và bất động, Nguyễn Hồng giục tôi:

- Đi thôi.

Tôi ngoan ngoãn đi bên anh, nghe anh chép miệng:

- Tội nghiệp. Bao nhiêu người trông mong vào sự may rủi.

Tôi đặt tay lên túi áo sơ mi, mặt đỏ lên và muốn cãi lại anh, muốn bảo vệ cho những người đang đứng ở quảng

trường nhà hát. Muốn thanh minh cho việc mua xổ số như tôi đã nói với Nguyên Bình: “Ba hào mua một cái hy vọng. Rẻ quá còn gì nữa”. Và Nguyên Bình đã mắng tiếp tôi: “Làm sao mà lại bỏ ra ba hào mua một cái thất vọng. Trong khi mà đã đủ thất vọng rồi!”

Tôi vẫn mua. Vừa cho vé vào túi tôi vừa đọc Trần Dần: “*Chẳng cuộc tôm-bô-la vui nào mở trúng tên tôi*”.

Chẳng vận may nào đến với mình đâu. Nhưng vẫn hy vọng. Cuộc sống là phải hy vọng. Với lại con số tiền thưởng cứ đập vào óc tôi. Đó là cả một gia tài lớn. Tôi sẽ giải quyết được bao nhiêu việc. Một cái xe đạp cho vợ tôi đi làm, khỏi phải đèo nhau, đưa đón chờ đợi, nhiều khi lỡ hẹn. Mua thêm cái chăn bông. Có được bát phở khuya để ấm bụng mà ngồi viết...

Tôi nghèo và tôi hiểu Nguyên Hồng cũng chẳng giàu gì. Vợ con anh đang ở Hà Bắc. Không làm nông nghiệp lại không sổ gạo, không tem phiếu. Nhuận bút tái bản *Bỉ vỏ*, tái bản *Những ngày thơ ấu* chỉ là một cơn gió nhẹ vào căn nhà trống tuênh toàng của anh. Đã bao lần anh nói với tôi về niềm ao ước được đong gạo sổ.

Nhưng thôi. Tôi nhất định không phát biểu, không nói với anh rằng chính tôi cũng đang có hai vé xổ số trong túi sơ mi. Rằng tôi cũng đang trông mong vào sự may rủi. Có lẽ chưa bao giờ anh biết rằng tôi chơi xổ số.

Thế rồi khoảng một năm sau, trong một chuyến anh về Hải Phòng, chúng tôi lại đi chơi. Nhà tôi gần Ban xổ số

kiến thiết, ngay giữa phố Marechal Joffre theo cách nói của anh. Tức là phố Điện Biên bây giờ. Đi qua đó chợt anh kêu lên:

- Gượm. Tôi có cái vé xổ số. Để tôi so xem đã.

Chúng tôi dắt xe lên hè. Nhiều người đứng dò tìm các con số trên bảng thông báo. Anh cũng là một trong số họ.

Tôi không dò, không đối chiếu, không xem. Vì tôi không mua nữa. Tôi đã thử vận may. Và tôi đã biết vận may của mình. "*Chẳng cuộc tôm-bô-la vui nào.*". Tôi chả bỏ tiền ra mua thất vọng nữa.

Nguyễn Hồng quay ra. Anh xé tấm vé xổ số của anh. Chẳng hiểu sao, tất cả những vé không trúng đều bị xé. Có lẽ là để xé đi một niềm hy vọng. Đó là cái được phép làm của mỗi người đối với tấm vé mình mua.

Những mảnh giấy bay trắng mặt hè.

Chúng tôi lên xe đi không nói. Chúng tôi im lặng nhìn bánh xe lăn. Chiếc bánh xe nào cũng phải lăn từng vòng, không thể nào khác được.

*

Chiếc xe đạp của Nguyễn Hồng thật tận tụy với anh, đã cùng anh chia sẻ mọi vinh quang, cay đắng. Đó là chiếc xe thiếu nhi Liên Xô, khung ngắn, bàn đạp ngắn, ghi đông ngắn, người lớn ngồi trông như gấu, khi vận hành hai chân cứ nhoay nhoáy nhoay nhoáy, đầu gối chạm ghi đông. Nó còn một đặc điểm nữa là không đạp

ngược được. Quay ngược chiều ru-líp là phanh, là khựng lại. Nhưng thời ấy cũng phải bình chọn, cũng phải phiếu, có khi hàng trăm người mới được một chiếc, hơn nữa lâu lắm mới có một đợt phân phối. Giá cung cấp chỉ trăm đồng, mua xong bán được gấp gấp đôi.

Tôi cũng có một chiếc xe ấy. Nhưng xe của tôi mới cứng, do anh cả tôi tận Quảng Ninh mua phân phối giá cao cho tôi nghĩa là 150 đồng, nếu có bán chỉ được lời bốn chục. Xe của Nguyễn Hồng thuộc loại tàng tàng.

Mỗi lần đi đâu trên chiếc xe thiếu nhi Liên Xô, tôi cứ làm ra vẻ tự nhiên thoải mái, nhưng hẳn mọi người đều nhận thấy vẻ mắc cỡ của tôi. Tuy vậy nó cũng là một sự cải thiện lớn của gia đình tôi. Hai vợ chồng, mỗi đứa một xe. Bao nhiêu người thềm được như vậy.

Với chiếc xe thiếu nhi Liên Xô, tôi đã đưa vợ tôi đi học đại học tận Tam Dương Vĩnh Phú. Nhưng nó ở với tôi chẳng được bao lâu. Sau chuyến đưa vợ đi dùi mài kinh sử, lúc trở về nhà, tôi bị bắt. Vợ tôi phải bán nó.

Xe của Nguyễn Hồng han gỉ. Anh đi đến đâu là lũ trẻ ở đấy thềm thuổng nhìn theo. Khi anh dựng xe ngồi chơi ở bãi cảng, đã có nhiều em đến gạ gẫm: “Cho cháu đi một tí, bác nhé. Cháu đi quanh đây thôi”. Lại còn: “Hay bác cho cháu thuê. Cháu có hai hào đây”.

Nguyễn Hồng yêu quý chiếc xe đạp của anh như một người bạn trung thành. Anh đã kể cho tôi nghe không biết bao nhiêu chuyện về nó. Anh gọi nó là *Cún*, một tên

gọi thân yêu, ta thường gọi con cháu ta khi chúng còn nhỏ. Tôi rất giận cho trí nhớ của mình. Giờ đây tôi chỉ còn nhớ mỗi chuyện về anh với *Cún*.

Đó là một lần Thủ tướng Phạm Văn Đồng mời anh đến gặp. Anh cùng *Cún* đến Thủ tướng phủ. Anh cười: “*Cún* của tôi cũng oanh liệt lắm chứ có phải thường đâu”. Anh dắt *Cún* qua trạm gác, vào chỗ gửi xe. Toàn những xe sang trọng. Những Diamant, Junior, Sterling, Peugeot, bét nhất cũng là xe Thống Nhất. Lại còn bên ga ra ô-tô nữa mới kinh khủng. ZIL, ZIS, Volga, Pobeda, Moskvitch, cả Frégate, cả Citroën. Sáng loáng lên. Dù các màu sắc. *Cún* của anh sơn xanh xỉn, nhỏ bé đen đui, bùn đất. Hóa ra *Cún* lại nổi nhất mới chết chứ. Ai cũng nhìn chăm chăm vào *Cún*. Người ta đưa anh lên gặp Thủ tướng. Thủ tướng hỏi anh về tình hình văn nghệ, về đời sống anh em văn nghệ sĩ...

Khi ra về Thủ tướng tiễn anh xuống tận sân. Anh bắt tay Thủ tướng và dắt *Cún* đi qua những bồn hoa, những lối đi thẳng tắp đẹp đẽ uy nghiêm của dinh Thủ tướng, ra cổng và lên xe. Lại nhoay nhoáy nhoay nhoáy - quần áo nâu, chòm râu phơ phất. Lại hòa vào đám đông. Lại là một tế bào của đám đông lam lũ vất vả.

Việc ấy qua đi. Anh không nghĩ đến nữa. Thì một hôm, có một cán bộ lãnh đạo ngành thương nghiệp Bắc Giang đến Đồi Cháy gặp anh. Ông cán bộ ấy bắt tay anh một cách kính cẩn và đưa cho anh một cái phiếu phân phối

xe đạp Thống Nhất, xe loại một, giá cung cấp, kèm theo 310 đồng tiền mặt.

- Thưa anh. Thủ tướng Phạm Văn Đồng có giao cho chúng tôi chuyển đến anh món quà này của Thủ tướng tặng anh.

Cũng dễ hình dung ra sự bất ngờ của Nguyên Hồng và tôi còn nghĩ rằng anh khóc nữa. Nhưng nếu chuyện chỉ có vậy thì cũng không có gì đáng nói.

Ngày mua xe thật là một ngày hội. Mọi người mặt rạng rỡ nhìn chiếc xe dựng ở sân. Đó là cả một tài sản. Lại là xe loại một. Phần lớn phụ tùng đều là hàng ngoại. Giá trị cái xe tương đương một tấn rưỡi thóc. Nhưng không ai nghĩ đến chuyện bán. Đây là quà của Thủ tướng.

Nhưng ai đi? Các con anh nhao nhao:

- Bố để xe này ở nhà.
- Con đi học xa, đi bộ khổ lắm.
- Ở nhà cũng cần có một cái xe, thỉnh thoảng còn đèo mẹ đi nơi này nơi khác.

Nguyên Hồng thấy những lý do ấy đều chính đáng. Còn anh, đi xe nào cũng được. Anh cũng không nỡ bỏ *Cún*, có mới nói cũ. *Cún* trung thành tận tụy của anh.

Anh vẫn lại cùng *Cún* về Hà Nội, xuống Hải Phòng. Anh lại cùng *Cún* tới Hội Nhà văn, tới trường bồi dưỡng những người viết văn trẻ, tới nhà máy xi măng, ra cảng... Một buổi sáng anh đang cùng *Cún* thong thả trên đường

Phan Đình Phùng (Hà Nội) rợp bóng sấu, miệng nhắm những câu thơ (anh có thói quen sáng tác thơ trong khi đi xe đạp trên đường) thì một chiếc Volga phanh kít và đỗ lại bên anh. Một mái đầu húi cao điểm bạc ngó qua khuôn cửa. Anh ngỡ ngàng: Thủ tướng Phạm Văn Đồng! Thủ tướng mở cửa bước ra. Anh vội xuống xe. Thủ tướng bắt tay thăm hỏi sức khỏe của anh, sức khỏe gia đình và tình hình sáng tác bộ *Cửa Biển* của anh.

- Thủ tướng không hỏi gì mình về cái xe Thống Nhất. Chắc Thủ tướng cho mình túng quá, bán rồi. Mình ngưng chín người, cứ đứng một tay giữ *Cún*. Cái con *Cún* khốn nạn phản chủ này, nó cứ kênh càng trên đường, không quảng đi đâu được. Giá đất nứt ra để nó rơi xuống. Mà đất có nứt thì mình cũng chui xuống luôn cho đỡ ngưng!

*

Tôi chưa được một lần nhìn Nguyên Hồng viết văn, nhìn Nguyên Hồng sáng tác, cái công việc khổ sai mà ai đã vướng vào thì không sao gỡ ra cho được.

Kim Lân, người bạn thân thiết của Nguyên Hồng, người tôi quen từ hồi còn đi học đêm ở Phú Bình đã viết rất hay, rất chính xác về lao động nhà văn của anh:

“Bàn viết của Nguyên Hồng là cái giường tre anh vẫn ngủ. Anh hay dùng giường nằm làm bàn. Anh cũng còn cái bàn viết bằng cái mâm tre, ở nông thôn

dùng làm mâm ăn. Nó giống như cái chõng tre thu ngắn. Nó thay thế cho cái vạ kỹ, chân quỳ, gỗ sưa, gỗ trắc, mà các tay chơi đồ cổ đặt trên đấy cái ống bút hay bộ đồ trà.

Trước cái bàn viết ấy, Nguyên Hồng trải chiếu, ngồi xuống đất viết. Thường làm việc gì anh cũng làm một cách tất bật, vội vàng qua quít cho xong. Nhưng khi Nguyên Hồng chuẩn bị viết, tự dưng anh điếm đăm hẳn lại. Trang trọng, từ tốn. Những lúc ấy anh phải thu dọn xung quanh cho gọn gàng sạch sẽ. Anh quét nhà, anh lau bàn ghế, anh sắp xếp lại những tập sách, trải chiếu xuống đất, vuốt ve mấy tờ giấy trắng, để bút để mực sẵn sàng. Rồi anh đi loanh quanh, đi ra đi vào, mặt mũi dăm chiêu khổ sở.

Anh vẫn gọi việc ấy là *dọn ố đẽ*. Nom anh lúc ấy bịn rịn, bần khoản giống như con gà sắp đẻ thật. Nguyên Hồng đến với bàn viết của anh cẩn trọng, thành kính như một tín đồ đến trước bàn thờ Chúa. Như người lính trong hàng quân đứng nghe mệnh lệnh trước giờ chiến đấu.

Phải nói rằng Nguyên Hồng viết chậm, viết kỹ. Có ngày anh chỉ viết được một trang giấy. Anh viết cực nhọc, vất vả. Anh đánh vật với chữ với nghĩa. Anh gọi viết là cày. Nom anh ngồi viết vẫn còn vất vả hơn người đi cày.

Những buổi chiều hè đứng gió, hơi nóng từ quả đồi sỏi đỏ lử đừ bốc lên, ngọt ngọt, nặng trĩu. Trong gian nhà tối

thấp im phắc, Nguyên Hồng vẫn ngồi viết. Mặt anh đầm mồ hôi.

Chỉ nhìn vào những dòng chữ trên trang bản thảo Nguyên Hồng viết, cũng đã thấy được anh vật lộn với mình như thế nào. Anh viết như cào xuống giấy. Những dòng chữ bị dần xuống, nét chữ thật to, thật đậm, gãy góc, có chỗ rách cả giấy, có chỗ mực chấm đầy quá rớt xuống xanh lè. Những dòng chữ xô vào nhau gập ghềnh lên xuống..”

Đọc Kim Lân, tôi mới biết lai lịch từ *mâm viết* trong một bức thư Nguyên Hồng gửi cho tôi từ Yên Thế. Không nhớ là năm nào nữa. Cuộc chiến tranh leo thang đang ở vào giai đoạn gay go, quyết liệt. Ngày và cả đêm luôn vang lên tiếng còi báo động và giọng nói giăt cục, dõng dạc, đánh thếp trên loa truyền thanh: “*Lệnh dự báo báo động. Máy bay địch đang hoạt động gần thành phố. Các lực lượng vũ trang lên vị trí chiến đấu. Đồng bào xuống hầm trú ẩn..*”

Máy bay ném bom phá hủy đường 5. Máy bay bắn Sở Dầu. Máy bay bắn xà lan, tàu dầu ăn dầu từ tàu Liên Xô tăng-bo qua cửa Nam Triệu vào ban đêm, từ cửa sổ nhà tôi trông thấy những đường đạn đỏ lừ. Máy bay đánh các cầu đúng giờ và không đúng giờ. Máy bay đánh vào trận địa pháo Tân Dương. Người cháu họ tôi, pháo thủ, hôm trước còn sang thăm tôi, hôm sau đã hy sinh ngay giữa trận địa.

Cơ quan báo *Hải Phòng* sơ tán về An Lão. Tôi, với tấm thẻ do chủ tịch ủy ban ký, ở lại thành phố. Cũng coi như một thứ phóng viên chiến tranh.

Ở lại nội thành tôi có hai cảm giác lẫn lộn: thích thú và sợ hãi, nhưng cảm giác thích thú nhiều hơn. Như đang ở một thành phố Hải Phòng thứ hai vậy. Một Hải Phòng với khuôn mặt khác hẳn. Không còn là Hải Phòng tôi từng biết. Hải Phòng sẵn sàng cho một cuộc chiến đấu quyết liệt. Một thành phố vắng tanh, thỉnh thoảng mới có vài người đạp xe hối hả. Hải Phòng bộc lộ những nét vẫn ẩn giấu bên trong, hỗn nhiên, đảm thắm, tin cậy, trao phó. Hải Phòng ra đi, để lại tất cả cho một số ít chúng tôi còn trong thành phố.

Tôi đi lang thang, rẽ vào những dãy nhà cửa đóng kín, khóa cũng rất sơ sài. Những cánh cửa đóng kín ấy là những hòm thư lưu. Trên một cánh cửa khu nhà Ngõ Đá, tôi đọc: *Anh, Chủ nhật tới em không về. Các con vẫn khỏe. Thuốc lá để trong ngăn kéo bàn.* Một cánh cửa khác ở khu công nhân cảng: *Con chào bố mẹ. Con lại đi đây. Con chỉ tạm được về nhà hai tiếng thôi...*

Những buổi chiều tà, khi máy bay không hoạt động nữa, tôi hay đảo ra các cây cầu để có thêm cảm hứng sáng tác tập trường ca *Đấu cầu* của tôi. Ở đó xe đi, xe về, cuộn cuộn sức sống không gì dập tắt được. Kết thúc mỗi ngày, tin tức được nhắc đến nhiều nhất là tin về những cây cầu, những cây cầu đã trở thành

biểu tượng của cuộc chiến đấu, như một sự tự hào chiến thắng.

Nhiều câu thơ trong chương *Những người lái xe* tôi đã nhắm ngay khi đứng ở đầu cầu:

(..). Đầu cầu xe về
Nước sôi trong két
Anh lái xe mắt xếch
Tắt máy chờ qua sông
Đầu gục vô lăng
Tranh thủ
Ngủ
Giấc ngủ treo bao ngày đêm môi rời mi mắt
Giấc ngủ đợi chờ vụt biến đi đâu
Khi đến đây đầu cầu,
Đáy vực không gian sâu thăm thẳm.
Sương rơi nắp ca-pô
Sương rỏ giọt ngoằn ngoèo kính cửa,
Sương Hải Phòng ướt bụi Trường Sơn,
Sương buông thanh bình như ngàn năm trước
sương buông
Anh lái xe dựa vô lăng nghe đất trời yên lặng
Nghe máu mình khe khẽ thái dương
Đốc cầu
Còi

*Hiệu lệnh
Lên đường!
Đèn pha vụt sáng.
Máy nổ
Bánh lăn,
Chào cô em áo bành tô chân cầu đứng gác.
Anh gửi tới đồng chí thanh niên xung phong
một ánh đèn lóe trên cặp tóc...*

Bom đạn tập trung vào những cây cầu, vào các đoàn xe, kho tàng. Nhưng bom đạn cũng rơi trên đường phố. Rốc két bắn ngay Ngã Sáu, hơi ép làm vỡ kính cửa nhà tôi.

Đi thăm các kho tàng, tôi rợn người khi bước vào kho quan tài. Những chiếc áo quan vừa được gấp rút hoàn thành trong một đợt thi đua sản xuất của các xí nghiệp gỗ quốc doanh. Toàn một màu đỏ máu, thơm mùi gỗ, cay hắc mùi sơn, cái nọ chổng lên cái kia, từ dưới đất lên tận nóc. Gian áo quan trẻ con làm tôi lạnh buốt tim, như có một nhát búa đập mạnh vào sọ. Những chiếc quan tài đủ mọi lứa tuổi, chiếc chỉ to như cái hộp dành cho trẻ sơ sinh, chiếc cho những lớp tuổi lớn hơn, có cả những chiếc như nhỡ dành cho tuổi sắp dậy thì, gần như của người lớn.

Chúng ta chuẩn bị cho cuộc chiến tranh leo thang thật tỉ mỉ, chi tiết và chu đáo. Phải dự trù tính toán tất cả với

một đầu óc lạnh lùng tinh táo. Nhưng nhìn thấy kho áo quan này thì thật ghê rợn. Đó là điều kinh khủng nhất tôi đã trải qua trong những năm tháng ấy. Bởi không thể không nghĩ đến những ai sẽ nằm trong đó...

Tôi ghi chép. Tôi làm thơ. Tôi viết bút ký về những anh thợ hàn, hàn phuy xăng, phải chui vào bên trong phuy, làm việc trong khói hàn mù mịt và tiếng động được nhân lên nhiều lần của que hàn chảy dưới hồ quang. “*Những tiếng động bị nhốt*” tên của bài bút ký đã làm tôi lòi thoi sau này khi tôi bị bắt. Nó có vẻ một sự ám chỉ.

Tôi đến Sở Dầu lúc khói và lửa từ những bồn dầu bị cháy còn đang cuộn cuộn ngất trời. Tôi sang bên kia cầu xi măng, cùng các anh chị công nhân bê đá học kè lại đoạn đường vừa bị bom Mỹ phá buổi chiều, quá nửa đêm mới về đến nhà, chong đèn ngồi viết tin để sáng sớm kịp gửi theo đường dây sang An Lão, nơi cơ quan sơ tán...

Tất cả mọi người hướng về những con đường, những cây cầu huyết mạch. Và hướng về những anh bộ đội trên các trận địa phòng không, những anh bộ đội đem tính mạng của mình bảo vệ vùng trời, những anh bộ đội suốt ngày đêm ngồi trên mâm pháo.

Tiếng *mâm pháo* đã trở thành cuộc sống.

Tình mơ hôm ấy, tôi đạp xe sang Trường Thành (An Lão) họp cơ quan theo lịch. Tới Kiến An trời vẫn còn chưa sáng hẳn. Ngồi nghỉ ở vệ đường một lúc. Trời rạng dần. Nhìn chung quanh thấy một tấm biển cắm ngay

sau lưng. Chăm chú nhìn trong ánh lò mờ. Thấy hiện ra chữ đề: *Bom chưa nổ*. Hú hồn. Đạp xe một mạch tới nơi sơ tán.

Vừa bước chân vào văn phòng cơ quan đã thấy một bức thư của Nguyên Hồng nằm chờ không biết bao ngày rồi. Anh gửi theo địa chỉ cơ quan, bưu điện chuyển về nơi sơ tán. Anh hỏi thăm gia đình tôi, hỏi thăm bè bạn, hỏi thăm Hải Phòng đang bước vào cuộc chiến đấu gay go quyết liệt. Anh kể chuyện anh ở Yên Thế, cái nóng thánng sáu khủng khiếp ở vùng trung du. Anh nói về những bữa rượu nhắm cua đồng rang muối rất thú vị của anh và “*Tấn ơi! Khi các anh bộ đội đang ngồi trên mâm pháo thì tôi cũng cời trần hi hục trên mâm viết*”. Tôi đã cười mãi về chữ *mâm viết* anh sáng tạo ra và tôi cũng hình dung anh đang chúm miệng cười sau chòm râu khi viết tới hai chữ này. Hóm hình, mang tính thời sự và nói được cái lao động cực nhọc của nhà văn. Giờ đây, đọc Kim Lân tôi mới biết xuất xứ của từ ấy, tôi mới biết cái *mâm viết* cụ thể của anh. Gia đình bố mẹ tôi vẫn ăn cơm bằng loại mâm ấy. Chúng tôi gọi là *mâm chõng*. Mâm chõng thường được dùng đến khi chúng tôi ăn cơm ở ngoài sân, những buổi chiều hè. Bố mẹ tôi, chúng tôi và các cháu, mỗi người một cái ghế con (mà chúng tôi gọi là cái đòn) ngồi quây quần quanh mâm. Sum họp, đầm ấm, hạnh phúc. Cơm độn mì. Cá kho khế. Tép rang. Rau muống luộc đánh dấm chay. Mây bay trên đầu. Gió thổi và cây lá chung quanh.

Trong cuộc chiến tranh leo thang, có một vùng quê không xa lắm, có bố mẹ để đưa con về sơ tán thật là may mắn. Chúng được nuôi nấng trông nom dạy dỗ như khi còn ở với mình. Những bữa cơm sum họp ấy ngon đến tận hôm nay, hạnh phúc tới tận hôm nay. Thỉnh thoảng trong khi đang ăn, một chiếc máy bay do thám không người lái lướt qua, không ai trông thấy nó mà chỉ nghe tiếng âm âm trên trời. Những quả tên lửa bay lên để lại những vệt khói ngoằn ngoèo mãi mới tan. Hoặc bùng nổ trên cao những bông hoa khói rồi sau đó rộ lên dội đến tiếng cao xạ phòng không từ những trận địa quanh Hải Phòng, tiếng máy bay bổ nhào và tiếng bom rền...

Người dân quê tôi cảm thấy hơi thở của chiến tranh bằng những nét riêng. Những đợt tuyển quân cả vay tuổi lẫn đúng tuổi. Những buổi tiễn đưa, cờ bay ở nơi tập trung giao quân. Những giọt nước mắt. Đường làng vắng bóng thanh niên, những chàng trai quê đang độ bẻ gãy sừng trâu, chưa một lần tới nơi hò hẹn. Làng nhiều hơn những cặp mắt mong mỗi đợi chờ, nhiều hơn những vành khăn trắng. Thỉnh thoảng lại có một lớp tân binh về đóng ở làng, huấn luyện ngắn ngày rồi lên Yên Tử, tiếp tục tập, đeo gạch, leo núi. Dân làng đón họ như đón con cái mình. Tình cảm đối với con em đang chiến đấu ở phương xa dành hết cho lớp tân binh về đóng ở làng, còn quá trẻ, quần áo Tô Châu mới tinh, rộng thùng, tập ngoài bãi suốt trưa nắng. Bộ đội đối với dân làng cũng vậy...

Có một anh cán bộ huấn luyện quá yêu quý cháu Hải Yến, con gái thứ ba của tôi khi ấy mới bốn, năm tuổi. Trông thấy cháu con cón trên đường là anh bước tới, xách cháu lên, chăm vậ. Anh dò hỏi được nhà cháu, nghĩa là nhà bố mẹ tôi. Anh đến chơi với cháu, bố bố con con với cháu, cho cháu khi miếng cháy cạy ở vạc cơm của đơn vị, khi miếng chả bót từ khẩu phần ăn của anh. Bố mẹ tôi gọi anh là *Bố cho cháy*, *Bố cho chả* của cháu. Nhưng anh làm cháu sợ. Cứ thoáng thấy bóng anh vào ngõ, cháu lại chạy xuống bếp nấp.

Những đợt huấn luyện sau không thấy anh. Thăm hỏi, được biết anh đã đi B và hy sinh ngay trên đường hành quân. Lại được biết anh có một đứa con gái bằng độ tuổi cháu Yến. Trước khi đi B, *Bố cho cháy*, *Bố cho chả* được về nhà (Hải Hậu, Nam Định) thăm vợ, thăm con gái rồi không trở về. Vĩnh viễn không trở về.

Trong những năm tháng chiến tranh ác liệt ấy, Đỗ An Bình chuyển từ ty Hải Đăng vào phụ trách một trạm đảm bảo giao thông ở khu 4, khu vực cán gáo, nơi tỷ lệ bom đạn tính theo đầu người cao nhất thế giới. Đỗ An Bình cùng đơn vị có nhiệm vụ bảo đảm huyết mạch giao thông không bao giờ đứt. Từ khu 4, anh viết những bức thư dài về cho tôi. Anh kể về những trận bom đánh suốt ngày đêm. Ban đêm một con đom đóm to hơn cỡ bình thường cũng khó lòng sống sót, người ta đuổi theo giết cho bằng được. Cả đơn vị đã

khóc khi trông thấy máy bay Mỹ đuổi bắn hai tàu hải quân đã mất hết sức kháng cự, lượn vòng, bỏ nhào, bay cao, xuống thấp như trong một buổi diễn tập. Hàng chở bằng tàu nhỏ bị bắn chìm. Chở bằng thuyền gỗ bị bắn chìm. Hàng mất. Phương tiện đắm. Người hy sinh. Những người ra đi là những người quyết tử, là những người một đi không trở lại.

Thương vong lớn quá, lại nghĩ ra phương án chở hàng bằng thuyền nan, lập tổ tam tam, mỗi thuyền một nam, hai nữ. Rồi lại thấy như vậy là hơi xa xỉ vì cái điều xảy ra vẫn cứ xảy ra một khi nam nữ gần nhau, cùng nhau dấn thân vào bom đạn, cho dù là tổ tam tam một nam hai nữ, nên rút xuống chỉ còn một nam một nữ không kể tuổi tác nhằm bảo đảm quân số, bảo đảm an toàn hàng giang và tăng thêm sức động viên. Nhưng các thuyền vẫn bị bắn chìm quá nhiều. Người thương vong quá nhiều. Những thuyền vượt qua được bom đạn có thêm kết quả phụ: Một loạt các cháu bé ra đời.

Cuối cùng chỉ còn một cách: Đóng túi ni lông. Những thùng lương khô, những cân đường, những gói sữa bột và cả thuốc men được cho vào túi ni lông buộc chặt, thả trôi sông. Nước chảy dạt vào bờ, những người dân Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình thiếu thốn, đói khát về nhà lấy sào đẩy những túi thực phẩm, thuốc men quý báu ấy ra ngoài luồng để nó tiếp tục trôi xuôi, đến nơi tập kết chuyển vào Nam cho bộ đội.

Bình kể về những trận bom xóa sổ hẳn một đơn vị. Anh cùng mọi người đi nhặt xác đồng đội. Cứ hai chân, hai tay, một đầu là cho vào một túi ni lông, không biết ai vào với ai. Có khi còn nhầm cả giữa nam và nữ. Lúc đó không thấy sợ. Lúc đó gần như không nghĩ gì hết. Lại còn vừa tập kết tử thi về một chỗ thì bom lại nổ đúng nơi ấy. Những xác chết bị giết lần nữa. Những đồng đội bị giết tới hai lần. Và chuyện những cô gái thanh niên xung phong thường xuyên sống dưới hầm hào bom dội rung chuyển, vá đường dựng tiêu trong mù mịt khói bom, người khét mùi thuốc súng, quần áo tơi tả, mắt quầng vì thiếu ăn thiếu ngủ bỗng ôm chầm lấy những anh lái xe, công khai bày tỏ niềm khao khát được ôm ấp vuốt ve, được hiến dâng tất cả và tận hưởng tất cả trong vòng tay nam giới.

Tôi viết thư vào cho Bình, giục Bình viết, giục Bình ghi lại tất cả những gì đã trải. Nhưng Bình trả lời tôi bằng hai câu thơ trong *Sử Ký* của Tư Mã Thiên:

Văn chương làm hại cuộc đời

Tay mài đốt mực, tay mài đốt xương

Mãi đến sau này tôi mới thấm thía điều Bình nói...

Những bức thư của Đỗ An Bình tôi đều đưa cho bè bạn đọc. Những bức thư từ tuyển lửa, hồn nhiên, chân thật cuốn hút các bạn tôi hơn mọi thứ văn chương. Vũ Thư Hiên nói với vẻ thèm thuồng.

- Giá chúng mình được vào đấy nhỉ.

Rồi tiếp vẫn với giọng sôi nổi của anh:

- Bây giờ được ra Côn Cỏ chỉ một tuần thôi. Viết một tập *Người Côn Cỏ*. Chỉ chép tiểu sử từng người. Và những suy nghĩ chân thật của từng người, những chuyện chiến đấu...

Nguyên Hồng đọc xong xếp thư, ngồi thừ thượi. Một lúc lâu sau anh mới nói, giọng buồn buồn:

- Nhân dân mình xứng đáng được hưởng sung sướng, hạnh phúc.

Đã nhiều lần Nguyên Hồng nói với tôi điều ấy. Đi Liên Xô về, anh kể chuyện những bà mẹ Liên Xô khóc khi thấy anh ăn quá ít:

- Bọn đế quốc nó làm các con không ăn được nữa...

Rồi anh nói:

- Nhân dân mình phải được hưởng hạnh phúc.

Tôi bày tỏ sự lo ngại với Nguyên Hồng rằng những chuyện như Đỗ An Bình viết sẽ rơi vào quên lãng. Nguyên Hồng lắc đầu:

- Những chuyện như vậy mà không được ghi lại sẽ là tội ác. Thế hệ sau phải được biết cha ông chúng đã sống và chiến đấu như thế nào.

Tôi đáp:

- Nhưng không thể viết chân thật như thế. Người ta sợ chuyện ghép hai người một thuyền, một nam một nữ sẽ hạ thấp giá trị tư tưởng của nhân vật. Người ta

bảo rằng cảnh nhặt xác đồng đội làm mọi người sợ hãi chiến tranh.

Nguyễn Hồng im lặng. Không rõ từ lúc nào, anh trở thành kín đáo. Tôi tiếp tục nói với anh những suy nghĩ của tôi:

- Chúng ta đang tước bỏ hiện thực. Những chuyện cảm động như trong thư Đỗ An Bình viết nếu đưa vào tác phẩm sẽ bị diệt cho đến chết. Nào là tự nhiên chủ nghĩa, nào là hiện thực trần trụi. Người ta không biết rằng những chi tiết ấy, những chi tiết dường như hạ thấp nhân vật ấy chỉ làm cho nhân vật gần gũi hơn, “người” hơn, do đó nâng cao nhân vật hơn, có sức thuyết phục hơn.

Nguyễn Hồng lặng lẽ:

- Tất cả những chuyện ấy phải có mặt trong tác phẩm.

Phản ánh chân thực cuộc sống, đó là nguyện vọng của tất cả những người cầm bút chân chính, nhưng điều ấy nào dễ dàng gì. Nó như một kiểu lấy cờ hồng đánh lại cờ hồng. Nhà văn nói tôi đi theo đường lối văn nghệ của Đảng, tôi là cờ hồng. Nhà phê bình nói: Anh đã đi chệch đường lối văn nghệ của Đảng. Anh đã rời bỏ ngọn cờ hồng, tôi mới là cờ hồng, ngọn cờ hồng tôi vác. Thế là cờ hồng đánh nhau, lẫn lộn không còn biết đâu là cờ hồng nữa. Tuy nhiên thắng lợi bao giờ cũng thuộc về các nhà phê bình lý luận. Hơn thế, không chỉ có các nhà phê bình chuyên nghiệp. Còn các nhà phê bình nghiệp dư, những

ban tuyên huấn thành đoàn, những giáo viên trường cấp hai huyện, những cán bộ thương nghiệp sinh văn chương... Thật là buồn nản. Chẳng ai nghĩ mình lại có thể thoát khỏi búa rìu.

Nguyên Ngọc sau khi hoàn thành tiểu thuyết *Đất nước đứng lên*, một anh hùng ca đậm chất thơ núi rừng Tây Nguyên, tràn đầy tinh thần quật cường dân tộc, đã trở vào cầm súng chiến đấu tại chiến trường khu 5, một chiến trường ác liệt nhất thời đó, đem tính mạng mình ra bảo vệ đất nước. Thế nhưng người ta vẫn không tha anh. Nhà văn Đỗ Quang Tiến công tác tại báo *Văn nghệ* hơn một lần nói với tôi, mặt nhăn lại, ghê sợ:

- Đến như Nguyên Ngọc mà cũng có được yên đâu. Nhiều thư gửi đến tòa soạn vạch rõ: Trong *Mạch nước ngầm* của Nguyên Ngọc có mạch nước ngầm.

Một cách quy kết rất “văn chương” kín kín hở hở, suy diễn thế nào cũng được, nhưng rõ ràng muốn nói với người đọc rằng đó là một tác phẩm được viết với dụng ý xấu, một thứ *biểu tượng hai mặt* (symbole équivoque) cần phải tiếp tục vạch trần.

Chính Nguyên Hồng cũng vướng vào chuyện ấy khi anh in truyện *Con hùm*.

Đó là một truyện ngắn cực hay của anh. Vẫn là Nguyên Hồng, nhưng là một Nguyên Hồng khác. Lần đầu tiên truyện in trên trang nhất báo *Văn nghệ* (hay *Văn học*) với minh họa của Sĩ Ngọc. Tôi yêu bức minh họa. Tôi

yêu cả cái tên truyện, một cái tên truyện dài tới mười sáu từ *Chuyện cái xóm Tha Hương ở cửa rừng Suối Cát và con hùm con mỗ coi*. Đó là những giây phút giải lao giữa những trang *Cửa Biển*, là lời chào núi rừng Yên Thế của anh. Ai cũng khen truyện ngắn ấy. Cái nặng nề của cảnh lá cổ thụ, cái sần sùi của rễ của đá không còn nữa. Anh bỗng nhìn đời bằng mắt trẻ thơ.

Nhưng rồi có nhiều điều xì xầm về truyện ngắn ấy.

Thời gian ấy lưu truyền những bản án về những con vật. *Con voi* của Bành Bảo. *Con nai đen* của Nguyễn Đình Thi. *Con chó xấu xí* của Kim Lân. *Con đế mèn* của Tô Hoài (tác phẩm được trẻ em và người lớn rất thích này bị quy kết có tư tưởng hòa bình chủ nghĩa!). Con ngan (*Văn ngan tướng công*) còn bị nặng nề hơn. Một anh bạn tôi ở nhà xuất bản Thanh Niên nói: Có nhiều thư gửi đến nhà xuất bản Kim Đồng, phản đối, lên án *Văn Ngan tướng công* có dụng ý xấu. Có cả một bài phân tích sâu sắc: Nghị quyết 6 (khóa 3)¹ của Trung ương Đảng là nghị quyết phát triển nông nghiệp. Trong nông nghiệp có gia súc, gia cầm. Ngan là một loại gia cầm. Vũ Tú Nam nói xấu con ngan, làm cho mọi người, nhất là các em không yêu ngan, do đó không nuôi ngan nữa. Như vậy bằng một thủ đoạn tinh vi, Vũ Tú Nam đã đánh thẳng vào nghị quyết 6!

¹ Tôi không nhớ chính xác các nghị quyết.

Giờ đây nhớ lại, tưởng như một chuyện hài hước, gây cười. Nhưng lúc đó là những án treo lơ lửng trên các sinh mạng chính trị tác giả. Có biết bao người muốn bày tỏ lập trường kiên định, sự sắc sảo chính trị của mình và chứng minh rằng bọn nhà văn hay viết xỏ xiên và đáng phải cảnh giác, phải vạch trần như thế nào.

Con voi, con chó, con nai... Giờ lại đến con hùm! Đã bao nhiêu dư luận về con hùm ấy. Và con hùm còn nguy hiểm hơn những con kia biết bao lần. Cũng như tôi, Nguyên Hồng biết anh đang gặp phải hiểm nguy. Chỉ cần một ông tổng biên tập nào đó cho đăng những ý kiến phê *con hùm con mỗ coi* thì chưa biết chừng có thể dấy lên một đợt phê phán mà anh không có phương tiện để chống đỡ. Trong câu chuyện giữa chúng tôi, không ai nhắc đến *Chuyện cái xóm Tha hương* nữa. Tôi rất muốn khen nó, nhưng ngại rằng những lời khen của tôi làm anh thêm suy nghĩ, làm anh thêm buồn. Nhưng Vũ Thư Hiên nói. Nói thẳng với Nguyên Hồng. Tối hôm ấy, tôi, Nguyên Hồng, Nguyên Bình đang ngồi than thở với nhau về nghề viết, Hiên đến như một cơn gió. Tếu, ồn ào, đang vui câu chuyện Liên Xô Trung Quốc, Vũ Thư Hiên hỏi:

- Các vị đã có ai đọc *Lôi Phong* chưa?

Cả ba chúng tôi cùng lắc đầu, thú thật là mới chỉ đọc loáng thoáng một vài mẩu đăng trên báo. *Lôi Phong* là một nhân vật nổi tiếng Trung Quốc được đoàn Thanh Niên Trung Quốc phát động học tập trong toàn đoàn và

toàn thể thanh niên. Tên tuổi anh ta bay đến Việt Nam với những thành tích đại loại như: không đi xe điện đi làm mà đi bộ, dậy sớm đi bộ, để mỗi ngày tiết kiệm 5 xu góp phần xây dựng chủ nghĩa xã hội. Ăn đói để dành gạo xây dựng chủ nghĩa xã hội... Báo chí nước ta đã đăng tải *Lôi Phong*. Một nhà xuất bản đã dịch in truyện *Lôi Phong*, nhằm giới thiệu một điển hình. Nhiều bạn trẻ đã mua *Lôi Phong* tặng người yêu với lời đề tặng “*để học tập người trong truyện*”. Nguyên Hồng trả lời rành rọt hơn:

- Tôi chưa đọc *Lôi Phong*, nhưng ông Xuân Diệu bạn tôi đọc rồi. Ông Xuân Diệu ca ngợi *Lôi Phong* lắm. Ông ấy bảo cái bát ông ấy ăn cơm buổi sáng chưa rửa để đấy mà ta gọi là *bát rếch* ấy mà, nếu buổi trưa lại xới cơm vào đấy là ông ấy không dám ăn, mặc dù là *bát rếch* của chính ông ấy, ông ấy cũng sợ. Thế mà *Lôi Phong* bới nhặt cái bàn chải cũ người ta vất đi ở đồng rác ngoài đường, đem về đánh răng thì giỏi thật!

Làm sao chúng tôi không cười và phục lời khen ấy của Xuân Diệu. Hai má Nguyên Hồng ướm đẫm nước mắt vì cười. Nhưng chưa hết. Lấy tay áo quạt ngang mặt, anh kể tiếp một chuyện nữa về nhà thơ Xuân Diệu:

- Lại một lần Bộ nội thương mời các văn nghệ sĩ tới tiếp xúc để đẩy mạnh sáng tác về đề tài mật dịch làm dâu trăm họ. Tiệc rượu linh đình. Ông Xuân Diệu đứng lên đề nghị anh chị em văn nghệ sĩ nhiệt liệt hưởng ứng ý kiến của đồng chí lãnh đạo bộ. Vì nghệ thuật và thương

nghiệp duyên nợ với nhau từ lâu, thời Nguyên Du đã có rồi. Bằng chứng là trong truyện Kiều đã có thằng bán tơ...

Không chờ dứt trận cười, Vũ Thư Hiền trừng mắt nhìn thẳng vào Nguyên Hồng:

- Anh vẫn chúng nào tậ ấy. Chê không nói thẳng ra lại đi mượn lời ông Xuân Diệu. Thảo nào người ta nói anh là người nguy hiểm nhất. Anh có biết con hùm của anh có những vấn đề gì không? Đế quốc Mỹ là con hổ giấy. Hổ là đế quốc. Anh đã chứng minh rằng có thể cải tạo bản chất của hổ, nghĩa là có thể cải tạo được bản chất của đế quốc.

Nguyên Hồng cười gượng.

- Không. Không có vấn đề gì. Nhà Kim Đồng đã ký hợp đồng xuất bản con hổ của tôi rồi.

Nguyên Hồng rút trong cặp ra bản hợp đồng (ký ngay sau khi truyện đăng trên báo, nhưng nhiều năm sau nhà xuất bản mới cho in với cái tên đã rút ngắn lại nhiều, *Chuyện xóm cửa rừng*). Anh nâng niu bản hợp đồng đó như một cái bùa hộ mệnh.

Vũ Thư Hiền liếc qua bản hợp đồng rồi ngẩng lên:

- Thế thì nhà xuất bản có vấn đề. Nhà xuất bản coi thường dư luận.

Vũ Thư Hiền đã phát ngôn cho cái dư luận mà mình không hề đại diện để trêu Nguyên Hồng. Nguyên Hồng rất thắm thú dư luận ấy. Anh im lặng rồi bỗng mắt sáng lên ranh mãnh.

- Tôi sẽ chứng minh hồ không phải là đế quốc. Mà cũng không phải chỉ mình tôi ca tụng hồ. Hà Nội có một phố lấy tên hồ. Đó là phố Tăng Bạt Hổ. Hàng vạn dân thủ đô đã đón một con hồ! Ấy là... (anh nói tên một cầu thủ trong đội bóng Bát Nhất (Trung Quốc) đã sang nước ta mang tên Hồ). Chúng ta còn có một nhà thơ tên hồ: Chiêu Hồ.

Chúng tôi cười thoải mái trước những lý lẽ danh thếp tự bảo vệ của anh.

Vũ Thư Hiền xem đồng hồ để chuẩn bị ra ga. Hiền khoác túi đứng lên vỗ vai và nhìn thẳng vào mắt Nguyễn Hồng:

- Ông Hồng này. Còn một điều này nữa. Tôi sẽ chuyển *Bỉ vỏ* của ông thành phim. Tôi rất thích làm phim *Bỉ vỏ* vì hai lý do: Một là cái ấy rất điện ảnh. Hai là nó rất *nhân đạo chung chung*.

Nhân đạo chung chung. Lời khen ấy chính là một lời kết tội nặng của giới phê bình chính thống hồi đó vì nó phủ nhận tính giai cấp. Không thể có nhân đạo chung chung. Nhân đạo với giai cấp này là vô nhân với giai cấp khác! Nguyễn Hồng ó ra. Anh chưa kịp phản ứng, Vũ Thư Hiền đã đi nhanh ra cửa, thoăn thoắt xuống thang, vừa đi vừa nghẹn trong tiếng cười.

Chúng tôi cũng cười. Cười ra nước mắt.

*

Nguyên Hồng để râu vào thời gian sau khi in truyện con hùm. Kỳ ấy anh xa Hải Phòng hơi lâu, để đến gần một năm, bởi vì khi anh từ nhà tôi về Hà Nội, mày râu còn nhẵn nhụi, khi trở lại, anh đã có cả một chòm râu dài hết cỡ so với lực của anh. Tôi nhớ trước khi ra ga anh còn với tay lên giá lấy hộp dao cạo râu của tôi đưa lên cầm. Tôi chỉ có một lưỡi dao quá cùn, anh cứ phải liếc mãi vào lòng bàn tay. Anh trở về với chòm râu và cứ đứng ở cửa nhìn tôi, cười.

- Râu đây, râu đây...

Thế là tôi được nhìn thấy chòm râu của anh, chòm râu tôi đã nghe nói đến từ lâu...

Trước đó Dương Tường từ Hà Nội về đã bảo tôi:

- Ông Nguyên Hồng để râu rồi. Mày biết chưa?

Tôi ngơ ngác:

- Chưa. Râu thế nào?

- Tu phủ hầu.

Tôi không hình dung được bộ râu cảm trên gương mặt anh. Tôi không hình dung được Nguyên Hồng có râu đang đạp xe đạp ở Hà Nội.

Thế rồi Vũ Thư Hiên về cũng bảo tôi:

- Nguyên Hồng để râu rồi. Tu phủ hầu.

Tin tức đồn dập. Hấp dẫn. Tươi rói. Người ta đã có cả thời gian để thống nhất tên gọi bộ râu của anh. Thế mà mang tiếng là thân với Nguyên Hồng, tôi vẫn chưa biết.

Anh cũng không báo cho tôi biết cái ý định táo bạo, mới mẻ ấy của anh.

Tôi viết thư hỏi Nguyên Hồng. Một bức thư dài trả lời tôi, mà đến nay tôi còn nhớ một đoạn: "... Tấn có hỏi tôi về chuyện để râu. Thế này Tấn ạ. Bây giờ người ta chơi nhiều thứ quá. Chơi Trung Quốc, chơi Albania, chơi hồ Balaton, chơi Indonesia... vừa chơi vừa có cả buồn nữa. Còn tôi, già lão, ngô ngọng, lảm cẩm, chậm chân thì chơi... râu vậy..”

Tôi tin lý do để râu ấy của Nguyên Hồng do chính anh thổ lộ. Nhưng trong *Cát bụi chân ai* Tô Hoài giải thích điều ấy một cách khác hẳn. Tô Hoài nói rằng dạo ấy lưỡi dao cạo rất hiếm. Chẳng lẽ lại đạp xe từ Yên Thế về Hà Nội chỉ để mua một lưỡi dao cạo râu do công đoàn bình xét và phân phối. Thế là Nguyên Hồng để râu. Để râu còn có một tác dụng phụ nhưng rất quan trọng. Nguyên Hồng đi đâu cũng thường mang rượu nhà đi theo, thứ rượu có ngâm mấy cái vỏ quít giả làm rượu thuốc để đánh lừa cán bộ thuế. Nguyên Hồng hạ chiếc bị trên vai áo nâu bạc, một tay khoanh lại đấm lưng, một tay lôi hũ rượu thuốc gia truyền đi đâu cũng mang theo: Các anh thông cảm. “Chẳng cán bộ thuế nào ỡ ời đến lão nhà quê ấy. Không biết trên bộ râu ngụy trang, hai con mắt nhanh như chớp”¹.

¹ Tô Hoài - *Cát bụi chân ai*

Tôi cũng lại tin lời giải thích của Tô Hoài về chuyện Nguyên Hồng để râu. Bởi vì, tôi hiểu giá trị một lưỡi dao cạo râu hồi đó. Và anh bạn Lê Bầu của tôi cũng đã khổ khổ với các ông phòng thuế vì lít rượu anh mang từ Bắc Giang quê anh ra Hà Nội để thỉnh thoảng nhâm nhi cùng bè bạn. Không giống Nguyên Hồng nghiện rượu, Lê Bầu không biết uống, nhưng anh muốn bè bạn hưởng thú vui. Anh đã cho bi đóng rượu vào túi, rồi chịu khó đạp xe chứ không đi tàu hỏa, nơi tập trung sự chú ý của phòng thuế. Lẽ ra là xuôi. Nhưng có một người bộ hành bị cảm nắng trên đường. Anh lấy rượu ra đánh cảm cho người ốm. Công an, phòng thuế cũng đang có mặt ở nơi cấp cứu đã tịch thu bi đóng rượu của anh.

Tôi tin cả Nguyên Hồng. Tôi tin cả Tô Hoài. Tôi vốn là người nhẹ dạ. Xin đừng vì bộ râu của nhà văn mà nói tôi là kẻ ba phải.

*

Nhiều người đã viết về chuyện Nguyên Hồng đánh mất bản thảo. Cái cặp của anh bị một dân *chạy vô* đánh cắp. Nhưng khi thấy đó là cái cặp bản thảo của ông Nguyên Hồng, anh chàng lính mổ đó đã tìm cách trả lại ông kèm theo một mảnh giấy có viết “Tên kẻ trộm này khâm phục văn tài của Nguyên Hồng nhưng không phục tính đàng trí của ông”. Tôi không tin chuyện này. Nó có vẻ hư cấu.

Lại một thứ “quá yêu anh nên nói những điều không đúng về anh” thôi. Tôi nghĩ Nguyễn Hồng không thể đánh mất bản thảo. Khi anh đến nhà tôi, nếu ở pooc-ba-ga xe đạp là cái lán rành rành thì chẳng buộc đơn giản thôi, nhưng cũng kỹ hơn mọi người. Còn nếu cái cặp đựng bản thảo thì tôi cứ phải chờ anh không dưới mười phút để anh tháo cặp khi lên thang và chẳng buộc cặp khi anh về. Dây cao su. Dây dù. Dây điện. Quấn nhiều vòng. Có dùng kim cắt một hai vòng coi như chẳng có vấn đề gì.

Anh vừa chẳng buộc vừa cười:

- Phải thế này chú ngộ nhờ nó cắt mất của ông Nguyễn Hồng thì ông Nguyễn Hồng chết! Ông Nguyễn Hồng ốm! Có viết lại chưa chắc đã viết được như trước.

Anh cũng tự nhận mình có một đặc điểm là rất sợ mất bản thảo. Lại cười rinh rích:

- Ông Tuân viết ở Mạc Tư Khoa rằng một trong những cái sợ nhất của Nguyễn Hồng là sợ mất bản thảo.

Bởi vậy tôi nghĩ nếu anh bị mất bản thảo, thế nào anh cũng nói cùng tôi. Chắc chắn cho đến năm tôi đi tù, anh chưa một lần bị mất bản thảo. Có thể anh đánh mất vào thời gian sau, thời gian tôi bị bắt hoặc sau nữa khi tôi đã ra tù. Thời gian đó anh ít lại nhà tôi, hoặc có lại nhưng không nói.

Dù sao chuyện Nguyễn Hồng đánh mất bản thảo cũng là khó tin nếu không nói là không tin được.

Tôi đem điều nghi vấn ấy ra nói với Nguyễn Văn Chuông trong một bữa rượu tại Kênh Giang (Thủy Nguyên) quê anh. Một chuyến đi hẩn sẽ nằm lâu trong trí nhớ. *Xe tôi đi vào giữa mùa màng*¹. Nguyễn Huy Tưởng trước đây đi xe đạp, còn hôm nay tôi đi xe máy, bánh xe lăn trên rơm rạ phơi dọc đường cái, rẽ vào đến tận nhà Chuông. Màu xanh đậm của những lùm bạch đàn, những lũy tre từ các làng gần đó trườn sát vào chân núi rồi cuộn cuộn dâng lên lưng chừng núi cao. Trên cánh đồng vừa gặt trải rộng ra tới những xóm làng xa xa, một vệt khói trắng đứng của những em nhỏ đốt gốc rạ ngồi sưởi. Tưởng như nhìn thấy tuổi thơ của mình. Sao mà nhớ *Làn khói trắng*² của Lưu Công Nhân đến thế.

Nhà Chuông quá nghèo. Nhà tranh vách đất. Không phải vách đất mà là tường đất. Tường đắp dày khoét ra những ô vuông làm cửa sổ. Chuông cứ thò tay qua một ô vuông đổ bã chè, pha ấm mới khi chè nhạt. Nhà quá nhỏ và thấp. Mái rạ lâu ngày mỏng kẹt, có những khe để nước chảy trên mái. Không công nghệ gì hết. Cứ từ đường làng ngoặt vào một lối đi hẹp tới sân, cái sân cũng bé nhưng phơi kín một sân thóc, rồi vào nhà. Trong nhà cũng lại ngổn ngang những bao tải thóc.

Chúng tôi ôm lấy nhau. Tôi quen Chuông khi anh còn ở bộ đội, khoảng cuối thập niên 50. Anh đọc tôi từ ngày

¹ Ngày mùa – Nguyễn Huy Tưởng

² Tên một bức tranh

ấy. Ở báo *Tiền Phong* cũng như ở báo *Hải Phòng*, tôi đều nhận được bài anh gửi tới. Chuông bảo:

- Nhà nuôi ba con lợn. Thóc từ khi khoán hộ là thừa ăn. Lương hưu của Chuông ở phố thì gay chú ở quê là được. Tháng chỉ hết hai mươi nghìn tiền gạo. Rau cỏ không phải mua. Chỉ thỉnh thoảng mua tí cá tí thịt thôi.

Thế là cuối cùng tôi cũng về được nhà Chuông. Chuyển đi dự định từ lâu nhưng mãi tới mùa đông năm nay mới thực hiện được. Cuộc gặp lại Chuông là cuộc gặp lại quá khứ. Với nông thôn ngày xưa, với vườn tược cổng ngõ chẳng rào dậu ngày xưa, với con người mộc mạc, đôn hậu, tốt bụng ngày xưa. Bữa cơm thật ngon. Rượu ngang, rau tươi, cơm mới. Đủ mọi chuyện. Chuyện đời, chuyện văn chương. Sáng tác. Bè bạn. Và chuyện Nguyễn Hồng.

Nghe tôi nói Nguyễn Hồng không thể đánh mất bản thảo, Chuông cười tí.

- Có đấy. Nguyễn Hồng có đánh mất bản thảo đấy. Nhưng không phải như mấy ông viết lãng nhãng thế đâu. Nó là thế này.

Và Chuông kể:

Hôm ấy bế mạc trại sáng tác. Năm nào tôi không nhớ. Chỉ nhớ là anh được ra tù lâu rồi. Cụ chủ tịch hội kiêm trưởng trại nhận sáng tác của anh em. Đủ cả. Nhất Tuấn ư. Trần Tự ư. Quang Thân ư. Cụ cho tất cả bản thảo vào cái cặp to lắm. Cặp cũ, nhàu, góc không còn mà nó cứ lượn lượn nên trông giống như cái thúng cái. Nguyễn

Hồng buộc cặp đằng sau xe định về nhà nhưng anh em trại viên cứ kéo cạ đi, thầy trò uống với nhau một tí. Ra cửa hàng. Anh nào uống cà phê thì uống. Anh nào uống rượu thì uống. Bữa ấy rất vui. Nguyên Hồng mấy lần đứng dậy định về, nhưng cạ vừa đứng lên, hàng chục cánh tay đã giơ ra nhao nhao:

- Bố phải ở đây với chúng con.

- Làm gì bố vội thế. Hôm nay kết thúc trại. Chúng con đã làm hết sức mình để có bản thảo. Bố mừng cho chúng con tí nữa.

Thế là lại rót rượu. Chắc là cạ say.

Chúng nó cũng say. Khi ra về đã tối mịt. Người nào lên xe người ấy. Về tới nhà cạ mới biết cái cặp đựng bản thảo của toàn bộ trại viên bị mất. Không biết mất từ bao giờ. Cạ hoảng quá đi tìm Nguyễn Quang Thân và cũng chỉ dám nói với Nguyễn Quang Thân thôi. Chả Thân là trại phó. Sáng hôm sau trông cạ sọp đi. Cả cơ quan Hội đã biết chuyện cạ Hồng mất bản thảo. Chúng tôi ngồi ở cái phòng to trong trụ sở Hội bây giờ. Nguyên Hồng cứ lấp bắp:

- Tê tê te te te tôi tôi tôi...

Cạ không nói được, mà cũng không biết nói thế nào. Tất cả chúng tôi kể cả cô Phấn, cái Hiền chỉ biết ngồi im lặng. Cái Hiền khi ấy còn sống. Nó nhận cạ Hồng là bố nuôi. Chỉ có tôi vốn dĩ chẳng coi cái gì là quan trọng, tôi nói để động viên cạ:

- Mắt cũng được. Cái thú văn chương mách qué ấy mà.

Chẳng ai cười trước câu nói của tôi. Ai cũng nghĩ: Làm thế nào bây giờ? Câu hỏi ấy hằn cụ nghĩ suốt đêm qua. Cụ Hồng ngồi, mắt nháy nháy, chớp chớp. Khi cụ lo là mắt cứ nháy. Rồi lại nuốt nước bọt khan.

Đang ngồi như nhà có đám thể thì một người đi vào. Xem nào. Tôi còn nhớ rất rõ. Gầy cao, người hơi xanh, đi dép lê. Cứ đứng giữa nhà, tay đút túi quần ngơ ngáo:

- Đây có phải Hội Văn nghệ không nhỉ?

Đang nẫu ruột, không ai thèm trả lời. Lại còn hỏi trống không như thế. Mãi sau cái Hiền mới sáng giọng.

- Hội Văn nghệ đây. Nhưng anh hỏi ai?

- À tôi đến có việc.

Người ấy khinh khỉnh nhìn lướt một lượt chúng tôi, nói một cách dửng dưng:

- Chả là tối hôm qua đi chơi phố. Vớ được một cái cặp. Giở ra toàn văn thơ.

Tất cả chúng tôi giật mình nhìn anh ta. Nguyên Hồng từ lúc đến Hội cứ nhìn xuống đất, thỉnh thoảng mới nói một tràng te te te tê tê tôi tôi,... bỗng như có điện giật. Cụ ngẩng lên. Nhìn. Vê râu mép. Ẩn chòm râu cắm vào tận dưới hàm, toẽ nó ra rồi lại xoắn nó lại.

Người khách tiếp:

- Không biết có phải ở đây đánh mất không?

Nguyên Hồng không nói được. Vẫn là cái Hiền nhanh nhẩu:

- Vâng. Đúng là của chúng tôi. Anh làm ơn cho chúng tôi xin lại.

Nó đứng dậy, kéo ghế, nở nụ cười lịch sự, hiếu khách nhất trên đời, mời anh ta ngồi. Nhưng anh ta vẫn đứng, cười khẩy:

- Đâu lại dễ như thế được.

Và khẳng định những hiểu biết của mình về văn học:

- Thơ văn bây giờ đắt lắm.

Kể đến đây Chuông cười phá ra. Tôi cũng cười. Chúng tôi cười đau cả bụng. Tôi nói gần như rên rỉ:

- Nó lại quá hiểu biết về giá trị thơ văn. Thế mới chết. Các bố không thể bịp được nó.

Chuông xuýt xoa.

- Bây giờ mới được cười chứ lúc ấy chúng tôi cố bấm bụng để khỏi cười trước cái giá ấy của văn thơ.

Ông khách nói rõ ràng:

- Các anh phải mang tiền đến chuộc.

Chúng tôi hoảng. Phải chuộc. Bao nhiêu. Tiền đâu. Nhưng hóa ra anh ta biết giá trị thực của văn thơ. Chỉ giờ cao đánh khê thôi.

- Đúng năm mươi đồng. Có thì đi theo tôi ngay bây giờ.

Năm mươi đồng. Một tháng lương cán sự một ngày ấy. Ít thôi. Nhưng cũng là gay go.

Phải công nhận Nguyễn Quang Thân rất láu. Nó chỉ tay vào cụ:

- Giới thiệu với anh, đây là nhà văn Nguyễn Hồng.

Đến lượt anh chàng kia quay phắt lại, nhìn chằm chằm vào Nguyễn Hồng như không tin lời giới thiệu của Thân:

- Bác là nhà văn Nguyễn Hồng?

Nguyễn Hồng lúc ấy ngồi rất ngay ngắn:

- Te te tê tê tê tôi tôi là Nguyễn Hồng. Tôi là người đánh mất cặp bản thảo hôm qua.

(Chuông bắt chước rất tài. Đúng là khi xúc động Nguyễn Hồng hay nói lắp).

Người khách thay đổi hẳn thái độ, thay đổi hẳn giọng nói. Anh chấp hai tay lễ phép:

- Cháu rất kính trọng bác.

Và nhìn tất cả mọi người, trịnh trọng tuyên bố:

- Nếu cặp thơ văn của bác Nguyễn Hồng thì chỉ mười đồng tiền chuộc thôi.

Quá đẹp. Chẳng phải cò kè, mặc cả gì nữa. Nguyễn Quang Thân đưa mắt cho cô Phấn, thủ quỹ. Cô Phấn nhanh nhẹn lên gác:

- Nào, ai đi chuộc bản thảo thì theo tôi lên lấy tiền nào.

*

Cái lần Thi Hoàng, Đoàn Min, Chu Văn Mười, cùng một số anh em khác trong Hội Văn nghệ Hải Phòng về Kênh Giang thăm Chuông, tất cả cũng ngồi lên cái giường tôi đang ngồi. Là cái giường đẹp nhất, nó như một thứ xa-lông tiếp khách và được đặt ở góc nhà sáng nhất, cạnh hai ô vuông khoét giữa tường đất làm hai cửa sổ, nhìn qua đó ra ngoài thấy một mảnh vườn xác, một đồng rơm gầy, một khóm chuối tươp và một cây bạch đàn khẳng khiu. Thi Hoàng kể lại:

- Đang ngồi, tự nhiên tôi thấy hạ độ cao. Tôi thấy mình đang xuống thấp dần. Cúi nhìn thì ra cả bốn chân giường cùng lún.

Trên cái giường ấy, tôi chỉ thấy hạ độ cao khi ngồi ở phía chân giường. Vạch chiếu lên mới biết giát giường làm bằng những nan tre nhỏ ken như một thứ mảnh mảnh bị võng xuống.

Đoàn Min nói rằng ở nhà Nguyễn Hồng cũng có một cái giường tiếp khách như vậy. *Giường đối ngoại của ông Hồng đấy ông Min ạ.* Chị Nguyễn Hồng nói với Đoàn Min khi thấy Min đứng ngẩn tằm vài trái trên chiếu. “Giường đối ngoại của ông Hồng” có bốn chân trụ, kiểu cổ lăm rôi, giát tre. Trên giải chiếu có phủ một tấm thổ cẩm. Khách trong nước, khách quốc tế đều nghỉ ở đó. Nikulin¹ đã ngồi trên giường nhìn Nguyễn Hồng bày xôi rượu lên bàn thờ thắp hương, xuýt xoa khăn vải và sau

¹ Nhà nghiên cứu văn học Liên Xô

đó cùng Nguyên Hồng ăn uống món xôi rượu đã dâng lên tổ tiên ấy.

Đoàn Min bỗng phát hiện ra nhà Nguyên Hồng chẳng có thứ *đồ mớp* nào gọi là được. Xa-lông tiếp khách không. Giường thì như vậy. Thậm chí tủ sách cũng chỉ có một cái đã mọt quá rồi! Về Hải Phòng, anh đề xuất với cơ quan và thành phố: Trang bị một bộ tủ giường xa-lông cho Nguyên Hồng trên Yên Thế. Ý kiến anh được tất cả tán thành. Chỉ có một mối lo: Phải chờ lâu vì đây là mặt hàng đột xuất, không nằm trong kế hoạch. Min lên xí nghiệp gỗ quốc doanh. Ông giám đốc nói:

- Ai chứ nhà văn Nguyên Hồng thì không phải chờ. Ông về viết séc đi. Lấy hàng luôn.

Đoàn Min và Thi Hoàng xe tú tạt bàn ghế ngược Yên Thế. Đêm ấy Nguyên Hồng “mở tiệc khoản đãi”. Có rau xào, thịt gà, rượu.

Cứ theo Min nói thì giường đối ngoại của Chuông không chắc chắn bằng giường đối ngoại của Nguyên Hồng. Nhưng lại đẹp hơn. Đóng kiểu giường hộp, mô dec. Giường đối ngoại của Nguyên Hồng thực chất là cái chõng tre, trải vải.

Thấy tôi cứ rón rén trên giường, Chuông cười:

- Giường chắc ra phết đấy. Cháu nó tự đóng. Không việc gì đâu.

Rồi lại bảo:

- Anh sang thăm, tôi mừng lắm. Lúc nào rồi lại về nhé. Từ nay đến lúc chết tôi không sang Hải Phòng nữa.

Tôi hơi ngạc nhiên về lời tuyên bố ấy của Chuông. Từ Kênh Giang sang Hải Phòng chỉ khoảng mười cây số đường nhựa thẳng tắp.

Lại nhớ lúc mới vào nhà Chuông, thấy anh đang nằm bò viết trên cái giường một kê ở góc tối nhất của căn nhà. Mới bước vào chỉ thấy một đồng xam xám gù gù nằm phủ phục. Ở góc tối nhá nhem ấy, Chuông viết ngày này sang ngày khác. Tôi không được đọc bản thảo của anh nhưng những gì anh đã in đều thắm đậm không khí một vùng quê bình lặng, những gì tôi được đọc của anh đều rất có hồn. Tiếng chim tu hú. Quả vải rụng, ông lão coi vườn cho các cô gái mới lớn. Con tôm mà con vạc đánh rơi từ trên cao xuống cổ áo chú bé ngồi trên đò ngang sang sông cùng mẹ và bố dượng...

Ngoài bốn mươi tuổi, đột ngột về hưu, tránh mọi sự giao tiếp, tới nay ngoài năm mươi, chưa một lần trở lại Hải Phòng, anh sống như một người ẩn dật. Anh sợ người lạ, sợ đám đông. Hình như anh mắc phải căn bệnh sợ người ta hăm hại, bước khởi phát thứ bệnh trong *Nhật ký người điên* của Lỗ Tấn, “con chó nhà mụ Triệu sao chiều nay cứ lờm mình mãi thế”¹. Và tôi ngờ

¹ *Nhật ký người điên* - Tôi ghi theo trí nhớ.

rằng Nguyễn Hồng cũng có tiền đề của bệnh ấy, bệnh sợ người ta hăm hại, sợ con chó nhà mẹ Triệu Lường tuy có những lần anh đã vùng lên chống lại. Nguyễn Quang Thân kể chuyện một hôm Nguyễn Hồng lại nhà Nguyễn Quang Thân ăn thịt chim chèo bẻo thuôn hành răm. Chủ nhân đích thân làm bếp. Thân vốn là người nấu ăn khá. Khi Thân từ bếp bước lên thì Nguyễn Hồng đã bê chai rượu trên nóc tủ xuống và đã uống quá nửa. Chiếc máy âm ghi đặt trên chiếu vọng ra bài hát *Thiên Thai*. Nguyễn Hồng ngồi xếp bằng trước máy đang khóc nức lên: “Schubert, Mozart cũng chỉ đến thế này! Cũng chỉ thế này! Bất công quá! Bất công với thằng Văn Cao quá!”. Nguyễn Quang Thân để hai tay lên môi: “Suyt. Khẽ chú!”. Nguyễn Hồng đã khùng lên: “Nói thì nói. Sợ đeo gì”.

Nhưng sự vùng lên ấy thật hi hữu.

*

Ai cũng biết trong thập kỷ 70, Thi Hoàng là người được Nguyễn Hồng rất mến yêu. Một hôm, Nguyễn Hồng gọi Thi Hoàng vào phòng mình uống rượu. Anh móc trong cặp ra gói thịt chó, theo nhận xét của Thi Hoàng, ăn thừa từ hôm trước.

- Thịt chó để từ hôm trước đến hôm sau ăn vẫn tốt thôi.

Thi Hoàng nghĩ vậy.

Bữa rượu giữa hai bố con và chỉ có hai bố con thật vui. Đó là một cặp bạn vong niên tương đắc. Thậm chí Nguyên Hồng đã có ý định tác thành hôn nhân giữa Thi Hoàng với con gái mình, cô Thanh Thư, khi đó đang sống ở Cầu Tre. Anh đã nhiều lần dắt Thi Hoàng về căn hộ Cầu Tre đó, giới thiệu với con gái. Cô con gái nhà văn nổi tiếng chuyện trò với nhà thơ trẻ rồi xuống bếp làm cơm ba bố con cùng ăn. Nhưng việc không thành. Giữa hai bạn trẻ không phát sinh dòng điện...

Uống rượu, nói chuyện về rượu về say ở ngoài đời, về rượu về say trong văn chương. Bốc lên, Nguyên Hồng đọc *Gửi Trương Tửu* của Nguyễn Vỹ:

*Nay ta thêm rượu nhớ mong ai!
Một mình rót uống chẳng hề say!
Trước kia hai thằng hết một nệm,
Trò chuyện đông dài mặt đỏ sạm.
Nay một mình ta một be con:
Cạn rượu rồi thơ mới véo von.
(.....).*

Và:

*Thời thế bây giờ vẫn thấy khó
Nhà văn An Nam khổ như chó!
Mỗi lần cầm bút nói văn chương,
Nhìn đàn chó đói gặm trơ xương,*

Và nhìn chúng mình hi hục viết,
Suốt mấy năm giờ kiết vẫn kiết,
Mà thương cho tôi, thương cho anh,
Đã rụng bao nhiêu mớ tóc xanh!
(.....).

Thi Hoàng choáng váng trước bài thơ “*viết rồi hã còn say*”¹ ấy. Lần đầu tiên anh được biết, còn trước đây anh chỉ nghe nói đến nó. Dễ hiểu thôi. Quyển *Thi Nhân Việt Nam* có in toàn bộ bài *Gửi Trương Tửu* cho đến năm 1987 vẫn bị coi là quyển sách cấm, ngay các trường đại học cũng không có, phải đánh máy và in roneo, chuyền tay nhau đọc vụng.

Nguyên Hồng khóc như mỗi khi xúc động:

- Thế mới là thơ. Thế mới là say con ạ!

Thi Hoàng bật dậy:

- Con đi lấy giấy. Bố đọc cho con chép bài này.

Anh chạy đi và trở về với tờ giấy, rút bút nhìn Nguyên Hồng, chờ đợi.

- Bố đọc đi.

Câu trả lời của Nguyên Hồng làm Thi Hoàng ngơ ngác.

- Tao quên hết rồi.

Thi Hoàng hăng. Thi Hoàng buồn. Nhưng Thi Hoàng hiểu và thông cảm với người suýt nữa trở thành nhạc

¹ Chữ của Nguyễn Vỹ để dưới bài thơ *Gửi Trương Tửu*.

phụ của anh. Thời ấy thật gay go. Cứ có ai đi Hà Nội về là tất cả xúm lại. Chuyen. Hỏi. Nghe. Xem có gì mới không. Hy vọng. Chờ đợi...

Nhưng dù sao Thi Hoàng cũng buồn.

Tôi yêu những vần thơ sau của Thi Hoàng:

*Ngồi gãi lưng dưới bóng cây
Làm lưng mệt bã ra và ngáp*

Trước mặt không có ai thì hạnh phúc vô cùng.

Và:

*Không hiểu sao... ánh cha trên bàn thờ nhìn mình
căm giận thế.*

Có hai câu thơ của anh được người ta nhắc tới rất nhiều, bình luận rất nhiều:

*Trời thì xanh như rút ruột mà xanh
Cây thì biếc như vắn mình mà biếc*

Về hai câu thơ này tôi lại nghĩ đến một khía cạnh khác, ngoài những điều các nhà phê bình đã viết: Có một cái gì giống nhau giữa Thi Hoàng và Nguyễn Hồng. Cái đẹp hết mình của Thi Hoàng là cái đẹp *rút ruột, vắn mình*, cái đẹp phải trải qua đau khổ, còn với Nguyễn Hồng, Vương Trí Nhàn đã nói rất chính xác rằng “ông hiểu, sau hết, đau khổ còn là vẻ đẹp nữa”.

Có lẽ vì sự gặp nhau ấy mà khi Thi Hoàng còn ở Sở văn hóa, Nguyễn Hồng đã chú ý đến anh. Thi Hoàng là người duy nhất ở Hội Văn nghệ Hải Phòng được Nguyễn Hồng - một người không bao giờ chú ý tới sự ăn mặc của mình - quan tâm đến sự ăn mặc:

- Mà chỉ có mỗi cái quần thôi hở con. Để bố cho một cái. Con trai phải ăn vận cho nó đàng hoàng.

Cái quần Nguyễn Hồng cho, Thi Hoàng mặc cũng tạm gọi là vừa. Quần áo không phải may đo, thế là đã khá lắm. Một cái quần xi mi li màu nâu nhạt, thuộc loại sang trọng thời đó. Thi Hoàng mặc đi làm. Không ai biết lai lịch cái quần ấy. Chính Thi Hoàng cũng không biết. Không phải quần của *Bố*. *Bố* không may loại quần đắt tiền này. *Bố* người to, cái quần này nhỏ. Cũng may Thi Hoàng người nhỏ nhắn, mặc vừa.

Ba hôm sau, cô con gái Nguyễn Hồng đến Hội văn nghệ tìm bố. Cô con gái mà Nguyễn Hồng có ý định *tác thành* cho Thi Hoàng nhưng chuyện không thành. Cô gái cứ nhìn cái quần Thi Hoàng đang mặc và quay đi cười. Thi Hoàng hiểu. Chờ lúc chỉ có hai người, Thi Hoàng quát hỏi Nguyễn Hồng:

- Bố lấy quần cái Thư, bố cho con phải không?

Bố Nguyễn Hồng không trả lời. Còn *con Thi Hoàng* cũng không mặc cái quần ấy nữa. Thà nhất bộ, con Thi Hoàng không mặc cái quần ấy nữa.

Tôi bị bắt tù năm năm. Năm năm, tôi không còn là tôi. Tôi là một con số: CR880. Thật không ngờ mình lại phải ở trong tù lâu như vậy.

Trước khi bị bắt, tôi đã bị gọi lên 176 Trần Phú (nay là Nguyễn Đức Cảnh) thăm vấn nhiều lần. Cửa nhà tù mở ra trước mắt tôi. Tôi đã nghĩ thấy cái hơi lạnh lẽo, ghê rợn của nó.

Một lần thăm vấn xong, để dịu thần kinh, tôi ghé vào một hiệu sách bên bờ sông Lấp. Đạo ấy thái độ của tôi đối với sách có khác bây giờ. Đạo ấy tin hơn. Quý hơn. Tôn trọng hơn. Đứng trước những quyển sách bao giờ cũng thấy lòng mình thanh thản lại. Tôi sửng sờ. *Cơn bão đã đến*¹ của Nguyên Hồng với cái gáy dày cộp bày bán ở chỗ trang trọng nhất trong tủ kính hiệu sách.

Tôi bị giáng một đòn nặng. Sách của anh xuất bản từ bao giờ mà anh không gửi tặng tôi.

Anh đã rời xa tôi.

Tôi nhận thức được tất cả tình hình nghiêm trọng mình đang lâm vào. Tôi cũng thấy thêm một nét buồn nữa của cuộc sống.

Chưa bao giờ tôi thấy mình cô đơn như vậy.

¹ Tập tiếp theo *Sóng gấm*, trong bộ Cửa biển.

Tôi trở về nhà lòng nặng trĩu. Căn buồng vắng. Vợ tôi đang học ở trường đại học. Các con tôi sơ tán ở quê với bố mẹ tôi. Một mình tôi bơ vơ. Không một người bạn nào ở bên tôi. Các bạn trên Hà Nội cũng đã có một số lao đao. Những người còn lại xa cách quá.

Tôi nghe rõ tiếng của im lặng.

Tôi hiểu mình phải làm gì. Điều trước tiên là không được để liên lụy tới bạn bè.

Thế là tất cả các thư từ đều được đem ra đốt. Dưới bếp nhà anh chị tôi, vắng vẻ. Tôi nhớ là mùa nắng hanh. Những bức thư bắt lửa. Đây mới thật là lễ hiến tế... Tôi đưa từng lá thư vào lửa. Khuôn mặt của từng người bạn hiện ra trong ngọn lửa lem lem. Tôi và Nguyễn Bình cùng im lặng. Không ai nói một lời trong suốt lễ hóa vàng. Không cả tiếng thở dài nữa.

Mãi gần đây khi sưu tầm những tài liệu về Nguyễn Hồng để viết, nhớ lại những bức thư vô giá ấy, tôi thú thật với một người bạn trẻ rằng tôi đã đốt đi nhiều thư, trong đó có những bức thư của Nguyễn Hồng. Người bạn trẻ kêu lên:

- Anh đã phạm tội ác. Một tội ác đối với văn hóa. Một tội ác không thể tha thứ được.

Đúng là tôi đã phạm một tội ác. Nhưng tôi vẫn xin tha thứ. Hãy hiểu cho tôi. Tôi đã lang thang nhiều trại, nhiều năm tháng...

Khi ở tù ra, lục tìm những kỷ niệm cũ, may mắn sao vẫn còn một bức thư của Nguyên Hồng sót lại. Bức thư anh gửi cho tôi khi anh đi cùng đoàn khảo sát Sông Đà, viết đằng sau một tấm bưu ảnh Liên Xô, mặt trước in hình một ga tàu điện ngầm Mạc Tư Khoa, mặt sau kín những nét chữ “to đậm, gãy góc” “những dòng chữ xô vào nhau gập ghềnh lên xuống”.

Đoàn khảo sát Sông Đà ngày 31-12-1962

Anh Tấn, chị Tấn và các cháu mến

Mấy tháng nay không xuống được Hải Phòng, không được có dịp ngủ vạ một đêm ở nhà anh chị, không được làm phiền chị lúc đã khuya với các bữa ăn ồn ào thói quen của tôi, tôi rất nhớ anh chị và các cháu.

Có lẽ chị Tấn lại khỏe như thời con gái sau chuyển ở cũ này. Giáng Hương em hay tiểu Dã Tượng, Yết Kiêu đây? Nhà tôi cũng đang giở dạ đấy. Có lẽ sau chuyển đi này về, tôi đến cửa nhà thì được nghe tiếng con bé khóc đây, cũng như tôi sẽ đến nhà anh Tấn, chị Tấn rất hồi hộp khi bước lên thang gác vậy.

Ra giêng này nếu công việc thu xếp để lập chi hội văn nghệ Hải Phòng xong thì tôi xuống ít tuần. Sau đó tôi trở về Yên Thế viết, cố có sách mới để tặng các bạn, để có hàng tốt, hàng đúng trả nợ cuộc sống. Và tôi cũng mong Tấn sớm có sách để trả nợ chị Tấn là người mà anh Tấn vay nợ nhiều nhất.

Tôi có gửi tặng anh chị số Văn học ngày 23-12-62, chắc anh chị nhận được rồi. Chúc trước anh Tấn, chị Tấn một Tết vui, dù khó khăn đến đâu cũng vui, hạnh phúc và thêm sung sướng được sống và làm việc.

Nguyễn Hồng.

Ngoài bức thư viết trên mặt sau tấm ảnh có tính chất chúc mừng năm mới này, tôi còn tìm thấy cái phong bì mà Nguyễn Tuân vẽ lên cốc rượu với dòng chữ *À votre santé monsieur Nguyễn Hồng!* Và những dòng anh ghi những việc phải làm trước khi đi công tác mà tôi đã nói ở phần trên. Chiếc phong bì có vẽ cốc rượu và dòng chữ của Nguyễn Tuân này đã được công bố trên tạp chí *Cửa Biển* và tập sách *Nguyễn Hồng - Cát bụi và ánh sáng*.

May mắn làm sao vẫn còn hai kỷ vật ấy. Đọc thư Nguyễn Hồng tôi sống lại tất cả. Và tôi đã nhiều lần nguyện rửa tội về chuyện đã đốt đi những bức thư mà tôi không thể nhớ được nội dung, những bức thư ngày ấy tôi đã biết hết giá trị của chúng và có lần tôi đã bảo Nguyễn Bình:

- Tao sẽ nổi tiếng vì những bức thư này. Tao sẽ viết hồi ký...

Nguyễn Hồng đi đâu cũng viết thư về cho tôi và có thể cả quyết rằng Nguyễn Hồng qua những bức thư gửi cho tôi chân thực và sống động, riêng biệt rất nhiều.

Đó không phải là những bức thư công việc.

Đốt thư xong, tôi và Nguyễn Bình rủ nhau đi uống cà phê. Biết “có đuôi”, nhưng chẳng cần gì nữa. Thế là hết. Bất cần đời. Lo lắng cũng vậ thôi. Cái gì đến sẽ đến. *Thà một phút huy hoàng rồi chợt tối*¹. Phút huy hoàng của chúng tôi là ngôi im lặng ở một góc quán cà phê Bích Thủy phố Hoàng Văn Thụ như nhờn nhơ lảm trước mắt người trinh sát. Vẫn chưa thể nói được cùng nhau. Sự mất mát là quá lớn. Sự mất mát sắp tới là những gì, chúng tôi không biết được.

Tôi không trách Nguyễn Hồng về chuyện anh không tặng tôi sách. Tôi biết anh là người yêu quý vợ chồng tôi. Tôi biết anh là người thủy chung đôn hậu. Tôi thương anh. Tôi thương tôi. Mỗi chúng ta đều đáng thương. Anh đã vướng nhiều chuyện lồi thòi. Anh tránh tôi, buộc phải tránh dù lòng anh không muốn. Chúng ta có mấy khi được là chúng ta đâu.

Mới đây khi bắt tay viết tập sách này, vợ chồng tôi có ôn lại những kỷ niệm về anh. Đây là những điều vợ tôi nói:

- Đêm, em đi rán trứng cho anh với bác, bác lấy hành trong làn của bác ra. Bác nhai hành buồn cười lắm. Như là nhai bằng cả hàm ấy.

- Có lần bác đến, bác phơi quần đùi, cái quần đùi nâu, luôn dải rút ngay ở lan can gỗ chỗ mình vẫn vắt khăn lau

¹ Thơ Xuân Diệu.

nhà ấy. Nước chảy tong tong, em lại đem vắt lại rồi phơi ra ngoài dây.

- Anh đi rồi, ở nhà em đi làm dọc đường Hồng Bàng. Đạo ấy Hội Văn nghệ còn ở đường Hồng Bàng. Một ngày đi đi về về bốn lần qua trụ sở Hội. Lại càng nhớ anh, thương anh. Có lần đi qua cửa Hội, thấy bác Nguyễn Hồng ngồi trong, nhìn ra cửa. Lại có lần gặp bác đi ngược chiều, không biết bác có nhìn thấy em không. Giá như trước đây, em đã gọi...

Tôi như nhìn thấy một thời đã mất. Tôi như nhìn thấy Nguyễn Hồng còn sống, anh đang dựng Cún ở hành lang, lên thang và đứng trước cửa nhà tôi, chòm râu thưa, nụ cười gập gờm thân thiết và tươi tắn...

Ngày ấy phải sau năm năm tôi mới gặp lại anh. Năm năm đối với những người bình thường, mỗi năm được tính bằng một vòng quả đất quay chung quanh mặt trời. Với tôi năm năm ấy là vô tận, năm năm ấy là một kiếp. Khi tôi ở tù ra, Nguyễn Hồng lại đến thăm tôi. *Cơn bão đã đến* và *cơn bão đã qua rồi*. Anh với tất cả dáng vẻ quen thuộc lại ở trong căn buồng sáng gió của tôi.

Nhìn anh, tôi cười.

Nhìn tôi, anh khóc.

*

Chưa bao giờ tôi thấy Nguyên Hồng khóc nhiều như lần ấy. Anh không muốn thế nhưng không giữ được. Tôi nhìn anh, bối rối vì những giọt nước mắt lớn lao của anh. Tôi biết anh là người dễ xúc động, nhiều khi khóc chỉ vì những chuyện bình thường, nhưng lần này tôi hiểu những giọt nước mắt của anh.

Vậy là lại được gặp nhau. “*Ba lần ngập trong nước sôi. Ba lần chìm trong nước giặt. Ta trong sạch hơn những người trong sạch*”¹. Nguyên Hồng đã vào tù. Nguyên Hồng đã đi an trí. Anh hiểu tôi đã chịu đựng những gì.

Cho đến khi anh ngồi vào ghế, tôi đã pha trà mời anh, anh vẫn chưa nói được một tiếng nào. Anh ngồi im lặng, mắt rỗng không. Rồi anh rút mùi soa, cái khăn mùi soa bản thủ, nhàu trong túi áo nâu ra thấm nước mắt, hỏi tôi với giọng trầm khẽ như hỏi một người vừa qua cơn hấp hối:

- Tẩn khỏe không?
- Khỏe anh ạ. Nhớ anh quá.

Nguyên Hồng uống chén trà và dần dần bình tĩnh trở lại.

Nhưng câu chuyện giữa chúng tôi không còn như xưa nữa. Chúng tôi đều hiểu ngay đã có một cái gì đó ngăn cách chúng tôi. Điều chính yếu, không nói được cùng nhau. Với anh là chuyện sáng tác. Với tôi là chuyện tù

¹ Khúc ca về cuộc hành binh I go (Tôi ghi theo trí nhớ).

đầy. Tình bạn vong niên giữa chúng tôi không còn như trước. Và vì cả hai cùng muốn trung thực nên trong câu chuyện thường có những lúc im lặng nặng nề.

Bởi vậy sau này Nguyễn Hồng ít lại nhà tôi. Biết tôi buồn, nhưng Nguyễn Hồng không động viên tôi. Anh cho là vô ích hay hiểu tôi không cần đến sự động viên. Anh chỉ nói chuyện vui. Anh hớn hờ khoe với tôi là đã được đích thân Thủ tướng Phạm Văn Đồng giải quyết gạo số cho gia đình anh, niềm ao ước lớn thứ hai của anh sau sáng tác. Anh nói về một ngày Tết anh trực ở cơ quan Hội Nhà văn. Chiều, anh đạp xe từ Hà Nội về Yên Thế. Tới lúc mệt, anh dừng lại nghỉ. Nhưng phía tay phải đường không có cây để dựng *Cún*. Anh quành sang bên trái dựa *Cún* vào một gốc cây và thuận tay anh quành đầu *Cún* trở về phía Hà Nội. Anh nằm xuống thăm cỏ vệ đường, ngay cạnh *Cún* ở pooc-ba-ga có chằng buộc một cái làn ràng ràng nhét đầy chai lọ.

Anh ngủ lúc nào.

Anh ngủ ngon lành say sưa, mặc cho người, xe đạp, ô tô ngược xuôi sát cạnh.

Khi choàng mắt dậy đã thấy chiều tà. Anh lên xe hối hả đạp. Đạp vội vã, rút ngắn khoảng cách, bù lại thời gian ngủ. Anh sợ tối dọc đường, không có mặt ở nhà như đã hẹn. Anh cảm cú đạp và... bỗng thấy cầu Long Biên lên đèn trước mặt! Anh chột hiểu rằng trong lúc cuống cuống vội vã mình cứ thẳng phía đầu xe, đạp ngược về

Hà Nội. Thế là lại phải quay đầu *Cún* trở lại, miệt mài cùng *Cún* mãi nửa đêm mới tới Cầu Đen...

Chưa bao giờ anh hỏi tôi do những nguyên nhân gì tôi bị vào tù cũng như chưa bao giờ anh hỏi tôi những chuyện ở trong tù. Anh không quan tâm đến những người *dưới đáy* nữa hay sao? Anh lảng tránh nó, điều trước đây anh rất quan tâm. Nó đã làm nên sự nghiệp của anh. Nó làm anh nổi tiếng khi anh mới mười sáu tuổi và trở thành bất tử. Nó làm nên vẻ riêng biệt của anh, không một nhà văn nào có được.

Hãy nghe Nguyên Hồng nói vì sao anh viết *Bỉ vỏ*:

...Năm ấy tôi mười sáu tuổi, hết hạn tù, được tha... Bao nhiêu ngày tháng bị câu thúc thân thể và phải làm những việc bần thủ nặng nhọc quá sức mình, tôi tưởng khi thoát khỏi cảnh tù tội đây ải ấy thì sẽ sống no ấm... ngờ đâu! Vì thế xác thịt tôi dần dần suy nhược, ôm cái ngực thỉnh thoảng đau chói lên, tôi cảm thấy đời tôi đã bị rút ngắn đi và một ngày rất gần kia sẽ hết... Chết! Mỗi lần cái chữ đen tối khủng bố ấy hiện ra, sao mà tôi thấy chung quanh tôi, sự vật gì cũng sáng sủa tươi đẹp thế! Hết thấy đều kêu gọi lòng ham sống của tôi.

(..). Những lúc lo sợ, đau đớn quá, trong tâm trí người ta hay nảy ra những ý muốn khác thường. Tôi, tôi muốn có một cái gì để mãi mãi an ủi mẹ tôi và để tỏ lòng tôi mến tiếc và thương nhớ những người và vật đã làm tôi vui thích đến say mê. Nghĩa là tôi phải để lại một cái

gì tinh khiết nhất của hồn và xác tôi cho cõi đời mà tôi yêu mến.

Cái gì tinh khiết nhất của hồn và xác Nguyên Hồng là tập tiểu thuyết *Bỉ vô*, là sự hiểu biết cặn kẽ, sự thông cảm sâu sắc với nỗi khổ đau của con người, khẳng định những phẩm chất của họ cho dù có bị dày đọa vào giữa bùn lầy rác rưởi. (Theo *Tổng tập văn học Việt Nam*)

Chỉ có một lần, một lần duy nhất, anh nói *gần tới* chuyện đó của tôi.

Năm ấy đứa con trai lớn của chúng tôi thi vào đại học. Biết thân biết phận, thương bố thương mẹ, cháu làm mọi việc để san sẻ một phần gánh nặng của bố mẹ. Cháu kéo xe ba gác. Quán thuốc lá tới khuya. Làm bốc vác. Cháu có ít thời gian học bài. Nhưng cháu vẫn đỗ thủ khoa trong kỳ thi vào Đại học Đường thủy với 21,5 điểm. 13 điểm được vào trường. 18 điểm được đi học nước ngoài. Vậy mà việc học trong nước cũng rất khó khăn, mặc dù ông Trần Đông, giám đốc sở Công an Hải Phòng đã nói cùng tôi khi tôi đi tù về: “Con anh sẽ được vào đại học”. Chạy vậy mãi cháu cũng được vào trường nhưng muộn mất một tháng. Thật vô cùng may mắn. Chúng tôi đâu dám mơ tưởng đến chuyện cháu đi học nước ngoài. Dù đã xác định như vậy sao trong lòng vẫn thấy đau. Bởi vì có một đứa con đi học nước ngoài thì không phải nuôi nó suốt năm năm, nó lại còn là chỗ dựa cho gia đình về kinh tế. Hơn nữa,

đây còn là lẽ công bằng, là thực hiện đúng chính sách của Đảng.

Một buổi trưa tôi và Nguyên Hồng, Nguyên Bình đang ngồi chờ vợ tôi làm cơm ăn thì tiếng loa Ngã Sáu vọng vào báo tin Trung Quốc vừa bắt bè lủ bốn tên: Giang Thanh, Vương Hồng Văn, Diêu Văn Nguyên, Trương Xuân Kiều.

Chúng tôi ngừng chuyện, lắng nghe.

Thối hài hước chưa chết hẳn trong tôi. Tôi nói:

- Thế là từ nay con Giang Thanh không được đi học nước ngoài nữa rồi.

Nguyên Hồng trách tôi:

- Cú cái kiểu nói như thế.

Nguyên Bình ngơ ngác:

- Ừ nhì? Con Mao Trạch Đông mà không được đi học nước ngoài thì gay thật...

*

Nguyên Bình nhận xét rằng: Sau khi tôi bị bắt, Nguyên Hồng đối với Nguyên Bình khác trước. Thân hơn. Quý hơn. Nhiệt tình hơn. Nguyên Bình nghĩ cái phần hơn ấy là phần Nguyên Hồng dành cho tôi.

Khi Nguyên Hồng đi Tiệp Khắc về, Nguyên Bình gặp anh tại căn buồng chuồng chim của anh trên gác Hội Nhà văn.

Đang lúi húi với cái bếp điện anh reo lên:

- Bình đây hở? Mới lên đây hở? Ở đây ăn cơm. Có hai chúng mình thôi.

Và:

- Chờ tí! Chờ tí! Đi mua thêm quả cà chua rồi về ngay đây!

Nguyễn Hồng xuống thang, tắt tưới ra phố.

Nguyễn Bình kể:

- Trên bàn có chai rượu chanh, lại một chai rượu cam cụ bảo mua ở Bằng Tường. Chai nào cũng uống dở. Ở ghế tựa ngồi viết treo một chai rượu bèn bẹt đút trong vỏ da rất đẹp có dùi lỗ và luồn dây như kiểu dây giày. Chai rượu nhỏ nhưng nắp xoáy lại rất to cao, như một cái ly. Biết là loại rượu đặc biệt cụ vừa mang từ Tiệp về, cụ không mời mình loại rượu này đâu vì cụ vẫn tự cho phép mình uống rượu ngon mà không mời người cụ cho là không biết thưởng thức, tao mở nắp rót gần đầy một nắp. Quặn ruột. Cay cả mắt. Nước mắt tao giàn ra. Tao vội vặn nắp treo trả chai rượu vào ghế và đi ra cầu thang đón cụ, để có đủ bằng chứng là mình... ngoại phạm.

Chúng tôi cùng cười vì tiếng ngoại phạm Bình hồn nhiên thốt ra. Bình đứng chờ và thấy Nguyễn Hồng bước vào sân, hai tay hai nắm hành và cà chua. Nguyễn Hồng lấy khuỷu tay huých huých mở vòi nước dưới sân Hội Nhà văn, cho xối vào món la ghim cầm tay rồi cùng Bình

lên gác. Tôi nơi anh liếc nhìn chai rượu quý. Hẳn là nghĩ đến sự mất cảnh giác không thể tha thứ được của mình trong suốt lúc đi chợ.

Cũng chỉ một cái nhìn ấy thôi. Suốt buổi trưa tiếp Bình, anh không nhìn nó một lần nào nữa, anh làm như không có nó, làm như nó là một cái chổi, hay cái khăn lau, không có gì đáng giá, không có gì phải quan tâm.

Tay ướt đẫm, Nguyễn Hồng thái hành, thái cà chua bằng con dao i nốc sáng loáng mới mua.

- Xong rồi đây. Xong rồi đây.

Bày hành vào một đĩa, cà chua vào một đĩa. Nhìn. Ngắm. Vẽ hài lòng. Rồi mở va li. Lọc. Lấy ra cái bánh mì gối:

- Bánh mì Tiệp. Mang từ Tiệp về. Ngon lắm. Ngon lắm!

Mở hộp ba tê. Lấy chai rượu trên bàn rót ra chén. Uống. Ăn. Và kể chuyện. Chuyện chuyển đi Tiệp Khắc vừa xong. Tất nhiên thích thú nhất vẫn là chuyện rượu.

Sang Tiệp Khắc, Nguyễn Hồng về thăm một xí nghiệp vùng Bô-hêm, chuyên sản xuất pha lê mỹ nghệ. Người ta giới thiệu với anh dây chuyền sản xuất pha lê nổi tiếng thế giới và mời anh thăm phòng truyền thống, trong đó lưu giữ những mặt hàng cực kỳ quý giá: chao đèn cho nhà vua Phổ, bình hoa của nữ hoàng Anh...

Tất cả những điều ấy đều thú vị nhưng không bằng chuyện anh được kết nạp vào Hội Nghiện rượu, trở

thành hội viên Hội Nghiên rượu của xí nghiệp. Mà lại là một hội viên quốc tế xứng đáng, nòng cốt chứ không phải loại chiếu cố như một vài hội viên khác. Bữa ấy đến xí nghiệp có Nguyễn Hồng và một vị khách châu Âu. Sau khi thử tài rượu trong buổi chiêu đãi, lễ kết nạp hội viên được tổ chức.

Chủ khách đứng quanh một cái bàn dài và hẹp. Chủ tịch hội đọc diễn văn, nói lịch sử và quá trình phát triển của hội, công bố danh sách hội viên quốc tế với những tổng thống, thủ tướng, hoàng tử của nhiều nước và giới thiệu hai vị cảm tình hội đang được thử thách lần cuối cùng trước khi chính thức kết nạp.

Vỗ tay ran. Rượu được bung ra. Mỗi người phải cạn một hơi một cốc to rượu mạnh. Tất cả uống và nhìn cả vào hai người sắp trở thành hội viên, một người châu Âu, một người châu Á. Cả hai đều vững. Đều cạn và dốc ngược cốc. Không còn một giọt. Lại vỗ tay. Rượu cháy cổ. Có lẽ phải 50 độ. Đã thấy rần rật cả người.

Hai chai rượu khác và một hộp vuông vẫn được mang đến. Mọi người lùi ra. Đứng gần bàn chỉ có Nguyễn Hồng và người khách châu Âu đang bước vào cuộc sát hạch cuối cùng.

Để dễ hình dung, cái hộp vuông đó giống như chiếc máy quay đĩa ngày xưa. Nó có mô tơ làm quay một đĩa tròn bọc nỉ, trên đặt sáu ly có chân. Người được sát hạch phải mở chai rượu mới, rót đầy sáu cái ly đó, không được

làm vãi một giọt trong khi đĩa, cốc vẫn quay và đầu óc chân tay mình lảo đảo. Vị khách châu Âu cố đứng vững, tay run run làm rót rượu xuống đĩa. Đến lượt Nguyên Hồng. Rượu đã ngấm. Hơi chénh choáng. Anh mở chai rượu mới. Thơm lừng. Muốn ném một ngụm quá. Anh rót. Đĩa quay. Cốc chạy khỏi tay anh. Anh đưa chai theo cốc. Một cốc. Rồi hai cốc. Ba cốc. Cả sáu cốc đều đầy. Không rót ra ngoài một giọt.

Như chỉ đợi điều kỳ diệu ấy, một tràng vỗ tay bật lên. Ông chủ tịch đọc bài diễn văn kết nạp hội viên đã chuẩn bị sẵn. Ông ca ngợi sự thần kỳ của rượu kể cả về mặt triết học. Rượu là điều dễ hiểu nhất về sự thống nhất giữa các mặt đối lập, vừa là nước vừa là lửa, vừa là niềm vui lại vừa là nỗi buồn, một người bạn bao giờ cũng đến đúng lúc, dù mình cô đơn hay đang sum họp đông vui... Ông ca ngợi tửu lượng của hai vị khách, và long trọng tuyên bố: Kể từ nay các vị là những hội viên quốc tế Hội Nghiên cứu rượu của xí nghiệp chúng tôi. Các vị có thể đến đây uống rượu bất kỳ lúc nào mà không phải trả tiền...

Cả hai đã được kết nạp. Vị khách châu Âu được chiếu cố. Còn Nguyên Hồng hoàn toàn đủ tiêu chuẩn, hoàn toàn xứng đáng. Là hội viên quốc tế, Nguyên Hồng có thể đến xí nghiệp uống rượu không mất tiền, nhưng anh không có dịp trở lại Bô-hèm nữa.

Câu chuyện được kết nạp vào Hội Nghiên cứu rượu ở Tiệp Khắc này khi về Hải Phòng, Nguyên Hồng cũng có kể

tặng tôi. (Chuyện anh là hội viên Hội Nghiện rượu làm tôi rất thích nhưng còn thích hơn nhiều là việc người ta có thể lập hội mà lại là cái hội cho những người nghiện rượu. Cuộc đời đúng là có những nguồn vui mà chúng tôi không hình dung nổi). Ngoài món quà Hội Nghiện rượu cho vợ chồng tôi, anh còn có quà cho con tôi, đứa con đầu khi đó đã học đại học.

- Đây, thước của cháu Hiến đây.

Anh xếp ra những chiếc thước vẽ kỹ thuật bằng nhựa nhiều kiểu cong lượn và thủng ở giữa.

- Đúng chưa nào?

Chả là trước khi đi Tiệp, anh lại nhà tôi hỏi xem có cần mua gì ở bên ấy không? Chúng tôi trả lời là không và chỉ chúc anh đi mạnh khỏe, khi về có nhiều chuyện vui. Riêng cháu Hiến quá cần đến thước vẽ kỹ thuật mà bên ta không có bán.

Mặc cho chúng tôi mắng cháu “Đừng làm phiền bác” cháu vẫn nhờ anh mua và cố giảng cho anh về những chiếc thước khác thường dùng trong môn học.

Nhìn những thước trên bàn, khuôn mặt cháu sáng lên.

- Cháu xin bác. Đúng rồi ạ. Đấy, cháu đã bảo bác mà, cứ nói thước vẽ kỹ thuật là họ biết.

- Thì bác cứ tưởng thước là phải thẳng. Ai biết đâu lại có thước ngoằn ngoèo thế này. Các cụ nhà mình đã nói thẳng mực thước mà lại.

Cuối cùng tôi cũng có một phần quà của riêng mình: Một chiếc áo sơ mi phin trắng tàu tàu. Tôi giơ áo lên: Cổ áo có ghi số và chữ BTC. Áo anh được mượn để mặc sang thăm Tiệp Khắc.

- Sao anh yếm được cái áo này. Tưởng anh phải trả Bộ Tài Chính chứ?

Tôi quen mồm dùng chữ “yếm”. Trong tù có nghĩa là giấu. Thứ ngôn ngữ ấy chẳng xa lạ với Nguyễn Hồng.

- Minh khai là rách, là mất. Thiếu gì cách.

Anh vốn không biết nói dối. Anh đã nói dối vì tôi. Anh nói dối vì không biết buôn mà lại muốn cho tôi cái áo cũ.

Tôi đang thiếu áo. Chiếc áo ấy tôi mặc đi làm. Làm hợp tác xã cơ khí. Làm miến. Kéo xe bò. Bốc vác phân đạm ở Cảng.

*

Tôi đã sống cuộc sống vỉa hè đường phố bụi bặm mồ hôi vất vả khó khăn cơ cực. Từ trước tới nay tôi không được đào tạo để thích ứng với cuộc sống đó. Ngược lại tôi được dạy dỗ rằng cuộc sống vỉa hè là cuộc sống phải cải tạo vì đó là cá thể, là mảnh đất màu mỡ hàng ngày hàng giờ nảy sinh mầm mống của chủ nghĩa tư bản.

Gặp việc gì làm việc ấy. Lên sân Bonnal chỗ tôi và Nguyễn Hồng đã ngồi xem trận đấu bóng Algeria - Hải Phòng năm nào, phụ vá xe đạp cho một anh bạn. Đón hàng kéo xe bò. Dán hộp giấy gia công cho công ty vợ

tôi. Đục lỗ khay hấp mì cho xí nghiệp mì sợi Vĩnh Niệm. Phải làm sao tự nuôi được mình và góp phần với vợ nuôi bốn đứa con. Cái gánh nặng ấy nằng mang quá lâu rồi.

Nhưng việc khi có khi không. Rất bấp bênh. Tôi nghĩ đến thầy giáo Thứ *Sống mòn*, đến Nguyên Hồng khi còn ở xóm Cấm, đến Thanh trong *Sóng gấm* kéo lê guốc mòn vẹt đi các nơi xin việc.

Tôi không thể đọc sách được từ dạo ấy. Tôi không tìm được trong sách những điều bổ ích. Sách đâu có nói đến khổ đau. Làm sao tôi có thể đọc được những tiểu thuyết, truyện ngắn, truyện dài viết về tính hơn hản của hợp tác xã, ý thức làm chủ của xã viên, sự cùng đường của người làm cá thể, những truyện cải tiến kỹ thuật trong công nghiệp. Làm sao có thể đọc những truyện viết về trí thức, kỹ sư, phó tiến sĩ, với dăm thuật ngữ kỹ thuật kể chuyện nằng vì tập thể, vì ước mơ vì lý tưởng, còn chàng ngại khó ngại khổ, cá nhân chủ nghĩa, chỉ muốn về thành phố và sang Liên Xô học thêm, cuối cùng tình yêu tan vỡ. Những truyện này đọc trang trước biết trang sau, đọc đầu biết giữa, đọc giữa biết cuối, những truyện lảng tránh những đau khổ, những suy nghĩ thực của nhân dân, những truyện quên mất thân phận con người. Hãy nhớ rằng những khổ đau vẫn còn đó.

Gần hai mươi năm sau tôi mới tập đọc trở lại. Nhờ có Nguyên Bình. Nguyên Bình đưa tờ báo *Văn nghệ* cho tôi.

- Mà đọc truyện này đi. Khá lắm.

Nể Nguyên Bình, tôi đọc. Truyện ngắn ấy đã cuốn hút tôi. Đó là truyện *Tướng về hưu* của Nguyễn Huy Thiệp. Tôi lại đọc được từ ấy. Có lẽ tôi đọc lại được nhờ Nguyễn Huy Thiệp thì đúng hơn.

Trong tù, một người bạn tù già rất giỏi xem tướng số (nhưng rất ít khi xem cho người khác vì sợ bị kỷ luật về tội tuyên truyền mê tín dị đoan) một hôm lúc vắng người, kéo bàn tay tôi ra ngắm nghía. Sau khi khen bàn tay tôi đầy đặn, mềm - dù làm việc vất vả tay tôi vẫn mềm - người tù ấy nói:

- Sau này anh chuyển nghề. Anh không làm nghề cũ nữa.

Tôi im lặng. Nhưng trong lòng không tin. Không bao giờ tôi bỏ sáng tác. Tôi đã sống vì nó. Và đã chết vì nó. Không ai có thể làm tôi rời bỏ việc sáng tác.

Thế nhưng suýt nữa tôi đã rời bỏ nó. Mang trong lòng nỗi oan ức, nỗi lo kiếm sống, làm lưng vất vả, lo lắng, thường xuyên bị kiểm tra hộ khẩu, bị gọi ra đồn khai lại lý lịch, hết bố lại tới con, được công an thăm viếng nhắc nhở, không ai cấm mình viết, nhưng mình có viết cũng không ai in,... tất cả chỉ là một mặt của sự chán nản. Còn mặt chán nản khác: Nếu cho đến bây giờ vẫn viết như những sách đã in (kể cả những sách ít ỏi của tôi đã in hoặc còn dưới dạng bản thảo) thì viết làm gì nhỉ?

Một lần gặp Châu Diên, cũng là lâu lắm mới gặp nhau, Châu Diên giục tôi viết. Tôi nổi cáu lên với Châu Diên:

- Đất nước này cần sự thay đổi. Đất nước không cần đến những sáng tác như vậy. Mà xui tao viết làm gì, thằng gàn?

Và tôi đã nói với Lê Bầu, Nguyễn Vĩnh trong cuộc gặp gỡ ở nhà Lê Bầu:

- Nói thật nhé. Tôi ở dưới cơ sở, tôi biết. Người ta quan tâm đến những cái gì cơ! Người ta không đọc sách mấy ông viết đâu.

Nguyễn Vĩnh, ông cử nhân luật thời Pháp đi theo cách mạng, cùng ở báo *Tiến Phong* một thời với tôi. Anh chuyển sang báo *Văn nghệ* phụ trách tổ dịch. Nguyễn Vĩnh rất tán thành điều tôi nói:

- Đúng rồi. Mấy ông nhà văn viết, mấy ông nhà văn đọc với nhau. Rồi khen nhau: Chữ ông dùng đắt lắm. Có chữ nào đắt bằng quả trứng vịt lộn!

Trong những ngày mệt bã ra ấy, thỉnh thoảng tôi lên Hội Văn nghệ gặp Nguyên Bình. Anh đã dọn hẳn lên Hội ở. Anh em Hội Văn nghệ nhìn tôi thật lạ. Không ra nhìn thấy. Không ra không nhìn thấy. Không ra chào, không ra không. Chẳng là quen mà cũng không là lạ. Mọi người nhìn tôi như nhìn một người chết còn sống, một cái xác biết đi. Kể cả Nguyên Hồng. Cả Nguyên Bình nữa. Không phải chỉ các anh em văn nghệ. *Tất cả những ai quen biết tôi đều nhìn tôi như một cái gì đã kết thúc rồi.* Tôi hiểu: Tương lai tôi đã được định đoạt. Nó là thế đấy.

Một hôm tôi và Nguyên Bình đang lúi húi sửa điện trong buồng Nguyên Bình thì thấy đầu Nguyên Hồng ló vào. Vẫn đứng ngoài sân, Nguyên Hồng hỏi:

- Tẩn với Nguyên Bình uống... uống rượu đấy à?

Chờ Nguyên Hồng đi, Nguyên Bình thì thào:

- Cụ lên cơn nghiện đấy. Tuốc vít, kim, dây điện thế này mà cụ lại nhìn ra cốc chén, chai lọ thì ghê thật.

Lại một buổi sáng, tôi và Nguyễn Văn Chuông đang đứng ở sân sau Hội Văn nghệ thì Nguyên Hồng dắt *Cún* vào, theo sau là một thanh niên. Nguyên Hồng dựng xe, tháo cái làn rành rành đặt xuống sân. Anh thanh niên ngồi xuống bên cạnh. Nguyên Hồng lấy từ trong làn ra một cái gì đó đưa cho anh thanh niên. Anh đứng lên, giữ mạnh. Một cái quần. Một cái quần xi-mi-li màu nâu. (Chắc là giống cái quần cho Thi Hoàng). Nguyên Hồng cũng đứng lên, ngược nhìn cái quần, vẻ mặt căng thẳng chờ đợi lời phán xét. Bỗng anh thanh niên kêu:

- Ô. Quần con gái hở bố?

Nguyên Hồng ớ ra, không nói được một lời.

Chuông kéo tay tôi, chuẩn vội ra phía trước:

- Đi mau. Cụ bán quần. Màu sắc, vải đúng cả rồi. Nhưng lại là quần con gái.

Hắn là lúc ấy trông tôi phong trần lắm, nên Nguyễn Văn Chuông an ủi tôi:

- Con người ta có số hết anh ạ.

Ngày ấy Chuông đã tin ở số. Khi về hưu, Chuông càng nghiên ngẫm, càng tin tưởng. Trong bữa rượu với tôi ở Kênh Giang, Chuông an ủi tôi: Anh không lâm nạn là anh hồng đấy. Đạo ấy anh viết nhiều nhưng anh sắp hồng, thật đấy. Anh bị bắt có khi lại là may. Anh lại có một cuộc sống không ai có được.

Cùng ý của Chuông nhưng Phùng Quán nói khác. Phùng Quán tới nhà tôi cũng phải sau một phần tư thế kỷ. Gặp nhau lần trước tóc còn xanh, còn đi đứng như một thanh niên, lần gặp nhau sau râu tóc bạc trắng, trông anh già hơn cả Nguyên Hồng.

Chúng tôi ôm lấy nhau như những người qua cơn hoạn nạn còn sống ôm lấy nhau.

Quán có trí nhớ tuyệt vời. Anh vẫn nhớ tên vợ tôi, vẫn nhớ số nhà vợ chồng tôi ở Hà Nội ngày trước. Chúng tôi nhắc lại bao nhiêu chuyện. Quán thú thật với tôi về phiên bản thu nhỏ bức tượng Vệ nữ ở Milo mà Lê Bầu từ Thượng Hải mò lên tận Vô Tích mua, gửi bằng đường bưu điện về báo *Tiến Phong* cho tôi năm 1956. Thích bức tượng quá, Quán mượn và không trả, nói dối tôi là nó vỡ mất rồi!

Tôi hỏi Quán có nhớ Quán dạy tiếng Pháp cho một sĩ quan cao cấp ở Hà Nội không? Với giọng Huế du dương, Quán cao giọng, bắt chước người học sinh già ngày xưa hỏi anh:

- Sao lại đọc là *séc sê* mà không đọc là *séc séc*?

Chả từ *chercher* tiếng Pháp (nghĩa là tìm) gồm hai nhóm chữ hoàn toàn giống nhau đã khiến học sinh chất vấn thầy về cách đọc.

Chúng tôi cả cười. Ôi! Những chuyện một thời xa lắc xa lơ. Một thời đẹp gần ngang thời thơ ấu!

Quán nói về những ngày *hậu Nhân Văn*, anh đi lao động cải tạo tại công trường thủy lợi. Run rủi thế nào lại đúng vào đơn vị anh ruột tôi, anh Bùi Ngọc Chương (cùng sinh năm 1932 với Quán) làm thủ trưởng. Quán chỉ xin anh Chương tôi một tờ giấy khen, “với các anh nó cũng bình thường thôi, nhưng với tôi quan trọng lắm. Họ có thể rút ngắn thời gian lao động của tôi”.

Anh lại cười. Cười đấy nhưng đôi mắt ông già Quán đượm buồn. Anh bảo tôi (và có lẽ cũng để nói với chính mình):

- Đừng buồn. Ông Giê-su phải tự mình vác cây thập tự tới chỗ hành hình. Không có cây thập tự, Đức Giê-su không còn là Đức Giê-su nữa. Mỗi người đều có cây thập tự của mình, phải tự mình vác nó. Tao có cây thập tự của tao. Mà có cây thập tự của mày. Không có nó, ông Giê-su không còn là ông Giê-su, tao không còn là tao, mà mày cũng chẳng phải là mày.

Nghe lời Phùng Quán, tôi mang cây thập tự của tôi thấy nhẹ nhõm hơn. Đúng là trên đời này ai cũng phải mang một cây thập tự.

Nguyên Hồng cũng có cây thập tự mà anh mang vác nó cho đến lúc chết. Đó là sự đam mê viết - luôn bị ám ảnh bởi công việc, ngoài viết ra không còn thiết gì nữa như Nguyễn Tuân đã nói. Anh tự khoác cho mình những cái ách rồi gò lưng kéo, nhiều khi quá cả sức mình. Anh muốn anh em trẻ cũng như anh. Trước hết là phải đam mê.

Trong những ngày tôi sống cuộc sống vỉa hè đường phố ấy, Nguyên Hồng đưa anh em trong Hội Văn nghệ Hải Phòng đi Lào Cai, Thái Bình, Nam Định, Thanh Hóa, Nghệ An. Anh muốn anh em hiểu được bài học về đất nước.

Uống rượu bằng bát ở Lào Cai, thăm nhà tu kín Phát Diệm, nghe ông phó chủ tịch tỉnh Nghệ An báo cáo công trình dẫn dân Quỳnh Lưu lên núi, sắp xếp lại nông thôn, “tạo dáng cho một cánh đồng chính là tạo dáng cho một cuộc đời”.

Người ta đã viết nhiều về chuyện ở Mường Khương, đang đêm, nghe tin bóng đá qua loa truyền thanh, Nguyên Hồng bật dậy, gọi chánh văn phòng Hội Văn nghệ cùng đi:

- Min ơi. Dậy đi! Đi đánh điện về chúc mừng đi! Hải Phòng ta thắng rồi!

Ở Mường Khương tiếp đón long trọng quá. Món thịt *thắng cố* ninh trong vạc lớn. Rượu múc từng bát. Một chút gì hoang dã. Một chút gì Lương Sơn Bạc.

Ăn uống xong, thâm nhập thực tế. Sổ sách, giấy bút, hỏi han, ghi chép. Nhưng anh em nhớn nhỡ, không viết. Nguyên Hồng họp tất cả lại, mắng nhiếc tàn tệ:

- Viết đi! người ta tiếp đón như thế mà không viết thì thì... khốn nạn!

Tất nhiên anh em viết ngay. Có bài ngay. Gửi đăng báo Lào Cai. Tất cả đều được đăng. Cả thơ, bút ký, phóng sự...

Nguyên Hồng hài lòng. Bữa rượu chia tay, tất cả say. Ngồi trên ô tô từ Mường Khương về Lào Cai xuôi dốc Ô quy hồ, Nguyên Hồng bốc lên:

- Min ạ! Sang Liên Xô, tao có thêm đến thăm Sholokhov đâu. Sholokhov hơn gì tao. Bộ *Cửa biển* của tao có kém cũng chỉ kém, kém, kém một tí thôi!

Từ Lào Cai trở về bằng tàu đêm. Nguyên Hồng bắt anh em xếp hàng mua mỗi người một vé toa đen, toa chở hàng, không có ghế. Phải dài ni lông nằm chen chúc dưới sàn.

“Thế này mới biết, mới viết được. Chú chúng mày ngồi toa trên kia, chẳng biết được cái gì mà viết đâu”. Nằm thế cũng được thôi, nhưng bí một cái trong toa không có chỗ đi tiểu. Ông chủ tịch hội Nguyên Hồng thao diễn cách giải quyết ngay. Lấy một cái ca, quay mặt vào một góc. Rồi hất qua cửa sổ toa tàu: Thế là xong! Tất cả anh em, các ông các bà hành khách nằm ngổn ngang trên tàu nghe tiếng ro ro từ ca phát ra đều công nhận cách ấy là tốt nhất và cũng là duy nhất.

Không chỉ những cuộc dã ngoại quy mô như thế. Còn tranh thủ đi ngay trong thành phố. Anh đưa Thanh Tùng về thăm Ao Than, nhà Nguyễn Sơn Hà, nhà Bạch Thái Bưởi. Anh cùng Đoàn Min về lại xóm Cấm, nhìn lại gian nhà anh ngồi viết *Bỉ vờ*. Vào chơi nhà ông Đoá, ông Mô, những học trò của cậu giáo Hồng ngày trước.

Bà Đoá nói:

- Cậu giáo còn nhớ không? Cánh cửa hạ xuống làm bàn học, kê ở chỗ này...

Ông Mô gọi vợ lên chào cậu giáo Hồng, vợ ông khi ấy còn bé tí chưa đi học mà chỉ được cậu giáo bế lên lòng. Ngày ấy có nhiều học sinh cứ đến cuối tháng là trốn học vì không có tiền nộp học, cậu giáo lại phải đi từng nhà nói để các em vẫn đến lớp, duy trì lớp.

Những chuyện ấy Nguyên Hồng không kể với tôi. Tôi cảm ơn anh về sự tế nhị ấy. Anh đến nhà tôi chỉ để nghỉ ngơi, xem chúng tôi sống ra sao và uống rượu. Tôi hỏi anh đến bao giờ anh đi Sài Gòn. Đây là quê hương Năm Sài Gòn, lại có *Cửu Long giang ta ơi*. Anh không trả lời vào câu hỏi mà đi kể chuyện Nguyễn Tuân:

- Ông Tuân vào Sài Gòn đi xích lô, hỏi ông xích lô là từ khi giải phóng đến giờ ông sợ cái gì nhất? Ông xích lô nói: Sợ nhất là đổi tên phố...

Rồi cười:

- Quái quý!

Và bỗng nhiên nhảy sang một chuyện hoàn toàn khác, kiểu nhớ đầu nói đấy:

- Ông Tuấn hỏi tôi có biết tiêu chuẩn mai táng của mình là Văn Điển hay Mai Dịch không? Được bao nhiêu dòng cáo phó trên trang tư các báo, có nắm được không? Biết để khi chết còn đấu tranh.

Lại cười:

- Quái quý!

Cũng có khi chẳng chuyện, chẳng rượu. Chỉ nằm khểnh trên chiếc giường cá nhân (vợ tôi mới mua lại của một công nhân Cảng, khi tôi còn ở tù) bắc chân chữ ngũ đọc văn tế Henri Rivière của Nguyễn Khuyến mà các cụ vẫn gọi là văn tế Thuyền-Đồ-Phổ-Nghĩa:

Nhớ ông xưa

Mắt ông xanh lè

Mũi ông thò lờ

Đít ông cưỡi lừa

Mồm ông huýt chó

Nhà ông bày toàn những chai

Và ngồi bật dậy:

- Đau thật! Đau thật! *Nhà ông bày toàn những chai* có đau không cơ chứ. Các cụ bày sập gụ tủ chè, hoành phi câu đối, bát cổ đĩa cổ, đồ sứ Giang Tây, đồ trà Thế Đức mà nó lại bày toàn chai. Đểu thật! Khốn nạn thật!

Lại lấy giọng ngậm tiếp:

- Nhà ông bày toàn những chai. Vườn ông giống toàn những cỏ.

Rồi nhăn nhó:

- Nhà ông bày toàn những chai đã đủ đâu rồi. Lại còn vườn ông giống toàn những cỏ. Khốn nạn. Vườn tưởng giống gì. Lại đi giống cỏ. Lan không. Cúc không. Trúc không, đào cũng không. Giống toàn những cỏ. Đau quá. Chịu thế nào được. Cho nên phải *khốn nạn thân ông, đéo mẹ cha nó!*

Một bữa Nguyễn Hồng đến nhà đúng lúc tôi đang thử một cái áo mới may. Nó bằng pô-pơ-lin pha ni lông. Cái áo vải tổng hợp đầu tiên trong cuộc đời tôi. Nhìn người ta mặc mãi rồi cuối cùng tôi cũng có. Mặc vào mà cứ thấy mình ngang tầm thời đại.

Anh xuyt xoa:

- Áo đẹp quá nhỉ?

Đó là niềm tự hào của vợ tôi. Bao nhiêu cố gắng vất vả. Xếp hàng nửa ngày trời để cắt ô S, mua “xi”, rồi bán “xi” lấy lãi, mua cho tôi mảnh vải này. Rồi xoay tiền công may.

Bị anh bắt quả tang trong lúc đang ngắm vuốt, tôi chỉ nói:

- Cái áo anh cho rách rồi.

Anh hỏi:

- Cái này có *pha lon* không?

Anh nói tiếng *pha lon* giòn tan như tiếng các cô mật dịch viên bách hóa. Không đợi tôi trả lời, anh tiếp:

- Vãn bây giờ cũng phải *pha lon*. *Vãn-pha-lon* ha ha...

Tiếng cười quen thuộc của anh vang dồn.

Giáng Hương của bác đã thành thiếu nữ. Cháu đã học bài “*Lê Văn Quát con ơi! Hôm nay bố cúng cơm con đây, tạp nhất bản phù lưu thanh thủy.*”¹ Cháu vào bếp nướng mực khô. Đó là món anh thích. Tự tay anh pha chế thứ chấm mực khô: Muối, chanh và một thìa con mỡ nước. Anh rút từ trong làn ra mấy củ hành.

Anh uống và nói với vợ tôi, chân tình như nói với một người em gái:

Một trong những phát minh lớn nhất của nhân loại là phát minh ra men rượu. Uống đi chị Tấn ạ. Chị sẽ tìm thấy hạnh phúc trong rượu.

¹ Trích *Sóng gấm* của Nguyễn Hồng. Giảng văn lớp 10 cũ. Tập nhất bản phù lưu thanh thủy: Cỗ một mâm, có trâu cau và nước trong (Chú thích của Nguyễn Hồng trong *Sóng gấm*).

VĨ THANH

Tôi đã viết xong tập sách. Những kỷ niệm của tôi với Nguyên Hồng. Kỷ niệm với các bạn tôi. Kỷ niệm về một thời đã mất. Với tôi thời nào cũng là thời để mất cả mà thôi. Tôi đã cố nhớ lại. Và tôi biết mình quên rất nhiều. Có thể nói không ngoa: Tới 90 phần trăm. Cả ngọt ngào. Cả đắng cay.

Tôi đã đi cầu viện, hỏi lại, gọi lại trí nhớ bè bạn. Khi biết mục đích của tôi, tất cả đều hoan nghênh, khuyến khích và giúp đỡ tôi.

Tôi khám phá ra một điều chẳng mới mẻ gì nhưng với tôi thật là sâu sắc: Tình cảm anh em văn nghệ Hải Phòng, nhất là anh em viết văn, làm thơ đối với Nguyên Hồng sâu đậm thế. Anh sâu nặng với Hải Phòng. Hải Phòng sâu nặng với anh. Con trẻ dễ dàng nhận ra tình cảm đích thực của ai đó với nó.

Không thể lừa dối được trẻ thơ. Trong trường hợp này, Hải Phòng giống như con trẻ.

Các bạn tôi mỗi người đều có những kỷ vật về anh, cất giữ chúng như những tài sản quý giá. Một bức thư anh viết, một mẫu giấy anh dặn dò công việc, một tờ lịch anh ghi chương trình công việc, tập sách với chữ để tặng của anh...

Các bạn tôi đã kể cho tôi nghe nhiều chuyện về Nguyên Hồng. Tôi cũng hiểu ngay rằng nếu các bạn có kể cho tôi

những chuyện gì đó về anh thì cũng chỉ là những chuyện loại B. Chu Văn Mười nửa đùa nửa thật nói lên cái điều tôi cho là ý nghĩ của số đông:

- Em không bán lúa non đâu.

Trừ một hai ngoại lệ, còn lại các anh miễn cưỡng “bán lúa non” và cũng nói thẳng ra điều ấy. Sự bủn xỉn keo kiệt nhưng đồng thời cũng là hào phóng tuyệt vời ấy một phần dành cho tôi, nhưng cái chính là vì Nguyễn Hồng.

Vậy là vàng ròng vẫn còn đang được cất giữ. Và sẽ được tung ra thị trường vào một lúc nào đó. Tôi tin một cách chắc chắn rằng sẽ còn nhiều truyện viết về Nguyễn Hồng. Những truyện hay nhất về Nguyễn Hồng còn chưa được viết ra.

Tuy nhiên cũng có người dốc hết cho tôi, cho tôi đến cạn láng: Đoàn Min chẳng hạn. Và Nguyễn Bình. Chẳng những Nguyễn Bình cho tôi chi tiết, anh còn gợi lại nhiều điều, nhiều việc, nhiều chuyện tôi đã quên đi. Những chuyện, những việc ấy làm chúng tôi sống lại một thời, làm chúng tôi trẻ lại, kích thích tôi làm việc. Ngày ấy chúng tôi đã gắn bó với nhau, và bao giờ Nguyễn Bình cũng mong tôi thành công. Thành công trong cuộc sống. Thành công trong sáng tác. Tôi vô cùng cảm ơn các anh Nguyễn Văn Chuông, Nguyễn Quang Thân, Thi Hoàng, Thanh Tùng, Thọ Vân, Phạm Ngà, Lưu Văn Khuê, Phùng Văn Ong, Phan Công Hiến, Vũ Hiến,... những người đã trực tiếp cho tôi tư liệu, đánh thức trí nhớ của tôi,

khuyến khích tôi viết tập sách này, và tất nhiên không thể quên hai anh Vương Trí Nhàn, Nguyễn Kiên, ngay từ đầu đã nhắc tôi: Hãy coi là nhiệm vụ của tôi đối với Nguyên Hồng và đối với chính tôi nữa.

Tôi đã đi về xóm Cắm, về Đông Khê, sang Hạ Lý, vào ngõ Ông Đồng Lùn, ngõ Ông Lý Phình, ngõ Sau Nhà Lốp. Đi một mình, không có anh đi cùng, không có Nguyên Hồng đi cùng. Tôi tìm lại hiệu cà phê điểm tâm Bác Học. Không nhận ra đâu nữa. Chỗ ấy từng bùng màu sắc của hàng hóa, của những biển hàng, những trung tâm, những dịch vụ... Tôi tìm đến danh thủ bóng đá một thời Nguyễn Danh Túc để hỏi về ông, một người đam mê bóng đá như Nguyên Hồng đam mê sáng tác và cho đến bây giờ tôi mới hiểu có sự gặp nhau ấy giữa hai người. Túc năm nay (1993) đã ngoài sáu mươi tuổi cho tôi biết ông Bác Học vừa mới qua đời nửa năm. Ông Học qua đời cũng rất nhanh. Hôm trước còn đi xem trận đấu giữa các lão tướng Hải Phòng với các lão tướng Hà Nội, về bị cảm, hôm sau chết. Ông đi giống Nguyên Hồng đi. Nhanh quá. Nhanh đến ngỡ ngàng. Đức, Túc cùng các lão tướng khác khiêng quan tài ông. Vậy là một thế hệ đã ra đi, từ *dương vô cùng* thoát cái thành *âm vô cùng* như cách nói của Xuân Diệu. Cả Xuân Diệu sôi nổi tha thiết yêu nữa cũng đã *âm vô cùng*, đã thành *những người muôn năm cũ, hồn ở đâu bây giờ*¹.

¹ Thơ Vũ Đình Liên.

Một mình tôi thơ thẩn ở phố Nguyễn Hồng.

Ngày xưa Nguyễn Hồng dạy tôi yêu Hải Phòng qua các tên phố, nhưng có một tên phố Hải Phòng *hải phòng hơn* mọi tên phố khác mà Nguyễn Hồng không biết. Đó là phố Nguyễn Hồng. Sau khi anh mất, Hải Phòng có một đường phố mang tên anh. Phố Nguyễn Hồng ngắn, có khoảng 60 số nhà, nối đại lộ Tôn Đức Thắng với phố Lán Bè, còn gọi là phố Bờ Sông... Ở đại lộ Tôn Đức Thắng có những cô “gái bán hoa” đêm tối đứng ven đường chào khách. Ở phố Lán Bè, phần lớn dân phố bán toàn bộ phiếu lương thực, thực phẩm, phiếu chất đốt, tem vải của cả năm, để lấy vốn làm ăn, buôn bán, sinh nhai. Ở phố Lán Bè có một người bạn nhỏ tuổi của tôi tù đầy từ bé. Đó là Giăng... Sau khi ở tù ra, tôi và Giăng đã ngồi ở bờ sông bàn chuyện làm miến kiếm sống. Nhưng làm miến thất bại, Giăng lại đi *đánh nghề*¹. Lại tù...

Thành phố Hồ Chí Minh cũng có phố Nguyễn Hồng, nhưng tôi chưa đặt chân tới đó.

Như vậy là sau khi chết đi, Nguyễn Hồng đã biến thành hai dãy phố. Nguyễn Hồng vẫn tiếp tục sống cuộc sống vỉa hè đường phố, bụi bặm, náo nhiệt, có cả bỉ vỏ và chạy vỏ, có cả cậu giáo, có cả *hai nhà nghề, hàng cơm đêm*...².

¹ ăn cắp xe đạp.

² Tên những tác phẩm của Nguyễn Hồng.

Chết đi rồi lại biến thành đường phố, sự tái sinh thật là kỳ diệu. Riêng ở Hải Phòng, phố Nguyên Hồng còn gần bờ sông. Nguyên - Hồng - phố có thể nghe thấy tiếng chân vịt tàu thủy đập nước ngược xuôi Hải Phòng - Nam Định như một thời nghe tiếng còi tàu Bạch Thái Bưởi, An Xương... Và vọng tiếng ru con ngày trước:

Con ơi đừng khóc mẹ sầu

Cha con đốt lửa dưới tàu Giang Môn

Bao giờ con lớn con khôn

Thời con lại xuống Giang Môn con làm¹

Không chỉ dành riêng cho anh một tên phố, Hải Phòng nơi khai sinh ra anh với tư cách nhà văn, còn dựng tượng anh. Cho tới nay tôi vẫn giữ giấy mời buổi lễ xúc động ấy. Trường Trung học Văn hóa Nghệ thuật Hải Phòng. Hai ngày trước Thiên Chúa giáng sinh. Cả trường tưng bừng trong ngày hội lớn. Tượng Nguyên Hồng dựng trong sân trường. Các cháu ca hát, nhảy múa. Sau buổi lễ, một bữa rượu được ghi trong chương trình: *Dự tiệc rượu cùng cố nhà văn Nguyên Hồng*. Một bữa rượu rất Nguyên Hồng được tổ chức ngay giữa sân trường. Chỉ có rượu trắng và thịt được bày trong đĩa lớn. Tất cả quây quần. Có thể dùng đũa hoặc bốc bằng tay. Tôi ngồi cùng bàn với Nguyễn Vũ Giang, con trai thứ hai của anh rất giống anh, sau khi nghỉ hưu, trở về ở hẻm Cầu Đen, Yên Thế, trông

¹ Trích *Sóng gấm*

nom phân mộ hương khói cho bố mẹ. Và tiến sĩ tin học Bùi Quốc Tuấn, con rể anh, chồng Thanh Thư, cô con gái cũng mang rất nhiều nét Nguyên Hồng. Giang đem rượu từ Yên Thế xuống, thú rượu sinh thời Nguyên Hồng vẫn uống. Chúng tôi đã uống thú rượu này ở Cầu Đen trong ngày giỗ Nguyên Hồng hồi giữa năm, sau khi thắp hương trên mộ, trên bàn thờ hai vợ chồng nhà văn.

Mắt tôi cay cay ngày giỗ anh đầu hè ấy và mắt tôi tràn đầy niềm vui đêm nay, đêm trước mùa lễ Giáng Sinh khi anh đã có một hóa thân mới: Tượng đồng. Và tôi ngồi uống rượu với các con anh bên chân tượng. Sáng hôm sau ba anh em: Tôi, Nguyễn Vũ Giang và Bùi Quốc Tuấn ngồi chung một chiếc xích lô tới phố Nguyên Hồng. Chúng tôi chậm bước dọc phố từ phía Lán Bè qua những hiệu tạp hóa nhỏ, những gánh quà rong, những cửa hàng bán tre nứa... Và tôi cứ có cảm giác Nguyên Hồng ở đâu đó đang dõi theo những bước chúng tôi đi. Tới đầu phố phía đại lộ Tôn Đức Thắng, chúng tôi dừng ở một hàng nước chè chén vỉa hè. Ngồi xuống ghế. Giang giờ bị bực lôi ra một chai rượu chưa dùng đến tối qua, và một túi lạc rang. Chúng tôi rót rượu mời mọi người. Mấy thanh niên đang ngồi liên bên hút thuốc, anh xe ôm cùng vài bác xích lô đón khách dưới gốc cây, ông chủ quán và hai ông già dáng vẻ hưu trí mài miết vào bàn cờ tướng chắc là rất gay go trên vỉa hè gần đó ngạc nhiên ngẩng cả lên nhìn chúng tôi rót rượu ra các chén của ông hàng nước

và mời tất cả. Để mọi người yên tâm vui vẻ uống, tôi giới thiệu Nguyễn Vũ Giang, Bùi Quốc Tuấn là ai. Và tại sao hai người lại có mặt ở đây. Một tiếng “a” gần như đồng thanh. Sau đó là những nụ cười cởi mở. Không còn gì là ngăn cách giữa những người mới gặp nhau. Uống. Những người ở phố Nguyễn Hồng uống rượu với các con của Nguyễn Hồng ngay trên phố Nguyễn Hồng, thứ rượu Nguyễn Hồng vẫn uống mang từ Bắc Giang xuống. Uống và chuyện. Chuyện về việc dựng tượng Nguyễn Hồng tối qua mà báo Hải Phòng và *các hãng thông tấn via hè* đã loan đi. Chuyện về Nguyễn Hồng. Tôi nghĩ trong số dự bữa rượu via hè với chúng tôi hôm đó có thể có người chưa đọc Nguyễn Hồng lấy một dòng. Nhưng tất cả đều biết anh. Đều nói tới anh với một vẻ yêu quý và kính trọng...

Tôi bỗng nhớ đến câu nói của Nguyễn Khải về *cái uy* của Nguyễn Hồng. Và tôi hiểu thêm một nét nữa về *cái uy* ấy. Nó còn bắt nguồn từ tình cảm của tầng lớp đông đảo những người đang ngồi chung quanh tôi, trên một đầu phố Nguyễn Hồng này.

Cùng với việc đi tìm những gì của Nguyễn Hồng còn trong thành phố, tôi đọc lại anh. Một lần nữa tôi tin rằng *Những ngày thơ ấu* là tác phẩm hay nhất của Nguyễn Hồng.

Tôi viết về anh, cố gắng viết chân thực.

Tôi viết về Nguyễn Hồng như tôi biết, như tôi thấy, không thêm bớt, không tô vẽ.

Còn nhiều tài liệu tôi phải để lại. Tập sách này không phải là tập hợp những mẫu chuyện, những giai thoại về Nguyên Hồng để có thể cứ thêm một cái tí là có thể viết thêm một đoạn.

Tôi trình bày nó như một thể thống nhất về một thời đã mất. Có những chuyện không phải chuyện Nguyên Hồng, đó chỉ là vì tôi muốn nói lên bối cảnh chúng tôi đang sống. Những ngày đã qua ấy thật tươi đẹp, thật đau khổ, thật hạnh phúc và cũng thật bất hạnh ít ra đối với tôi và với một số người khác.

Có thể kể ở đây chuyến đi của các anh Phạm Ngà, Lưu Văn Khuê lên Yên Thế, tới nhà Nguyên Hồng như một cuộc hành hương về đất thánh. Các anh đã nhìn thấy tập bản thảo *Bi vô* viết tay, Nguyên Hồng ghi sau dòng cuối cùng hai chữ bằng mực tím *Năm 1936* và thấy thời gian như ngưng đọng ở đấy. Cùng với Nguyễn Vũ Giang, thứ nam của Nguyên Hồng, hai người đi bộ trên con đường mòn sỏi đỏ, dưới những cây bạch đàn mới trồng tới mộ nhà văn và vợ nhà văn. Hai ngôi mộ song song bên nhau nhìn xuống cánh đồng lúa xanh lúc này lại càng xanh vì cơn mưa vừa dứt, một con suối nhỏ ôm quanh, êm đềm chảy và một bầu trời nặng mây của vùng trung du nhấp nhô đồi núi. Những câu thơ ập đến với Phạm Ngà, bài thơ được hoàn thành gần như tức thời khi thấp hương xông trước mộ vợ chồng nhà văn, anh cùng Lưu Văn Khuê mỗi người một tâm tư, yên lặng.

THẤP HƯƠNG TRƯỚC MỘ NGUYỄN HỒNG

Chẳng ngờ trời nổi cơn mưa
Lại chẳng ngờ nữa trời vừa tạnh êm
Cung đường nửa xuống nửa lên
Nửa nơi cư tụ, nửa miền hoang sơ
Khói dương sương lạnh mịt mờ
Đỏ au đồi đất, lơ thơ gió đồng
Ông bà kẻ giấc thong dong
Suối nông một dải ngập ngừng chảy trôi
Chấp tay ngoảnh bốn phương trời
Rượu suông nghiêng chén dâng người nằm đây
Đất trời cũng đảo điên say
Men nồng chưa ráo đã cay mắt mình
Bút vẫn rướm máu nhân tình
Bao nhiêu thân kiếp u minh cõi lòng
Khóc người gang tấc vừa xong
Khóc thêm bao kẻ lạnh lùng bơ vơ...

Còn có thể kể thêm về nỗi ân hận của Thanh Tùng đối với Nguyễn Hồng. Suốt lúc sinh thời, Nguyễn Hồng toàn bao rượu Thanh Tùng. Thanh Tùng chưa bao giờ được mời Nguyễn Hồng uống bằng rượu của mình, trừ một lần anh đã say lắm, mang chai rượu phong tê thấp xin của phòng khám bệnh đến Hội, kéo Nguyễn Hồng đang ngồi với Nguyễn Văn Chuông lên gác.

- Hôm nay con uống bố...

Chuông cũng bị kéo lên. Thanh Tùng rót rượu và nói với Nguyên Hồng:

- Hôm nay con uống bố. Bố có công nhận con có tài ứng tác không?

Và Chuông đã thách Thanh Tùng đọc ngay bài thơ về... cái bóng đèn điện đang treo lủng lẳng trước mặt ba người.

Thanh Tùng đứng lên bật điện. Thanh Tùng mím môi, im lặng nhìn cái bóng đèn tròn 100 oát đang tỏa sáng. Như thôi miên. Rồi đọc. Nào là ánh sáng văn minh. Mặt trời đêm tối. Bài ca chiến thắng sau mỗi trận bom v.v...

Trong bữa rượu cả Nguyên Hồng và Nguyễn Văn Chuông đều công nhận tài ứng tác của Thanh Tùng.

Tác giả *Thời hoa đỏ* còn nói với tôi rằng anh đang truy tìm lý lịch Tư Lập lơ, Năm Sài Gòn, Tám Bính, những nguyên mẫu ngoài đời mà Nguyên Hồng dựa vào đấy để viết *Bi vô*. Anh nói “Tư Lập lơ thật” người Hải Dương mới chết ít lâu nay.

Nói vậy để hiểu rằng sau khi qua đời, Nguyên Hồng vẫn sống trong các anh em “trẻ” Hải Phòng như thế nào.

Nguyễn Văn Chuông và Nguyên Bình thì lại cứ thích chuyện hài hước, những chuyện hài hước chỉ làm người ta thêm yêu Nguyên Hồng mà người nghe không còn biết thật hư thế nào nữa. Như chuyện bản thảo *nở*. Nguyên

Hồng có mất một bản thảo nào đó. Bản thảo mất ấy lúc đầu chỉ dài 100 trang, ít ngày sau nó nở ra 200 trang. Rồi một hôm Chuông bảo với Nguyên Bình: nó nở ra tới 300 trang rồi! Tôi xếp những chuyện loại này (nhiều lắm, như chuyện Nguyên Hồng được một *bỉ vỏ* gọi lên xe *pousse-pousse* càng đồng sáng loáng về một biệt thự ở phố Tây và sống ở đó suốt một tuần lễ trong nhung lụa, rượu và vòng tay người đẹp cho tới khi chồng thị, một tên quan tu đi kinh lý trở về) *thuộc loại dị bản*¹, cần được xem xét thêm. Có thể cũng lại chỉ vì quá yêu Nguyên Hồng nên bạn bè nói thế về anh thôi.

Người bạn tù già trại Đồng Vải đã đoán sai về tôi: Tôi không bỏ nghề, không chuyển nghề, tuy một thời gian rất dài tôi tin lời đoán ấy và thực tế cũng chứng minh lời đoán ấy là đúng. Nhưng rồi tôi lại viết.

Đầu năm 1990, Nguyễn Quang Thân gặp tôi đầu là nhắc:

- Bây giờ viết được rồi đấy. Mà viết cái gì cho *Cửa Biển* đi.

Bùi tai. Hăng lên. Tôi viết. Nhưng viết gì đây. Sau hơn hai mươi năm ngừng viết, lại trải qua quá nhiều chuyện thăng trầm, cái vốn của tôi không phải không có, không đến mức phải bịa đặt ra. Tôi đã nói với Hứa Văn Định vào cái lúc anh đang đưa Vũ Trọng Phụng lên màn ảnh nhỏ:

¹ Có lẽ nên gọi là những giai thoại, bao gồm cả những chuyện hoàn hư cấu (bịa đặt) được gán cho nhà văn (Chú thích của Vương Trí Nhàn, biên tập viên lần xuất bản đầu tiên).

- Tao quan niệm văn chương trước hết là thông tin. Phải đưa những thông tin đến với bạn đọc. Văn nghệ trước đây không làm việc ấy, nên bây giờ mới tùm lum lên nhiều chuyện. Mới thấy cuộc đời chẳng có gì ổn cả. Còn trong sách thì ổn lắm. *Tốt tốt. Xà và tốt tốt*¹.

Định trừng mắt:

- Sao mày lại nói văn học là thông tin ?
- Tất nhiên là thông tin mang tính nghệ thuật.

Tôi nói vậy vì đối với tôi, nhu cầu thông tin quá lớn.

Tôi suy nghĩ về điều tôi sẽ viết theo đặt hàng của Nguyễn Quang Thân. Tôi nghĩ đến Nguyễn Hồng. Tôi trở lại nghề viết bằng bài *Nguyễn Hồng thời đã mất*. Tôi viết một mạch, gần như không phải nghĩ. Chỉ phải nghĩ khi bài báo đã viết xong: Liệu Chu Văn Mười có in cho mình không ?

Chẳng có quyết định chính thức cấm in sáng tác của Bùi Ngọc Tấn, nhưng không ai in cho tôi. Khi được ông Hoàng Hữu Nhân cứu sống, về làm thi đua ở xí nghiệp đánh cá, tôi có viết mười cái tin thi đua, ký tên ông trưởng phòng Đào Công Ty, gửi về báo Hải Phòng, vừa để làm vui lòng lãnh đạo, lại cũng để có dăm đồng nhuận bút. Rất cẩn thận đến mức cảnh giác, Nguyễn Bình đã chép lại rồi nộp ban biên tập. Nhưng ông tổng biên tập báo Hải Phòng khi đó, một phóng viên cùng với tôi

¹ Thơ Lê Đạt

khi tôi còn làm việc ở đó còn cảnh giác hơn. Đã biết tôi về Quốc doanh đánh cá Hạ Long, cảm thấy những tin ấy có thể do tôi viết, ông yêu cầu Nguyễn Bình cho xem bản gốc và nhận ngay ra nét chữ của tôi. Tất nhiên tin tôi viết không được sử dụng nữa. Không chỉ thế, công an còn đi nói ở nhiều nơi:

- Thăng Tấn vẫn còn bất mãn lắm. Nó ký Đào Công Ty có nghĩa là Đì Công Tao.

Tôi chỉ còn muốn kêu gọi.

May mắn làm sao lần này Chu Văn Mười đã in bài tôi viết ký tên thật của tôi trên tạp chí *Cửa Biển* mà anh là tổng biên tập. Có lẽ là nhờ phó tổng Nguyễn Quang Thân nói vào và nhờ bức tường Berlin đã đổ... Tuy nhiên, Chu



Bùi Ngọc Tấn và Thanh Tùng, tác giả *Thời hoa đỏ*, người vẫn đang tìm Tư Lập Lơ ở ngoài đời.

Văn Muội, người vốn cẩn thận từng câu chữ, từng lời nói (suốt một nhiệm kỳ là đại biểu Quốc Hội, trong các cuộc họp Quốc Hội, anh chỉ ngồi yên lặng tùm tùm cười khi các ca mê ra truyền hình hướng tới, không phát biểu một câu) yêu cầu tôi sửa lại đề bài là *Nguyên Hồng như tôi biết* nhưng tôi nhất định không chịu:

- Thôi. Ông để lại bài của tôi cũng được.

Cuối cùng, Muội cũng đã nhượng bộ. Bài viết của tôi được *đi*, giữ nguyên cả nội dung lẫn đầu đề.

Cũng lại tình cờ, trong số tạp chí ấy, ngay cạnh bài viết của tôi về Nguyên Hồng là bài *Thư gửi về bên kia mộ* của Dương Tường viết từ bên dòng sông Tiền nhân ngày giỗ Nguyễn Tuân, gửi bác Nguyễn, “người làm vườn quốc ngữ tài hoa”, người đã viết nên “những dàn chữ tươi mẩy, căng mọng electron biểu năng, đôi khi thành những tiệp chữ từng bừng mà anh nắm được bí quyết tạo tác”.

Thế là đôi bạn hậu sinh bèo mây tan tác chúng tôi không ai bảo ai lại có mặt bên nhau, cùng tưởng nhớ đến bậc tiền bối đã khuất đang xum họp “bên kia mộ”.

Sinh thời Nguyên Hồng gọi tôi là *Bùi Ngọc Tấn rất thương*. Anh thương tôi vì những gì tôi đã nếm trải. Anh thương tôi vì những gì tôi sắp nếm trải, vì tôi không còn viết được nữa.

Anh Hồng ơi!

Hôm nay tôi lại được viết và viết được rồi.

Hãy bớt đi chữ *rất* trong tên tôi. Hãy gọi tôi là *Bùi Ngọc Tấn thương* thôi, anh nhé.

Tôi viết về anh trung thực, mong anh chứng giám.

Trời còn cho sống, cho viết, tôi luôn cố gắng là người trung thực.

17/10/1993 - 11/1/1994

(Lần tái bản này có thêm phần viết về việc dựng tượng
Nguyễn Hồng năm 2005)

PHỤ LỤC 1

Lại chuyện Nguyễn Hồng *Một thời đã mất*

(Bài viết nhân dịp kỷ niệm 10 năm ngày mất Nguyễn Hồng (1982-1992)- In trong tạp chí Cửa biển).

- *Lại mở cửa hiệu bán buôn bán lẻ Nguyễn Hồng đây phải không?*

Một anh bạn hỏi tôi như vậy khi thấy tôi loay hoay với những trang bản thảo dập dập xóa xóa viết về Nguyễn Hồng. Nguyễn Hồng quả như một vùng tài nguyên chưa cạn, vẫn còn đang được khai thác và chưa thấy đâu là vĩa quặng cuối cùng. Người ta đã viết và in nhiều về anh (tôi cũng có một bài). Năm nay kỷ niệm tròn mười năm anh từ biệt thế giới này, lại một loạt bài nữa về anh. Bài nào

cũng có những thông tin mới, cũng đậm tình người viết. Đó là điều đặc biệt đời dành cho anh. Không một ai - kể cả Nguyễn Tuân, Nguyễn Huy Tưởng - được như vậy.

Người ta viết về anh như viết về một nhà văn lớn. Như viết về một người bạn. Như viết về cuộc đời của chính họ. Cuộc đời ấy là một *tập đại thành* (chữ của Nguyên Hồng) của khát vọng, của lao động khổ sai, của sáng khoái hưởng thụ, của sự nhọc nhằn lam lũ vất vả, của ý thức về sự cao sang nghề nghiệp, sự nhẹ dạ hồn nhiên trong cuộc sống, và vượt lên tất cả là lòng yêu đời, dù thế nào cũng cứ yêu tha thiết cuộc sống này.

Anh là *lương tâm văn học* của lớp trẻ chúng tôi. Chưa bao giờ đời cảm dỗ nổi anh, biến anh thành một công chức văn nghệ. Sự đánh giá ấy không chỉ của riêng lớp trẻ chúng tôi. Trong một lần vào thành phố Hồ Chí Minh, tới thăm Nguyễn Khải, tôi đã được nghe anh kể nhiều điều thú vị về các nhà văn. Tham gia nhiều khóa chấp hành lại ở ngay Hà Nội, luôn gặp gỡ với đủ các loại nhà văn, trong đó có nhiều cây đa cây đề, anh kể biết bao nhiêu chuyện về các nhà văn lớn chê bai, châm chọc khích bác nhau, nói văng mặt cũng như nói đốp vào mặt nhau những câu chẳng ra làm sao một cách nửa đùa nửa thật. Gần như không chừa một ai. Thế nhưng không người nào đụng đến Nguyên Hồng.

Nguyên Hồng có cái uy riêng. Nguyễn Khải rút ra kết luận. Tự nhận là đệ tử của Nguyên Hồng, tôi rất thú vị về

điều ấy, về chuyện Nguyên Hồng có *cái uy* khiến ai cũng phải tôn trọng mà Nguyễn Khải đã nói cùng tôi.

Cái uy của Nguyên Hồng là gì nhỉ?

Chắc chắn cái uy ấy không phải toát ra từ bộ mặt đôn hậu của anh, bộ quần áo nâu giản dị anh mang trên người cùng với toàn bộ dáng vẻ quê mùa chân chất của anh, càng không thể là cái làn rờn rờn trong đó lưng cũng chai lọ anh luôn xách theo như một thứ *samsonite* tùy thân của các thủ trưởng hôm nay, cũng không thể là thú vui ăn uống vỉa hè công chợ của anh. Tôi hiểu rằng người ta có thể không đánh giá cao một sáng tác nào đó của anh, người ta có thể không thích cách sống xuề xòa tới mức luôm thuôm của anh, nhưng người ta luôn kính trọng nhân cách của anh, nhân cách nhà văn và nhân cách công dân. Cho đến bây giờ chúng tôi vẫn nói cùng nhau chuyện sau khi thôi giữ chức chủ bút tuần báo *Văn*, sau khi bị kiểm điểm lên xuống về “tội” đã lãnh đạo báo *Văn* đi “chệch đường”, Nguyên Hồng xin nghỉ hưu và đưa cả gia đình từ Hà Nội về Yên Thế. Hành động này vào thời gian ấy là duy nhất và cực kỳ nguy hiểm. Nguy hiểm về kinh tế đã hẳn. Còn nguy hiểm về chính trị: Nó được nhìn nhận như một biểu hiện bất mãn, một tiền đề rất dễ dẫn đến chống đối, phải đặc biệt lưu ý.

Ngoài cuộc đời rất trong sạch của mình mà ai cũng phải kính nể, cái uy của Nguyên Hồng còn ở chỗ anh đến với nghệ thuật như một tín đồ, với một niềm si mê

trong trẻo của mối tình mãi mãi là mối tình đầu. Không gì có thể làm vẩn đục được nó. Tiền bạc, chức vụ, danh vọng, nhà cao cửa rộng, sự tín nhiệm của cấp trên hay đơn giản chỉ là một chuyến đi nước ngoài mà bao người thèm muốn, tất cả không có chỗ trong suy nghĩ của anh. Anh đả độn cay với nó, sung sướng với nó. Khổ cực với nó. Anh vinh quang với nó, nhọc nhằn với nó. Tất cả đều coi anh là một bậc thánh tử vì đạo. Trong nghệ thuật anh chưa một lần dối trá. Như Tchekhov từng nói: *“Trước hết các bạn ơi chớ ăn gian nói dối. Chúng ta và cả đích thân Thượng Đế nữa. Đã có những việc như vậy đấy..”*.

Có thể về cuối đời, sự dũng cảm, *cái gan góc tự do kiểu ấy* (chữ của Vương Trí Nhàn) trong anh ít dần đi, nhưng anh chưa một lần dối trá.

Thế là đã mười năm Hải Phòng vắng bóng anh. Tôi nhớ lại mùa hè năm 1982 đó. Tôi đang làm ở xí nghiệp đánh cá. Một xí nghiệp có đối tượng lao động là biển cả. Người ta đi biển hàng tháng, hàng năm mới trở về. Người ta vật lộn với bão, với gió mùa, với biển động, với những sự cố và những tai nạn. Người ta làm việc không kể ngày đêm. Thèm một ngọn rau xanh. Nhớ vợ con. Nhớ người yêu. Nhớ cây. Nhớ tiếng còi ô tô. Nhớ đất ẩm. Và uống rượu. Ai cũng uống. Uống nhiều cho quên đi tất cả.

Bởi vậy người ta ít quan tâm đến mọi chuyện. Nhiều người còn lẫn lộn tên và chức vụ của những vị rường cột nhà nước. Nhưng tin Nguyễn Hồng qua đời ai cũng biết.

Ai cũng biết đất nước vừa mất đi một nhà văn lớn dù có người chưa đọc anh một dòng nào.

Tin dữ đến với tôi quá bất ngờ. Tôi đã tưởng không còn chuyện gì là bất ngờ đối với tôi được nữa và đã tự bảo chuyện gì cũng có thể xảy ra. Thế mà tôi vẫn choáng. Vẫn phải cố gắng lắm mới quen với ý nghĩ từ nay không được gặp anh nữa, anh đã đi vào hư vô.

Ba năm sau cảm giác ấy lại đến với tôi khi cha tôi qua đời cũng đột ngột như vậy. Cũng như với Nguyên Hồng, tôi nghĩ cha tôi còn có thể sống khỏe mạnh mười năm nữa. Khi thế hệ cha anh mình mất đi, mình bỗng thấy trợ trọi. Không còn nữa cái tuyến một vẫn đứng chắn giữa mình với vô cùng, che chở cho mình bình yên sống. Mình không an toàn nữa. Mình bỗng biến thành tuyến đầu. Từ nay mình bị phơi ra trước họng súng bắn tủa của Thần Chết.

Bên cạnh nỗi xót thương, tôi quen dần những cuộc trò chuyện tay đôi với kết cục tất yếu sẽ đến cùng mỗi chúng ta và tôi hiểu rằng được chết như anh, như cha tôi là vô cùng sung sướng. Chết mà không biết rằng mình đã chết. Chết mà vẫn chuẩn bị cho những việc phải làm, vẫn bận bịu với công việc và hình như đến bây giờ vẫn tưởng mình còn đang làm việc.

Tôi muốn lên Yên Thế - một vùng đất tôi sống nhiều năm trong thời chống Pháp - vĩnh biệt anh lần cuối. Nhưng với văn chương, tôi đã là người ngoài cuộc. Tôi

đã bị văng ra ngoài quỹ đạo. Tôi đành ở lại thành phố Hải Phòng, nơi chính tôi đã cùng Nguyên Bình đưa mẹ anh từ Đông Khê ra ô tô để bà lên Yên Thế. Tôi nhớ đến căn nhà đơn sơ của bà ở Đông Khê, nơi anh viết *Bỉ vờ*, *Những ngày thơ ấu*. Tôi nhớ đến bà, đến dáng người, vẻ mặt bà. Bà rất giống anh. Chẳng riêng ngoại hình mà còn ở những điều dễ nhận thấy trong tính cách: sự chịu đựng và lòng đôn hậu.

*

Thực ra trong những năm cuối đời, Nguyên Hồng ít lại nhà tôi. Anh đến tôi chỉ để được yên tĩnh. Nằm trên giường, đọc, hoặc uống rượu.



Nhà văn Bùi Ngọc Tấn cùng các con Nguyên Hồng và Nguyễn Hồng Hà (phải) bên mộ ông bà Nguyên Hồng (ngày 10/04/2000).

Trước đây nơi ở chính của anh khi anh về Hải Phòng là nhà tôi. Giờ đây anh đã có một chỗ trong trụ sở Hội Văn nghệ Hải Phòng. Và hình như cả một căn buồng ở Cầu Tre thành phố phân cho anh.

Anh đến nhà tôi và nằm xoài xuống sàn nhưng tôi vẫn tinh ý thấy anh nhìn rất nhanh vào đám chai lọ ở gầm giường.

Tôi biết anh đang thèm rượu. Rất ít khi anh bị thất vọng. Tôi có thể moi ra ở đám chai lọ ấy khi nửa chai Lúa Mới, khi một xị rượu gừng hay một cút cốc lúi. Lúc thì thú rượu cà phê thắm màu. Sau vụ tai nạn của tôi, vợ tôi, một nữ sinh kháng chiến, rất chăm chỉ hương khói. Nguyên Hồng là người được hưởng lộc nhiều nhất. Anh không khắt khe chọn rượu. Anh đã uống cả rượu cà phê, thú rượu trước đây anh cho là *dã man*, bởi vì theo anh, cà phê làm già rượu. Uống rượu cà phê có nghĩa là được uống nhưng không bao giờ được thỏa mãn. Đó chính là tra tấn. Vậy là anh đã quen với sự tra tấn ấy.

Thời gian anh đi Liên Xô (cũ) về, tôi hỏi anh rượu bên ấy loại nào ngon. Anh thì thắm vào tai tôi như sợ có người nghe thấy điều bí mật phạm pháp, vì nó phủ nhận quốc doanh trên quy mô lớn:

- Cũng như ta thôi. Ngon nhất là, là vodka lậu!

Rồi cười. Cười như một người khám phá công bố kết quả bất ngờ. Cười như một người táo tợn dám nói lên chân lý. Cười như đã tìm ra đặc điểm chung nhất của

nhân loại. Cười như một trò tinh nghịch. Đó là lúc anh thật sự thơ trẻ lại.

Nhìn Nguyên Hồng uống rượu bao giờ tôi cũng vui. Hơn thế, một cảm giác kính cẩn, gần như nhìn một nghi thức tôn giáo.

Từ Cô Tô về, đen nhẻm, anh kể về bữa rượu ngoài đảo do chính quyền sở tại chiêu đãi anh em văn nghệ sĩ. Hải sản. Tất nhiên. Lại cả thịt dê. Và rượu. Và cũng tất nhiên là Nguyên Hồng ngồi cùng mâm với Nguyễn Tuân. Một thứ rượu tằm chính hiệu. Hai người tận hưởng ngọn lửa được thắp lên ở hộc và lan vào cơ thể. Anh em văn nghệ sĩ trẻ ngồi cùng mâm và khác mâm ăn như đã bị bỏ đói mấy ngày. Vì không khí trên đảo. Vì sự chuyển dịch. Vì những món ăn ngon lạ miệng. Vì biển ngay bên cạnh. Vì chẳng mấy khi tụ họp đông vui thế... “Họ ăn hơi *phũ*”. Nguyên Hồng nói vậy. Thực ra họ ăn *phũ*. Ngon miệng, vô tâm, ồn ào, háu đói.

Mặc. Hai ông già cứ “nâng lên đặt xuống”. Cứ đối ẩm. Cứ ngâm nga. Như chỉ có hai người. Khi hai ông ngừng uống để ăn cơm, các món ăn chỉ còn lại xương.

Thấy mỗi người chỉ và một lưng cơm như kiểu ăn chiếu lệ, một bạn trẻ cùng đi lễ phép hỏi:

- Hai bác ăn ít thế ạ ?

Nguyên Hồng im lặng vì biết thế nào Nguyễn Tuân cũng... trả lời. Anh không nhầm. Tác giả *Sông Đà*, *Vang*

bóng một thời nhìn cái bụng căng tròn của anh bạn trẻ, đáp với giọng thương hại:

- Sao anh chậm hiểu thế. Các anh ăn gạo. Còn chúng tôi ăn tinh của gạo.

Lại cười giòn. Nguyên Hồng quả là người mau nước mắt. Khi cười cũng lấy khăn mùi soa lau mắt.

*

Dịp quốc khánh năm ấy, anh thi đua xí nghiệp đánh cá (nơi tôi sẽ đến làm thi đua khi ở tù ra) mua cho tôi mười kilô cá mực theo giá cung cấp. Nghĩa là “bán như cho” và “mua như vớ được”. Chưa bao giờ tôi có trong tay một khối lượng thực phẩm quý giá, khổng lồ như vậy. Khi đó tôi vẫn đang làm báo.

Sau khi đã vợi bớt cho vài người bạn thân, chúng tôi già chả. Hai vợ chồng thay phiên nhau già, rán. Và phải gương mẫu ăn nữa vì cũng chỉ có hai chúng tôi. Các cháu đã về quê với bố mẹ tôi.

Suốt một ngày ăn chả mực, tối tối vẫn còn một đĩa men đầy. Giống này rất chóng thiu. Đang lo vì sắp phải mở tòa án lương tâm tự đưa mình ta xét xử về tội tham lam dẫn tới sự lãng phí không thể tha thứ được thì Nguyên Hồng đến. Thấy anh và cái làn ràng ràng lũng củng chai lọ hiện ra ở hành lang, chúng tôi cùng reo lên. Anh ngạc nhiên:

- Có chuyện gì mà vui thế ?

Đó là một đêm thu. Trời đẹp. Gió tới tấp. Mà cửa sổ nhà tôi thì rộng, lại trông thẳng ra biển. Bóng điện tròn treo giữa nhà bị gió đánh đung đưa. Nguyên Hồng rút từ trong làn ra một gói chè Ba Đình và hai gói thuốc Tam Đảo, tiêu chuẩn phân phối của anh. Quà anh mang từ Hà Nội về tặng tôi ngày Quốc khánh.

Nhìn đĩa chả mực vàng ruộm vợ tôi vừa rán lại, Nguyên Hồng xuýt xoa. Chúng tôi ngồi uống rượu. Nguyên Hồng nói với vợ tôi:

- Chị Bích ạ. Chả mực phải rán nhỏ nữa. Bằng ngón chân cái thôi. Rán ngập mỡ. Như mấy bà bán ở chợ ấy.

Thế là anh kể về những hàng quà rong. Cái thú khi ngồi ăn ở vỉa hè, cổng chợ. Vừa ngon. Vừa rẻ. Vừa được nhìn, được nghe. Biết bao nhiêu chuyện. Như cái hôm anh ăn bên Hạ Lý. Giời rét đai hàn chi cực. Anh thanh niên ngồi cạnh anh quần áo phong phanh lại chỉ ăn bún chấm mắm tôm, vừa ăn vừa run lập cập khiến chính Nguyên Hồng cũng run lên. Lại như cái hôm anh ngồi uống rượu ở hàng bà bán bún ngoài cổng chợ Lạc Viên. Ngồi ghé đối diện với anh là một phụ nữ, chắc là làm bốc vác Cảng. Giày vải, quần áo bảo hộ lao động xanh rộng thùng, lấm bẩn. Rõ ràng vừa tan ca về. Người ấy lẳng lẳng ăn như anh lẳng lẳng uống. Ăn xong khen bún ngon và lấy trong túi xách ra cái cặp lồng đựng một bát mua thêm. Lấy cả chanh ớt, chiu chương. Thêm một ít hành dúng. Đứng cho hành dúng vào bún. Cứ để ngăn

trên chỗ chanh ớt. Rồi chỉ vào cái túi gà: Chặt cho tôi cái túi này. Con gà hôm nay béo, mềm. Gói riêng ra hộ tôi. Cả lá chanh nữa. Cho vào cặp lồng, cho gói thịt vào túi xách. Tưởng xong. Lại rút từ túi ra một *con hươu*. Cho tôi một cú vào đây. Lúc ấy mới trả tiền. Xách túi đứng lên còn quay lại giải thích với Nguyên Hồng đang cố làm ra không để ý gì đến mọi việc chung quanh:

- Cho ông lão ở nhà.

Và đơn đả ra đi.

Nguyên Hồng xuýt xoa không một chút hài hước:

- Lấy được một người vợ như vậy thật đại hạnh phúc!

Chúng tôi cùng cười. Hình như anh muốn tin đấy là Gái Đen, là mẹ La của anh. Anh muốn tin rằng đó là những người trong *Cửa biển* của anh đã đổi đời cũng với cách mạng, đang sống hạnh phúc trong cuộc sống mới.

Chúng tôi uống lâu. Tới lúc đài phát thanh kết thúc bản tin và bắt đầu chương trình văn nghệ - tiết mục Tiếng Thơ. Mười giờ đêm rồi. Cái loa nón Ngã Sáu vọng vào giọng ca thơ lạnh lạnh của ai đó đang *hát* bài thơ chưa in (như giới thiệu của đài *Tiếng nói Việt Nam*) của Tố Hữu, bài *Nhật ký đường về*. Đúng là *inéдите* vì tới sáng hôm sau, mùng hai tháng chín báo *Nhân Dân* in bài thơ ấy mới phát hành.

Hay tin giặc bắn Hòn Mê

Đêm nằm nghe biển gọi về quê hương

*Sáng ra cất cánh lên đường
Xôn xao sóng nước đại dương muôn trùng
Cu Ba chào bạn anh hùng*

Cũng giống tôi, Nguyễn Hồng không thích ngâm thơ. Ghét nữa. Giọng véo von trầm bổng làm mất âm điệu của ngôn ngữ. Nó giết chết nhạc của thơ. Nó có thể tạo nên một lớp công chúng không biết gì về chất nhạc này. Nguyễn Hồng không gọi là ngâm thơ. Anh gọi là *hát thơ*. Và anh cho biết thủ phạm của ngành nghệ thuật này chính là hai nhà thơ Hoàng Cầm, Xuân Diệu.

Nguyễn Hồng ghé sát tai tôi, tinh nghịch:

- Lại có những vị lên ngâm thơ cứ ưỡn bụng ra mà chẳng có gì là gọi tình cả.

Chúng tôi lại cười. Tràn ngập không gian là tiếng đàn thập lục thánh thót, tiếng sáo lúc vút lên như tiếng chim chiến chiến, lúc là như trôi sát mặt sông và giọng ngâm điệu luyện:

*Sáng rồi rộn rã trong tim
Đường về phơi phới cánh chim tung hoành
Cờ bay Vạn lý trường thành
Bắc Kinh tay chị tay anh triệu vòng*

Tôi bảo Nguyễn Hồng:

- *Cửu Long giang ta ơi* của anh cũng được hát trên đài đấy. Tôi nghe mấy lần rồi.

Anh làm ra bộ thiếu não, lắc đầu, kiểu như muốn nói: “Phải chịu thôi. Phải đầu hàng thôi. Không còn cách nào khác”.

Chúng tôi lại nói chuyện thơ. Nguyên Hồng là tác giả những bài thơ có thể làm bất kỳ nhà thơ nào ghen tỵ. Một bài thơ của anh ít được nhắc tới, nhưng tôi chỉ nghe một lần đã thuộc. Và nó cứ nằm lì trong trí nhớ ngày một tôi, một suy giảm của tôi. Đó là bài “*Hồng Hà, tên con, dòng sông yêu dấu*”.

Hồng Hà

Ngẩng trán lên

Cha hôn

Nước sa đã về

Vải thiếu đã đỏ

Bãi ngô ngã rạp

Gió Tây chảy vàng đồng lúa

Mây đen Tam Đảo gọi gió chiều hôn

Lô, Thao thác réo ghềnh sôi

Biển Đông chớp nhói lửa chài chông chênh.

Mẹ đẻ con

Mùa ấy

Tên con tìm đặt

Ngay khi thai nghén

Vú nhỏ nổi gai

Bụng nhỏ căng tròn
Mặt vàng vất những buổi chiều nhớ sốt
Trong thịt xương một xương thịt mang hồn
(..).

Còn đây là *Cửu Long Giang ta ơi* đã đi vào cổ điển:

(..). Mê Kông chảy
Cây lao đá đổ
Lan hoang dứa mật thông nhựa lên hương
Những trưa hè ngun ngút nắng Trường Sơn.
Ngẫm nghĩ voi đi
Thác Khôn cười trắng xóa
Rừng Lào - Miên rộng quá
Dân Lào - Miên mến yêu

Hai bài thơ anh viết về hai con sông lớn nhất đất nước, một ở miền Nam, một ở miền Bắc, bồi đắp thành hai châu thổ lớn, thành những tên đọc lên nước mắt đều muốn ứa¹.

Trong thơ Nguyễn Hồng không có chỗ cho sự trung bình của tình cảm, lại càng không có chỗ cho sự uốn éo, làm duyên...

Đêm ấy chúng tôi thức khuya. Một tối thật vui. Nguyễn Hồng ngủ lại nhà tôi. Vợ tôi đẹp lắm. Tôi lấy khăn mặt đưa anh lau tay, lau miệng. Nhưng anh cho tay vào làn,

¹ Nguyễn Hồng – *Cửu Long Giang ta ơi*.

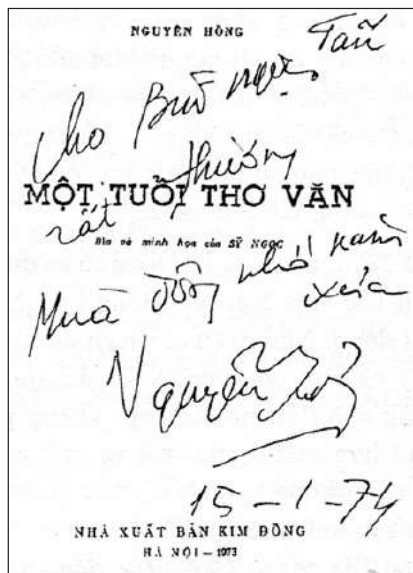
lục tìm, lôi từ đồng hồ mang ấy ra một cái khăn mặt màu nước dưa và thân mặt vỗ vai tôi, phổ biến cho tôi một chân lý mới mẻ, vĩnh hằng:

- Người ta có thể uống chung một chén rượu. Nhưng không thể dùng chung một cái khăn mặt!

*

Khi tôi bị vắng ra ngoài quỹ đạo, Nguyên Hồng thừa lại nhà tôi. Ngoài những lý do về nhà cửa, nơi ở của anh đã có, còn một lý do khác nữa. Anh không thể nói chuyện văn chương với tôi mà đẩy lại là nội dung chính trong cuộc sống của anh. Mọi con đường đều dẫn tới thành Rome. Dù có nói chuyện gì cuối cùng cũng dẫn tới chuyện sáng tác, cũng dính dáng tới công việc của anh, tới các bạn tôi đang viết, đang in.

Cuối năm 1974, nghĩa là khi tôi ở tù ra được một năm và đang làm bốc vác, Nguyên Hồng lại nhà tôi. Đó là một tối mùa đông. Ngồi trên chiếc chiếu giải giữa nhà, đúng chỗ tôi và anh uống rượu với chả mực năm nào, anh lục trong cặp (lần này là cặp, không phải cái làn đựng các thứ hỗn mang nữa) rút ra một tập sách anh mới in. *Một tuổi thơ văn*. Anh lấy bút ghi tặng tôi, vẫn bằng thứ chữ to anh chuyên để tặng trên các tập sách: *Cho Bùi Ngọc Tấn rất thương. Mùa đông nhớ năm xưa. Nguyên Hồng.*



Đưa tập sách cho tôi, thật bất ngờ, anh oà khóc. Đó là những giọt nước mắt mặn xót cả lòng tôi. Tập sách đầu tiên anh tặng tôi khi tôi trở lại cuộc sống con người. Cầm tập sách, tôi nguôi đi tất cả những hờn giận về anh, về những xa cách đã có giữa chúng tôi.

“... rất thương. Mùa Đông nhớ năm xưa”. Anh vẫn nhớ những năm xưa. Không quên. Đó là tất cả những gì có thể làm được cho tôi. Thế cũng đã là nhiều lắm.

Hơn một lần anh chảy nước mắt về những đau khổ của tôi. Nhưng chỉ ba lần anh khóc nhiều như vậy. Lần đầu tiên: Gặp lại tôi sau 5 năm tù. Lần thứ hai khi tôi cho anh xem bộ quần áo số của tôi. Và lần này. Anh sợ

quyển sách của anh sẽ làm tôi đau. Vì tôi đã bị văng ra ngoài quỹ đạo.

Nguyên Hồng vẫn tránh mọi chuyện văn chương với tôi. Ấy thế mà có một lần vừa đến nhà, anh đã lôi ra một tạp chí nước ngoài. Anh lật tìm trang. Và đặt trước mặt tôi quyển tạp chí để mở. Tôi nhìn tấm hình in trên tạp chí và lại nhìn anh. Đúng là anh. Và tôi kêu lên:

- Giống Đê Thám quá!

Thật là một phát hiện bất ngờ. Eureka!

Tạp chí giới thiệu Nguyên Hồng và in ảnh của anh. Khuôn mặt. Chòm râu. Chỉ thiếu vành khăn trên đầu là thành Hoàng Hoa Thám.

Anh ngắm lại tấm ảnh:

- Mình không biết họ chụp mình lúc nào. Đúng là Đê Thám.

Khi đó anh đang viết *Núi rừng Yên Thế*, anh “vẫn khỏe vì cần phải khỏe” như thư anh viết cho tôi ngày trước. Khi đó anh đã dạy con gái anh cách bán mèo ở chợ Yên Thế để lấy tiền mua sách bút vào năm học mới.

- Con cứ cầm gậy nó giơ lên thế này này. Chân nó chụm lại thế này là mèo hay chuột đấy. Cứ bảo người ta là mèo nhà cháu hay chuột lắm.

Chờ đến gần trưa, chưa thấy con gái về, Nguyên Hồng ra chợ. Chợ đã vắng. Con bé con và con mèo con vẫn còn ngồi đó. Thấy anh, con bé oà lên khóc:

- Con đã làm như thầy bảo, nhưng người ta không mua. Người ta bảo mèo nhà mình là mèo đực.

*

Còn một chuyện nữa về Nguyên Hồng, tôi cứ suy nghĩ mãi: Nên viết hay chỉ lưu giữ trong bộ nhớ. Đó là cuộc gặp giữa Giăng và Nguyên Hồng ở nhà tôi. Giăng là con liệt sĩ. Bố Giăng hy sinh từ những năm đầu chống Pháp. Mẹ đi lấy chồng. Giăng trở thành trẻ bụi. Móc túi. Đánh nhau. Ăn cắp xe đạp. Đi tù.

Khi tôi và Nguyên Hồng đang uống rượu thì Giăng đến. Không cần giới thiệu, Giăng cũng biết ngay là Nguyên Hồng. Có lẽ hồi ở trong tù tôi đã tả về anh quá nhiều, nên vừa gặp, Giăng đã nhận ra anh. Tôi bảo Giăng ngồi xuống mâm. Thúc nhắm với Nguyên Hồng bao giờ cũng đơn giản. Bữa ấy chỉ có ít lạc rang. Tôi nói cho Nguyên Hồng biết đôi chút về cuộc đời Giăng. Giăng rụt dè:

- Cháu đã đọc *Bỉ vỏ*. Chúng cháu thích lắm...

Đó là những điều quá nhàm, nhà văn chỉ mỉm cười độ lượng. Nhưng câu nói tiếp theo của Giăng thật bất ngờ:

- Sao bác không viết những chuyện như thế nữa. Những chuyện xảy ra bây giờ cơ. Nhiều chuyện lắm. Chúng cháu sẽ kể cho bác. Bác viết thì hay lắm...

Nguyên Hồng im lặng. Giăng nhìn anh chờ câu trả lời.

Tôi bỗng nhớ đến một câu chuyện Nguyên Hồng kể cho tôi lâu lắm rồi, từ trước khi tôi bị bắt. Một cô gái tuổi đôi mươi nói với Nguyên Hồng đầy tự tin:

- Tôi có cuộc sống. Anh có tay nghề. Chúng ta sẽ cộng tác viết một tác phẩm...

Tôi đã cười mãi về sự tự tin đến mức ngây ngô của người con gái ấy, người đã khoe cuộc sống với cả Nguyên Hồng. Giờ đây tôi mới hiểu cô. Đến bây giờ tôi mới biết có những Tám Bính, Năm Sài Gòn mới đang đòi có nhà văn của mình.

Tôi nhớ sự dăm chiêu của Nguyên Hồng trước câu hỏi của Giảng. Tôi nhớ anh đã tránh cái nhìn lễ phép, chờ đợi của Giảng. Tôi nhớ vẻ sợ sệt của Giảng vì đã làm anh buồn.

Cũng như tôi nhớ trong một lần khác, lại nhà tôi, anh phe phẩy cái quạt giấy tùy thân. (Anh không thích dùng quạt máy dù tôi đã ưu tiên cái quạt cóc duy nhất cho anh). Nằm trên giường, anh đọc. Bỗng anh nhồm dậy gọi tôi với vẻ đầy sáng khoái:

- Tẩn ơi! Làm gì đấy. Nghe đã nhé. Đây là câu kết một vở kịch Ba Lan. Nhân vật chính quay ra nói với khán giả: “Các bạn có biết vì sao người ta nói dối không? Có hai lý do. Thứ nhất: Người ta sợ nói khác mọi người. Thứ hai: Người ta mệt quá rồi”.

Ngã Sáu 18 - 20/5/1992

Nguyễn Hồng ở Paris

*M*ột anh bạn nhận xét: Tôi có *cơ duyên* với Nguyễn Hồng. Có vẻ là như thế và nếu vậy, đó là một may mắn, một hạnh phúc của tôi. Khi tập hồi ức *Một thời để mất* của tôi viết về Nguyễn Hồng in ra, mấy năm sau tôi nhận được một bức thư từ Pháp:

*Vũ Quốc Phan, 22 Rue Caillaux, Paris 75013, France
Mallorca 16 - 7- 2001*

Thân gửi anh Tấn, chị Tấn và các cháu.

Rất thích thú tôi được đọc và đọc đi đọc lại trong lúc nghỉ hè nơi đây “Một thời để mất”. Quyển ấy anh

tặng anh Vũ Thư Hiên rồi anh Đặng Tiến critique làm photocopie gửi lại cho tôi. Tôi là anh họ Nguyễn Hồng. Nhờ ngòi bút của anh mà tôi cảm thấy Nguyễn Hồng vẫn sống và có Nguyễn Hồng ở bên. Anh đã sống với Nguyễn Hồng và tôi dám chắc anh biết Nguyễn Hồng còn hơn cả Nguyễn Hồng phải không Tấn? Vì thế tôi ao ước được gặp anh bất cứ ở đâu. Tôi muốn thực hiện ao ước đó và sẽ tạo điều kiện để gặp nhau. À mà ngày giỗ Nguyễn Hồng 80 tuổi năm 1997 anh có lên Yên Thế dự không? Nếu anh cũng lên thì tiếc quá, vì tôi cũng về Việt Nam, có mặt ở đấy mà anh em không biết nhau mà gặp. Tôi rất thương xót Nguyễn Hồng...

Vũ Quốc Phan.

Sau bức thư này ông Phan còn nhiều lần gọi điện cho tôi, và phải tới mùa thu năm 2004, tôi mới có thể sang Pháp gặp ông theo lời mời của ông. Thực lòng khi tới Paris, tôi không nghĩ mình lại có thể hiểu thêm về Nguyễn Hồng mà chỉ đi như một chuyến xuất ngoại mà ông Vũ Quốc Phan gửi giấy mời, nhằm tạo điều kiện cho tôi bằng anh bằng em, một chuyến đi du lịch để nhìn thế giới. Một tấm lòng của một bạn đọc phương xa.

Tới Paris, gặp ông bà Phan, tôi mới biết mình đã nhầm. Tình cảm của ông bà Phan đối với tôi thân thiết hơn nhiều, biểu lộ ngay ở tiếng xưng hô. Tôi được ông bà gọi bằng tên hoặc gọi là “chú”. Như một người em

và tôi hiểu rằng tình cảm ấy tôi được thừa hưởng qua Nguyên Hồng.

Ông Vũ Quốc Phan năm nay (2004) đã 84 tuổi nhưng vẫn còn rất khỏe mạnh và sáng suốt. Ông vẫn lái xe Mercedes đưa tôi đi chơi Paris cũng như vẫn nhớ như in những ngày tuổi thơ ở Nam Định, tuổi thiếu niên ở Hải Phòng cùng với Nguyên Hồng. *Tôi rất thương xót Nguyên Hồng.* Câu nói ấy của ông trong thư gửi cho tôi không phải câu nói cho có vẻ văn chương mà là tấm lòng của ông với Nguyên Hồng, một cái tình vừa anh em ruột thịt vừa bè bạn. Tất cả những gì dính dáng đến Nguyên Hồng



Bùi Ngọc Tấn cùng ông bà Vũ Quốc Phan (Paris) đang tìm những thư từ Nguyên Hồng gửi

có trong tay đều được ông lưu giữ, bảo quản rất cẩn thận. Tới Paris rồi đến quận 13, một trong những quận sầm uất nhất của kinh thành ánh sáng, điều thật bất ngờ là tôi được “gặp” Nguyễn Hồng ở đó. Có lẽ đó là món quà lớn nhất trong chuyến tôi sang nước Pháp mà số phận đã dành cho tôi. Không chỉ được đứng trước tháp Eiffel, ngồi trong nhà thờ Đức Bà nghe hát thánh ca, tới Khải Hoàn Môn hay lâu đài của bọn cướp biển Viking sát bờ biển Normandie, về Orleans, ngược lên Lille mà tôi còn được “gặp” Nguyễn Hồng trong một căn buồng phố Caillaux yên tĩnh, nơi ông bà Vũ Quốc Phan cư ngụ. Đúng là tôi có cảm giác gặp Nguyễn Hồng khi ông Vũ Quốc Phan đưa cho tôi xem những bức thư của Nguyễn Hồng gửi ông bà, những quyển sách có chữ đề tặng của Nguyễn Hồng và đặc biệt tấm ảnh Nguyễn Hồng chụp với ông Phan năm 1936. Một bức ảnh vô giá. Năm 1936 là năm Nguyễn Hồng đã hoàn thành *Bỉ vỏ*, tập tiểu thuyết đầu tay của ông, tập tiểu thuyết ngay tức khắc đưa Nguyễn Hồng từ một thiếu niên nghèo túng vô danh trở thành một nhà văn lớn, một người của thời đại, tên tuổi mãi mãi ngời sáng trong lịch sử văn học. Tôi hiểu rằng mình đang cầm trong tay một bức ảnh của lịch sử và cứ ngắm mãi hai người trong ảnh. Đó là hai thiếu niên cời trần, gầy gò khoác vai nhau cười trong tư thế một chân quỳ một chân chống, cánh tay tỳ trên gối, bàn tay nắm lại thành nắm đấm nhô ra từ một khuôn cửa.

Ông Phan cười:

- Tấn thấy không? Hai lực sĩ đấy. Hai lực sĩ trơ xương, nắm chặt tay gông lên cho nổi cơ bắp.

Tôi nhìn tấm ảnh và nhìn ông Phan. Tôi nhận ngay được ông trong ảnh. Dù cách nay đã hơn 60 năm, ông vẫn nguyên một nét mặt ấy. Còn Nguyễn Hồng, quả thực không thể nhận ra. Không thể nào nhận ra được chàng lực sĩ nhí đang co tay cho nổi gân cốt, con chuột ở bắp tay phồng lên kia là người vừa viết xong *Bỉ Vô* với những suy nghĩ sâu sắc già dặn như vậy về kiếp người.

Ông Phan sinh năm 1920, sau Nguyễn Hồng 3 năm (theo ông Phan, Nguyễn Hồng sinh năm 1917, đúng vào năm Cách Mạng tháng Mười Nga). Bố ông Phan và mẹ Nguyễn Hồng là hai anh em ruột. Ông nội ông Phan và cũng là ông ngoại Nguyễn Hồng là cụ Tuấn Cánh ở làng Phù Long Nam Định. Năm 1926 xảy ra dịch tả chết rất nhiều, bố mẹ ông Phan mất vì dịch, ông Phan về ở phố Hàng Cót Phù Long với ông bà nội. Cụ Tuấn Cánh có ba người con: Người con cả vẫn gọi là bác giáo Toàn, người con thứ hai là ông Vũ Đình Phúc bố ông Phan và cô gái út, bà Vũ Thị Vui, mẹ Nguyễn Hồng, cô *Vui* theo cách gọi của ông Phan. Ngày ấy cô *Vui* buôn bán, cắt hoa quả, rau củ ở Vân Nam về bán ở chợ Rồng.

- Hồng nó láu lăm. Toàn ăn đồ tôi thôi.

Nhớ lại thời niên thiếu xa lắc xa lơ, ông Phan cười nói với tôi. Bé bỏng, 6 tuổi mồ côi cả cha lẫn mẹ, được ông

bà thương, nhất là bà, thỉnh thoảng lại dấm dúi cho vài xu. Không hiểu sao, mỗi khi ông Phan có tiền, Nguyên Hồng biết ngay, đến gạ gẫm đánh bi đánh đáo. Và lần nào ông Phan cũng thua “cháy túi”. Bà nội biết, cốc vào đầu Nguyên Hồng: “Cha tiên nhân cái thằng này, từ rầy bà không cho mày đến đây nữa”. Nhiều khi chính ông Phan bị bà cốc đầu, không cho chơi với Nguyên Hồng. Nhưng làm sao không chơi được. Nguyên Hồng là em nhưng lớn hơn, đọc sách nhiều, là cả một kho chuyện, biết bao nhiêu trò chơi, đánh đáo đánh bi thì khỏi nói. Lại còn từ Phù Long đi bộ lên tỉnh học qua phố Lò Sũ, nơi cô Vui và Nguyên Hồng ở, sao không ghé vào cho được. Bà nội buôn chuyến, từ Nam Định về Hải Phòng, nơi bác giáo Toàn mở trường học gọi là trường Đông Hải. Khi đi mang trâu cau, giao ở chợ Sắt và khi về mang tôm cá hoa quả cho cô Vui bán ở chợ Rồng. Mỗi lần đi xa, bao giờ bà nội cũng kho cho cháu một nồi thịt hay một nồi cá để cháu ăn dần. Thỉnh thoảng bà cho cả tiền, nhưng thật ít khi ông Phan được tiêu, mà thường vào túi Nguyên Hồng.

- Thuở nhỏ, bố mẹ mất, tôi chỉ có Nguyên Hồng là bạn. Đi đâu cũng có nhau. Trời rét cắt ruột, tôi nhất định không ở nhà với ông bà, đòi bằng được đến Lò Sũ ngủ với Nguyên Hồng. Hai thằng rải ổ, đắp chiếu, nằm co ôm nhau, được chân hỏ đầu, được đầu hỏ chân. Chúng tôi rất quý nhau, không bao giờ tôi tố cáo Nguyên Hồng



Nguyễn Hồng và Vũ Quốc Phan năm 1936 tại Đờ Sơn. Mặt sau bức ảnh ghi: *À Do Son 16 -08-1936, au moment que les flots voguent et que le soleil du matin darde un feu ses rayons* (Đờ Sơn ngày 16- 08-1936, trong lúc những làn sóng xô đẩy nhau và mặt trời chiếu những tia nắng đầu tiên).
Ảnh: Jiaye Doudou.

nhưng chẳng gì giấu được bà nội. Cụ rất thương tôi, luôn dành phần hơn cho tôi. Ngày Tết cụ may hai cái áo dài cho hai cháu, bao giờ tôi cũng được ưu tiên chọn trước, rồi mới đến lượt Nguyễn Hồng. Nguyễn Hồng rất giống mẹ. Giống nhất ở tật nói lắp. *Cô Vui* cũng nói lắp.

Hai chúng tôi cùng cười. Tôi nhìn khuôn mặt phúc hậu của ông Phan, nhân chứng sống duy nhất còn lại của Nguyễn Hồng một thời xa xưa ấy mà cảm thấy mình thật may mắn.

- Nguyễn Hồng xoay sở rất giỏi. Có hôm đánh bạc được tiền, xâu vào giải rút lông thong, trông thấy bố, vội lấy tay ôm bụng. Bố hỏi: “Mày đau bụng à?”. “Không”.

“Bỏ tay ra tao xem”. Nguyên Hồng bỏ tay ra, chòm xu rơi thông xuống. Bố bảo: “Cho tao vay”. Lại mếu máo nhưng rồi cũng phải cho bố vay, nhưng chỉ cho vay một nửa. Lại có lần bố đưa tiền đi mua thuốc phiện. Cầm tiền bố đưa, Nguyên Hồng đi đánh đáo thua hết, biến mất. Ở nhà bố chờ, cơn nghiện đến, điên lên. Nguyên Hồng không dám về. Cô Vui phải đi tìm Nguyên Hồng. Về đến nhà, Nguyên Hồng sụp xuống lạy bố: “Con trót dại”. Bố đánh. Đánh đau. Roi mây vun vút. Cô Vui ngồi gian ngoài nghe tiếng roi, tiếng thét cũng ôm mặt khóc.

Cũng theo ông Phan, một trong những lý do khiến Nguyên Hồng giỏi văn là vì Nguyên Hồng phải đọc nhiều sách cho bố nghe. Cứ những lúc bố nằm trong màn với chiếc bàn đèn là Nguyên Hồng phải chui vào, đọc truyện. Ngày ấy gia đình Nguyên Hồng ra Hải Phòng ở Ngõ Cắm Đông Khê. Ông Phan cũng ra Hải Phòng ở với bà bác. Em gái ông Phan, cô Vân ở với Nguyên Hồng nhiều lắm. Nguyên Hồng là lớn, chỉ có một người em gái: cô Quế. Ông Phan và Nguyên Hồng thân thiết như hai anh em ruột. Lớn lên hai anh em càng thêm gần bó, nhất là khi Nguyên Hồng đi tù về, cho dù gia đình rất sợ ông Phan bị bắt, bị ghi sổ đen. Hai người không dám đi với nhau, nhiều khi muốn gặp nhau phải nhắn tin qua người thứ ba. Đã nhiều lần ông Phan phải đến Tân Dân Thư quán để gặp Nguyên Hồng ở đấy mà không dám đi cùng nhau trên phố.

- Thời gian viết *Bỉ Vô*, Nguyên Hồng có nói gì với anh không?

- Em đang viết một tập. Một tập tiểu thuyết chưa từng có. Nguyên Hồng nói với tôi như vậy. Nghe thì biết thế thôi, chứ cũng không ngờ đó là quyển sách làm Nguyên Hồng nổi tiếng đến thế.

Ông Phan kéo tôi từ phòng khách vào buồng riêng, lấy ghế mời tôi ngồi trước một chiếc bàn lớn có nhiều ngăn kéo và lôi ra từ đó không biết bao nhiêu sách có chữ để tặng của Nguyên Hồng. Đây đây *Bỉ Vô*: *Tặng anh chị Phan - Mai, những dòng chữ đầu tiên của những ngày đau khổ của gia đình ta ở Hải Phòng xưa. Nguyên Hồng. 27-2-1958. Tập Lò Lửa: Tặng anh chị rất thân yêu. Nguyên Hồng. Kỷ niệm mùa Xuân 1958 Hà Nội. Tập Những nhân vật ấy đã sống với tôi: và cũng sống với anh nữa đấy, bác giáo Toàn và cậu Tha của chúng ta. Tập Địa Ngục: Gửi anh chị Phan - Mai những hình ảnh đau xót của dân tộc những năm 1944-1945 đã qua. V.v..* Tập sách cuối cùng Nguyên Hồng tặng ông Phan là quyển *Thời kỳ đen tối: Những ngày này anh và tôi mỗi người một cảnh sống thật đáng ghi nhớ. Hà Nội 6-2-1982.*

Và đây một bức thư của Nguyên Hồng gửi ông Phan dài ba trang pơ luya, đặc kín những dòng chữ “xô vào nhau gập ghềnh lên xuống”: (...). *Phan và tôi chúng ta đã đi cuộc đời của chúng ta bằng bốn cẳng chân và bốn cánh tay của hai đứa trẻ mồ côi. Tôi viết sách giữa những cánh*

thanh niên cùng tuổi sa ngã trụy lạc và cam chịu những hèn nhục đầu hàng. Phan ra đi, tưởng chỉ còn là thân lạc loài, giờ thành một chuyên gia, có thể gọi là ưu tú. Chúng ta, trước dân tộc, trước mắt mọi người, trước cha mẹ dưới tuổi vàng, trước những người thân đã nhắm mắt, chúng ta có thể nhìn thẳng và nói mấy câu: Chúng con đã thắng! Chúng con đã thật là người! Chúng con sẽ còn góp nhiều sức nữa để làm tròn nhiệm vụ của những kẻ đã qua những đau xót và tiến lên đời sống tươi sáng, vinh dự chân chính của con người cần lao.

Anh Thịnh, anh Phụng, tất cả những lớp tuổi như thế, anh em của chúng ta phải cùng chúng ta tiến. Tôi cũng như anh, hiện nay không có cả pardessus, không có cả complet rét nữa. Tôi quyết cho đến lúc tiến hẳn được lên xã hội chủ nghĩa, thì để các con mặc đồ len, còn tôi chỉ vareuse da hay cái áo bông. Thăng Hà, hiện nay ở Trung Quốc về, tôi đã tập cho gánh nước đỡ mẹ. Rồi đây khi tôi trở về nông thôn nghiên cứu vấn đề ruộng đất, tôi sẽ cùng các cháu làm ruộng, làm vườn. Ngày kháng chiến, bà đi từ mờ sáng, nắm cái nắm cơm bằng bàn tay với muối vừng, vào trong rừng Yên Thế kiếm củi. Cứ chiều nào bà chậm về, các cháu lại ra đứng ở bờ đôi trông đợi. Nhưng về sớm lại lo. Cái bóng lệch xệch gánh củi đi giữa con đường nắng, trên trời và mặt đất âm ả tiếng Dakota bỏ bom, tiếng B26, tôi trông mẹ xa xa, thấy đau quặn từng khúc ruột. Đã có ngày cả nhà chỉ có một buồng chuối, dấm từ lúc xanh đến



Nguyễn Hồng năm 1957, chủ
bút báo Văn.

khi chín, không dám ăn, đem đi bán làm vốn buôn, lần hồi được tuần lễ. Lúc cắt chuối, có những mẫu thối, trông đi trông lại thấy mất, nhìn các con thì thấy phúng phính nhai, tôi vội móc mồm chúng nó ra mà không được!

Bây giờ đã không còn tiếng súng giặc, không còn những cảnh lấy đêm làm ngày, mẹ con bà cháu

đoàn tụ, làm ăn dù khó khăn cũng chưa chan hạnh phúc. Chỉ cần chịu khó, chịu khó nữa cho qua bước đầu này. Phải không anh chị Phan – Mai, chúng ta sẽ nhất định lại thắng. Thôi nhé. Để thư sau viết dài hơn. Hôn anh chị và các cháu.

Nguyễn Hồng

Tái bút. Gói quà của anh, tôi đã ủy nhiệm cho chồng cô Quế đi lĩnh. Khi nào bà lên chơi sẽ cầm lên. Lần sau anh đừng gửi nhiều quà bánh như thế. Cam, chuối, dứa, nhãn bên nước nhiều lắm. Nhà không dư thừa nhưng các cháu cũng có luôn. Còn tôi, anh chị cho gì tôi xin nhận. Nhưng cũng xin nói lại tôi chỉ cần được thư luôn của anh chị và các cháu là mừng nhất. Cùng chuyến này tôi gửi tặng anh

chị cuốn Bì vò và Những ngày thơ ấu. Cuốn Bì vò trước kia hồi Pháp thuộc đã có người định viết thành truyện phim và quay phim. Chiến tranh phát xít bùng cháy, cuốn đó bị cấm. Nay bên Liên Xô dịch ra tiếng Nga. Tôi đã nghĩ đến anh, đến cháu. Sau đây chính những tác phẩm của tôi mà được chính những người thân thiết hiểu biết mình dịch ra thì sung sướng biết mấy. Tôi nghe nói, năm 1946, lúc phái đoàn chính phủ Việt Nam sang, cuốn Địa ngục của tôi, trong đó gồm có những chuyện về cảnh đau khổ chết đói hai triệu người năm 1945, được đưa sang và có mấy truyện kiêu bào đã dịch ra tiếng Pháp, phổ biến trong anh em lính thợ. Nếu có như thế và còn những bản bằng tiếng Pháp, anh Phan sáu tìm được thì gửi cho tôi.

Chuyến sau tôi sẽ gửi Địa ngục và Lò lửa là hai tác phẩm viết về cách mạng và đời sống đặc biệt của nhân dân Việt Nam những năm phát xít quân phiệt Nhật thống trị. Trong hai tác phẩm này, có nhiều truyện trích vào văn tuyển dạy ở các trường trung học Việt Nam. Càng nghĩ càng thấm thía về cuộc đấu tranh của dân tộc. Nếu không có cách mạng và kháng chiến thì làm sao trí thức chúng ta có được địa vị cao quý, làm sao chúng ta phát triển được tài năng? Làm sao chúng ta sống được? Và làm sao chúng ta không làm việc nhiều nữa? nhiều nữa!

Hôn thêm các cháu

Nguyễn Hồng

Thư đề ngày 27 tháng 2 năm 1958. Đó là những ngày sóng gió của Nguyên Hồng. Anh đã mất chức chủ bút tuần báo *Văn*. Đã bị kiểm điểm lên xuống vì “đã làm báo *Văn* đi chệch đường”. Anh đã đưa cả gia đình từ thủ đô về Yên Thế. Nhưng không có gì làm Nguyên Hồng giảm đi lòng yêu nhân dân, lòng yêu đất nước và chùn bước trên con đường sáng tạo nghệ thuật. Cùng với bức ảnh chụp chung với Nguyên Hồng năm 1936, ông Phan còn đưa tôi một bức ảnh khác, một bức ảnh chân dung Nguyên Hồng cỡ 4x6. Tôi lật mặt sau tấm ảnh. Một chữ ký của Nguyên Hồng, dưới đề: 1957. Chiếc ảnh anh bóc ra từ tấm thẻ nhà báo khi còn ở báo *Văn* để tặng ông Phan, còn in dấu nổi của Sở Báo chí. Một Nguyên Hồng mặt chữ điển trẻ trung đẹp trai thông minh kiên nghị vừa tròn 40 tuổi đang trước mắt tôi. Một Nguyên Hồng trẻ hơn tôi bây giờ 30 tuổi. Cảm bức ảnh tôi không thể không nghĩ đến khi tôi mới tuổi 20, không thể không nghĩ đến bước ruổi khủng khiếp của thời gian... Nguyên Hồng gửi sách mình viết cho ông Phan. Ông Phan cũng gửi rất nhiều sách về cho Nguyên Hồng. Chủ yếu là những sách Nga và Liên Xô. *Người mẹ* của Gorki, *Thép đã tôi thế đấy* của Ostrovski, *Anna Karenina*, *Chiến tranh và hòa bình* của L. Tolstoi, *Sông Đông êm đềm*, *Đất vỡ hoang* của Sholokhov... Có thể nói tủ sách tiếng Pháp của Nguyên Hồng khá phong phú là nhờ ông Phan. Đó cũng là điều Nguyên Hồng viết trong thư: “Còn tôi, anh chị cho gì tôi xin nhận”. Tất nhiên kèm theo sách là quần áo ấm, thuốc

men. Có một lần, ông Phan gửi về cho Nguyên Hồng một con dao cạo râu chạy điện Remington loại mới nhất hồi đó. Hải quan Việt Nam đánh thuế cao vì là hàng xa xỉ. Nguyên Hồng không nhận. Hơn nữa, năm ấy Nguyên Hồng cũng đã để râu rồi.

Tháng 2 năm 1982, ông Phan về nước gặp Nguyên Hồng sau 42 năm xa cách và đó cũng là lần gặp nhau duy nhất. Hai người nói biết bao nhiêu chuyện. Ông Phan đã trao cho Nguyên Hồng những bức thư của những người bạn bị giam trong nhà tù quân sự trên nước Pháp vì “tội” tổ chức chống lại chính phủ Pháp, về anh em lính thợ Việt Nam bị bọn Đức cầm tù trong thế chiến thứ hai, về công lao anh em lính thợ đã đưa lúa nước vào nông nghiệp Pháp...

Nguyên Hồng vẫn nuôi mộng viết một tập sách về hai người - hai anh em - cùng chung một mục đích nhưng đi hai con đường khác nhau và dặn ông Phan sưu tầm lưu giữ những tài liệu về anh em lính thợ. Tập sách chưa được viết ra ấy dựa trên nguyên mẫu hai người: Nguyên Hồng và Vũ Quốc Phan. Tháng 12 năm 1939, sau khi thi certificat xong và học thêm hai năm nữa, chàng thanh niên mồ côi thất nghiệp Vũ Quốc Phan rời quê hương sang Pháp, sung vào đoàn lính thợ. Nhờ giỏi tiếng Pháp, ông được làm phiên dịch. Hết hạn ông thi vào trường kỹ thuật. Không có tiền theo học, cũng giống như Nguyên Hồng ở Việt Nam, ông Phan đi dạy học, dạy con em Việt kiều tại Pháp. Năm năm học, điểm số trung bình của

Vũ Quốc Phan tăng dân từ 14 lên 19 điểm. Ông là một trong những chuyên gia hàng đầu về lĩnh vực phát thanh và trở thành giám đốc kỹ thuật đài phát thanh Europe I của Pháp. Hội nghị Fontainebleau năm 1946, chính ông Phan là người chịu trách nhiệm về âm thanh. Tại đây, ông đã được gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh, được Chủ tịch tặng một tấm ảnh có chữ ký của Chủ tịch bằng bút máy. Suốt cuộc hòa đàm Paris thời chống Mỹ kéo dài 6 năm, cũng lại chịu trách nhiệm về kỹ thuật, ông Phan đã tạo mọi điều kiện thuận lợi cho hai đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng Hòa và Cách mạng lâm thời miền Nam Việt Nam cùng những sự giúp đỡ quý báu khác về liên lạc, về thu nhận và truyền tin mà hiện nay chưa tiện công bố. Ông Phan kể cho Nguyễn Hồng biết ông đã cho đoàn đại biểu chính phủ Cách mạng lâm thời Miền Nam Việt Nam mượn ô tô hàng ngày đi họp và những việc ông vận động ủng hộ cách mạng Việt Nam trong hàng ngũ Việt kiều, cho Nguyễn Hồng xem những biên lai ghi số tiền ủng hộ cách mạng Việt Nam: Quỹ Cứu quốc, Tổ chức Việt Nam ái hữu,... thư của ông Trần Ngọc Danh thay mặt Hồ Chủ tịch chúc mừng năm mới, giấy mời của ông Nguyễn Duy Trinh, bà Nguyễn Thị Bình mời ông Phan đi dự chiêu đãi tại Salons de Hôtel Lutetia...

Nguyễn Hồng rất xúc động nói: Quý quá. Những cái này gọi cho em rất nhiều.

Thời gian về Việt Nam ở nhà Nguyễn Hồng, ông Phan rất buồn thấy nhà phải đi xin, đi mua tem gạo, đong cho

khách ăn. Lại còn những điều mắt thấy tai nghe khác. Thế rồi một buổi chiều hai người bắc ghế ra sân nhìn hoàng hôn Yên Thế, bỗng nhiên ông Phan hỏi:

- Anh ngạc nhiên về sự im lặng của em. Trước khi anh ra đi, em còn dám viết *Bỉ vờ*. Tình trạng hiện thời không thiếu *Bỉ vờ* mà em không viết gì cả.

- Hồng nó ôm lấy tôi - Ông Phan nói giọng nhẹ nhàng. Nó bảo tôi: Anh ạ. Hãy cứ để kệ mọi chuyện ấy đấy. Sau khi em chết mọi người sẽ biết. Cái phần gì của em, anh đem ra đi.

Ông cười:

- Tức là rượu whisky. Tôi đem rượu ra hai anh em uống. Nguyên Hồng vẫn dặn tôi: Có những tài liệu gì hay ở bên ấy anh hãy giữ lại hộ em. Đúng như Tấn viết: Hồng nó cứ tưởng nó còn sống lâu, còn thời gian để viết những điều nó nghĩ. Nó chết mà chưa viết được ra là oan hận lắm đấy.

Ông đưa cho tôi xem những tập tài liệu mới sưu tầm thêm cùng với những tấm ảnh ông chụp ở mộ Nguyên Hồng, giọng buồn buồn:

- Năm 1984 tôi lại về Việt Nam, định mang những thứ này về cho Hồng thì nó chết rồi.

*

Trước khi ra sân bay về nước, tôi đến chào ông bà Phan. Mở chai sâm banh, nâng ly mời tôi, ông Phan nhìn

tôi như nhìn một người em mình sắp chia tay. Vẫn với giọng nhẹ nhàng thân thiết, ông hỏi:

- Giáng Hương thế nào rồi?

Giáng Hương là tên một nhân vật của Nguyên Hồng và cũng là tên con gái tôi. Ngày bé, cháu thường ngồi lên lòng Nguyên Hồng và vít bát của anh xuống khi anh ăn uống cùng tôi. Lớn lên, cháu hay nướng mực khô cho bác Nguyên Hồng uống rượu. Những chuyện ấy tôi đã viết trong *Một thời để mất* và ông Phan đã đọc.

- Thưa anh chị, cháu Giáng Hương năm nay đã ngoài 40 tuổi rồi ạ. Cháu dạy học.

- Sáng mai Tấn bay à? Va li đây chưa?

- Dạ. Va li đây rồi ạ.

- Có còn chỗ cho một cái áo nữa không?

Tôi cười:

- Thưa còn.

Ông Phan vào nhà lấy ra một gói nhỏ, một chiếc áo khoác da màu Dunhill và nói với giọng đầy triu mến:

- Của Giáng Hương. Để Giáng Hương trời mưa mặc đi làm. Cứ nói với Giáng Hương là áo này của bác Nguyên Hồng. Bác Nguyên Hồng cho. Nhé.

Tôi bỗng cảm thấy không chỉ ông Phan mà cả Nguyên Hồng nữa đang ngồi trước mặt tôi.

Hải Phòng 11-2004

PHỤ LỤC 2

Đằng sau những bức thư

Ba bức thư của Vương Trí Nhàn.

Bức thứ nhất:

Hà Nội ngày 28 tháng 5 năm 1994

Kính gửi anh Bùi Ngọc Tấn

Vừa rồi tôi có gặp anh Lê Bầu. Anh ấy nhắc tôi là lo hộ cuốn sách của Bùi Ngọc Tấn. Tôi phải nói ngay là mọi chuyện đang trong giai đoạn chuẩn bị, và chúng tôi những người biên tập phải tìm được cơ hội tốt nhất để cho sách ra đời. Bởi vậy có một số điểm cũng phải có mẹo mục một chút mới ra được. Xin nói để anh Tấn thông cảm:

- Tôi không dám khoe với ai về tập sách này, cuốn Một thời để mất của anh, vì khoe lắm chỉ gây tò mò, gây chú ý, thậm chí là trở thành một áp lực không có lợi.

- Cứ nên coi đây là quyển sách bình thường, bọn tôi lo làm biên tập rồi lo duyệt, tiếp đó lo “đầu ra”, tức là xem có “đầu nậu” nào (cả nhà nước lẫn tư nhân) nhận in thì kết hợp in cho tiện.

- Trong quá trình biên tập tôi lo chỉnh lại một số việc vặt như viết hoa tên người tên đất, hoặc các trích dẫn chú thích có chính xác không (việc này mong anh tin ở tôi). Gọi là việc vặt song cũng rất cần, nghề nghiệp của người biên tập buộc phải lo như vậy.

Thế còn vấn đề chính là nội dung của cuốn sách? Những mong có dịp nói trực tiếp với anh, chứ viết thư không phải bao giờ cũng nói hết được ý mình. Như thư trước đã nói với anh: Tôi đã gợi ý để anh viết, không bao giờ tôi quên điều đó. Tôi sẽ cố gắng lo cho nó như lo cho sách của mình. Chắc anh cũng tin là tôi hiểu tâm huyết của anh khi viết. Tôi sẽ bàn với anh Kiên giữ được quyển sách như hình thù hiện nay. Nếu chỗ nào có phải cắt bớt, chúng tôi cũng đau như chính anh vậy. Còn nếu có gì phải chữa, bọn tôi sẽ báo để anh làm chứ không tự tiện đâu.

Đấy, về lý mọi chuyện tóm tắt là như thế.

Còn về tình cảm, quả thật, tôi đọc thấy rất cảm động. Trước đây chưa đọc cái gì đáng hoàng của anh ngoài hai bài anh viết về Nguyễn Hồng in trên Cửa Biển. Nhưng tôi

thấy không có gì phải hối hận về việc đã “xui dại” anh. Qua hồi tưởng về Nguyên Hồng, anh đã kể về đời mình về thể hệ mình, kể một cách tương đối phải chăng, không bực bội hờn dỗi mà cũng không dạy khôn mọi người, nên nói chung là “nghe được”.

Khi Cát bụi chân ai in ra (cũng do tôi là người biên tập), nhiều anh em đọc xong cứ thấy buồn buồn: Chuyện của Tô Hoài cũng là chuyện mình chứng kiến mà sao mình không kể được như Tô Hoài.

Tôi tin rằng khi cuốn hồi ký của anh in ra, cũng sẽ có người nghĩ vậy. Nói thật với anh, trước mắt tôi chưa tin là chúng ta có một nền văn học lớn ở những cái chúng ta làm ra, yếu tố sáng tạo còn thô sơ nhạt nhẽo lắm.

Nhưng tôi tin chúng ta đã sống những năm tháng đáng ghi nhớ, kinh khủng ghê sợ nhưng cũng đẹp kỳ lạ, đúng với những gì mà kiếp người có thể có.

Nói cách khác: Tôi không tin lắm ở tiểu thuyết. Có thể có cuốn nọ cuốn kia đọc được, một, hai tác giả đọc được. Nhưng toàn bộ nền tiểu thuyết tôi không tin lắm.

Ngược lại, tôi tin ở hồi ký: Nếu anh em ta bảo nhau viết và biết cách viết thì chúng ta có thể có những hồi ký kha khá.

Tôi chưa được đọc tiểu thuyết của anh. Nhưng cuốn hồi ký này tôi nghĩ nên in ra, để những anh em khác cũng có dịp nghĩ về đời mình và viết ra những cuốn hồi ký khác.

Viết được như thế là đáng sống rồi.

Tôi xin dừng bút và chúc anh Tấn cùng gia đình vui khỏe.

Có gì mới tôi sẽ báo cho anh biết ngay.

Kính

Vương Trí Nhàn.

Tái bút: Theo tôi nên đưa hai chữ Nguyễn Hồng vào đầu đề. Nguyễn Hồng và Một thời để mất. Nếu anh không đồng ý xin báo cho tôi biết ngay. Còn nếu đồng ý không cần báo cũng được.

Bức thư hai:

Hà Nội ngày 17 tháng 4 năm 1995

Kính gửi anh Tấn.

Tôi ngần ngại mãi, nghĩ là cứ viết thư thẳng cho anh có lẽ hay hơn. Vẫn là chung quanh câu chuyện bản thảo Một thời để mất của anh thôi. Tôi nghĩ là mình có trách nhiệm trong việc này, tôi đã gợi ý để anh viết. Tôi xót xa cho nó, như xót xa cho những gì tự tôi viết ra. Do vậy cứ thấy gờn gợn trước quyết định của mấy anh trong Ban giám đốc chúng tôi, là tước bỏ tất cả những gì “râu ria” đi (những gì liên quan đến chính Bùi Ngọc Tấn và đám bạn bè) mà chỉ giữ lại những gì liên quan đến Nguyễn Hồng thôi. Có thể sách viết ra hôm nay có phần hơi tản mạn, và cái phần lam lũ cay đắng trong nghề của các anh hôm nay viết ra chưa tiện (thậm chí, xin phép được nói thẳng: có thể ai đó nghĩ Bùi Ngọc Tấn chưa phải là người có quyền và cần chia sẻ với bạn đọc và đồng nghiệp những vui buồn của đời mình như thế). Nhưng đã vậy thì nên để quyển sách lại. Chứ tước bỏ đi cái phần “râu ria” ấy, chỉ giữ phần Nguyễn Hồng thôi, thì tức là làm nánh hản quyển sách, làm nó mất đi sự thống nhất nội tại và tôi nghĩ là cái phần tâm huyết anh đặt vào đó cũng mất đi cơ hội bộc lộ.

Anh Tấn ơi! Tôi viết những dòng này với anh là với tư cách một đồng nghiệp, chứ không phải một biên tập viên

nhà xuất bản. Chúc năng biên tập viên là làm sao lo để nhà xuất bản có sách in ra và không bị tai nạn. Nếu anh đồng ý cắt phần “râu ria” và chỉ để lại phần Nguyên Hồng thì dù hơi ngại làm cái công việc là cắt bỏ phần nửa tác phẩm, tôi vẫn làm được thôi. Nhưng anh Tấn ạ, với tư cách một người yêu mến và thích viết về đời sống của những người cầm bút, tôi nghĩ như trên, tức là đừng cắt gì cả. Nếu anh đồng ý với tôi, nghĩa là anh phải tạm gác tác phẩm lại, để đây, để một dịp khác sẽ in, hoặc tìm một nhà xuất bản khác để in. Tôi không chắc là mình có thể giúp gì được anh trong cái công việc liên hệ để in ấy. Nhưng ta cứ dúi gắng đợi, anh Tấn ạ. Tôi chờ thư của anh, và các biện pháp đề nghị của anh.

Kính
Vương Trí Nhàn.

Bức thư thứ ba:

Hà Nội ngày 20 tháng 5 năm 1995

Thân gửi anh Tấn

Chờ mãi không thấy thư anh lên, nhưng thôi tôi đã có thể viết lá thư này để xóa sổ lá thư trước:

Rút cuộc là bản thảo đã giải quyết xong anh Tấn ạ.

Số là, theo tôi biết, tiểu thuyết của anh vẫn còn đang treo đó.

Bởi vậy, anh Kiên, anh Phú chỉ thị cho tôi là cố gắng đưa được tập hồi ký này của anh ra.

Tôi chủ yếu làm công việc tước bỏ cho gọn sách lại.

Bỏ hết những chi tiết liên quan đến nhà xuất bản chúng tôi (tôi và anh Kiên), tuy vẫn giữ được những câu có tính chất vào truyện của anh (đoạn lên Hà Nội).

Tước bỏ những chi tiết đùa tếu gọi là tự nhiên chủ nghĩa kiểu như đôi tất của anh Tất Vinh, hoặc Vũ Tín đi mua thịt v.v...

Như tôi đã viết trong thư trước, nếu các anh ở Ban giám đốc yêu cầu bỏ hết những gì liên quan đến lớp người cầm bút như anh, Vũ Thư Hiên, Vũ Bảo, Dương Tường... thì tôi khuyên anh để sách lại đừng in.

Nhưng nay các anh không quyết liệt đến quá thế nữa, và hai bên (tôi, coi như đại diện của anh + ban phụ trách đã

tìm được chỗ thỏa hiệp). Bản thảo đã duyệt xong, chỉ còn vài việc vặt nữa rồi chuyển sách sang khâu in.

Xong việc này tôi cũng thấy nhẹ cả người, anh Tấn ạ vì dẫu sao tôi cũng “đầu têu” ra nó, sách mà không ra được, hoặc ra mà méo mó mảy mặt thì tôi cũng buồn.

Mong anh tin ở tôi, tin ở cảm giác về một cuốn sách của tôi.

Lần này chắc anh không im lặng nữa mà viết thư cho tôi chứ?

À, vừa rồi tôi thấy có một mẫu đăng ở báo Người Hà Nội, trích từ cuốn sách này ra. Nói chung là tôi hoan nghênh, anh bán được thêm cho báo nào cứ bán. Như Tiên Phong chẳng hạn, họ rất thích loại này (nếu anh chưa quen họ, xin viết thư cho tôi biết và ủy nhiệm cho tôi làm việc này). Chỉ cuối cùng anh đừng đưa bản thảo cho nhà xuất bản nào khác là được.

Chúc anh khỏe.

Vương Trí Nhàn.

Thư của Nguyễn Kiên giám đốc nhà xuất bản Hội Nhà văn khi đó:

Hà Nội ngày 1 tháng 7 năm 1995

Thân gửi Bùi Ngọc Tấn

Mình đi công tác vắng ít hôm, về nhà nhận được thư Tấn, như vậy là hơi muộn. Về Một thời để mất Vương Trí Nhàn đã trao đổi với Tấn. Bọn mình muốn in tập sách này vì những tư liệu ở trong đó rất nên được công bố đã đành, ngoài ra còn vì những kỷ niệm bạn bè giữa chúng ta. Một số chỗ Vương Trí Nhàn cắt bớt là để cho nó gọn hơn. Mong Tấn thông cảm với bọn mình. Mình đã nói lại (nhân tiện đưa luôn cả thư Tấn viết cho mình) những điều Tấn muốn qua mình nói với Ngô Văn Phú. Cũng là cái tình đồng nghiệp với nhau.

Tình hình không khí văn học hiện thời có những biểu hiện không đơn giản. Chắc Tấn cũng thấy. Giá gặp nhau thì nói được nhiều hơn.

Cuốn Một thời... của Tấn đã có giấy phép xuất bản, mình đã bàn với Xuân Tùng (phó giám đốc phụ trách sản xuất kinh doanh của nhà xuất bản) tìm cách liên kết với một "đầu nậu" nào đó để in (phần lớn sách xuất bản hiện thời đều phải theo cách này). Khi nào có kết quả cuối cùng sẽ tin để Tấn biết.

Mình đã nói với Hội Nhà văn có lẽ mình chỉ làm quản lý một thời gian ngắn nữa thôi. Sẽ nghỉ. Để có chút thì giờ, không bị ràng buộc (tất nhiên là tương đối!) may ra có thể ngâm nghĩ và viết được thêm một chút gì chẳng?

Vài lời vắn tắt. Biết ông bạn vẫn khỏe, thế là mừng. Cho mình gửi lời thăm bà xã và các cháu.

Thân mến
Nguyễn Kiên

Thư của Vương Trí Nhàn báo tin Nhàn đã liên hệ với báo Tiền Phong đăng nhiều kỳ Một thời để mất:

Hà Nội ngày 29 tháng 6 năm 1995

Kính gửi anh Bùi Ngọc Tấn

Báo Tiền Phong đã nhận đăng Một thời để mất trong nhiều kỳ (không rõ cuối cùng họ có từ bỏ ý định đó không, nhưng hiện nay là thế). Mọi chuyện tôi sẽ lo tiếp, chỉ cần anh gửi lên cho họ một ảnh nghiêm túc, rõ, đẹp, không cần to lắm cũng được. Gửi cho tôi ở 65 Nguyễn Du hoặc cho cô Dương Phương Vinh, báo Tiền Phong 15 Hồ Xuân Hương Hà Nội, bảo là do tôi nhắn.

Chúc anh khỏe.

Nhàn

Thư của Dương Phương Vinh, báo Tiền Phong:

Hà Nội ngày 6 tháng 1 năm 1996

Kính gửi chú Bùi Ngọc Tấn

Không in được trên báo, cháu và anh Vương Trí Nhàn đều tiếc. Song từng làm báo, chắc chú cũng hiểu. Vẫn còn khó lắm chú ạ. Để khi nào tiện, cháu nói rõ hơn cho chú nghe.

Cháu gửi lại cả bản thảo + ảnh. Chắc là không lạc trang nào đâu mặc dù cháu từng đảo lộn để tìm cách trích và thu gọn. Chúc chú sức khỏe và viết tiếp được nhiều nữa.

Cháu

Dương Phương Vinh.

Giấy mời của Nhà xuất bản Hội Nhà văn:

Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam

Độc lập Tự do Hạnh phúc

Ban giám đốc Nhà xuất bản Hội Nhà văn vui mừng báo tin với ông Bùi Ngọc Tấn

Tác phẩm Một thời để mất của ông do Nhà xuất bản Hội Nhà văn ấn hành năm 1995 đã được tặng thưởng năm 1995.

Lễ trao tặng thưởng sẽ tiến hành vào 8 giờ 30 ngày thứ sáu 15-3-1996 tại trụ sở Nhà xuất bản 65 Nguyễn Du Hà Nội.

Rất mong ông dành thì giờ về dự.

Xin gửi ông lời chào kính trọng.

Hà Nội ngày 7 tháng 3 năm 1996

Tổng biên tập

Ngô Văn Phú.

Thư của Dương Tường:

Hà Nội ngày 5 tháng 3 năm 1996

Tấn thương yêu,

Tao xin lỗi bây giờ mới viết được cho Tấn vì bận lu bù suốt từ khi đi Mỹ về, nào giải quyết việc ùn đống, nào lo đám cưới con gái, cháu gái...

Cám ơn Tấn đã nhắc đến mình đây ưu ái trong Một thời để mất. Cuốn sách chân thành và do đó, nhiều đoạn cảm động. Mừng cho Tấn đã trút vội được một phần những gì mang trong lòng vào tác phẩm. Trên trang sách đã thấy bớt phần chua chát và ấm thêm nồng độ humour, và cái đó là dấu hiệu tốt về sức khỏe tinh thần (có một thời gian mình thực tình lo cho Tấn về mặt này vì thấy Tấn coi quá nặng những năm tháng bất hạnh đã qua).

Lấy tờ giấy đẹp, viết những lời chân thành. Mong Tấn hiểu tình cảm của mình. Thăm Bích và các cháu Hiến, Hương, Hải Yến, Dũng cùng gia đình chúng nó.

Thân yêu

Dương Tường.

TB: Tao vẫn nhớ còn nợ mày cuốn Alexis Zorba. Sắp tìm được rồi. Sẽ gửi sau.

Lời tác giả

Một thời để mất là tập sách đầu tiên tôi in sau gần một phần tư thế kỷ gác bút. Chịu trách nhiệm xuất bản là anh Nguyễn Kiên và người biên tập là anh Vương Trí Nhàn (Nhà xuất bản Hội Nhà văn). Để nó ra đời được, các anh đã phải cắt đi một số đoạn. Trong lần tái bản thứ hai, người biên tập là anh Hải Lộc, chịu trách nhiệm xuất bản là anh Phạm Ngà, giám đốc Nhà xuất bản Hải Phòng, tập sách đã được bổ sung một số đoạn cắt trong lần xuất bản trước... Những lần xuất bản sau tác giả đều có bổ sung thêm, sao cho gần được như bản thảo ban đầu, giữ được sự hỗn nhiên khi tôi mới cầm bút trở lại. Và thêm vào chuyện dựng tượng Nguyễn Hồng, một sự việc mới được thực hiện trong những năm gần đây.

Tôi cảm ơn tất cả các anh, những người đã góp sức cho tập sách chào đời và có cuộc sống trong đời sống văn học.

Hải Phòng Xuân 2010

Bùi Ngọc Tấn

Phần đọc thêm

Viết về bạn bè Chấy chân dung tác giả

ĐÌNH KÍNH

... Nhà văn Bùi Ngọc Tấn vẫn quan niệm rằng, nếu may mắn có trang sách chống chọi được với thời gian thì đó chỉ có thể là trang sách mà người viết thuộc nhất, rõ nhất, hiểu nhất những điều mình phô ra. Hầu hết tác phẩm của anh từ tiểu thuyết rồi các tập truyện ngắn *Những người rách việc*, *Một ngày dài đằng đẵng* đến tập ký *Một thời để mất*, và tập chân dung này - *Rừng xưa xanh lá*, đều được

viết ra trong quan niệm ấy. “Tôi viết ít. Và chỉ viết những gì tôi thấy là cần thiết. Những gì tôi sợ rồi sẽ bị lãng quên”. Tác phẩm của anh có chỗ đứng nhất định trong lòng bạn đọc, trước hết có lẽ bởi sự am tường, sự từng trải, cộng những chiêm nghiệm nơi anh trong những trang viết. Nếu gọi nhà văn là thư ký của thời đại thì anh muốn được làm người như thế.

Một trong những cái anh thuộc, ấy là bè bạn. Trong số đó không ít người đã cùng anh gắn kết, buồn vui qua gần nửa thế kỷ. Tình bạn đó được thử thách trong rủi ro, hoạn nạn. Và họ, những văn nghệ sĩ bạn anh, cuộc đời cũng rất *thân phận*. Vậy tại sao không viết về họ? Và anh đã viết!

Nhưng từ dự định đến lúc sách ra đời, cũng ngót nghét ba năm. Ba năm là ba mươi sáu tháng nghiền ngẫm, lao động cật lực; là hơn một ngàn ngày tập trung trí não nhất nhạnh từng con chữ đưa lên mặt giấy. Để có 250 trang sách, chẳng dễ gì! Viết văn quả là “*một trò chơi xa xỉ*”, “*một công việc mạo hiểm*” (chữ của nhà văn Bùi Ngọc Tấn), một công việc cực nhọc và phải kiên tâm. Nhưng *nghề văn* là một ma lực. Đã mấy ai trót bập vào rồi, đủ dũng khí buông bút. Nhà văn Bùi Ngọc Tấn cũng vậy. Anh đã viết trở lại. Không những thế còn viết đều hơn, hay hơn. Làm văn chương đích thực chỉ có thể là những người biết vượt qua những buồn bực mang tính cá nhân để có cái nhìn cao hơn, xa hơn, khái quát hơn; biết quỵện

nổi đau của mình vào những trần trở chung của đồng loại, của dân tộc với một thái độ lịch lãm. *Lịch lãm* là yếu tố cần của người cầm bút. Viết văn là một hành động văn hóa. Lấy người lùn (một dị dạng, bất bình thường) để làm hề gây cười trên sân khấu xiếc (một hoạt động văn hóa) là thiếu *yếu tố đẹp*, yếu tố văn hóa. Chỉ có thể đạt hiệu quả thẩm mỹ cao khi trên sàn diễn, bất luận làm tiết mục gì, cũng là những diễn viên có hình thể cân đối và có khuôn mặt đẹp. Trong văn chương cũng vậy.

Rừng xưa xanh lá là tác phẩm hay, đọc cuốn hút. Cuốn hút bởi thái độ lao động nghiêm túc của người viết. Văn Bùi Ngọc Tấn đẹp, dung dị. Viết “người thật việc thật” mà không rơi vào kể lể. Đọc không thấy nhàm. Anh có ý thức sắp đặt, chặt lọc nên nhiều cảnh huống hấp dẫn, nhiều tình tiết bất ngờ. Nhưng trên tất cả là, khi gấp sách lại rồi, ta bắt gặp cái tình nơi người viết. Như phần lớn tác phẩm của Bùi Ngọc Tấn, *Rừng xưa xanh lá* khiến người đọc có thoáng một chút buồn, thoáng chút chua chát, nhưng vui nhiều hơn... Lao xao trong những con chữ, anh đưa ta trở lại thời bao cấp. Một thời đã từng là thế mà ngỡ như không phải thế. Một thời “*khẩu phần tinh thần, khẩu phần vật chất đều được tiêu chuẩn hóa và phân phối... Một thời mà khi nhớ lại, bỗng thấy mình đã là những anh hùng, đã vượt qua quãng đời tưởng như bịa, không thể nào tin được...*”. Ngẫm lại thời đó không phải để trách cứ, mà là thái độ cảm thông, sẻ chia. Sống trong

hoàn cảnh đó, để tồn tại mà theo đuổi *nghệ*, những nghệ sĩ như Vũ Tín đã phải dùng đến phương tiện phục vụ nghệ thuật của mình để cầu cạnh từ chị bán thịt, cô bán cá, bà bán gạo. Và viết để kiếm tiền với bao sự trớ trêu. Người mù tịt văn chương thuê viết về họ và duyệt văn các nhà văn! Bản thảo xong không dám đứng tên mình, không được ký tên mình. Đọc rồi cười, mà nước mắt ứa ra. Văn nghệ sĩ cũng là con người. Trước hết họ cần phải sống. Và sau lưng là gánh nặng gia đình, vợ con. Đọc *Rừng xưa xanh lá* tê tê đắng chát một nỗi buồn là vì thế. Những tài năng như Dương Tường, sinh ra chỉ biết nghệ thuật và sống vì nghệ thuật, một người đã dịch trên 50 đầu sách, “*đó là những tác phẩm nổi tiếng của văn học thế giới, những tác phẩm luôn gợi mở cho những người cầm bút Việt Nam những suy nghĩ mới mẻ về sáng tác*”, dịch trong ý thức “*nghĩ đến anh em viết chưa được đọc cuốn này thì thiệt quá*”; một người mà, chỉ cần tiểu luận *Ai đầu tiên gọi chích chòe là chích chòe* không thôi đã đưa anh lên hàng nghệ sĩ đích thực, cũng đã một thời từng phải đi bán máu kiếm sống. Rồi Lê Bầu, một cái tên quen thuộc với bạn đọc. Vừa là dịch giả, vừa là tác giả. Nhưng mấy ai biết hàng chục năm qua ông nhà văn đó sống trong nửa căn hộ chừng mười mét vuông, mà “*lớp cót ngăn ngày càng cũ, càng xộc xệch, bên này thờ mạnh bên kia nghe thấy*”. Nửa căn phòng hẹp tới mức, Lê Bầu “*được cơ quan thưởng một cái quạt căn Trung Quốc, anh*

không có cách nào sử dụng được nó. Quạt cao, cánh rộng, để trong nhà thì nó quạt gió ra vỉa hè"... Lê Bầu mỗi khi cần đành đưa quạt ra ngoài để cho gió thốc vào. "Nó (cái quạt) cứ đứng ở vỉa hè, lênh khênh, ngạo nghễ như một gia đình thừa mùa của cái mà quạt, mà lùa gió qua cái cánh cửa van vát chênh chếch đã cái tiến vào nhà. Nhà Lê Bầu chỉ có thể tiếp được một người khách đã là hơi chật..." Những người như Nguyễn Thị Hoài Thanh, "đồng lương không đủ nuôi mình mà chị còn phải nuôi con". Vì nuôi con nên chị phải đủ nghề, "đi bán bánh rán, bánh mì, kẹo lạc, làm và bán nước mắm. Cuộc sống tưởng chừng như không có thời gian để thở, ấy thế mà Nguyễn Thị Hoài Thanh vẫn làm thơ". Đọc những trang Bùi Ngọc Tấn viết về bạn bè, dễ dàng nhận ra tính cách tác giả. Rừng xưa xanh lá anh viết với giọng văn đôn hậu, đầm, man mác, đôi chỗ dí dỏm, mà sâu lắng. Những trang viết về nhà văn Hứa Văn Định thật xúc động và thật hay. Hay không bởi chữ nghĩa, mà hay ở sự chân thực, hay ở tấm lòng, ở tình người.

"...Thấy tôi, vợ tôi méo xệch, òa lên:

- Anh Định chết rồi!

Rồi đưa cho tôi tờ giấy. Điện. Điện của Mạc Lân. Tôi giữ bức điện ấy cho đến ngày hôm nay như giữ dấu chấm hết cuộc đời một người bạn: **Hứa Văn Định chết. Đưa sáng chủ nhật. Lân.** Dấu bưu điện Hải Phòng: 29/12/1995. Tôi kiểm xe lên Hà Nội ngay lúc đó... Tất cả sách ghi tặng

bạn bè đều để lại... Chỉ mang một cuốn tặng Định. Dù đã muộn rồi. Chẳng thể đưa cho Định được nữa.

... Ngày hôm sau chúng tôi tiễn Định tới nghĩa trang. Lại qua Lò Đúc. Căn phòng áp mái của Định bên trên nhà bác Thế... Lại qua Phà Đen. Và Vĩnh Tuy, nơi anh yên nghỉ cũng là nơi tôi và vợ tôi ngồi trên bãi cỏ khoác vai nhau thời đang yêu. Tôi bỗng hiểu ra một điều đơn giản: Cuộc đời thật ngắn ngủi và thế hệ chúng tôi đã bắt đầu sự kết thúc kiếp phù sinh của mình. Tất cả chúng tôi sắp đi qua hành tinh này mà không để lại một vết xước nào..”.

Người ta nói cái đẹp là sự giản dị. Nhưng để đạt tới cái đẹp trong sự giản dị của văn chương quả không dễ. Giản dị khác với đơn giản. Ở đây là văn hóa, là nhận thức, là tài năng và học vấn ở ngưỡng cao. Đọc Bùi Ngọc Tấn dễ dàng nhận ra văn anh đã chạm tới “chính quả”. Khi “tu luyện” nhằm vươn tới cái đỉnh ấy, hình như mọi phô diễn đều nhẹ nhàng, tự nhiên và bình dị. Bình dị nhưng cao sang, đài các, quý phái. Một đời cầm bút chỉ mong đạt tới điều ấy. Đó là lúc nhà văn đạt tới độ làm văn mà như thể không làm văn. Đó là lúc nhà văn không “làm nghề” mà viết bằng tâm, bằng tấm lòng, viết bằng sự chín nẫu của suy ngẫm. Hay nói như nhà văn Nguyễn Khải, đó là lúc nhà văn đã biết nhóm cúi để đốt lên ngọn lửa xanh, trong veo, không bụi không khói.

250 trang sách gấp lại rồi, cái tình, sự đôn hậu của tác giả *Rừng xưa xanh lá* vẫn còn đọng lại. Ngẫm về Lê Đại

Thanh, Bùi Ngọc Tấn viết: “Trái tim ông là như vậy. Một núi lửa tình yêu. Nó là nỗi đau. Nhưng cũng là sức mạnh. Ngón đòn của số phận có thể làm ai đó gục ngã. Nhưng Lê Đại Thanh thì không. Trái tim ông đã cứu ông. Hay đúng hơn, chính nàng thơ, nghiệp chướng của đời ông đã cứu ông. Trong tấm áo choàng rực rỡ huyền ảo mỏng manh của thi ca, Lê Đại Thanh là bất khả xâm phạm. Không một ngọn roi nào chạm tới được ông. Vòng kim cô không xiết được đầu ông vì trong đó đầy ắp thi ca, đầy ắp tình yêu cuộc sống.

... Ông có một sức khỏe khiến tất cả mọi người thèm muốn. Có lẽ vì ông ca ngợi thời gian và thời gian nhẹ tay với ông. Hơn thế, thời gian ủng hộ ông”.

Thời gian nhẹ tay, ủng hộ ông. Nhưng thời gian bất lực trong ý thức công bằng. “Ngày 17 tháng 7 năm 1996 ông vĩnh biệt chúng ta. Hàng nghìn người đưa tiễn ông như ngày nào hàng nghìn người tập trung ở quảng trường Nhà hát đấu tranh bắt bọn Quốc Dân Đảng phải trả tự do cho ông. Và chỉ đến lúc ấy tất cả mới hiểu rằng đời vẫn mến yêu ông đến thế”.

Đoạn cuối bài về Mạc Lân, Bùi Ngọc Tấn viết: “Mắt anh ánh lên nỗi khát khao. Giọng anh lại vang vọng sắc thái ngày nào. Tôi cầu mong anh hoàn thành dự định (viết sách). Nhưng phải gấp lên Lân ơi. Mà không chỉ Lân. Cả mình, cả Bầu, cả Tường, cả Bao... tất cả anh em mình. Thời gian gấp lắm rồi”.

Yêu người lắm, yêu bạn lắm mới có thể hạ những dòng dung dị mà cảm động như thế!

Rừng xưa xanh lá không chỉ viết mười gương mặt, những gương mặt quen thuộc, thực sự là “những lõi sáng” trong văn học nghệ thuật, bằng những gì được thể hiện còn phác thảo một chân dung nữa: tác giả của cuốn sách đó, nhà văn Bùi Ngọc Tấn.

Đọc *Rừng xưa xanh lá* tôi chợt băng quơ nhớ đến câu thơ của Đoàn Thị Tảo: *Tình riêng bỏ chợ, tình người đa đoan.*

9/3/2003

Đ.K

Một kiếp bên trời

PHẠM XUÂN NGUYỄN

*(Cùng một kiếp bên trời lận đận
Bạch Cư Dị - Tỳ bà hành)*

Nhà văn Bùi Ngọc Tấn vừa cho ra mắt tác phẩm *Rừng xưa xanh lá* (Mười chân dung văn nghệ sĩ) tại Nhà xuất bản Hải Phòng (1/2003).

Đây là cuốn sách thứ năm của Bùi Ngọc Tấn, kể từ ngày ông cầm bút viết văn lại, cách đây gần mười năm. Năm 1995, sau 27 năm bị ngắt tiếng, “bị văng ra ngoài quỹ đạo”, ông trở lại văn đàn với tập hồi ức văn học về Nguyên Hồng với các bạn văn Hải Phòng nhan đề *Một*

thời để mất. TỰ cái tên sách tái xuất đã nói lên tất cả. Trong bài viết về một bạn văn ở tập sách mới này ông ghi lại cảm giác lúc đó, khi lại được thấy cuốn sách mình ra đời: “Một cái rừng mình gai gai khe khe chạy suốt dọc người tôi. Không. Tên tôi đã được in trên nhiều bìa sách. Nhưng đây là tập sách sau 27 năm. 27 năm chết. 27 năm sau tôi lại được đứng dưới mặt trời. Từ thế giới bên kia, 27 năm sau tôi trở lại thế giới này. Tôi sống lại. Ngay khi mới bước vào nghề, nhìn tập sách đầu tiên của mình được in cũng không xúc động như vậy. Lúc đó chỉ đơn giản là sống. Là vui sống. Còn bây giờ là sống lại. Là chết đi sống lại”.

Trong khoảng mười năm sống lại nghề văn đó, giữa hai tập hồi ký, Bùi Ngọc Tấn có hai tập truyện ngắn: *Một ngày dài đằng đẵng* và *Những người rách việc*, và một bộ tiểu thuyết hai tập. Ông đã từ một hiện thực khác trở về. Và văn ông bây giờ là nói về một hiện thực khác và từ một hiện thực khác mà nhìn lại. Viết hồi ức, chân dung, truyện ngắn, tiểu thuyết, nhân vật chính trên các trang văn của Bùi Ngọc Tấn là chính ông và những người bạn cùng thế hệ được soi chiếu từ hai phía của một khoảng thời gian đã thành vạch phân cách đời người đời văn: 5 năm (1968 - 1973). Con dấu đóng giáp lai văn nghiệp Bùi Ngọc Tấn mang số hiệu CR 880.

Số hiệu CR 880 đã khép lại một thời đối với Bùi Ngọc Tấn và bạn bè. *“Một thời tin tưởng. Một thời bay bổng. Một thời hạnh phúc. Và cả một thời nhảm nhí của chúng*

tôi nữa”. Một thời để mất! Sau thời đó là đến thời hoạn nạn và khốn khó. Rừng xưa xanh lá đến hồi bị toi bời trong cơn bão lũ.

Trong mười chân dung nghệ sĩ của tập sách mới này, có đến một nửa Bùi Ngọc Tấn dành cho những người bạn cùng “một kiếp bên trời” của mình mà bóng dáng đôi người đã từng có trong tiểu thuyết của ông: Dương Tường, Lê Mạc Lân, Lê Bầu, Nguyễn Bình, và Hứa Văn Định. Cuộc đời họ thời chìm lặng ấy có thể tóm gọn bằng một chữ: BÁN. Bán máu và bán văn để trước hết là phải tồn tại. Chế Lan Viên sau khi trải một đời lảm vinh nhục trong nghề văn, những ngày cuối đời đã nguyện rửa thế kỷ hai mươi ông sống là thế kỷ “muốn nuôi sống xác thân phải làm thịt linh hồn”. Những người bạn văn của Bùi Ngọc Tấn không thế, họ muốn duy trì cơ thể nên phải giết cơ thể, họ muốn giữ linh hồn nên phải làm thịt linh hồn. Dương Tường bán máu, rồi mạch cho Mạc Lân cùng bán. Bữa bún chả mấy người bạn đón Bùi Ngọc Tấn ra tù tại Hà Nội là bằng vào tiền Mạc Lân “bán máu đột xuất”.

Bán chữ là viết văn chui. Định nghĩa viết văn chui: “là viết văn không cho người khác biết, trừ người đặt hàng mình”. Lịch sử kinh tế Việt Nam khi viết về thời bao cấp chắc phải dành chỗ cho khái niệm “khoán chui”, một sự xé rào làm ăn phải đã trả giá bằng đời một Bí thư Tỉnh ủy trước khi nó mở đầu cho một cơ chế quản lý mới. Lịch

sử văn học Việt Nam mai ngày có chỗ nào cho khái niệm “viết văn chui”? Việc này Mạc Lâm rành, Lê Bầu rành, Bùi Ngọc Tấn cũng rành, ông kể. Nguyên nhân hiện tượng này là “không được viết, hoặc được viết nhưng không được in hay được in nhưng không được ký tên cũng không được nhận nhuận bút”. Hậu quả ở đây là văn mình tên người (thêm một thành ngữ mới), đưa đến lắm chuyện bi hài. Trường hợp Mạc Lâm là tiêu biểu.

“Như có một năm ba truyện ngắn Lâm viết cho ba người được giải thưởng (của Hà Nội và của Tổng công đoàn)... Có một điều Lâm lấy làm lạ là cái người chỉ đứng tên cho văn bản mà không hề viết lấy một dòng khi sách đã được in, gặp Lâm là người đã viết ra nó lại cứ trò chuyện với Lâm theo cái kiểu như chính anh ta là người đã sáng tác ra nó, chính anh ta là tác giả. Hoặc nói một cách bề trên: ‘Đoạn ấy viết được. Mình đi đến đâu người ta cũng khen. Dư luận tốt lắm’. Anh lắc đầu: Cũng nhiều lúc muốn tống một quả dấm vào mặt họ nhưng lại cố nén. Rồi cười: Làm ăn phải giữ lấy cái mới”.

Lê Mạc Lâm là con trai nhà văn Lê Văn Trương (chữ Mạc thế chữ Văn ở tên lót để kỷ niệm một người bạn).

Cảm hứng của Bùi Ngọc Tấn ở những trang viết chân dung là “đi tìm thời gian đã mất”. Cho mình. Và cho bạn. Năm 20 tuổi (1954) ông trong đoàn quân chiến thắng từ núi rừng về tiếp quản Hà Nội. Năm 34 tuổi (1968) ông bị lâm vòng lao lý. Khi từ các trại trở lại đời thường ông

đã ở vào độ tuổi mà Khổng Tử cho là “bất hoặc”. Cầm lại cây bút viết văn gần mười năm nay, ông đã bước vào tuổi 70. Ngẫm lại con đường đời đường văn mình và bạn bè đã trải qua với rất nhiều lận đận, Bùi Ngọc Tấn thấy “*thời gian gấp ruổi*” như tên ông đặt cho bài viết về Mạc Lâm. Cũng có thể thấy ông, qua chân dung Lê Bầu, người “*hiếu giá trị của thời gian*”. Và ông đã không thể nhắc lại bây giờ một câu đùa vui như ngày nào với cái chân giả của Vũ Tín, phóng viên ảnh *Thông tấn xã Việt Nam*, bởi vì biết rằng “*thời trai trẻ đã qua*”. Thời gian gấp lắm rồi, ông hối thúc bạn, và mình. Cái chết có thể ập đến bất cứ lúc nào, lạnh lùng và dửng dưng. Nó cắt ngang lời đề tặng trên cuốn sách đầu tiên thời *hậu goulag* của ông dành cho vợ chồng nhà văn, nhà biên kịch Hứa Văn Định: “*Để hai bạn biết rằng mình lại viết. Rằng mình vẫn còn thoi thóp chứ chưa chết hẳn*”. Ông đã đốt cuốn sách này trước mặt bạn. Hứa Văn Định là một trong những người bạn tích cực thúc giục, động viên Bùi Ngọc Tấn viết văn trở lại, vì không thể không viết, sau những gì đã trải. Lời người bạn nói: “*Ông phải viết tiểu thuyết. Tôi tin ông sẽ có những thành công rất đặc biệt. Trách nhiệm của ông nặng lắm*” là sự giao phó và gửi gắm của bạn bè. Bùi Ngọc Tấn tìm thấy ở đó điểm tựa tinh thần để đứng dậy và đi tiếp. Như ông đã tìm thấy điểm tựa tinh thần ở Nguyên Hồng, Lê Đại Thanh, Nguyễn Thị Hoài Thanh. Và cuộc đời đã đền bù cho ông. Câu nói của Hứa Văn Định đã chứng

nghiệm. Bùi Ngọc Tấn đã có những người đọc mới tri âm, như với họa sĩ Nguyễn Thanh Bình, sinh sau ông hai mươi năm. Hai người chỉ mới gặp nhau một lần, họa sĩ đọc văn, nhà văn xem tranh, “mà như đã biết nhau từ bao giờ rồi”. Điều đó Bùi Ngọc Tấn nhận là chỉ nghệ thuật mới làm được. Có lẽ cần thêm: chỉ những người có tình thương khi đã trải qua đau thương. Nguyễn Thanh Bình đã đổ máu ở chiến trường để bây giờ vẽ tranh, *một mình làm nên một dòng toàn trắng*, bán được tranh, giàu có, không phải bán máu.

Bùi Ngọc Tấn viết văn trầm tĩnh và đôn hậu. Hình như đây là kết quả của sự kết hợp bản tính người và trải nghiệm đời nơi ông. Sau những gì đã xảy đến với ông, nếu văn ông có giọng cay độc, chua chát, cũng là điều dễ hiểu. Nhưng không! Ngay cả sự trầm tĩnh và đôn hậu ở đây cũng không hề là phải cố ý, gồng mình, tỏ vẻ. Ông đưa lại cho người đọc những dòng văn tự nhiên, dung dị, khi những oan trái, khổ đau lặn vào sau câu chữ làm nên sức nặng và chiều sâu của những điều được viết ra. “Hãy kể những chuyện đau bằng cái giọng hài”, Bùi Ngọc Tấn đã làm được như lời khuyên của Dương Tường, Hứa Văn Định. Giá trị nhà văn của Bùi Ngọc Tấn trước hết là ở giọng điệu ấy. Một giọng điệu văn chương làm người đọc hiểu ông, tin ông, đồng cảm với ông và cùng ông đồng cảm với những phận người, những kiếp bụi nhân sinh. Cao hơn chuyện văn chương là chuyện cuộc đời.

Bùi Ngọc Tấn là nhân vật của văn ông và đồng thời ông cũng là tác giả của những điều ông viết ra. Đó là văn chương của sự thật.

“*Tôi là bạn của ông Dương Tường*”. Bùi Ngọc Tấn viết về những người bạn văn đã đau khổ và thủy chung cùng mình, như mình. Các ông là bạn của nhau. Dương Tường có câu thơ tuyên ngôn: *Tôi đứng về phe nước mắt*. Các ông mỗi người đã gánh cây thập ác đi trọn con đường trần ai của mình.

Không rút xuống.

Không chạy trốn.

Không gục ngã.

Không dừng bước.

Và dấu không là Chúa, các ông đã được phục sinh.

Tokyo 30/4/2003

P.X.N.

Bùi Ngọc Tấn

Kể chuyện bạn bè

TRẦN THIÊN ĐẠO

Cứ suy theo nhan đề thì chúng ta có thể xếp các trang *Viết về bè bạn - Tập chân dung văn nghệ sĩ* (Nxb Hải Phòng - 2003) của Bùi Ngọc Tấn cùng một loại với mấy tập sách đã ra mắt bạn đọc vài ba năm nay. Chẳng hạn như các cuốn *Chân dung và đối thoại - Bình luận văn chương* rất ăn khách độ nào của Trần Đăng Khoa, *Cây bút đời người - Tập chân dung văn học*, giải phê bình văn học Hội Nhà văn 2003 của Vương Trí Nhàn, *Nhà văn Việt Nam hiện*

đại – *Chân dung & Phong cách* của Nguyễn Đăng Mạnh hay *Một thoáng văn nhân* của Nguyên An... thấy đều là những tác phẩm phác họa chơn dung các tay bút hiện đại còn sống hay đã khuất.

Mỗi tác giả một phong cách, không ai giống ai. Trần Đăng Khoa, trích thượng; Vương Trí Nhàn, bay bướm; Nguyễn Đăng Mạnh, đạo mạo; Nguyên An, thử nghiệm, tìm tòi... Còn Bùi Ngọc Tấn thì cứ *ngấm ngấm* sôi sùng sục tựa như câu văn chữ viết của ông lúc nào cũng vọt ra từ trái tim và máu huyết.

Vậy nên có chuyện như vậy. Với Bùi Ngọc Tấn, chúng ta giờ đây không thể đọc ông như đọc bất luận tác phẩm nào của bất luận nhà văn nào, cho dầu đó là truyện ngắn, *tiểu thuyết* hay hồi ký... Một là vì, sau thời gian hai mươi bảy năm trời *bị* im hơi lặng tiếng, 27 năm bị tước đi trong cuộc đời mà ông gọi là “27 năm chết” (sđd tr. 167) trong đó phải kể 5 năm tù, 5 năm ông đã xót xa nhận diện: “*Tôi không còn là tôi. Tôi là một con số: CR 880*”. (sđd tr.459) – sau thời gian dài đặng đặng đó, ông mới có cơ “*sống lại*” (sđd tr. 168), tái xuất hiện trên văn đàn khoảng chừng mười năm trở lại đây. Hai là, về phần chúng ta, làm sao lại có thể đứng đưng đứng ngoài mà nhìn, đọc ông một cách bàng quan, ngoại cuộc, xa lạ, khi tai ã nghe thấy tiếng kêu trầm thống dấy lên từ tiểu thuyết *Chuyện kể năm 2000* của ông trước đó và, riêng kể viết bài này, khi ã

bổn dựng trở thành nạn nơn vô hình của bầu không khí xáo trộn gây nên bởi bộ tiểu thuyết hai tập vừa mới ráo mực nọ.

Viết về bè bạn

Các bức chân dung Bùi Ngọc Tấn phác họa trong tập sách kể ra không nhiều so với mấy cuốn cùng loạt nhắc tới trên. Đếm không quá mười đầu ngón tay. Nhưng ở đây, chiều sâu và bề dày đầu phải đo bằng những con số, mà nằm chính ở mật độ keo sơn các đương sự gắn bó với nhau. Bởi vì ở đây toàn là chơn dung các văn nghệ sĩ *bè bạn* của tác giả, đồng hội đồng thuyền với ông từ thuở nào thuở nào:

“Các bạn tôi là tuổi trẻ của tôi, là một phần của cuộc đời tôi (...). Họ là các nhà văn, nhà báo, họa sĩ, tức là những nghệ sĩ (...). Tôi viết về sự nhếch nhác trần ai của họ, của những người làm nghề mà các tập chân dung văn nghệ sĩ khác chưa nói tới hoặc chỉ nói qua”. (sđd. tr. 6, 7).

Những bạn bè nối khố, rất thân, rất gần, đồng cam cộng khổ, chia ngọt sẻ bùi. Và, đặc biệt, trong suốt thời gian 27 năm ròng ông bị loại trừ, chẳng nể tai họa có thể ập đến bất kỳ lúc nào, đã cứ đương nhiên *chơi thân* với ông, đã mển tặng ông những *miếng khi đói bằng gói khi no*, về vật chất và cả về tinh thần: *“Thịt ăn hết đã lâu, nhưng tình còn đó cho đến tận bây giờ”.* (sđd. tr. 329). Keo sơn, gắn bó với nhau trong vui chơi cũng như trong

hoạn nạn. Dầu rằng, tận đáy lòng, giá như họ có lảng tránh mình đi nữa thì ông cũng không nỡ thốt lên lời oán trách. Thấu rõ rằng chính tình thế cay nghiệt mới bắt họ phải tạm thời thờ ơ, lơ là với mình, như trong trường hợp Nguyên Hồng:

“Tôi không trách Nguyên Hồng về chuyện anh không tặng tôi sách. Tôi biết anh là người yêu quý vợ chồng tôi. Tôi biết anh là người thủy chung đôn hậu. Tôi thương anh. Tôi thương tôi. Mỗi chúng ta đều đáng thương. Anh đã vướng nhiều chuyện lôi thôi. Anh tránh tôi, buộc phải tránh dù lòng anh không muốn. Chúng ta có mấy khi được là chúng ta đâu”. (sđd. tr. 463)

Đến như Nguyên Hồng, một nhà văn tầm cỡ, có hạng, một con người hăng biết tự trọng, có bản lĩnh, đã dám từ bỏ mọi chức vụ, mọi quyền lợi, dắt vợ con về thui thủi trong gian nhà tranh vách đất ở ấp Cầu Đen, đồi Cháy, làm bạn với núi rừng Yên Thế - một Hoàng Hoa Thám tâm thời: *“Ông đeo chơi với chúng mày nữa. Ông về Nhã Nam”.* (sđd. tr. 337) như ông đã rí vào tai Tô Hoài, trong một buổi gặp mặt nước mắt lưng tròng. Đến như Nguyên Hồng như vậy đó, mà cũng chẳng tài nào thoát khỏi hoàn cảnh buộc mình phải chà đạp tình nghĩa và giày xéo tâm hồn.

Thế mới biết tinh thần và tâm trạng con người bấy giờ nát nhừ và tả tơi tới mức nào!

Chân bước gập gành

Mà không như vậy thôi đâu, họ còn phải đồng thời nếm đủ mọi *mùi tục lụy lười tê tân khổ* (Ôn Như Hầu Nguyễn Gia Thiều). Gánh chịu bao nhiêu là đói rách thể xác và đau đớn tinh thần ngày càng chồng chất đè nặng trên đầu. Gối mình trong không khí ngột ngạt không ngớt bủa vây, thiếu thốn ngặt nghèo. Vậy mà tác giả và bè bạn của ông vẫn cứ phải chơn bước gập gành trên *đường thế đồ gót rỗ kỳ khu* không chừa một ai này.

Bạn bè của ông, trước hết là Nguyễn Hồng (phần thứ hai, dưới nhan đề *Một thời để mất*, đã phải lánh mình trong rừng sâu núi thẳm. Rồi tiếp theo là Dương Tường, Lê Mạc Lâm, Lê Bầu, Vũ Bảo, Nguyễn Thị Hoài Thanh, Hứa Văn Định, Nguyễn Bình, Lê Đại Thanh, Nguyễn Thanh Bình và cuối cùng là Vũ Tín.

Họ thấy đều “*mang nghiệp chướng trong mình*” (sđd. tr. 7). Thấy đều trải qua số phận long đong nghiệt ngã chẳng kém gì tác giả, từ bấy lâu rồi. Ông vụt “*nhớ đến một câu của Pautovsky (..): “Tôi viết cho bạn bè tôi và vào tuổi này họ đang ít dần”. Đến bây giờ tôi mới ngấm câu nói ấy*” (sđd. tr. 91). Khiến ông “*bỗng hiểu ra một điều đơn giản: Cuộc đời thật ngắn ngủi và thế hệ chúng tôi đã bắt đầu sự kết thúc kiếp phù sinh của mình. Tất cả chúng tôi sắp đi qua hành tinh này mà không để lại một vết xước nào*”. (sđd. tr. 169).

Vậy thì phải viết về họ, phải viết “*về sự nhếch nhác trần ai của họ*” (sđd. tr. 7), e rằng thời gian như thoi đưa, mau lẹ, “*gấp ruổi*” quá rồi, không thôi mình lại chẳng kịp hàn sâu dấu vết.

(..).

Nhếch nhác trần ai

* Thì họ cũng như ông, để sống còn, để nuôi vợ nuôi con, đã phải giấu mình bán chữ - bán chui, bán lén (hương hồn của những Trần Dẫn, Phùng Quán... đầu rồi) – cho một bọn háo danh nhưng lại bất tài: “...những người đang đi vào con đường viết lách, những cộng tác viên của một vài tờ báo, những người đang muốn có một cái truyện ký đầu tiên, hay cũng đã có một hai cái tin đăng báo và giờ đây đang giao du với những cán bộ biên tập các nhà xuất bản, những người đã có một vài sáng tác được in đang muốn được kết nạp vào hội văn nghệ địa phương, kể cả hội nhà văn, rất cần bản thảo như một chứng chỉ” (sđd. tr. 82), hoặc ban ngày ban mặt hơn, cho một tỉnh ủy nọ: “muốn có một bộ lịch sử đảng bộ (..)”. Mà không thể không có bản thảo, không thể không xuất bản tập lịch sử đảng bộ” (sđd. tr. 86-87).

* Thì họ cũng như ông, để sống còn, để nuôi vợ nuôi con đã phải bán máu - bán những dòng máu đỏ đang thật sự chảy trong huyết quản, khi mình đã là những bộ xương bọc da, ốm nhom ốm nhách, lại còn phải giở

trò gian lận, để bán được nhiều hơn bạn trước. Chỉ cần “đeo thêm chì vào người để đạt trọng lượng 70 ki lô là bán được 250, 300 cc. (...). Thế là mất đi một ít máu nhưng túi nặng nặng tiền và tem phiếu. Cho nên những ngày đi bán máu rất vui” (sđd. tr. 79). Rất vui, chua chát thay cho cuộc sống những người lao động trí óc khi họ ngơ ngáo ngồi chờ phiên mình: “Ngượng nghịu nhìn nhau, Rồi cũng quen dần. Lương thiện thì rõ ràng là lương thiện rồi. Nhưng nó tố cáo bước đường cùng. (...). Quần áo chần chu. Tóc chải gọn gàng. Mặt mũi sáng sủa, đi lại rón rén nhẹ nhàng, chỉ trông cũng biết là người có học” (sđd. tr. 80-81). Dương Tường, Lê Mạc Lân đã dẫn thân kiểm sống tạm bợ như vậy trong một thời gian dài.

* Thì họ cũng như ông, để sống còn và lần này để “mơ ước về kiếp sau”(sđd. tr. 119) đã phải trải qua cuộc đời lận đận chẳng kém gì cảnh ngộ lao lung và bị loại trừ ông từng gánh chịu. Cả cuộc đời bầm dập của Nguyễn Thị Hoài Thanh xuất phát từ: “Cái chuyện Nguyễn Cao Kỳ (tư lệnh không quân rồi phó thủ tướng ngụy) là anh ruột (của) chị..” (sđd. tr. 123) cộng thêm vô đó một thứ lộc trời cho: “Năm ấy (chị) còn đang tuổi ba mươi. Thời con gái chị vốn xinh đẹp. Nhất dáng nhì da. Chị được cả hai. Nhưng hồng nhan đa truân. Hai lần kết hôn, hai lần li dị. Vẻ đẹp của tuổi ba mươi đang chín. Cái sắc đẹp không chủ đã gây cho chị biết bao khó khăn, nhiều khi cả nguy hiểm nữa” (sđd. tr. 126). Một thân một bóng nuôi con. Mẹ con chị ở nhà tập thể có chung mỗi một ô cửa

ra vào độc nhút, nửa gian phía ngoài dành cho mẹ con chị, nửa gian trong là kho chứa dụng cụ. Rồi một hôm, người ta bồng khóa cửa... kho dụng cụ, để “bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa”, vì chị đã một mực không chịu “ra đụng vào chạm” (sđd. tr. 126) với ông trưởng phòng. Rồi sau đó, cũng vì đã, lần này “cụ tuyệt thẳng thừng” (sđd. tr. 127) ông chủ nhiệm, mà gian buồng chị ở bỗng dưng đầy nghẹt bàn ghế như nêm cối, chật cứng hết phương ra vào được nữa... Cuộc đời Nguyễn Thị Hoài Thanh rồi cứ thế mà tiếp diễn.

* Thì họ cũng như ông... Còn nhiều cảnh tình khác nữa, mà những Hứa Văn Định, Nguyễn Bình, Lê Đại Thanh, Nguyễn Thanh Bình, Vũ Tín... đã sống qua. Mà ngòi bút của Bùi Ngọc Tấn đã níu kéo thời gian làm sống trở lại dưới mắt mình.

Một thời còn đó

Cũng tựa như Marcel Proust, nhà văn Pháp đầu thế kỷ XX *tìm lại thời gian đã mất*, Bùi Ngọc Tấn tái dựng khoảng thời gian ông và các văn nghệ sĩ bè bạn của ông đã trải qua. Còn đó trên 500 trang sách, khoảng thời gian đầy giông tố bão bùng trùm phủ lên đầu hầu hết mọi người, mà bọn nhà văn, nhà báo, thi sĩ, họa sĩ là những gương mặt gánh chịu nhiều hơn hết.

Bởi họ thật thà, ngay thẳng. Bởi họ không tráo trở, lừa lọc. Bởi họ không biết bịa, không biết sơn phết. Bởi họ

thấy gì nói nấy, thấy sao nói vậy: “... chúng tôi đều viết về con người mới, ca ngợi chủ nghĩa anh hùng cách mạng, và khao khát được viết thật hơn, không chỉ có những thuận lợi mà còn những khó khăn, không chỉ những người trung thực mà còn những kẻ quan liêu, những tên nịnh hót”. (sđd. tr.185). Và nhứt là họ “có cái đầu (...) để nghĩ”, độc lập, không lệ thuộc, không xu phụ – trong “tình trạng có những cái đầu chỉ nghĩ theo những điều mà những cái đầu khác đã nghĩ sẵn cho mình” (sđd. tr. 73). Thế dĩ nhiên là họ bị gay go.

Hệt như chính ông trước kia, “một kẻ mới tập tọng vào nghề khi viết luôn có ở trước mặt mình một nhà phê bình, một nhà tuyên huấn và sau này cả một nhà... công an nữa. Họ nghiêm khắc nhìn tôi”. Hệt như Nguyễn Hồng bấy giờ: “Mình lẩn lộn, mình nghiên ngẫm, mình đọc, mình viết có khi năm năm, chục năm mới xong một quyển sách, mấy ông phê bình đọc vài đêm xong sáng tác của mình, thế là các ông ấy phán. Nào là chưa sâu, nào là thiếu tính giai cấp, hiện thực bị phản ánh một cách phiến diện” (sđd. tr. 388).

Qua cuộc đời cơ cực của ông và bạn bè ông đã lặn lội trong khoảng thời gian đó, Bùi Ngọc Tấn không chỉ phác họa chơn dung của họ, mà nhứt là còn của chính mình. Những bức chơn dung lỏng trong bối cảnh lịch sử và chính trị, ở đó con người bị biến thành con chốt kẹt cứng trong ván bài đặt định, không những về tinh thần như vừa nhắc cách mấy dòng trên đây, mà còn về cả cơ cấu kinh tế và xã hội:

“Thời ấy xã hội được quản lý theo lối bao cấp. Khẩu phần tinh thần, khẩu phần vật chất đều được tiêu chuẩn hóa và phân phối. Phim này những ai được xem. Tin này loại lương bao nhiêu, chức vụ gì được biết. Ai được mua mỗi tháng mấy lạng thịt, bao nhiêu muối, nước mắm, mua vào những ngày nào” (sđd. tr.255).

Quả là rạch ròi, kẻ thước, chuẩn mực, hợp cách. Nhưng một khi lễ đời không được tôn trọng và bị bề quặt, thì, mặc cả đường lối xem chùng lý tưởng này, thực tiễn đương nhiên dẫn tới cùng quẩn khôn lường. Đến cả những tình cảm thiêng liêng nhất bấy giờ đòi phen cũng phải nhạt nhoà:

“... ngày ấy thấy bố mẹ ở quê ra chơi cũng đã lo rồi. Lo và cả sợ. (...). Tôi nghĩ không chỉ mình tôi có mối lo này. (...). Tất nhiên là vui nhưng không thể không lo. Bởi vì vợ chồng con cái chen chúc trong một căn buồng rộng trên dưới hai mươi mét vuông. Bởi vì gạo sang kỳ cứ lùi lại mãi. Bởi vì mỡ hết cả tuần rồi. Bởi vì rau mậu dịch ôi dập thật đấy nhưng cũng không đến lượt chúng tôi” (sđd. tr. 256).

Còn đó, cả một thời kỳ gian khổ, cả vật chất lẫn tinh thần.

Dưới những hàng chữ

Qua ngòi bút của Bùi Ngọc Tấn, mọi tình huống dẫu đen tối hay cười ra nước mắt đến đâu, mọi cảnh ngộ dù đau đớn hay tủi nhục đến đâu, thầy đều được miêu

tả, trình bày một cách rất mực hiền lành, trung hậu. Câu văn *cứ như* phẳng lì, nhẫn nại, không lỗi lồm, gồ ghề. Ngôn từ *cứ như* bình dị, không lời cao tiếng thấp, không mát mẻ, chua chát. *Thế như* sự việc thuật lại chỉ là một mớ dữ kiện ngoại tại, không dính líu tới mình. Thế như tác giả chỉ là kẻ đứng ngoài mà nhìn, hờ hững quan sát thế cuộc. Dẫn rằng *mắt đăm lệ trông miên xa cách* (Thế Lữ).

Nhưng đó là lớp vỏ bọc ngoài.

Và trong trường hợp này, chúng ta *chớ nên coi thường bãi nước động*, như ngạn ngữ Pháp đã nhắc: *il faut se méfier de leau qui dort*. Bởi vì phía dưới kia, luôn có muôn vàn sanh vật không ngừng chuyển động. Cũng hệt như vậy, dưới những hàng chữ điềm tĩnh, trầm lặng, là cả một cuộc đời oan trái chưa nguôi, còn đó, uất ức, cuộn cuộn trong huyết quản, dù đã qua lâu rồi biết bao năm tháng.

Chính nhờ thứ bút pháp phẳng lì và bình dị này mà tâm tình sôi sục của Bùi Ngọc Tấn khôn thôi âm ỉ trong lòng tập sách vẫn cứ vang dội vào tai những ai chịu lắng nghe.

Paris 31- 08 - 2004

T. T. Đ.

Một nhà văn của nhiều nhà văn

NGUYỄN CHÍ HOAN

Tôi vừa riết róng với vài người bạn gần gũi có dính vào văn nghiệp, rằng các anh đọc *Viết về bè bạn* của Bùi Ngọc Tấn đi!

Lý do cái yêu cầu đó của tôi đơn giản là, tôi muốn thêm vào một sự thôi thúc đối với họ, sự thôi thúc kể lại đối với một chứng nhân về cái phần sự thật mà họ từng trải nghiệm. Bởi cuốn sách này của nhà văn Bùi Ngọc Tấn,

tập hợp 13 thiên bút ký hồi cố của ông, hết sức độc đáo do đều là những bút ký chân dung những nhà văn và nghệ sĩ bè bạn của ông cùng chân dung Nguyên Hồng, do văn phong giản dị thấu suốt, là một cuốn sách khiến nhớ đến câu thơ của Yevgeny Yevtushenko – “Mỗi số phận mang một phần lịch sử..”.

Đây là một tác phẩm tái bản với những sửa chữa bổ sung và tác giả đã viết rõ ở “Lời đầu sách” ông viết về “những người lận đận, không thành đạt” vì hầu hết bạn của ông là những người như thế và là “những người luôn vượt lên, không đầu hàng số phận”.

Theo truyền thống lãng mạn thì không thành đạt – không đầu hàng là nét đặc trưng của “bộ gene” nghệ sĩ, và nền tảng của nó là một tình yêu độ lượng vô biên đối với con người và đời sống nói chung. Những nét tiêu biểu ấy toát lên từ mỗi dòng chữ của những bài bút ký trong cuốn sách này. Song dẫn Bùi Ngọc Tấn tự nhận cái nhìn lãng mạn trong đôi mắt văn chương của ông ở đây, người đọc vẫn có thể thấy nhân quan hiện thực sáng suốt dường như nổi trội hơn trong văn chương đó; hay nói một cách khác đi, đấy là cái lãng mạn kiểu Victor Hugo.

Văn chương Bùi Ngọc Tấn rất đẹp, theo lối khiêm nhường, và hẳn ông dành sức mạnh của cái nghệ thuật ngôn từ đặc sắc đó cho tính chân thực – một phẩm chất đòi hỏi hầu hết năng lực ngôn ngữ của mỗi nhà văn – để viết cho được điều ông tự yêu cầu chính mình ở đây khi

viết về bè bạn: “Tôi muốn có bóng dáng thời đại chúng tôi đã sống trong những trang sách của tôi..”

Quả thực ông đã làm được điều đó trong những thiên hồi ký mang cốt cách cổ điển phương Đông này. Như tôi thấy thì thường chỉ bằng một vài tình tiết chọn lọc ông đã dựng nên được một câu chuyện cuộc đời cùng bối cảnh thời buổi đã khuôn đúc thành cái định mệnh ấy, với tính lịch sử sáng rõ và sâu xa ý vị.

Trong thiên bút ký cuối sách về Nguyễn Hồng, ông có câu: “Đến bây giờ tôi mới biết có những Tám Bính, Năm Sài Gòn mới đang đòi có nhà văn của mình”.

Với tập sách này, ông đã làm một nhà văn của nhiều nhà văn, đẩy ý thức về mỗi nhà văn là một mảnh đậm đặc của lịch sử.

N.C.H.

Về một thời chưa hẳn “để mất”

NGUYỄN VĨNH NGUYÊN

Đó là thời mà nhà văn luôn phải đối diện với nỗi lo sợ tù đầy bởi những quy chụp chính trị, còn thiếu thốn, cái đói thì ám ảnh sau mỗi trang viết. Ngòi bút nhà văn phải lách qua mọi kìm tỏa, bão giông của thời cuộc để đi đến tận cùng sự thật tâm hồn, để giữ gìn một thú thiên chức nhà văn, mà Bùi Ngọc Tấn gọi là “nghệp chướng”.

Hơn 450 trang hồi ký và chân dung văn học trong *Viết về bè bạn* là tập hợp của hai cuốn *Một thời để mất* (1995) và *Rừng xưa xanh lá* (2002). Đó là những cuộc khảo sát

lại ký ức của một nhà văn đã sống, viết và trải nghiệm qua một thời kỳ hết sức đặc biệt trong đời sống xã hội Việt Nam, một sinh khí văn nghệ đầy ngột ngạt.

Những ai quan tâm đến đời sống văn nghệ thời hậu Nhân văn giai phẩm kéo sang thời bao cấp và đầu đổi mới, có thể nhặt được những mảnh tư liệu quý ở cuốn sách này. Ở đó, nghề văn là một thứ nghề trời dày túng quẫn. Những ai sống chết với văn chương đối diện với sự đói nghèo, phải xoay xở bằng đủ thứ nghề, từ tập tành buôn bán “mánh mung” đến bán máu, từ viết thuê từng bài báo, dịch sách, phim cật lực đến bốc vác, làm rừng... Cơm áo không đùa với khách thơ – thi sĩ Xuân Diệu của Thơ mới từng nói như vậy, và ít ra trong cuốn sách này, chân dung ông thấp thoáng tái hiện như một kẻ cầm bút đã lách được “cửa cơm áo không đùa” để chọn lấy một “tư cách” khác.

Âu cũng là “hoàn cảnh khách quan” của thời đại. Trong số những chuyện máy ông nhà văn bươn chải mưu sinh, có lắm nỗi cay đắng được kể bằng ngôn ngữ thật hài hước, dí dỏm làm cho người đọc thấu cảm cái nghĩa tình, sự hỗn nhiên của các nhân vật. Ở đó, ta thấy một ông Bùi Ngọc Tấn từng lăn lộn qua các nghề, từ kéo xe bò, thợ sắt, phu khuân vác, nhân viên quốc doanh đánh cá, nhưng vẫn giữ được sự tĩnh tại trước trang viết trên căn gác bừa bộn ở thành phố Hải Phòng trong thời buổi nhá nhem, trong sự “tra tấn” miệt mài của những chiếc loa phường; chuyện Mạc Lân chỉ vì công khai tán thành

quan điểm của báo *Nhân Văn* mà bị mất chức ở tòa soạn, từ đó vật lộn với sự thiếu thốn bằng việc chấp nhận viết, bán chữ dưới tên của người khác; chuyện dịch giả Dương Tường đi bán máu chuyên nghiệp để kiếm sống – một thời mà đến những điểm bán máu chỉ toàn gặp trí thức Hà Nội. Và nữa, chuyện Lê Bầu xoay sở giành cái gốc cây trong ngô Phùng Hưng cho thuê sạ vải kiếm tiền mỗi “dịp” cháy chợ Đồng Xuân, không những thế, ông còn là người rất giỏi trong việc tranh thủ lợi chợ trời săn quần áo sỉa vào mỗi dịp đi trại viết.

Những chuyện vật lộn với cái đói, cái nghèo được Bùi Ngọc Tấn ôn lại đầy chi tiết, tỉ mỉ, giọng điệu hài hước, sẻ chia. Vật lộn với cái đói, sự thiếu thốn để tồn tại và cầm bút đã là một thử thách lớn nhưng với các nhà văn, có lẽ quan ngại lớn nhất lại ở chỗ tâm trạng luôn phải đối phó với một thiết chế văn nghệ ấu trĩ, bất thường, thách thức bản lĩnh cầm bút. Những trang văn được nhìn qua lăng kính chính trị, dễ dàng bị quy chụp. Bầu không khí căng thẳng nặng nề đó là nguyên nhân đẩy Nguyễn Bình vào bệnh viện tâm thần, ở đó ông thấy bình yên vì thoát khỏi nỗi ám ảnh bị theo dõi, hãm hại. Vũ Tú Nam bị quy tội “nói xấu con ngan”, ảnh hưởng đến đường lối nghị quyết 6 về phát triển nông nghiệp; còn Võ Huy Tâm bị kết luận “có tư tưởng công đoàn chủ nghĩa”. Sự quy chụp và văn chương bè phái cũng đẩy Nguyễn Hồng từ phụ trách báo Văn phải lui về Yên Thế trong tức tưởi, hay Vũ Bảo bị vùi dập tơi bời... Và, bản thân Bùi Ngọc Tấn, trong bối cảnh

đó, cũng đã trải qua nhiều sóng gió vì trang viết. Những trang văn của ông trở nên đặng đót khi hướng người đọc vào những chiêm nghiệm về tình thân “thời đã mất” sau mỗi lần vào tù ra tội.

Bùi Ngọc Tấn viết: “Không hiểu các nhà văn viết như thế nào, tôi – một kẻ mới tập tọng vào nghề khi viết luôn có ở trước mặt một nhà phê bình, một nhà tuyên huấn và sau này có cả một nhà... công an nữa. Họ nghiêm khắc nhìn tôi” (*Một thời để mất*).

Điều đáng nói, trong bầu không khí ngột ngạt đó, đã thực sự có một cộng đồng người viết thường xuyên giao du, quan tâm chia sẻ nghịch cảnh và sống với nhau theo cách của những “người văn” trong sáng với nghề, với xã hội, tha nhân. Sống có tình nghĩa, có trải nghiệm tận đáy hiện thực, trên hết là ý thức về sứ mệnh xã hội của văn chương, trang viết của họ được chăm chút kỹ, đẹp và trung thực.

“Các bạn có biết vì sao người ta nói dối không? Có hai lý do. Thứ nhất: người ta sợ nói khác mọi người. Thứ hai: người ta mệt quá rồi”. Trong bài tiểu luận *Lại chuyện Nguyễn Hồng một thời đã mất*, Bùi Ngọc Tấn kết bằng một chi tiết thú vị: Ông để cho Nguyễn Hồng nhắc lại đoạn thoại trên trong một vở kịch Ba Lan với giọng đầy hả hê và tự trào.

Thời “để mất” chưa hẳn là đã mất.

Chữ nặng

LÊ MINH HÀ

Người khuôn Rừng xưa xanh lá từ Hải Phòng về Hà Nội cho bạn tôi gửi sang đây (CHLB Đức) là Dương Tường. Ông không biết tôi. Dĩ nhiên. Còn tôi với ông, biết chứ. Chiều se sẽ hương - Vườn se sẽ sương - Đường se sẽ quạnh - Trời se sẽ lạnh - Người se sẽ buồn... Đấy, Dương Tường. Một thoáng rợn tên là heo may - Một hương cây tên là kỷ niệm - Một góc phố tên là hò hẹn - Một nỗi nhớ tên là không tên... Dương Tường. Mea Culpa - Dương Tường. Một cái danh gắn với bao tên sách, gắn với dịch thuật, hội họa, với tôi, trước hết là thơ. Dương Tường thơ.

Không có bạn ông, Bùi Ngọc Tấn, thế hệ chúng tôi không biết thơ ông sống bằng gì. Sự không biết ấy, vô tình, đến một lúc nào đó phải coi là tội lỗi.

Tôi không chuộng giai thoại văn học và rất ác cảm cái lối ăn đong theo đòi nghệ sĩ của một vài cây bút mãi chẳng thể nào nhớ nổi tên. Nhưng *Rừng xưa xanh lá* không phải là giai thoại, *Viết về bè bạn* không phải là giai thoại. Cũng không phải là cuốn sách về chuyện đời chuyện nghệ, chứa ẩn những khái quát phát hiện về tác giả, tác phẩm, thi pháp và Bùi Ngọc Tấn không hề học với kỹ thuật, vật vã với trào lưu. Với một số tác giả, việc đạt được thêm một bước trên tiến trình hiện đại hóa văn chương là toàn bộ ý nghĩa của sáng tác khiến bạn đọc vui mừng. Với Bùi Ngọc Tấn, ý nghĩa của sự trở lại với chữ là nghĩa đời.

Nặng lắm. Bởi vì ông là nghệ sĩ, là người chịu cái kiếp phải bầm chân xuống đáy đời này mà bước. Nặng vì ông là nghệ sĩ Việt Nam.

Trong nghĩa đó, viết với Bùi Ngọc Tấn là chuyện viết lại, sống lại. *Viết về bè bạn* là chuyện sống và viết một thời. Nhem nhốc. Nhọc nhằn. Thì phận viết thuê ở xứ nào, miền khí hậu nào, thể chế nào mà chẳng nhọc nhằn, nhem nhốc. Không thể, khối kẻ sẽ tin là chữ sẽ khô, sẽ rỗng, sẽ lâm tử.

Thì viết, nhưng viết chỉ để được viết, viết chỉ để nhận chút nhuận bút tư nhân còm, làm sinh phần chữ cho

những ai đã quyền, đã tiền, còn muốn cái tên mình để lại được một vết cào trên mặt đất thì đau đớn. Liệu thời ấy trên thế giới này còn có một đất nước nào nữa sinh ra được một thể hệ viết văn chui như nước Việt Nam mình?

Thì viết. Viết để nuôi hơi thở tàn cho mình, cho bố mẹ, cho vợ, cho con, cho bè bạn. Để nhìn nhau mà sống tiếp. Nghệ sĩ nuôi chữ bằng hai lá phổi rỗng hay một cái đầu điên thế giới này khối. Nhưng tôi chưa đọc thấy ở đâu trên thế giới này thời hiện đại chuyện nghệ sĩ bán máu, nghĩa đen. Bằng máu, họ nuôi gia đình, nuôi tình bạn, nuôi thân, nuôi những con chữ, nuôi tiếng cười, phụng dưỡng khao khát về cái Đẹp.

Hôm nay tao uống máu thẳng Tường. Câu đùa xanh rờn của một người bạn của các ông có lẽ làm cho ai đọc tới cũng phải rùng mình. Tôi ứa nước mắt.

Vì khi ấy, chúng tôi bao lần *dẫm chân tại chỗ dậm* tập nghi thức đội ở vườn hoa đối diện quán bia Cổ Tân nơi họ thường ngồi. Bao chiều, nơi ấy chúng tôi hát *ve ve ve hề về vui vui vui hề về*, và những bậc thang của Nhà Hát Lớn ngay bên cạnh gần như là con đường dẫn tới đỉnh cao mơ ước về cái đẹp của nghệ thuật chưa hề có trong ý thức của chúng tôi.

Trong một tập tiểu thuyết, Bùi Ngọc Tấn đã làm tôi bủn rủn vì tập hợp từ “tù ngoại trú” chụp bắt chính xác sắc diện những người chưa trải cảnh tù đầy như ông. Hình ảnh phóng chiếu của nó thật khủng khiếp. Nó trở

lại cùng *Viết về bè bạn*. Phải, bè bạn của ông, dù án cao su như ông hay vẫn lằm lũi đi về với phố với làng những ngày đó rút lại cũng chỉ là tù nhân ngoại trú, của đời sống cơ cực một thời. Cơ cực, giá chỉ vì chiến tranh hay bao cấp! Cơ cực, vì họ là nghệ sĩ. Mà lại ở nước mình. Mà lại ở cái thời ấy.

Một thời tin tưởng

Một thời bay bổng

Một thời hạnh phúc

Và cả một thời nhảm nhí của chúng tôi nữa (trang 303, *Viết về bè bạn*, Nhà xuất bản Hải Phòng, 2003).

Chúng tôi sinh ra, phương trường vào những năm tháng ấy, mà thật ra chẳng biết gì về thời của các ông, nếu không có những cuốn sách như thế này. Tôi biết bóng lá khoảng phố nơi Dương Tường sống, nhưng tôi không biết ông đi về trên đó, vóc dáng cò rù, đảo chính thơ bằng những con âm. Tôi sống ở phố Lò Đúc một thời Hứa Văn Định, nhưng tôi không biết gì về ông ngoài một đôi bài báo độc đáo, và đã tưởng ông là một người viết trẻ độc sáng đôi sớm đôi chiều, không hề biết ông cũng viết lại, sống lại. Các ông cười được rồi về cái thời các ông có thể coi là nhảm nhí. Nhưng với ai ai, bên niếm tự hào vì đã sống chính trong thời ấy, lớn lên và đi qua thời ấy, rồi sẽ phải ngậm ngùi bởi cái thời mình cho là đẹp nhất đó có bao điều đáng xấu hổ. Vì trong đó, nghệ sĩ, lương tâm

của thời đại nông nổi thế vì những đầy ải, vò xéo. Vì đọc họ mà không biết họ cứ mang đỡ mình và những cuộc đời khác đau khổ, khát khao. Vì họ, như lá, như nắng nhỏ, lấm lũi sống, song hành với cái đẹp và làm ra cái đẹp. Chẳng biết để làm gì. Nhưng thiếu thì cuộc đời này không đáng sống. Bùi Ngọc Tấn viết về bè bạn mình. Tất cả là nghệ sĩ. Nhưng đằng sau cuộc đời họ, qua hồi ức của ông, qua lối viết hỗn hậu bình thân của ông, ta thấy một thời, một đời người.

Cảm như tiếng gào của những âm thanh im lặng khi đọc *Viết về bè bạn*. Đọc, không phải vì muốn có những thông tin rọi chiếu thêm vào tác giả và tác phẩm. Đọc, không phải vì tò mò chuyện bếp núc nghệ sĩ. Đọc, không phải để luyện nghề. Đây không phải là một cuốn sách làm ta dám đọc lại ngay vì những mục đích cụ thể xyz. Đọc, để thấy dấu mình tuổi tác rồi, dấu lên bờ xuống ruộng bao phen rồi vẫn còn biết xấu hổ và đau đớn. Đọc, để được kinh ngạc, cảm động, và thán phục, và tin. Vào chữ, vào người.

CHLB Đức

2.2.2005

L. M. H.

Sinh khí của văn chương

KHÁNH PHƯƠNG

“Phải lòng” văn chương

Đã 20 năm kể từ khi Nguyên Bình về Hà Nội, Bùi Ngọc Tấn mới trở lại mái nhà xưa của bạn. Gương mặt ông bình thản nhưng những bước chân hồi cố thì trĩu nặng. Ông chỉ cho chúng tôi xem nơi từng là căn buồng cũ, một gian trong ngôi biệt thự xuống cấp, nay được thay bằng nhà bê tông xám ngắt cửa đóng then cài. Chợ Lương Văn Can eo sèo họp ngay trước nhà như một nét sỗ xóa hết cảnh quan xưa.

Chúng tôi cùng nhà văn ra cảng cá Hạ Long. Dòng sông và bến thuyền đã mang dáng dấp hiện đại với bờ kè trải đá dăm, những mùi dầu ma dút, vị lờ lợ của nước sông sắp hòa vào biển, những con tàu lam lũ, thì vẫn tưởng như cách nay ba mươi năm. Ngày ấy Bùi Ngọc Tấn lăn lộn kiếm sống bằng đủ nghề, đẩy xe, làm miến, cuộn thuốc lá... Sau ông được nhận vào phòng hành chính của Quốc doanh đánh cá Hạ Long, giữ một chân thi đua “cờ đèn, kèn trống”. Ánh mắt ông vụt trở nên tinh nghịch như người đem khoe cái điều lẽ ra cần phải giấu: “Nơi đây chú Tấn đã có thâm niên hai chục năm làm nghề... hời cá!” Đằng sau nụ cười hóm hỉnh, tếu táo là hồi ức về những cực nhọc của một quãng đường vật lộn với cơn áo để trụ lại đời thường, ước vọng văn chương đã trở thành thứ xa xỉ.

Rồi ông đưa chúng tôi về nhà máy xi măng. *Khói nhà máy xi măng tỏa trắng*, nhưng đang có cuộc thiên di lớn lao đời toàn bộ công trình này đi nơi khác. “*Thuở còn làm báo Hải Phòng Kiến thiết, năm nào tôi cũng đón giao thừa với anh em công nhân, rồi chực sẵn ở lò nung, nhà tháo để đón chờ bao xi măng đầu tiên của năm mới*”. Bùi Ngọc Tấn và những bạn văn của ông, thời trai trẻ sáng trong và nhiệt huyết chưa hề lường đến khó khăn của cuộc sống, chưa gợn chút âu lo về cái bất trắc trái ngang của cuộc đời, đã chọn cuộc sống lao động cực nhọc nhưng đượm màu lý tưởng nơi đây, cũng như nơi những đảo đèn bên

bỉ, khắc khổ án ngữ giữa con người và biển cả, để gửi gắm những ước vọng của thế hệ mình.

Căn gác nhỏ gần Ngã Sáu của vợ chồng nhà văn vẫn đậm bạc khiêm nhường và ám áp gợi nhớ thời kỳ đầu những năm 1960, khi nó còn là tổ ấm đi về chung của nhiều nhà văn trẻ, đắm say cuộc đời và nghề nghiệp, những Dương Tường, Lê Bầu, Mạc Lân, Nguyễn Bình... Bùi Ngọc Tấn ngồi, đôi mắt tươi xanh những kỷ niệm. Ông kể về thời mới bén duyên văn chương. Thời ấy một người bạn văn đã làm những câu thơ không hiểu sao còn lung linh mãi trong cảm xúc của nhiều người: *Sóng sông Hồng bỗng xanh màu Đa nuyt / Những con người đất lạ phải lòng nhau*¹.

Thế hệ của họ, bỏ ngõ và sôi nổi, được lớn lên từ cuộc đời mới, thời vận mới của dân tộc, lần đầu tiên gặp gỡ, tìm thấy trong sách vở bốn phương những tinh hoa và niềm khát vọng chân thiện được nuôi dưỡng qua nhiều thời đại, vượt qua những biên giới quốc gia, của con người, cũng đã tự vun đắp cho mình một lý tưởng thật lãng mạn và cao đẹp.

Sau bao nhiêu sóng gió cuộc đời, ông thanh thản nói về nghề văn: “Nếu như phải lựa chọn một lần nữa thì tôi vẫn chọn nghề viết. Súc hấp dẫn khiến tôi phải trung thành với nghề - đây là lĩnh vực mà dù bản chất sang hèn, cao quý hay thấp kém, trung thực hay gian trá, đều bộc lộ

¹ Nghe nhạc Strauss (Tuân Nguyễn)

không thể giấu diếm, khó lòng trá lường”. Ngoài việc là cái đích kiếm tìm gắng sức rất thiêng, nghề văn với Bùi Ngọc Tấn còn là nơi biểu hiện phẩm chất và giá trị con người, giá trị sống. Có thể đối với nhiều người đây là quan niệm tuyệt đối hóa và có phần lỗi thời. Nhưng ngẫm ra, bất cứ nghề nghiệp nào khi đã thoát khỏi cái phần tồn tại thực dụng, thoát khỏi chức năng hàng hóa thông thường, nhất thời, để được công nhận đạt đến trình độ nghệ thuật, đều hàm chứa những giá trị con người.

Hành trình đến... bản thân

Có người nói Bùi Ngọc Tấn viết văn để *tìm lại thời gian đã mất* cho mình và cho bè bạn. Viết để thêm một lần sống lại cuộc sống đã qua, khai lộ một hiện thực ở tầng sâu của tâm tưởng và tri giác, thú hiện thực hai lần hiện thực. Chỉ những con người đứng trước hoàn cảnh bất thường khốc liệt, trước ranh giới sinh tử, bị xô đẩy đến những giới hạn khác thường của cảm thức mới có nhu cầu về lối viết này.

Viết về bè bạn, nhưng chính là Bùi Ngọc Tấn tìm lại những giá trị của thế hệ mình, tìm lại lý tưởng mình hằng nâng niu có lúc tưởng chừng đã bị vùi khuất dưới những bất hạnh, đau khổ. Mỗi nhân vật một vẻ đáng yêu, một triết lý tồn tại, một cái duyên khác nhau trong đời, nhưng tất cả đều đại diện cho phần khát vọng thầm kín của người viết về nghệ thuật, thú nghệ thuật tinh hoa do

được rút lòng nhả kén. Cao hơn nữa là khát vọng khẳng định giá trị bản thân từ điều chân thiện, có ích, có nghĩa cho đồng loại. Có thể Bùi Ngọc Tấn đã quá yêu và bên vực các bạn mình, nhưng chính xác hơn, ông đã viết bằng cái nhìn của người trong cuộc, đem cái tôi của mình mà chứng nghiệm, xoay đi ngẫm lại, làm hiện hình lên phẩm chất của những người chung quanh. Phải tự tin, độ lượng và trung thực đến tận cùng mới dám đem bản thân làm “thuốc thử” và làm của tin đảm bảo cho những nhân cách con người và nghề nghiệp, như ông. Có lẽ vì thế mà văn Bùi Ngọc Tấn viết về bất cứ thân phận nào, hay bất cứ sự vật nào trong tự nhiên. cũng đều như viết về một người thân thích ruột rà, một tri kỷ.

Viết về thời của mình, Bùi Ngọc Tấn đã chọn sự trung thực. Không bắt măn dè bủ hay ngượng ngùng lảng tránh như một số người viết khi nhìn lại “cái thời lãng mạn”, ông chân thành và sòng phẳng ghi nhận cả cái ấu thơ non nớt, những ảo tưởng viển vông, cái một chiều duy ý chí lẫn tình yêu, lòng nhiệt huyết sáng trong và khát vọng đẹp của một thời, như hai mặt của sự thật. Cũng vì luôn khách quan, trung thực mà Bùi Ngọc Tấn không rơi vào “cảm hứng” ôn nghèo kể khổ hay mua vui bằng cách “hạ bệ thần tượng”. Kể lại những chuyện nhếch nhác oái oăm cười ra nước mắt trong đời sống văn nghệ sĩ, ông không dừng dừng lạnh lùng hay tỏ ra bề trên “biết rồi... khổ lắm” mà thân ái cảm thông. Trời phú cho Bùi Ngọc

Tấn chất hóm hỉnh hài hước của người nhanh trí nhanh mắt dám *đem khoe những chuyện đáng ra cần phải giấu* (như ông có lần tả Nguyên Hồng) để vui đùa, cười nhau và tự cười. Đây là cảm hứng lành mạnh, thú sinh khí tươi trẻ của một nền văn chương.

Bùi Ngọc Tấn không phải người ham xê dịch. Trở về Hải Phòng, trung tâm của miền Bắc những năm 1960, nơi cuộc sống mới trong tầm vóc vạm vỡ đang gồng mình để đổi thay từng ngày, ông bám riết cơ sở, vừa để làm báo, vừa để có tư liệu sống và viết. Ông ưa cuộc sống với những ràng buộc đảm thắm cố kết và thâm trầm. Chỉ ưa đi dạo quanh những con phố thân quen ấm áp của Hải Phòng với đôi người bạn thật thân, giữa mùa đông mà thêm cả hương vị buốt lạnh thân thiết của que kem tuổi nhỏ... Bùi Ngọc Tấn trầm tĩnh đôn hậu, luôn hướng đến chất thanh cao, tinh tế, đây vừa là điểm mạnh, vừa là giới hạn tương đối của ông.

Nếu như có một con đường để cho mỗi người tìm đến bản thân, đến đức tin ấu thơ thanh sạch và tình yêu toàn thiện, thì đó chắc hẳn là con đường có rất nhiều nhánh rẽ... Trong số những nhánh rẽ đó không thể thiếu phần đường mà Bùi Ngọc Tấn và những nhà văn cùng thời ông đem đến, họ đang cùng đi với hiện tại bằng cả lý tưởng và khổ đau. Và Bùi Ngọc Tấn vẫn là một người đang viết...

K. P.

Bùi Ngọc Tấn

Một nhân cách

NGUYỄN VĂN THỌ

Tôi xa nhà đã hơn chục năm, đứt đoạn với đời sống văn chương Việt Nam nên không hề biết mặt nhà văn Bùi Ngọc Tấn.

Tháng xuân năm 2002, tôi đi trại viết Đồ Sơn, do Tạp chí *Văn nghệ Quân đội* mở. Tiếng là tham dự nhưng do kẹt thời gian, tôi chỉ dự vài ngày là đến hôm bế mạc. Buổi tối hôm ấy, sau bữa cơm liên hoan, nhà văn Chu Lai, Khuất Quang Thụy và Trung Trung Đĩnh rủ tôi ra bãi biển đi dạo. Chúng tôi hẹn nhau dưới chân cầu thang trong khu

nhà nghỉ của các trại viên. Xuống đó, thấy Trung Trung Đĩnh cứ trò chuyện mãi với một ông già, đậm, thấp, cái áo khoác mầu be đã sờn, trên tay cầm cuốn sách cũ. Họ nói chuyện rất say mê tới hơn nửa tiếng. Lát sau Đĩnh ra, tôi bảo: “Mày nói chuyện gì mà lâu thế với cái lão ấy. Lắm cảm thế, không biết tụi mình đợi bao lâu!”. “Lão nào”. — Đĩnh trợn mắt nhìn tôi — Bùi Ngọc Tấn đấy!

Bùi Ngọc Tấn!

Tôi thắng thốt quay lại thì ông, Bùi Ngọc Tấn, tác giả cuốn sách nổi tiếng *Chuyện kể năm 2000* đã biến mất đâu mất tằm.

Tôi rất ân hận về việc này. Bởi như vậy, tôi đã vô tình coi cái mẽ ngoài là quan trọng, không biết, nói lời quàng xiên, vội vã về một nhà văn đàn anh đáng khâm phục. Sớm sau, tôi mò lên phòng ông. Tại đó, căn phòng trại viết nơi ông nghỉ chỉ hơn chục mét đã chật khách. Cũng hôm ấy, tôi mới biết mặt nhà văn Nam Hà, Anh Ngọc, Lê Thành Nghị... Trong phòng có cả Lê Lựu với nụ cười tươi đỏ môi trầu.

Câu chuyện hôm ấy với Bùi Ngọc Tấn cũng không có gì đặc biệt. Tôi hỏi thăm ông về đời sống, về Hải Phòng, nói về mấy điều chẳng ăn nhập gì với văn chương. Đến với ông, thâm tâm tôi khi ấy như tự tôi muốn thanh thản, như lời cáo lỗi chỉ tôi biết, rằng đã một lần không biết, xúc phạm tới ông khi nói với Trung Trung Đĩnh như trên.

Bùi Ngọc Tấn rõ ràng đã là một ông già. Nhưng đấy chỉ ở trên nét mặt, những nét khắc khổ có lẽ do tuổi tác và dấu vết của những năm tháng lưu đày, kham khổ, mái tóc đã bạc nhưng còn dày, chứng tỏ thể lực ông có khí chất tốt. Ủ, phải chất chứa mãnh liệt ngọn lửa sống chứ, thiếu nó, không dễ mấy ai vượt qua chùng ấy năm để sống, mà lại sống dai dẳng, tiếp tục sáng tạo, làm nên những trang văn đầy tình nhân ái trung thực, điều mà ít người cầm bút hôm nay, nếu cũng trải qua như ông, khó mà giữ được giọng văn bình thản, tự nhiên, giản dị mà giàu sức thuyết phục đến vậy.

Tết năm Mùi. Tôi về Việt Nam. Trong dự kiến thế nào cũng phải tới thăm ông.

Đường xuống Hải Phòng bây giờ thật dễ dàng, thuận lợi. Hơn hai tiếng, tôi đã có mặt ở thành phố Hoa Phượng Đỏ. Nhà ông, Bùi Ngọc Tấn, khuất nẻo trong một hẻm nhỏ đường Điện Biên. Bùi Ngọc Tấn vừa ở nhà con gái ông ngô liên bên trở về, cười rạng rỡ với tôi, tay ôm xiết, như gặp người thân, rồi đi trước, mời tôi lên nhà.

Chiếc cầu thang gỗ tay vịn đen bóng dẫn tới căn phòng nhỏ chùng non 20 mét vuông. Một bộ xa lông đã cũ đệm mút kê ở bên phải, chiếc giường đôi bên trái, cái kệ viết nhỏ cạnh giường, từng ấy đã chật cả gian phòng! Một lát sau, ông gọi điện, nhà văn Đình Kính nhao tới. Bùi Ngọc Tấn lấy từ đâu hai chai bia và mở. Ông nói mấy hôm nay ông ho và mệt.

Chúng tôi nói chuyện về văn chương, về những quan niệm thẩm mỹ. Thì ra ông là người đồng nhất với tôi khi cho rằng văn chương cốt ở sự bình dị, dễ hiểu làm trọng. Chẳng thế mà từ *Chuyện kể năm 2000* cho tới *Rừng xưa xanh lá*, lời kể thường mộc mạc, câu văn chưa bao giờ cầu kỳ làm cho phức tạp sự chuyện, từng ấy đủ làm nên sự chân thành. Các sự kiện, con người, câu thoại cứ tự nhiên như từ đời sống bước vào trang giấy.

Chuyện tới hai tiếng. Đang vui, chúng tôi rủ nhau tới một quán nhậu nằm trong trung tâm thành phố. Chiều người phương xa, ông và nhà văn Đình Kính gọi hai món hải sản. Thêm một đĩa đậu phụ om. Những con sò màu xám, ngọt và đậm mùi biển. Suốt bữa, Bùi Ngọc Tấn chỉ dùng chưa hết một cốc bia. Tôi muốn tiếp, ông bảo, tôi đang mệt, hôm nay vui lắm với Thọ nên mới dám uống thế đấy.

Tôi tin ông, một người dám phanh phui sự hèn kém của mình trên giấy trắng mực đen: Để ông già Đô, bạn đường chết tù chết chợ, chết mất xác, không dám tiếp tục cứu mang vì cuộc sống quá eo hẹp. Ông già Đô chết và Bùi Ngọc Tấn mang sự ân hận đeo đẳng bao nhiêu năm sống, giờ đây nhắc lại người bạn tù thuở ấy với tôi, ông còn nghèn nghẹn, xưa đã dám tái hiện điều ấy trên trang giấy, tất nhiên nay việc gì phải đối trá còn còn ở một lý do của ly bia?

Cái người đang ngồi với tôi đây cười nói rồn rảng thế này, ấy vậy mà từng trang văn của ông, sau những nỗi khốn quẫn vẫn thản nhiên không tỏ ra hậm hực, chì chiết, vu khống, kể cả kẻ đã đang tâm đày đọa ông, ai bảo ông nói xấu ai? Ông lên án cái Ác, đề cao cái Thiện, lòng tin ở điều thiện, người thiện, việc thiện; ở người khác như tôi chẳng hạn, sẽ chết rục, không dám cầm lại ngòi bút, hay có cầm, chắc gì không tuôn ra bao dòng hậm hực, nặng nề kể khổ, kêu oan... và chửi rủa đời bằng vài chiêu ám chỉ. Ông thẳng tuột, trắng đen phân minh, lòng như trúc, ở từng việc, theo dạng xét người từng việc... xét đời từng việc, từng cá nhân cụ thể, chậm chãi từng đoạn, nhấn nhá tái tạo rất sinh động từ người tới thú, từ cái thềm khao khát yêu tới cái chết của một con cá...

Cái con người đang cười cười nói nói kia đã từng *chơi với kiến*, từng nằm vắt tay biết bao đêm không ngủ, nhưng khi bước lại *cõi sống*, điều gì có thể làm ông bình thản nhìn lại tất cả với một sự tha thứ đến cao cả như vậy và dám tự nhận ra cái chân ngã bình thường ở mình, chẳng thềm tô vẽ gì. Cũng con người ấy đấy, cần gì phải *phụng phịu với văn chương*, kể về chuyện bè bạn, hạ một câu tới ghê người: “*Hôm nay tao uống máu thằng Tường*”... Ô chỉ một câu ngắn thế thôi, thế thôi mà làm gai gai người đọc, thấy hết cái kinh hãi của một thời bao cấp. Câu văn của Tấn gieo nặng trĩu một thời đoạn...

Bia có bia vui và bia buồn (chữ của Tô Hoài). Hôm nay là bia vui. Vui nên thêm khách văn tới. Nhà thơ Mai Văn Phấn đây. Ông giới thiệu. Còn đây là bạn X. Mai Văn Phấn thì tôi đã biết. Đã đọc mấy bài thơ của anh ở nhà cổ thi sĩ Bế Kiến Quốc. Còn người kia nữa là khách văn giang hồ. Đây là người mới tới tự nói: “Tớ chả liên quan gì tới văn chương của cánh các cậu”. Giang hồ thực! Khi bước ra cửa gặp đoàn quay phim chụp ảnh, một đám cưới với xe hoa và đám đông. Cậu chụp ảnh đám cưới nhảy bổ tới anh X: “Em kính chào đại ca!”. Quay ra, lại thấy ông Tấn: “Ồi trời ơi, em chào cụ Tấn!”. Đây là đám làm ăn chiêng mặt giữa phố phường. Họ cười nói hả hê lắm, kính trọng và thân mật. Tôi chợt nhớ tới *Bỉ vỏ* của Nguyên Hồng; Hải Phòng với tàu cảng, với thợ thuyền vốn từ xưa tới giờ, đa dạng lắm! Lại nhớ *Papillon người tù khổ sai*, những mảng sống trong đó, thế giới con người có hành lang của cuộc sống xô đẩy, phải lẫn vào đám trần ai, nhưng có người vẫn giữ cốt cách mã thượng; có nghĩa là để người đời khâm phục vì một nghĩa cử nào đó như anh chàng X kia, và anh ấy là bạn của ông Tấn, quý ông Tấn; ông Tấn cũng ân cần ngang bằng với anh X như ân cần gặp thêm món cho tụi văn sĩ đàn em chúng tôi.

Bùi Ngọc Tấn quen biết rộng, trong cuộc sống kiếm ăn bình thường, ông để lại tình thân ái với nhiều người bạn nổi tiếng và không. Việc ấy dù loáng thoáng nhưng ở *Rừng xưa xanh lá* vẫn thấy rõ, ông được bè bạn thương,

quý, kính trọng. Bây giờ hiện thực trước tôi, ông và cái anh bạn X kia, *cái người xiêu xiêu vẹo vẹo* và luôn tỏa hơi men khắp vùng khí quanh anh, đã sau đó tình nguyện đèo tôi. “Em ạ, tội gì tốn mấy ngàn xe ôm. Yên tâm, anh lái rất vững. Cậu là bạn của Tấn thì là bạn của anh”. Tới cửa nhà anh chị tôi, anh X lại nói: “Tấn hay lắm cậu ạ. Nó là thằng bạn tốt”. Ô, lão giang hồ ấy chẳng thèm khen văn Tấn tốt!

Chợt lại nhớ trang văn của ông, *Rừng xưa xanh lá* kể về cuốn sách đang viết dở, đã hứa khi bạn còn sống là tặng sách, đến khi viết xong, bạn mất rồi, chẳng kể đường xá, mang sách lên đốt ở mộ bạn. Việc đời có khi vì trăm ngàn lý do gì đó, chẳng thể giữ lời, cứ lấy đó để bào chữa ở quên, lơ đi, một câu hẹn lỡ dở! Bùi Ngọc Tấn không vậy, dẫu là bạn tận nơi xa, mang sách lên tặng bạn ở bia mộ; đốt! Đoạn kể chậm chậm, nghẹn ngào từng chữ, làm tôi nhớ đến gương mặt, giọng nói con người trần tục X trong bữa bia vui ấy. Lại nhớ đến cha tôi dặn, con ơi trước khi đặt bút viết lời nhân ái, phải tập sống nhân ái, trung thực. Nhân ái và trung thực, viết cũng không khó quá, nhưng sống thì là cả một chuyện, không chỉ một lần, phải dần thân và tranh đấu với chính mình từng giây từng phút! Bây giờ bên tôi kia, Bùi Ngọc Tấn với chân dung trong văn và chân dung đời thường, hai hình ảnh hòa vào nhau, tách ra rồi lại nhập vào.

Sau lần ấy, tôi về nhà, rồi đi xa, thế mà nhiều khi chả hiểu sao gian phòng của ông lại cứ hiện lên. Cái góc ấy, ông chỉ, đây là nơi Già Đô nằm. Nhớ lại, lúc ấy, tôi hình dung căn phòng hôi sùng sục khi trời nồm, hăng thối lúc nắng thiêu bởi mùi bụi đời từ Già Đô thoát ra. Con ông, cái cậu thanh niên giờ đã có vợ con mà tôi nhìn thấy đầu hôm xuống thăm ông, ngày xưa là đứa trẻ quần quýt bên ông Già Đô. Ô, gian phòng bé tẹo năm xưa sáu người chui rúc. Bùi Ngọc Tấn khoe, thành ủy hẹn cho ông một căn hộ nhưng phải viết đơn. Ông chưa viết. Lại nói, so với nhiều người ở thành phố cảng này, gian phòng chỉ còn hai vợ chồng mình ở, rộng rãi, sướng lắm rồi! Sướng lắm rồi! Ông cười tươi quá khuôn mặt nhăn nheo! Ông nói thêm: “Ngôi nhà này mình đã sống nửa thế kỷ, biết bao kỷ niệm...”. Tôi biết hiện tại ông sống với lương hưu còm, ba trăm ngàn gì đấy, nghĩa là không thể đủ với cơ chế thị trường hôm nay. Ông viết báo, viết sách. Một cuốn sách viết bao lâu?... Nhuận bút khoảng vài triệu. Một bài báo hai ngàn chữ, cỡ ông, trả năm trăm ngàn. Một lần đi trại viết, lĩnh vài trăm ngàn, cơm nuôi, với ông là một dịp may, một cơ may cải thiện. Thế mà bỗng dưng có một ngôi nhà, hàng trăm triệu. Tội gì không làm cái đơn. Thế mà Bùi Ngọc Tấn không làm. Ô, thì ra không phải cứ trông thấy tiền là nhắm mắt lại...

Tôi cũng được biết một tổ chức hải ngoại đã gửi tiền cho ông với một điều kiện. Ông từ chối thẳng. Dẫu là số

tiền ấy với ông rất lớn. Nó có thể cho ông thung dung sống, thay vì nhật nhạn, cả chục năm bò ra bàn viết mà nặn từng chữ mà vẫn lúng túng một bữa đi chơi Hà Nội.

Bùi Ngọc Tấn hôm nay đã là lớp nhà văn bảy chục, nhưng ông vẫn lạc quan, ông vẫn còn khỏe, tinh táo lắm, còn nhiều dự định viết, vẫn viết để mong kiếm tiền sống đỡ chật vật, như trăm ngàn nhà văn nhà báo phải kiếm ăn, theo quy luật bình thường, tức là còn vui sống bình thường như trăm ngàn sinh linh ở đời. Nhưng có lẽ với sự nhọc nhằn đây trong *Rừng xưa xanh lá* miêu tả, với ông tiền hẳn quan trọng lắm, nhưng không là tất cả, vì vậy khi kể tới việc ấy, ông không tỏ ý khoe khoang, chỉ hàm ý nói rằng cái nơi kia chả hiểu gì ông cả.

Bây giờ, khi viết nững dòng này, tôi cách ông nửa vòng trái đất. Tính ra, bữa gặp ở nhà ông, Bùi Ngọc Tấn thuộc loại xưa nay hiếm, nhà văn Đình Kính hơn tôi gần chục tuổi, thế hệ kế cận ông, tôi là loại em anh Đình Kính, một thế hệ nữa, nhà thơ Mai Văn Phấn thuộc lứa sau tôi. Về thành phần, thì mấy loại người, ấy là tôi chưa kể, một người bạn ông chỉ đáo qua một lát, anh ta làm doanh nghiệp nhà nước, thích ông văn sĩ nghèo, thỉnh thoảng đến với gói trà. Có vậy! Thế là bè bạn ông, tương đối đủ mặt anh hùng ở một làng nho nhỏ! Lại nhớ bốn cuốn sách ông nhờ tôi mang về tặng bạn bè ở Hà Nội, cuốn nào cũng để chân phương mấy hàng chữ như thư nhắn cho người thân. Tôi cũng có cuốn sách tặng của

ông, dòng chữ rần rỏi, để như cho thằng em phương xa, nó nằm lẫn trong kệ sách cùng ngăn sách tặng, lẫn vào nhiều cuốn sách mà bây giờ dăm người trẻ hay để lờ tợng, theo lối mấy nhà văn hải ngoại, không cần biết sự ấy, anh em nhà văn hải ngoại để cho ai chưa thân lắm; đại để: Bản dành cho X, cho Y. Đây là thời thương du nhập. Du nhập ở ta thường là một, bất kể vừa người hay không, vừa chân hay chẳng?!

Mốt. Bùi Ngọc Tấn bảy chục tuổi là lớp Cổ lai hy, với gần năm chục năm cầm bút. Túc là lớp người hiếm. Hết Chết lại Sống, văn ông vẫn nguyên sơ như thuở thanh tân, trong sáng, minh bạch tới tận sự thật, bộc lộ ông ghét ác yêu thiện. Thế thôi! Ông là Con Người bây giờ hiếm mà tôi trân trọng giống như Phùng Quán, Phùng Cung, Trần Dần v.v... như biết bao nhà văn, nhà thơ dám yêu và sống đúng với con đường đã chọn.

Nước Đức tháng 5-2003

N.V.T.

Hãy góp phần làm nên kỳ ức của dân tộc

Đầu năm 2005 tập *Rừng xưa xanh lá* của nhà văn Bùi Ngọc Tấn được giải thưởng của Hội Nhà văn. Nhân dịp này nhà văn, nhà báo Ngô Thị Kim Cúc đã có cuộc trò chuyện với nhà văn Bùi Ngọc Tấn. Dưới đây là toàn văn cuộc trao đổi đó.

- Anh có bất ngờ khi nhận giải thưởng văn xuôi của Hội Nhà văn Việt Nam?

- Trước khi có tin chính thức được giải thưởng, tôi đã nghe vài nhà văn trong Hội đồng văn xuôi của Hội Nhà

văn báo tin tập *Rừng xưa xanh lá* của tôi được đề cử lên Ban chấp hành tặng giải với số phiếu 100%. Tuy nhiên niềm tin được giải là rất ít. Bởi theo kinh nghiệm của tôi, trong việc trao giải như thế này nhiều khi những yếu tố ngoài văn chương lại đóng vai trò quyết định.

Được nhận giải tôi rất vui. Vui không chỉ vì mình đoạt giải (những giải thưởng là quan trọng, nhưng sự đánh giá của độc giả, sự thử thách của thời gian còn quan trọng hơn nhiều, đó mới là giải thưởng lớn nhất - đã có nhiều tác phẩm được giải rồi ngay lập tức biến mất khỏi đời sống văn học đó sao?). Niềm vui của tôi *chủ yếu* ở chỗ việc trao giải cho tôi thể hiện một cái nhìn cởi mở hơn về nhân thân tác giả, sự công nhận những mảng đời sống khác của hiện thực cần được có mặt trong sáng tác, những sáng tác loại này vẫn rất khó được xuất bản, chỉ những giám đốc nhà xuất bản dũng cảm, có bản lĩnh, có trách nhiệm mới dám duyệt in, và khi may mắn được xuất bản mà không bị thu hồi vẫn gây ngán ngại trong việc đánh giá, và cách tốt nhất là cho rơi vào im lặng. Nó có ý nghĩa bảo đảm, khuyến khích nhiều khuynh hướng tiếp cận và phản ánh đời sống bao giờ cũng là muôn hình muôn vẻ. Không những thế việc trao giải thưởng cho tôi còn nói lên vị trí quan trọng của những người làm xuất bản, bởi lẽ một sáng tác chỉ có thể trở thành tác phẩm khi đến được với người đọc, nếu không chỉ là một văn bản nằm mốc trong ngăn kéo bàn viết của nhà văn. Tôi cảm

ơn Hội Nhà văn đã trao giải cho tôi và tôi cũng cảm ơn các nhà xuất bản Hội Nhà văn, Hà Nội, Thanh Niên, Hải Phòng dù gặp nhiều khó khăn, thậm chí nhiều áp lực đã xuất bản các sáng tác của tôi.

- Anh định gửi gắm gì cho người đọc khi viết *Rừng xưa xanh lá*? Anh có ý định tiếp tục viết những quyển sách thể loại này không?

- Viết *Rừng xưa xanh lá*, tôi nhớ đến tuổi trẻ của tôi, của bạn bè tôi, một lớp thanh niên mới tuyệt vời làm sao! khó mà có lại, một lớp người có thể làm nên tất cả. Lớp người ấy giờ đây đã bước vào tuổi cổ lai hy và đã “bắt đầu kết thúc kiếp phù sinh của mình, sắp đi qua hành tinh này mà không để lại một vết xước nào” như tôi đã viết trong *Rừng xưa xanh lá*. Tôi cố lưu giữ hình ảnh họ trên trang giấy, không để họ biến mất với thời gian, và cũng qua đây, lưu giữ được vài bóng hình quá khứ. Khi viết, tôi sống lại cái thời chúng tôi đã sống, thời chúng tôi còn trẻ, nồng nhiệt, tin yêu, khờ dại; với hạnh phúc, bất hạnh, sung sướng, khổ đau, dù thất bại, đắng cay nhưng không chịu đầu hàng. Và tôi tin rằng nếu được sống một kiếp nữa, họ vẫn sống như vậy mà không chọn một cách sống khác. Họ không khôn ra đâu. Không tỉnh ra đâu. Còn định nói gì với bạn đọc ư? Khi viết *Rừng xưa xanh lá* tôi chỉ muốn kể chuyện bạn mình, những người lận đận, những người thất bại thôi. Nhưng ngẫm nghĩ về câu chị hỏi, tôi thấy có lẽ qua những trang viết, bạn đọc có

thể thấy cái giá của nghệ thuật là đắt. Rất đắt. Ai cũng phải trả bằng cả cuộc đời mình. Trả giá bằng cả cuộc đời nhưng nhiều khi chẳng đạt được cái mình mong ước. Tôi cũng hy vọng những thế hệ sau sẽ đọc để biết rằng có một thế hệ đã sống như thế đấy.

Hiện nay tôi chưa biết có viết tiếp những quyển sách loại này không? Bởi tôi còn đang đánh vật với một quyển tiểu thuyết.

- Anh có đọc những tập hồi ký hoặc chân dung văn học của những nhà văn khác? Anh tìm thấy gì trong đó? Theo anh thể loại này có những ưu điểm và nhược điểm nào?

- Tôi có đọc vài quyển viết về loại này. Mỗi tác giả một phong cách, mỗi quyển một mục đích, lại có những quyển nặng về giai thoại. Nói chung là những điều sang trọng của nhà văn, của văn chương. Và tôi rút ra được những điều bổ ích. Điều bổ ích lớn nhất là: Người ta toàn viết về những người thành đạt, nổi tiếng, những ngôi sao tỏa sáng, những điều cao cả của nghệ thuật. Từ ấy nảy sinh trong tôi ý muốn bổ sung đầy đủ cho bức tranh chân dung nghệ sĩ là viết về một mặt khác. Về cái nhếch nhác, lam lũ khổ cực trần ai, thậm chí những nguy hiểm và cả những tai nạn nghề nghiệp của những người làm nghề nhất là những người không thành đạt. Không phải những cây cao bóng cả mà những cây dại ven đường.

Hồi ký là một thể loại rất dễ thuyết phục nếu được viết ra với một ngòi bút trung thực. Cần nhất là trung

thực không né tránh, không tự tô vẽ mình và bịa đặt. Hồi ký đặc biệt cần thiết trong xã hội nhiều biến động chúng ta đang sống. Đó là một thứ lịch sử được viết bằng văn chương. Nói đến đây tôi lại nhớ mấy câu thơ của Thi Hoàng: *Tư Mã Thiên bị thiến / Thành Sử Ký cao dày / Giờ muốn ông tái hiện / Chọn ai mà thiến đây*. Vàng. Viết hồi ký cần nhất là đừng sợ “bị thiến”.

- *Giải thưởng này trong suy nghĩ của anh có nhằm “động viên” một nhà văn đã trải qua nhiều thử thách trong nghề cầm bút?*

- Điều này phải hỏi ban giám khảo. Có một thực tế: Từ trước tới nay ngoài gia đình tôi, bạn bè tôi và bạn đọc xa gần, chẳng ai động viên tôi sống, động viên tôi làm việc.

- *Những đồng nghiệp của anh vẫn cho rằng nhà văn Bùi Ngọc Tấn hơi bị hiền. Anh nghĩ gì về cách nhìn nhận đó?*

- Biết làm sao! Rằng quen mất nét đi rồi. Khó cải tạo lắm. Hiền là bản chất của tôi. Trong cuộc đời cũng vậy. Đã có những người vu cáo tôi. Thậm chí có người còn gây sự với tôi (những người này đều là các nhà văn). Với những người như vậy tôi tránh xa, không giao tiếp, không đối thoại. Thế thôi. Tôi rất sợ những cuộc cãi vã, những cuộc đòi co. Còn trong sáng tác nhiều người lại bảo tôi dữ đấy. Tôi nhớ trong một lần đi dự trại sáng tác do Hội Nhà văn tổ chức ở Đại Lải vào dịp có mấy ngày nghỉ lễ 30 tháng 4, mồng 1 tháng 5. Dân Hà Nội lên Đại Lải đông. Trong một bữa ăn ở nhà ăn, một cô gái Hà Nội

biết có các nhà văn ăn cơm cùng, đứng lên hỏi: “Cháu hỏi có chú nào là nhà văn Bùi Ngọc Tấn không ạ?”

Tôi hơi hoảng. Không biết mình bị vướng vào chuyện gì đây. Cũng cứ phải đứng lên mà nhận rằng mình là Bùi Ngọc Tấn thôi. Trốn làm sao được. Cô gái nhìn tôi chăm chú rồi hỏi: “Sao trông chú hiền thế mà viết dữ thế?”

Tôi hiểu *viết dữ* cô nói ở đây là tôi đã đẩy nhân vật tới kịch tường, không né tránh. Đó là quan niệm của tôi. Thái độ viết của tôi. Hãy để nhân vật đi đến tận cùng của số phận. Nhưng tôi không lên án *với giọng cay độc* bất kỳ một ai dù người đó làm khổ chính tôi. Tôi nghĩ họ chỉ là sản phẩm của một hoàn cảnh, một cơ chế. Họ chỉ là một quân cờ trong bàn cờ xã hội. Điều phải quyết liệt, quyết liệt đến cùng là tìm ra cái nguyên nhân, cái gốc gác đã nảy sinh cái ác. Không phải chỉ chăm chú mổ xẻ hiện tượng mà phải tìm ra bản chất của hiện tượng. Đừng hót váng. Quan niệm đó quán xuyên trong mọi sáng tác của tôi.

- Cho đến nay, anh hài lòng ở mức nào với những gì mình đã viết, đã in?

- Tôi hài lòng với mức độ này thôi: Những gì phải làm, mình đã làm với tất cả trách nhiệm. Không lười biếng và không gian dối.

- Chuyển sang châu Âu năm rồi (2004) có mang lại cho anh điều gì đó, trong cái nhìn chung và trong việc sáng tác? Cái gì đọng lại rõ nhất trong anh?

- Rất nhiều ấn tượng. Gần như bị choáng. Điều còn đọng rõ nhất trong tôi là ấn tượng về con người được giải phóng.

- Tác phẩm ưng ý nhất của anh đã được ra đời chưa? Nếu chỉ được giữ lại một vài tác phẩm đã có của mình, anh chọn cái nào?

- Tác phẩm ưng ý nhất của tôi đã ra đời. Đó là quyển tiểu thuyết *Chuyện kể năm 2000*. Kể ra có thể trả lời không hơn là: tác phẩm ưng ý nhất của tôi còn chưa được viết ra như nhiều nhà văn thường nói. Nhưng tôi không muốn thế. Tôi biết mình có lẽ sẽ khó làm được một cái gì hơn *Chuyện kể năm 2000*. Sau đó tôi có thể chọn tập hồi ký *Một thời để mất*. Và mấy cái truyện ngắn.

- Điều gì đã khiến anh cầm bút trở lại sau khoảng thời gian dài rất im lặng? Ai là người đóng góp vào quyết định này?

- Thực sự là trong thời gian dài rất im lặng đó, con người nhà văn mà tôi tưởng đã chết vẫn sống trong tôi. Cái quan năng của nhà văn vẫn tồn tại một cách không tự giác. Tôi vẫn quan sát, vẫn suy nghĩ, vẫn nghiền ngẫm. Và nói thật với chị tôi đã ba lần viết chui. Hai cái bút ký (*Gương mặt người đánh cá*, *Kỷ niệm về biển kỷ niệm về người*) đội tên Nguyễn Bình, người bạn tuyệt vời của tôi. Rồi cả một quyển truyện vừa trên trăm trang mang tên *Thuyền trưởng ký Châu Hà*. Tất cả đều do Nhà xuất bản

Lao Động in vào cuối những năm 70 thế kỷ trước. Đạo ấy đói quá, viết kiếm ăn thôi.

Đến năm 1990, với sự xui giục của nhà văn Nguyễn Quang Thân khi đó là phó tổng biên tập tạp chí *Cửa Biển* (Hải Phòng), tôi đã cầm bút viết lại. Thực ra lời xui của anh Thân chỉ là giọt nước làm tràn cốc nước nhưng tôi rất cảm ơn anh. Cái giọt nước tràn ly Nguyễn Quang Thân ấy đến vào lúc tôi mới 56 tuổi, sức khỏe còn chưa đến nỗi. Trong “tặng 2 viết lách” này tôi chỉ viết những gì mình thấy là phải viết, không viết không được, viết không nghĩ đến in ấn, viết không vì danh cũng chẳng vì tiền dù có túng đói đến đâu. Viết vì cần phải viết. Không thể để những điều mình đã trải qua, đã chứng kiến theo mình xuống mộ. Các thế hệ sau phải biết thế hệ mình đã sống như thế nào. Phải góp phần vào việc làm nên ký ức của dân tộc. Đó là trách nhiệm. Trong 15 năm viết lại (1990-2005) tôi đã nghĩ như vậy.

- Anh có tin rằng văn học góp phần vào việc thay đổi cuộc sống? Anh có tin rằng nếu nhà văn có tài và có tâm, người đó sẽ viết được những tác phẩm xứng đáng?

Nhà văn vốn yếu ớt. Anh ta chẳng có phương tiện gì ngoài thếp giấy, cây bút, cái máy chữ hay hiện đại hơn, cái máy vi tính. Ngồi cô đơn, anh ta viết. Những điều anh ta viết ra là những dòng chữ im lặng và chỉ đến khi những trang viết ấy được in (dù trên giấy hay trên mạng) nó mới trở thành một tiếng thở dài, một lời ngợi ca hay một

tiếng hét kêu đau đớn, nghĩa là mới thành tác phẩm, tác phẩm ấy mạnh hơn người viết ra nó. Nó đến với bạn đọc, với công chúng, và nếu là một tác phẩm hay, nó làm cho những người đọc nó sống tốt hơn, yêu quý cuộc đời hơn, thương yêu con người hơn. Một người bạn nói với tôi là khi đọc *Anna Karenina* của Lev Tolstoi, *Alexis Zorba* của Nikos Kazantzaki, anh đã thay đổi cả nhận thức. Nếu xét ở khía cạnh đó quả là văn học đã góp phần vào việc thay đổi cuộc sống.

Làm thế nào để có những tác phẩm như vậy. Có tài, có tâm chưa đủ. Còn phải hiểu biết sâu sắc cuộc sống, thở hơi thở của thời đại, nói tiếng nói của nhân dân. Phải có lòng dũng cảm, với một sự tự do nội tâm tuyệt đối và một lòng tin vững chắc rằng mình là người yêu nước để vững tâm với những gì mình viết ra. Nghĩa là phải có một nội lực. Riêng với tôi, văn học là của những người dưới đáy, những người cam chịu lịch sử.

- Trong điều kiện hiện nay, liệu có thể xuất hiện những nhà văn và những tác phẩm đáng được chờ đợi?

- Tôi vẫn đang chờ đợi và hy vọng. Đặc biệt hy vọng ở nội lực của các nhà văn.

- Khó khăn nào đáng kể nhất trong đời sống của anh hiện nay? Trong việc sáng tác của anh?

- Khó khăn lớn nhất trong đời sống của tôi là kinh tế. Lương hưu của tôi quá thấp: 160 nghìn. Sau bao lần được tăng để theo kịp giá cả, hiện nay (1995) là hơn 400 nghìn

đồng! Khi làm lương hưu cho tôi, người ta đã khấu trừ tất cả những năm tháng trước đây của tôi và chỉ tính 20 năm đi làm trở lại, mặc dầu Sở Công an Hải Phòng đã xác nhận bắt tôi tù 5 năm vì tôi “có quan điểm tư tưởng sai”, nghĩa là tôi không có tội vì rõ ràng chẳng ai có thể biết được người nọ người kia *nghĩ* gì. Tôi đã làm đơn kêu. Ai cũng thông cảm, cũng thấy bất hợp lý, phải điều chỉnh lương cho tôi nhưng không người nào, không cơ quan nào chịu trách nhiệm đứng ra giải quyết. Còn khó khăn lớn nhất trong việc sáng tác của tôi là sức khỏe. Đã ngoài 70 tuổi rồi lại trải qua bao thăng trầm. Ngồi gõ bàn phím một ngày được vài ba tiếng đồng hồ là cảm thấy mình đã cố gắng quá nhiều.

- *Nhà văn hiện đại nào được anh yêu thích nhất. Và người đồng nghiệp nào được anh yêu quý nhất? Vì lẽ gì?*

- Nhà văn hiện đại ấy là Gabriel Garcia Marquez. Người đồng nghiệp ấy là Bảo Ninh. Vì G.G.Marquez đã viết được những quyển tiểu thuyết tuyệt vời. Vì Bảo Ninh đã viết được một quyển tiểu thuyết ra tiểu thuyết. Một quyển tiểu thuyết làm vinh dự cho văn chương Việt Nam.

- *Theo anh, những gì thực sự cần thiết cho một nhà văn, kể cả trong chủ quan và khách quan?*

- Phần chủ quan nhà văn tôi đã nói rồi. Còn khách quan ư? Tôi sẽ chỉ nói một điều thôi. Điều chính yếu nhất, cần thiết nhất hiện nay. Điều các nhà văn khi chuyện trò

vẫn to nhỏ cùng nhau và khao khát. Đó là Tự Do. Tự do trong suy nghĩ, trong tiếp cận và thể hiện cuộc sống. Tự do in ấn. Tự do là liều thuốc bổ tiêm vào cơ thể suy dinh dưỡng của văn học Việt Nam, là nhát cuốc khơi thông dòng chảy của văn học Việt Nam. Và tất nhiên cùng với tự do sáng tác là thực thi pháp luật. Sẽ nói chuyện với những nhà văn, những giám đốc nhà xuất bản, những tác phẩm vi phạm luật pháp bằng luật pháp.

- Anh chờ đợi gì ở các nhà văn trẻ? Anh sẽ gửi gắm điều gì gan ruột nào cho họ?

- Thú thật là tôi không tin lắm ở thế hệ các nhà văn trẻ ngay sau lớp chúng tôi. Có những người có tài nhưng họ cũng như chúng tôi: Những kẻ lót đường. Đó là những học phí phải trả. Là thời gian cần thiết cho một cuộc chuyển mình. Có lẽ phải đến thế hệ sau nữa. Họ sẽ làm được những việc hôm nay chúng ta ao ước. Điều gan ruột nhất tôi muốn nói cùng họ: Văn chương là chuyện của cả đời. Hãy biết tích lũy. Và biết chấp nhận thất bại.

- Cám ơn anh.

Ngô Thị Kim Cúc thực hiện

Mục lục

Lời đầu sách	5
PHẦN THỨ NHẤT: RỪNG XƯA XANH LÁ	9
• Tôi là bạn của ông Dương Tường	11
• Thời gian gấp ruồi	42
• Lê Bầu Người hiểu giá trị của thời gian	77
• Vũ Bảo Một tiếng cười - một dòng cười	104
• Một mơ ước về kiếp sau	133
• Quyển sách tặng Định	159
• Nguyên Bình với Cô gái mồ côi và hòn đảo	185
• Một ông già sống cho đến khi chết	216
• Cuộc phiêu lưu màu trắng	246
• Thời trai trẻ đã qua	271
PHẦN THỨ HAI: MỘT THỜI ĐỂ MẤT	303

PHỤ LỤC 1

- Lại chuyện Nguyễn Hồng - Một thời đã mất 511
- Nguyễn Hồng ở Paris 530

PHỤ LỤC 2

- Đăng sau những bức thư 547

Lời tác giả 561

PHẦN ĐỌC THÊM

- Viết về bạn bè
Thấy chân dung tác giả 564
- Một kiếp bên trời 572
- Bùi Ngọc Tấn
Kể chuyện bạn bè 579
- Một nhà văn của nhiều nhà văn 590
- Về một thời chưa hẳn “đế mất” 593
- Chữ nặng 597
- Sinh khí của văn chương 602
- Bùi Ngọc Tấn
Một nhân cách 608
- Hãy góp phần làm nên ký ức của dân tộc 618

VIẾT VỀ BÈ BẠN

BÙI NGỌC TẤN

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc - Tổng biên tập NGUYỄN MINH NHỰT

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó Giám đốc - Phó Tổng biên tập NGUYỄN THẾ TRUẬT

Biên tập: NGUYỄN QUANG KHẢI

Bìa: NGUYỄN LÊ DUY

Sửa bản in: ĐỊCH LUÂN

Trình bày: VŨ THỊ PHƯƠNG

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Địa chỉ: 161B Lý Chính Thắng, Phường 7,

Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 39316289 - 39316211 - 39317849 - 38465596

Fax: (08) 38437450

E-mail: hophubandoc@nxbtre.com.vn

Website: www.nxbtre.com.vn

CHI NHÁNH NHÀ XUẤT BẢN TRẺ TẠI HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 21, dãy A11, khu Đầm Trấu, Phường Bạch Đằng,

Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (04) 37734544

Fax: (04) 35123395

E-mail: chinhanh@nxbtre.com.vn

CÔNG TY TNHH SÁCH ĐIỆN TỬ TRẺ (YBOOK)

161B Lý Chính Thắng, P.7, Q.3, Tp. HCM

ĐT: 08 35261001 – Fax: 08 38437450

Email: info@ybook.vn

Website: www.ybook.vn

Dương Tường



Lê Đạt



Lê Đại Thanh



Viết về bè bạn là tập hợp hai cuốn hồi ký *Rừng xưa xanh lá* và *Một thời đã mất* của nhà văn Bùi Ngọc Tấn. Mỗi câu chuyện trong *Viết về bè bạn* là một mảnh ghép tạo nên bức tranh chân thực đến từng millimet của đời sống nghệ thuật một thời đã mất, thời bao cấp, thời goulag đã qua. Đọc *Viết về bè bạn*, ta biết thêm một Dương Tường bán máu đằng sau một Dương Tường dịch giả; những câu chuyện đằng sau dịch phẩm *Tế tướng lưu gì*, những bài thơ *Câu xi măng*, *Chợ Cầu Rào*, *Nói chuyện với mèo*, *Kiếp sau*; chuyện của “người sống và chết vì nghệ thuật như người tử vì đạo” Lê Đại Thanh; chuyện của “người điên” Nguyễn Bình; hay phiêu lưu cùng màu trắng với Nguyễn Thanh Bình; và chuyện của “nhà văn của những người dưới đáy” – Nguyễn Hồng.

Với gần 600 trang sách, Bùi Ngọc Tấn đã đạo diễn một bộ phim tư liệu về những mặt ít được nói tới của văn chương nghệ thuật, về cả những con người thành danh lẫn những tiếng nói bị vùi dập. Ông viết về những khó khăn gian khổ, những long đong lận đận; ông viết về, và viết cho những con người viết để sống, sống để mà viết. Văn phong giản dị, chân thực, cách kể cuốn hút, chặt lọc, giàu tính triết luận mà cực kỳ hài hước, *Viết về bè bạn* là cuốn *nghệ thuật sử* có giá trị; một cuốn sách giúp ta hiểu hơn về quá khứ và cũng để lạc quan hơn về tương lai, *để vui sống, sống chứ không phải tồn tại*, để tin tưởng “*thế hệ sau sẽ làm được những điều chúng ta ao ước.*”

Mặc Lân



Nguyễn Hồng

Vũ Bão



facebook.com/
nhaxuatban.tre

nxbtre.com.vn